

Văn Học Việt Nam
Văn Học Việt Nam.
Cận và Hiện đại

Tập I

HUỶNH ÁI TÔNG



Mục Lục	3
Lời tựa	5
Chương thứ nhất: Khái quát VHVN sau 30-4-1975	9
Chương thứ hai: Những nhà văn giao thời	20
1. Đặng Thanh (1916-1998)	21
2. Bùi Hiền (1919-2008)	26
3. Tô Hoài (1920-20)	45
4. Trần Bạch Đằng (1926-2007)	56
5. Nguyễn Trọng Oánh (1929-1993)	65
6. Nguyễn Minh Châu (1930-1988)	72
7. Hồ Phương (1931-20)	120
8. Nguyễn Ngọc (1932-20)	142
9. Nguyễn Quang Sáng (1932-2014)	158
10. Ma Văn Kháng (1936-20)	181
11. Lê Lựu (1942-20)	207
12. Trần Đăng Khoa (1958-20)	218
Chương thứ ba: Nhà văn miền Nam tiếp tục sáng tác ..	230
1. Sơn Nam (1926-2008)	231
2. Vũ Hạnh (1926-20)	245
3. Huỳnh Bá Thành (1942-1993)	276

Chương thứ tư: Từ công cuộc Đổi mới của nhà nước..	283
Tiết một: Những nhà văn miền Nam được in tác phẩm.	284
1. Vương Hồng Sển (1902-1996)	285
2. Nguyễn Hiến Lê (1912-1984)	295
3. Dương Nghiễm Mậu (1936-20)	310
4. Cung Tích Biền (1937-20)	329
5. Họa sĩ Chóe (1943-2003)	346
6. Mùng Mán (1947-20)	357
7. Ngô Thị Kim Cúc (1951-20)	382
8. Nguyễn Thị Minh Ngọc (1953-20)	398
9. Bs. Đỗ Hồng Ngọc (1940-20)	411
Tiết hai: Nhóm Nhân văn Giai phẩm được in tác phẩm	418
1. Hoàng Cầm (1920-2010)	419
2. Đặng Đình Hưng (1924-1995)	444
3. Trần Dần (1926-1997)	452
4. Lê Đạt (1929-2008)	475
5. Phùng Quán (1932-1995)	484
Chương thứ năm: Nhà văn dẫn thân cho tự do, dân chủ.	498
1. Nguyễn Chí Thiện (1927-2012)	500
2. Nguyễn Hộ (1916-2009)	522
3. Trần Độ (1923-2003)	546
4. Dương Thu Hương (1947-20)	560
5. Bùi Tín (1927-20)	578
6. Vũ Thư Hiên (1933-20)	586
7. Bùi Ngọc Tấn (1934-20)	599
8. Nguyễn Khải (1930-2008)	607
9. Đào Hiếu (1946-20)	649
10. Tô Hải (1927-20)	666
11. Bùi Minh Quốc (1940-20)	694
12. Tiêu Dao Bảo Cự (1945-20)	711
13. Trần Khải Thanh Thủy (1958-20)	726



Tựa

Biến cố 30 tháng 4 năm 1975, là một bước ngoặt lịch sử, cả nước khoát lên mình một bộ mặt mới từ chính thể, văn hóa, giáo dục, xã hội ...

Riêng về địa hạt văn chương, đã để lại dấu ấn tư tưởng, nỗi vui, niềm khát vọng, đời sống xã hội Nam Bắc chênh lệch được san bằng, từ nghèo khó ăn no, mặc ấm chung cả nước. Qua vài thập kỷ, tiến lên ăn ngon mặc đẹp của của một số người giàu có, bên cạnh một số người nghèo khó, gây ra cảnh bất công, tạo ra xã hội bất an..

Gần bốn thập kỷ trôi qua, có dịp nhìn lại để chúng ta thấy nền văn học Việt Nam, là một dòng chảy trên bề mặt cũng như dòng ngầm của nó.

Nhà văn, tác giả của những tác phẩm văn chương, họ phải suy tư nhiều, để xây dựng nên tác phẩm của mình, tác phẩm văn chương dù là có hư cấu, nhưng trước nhất chất liệu xây dựng nên phải có thật, từ cái thật người ta mới hư cấu thành nhân vật, cốt truyện khác.

Chính trong suy tư đó, nhà văn đã ngộ được con đường mình phải đi tới, tùy theo bút pháp của mỗi nhà văn, tác phẩm của họ chuyên chở tới độc giả, độc giả sẽ tái tạo lại, có thể đúng như tác giả trình bày, có thể khác nhiều hay ít tùy theo nhận thức của độc giả.

Dưới chế độ Cộng sản, Đảng lãnh đạo mọi mặt, cho nên mọi hoạt động từ chánh trị, kinh tế, văn hóa, xã hội đều đặt dưới sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản. Do vậy, từ những năm 1956, sau khi hy sinh xương máu của hàng triệu đồng bào, giành được Độc lập cho phần nửa đất nước. Trên đất Bắc có Phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm, những văn nghệ sĩ đòi hỏi phải có tự do sáng tác, hậu quả thảm hại cả cuộc đời cho các nhà văn, nhà thơ tên tuổi đã tham gia phong trào này.

Mười năm sau, “Vụ án Xét lại chống Đảng” năm 1967, là vụ án chính trị, gây oan sai cho nhiều người. Do vậy, nó là động lực thúc đẩy nhà văn sáng tác, góp phần tạo nên một dòng văn chương phản kháng.

Khi đã nói đến dòng văn chương phản kháng thì văn học Việt Nam cũng còn những dòng văn chương khác, chẳng hạn như những nhà văn chính thống với “chủ nghĩa hiện

thực xã hội chủ nghĩa”, đa số họ là những chiến sĩ, trưởng thành qua các tạp chí quân đội.

Không thể không đề cập tới những nhà văn di tản ra nước ngoài, họ tiếp tục sáng tác trang trải những tâm tư, tình cảm của những người tha hương.

Cũng không thể không đề cập tới sự tiến bộ của khoa học, đã đem lại phương tiện truyền thông internet, nhờ có internet các thông tin được lan truyền nhanh chóng, phổ cập từ trẻ con cho đến người già, từ nơi phồn hoa đô hội cho đến chốn thôn quê khắp thế giới.

Người xưa ghi lại những sự kiện để lưu truyền trên đá, trên đồng, sau đó trên da, trên lá rồi trên giấy, ngày nay được ghi chép trên internet.

Nhờ có internet, báo điện tử đã thay thế báo giấy. Từ đó có nhiều nhà văn nhà thơ phổ biến những tác phẩm của mình trên internet và trên hết, mọi người đều có thể bày tỏ tư tưởng, diễn tả cảm xúc, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin của mình trên internet.

Nhờ có internet, đã có nhiều nhà văn nhà thơ hơn, dĩ nhiên trong số đó, chỉ có một số nhà văn, nhà thơ lớn, tác phẩm của họ được nhiều người đón nhận, lưu truyền.

Một số tác giả chúng tôi đã trình bày trong những tập sách Văn học khác, nhưng trong tập này, chúng tôi trình bày khác hơn, tài liệu phong phú hơn, mong cung cấp cho độc giả được đầy đủ, mới lạ hơn.

Chúng tôi cố gắng sưu tầm, để trình bày cho độc giả những tác giả tiêu biểu, do tác phẩm của họ có ảnh hưởng, tác

HUỶNH ÁI TÔNG

động đến những tác giả khác và trên hết có thể làm thay đổi cục diện chánh trị và bộ mặt xã hội đương thời.

Đương nhiên, chúng tôi sẽ không tránh khỏi thiếu sót, và dù cố gắng cũng không thể tránh khỏi chủ quan, thiên kiến. Mong được độc giả thông cảm và lượng thứ cho.

Kính ghi,

Soạn giả





Chương thứ nhất

Khái quát về Văn Học Việt Nam sau 30-4-1975



Hiệp định Paris được ký kết ngày 27 tháng 1 năm 1973 tại thủ đô Paris của nước Pháp, gồm có bốn bên: Hoa Kỳ, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Việt Nam Cộng Hòa, Chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.



Hoa Kỳ



Việt Nam Dân chủ Cộng hoà



Việt Nam Cộng hoà



Cộng hoà Miền Nam Việt Nam

Sau đó, Cộng quân bắt đầu đánh tỉnh Phước Long từ ngày 13-12-1974 cho đến ngày 7-1-1975 hoàn toàn chiếm tỉnh này, từ đó đánh chiếm Banmêthuôt ngày 10-3-1975, Kontum, Pleiku, Huế, Đà Nẵng...

HUỶNH ÁI TÔNG

Vào lúc 5 giờ chiều ngày 28-4-1975, Tướng Dương Văn Minh nhận bàn giao từ Tổng Thống Trần Văn Hương, trong một buổi lễ tại phòng Khánh Tiết, Dinh Độc Lập. Ông trở thành Tổng Thống thứ ba và sau cùng của nền Đế nhị Cộng hòa.



Ông nhận vai trò Tổng Thống để thương thuyết với phía Cộng sản, nhưng ông và những phe phái khác đều không đạt được sở nguyện, nên vào lúc 10 giờ 15 sáng, ngày 30 tháng 4 năm 1975, Tổng Thống Dương Văn Minh phát lệnh ngưng chiến, trên đài truyền thanh, để giao toàn miền Nam cho Cộng quân.



Tổng Thống Dương Văn Minh và Nội các Vũ Văn Mẫu vào ngày 30-4-1975

Vài giờ sau, Cộng quân tiến vào Dinh Độc lập, Phạm Xuân Thệ, Trung đoàn phó Trung đoàn 66, Sư đoàn 304, thuộc Quân đoàn 2 vào Dinh Độc Lập, bắt Tổng Thống Dương Văn Minh phải đến Đài Phát Thanh Sài Gòn đọc lời tuyên bố đầu hàng do Bùi Văn Tùng, chính ủy lữ đoàn xe tăng 203 và Phạm Xuân Thệ soạn thảo.



Trung đoàn phó Phạm Xuân Thệ dẫn giải Tổng Thống Dương Văn Minh ra đài phát thanh Sài Gòn

Tổng thống Dương Văn Minh đọc nguyên văn : “Tôi, Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi quân lực Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố, chính quyền Sài Gòn từ Trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam”.

Lập tức, ngay sau khi làm chủ miền Nam, theo chủ trương của đảng Cộng sản triệt để xóa bỏ nền văn chương học thuật miền Nam, đã phát động một chiến dịch rầm rộ trong thanh niên học sinh: “Bài Trừ Văn hóa Đồi Trụy Phán

Động”, trước tiên đóng cửa tất cả các nhật báo, tuần báo, tạp chí, rồi tịch thu, thiêu hủy các tác phẩm văn chương đã có từ trước cho đến 30-4-1975, ở tư gia, các nhà sách, nhà xuất bản, thư viện, bất kể nội dung sách có chống cộng, không chống cộng và cả tác phẩm của những người Cộng sản đã phát hành ở miền Nam.

Theo như khẩu hiệu Bài trừ Văn hóa Đòi Truy Phản Động, Đòi truy là những văn hóa phẩm đòi truy theo hình thức tư bản; và Phản động là những văn hóa phẩm bài xích thuyết Cộng sản, chống chế độ Cộng sản. Ngay từ đầu, những thanh niên hăng say, không cần chọn lọc, phân loại tịch thu tất cả, đốt ngay một số, số còn lại nhiều quá nghiền thành bột giấy tái sinh.



Dưới chiến dịch: “Bài trừ văn hóa đòi truy, phản động” này, để trước mắt người miền Nam nhất thời, tin rằng đó là văn hóa đòi truy, phản động cần phải xóa bỏ. Khi đã chấp nhận như vậy, người ta sẽ học hỏi, tiếp nhận nền văn hóa

khác, nói khác hơn là dễ tiếp nhận chủ thuyết Marxism-Leninism, nhưng quan trọng hơn hết, cũng là không để cho người dân miền Bắc, kể cả những bộ đội đang chiếm giữ miền Nam, có cơ hội tiếp cận văn chương học thuật miền Nam, chủ yếu là một nền văn chương, học thuật đặt trên nền tảng: Tự do, khai phóng, nhân bản và dân tộc.

Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Đảng Lao Động Việt Nam, trong một Đại Hội Đảng đã đánh giá việc “Bài trừ văn hóa đồi trụy, phản động” tại miền Nam và ra chỉ thị:

“Sau ngày giải phóng, nhân dân ta đã làm rất nhiều việc nhằm quét sạch những dấu vết và di hại của thứ văn hóa ấy. Công việc này cần được tiếp tục một cách kiên trì, tích cực và triệt để.”

Ngày 26-06-1976, Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng lại ra chỉ thị:

“Việc xây dựng nền Văn Hóa mới được tiến hành trong cuộc đấu tranh quét sạch những tàn dư mà Mỹ đã gieo rắc ở miền Nam. Đó là thứ văn hóa nô dịch, lai căng, đồi trụy, cực kỳ phản động.”

Đốt sách, nghiền thành bột giấy chỉ là bước triệt tiêu các sản phẩm, nhà cầm quyền Cộng sản tại thành phố HCM bắt hết các văn nghệ sĩ trong *Vụ án hồ con rùa*.

Vụ án này tóm lược như sau: Dân chúng Sài Gòn truyền nhau rằng, khi xây cất Dinh Độc Lập, một thầy địa lý người Tàu cho biết theo phong thủy, Dinh nằm ở đầu con rồng, còn đuôi nằm ở công trường ngã tư Duy Tân và Trần Quý Cáp, cái đuôi hay quậy làm cho cái đầu không yên, nên nhà cầm quyền để bị xáo trộn, muốn cho yên phải trấn ếm cái đuôi bằng cách xây một cái hồ, trong hồ làm cái đài tượng

HUỶNH ÁI TÔNG

trung cho cây gươm cắm chặt vào cái đuôi, không cho nó nhúc nhích. Để che mắt mọi người, trong hồ đúc tượng một con rùa bằng đồng, một con vật trong tứ linh, trên lưng con rùa mang một tấm bia ghi nhớ các nước đồng minh đã giúp Việt Nam Cộng Hòa chống Cộng.

Vào đêm 1-4-1975, một trái mìn nổ tung con rùa, theo báo chí loan tin, công an thành phố đã bắt được bọn phản động muốn phá trấn êm, để con rồng quậy phá nhà cầm quyền Cộng sản. Nhà cầm quyền đương thời ra lệnh bắt những người phản động, đó là những nhà văn, tác giả của những tác phẩm bị kết án là Đồi trụy, Phản động.



Bắt đầu từ đêm 2-4-1976 đến 28-4-1976, hơn 50 nhà văn miền Nam đã bị Công an bắt như: Dương Nghiễm Mậu, Doãn Quốc Sỹ, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Lê Xuyên, Nguyễn Mạnh Côn, Thế Viên, Thái Thủy, Mạc Thử, Vũ Hoàng Chương, Duyên Anh... Trong chiến dịch thu gom các văn nghệ sĩ này có danh sách “Mười Tên Biệt Kích Cầm Bút”:

- 1) Võ Phiến (di tản trước 30-4-1975)
- 2) Vũ Khắc Khoan (di tản trước 30-4-1975)
- 3) Thích Nhất Hạnh (ra nước ngoài từ trước)
- 4) Nguyễn Mạnh Côn (chết trong trại Xuân Mộc, năm 1979)
- 5) Hồ Hữu Tường (chết trên đường được cho về, năm 1980)
- 6) Dương Nghiễm Mậu (được thả ra từ đầu năm 1977)
- 7) Nhã Ca (được thả ra từ đầu năm 1977)
- 8) Mai Thảo (trốn không bị bắt đợt năm 1976, vượt biên năm 1978)
- 9) Doãn Quốc Sỹ (được thả ra cuối năm 1979)
- 10) Duyên Anh (được thả ra năm 1981)

Năm 1982, Huỳnh Bá Thành tức họa sĩ Ớt, có bí danh Ba Trung cho in tập sách *Vụ án hồ con rùa*, do nhà xuất bản Trẻ phát hành.



Về sau có 8 người là “Những Tên Biệt Kích Cầm Bút” bị bắt từ 2-5-1984 gồm có: Doãn Quốc Sĩ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, Lý Thụy Ý, Nguyễn Thị Nhạn, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Khuất Duy Trác, Trần Ngọc Tự.

Năm 1986, những người này bị ra tòa về tội “gián điệp”, nhưng phiên tòa bị hoãn. Đến 1988 lại ra tòa đổi thành tội danh “tuyên truyền phản cách mạng”. Họ bị kết án tù 2

năm tới 12 năm. Có 2 người trút hơi thở cuối cùng trong nhà tù là Hiếu Chân và Dương Hùng Cường.

Đường lối chủ trương của Đảng, quét sạch nọc độc Mỹ-Ngụy bằng cách đốt sách và bắt nhốt văn nghệ sĩ, nhẹ hơn chủ trương “Phản thư, Khanh nho” của Tần Thủy Hoàng với Lý Tư, đốt hết Tứ thư, Ngũ kinh; năm 213 trước Công nguyên, giết 460 nho sinh chôn ở bên ngoài thành Hàm Dương.

Nhà văn bị bắt ở tù trong khám hay ở trại tập trung, làm cho họ không thể sáng tác, tác phẩm của họ bị đốt ra tro hay nghiền nát ra bột giấy, người dân bị cấm tàng trữ những văn hóa phẩm đồi trụy, phản động.

Trong khi miền Nam là cái nôi sản sinh ra chữ quốc ngữ, báo chí, dịch truyện tàu, tiểu thuyết, người miền Nam cần đọc sách báo từ người công chức, cho đến chị bán hàng rong, từ anh đạp xích lô cho đến người phu khuân vác, nó là thứ cần yếu cho đời sống tinh thần cũng như đời sống vật chất ăn, ngủ.



Để đáp ứng nhu cầu tinh thần ấy, tại Sài Gòn, nhật báo Sài Gòn Giải phóng ra đời từ ngày 5-5-1975, báo Nhân Dân và Quân Đội Nhân Dân và những sách chánh trị, văn học cũng có gửi từ Hà Nội vào, nhưng số lượng rất ít. Rồi từ những tuần san, tạp chí khác ra đời sau này. Một số các nhà văn cách mạng đương thời sáng tác để đáp ứng người đọc, để làm nhiệm vụ của người cầm bút dưới chủ trương của Đảng.

Do miền Nam có điều kiện thuận lợi phát triển, một số các nhà văn đưa gia đình vào Nam sinh sống, họ sáng tác vì đất miền Nam vẫn là mảnh đất trù phú, để phát triển văn chương học thuật.

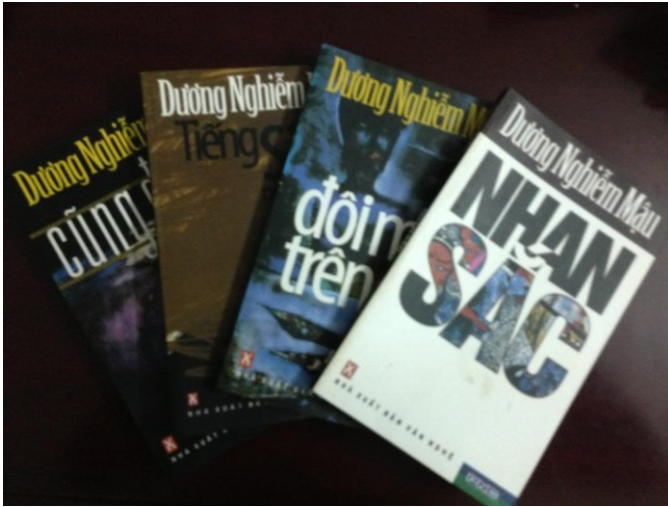
Theo trên, chúng ta biết rằng chủ trương của Đảng là quét sạch nền văn hóa miền Nam là thứ văn hóa nô dịch, lai căng, đồi trụy, cực kỳ phản động. Quét sạch những thứ ấy và xây dựng nền văn hóa mới theo chủ thuyết Maxism-Leninism.

Những sách chánh trị, những Tổng tập văn học Việt Nam được in và phổ biến rộng rãi khắp miền Nam, nhưng những tập sách đó không phải là thức ăn tinh thần của người miền Nam cũng như của người Việt Nam, bởi vì phần đông quần chúng muốn đọc sách để giải trí mà thôi.

Rồi từ khi đổi mới năm 1986, với nền kinh tế thị trường, văn học nghệ thuật cũng có biến chuyển để sinh tồn và phát triển.

Do đó các nhà xuất bản từ từ cho in lại, phổ biến dần dần có hạn chế những tác phẩm văn chương của Miền Nam như tác giả Hồ Biểu Chánh, Phi Vân, Phi Long ... về sau có cả tác phẩm của nhà văn Dương Nghiễm Mậu, là một trong

những nhà văn bị cho là *Những tên biệt kích cầm bút*, nhưng sau đó âm thầm tịch thu.



Đảng lãnh đạo, mọi hoạt động văn học nghệ thuật, đều phải đi theo đúng đường lối chủ trương của Đảng, là dưới chế độ Cộng sản, người dân được tự do, dân chủ. Nhà nước vì dân, lo cho dân cơm no áo ấm, tiền lên ăn ngon, mặc đẹp.

Nhưng càng ngày, người dân thấy rõ xã hội chia thành hai giai cấp: những người giàu có được gọi là tư bản đồ, là những người có quyền thế hay dựa vào quyền thế, và những người nghèo khó là công nhân hay nông dân. Xã hội có tệ nạn tham nhũng tràn lan, tha hóa vì tệ nạn trộm cướp, tệ nạn nghiện ngập, tệ nạn buôn người làm nô lệ tình dục ở Á châu.

Những đảng viên kỳ cựu phê phán chủ nghĩa Mác-Lê, rời xa đảng như Nguyễn Hộ, bị khai trừ như Hoàng Minh Chính ..., những nhà lãnh đạo tôn giáo, trí thức lên tiếng phê phán, phản đối chủ trương của đảng Cộng sản Việt Nam như Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Linh mục

Nguyễn Văn Lý. Những người dân đòi hỏi sự công minh, trả lại cho họ đất đai, ruộng vườn đã bị quy hoạch các dự án xây dựng nhà cao cấp, xây dựng khu công nghiệp, làm sân Golf, thực chất là nông dân bị cướp đất, để làm giàu cho các đại gia, các nhà tư bản đồ.

Trước hoàn cảnh xã hội như thế đó, nhà văn phải thực tế như thế nào, để sáng tác cho đạt được mục đích, do đảng lãnh đạo đề ra, là đạt tới chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, là một đất nước độc lập, bình đẳng, tự do, dân chủ do giai cấp công nông lãnh đạo.

Chúng tôi sẽ lần lượt trình bày một số nhà văn tên tuổi, những người có tác phẩm, tư tưởng ảnh hưởng đến xã hội Việt Nam và những tác phẩm nói lên cái nhìn tiêu biểu của tác giả.

Chương thứ hai

Những nhà văn đương thời

*

Trong chương này, chúng tôi sẽ đề cập tới những nhà văn đang sáng tác theo chủ trương, đường lối Đảng Cộng sản đang cầm quyền.

Họ đã thành danh từ trước 30 tháng 4 năm 1975, đã được đào tạo từ trường viết văn, những trại sáng tác, đã được học tập thâm nhuần triết thuyết Mác – Lê, tư tưởng của Mao và Hồ chủ tịch.

Ở miền Nam những nhà văn liên quan tới Vụ án hồ con rùa cũng như những nhà văn miền Bắc liên quan tới Nhân Văn – Giai Phẩm, tác phẩm của họ đều không được in ấn, phổ biến cho người khác đọc.

Phải đợi đến thời kỳ đổi mới, sau 1986 tác phẩm của một số nhà văn như Hồ Biểu Chánh, Phi Long, Sơn Nam, Vũ Hạnh, Mường Mán, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Trần Dần ... mới được in lại.

1. Đặng Thanh



Đặng Thanh (1916-1998)

Nhà văn Đặng Thanh sinh năm 1916, tại Huế.

Ông học hết lớp 7, tham gia hoạt động cách mạng, được kết nạp vào đảng ngày 19-8-1946, ông từng giữ chức Trưởng ban phản gián Ty Công an Thừa Thiên. Ban quân ngoại Công an Bình Trị Thiên cho đến năm 1954, dưới bí danh Vũ Lăng.

Năm 1949, do thành tích những hoạt động đặc biệt, ông được thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì theo Nghị định số 05/NDQP-1949..

Sau hiệp định Geneve năm 1954, ông tập kết ra Bắc làm ở Bộ Công an.

Năm 1961, nhà nước thành lập Toà án Nhân dân tối cao, ông được Ủy ban Thường vụ Quốc Hội bổ nhiệm làm Thẩm Phán Tòa án Nhân dân tối cao.

Năm 1975, ông được điều vào Sài Gòn quản lý ngành tòa án của thành phố này. Chức vụ của ông là thẩm phán, Phó chánh án Tòa án nhân dân Tp. HCM. cho đến lúc về hưu.

Năm 1981, ông về hưu, sinh sống tại Tp. HCM cho đến khi mất.

Ông mất tại thành phố HCM tháng 9 năm 1998, thọ 86 tuổi.

Tác phẩm:

- *Cát vó* (QĐND, 1967)
- *X 30 phá lưới* (SGGP, 1976)
- *Tám bản đồ thất lạc* (Măng Non, 1983)
- *Đọ sức* (Thuận Hóa, 1986)
- *Lần theo chuỗi hạt* (CAND, 1987)
- *Nữ điệp viên Sao Chấm-pa* (Trẻ, 1988)
- *Đi tìm thân chết* (CAND, 1989)
- *Lá thư vĩnh biệt của Jacqueline* (Thanh Niên, 1990)
- *Khi trái tim còn đập* (Thuận Hóa, 1991)
- *Sự thật về X 30* (Văn Jóa, 1991)
- *Truyện tình X 32* (Thanh Niên, 1993)
- *Một chiến công chưa trọn vẹn* (Văn Nghệ, 1994)

Trích văn:

X 30 phá lưới

Lời nói đầu

Tháng 8 năm 1945, Ngô Đình Diệm bị bắt tại Đức Phổ (Quảng Ngãi) khi hắn trên con đường chạy trốn.

Vì có nhiều nợ máu đối với Cách mạng trong thời kỳ là tri phủ Tuy An, quản đạo Ninh Thuận và tuần vũ Khánh Hoà, Ủy ban khởi nghĩa địa phương chuẩn bị đưa hắn ra xét xử trước Tòa án Nhân dân.

Nhưng có lệnh giải hắn ra Bắc...

Chính quyền nhân dân lúc bấy giờ mới thành lập. Với chính sách đại lượng khoan hồng, Hồ Chủ Tịch không những đã ban ơn tha tội chết cho hắn, lại còn cho phép hắn được ở thủ đô, đãi ngộ hắn như khách, cho hắn được tự do đi lại, rồi sau đó, được vào ở hắn trong một nhà thờ Thiên chúa giáo ở phố Hàng Bột theo sự thỉnh cầu của hắn.

Tuy biết hắn là một tên tráo trở, đã từng làm tay sai đắc lực cho Pháp, bị Phạm Quỳnh hắt cẳng thì chạy theo liếm gót Nhật, đến khi Nhật đầu hàng đồng minh thì lại tìm cách quay về với chủ Pháp, Cách mạng vẫn mở rộng cửa với hắn, tạo điều kiện cho hắn trở về với con đường của dân tộc.

Thế nhưng, sau khi được vào ở trong nhà thờ, Diệm đã thông qua một cha cố Pháp để bắt liên lạc với tướng Lơ-cờ-léc (Leclerc) chỉ huy quân đội Pháp, đóng ở trong thành. Tướng Leclerc đã lệnh cho Phòng Nhì Pháp giải thoát Diệm. Phòng Nhì Pháp đã giao việc thực hiện cho một người giúp việc bí mật của chúng là Phan Thúc Định – con của tuần vũ Phan Thúc Ngân, bạn thân của Diệm – đưa hắn vào thành, rồi bằng phương tiện của quân đội, Pháp bí mật đưa Diệm sang Hồng Kông.

Từ đó, Diệm về Sài Gòn, sang Paris.

Tuy ra tay cứu Diệm nhưng không tin Diệm bằng những tên tay sai khác, nên hẳn không có vai vế gì trong chính phủ bù nhìn do Pháp dựng nên.

“Sau bao năm từng lê gót nơi quê người”, như sau này hẳn đã phô trương, Diệm tìm đường sang Tô-ky-ô (Tokyo), nói là đi thăm Kỳ - ngoại hầu Cường Để, nhưng thực ra, hẳn chủ tâm đi tìm chủ mới.

Tháng 2 năm 1950, một người Mỹ tên là Phi-sin (1) đến gặp hẳn tại khách sạn Đại Đông Á, đưa cho Diệm bức thư của Hồng Y Giáo chủ Spen-man (2), mời Diệm sang Mỹ. Kèm theo bức thư, Phi-sin đã đưa cho Diệm một ngân phiếu mười vạn đôla lãnh tại ngân hàng Tô-ky-ô.

Năm 1951, Diệm sang Mỹ được Hồng Y Giáo chủ Spen-man nhận làm con đỡ đầu và cho ở tại chủng viện Ma-ry Nôn (3).

Hai năm sau, CIA đưa vào học trường đại học Michigan (Mi-sit-găng). Lúc này hẳn vừa tròn 53 tuổi. Tại đây, câu chuyện bắt đầu...

(1) Wesley Fishiel, tiến sĩ, giáo sư khoa chính trị trường đại học Michigan, nhân viên của cơ quan tình báo Mỹ CIA.

(2) Spellman, Hồng Y Giáo chủ Mỹ, có thế lực trong giới tài phiệt và chính giới Mỹ.

(3) Chủng viện Mary Knoll, Lakewood, ở bang New Jersey.

-0-

Đặng Thanh viết *X 30 Phá lưới* từ trước ở ngoài Bắc, nhưng năm 1975 mới đem vào Nam đăng trên nhật báo Sài Gòn Giải Phóng, được đạo diễn Khôi Nguyên (Lê Hoàng

VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI I

Hoa), chuyển thể thành phim “Ván bài lật ngựa”, Năm 1982, bộ phim này bắt đầu quay xong tập 1, rồi tiếp tục quay thành 8 tập, vai chính có Nguyễn Chánh Tín và Thanh Lan, bộ phim này thành công lớn vào lúc đó, đề rồi Nguyễn Trường Thiên Lý (Trần Bạch Đằng) chuyển thể lại thành tiểu thuyết *Ván bài lật ngựa*.

Nhà thơ Nguyễn Duy nhận xét ;” *Truyện tình báo của nhà văn Đặng Thanh viết gây xúc động mạnh trong tâm hồn người đọc. Đọc lá thư vĩnh biệt của Vân Anh (trong cuốn Sự thật về X 30) mà muốn rưng rưng nước mắt”*.



Bìa sau sách *X 30 phá lưới* (ảnh các nhân vật trong truyện)

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Thanh Blog: xuanbaohanoi.blogspot.com

- *X 30 phá lưới* Web: truyen.haohanca.com

2. Bùi Hiền



Bùi Hiền (1919-2008)

Bùi Hiền sinh ngày 22 tháng 11 năm 1919, tại làng Phú Nghĩa Hạ, nay là xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An. Vốn sinh trưởng trong một gia đình khá giả, ông sớm được tiếp xúc với văn hóa Pháp, chịu ảnh hưởng nhiều của nhóm Tự Lực văn đoàn.

Thời trẻ, Bùi Hiền theo học trường quốc học Vinh (nay là trường Huỳnh Thúc Kháng). Ông ở trọ cùng nhà với một người bạn mê đọc văn học Pháp, tên là Hồ Phi Thúc. Dần dần Bùi Hiền cũng mê lây thói quen mê đọc sách văn học của Hồ Phi Thúc. Trong thời gian này, văn học Việt Nam đang cách tân mạnh mẽ và nở rộ với nhiều sắc thái mới mẻ. Bùi Hiền hăm hở tìm đọc Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Thế Lữ, Khái Hưng, Vũ Trọng Phụng...

Tốt nghiệp trung học, Bùi Hiền đi làm công chức và lúc rảnh rỗi vào buổi tối bắt đầu viết văn. Khởi đầu sự nghiệp văn chương, ông đăng các truyện ngắn trên tạp chí *Hà Nội tân văn* của Vũ Ngọc Phan như *Mạ đậu* (1940), *Chiều*

swong (1 tháng 3 năm 1941), *Thuốc độc* (24 tháng 4 năm 1941)... Trong cuốn hồi ký *Những năm tháng ấy*, Vũ Ngọc Phan viết: "Những cộng tác viên đầu tiên của tờ báo (*Hà Nội tân văn*) là Lưu Trọng Lư, Ngô Tất Tố, Trọng Lang (tức Trần Tấn Cử), Đỗ Đức Thu, Nguyễn Tuân, Hằng Phương, Thiết Can và về sau có thêm Thanh Tịnh, Bùi Hiền, Mạnh Phú Tư, Tô Hoài... Truyện *Năm vạ* đăng trên báo *Ngày nay* tháng 9 năm 1940 là truyện đầu tiên được in của Bùi Hiền, có lời giới thiệu của Thạch Lam. Bùi Hiền được bạn đọc chú ý từ những truyện về phong tục, về mê tín dị đoan của người dân quê xứ Nghệ". Năm 1941, truyện ngắn *Năm vạ* do nhà xuất bản Đời nay ấn hành ở Hà Nội. Tập truyện ngắn này nhanh chóng nổi tiếng, đặc biệt với truyện ngắn cùng tên.

Năm 1944, ông tham gia cách mạng. Theo lời ông kể thì khoảng cuối năm 1944, qua sự giới thiệu của một người bạn công chức, ông gia nhập Thanh niên cứu quốc bí mật. Chỉ thỉnh thoảng một cuộc họp ngắn và bí mật, truyền đạt tin tức về khí thế Việt Minh ở các nơi và nhắc nhở việc sẵn sàng "chiến đấu hi sinh cứu nước".

Trong suốt giai đoạn 1945 đến 1960, ông tham gia công tác văn nghệ, giữ chức chủ tịch Hội văn nghệ tỉnh Nghệ An, nhưng ít sáng tác, một phần thời gian dành cho công tác dịch thuật.

Năm 1956, ông giới thiệu tuyển tập truyện ngắn, dịch của Anton Antonov.

Năm 1957, ông gia nhập Hội nhà văn và giữ cương vị Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam liên tục các khóa I (1958-1961), II (1962-1972), III (1973-1982).

Năm 1975, ông là trưởng đoàn Hội nhà văn theo chân quân

đội miền Bắc Việt Nam vào Huế và Đà Nẵng. Tuy nhiên, khi vào Huế, ông đã chấp thuận giải tán đoàn để các văn nghệ sĩ có thể tự vào sâu hơn.

Sau 1975, ông tiếp tục công tác trong Hội nhà văn Việt Nam và giữ chức chủ tịch Hội đồng văn xuôi Hội Nhà văn Việt Nam khóa IV.

Năm 2001, ông được trao Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật cho các tác phẩm *Bạn bè một thuở*, *Tuyển tập Bùi Hiến*, *Ánh mắt*, *Ngơ ngẩn mùa xuân*.

Ông qua đời tại Hà Nội, lúc 7 giờ ngày 11 tháng 3 năm 2008, thọ 91 tuổi.

Tác phẩm:

- *Nằm vạ* (truyện ngắn, 1940)
- *Mạ đàu* (truyện ngắn, 1940)
- *Chiều sương* (truyện ngắn, 1941)
- *Thuốc độc* (truyện ngắn, 1941)
- *Nằm vạ* (tập truyện ngắn, 1941)
- *Tuyển tập truyện ngắn, Antonov* (dịch, 1956)
- *Ánh mắt* (truyện, 1961)
- *Trong gió cát* (truyện ký, 1965)
- *Đường lớn* (truyện, 1966)
- *Những tiếng hát hậu phương* (truyện, 1970)
- *Hoa và thép* (truyện, 1972)
- *Một cuộc đời* (truyện, 1976)
- *Ý nghĩ ban mai* (truyện, 1980)
- *Tâm tưởng* (truyện, 1985)
- *Ngơ ngẩn mùa xuân* (truyện, nhà xuất bản Đồng Nai, 1995)
- *Hai mươi lăm truyện ngắn 1940 - 1995* (1996)
- *Tuyển tập Bùi Hiến* (tập I, 1987; Tập II, 1997)

- *Hướng về đâu văn học* (tiểu luận, 1996)
- *Những người yêu nữ thần biển, nhiều tác giả* (dịch, 1993)
- *Những truyện ngắn phương Đông, Marguerite Yourcenar* (dịch, 1996)
- *Bản di chúc Pháp, Andrei Makine* (dịch, 1998)
- *Bạn bè một thuở* (chân dung văn học, 1999)
-

Trích văn:

Chuyến xe thời gian

Le bonheur n est jamais grandiose
(Hạnh phúc chẳng bao giờ huy hoàng)
Aragon

Một mùi lạ tạt qua mũi, anh tỉnh con gà gât. Mùi thơm son phấn. Nói đúng hơn, một thứ mùi son phấn ngày ngày, nồng nàn, tựa hồ trộn lẫn chút mùi mồ hôi mỡ màng beo béo hay sao ấy? Dầu vẫn gục trên cổ, anh nhướng mi, để nhìn qua phía trái chỗ mình ngồi. Một cặp đùi đồ sộ căng bóng dưới làn xoa ngoại màu cánh trà, hầu như đen thẫm, xếp bên nhau song song như hai quả dưa hấu đập vào luồng mắt còn lơ mơ ngái ngủ. Anh khẽ cựa mình vì thấy một bên vai bị lấn ép. Vai anh liền được giải toả khi người ngồi cạnh vừa hơi xoay mình, duỗi cánh tay, rồi một bàn tay nung núc với những ngón chân móng tô nhũ bạc óng ánh hơi xoè ra úp chụp lên một bên đùi, chiếc đùi béo nục với chiếc cầu gối cũng u lên tròn vo, càng nom càng giống hệt quả dưa hấu cỡ bự. Hai chiếc nhẫn vàng, mặt ngọc xanh ngọc đỏ cũng to bự, tôn thêm ở bà ta vẻ giàu sang phú quý.

Đầu vẫn cúi, gà gât, anh cưỡng lại ý muốn liếc ngang sang, chỉ cố đoán già đoán non bà mệnh phụ mà sự tình cờ đã đặt ngồi kề cạnh mình, tuổi phải ngót nghét năm mươi. Mu bàn

tay đã sờ sờ lên thế kia, phần đóng thành vẩy trắng, nhìn kỹ mà xem. Bà ta lên xe từ lúc nào ấy nhỉ, chà chà, mình vừa chớp một giấc say quá thế.

Trong anh gọn lên một chút hồ thẹn với chính mình. "Phổi bò!". Hoá ra cái náo nức ban đầu của mình cũng chỉ là phổi bò, một cái gì vẫn như hời hợt giả tạo. Chiếc xe ca sơn xanh da trời với những vạch vàng vạch đỏ chạy dài, hầu như mới, trông đom đống, khá sang trọng, khác hẳn cái dáng cũ kỹ bệ rạc của những chiếc xe miền Bắc từng trải qua bom đạn, sau chặng nghỉ ăn tối ở Đà Nẵng, đã khần trương lên đường lại, lúc ấy khoảng mười giờ đêm. Bon bon lướt trên con đường nhựa huyết mạch của chiến tranh được bảo dưỡng khá tốt, nó tiến nhanh với tốc độ đều đều về phía Nam. Đường như nó cũng muốn đáp ứng cái hào hứng của anh, người cán bộ " Bắc việt". muốn được sớm tận mắt thấy một nửa miền đất nước mà chỉ dăm ba tháng trước đây, đối với anh cũng như đồng bào miền Bắc, còn là nơi đất cấm không thể nào mơ ước đặt chân lên. Lúc bình minh vừa rạng, nhìn ra trước, chênh chếch về phía trái, một dải lụa mờ trắng lơ xô tiên ập về phía chiếc xe. Chao ôi! Biển! biển! Những làn sóng bạc đầu kéo dài như dải lụa ấy, cung với cánh hứng đông, càng lúc càng sáng trắng lên lấp lánh, sôi trào đồng thời, màu nước biển ngoài kia chuyển nhanh từ tím thẫm sang màu tím ngát rồi làm tím. Lần đầu tiên anh thấy con đường quốc lộ 1 đi sát gần biển Đông đến thế. Chao ôi, giá lúc này có nhảy ra khỏi xe, thử căng lồng ngực mà lao ra chạy như một lực sĩ điền kinh giữa khoảng trời thênh thang phóng khoáng! Hít thở cái bầu trời Nam vừa thoát trở lại thanh bình! Nuốt tràn tim tràn phổi cái màu biển tím làm ngan ngát! Nhìn cho no mắt những rặng dừa, vườn dừa rừng dừa ken sát, những dòng sông xanh leo leo miền Nam Trung Bộ, những dáng tháp Chăm ẩn hiện như trong mơ! Thế rồi, mệt nhoài vì bao cảm giác, ấn tượng dồn dập anh gục đầu thiếp đi lúc nào không biết.

Xe đã dừng đỗ khách ở chỗ nào ấy nhỉ, anh tự hỏi. Ngồi cạnh anh lúc sáng sớm ở phía trái là một ông già cơ, ừ đúng, một ông già âu phục màu ghi là thằng tập diêm dúa, cùng đi với vợ, bà ngồi cạnh cửa sổ xe. Lúc này ngồi thay vào chỗ của ông là bà mệnh phụ to béo đồ sộ này. Phía bên trái bà ta, cạnh cửa sổ, cũng là một người khác mới, một phụ nữ, chắc hẳn trẻ hơn, anh đoán thế, căn cứ vào chiếc tà áo dài bằng crep mịn màu thiên thanh. Trên tà áo dài ấy, anh thấy một chiếc làn đan bằng thứ sợi gì trắng ngà mềm óng (Sau này mới biết người ta gọi là lá buông). Nắm nhẹ nhàng lên quai làn là hai bàn tay nhỏ nhắn, các đầu ngón hồng hồng đan chớm lên nhau. Anh chú ý thấy móng tay để tự nhiên, không tô nhuộm. Chủ nhân hai bàn tay này - anh trở lại với cái thói quen hay xét đoán - phải là người trên dưới ba mươi tuổi, cầu cho cô ta không quá ba một ba hai! Cổ tay không tròn mọng nữa, nhưng da dẻ vẫn còn mịn màng. Và cái tư thế hai bàn tay khẽ áp lên trước làn vẫn còn đượm một dáng vẻ yêu kiều gần như quý phái.

Anh khẽ cựa mình lần nữa bả vai của bà mệnh phụ lại lăm le lần chiếm. Bà kia né vai, hơi quay mặt nhìn anh có cảm giác trong ánh mắt liếc nhìn ấy có một cái nguýt ngang. Xin lỗi, xin lỗi. anh trả lời thâm, tôi không hề có ý ganh tị hoặc bực bội với sự phì nộn, trời cho của bà. Lỗi tại chiếc ghế quá chật. Nhưng tại sao từ đầu bà không giành lấy chỗ ngồi cạnh cửa sổ, vắt cánh tay lên thành xe, có phải thoải mái hơn không. Bà là thế nào với cô ta, mà lại phải chen vào giữa, cách li cô ta với tôi. Một bảo vệ hoàn toàn không cần thiết, cam đoan với bà thế.

Lúc này xe lại đi qua một quãng đường giáp biển. Trời, cái màu biển quê hương dưới một bầu trời Nam nhiệt đới sao mà biếc xanh da diết. Anh chột nẩy ao ước, giá như xe lúc này tạm dừng, hoặc chết máy cũng được, cho mình xuống ngắm nhìn chốc lát. Hoặc giả như mình đổi chỗ cho người

phụ nữ trẻ kia, ló cổ ra ngoài thành xe, hít thở khí lành. Cái mùi thơm nồng nàn mặn mà toả từ bà mệnh phụ ngồi cạnh quả là ngọt ngào. Đã thế, anh không dám quay đầu, cựa mình lần thứ ba, sợ gây phản ứng. Cổ anh cứng ngắc.

Một lúc nào đó, đến lượt hai quả dưa hấu cụ cựa cụ cựa dưới làn xoa căng bóng bọc ngoài. Rồi chủ nhân của nó nặng nề, cẩn trọng cúi hẳn người quờ sừa cái gì đó nơi sàn xe, có lẽ bà ta nói bớt quai dép để giải phóng bàn chân ngồi lâu sưng thủng. Cơ hội ngàn năm có một! Anh ưỡn ngực, vươn người, quay lắc vai bên này bên kia. Cũng thừa dịp may hiếm có này, anh ném cái liếc nhìn về phía người phụ nữ trẻ mặc áo dài màu thiên thanh và có dáng điệu thanh cao quý phái. Thốt nhiên trán anh thoáng một luồng lạnh toát. "Hiền!"

Có đúng là lúc bấy giờ miệng anh đã cất lên tiếng gọi hầu như thảng thốt? Giờ đây, mười mấy năm sau, anh vẫn còn bản khoản vật vã với câu hỏi ấy. Giấy phút ấy sống lại trong anh như một cơn mơ. Trong mơ, ta nói chuyện với người khác, có lúc to tiếng tranh cãi nữa, mà vẫn cảm giác như không hề mở miệng. Cả người đối thoại với mình nữa, ta nghe họ tranh cãi với những lời nói rành rọt, những giọng điệu bông trầm biểu hiện tình cảm hết sức rõ ràng mà thật ra không hề thấy người kia máy môi lấy một chút.

Còn người phụ nữ trẻ kia, có đúng là Hiền. Trang Hiền của anh chăng? Có đúng là cô ta đã lặng lẽ đáp lại tiếng kêu thảng thốt của anh bằng một tiếng "chào anh" bình thản, thân nhiên không nhỉ?

Giấy phút ấy thoáng qua rất nhanh. Một ánh chớp. Một cơn mơ. Trầm lặng và khắc nghiệt. Và mệnh phụ đã trở về với từ thế cũ, ngồi ngay ngắn, đồ sộ, tạo một bức thành cách ngăn vững chắc giữa quá khứ và hiện tại.

Hiền, Trang Hiền, anh kêu thầm trong đầu óc nóng bừng dưới làn da trán lạnh băng, có phải chính em là Nguyễn Thị Trang Hiền đó chẳng. Em ngồi bên tôi, cách nhau trong gang tấc mà biệt xa vời vợi, như bị phân cách bởi cả một đại dương. Có phải chính Trang Hiền, người từng biết cho tôi những dòng tha thiết: "Em yêu anh mãi mãi, không bao giờ thay đổi", những dòng thư mà tôi đã thả trôi trên một dòng sông xanh, với bao ý nghĩ buồn vui nào đấy không rõ rệt?

"Chào anh". Phải chăng Hiền đã đáp lời anh như vậy. Đó là tiếng chào gặp mặt hay tiếng chào già biệt.

Thản nhiên, không âm sắc, không vui không buồn. Thà như Hiền lạnh lùng, hoặc giận dữ, uất hận, hoặc thậm chí căm ghét tôi đi. Mà có phải chính Hiền ngồi đó không đã. Hay tôi trông nhầm, một ảo ảnh. Hay tôi nghe nhầm một khuyết tật của thánh quan, chung quy cũng chỉ là ảo giác.

Hai bên già biệt nhau từ lúc nào ấy nhỉ. Và già biệt cách thế nào, nhiều năm tháng rồi, anh hầu như không còn nhớ. Dường như tình yêu cứ phai nhạt dần, thời gian như một chất nước không màu sắc không mùi vị, pha cho những tình cảm mê say nhất cũng loãng dần, loãng dần. những cuộc gặp gỡ, thù từ qua lại ngày càng thưa thớt, rồi một lúc nào đó ngừng hẳn, lua nào, anh cũng chẳng để ý. Mà chắc phía Hiền cũng vậy. Một thứ thoả thuận ngầm, một quy ước không thành văn.

Cựa quậy. Lần này thì chính bà mệnh phụ cựa quậy vai trước, cứ như bị người đàn ông gầy gò ngồi cạnh là anh xâm lấn. Anh ngồi thẳng lên, hơi cứng người lại, coi như mình có lỗi. Mặc dù vậy, vẫn không ngăn được cái quay đầu khế. Để tránh gây ấn tượng mình quay nhìn, để tỏ ý khó chịu và như thế là không lịch sự, anh đưa luồng mắt ra

phía cửa sổ xe, làm như đang ngắm cảnh. Anh thấy một cánh tay thon thả trong ống màu thiên thanh chuôi ra vắt ngang lên thành sổ xe. Ý chừng Hiền cũng đang bị chèn ép như mình. Bà ta là gì với Hiền ấy nhỉ. Mẹ đẻ hoặc chị, chắc không phải rồi. Chẳng cần nhìn thẳng mặt, anh hình dung bà béo ị có một khuôn bán diện rất thô, mũi cà chua, cằm bạnh nục nặc. Vậy thì mẹ chồng chăng? Hay chỉ là bạn đường ngẫu nhiên, cùng lên một chuyến xe?

Mu bàn tay Hiền đã thoáng nổi gân xanh, anh nhận xét. Có thể nào khác được. Mười mấy năm rồi. Thời gian và cả những thăng trầm cuộc sống. Có mỏng đi chút ít, nhưng cổ tay Hiền vẫn trắng trẻo mượt mà, móng không tô nhuộm gọi một vẻ đẹp tinh khiết. Giá mình được nắm lại bàn tay ấy, dù là một lần cuối, đặt nhẹ môi lên những ngón tay thân thuộc yêu thương chứa đầy kỷ niệm.

Hồi bảy giờ Hiền còn là một nữ sinh học trường miền Nam, mười tuổi. Hay nói hay cười. Có vẻ thích bàn cãi để làm ra vẻ người lớn. Chuyện xảy ra tại căn phòng nhỏ gia đình dành cho tôi, trước là phòng học, nay là phòng làm việc tại nhà (tôi viết bài cho một chuyên san). Hiền đến chơi, trả sách, lao vào một cuộc tranh luận. Về nội dung cuốn truyện tính cách nhân vật, hay, to tát hơn, về ý nghĩa và triết lý cuộc đời? Không còn nhớ nữa. Tôi ngồi yên lặng nghe, thỉnh thoảng chêm câu bình luận thoáng ý châm biếm hoặc phản bác, với tư thế một người anh lớn tuổi - mình hơn Hiền mười tuổi chứ ít à, ấy là chưa kể đã từng trải nghiệm tình yêu, từng biết một người phụ nữ - chỉ cốt kích thích thêm cuộc bàn cãi. Tôi thích nghe giọng nói của Trang Hiền, trẻ trung trầm bổng, đượm màu xanh biếc của biển Nha Trang quê Hiền như trong trí tôi tưởng tượng.

Cái chân lý được tuổi mười bảy hết lòng bảo vệ, chẳng hiểu nó chính xác vững vàng được đến mức nào, chỉ biết là đầy

tự tin, hào hứng. Càng nói, Hiền càng có vẻ tin chắc ở lý lẽ của mình, gò má càng ửng lên, mặt lóng lánh, có lúc Hiền khua cả hai tay làm điệu bộ để thêm sức mạnh cho lời nói. Một lúc nào đó, thấy Hiền vừa đặt tay lên bàn, tôi liền ép bàn tay cô gái. Cô muốn hiểu thế nào thì hiểu! Phải, có lẽ tôi chỉ muốn làm dịu cái hăng tranh cãi của cô thôi. Cô nói nhiều rồi, hãy cho phép tôi có ý kiến lại chứ. Đang đà nói, Hiền không dừng lại. Tôi ép mạnh tay hơn. Và kia, chẳng biết tại sao, giọng nói cô gái tự dưng bỏ xiêu. Cứ như thế, những lý lẽ của cô, đang vững vàng là thế, bỗng nhiên bị hẫng mất chân đứng, đổ nghiêng dần. Giọng Hiền yếu ớt hẳn đi, rồi im bật. Tôi lặng lẽ nhìn thẳng vào mặt Hiền. Dưới làn mi cong cô gái, tôi nhận thấy một ánh phân vân lưỡng lự. Tôi cầm nâng tay Hiền lên, dùng cả bàn tay kia của mình ép chặt. Khoé miệng Hiền chột nhếch khẽ rung rung như cười, mắt mở tròn ngó thẳng vào mặt tôi. Ý nói: Anh làm cái gì kỳ vậy. Cho anh thiệt là táo tợn.

Những đường phố Hà nội rợp bóng cây hoặc ủ bóng đêm trở thành những con đường thân thuộc đi về của tình yêu. Tình yêu với mọi miền hạnh phúc và mọi nỗi băn khoăn dằn vặt của nó, thổ lộ ra hay phong kín...

Đường Lý Thường Kiệt. Giêng hai năm ấy, tôi còn nhớ, rét nhiều. Mùa xuân còn chần chừ, chỉ mới đăng ký trên tờ lịch. Tiếng động thành phố trầm hẳn, như bịt bùng trong chăn. Lá cành run rẩy. Tôi và Hiền lặng lẽ sóng bước. Hiền cất tiếng:

"Anh coi, cây hai bên đường cũng chụm vào nhau để đỡ đỡ rét".

"Ồ nhi".

Hiền đứng dừng, ngấm một chút, rồi bằng cái giọng Nha

Trang nhẹ nhàng trầm bổng:

"Nó lại nghiêng mình nữa, anh thử nhìn coi".

Náo nức như vừa phát kiến điều gì mới, Hiền kéo tôi ra mép vỉa hè. Quả thật, hai dãy cây hai bên đầu ngã chên ra phía đường chút ít, vươn cành lá mịt mùng giao trộn vào nhau. Tôi ngạc nhiên: mình qua đường phố hàng trăm lần, chưa bao giờ để ý hiện tượng đó.

"Để thường người ta dụng ý trông nghiêng ra một tý. Để lấy bóng mát cho mặt đường".

"Nếu vậy, phải cho nghiêng vào trong này mới phải chớ. Người đi đường cần bóng mát hơn xe cộ".

"Hiền nói đúng". Tôi bật cười. Giọng tôi ẩn ý trêu cợt: "Hiền bảo anh mắc cái thói tật trí tuệ, hay suy nghĩ lật ngược vấn đề. Chính em cũng hay "lật ngược". Nhưng lần này em hoàn toàn có lý".

Hiền quay sang, hai má đỏ hồng. Mắt Hiền nhìn tôi tha thiết:

"Em muốn thấy anh cười như vậy. Em, muốn giữ hình ảnh anh vui, khi anh ở xa em... anh có thấy gốc sấu to bụi đằng kia không? Tán lá xùm xoè gục xuống, như cái đầu nặng trĩu, mấy cành to tựa như cánh tay nâng đầu, mệt nhọc dữ!".

Mắt ánh tia ranh mãnh, Hiền tiếp luôn:

"Nghĩ ngợi là hại người lắm đấy! Em nói vậy có đúng không? Em thấy anh hay buồn. Anh đang nghĩ gì vậy? Chắc anh lại sắp nói ra câu hỏi: Vì sao em yêu anh? Chán chết đi được ấy!".

"Hứa với em, từ rày anh sẽ không bao giờ lật lại câu hỏi "chán chết" ấy nữa. Tôi ôm một bên vai Hiền, kéo vào mình, khẽ thì thảo. Miệng tôi ghé sát tai Hiền, tôi nghe hơi ấm của làn má hây hây đỏ, cảm thấy lớp lông tơ mượt mà trên bầu má ấy mơn man da mặt mình.

Bao nhiêu mùa xuân đã qua đi. Còn chẳng lớp lông tơ óng mượt trên đôi má. Hồi nãy, trong cơn mơ thoảng gặp, anh có ấn tượng nước da Hiền, nếu đúng đó là Hiền, chưa hề có dấu hiệu gì khô ráp. Giá mình đặt lại được một cái hôn nhẹ, dù chỉ bằng tưởng tượng, trên bầu má vẫn còn vẻ mịn màng tươi tắn ấy. Anh rướn người ra trước thêm tí chút, làm như muốn nhìn rõ hơn phong cảnh bên ngoài. Bà béo bên cạnh bắt thần cựa quậy, cũng rướn người ra, cái đầu tóc to sù uồn quăn của bà che lấp hẳn khuôn mặt thiếu phụ trẻ. Cái bà này, bà là ai mà kỳ cục. Còn đáng mặt mệnh phụ không, hay chỉ là loại dân phê buôn bán tầm thường. Sao bà vô lý vậy. Mẹ chồng hay chị chồng mà nữ bảo vệ cô ta kỹ càng đến thế.

Thốt nhiên, toàn bộ cái khối thịt của bà ta hung tợn xô ngang vào anh, mạnh không thể tưởng tượng được. bị đẩy bật, anh suýt ngã ngời ra sàn xe, chổ lồi đi. Đến lượt anh ta lại xô mạnh vào khối thịt bà ta. Trong xe, mọi người nhón nháo. Lát sau mới hoàn hồn. Chiếc xe khách muốn tránh vật cản gì đó, hình như một chiếc xe ngựa đột nhiên dờ chừng, đã lái ngoạch qua ngoạch lại như điên. Suýt nữa xảy ra tai nạn. Bình tĩnh lại, một ông hành khách nào đó, giọng Quảng Ngãi nặng chịch, oang oang kể chuyện có chuyện xe khách muốn tránh một con trâu vọt ngang đường đã đâm thẳng vào một cặp vợ chồng trẻ đèo nhau bằng xe máy. Cả xe bàn tán lao xao.

Một đêm tôi đi cùng Hiền trên đường phố vắng. Lúc tạt qua một ngã ba, bất thành lình có chiếc xe con lao tới. Tôi chỉ

kip lồi Hiền trở lại. Hú vía! vành chấn bùn phía sau gạt ngang qua hai người, cái gì đó móc rách toạc túi áo Hiền. Hiền chỉ cho tôi xem, vẻ như thú vị, ghé tai tôi thì thầm: "Có chết thì chúng mình cùng chết cả hai".

Lúc bây giờ, tôi còn nhớ như in, đầu tôi choáng vàng. Một kỷ niệm xót xa, chưa cũ gì lắm, vút xuyên qua cái dùi nung cháy bỏng. Từng có lần nào đó, một người con gái khác, trong một tình huống tương tự, đã nói với tôi y hệt như những lời nói ấy. "Có chết thì cũng chết cả hai". Chỉ khác, giọng cô ta réo rất hơn, như còn run rẩy vì xúc động và sợ hãi. Đó là mối tình đầu của tôi. Tôi nghĩ rằng với cô ta cũng vậy. Bất ngờ, một thời gian sau, tôi nhận được bức thư chia tay của cô ta. Lời lẽ hết sức điềm tĩnh, tỉnh táo. "Em đã suy nghĩ kỹ. Xét thấy rằng chúng ta không hợp nhau. Thôi vĩnh biệt". Một tháng sau, cô ta lấy chồng. Hiểu rồi, hiểu rồi, cô em bé nhỏ của tôi ạ, đối với cô, tôi chỉ là vật đối chứng trong một trò thí nghiệm tình cảm lạnh lùng.

Cuộc trò chuyện lao xao trên xe vẫn chưa dứt. Có lẽ mọi người đã bị cái lắc xe đột ngột làm tỉnh táo hẳn lên. Bà mệnh phụ sửa lại chỗ ngồi, có cảm tưởng bà cố dán chặt người thêm vào lưng ghế và đệm ghế. Phía bên kia, Trang Hiền của anh cũng đã ép chiếc làn trắng ngà vào bụng mình, hai bàn tay ôm lấy nó. "Có chết chúng mình cũng chết cả hai". Trong đầu anh chợt nảy một giả thiết vui vui. Ủ, giá như lúc này đã xảy ra tai nạn thực, xe đổ nhào xuống ruộng hoặc đâm sầm vào góc cây, câu nói của Hiền mười mấy năm về trước, một ước vọng, một lời nguyện, bỗng dung thành sự thực, thì sao nhỉ. Minh sẽ vui hay buồn. Hiền sẽ buồn hay vui. Ôi, ngớ ngẩn. Chết cả hai rồi, còn gì nữa mà nói chuyện vui buồn!

Giây phút này Hiền đang nghĩ gì. Hiền có sự nhớ đến cái lời nguyện đó không, nếu người ngồi đó đích thực là Trang

Hiền của anh. Lúc này Hiền có hồi hộp sợ hãi lắm không ấy nhỉ. Dù sao cơn nguy hiểm cũng đã qua rồi. Hai bàn tay Hiền lúc này đan nhau bình thản, đoan trang, mấy ngón còn tròn mọng trắng hồng bên cạnh màu ngà chiếc làn và màu thiên thanh tà áo.

Cái đêm đầu thu không thể nào quên ấy, tôi ngồi cạnh Hiền bên hồ nước, ánh sáng rọi xuống khiến làn nước đêm xanh thẫm càng lung linh. Thốt nhiên tôi cảm thấy Hiền khẽ rung mình.

"Em lạnh hay sao?" Tôi ân cần hỏi.

"Không". Hiền đáp. "Nhưng từ nhỏ em đã có tật vậy. Mỗi khi chợt thấy một vệt sao băng, em đâm bồi hộp. Cứ nghĩ cái chấm sáng nhỏ nhoi ấy rớt vào giữa mung lung bầu trời, em hơi sợ sợ, cảm thấy cô đơn, như là ớn lạnh nữa ấy".

"Cả giờ nữa, lúc có anh bên cạnh?" Tôi hỏi, hơi có tí trêu chọc.

"Em chẳng hiểu làm sao nữa. Biết đâu chẳng càng ớn lạnh hơn ấy chứ". Hiền đáp, đùa trêu lại. "Vì có ai thăm dò được hết cái mung lung tình cảm con người".

Tôi lặng im. Hiền liền có một cử chỉ làm lạnh.

"Anh coi, trông ngực em còn đập đây nè".

Hiền cầm tay tôi đặt lên phía tim mình. Dưới làn áo lụa, ngực cô gái căng vòng. Tim tôi hồi hộp. Từ lúc nào không biết, Hiền để nhẹ nhàng cởi cúc áo của mình, hơi thốt người lại, tôi cảm thấy tay mình tiếp xúc với làn da mát rượi trên móm đồi xuân mơn mớn. Nghe rõ cả tim mình đập

mạnh, thành thịch, trong trái tim cô gái. Hồ nước bỗng chao nghiêng, nghiêng ngã.

Bà mệnh phụ. Lại bà mệnh phụ. Nhưng lúc này tôi thông cảm. Bà chẳng hề có ý định phá ngang dòng mơ tưởng loảng quảng rồi rầm của tôi, chắc thế. Chẳng qua phần ghé quá chật đối với cái khối lượng quá cỡ của bà. Tôi đã tự nguyện dịch gần một nửa người của tôi ra khỏi chiếc ghé của tôi rồi đấy. Mong bà đừng quá lấn ép người ngồi cạnh, phía bên kia, tội nghiệp.

Tôi và Hiền ngồi trên vệ cỏ lẳng lặng ngắm mặt hồ như vậy có lẽ rất lâu. Mắt Hiền đen huyền, dường như cũng có ánh sao lung linh trong ấy. Dưới bàn tay áp ôm mơn trớn, tấm ngực trẻ thanh tân càng nhô cao, căng nhọn, tựa hai hòn núi đá thuở hoang sơ. Trông ngực tôi phập phồng. Tôi nẩy ý liêu lĩnh táo tợn, lần tìm đến những miền hoang dã thâm u khuất vắng hơn.

"Đừng, đừng anh, em sợ".

Nghe Hiền thì thào, giọng đứt quãng. Vai Hiền khẽ rung lên như hồi nãy. Bỗng khắp người cô gái nổi cơn run rẩy dữ dội, khi tôi cố đẩy tới cuộc phiêu liêu mạo hiểm, Tôi đâm hốt hoảng, có cảm giác như Hiền có thể sắp choáng ngất vì sợ hãi. Vội đưa cả hai cánh tay giữ ghì lấy thân hình cô gái. Cơn run rẩy dịu dần. Trán tôi từ lúc nào cũng toát mồ hôi lạnh.

"Ta về thôi, em nhé. Sương xuống nhiều rồi". Tôi nghe mình nói, giọng lúng búng chen xấu hổ và hối hận.

Hiền vịn vào vai tôi yếu ớt đứng dậy.

Trưa hôm sau, ở cơ quan về, tôi tìm thấy mẫu giấy nhỏ

luồn qua khe cửa. Tôi hồi hộp mở xem. Nét chữ của Hiền. Vẫn thoáng, đẹp, nhưng dường như có in vết run rẩy, tôi hình dung thế. Hiền nói Hiền viết cho tôi mấy chữ này lúc bốn giờ rưỡi sáng, sau một đêm không hề chớp mắt. Hiền muốn tôi thông cảm và tha thứ (Ôi, chính tôi phải ngàn lần xin Hiền tha thứ cho tôi mới phải). "Đêm nay anh hãy đến với em, anh nhé".

Đêm hôm ấy tôi không đến. Vì lý do gì, cũng chẳng còn nhớ thật rõ. Sau này hai ba lần Hiền vặn hỏi, hai ba lần tôi đáp là mình tự dung nổi một cơn đau đầu dữ dội. Điều đó nếu không hẳn là sự thực, ít ra cũng là sự thực do tôi mừng tượng sau nhiều lần nhắc đi nhắc lại.

Tôi không còn giữ một bức thư nào của Hiền. Tất cả đều đã được thả trôi theo dòng nước. Vì sao vậy, chính tôi cũng không hiểu nổi. Hiền viết cho tôi khá nhiều thư, khi chỉ mấy dòng ngắn, khi ba bốn trang liền. Hiền khoe học tốt, trái với điều tôi lo lắng là Hiền có thể sao nhãng việc học tập. "Em cảm thấy như đạo này trí óc mình ngày càng mình mẫn lảng hơn. Toán giải khá nhanh. Cô giáo vẫn còn khen em làm bài hết sức tình cảm". Hiền kể một vài kỷ niệm chạy giặc hồi thơ ấu ở quê hương, chuyến đi tàu biển ra Bắc tập kết cùng ông chú. "Em muốn anh thuộc lòng từng chi tiết cuộc đời em. Anh đừng cười là nó còn quá ngắn, chẳng có gì đáng kể. Em vui thích mà nghĩ rằng tâm hồn anh". Hiền đòi tôi cũng phải "trả nợ", kể cho Hiền nghe quá khứ của mình, những buồn vui, những cuộc tình duyên cũ "nếu có", mà chắc là phải có. Hứa với anh, em không ghen đâu, chỉ muốn anh kể để vui bớt nỗi buồn mà em đoán nguồn gốc sâu xa là ở đó". Tiếp đến những bức thư nồng nàn táo bạo hơn "Em từng nói em muốn anh thuộc rõ cả cuộc đời em. Em muốn anh cũng thuộc toàn bộ thân thể em, vì tất cả em là của anh, của riêng anh tất cả". "Ôi, cái ngày sinh nhật kỳ diệu! Em đã bước sang tuổi mười tám

với một kỷ niệm không bao giờ quên. Đêm qua chúng mình đã có được cả một đêm cho nhau trọn vẹn. Suốt ngày hôm nay em lười biếng nằm dài, ngửa mặt lên trần suy nghĩ, nhớ lại và ước mơ. Lúc này ước gì có một đứa con của anh nằm gọn trong bụng mình. Một đứa con trai giống hệt anh. Nó sẽ là cái cầu nối, một lời thề nguyện gắn cả cuộc đời và linh hồn hai chúng ta mãi mãi, một trăm năm, một nghìn năm, một triệu năm ánh sáng".

Những lá thư dài ngắn ấy, tôi đọc đi đọc lại hầu như thuộc, với niềm xúc động khi êm ái, khi bùng bùng mãnh liệt. Tôi áp mảnh thư vào ngực, nhắm mắt thắm nhớ lại những giây phút êm đềm. Nhưng khi xúc cảm trào lên quá mạnh, khiến hai thái dương đập phập phồng, tôi cảm thấy bất chợt xen vào một nỗi lo âu buồn bã, thậm chí bàng hoàng, một phản ứng tâm lý mà tôi không thể giải thích nổi, lại càng không thể nào nén nổi. Một buổi sáng xuân đẹp trời, nhân đi công tác bằng ca nô trên sông Bạch Đằng, tôi đã thả tập thư của Hiền từng tờ từng tờ một cho bay theo gió rồi rơi xuống nước. Dòng nước mùa xuân này xanh trong leo lẻo, đẹp quá chừng, hy vọng nó sẽ đưa những lời thư ấy ra biển rồi ra tận đại dương. Tôi dõi nhìn những vuông giấy trắng trao nghiêng như cánh chim bập bênh trôi nhanh ra phía sau lái với một tâm trạng hầu như thanh thoát, tuy vương chút bùi ngùi. Cái gì diễn ra trong tôi vậy. Đường như tôi đã e sợ và muốn ngăn ngừa trước một sự ràng buộc hoặc trách nhiệm nào đó, hoặc một sự dang dở; chia lìa, thậm chí cơn vỡ mộng mà cái tặng, cái khí chất của tôi sẽ không thể nào chịu đựng nổi. Yêu tôi nồng nhiệt, biết đâu Hiền chẳng có thể cắt đứt phũ phàng. Nói gì một triệu năm hoặc một trăm năm. Mọi sự ở đời cái gì chẳng qua đi như ngày đêm dưới cầu nước chảy, mọi điều tất phải biến đổi, nhàm chán, nhạt phai. Hiền yêu tôi thật sự hay chỉ là yêu tình yêu, yêu chính mình qua một mối tình. Tôi đã có gì đặc biệt, có gì xứng đáng. Những lời lẽ bông bột say sưa ấy Hiền viết cho tôi

hay viết để say sưa với chính mình. Tôi chẳng qua chỉ là cái cớ.

Lại bà mệnh phụ. Lần này thì cái bà béo ị ấy không còn làm sao chịu đựng được nữa rồi. Bà xoay người, thúc cả cùi tay vào hông anh, đột ngột đứng dậy. Bà nhào người nhìn ra phía cửa sổ, bỗng quay lại hét toáng về phía người lái xe: "xuống! xuống! Cho tôi xuống đây! Dừng lại! Cho tôi xuống!" Giằng cái hông đồ sộ lên đùi anh, bà cúi quơ cái túi giả da to kênh màu hồng khá đẹp dưới chân ghế, rồi chẳng cần xin lỗi, lăm le định len ra. Anh vội nhôm dậy, đứng tránh ở lối đi. Bà ta vừa lách khỏi, thốt nhiên anh thấy mình đứng đối mặt với thiếu phụ áo thiên thanh. Hiền! Trời ơi, Hiền cũng xuống đây sao? Cái thị trấn này là đâu vậy? Quê chồng hay chính quê Hiền?

Thoáng giây hồi hộp, Hình như hơi thở của anh, nóng hôi, phả cả vào cổ và gáy người thiếu phụ, mấy sợi tóc dài khề phơ phất trên làn da trắng mịn. "Có phải đúng Trang Hiền của anh đây không?". Tiếng kêu ấy vang vang trong đầu óc anh, tuy anh không hề mở miệng. Hiền cũng đã nghe thấy chẳng? Người thiếu phụ khẽ quay đầu, nhìn thẳng vào anh. Đôi mắt mở to, vẻ bờ ngỡ, y như mắt Hiền ngày nào khi anh làm cái việc táo bạo ép bàn tay mình lên bàn tay cô gái. Nhưng lúc này ánh mắt ấy dường như thoáng buồn, thoáng nghiêm lạnh. Đôi môi, vẫn còn hồng mọng, nhưng mím mím, lặng yên, hoàn toàn xa lạ. "Nếu đúng là Hiền, sao Hiền không nói ví tôi một lời nhỉ. Hiền hãy trách cứ tôi đi, nói thẳng sự thật vào mặt tôi đi. Tôi đã quá tính toán chẳng, đã hèn yếu đến mức độ trở nên hèn nhát vị kỷ chẳng. Sao Hiền vẫn cứ câm lặng lạnh lùng như vậy?"

Đầu anh choáng váng. Tiếng đập thình thình vào thành xe của người lái phụ ngồi phía sau giục đi, anh tưởng như tiếng đập của trống ngực mình dội lên tận óc. Chiếc xe ca

lại khởi động, anh lặng người, vội bám hai tay vào thành ghế hai bên lối đi. Tuy nhiên vẫn cố ngoái nhìn ra phía sau, qua khung kính ở lưng xe, cố tìm lại hình bóng chiếc áo màu thiên thanh. Lúc đầu không thấy gì. Sau đó hiện ra trong khung kính dáng thanh mảnh nhỏ nhắn của người thiếu phụ, toàn một màu tím sẫm, nó nhỏ đi nhanh rồi mất hút.

Cho đến bây giờ, thêm mười mấy năm nữa, anh vẫn chưa nhớ được cái màu tím sẫm lạ lùng ấy là do ánh mắt mình đã mờ đi, thắm lại hay đó là do màu tím kính.

(1989)

Nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên nhận xét về nhà văn Bùi Hiền:

Trên văn đàn ông không phải nhân vật thật nổi bật, nhưng là đáng nhớ cho những ai đã từng đọc ông. Người đi xa, vẫn ở lại. Có thể, “trong ngọn gió thời gian vang vọng” như tên một bài viết của ông, sẽ có những truyện ngắn Bùi Hiền gợi nhớ cho người đọc một miền quê, một kiểu người, một cách sống. Thế cũng đã đủ cho một đời cầm bút an hòa, âm áp.

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Hiền Web: vi.wikipedia
- *Chiếc xe thời gian* Web: khotruyenhay.net

3. Tô Hoài



Tô Hoài - Nguyễn Sen (1920 – 20)

Nhà văn Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1920, tại quê nội ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, trong một gia đình thợ thủ công. Tuy nhiên ông lớn lên ở quê ngoại là làng Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy) Bút danh Tô Hoài gắn với hai địa danh: sông Tô Lịch và phủ Hoài Đức, ông có những bút danh như Mai Trang, Mắt Biển, Thái Yên, Vũ Đột Kích, Hồng Hoa, Phạm Hòa.

Bước vào tuổi thanh niên, ông đã phải làm nhiều nghề để kiếm sống: dạy trẻ, bán hàng, kế toán hiệu buôn,... và nhiều khi thất nghiệp.

Năm 1941, văn chương ông nhanh chóng được người đọc chú ý, nhất là với truyện *Đế Mèn phiêu lưu ký*.

Năm 1943, Tô Hoài gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc. Trong kháng chiến chống Pháp, ông chủ yếu hoạt động trong lĩnh

HUỶNH ÁI TÔNG

vực báo chí, nhưng vẫn có một số thành tựu quan trọng như *Truyện Tây Bắc*.

Từ 1945 - 1958 làm phóng viên rồi Chủ nhiệm báo Cứu quốc Việt Bắc.

Từ 1957 - 1958 Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam.

Từ 1958 - 1980 Phó Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam.

Từ 1986 - 1996 Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội.

Từ năm 1954 trở đi, ông có điều kiện tập trung vào sáng tác. Tính đến nay, sau hơn bảy mươi năm lao động nghệ thuật, ông đã có hơn 100 tác phẩm thuộc nhiều thể loại khác nhau: truyện ngắn, truyện dài kỳ, hồi ký, kịch bản phim, tiểu luận và kinh nghiệm sáng tác.

Trong nhiều năm, Tô Hoài là Phó Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Á - Phi - Mỹ La tinh.

Tô Hoài hiện nay sống ở Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Ông đã nhận các giải thưởng:

- Giải nhất Tiểu thuyết của Hội Văn nghệ Việt Nam 1956 (*Truyện Tây bắc*).
- Giải A Giải thưởng Hội Văn nghệ Hà Nội 1970 (tiểu thuyết *Quê nhà*).
- Giải thưởng của Hội Nhà văn Á-Phi năm 1970 (tiểu thuyết *Miền Tây*).
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt 1 - 1996).
- Giải Bùi Xuân Phái – Vì tình yêu Hà Nội 2010.

Tác phẩm:

- *Mực tàu giấy bản* (1941)
- *Đế mèn phiêu lưu ký* (1942, tái bản nhiều lần)
- *Ngọn cò lau* (1942)
- *Sự tích hoa thiên lý* (1942)
- *U Tám* (1942)
- *Ba bà cháu* (1942)
- *Chó với mèo* (1942)
- *Võ sĩ bộ ngựa* (1943)
- *Ba ông cháu* (1943)
- *Thằng nhỏ* (1943)
- *O chuột* (1943)
- *Giăng Thề* (1943)
- *Quê người* (tiểu thuyết, 1943, tái bản nhiều lần)
- *Bốn con nôm ấy đi du lịch* (1944)
- *Mèo già hóa cáo* (1944)
- *Ghẻ đặc biệt* (1944)
- *Nói về cái đầu tôi* (1944)
- *Chú chuột* (1944)
- *Hai con ngỗng* (1944)
- *Bốn con chó* (1944)
- *Xóm Giếng ngày xưa* (1944)
- *Nhà nghèo* (1944)
- *Chuột thành phố* (1945)
- *Dê và lợn* (1945)
- *Bốn con gà* (1945)
- *Truyện Tây Bắc* (tiểu thuyết, 1954 tái bản nhiều lần);
- *Miền Tây* (tiểu thuyết, 1960, tái bản nhiều lần)
- *Tự truyện* (hồi ký, 1965, tái bản nhiều lần);
- *Quê nhà* (tiểu thuyết, 1970)
- *Cát bụi chân ai* (hồi ký, 1991, tái bản nhiều lần);
- *Tuyển tập Tô Hoài* (3 tập, 1993);
- *Tuyển tập truyện ngắn Tô Hoài* (3 tập, 1994);
- *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi* (2 tập, 1994).

- *Ba người khác* (2006)
- *Chuyện Hà Nội Cũ* (Kim Đồng, 2010)

Ngoài ra còn một số tác phẩm khác, tổng cộng Tô Hoài sáng tác chừng 150 tác phẩm.

Trích văn:

Ngày Cuối Năm

Cõi đất hoang cuối làng Hạ ngay bên bãi tha ma. Chỗ đất trống ấy bỏ um tùm vì nhà nào có mồ mả cũng không muốn để sát vào lũy tre bên xóm có người ở trong. Chỗ này mọc lên những bụi cây ké, cây lá cối xay, cây dương và bụi lau. Đôi khi, con trâu đi qua quơ mõm chẳng có cỏ rả nhai được, lại lảng ra.

Thế mà vẫn có người ở. Chỗ tận cùng nào chẳng có người ở. Nhưng trong làng không bao giờ coi đây là xóm, là ngõ, kẻ đến kẻ đi không biết thế nào. Chỉ những người lưu lạc đến đây ngụ cư, trai tráng không có tên trong sổ đinh, không được đóng hàng giáp. Thằng mõ làng còn được chia phần ngòi một mình ngoài cửa, chứ người ngụ cư thì chưa được bằng cu mõ. Ấy thế nhưng hàng năm khi nước sông Cái lên to, trên phủ sức về lấy đinh đi hộ đê thì ông phó lý lại tróc đến cái xóm hoang này. Mày đến nương nhờ đây, mày uống nước giếng đầu làng đây thì mày phải làm thân con lừa cõng việc quan sai. Lão ta trôi giạt đến bãi hoang từ bao giờ. Người ta gọi lão là lão, tên lão là lão hay đây là cái tiếng để gọi người già mà lão già từ khi nào lão cũng không nhớ.

Chẳng mấy lúc đã đến ba mươi tháng chạp. Phiên chợ áp Tết, tiếng à à chợ búa nháo nhác đặng cây đa bên kia cánh đồng đã vang động từ sớm. Tiếng vịt cạc cạc, tiếng bò

rồng, tiếng người chửi nhau... Có xào xạc thè mới ra ngày chợ vét. Bởi vì sớm mai đã mừng một năm mới rồi. Ai dư dả tiền thì chúng họ thông dong đi sắm sửa từ những ngày chợ trong năm. Phiên chợ này của người cổ cùng mới chạy được vài tiền, vội nhoáng nhoáng đi vợ cút rượu, thè hương, miếng thịt lợn cúng, lè gạo nếp... Lão cũng chẳng đào đâu ra đồng nào mà mó đến những thứ sắm sửa ấy. Lão chẳng màng đến phiên chợ. Cái Tết, lại cái Tết, rồi lại cái Tết, những tết nhất thờ ơ qua đi.

Khôn khổ, ấy thế mà lão, chỉ có lão, lão thuộc tất cả ruộng lúa, ruộng màu, ruộng đồng cao, đồng xa của mọi nhà trong làng. Bởi vì lão quanh năm đi làm thuê đã cày bừa tát nước tháo nước nhả các mặt ruộng.

Bây giờ thì lão đi cuốc. Ruộng trồng màu phải cuốc mới kỹ được đất. Để cắm dây khoai lang, khoai nghệ, lại cải thìa..., lằm giống mới quá. Ruộng huệ hoa trắng lôm lộp như đừa chít khấn đại tang. Chúng nó hoá rồ đến nơi, trồng các cái ăn cái uống linh tinh. Chẳng bận đến lão. Lão chỉ biết bỏ nhất cuốc, lão mong được có việc làm suốt giêng hai. Nhưng đến năm cùng tháng tận thế này thì cũng chẳng nhà nào còn mướn cuốc ruộng nữa. Lão không làm dổi, mà có lẽ bởi lão cuốc chậm. Cái già đã hắt miếng cơm của lão. Nhưng chẳng cần, lão có việc khác, lão ới việc, có người thì có việc. Nhà kia gọi sửa bờ rào, đóng cổng ngăn, đào cái rãnh tát nước dưới ao, lại đánh gộc tre và không đi làm thì lão đi đặt đó, đánh lờ, kéo vó tôm, câu ếch, lão không đi chợ, nhưng thấy người ta đi chợ Tết thì lão cũng nghĩ có khi ta nên đi chợ đong lè gạo nếp, mua thè hương, khôn khó đến thế nào thì cũng phải lo nhớ đến các cụ. Nhưng chỉ nghĩ chứ chưa Tết nào lão đong được bát gạo, mua được thè hương, rồi cái nghĩ nhạt dần, rồi thôi, mà cứ mừng một Tết, lão múc bát nước mưa đem vào đặt lên hòn gạch ông đồ rau trong bếp cúng ông vải và vua bếp, lão cúng chay.

Ờ thì cũng phải đi chợ một cái xem làng nước họ chợ búa ra sao. Cái phiên chợ chửi nhau, đánh nhau, cướp giật của nhau cũng vui mắt đấy. Vẫn còn hàng lá dong, lạt giang bởi vì cũng chẳng thiếu nhà tối ba mươi mới lược được đôi bánh chưng. Bác hàng dừa bày lên mặt gánh một đồng gạo dừa có chuối cả sọ, có cái đã đẽo thành muôi, chỉ một chốc đã bán hết nhẵn. Thiên hạ mua gạo, mua muôi làm gì mà đổ xô vào thế. Tết nhất lắm thứ phải đong, phải múc, phải khảo chẳng. Có đũa bảo sọ dừa già gọt làm quân xóc đĩa còn nảy rên trong bát hơn quân võ diêm. Chẳng biết thế nào, chỉ biết vào những tháng củ mật tháng ăn chơi thế này thì đâu cũng có đám thò lò, đám xóc đĩa.

Dãy hàng tranh lơ thơ chỉ còn mớ tranh tiền rẻ nhất. Tờ giấy hồng điều đỏ khé in từng chuỗi hình mười đồng tiền. Một chinh Khải Định được lấy mười tờ tranh tiền.

Có năm lão đã mua chơi tranh tiền. Lão dán các cột lều, ngoài cửa, trong bếp. Để bói xem năm mới có tiền vào nhà không. Nhưng không khi nào có tiền vào nhà, cũng không có tiền đội nón ra đi, chẳng thấy gì cả.

Lão vào bãi bán trâu bò. Lúc này chắc có nhiều trâu, nhiều bò, bởi cái bãi lầy bùn còn in vết móng trâu, lại lắt nhắt móng dê hay móng chó. Lúc này thì chợ trâu bò vắng tanh, chỉ còn mỗi một người mổ bò thuê đương cọ mấy con dao trong cái xảo thả dưới ao làng. Trong cái xảo còn có bốn cái móng bò đen gồ ghề nổi lơ lửng trên mặt nước.

Lão nói:

- Đây dâng ấy cho tứ bốn cái móng bò nhé. Tứ xin cái móng chứ không xin cái vó đâu!

Bác đồ tể mặt còn đỏ lựng. Dáng hẳn lúc nãy vừa mỗ, vừa xả thịt vừa nốc rượu. Bác đồ tể nói to:

- Có cái bong bóng nữa. Định đem vớt cho chó gặm, người có tét thì cũng phải cho chó cái tét chứ. Lão giơ hai tay như can đôi bên đánh nhau. Ấy chết. Ấy chết, đừng phí của giờ. Cái móng bò ninh lên cũng được nổi nước xuyết. Cái bong bóng thì đem phơi nắng may ra bán cho con mẹ hàng rượu. Một đồng tiền cả đấy. Ông ơi!

Người đồ tể cười hề hề:

- Ở thì cái bong bóng để đấy chốc nữa bán cho con mẹ buôn rượu. Còn cho bố cầm cái guốc bò này về, của thằng con rể sêu tét đấy nhé.

Câu tán đại đâm ra mất cái bong bóng. Phải mau mau kéo nó không cho cái móng bò nữa thì có mà ăn mày. Lão vơ đầu được cái giỏ mất hom, nhét cả bốn cái móng bò còn dính lầy nhầy lông và bùn lấm. Rồi tắt tả đi ngay.

Ra khỏi chợ, lão nhìn lại cái giỏ móng bò mới thực yên tâm. Chẳng có đồng mốt nào, đi chợ cũng được những thứ này. Cái xương, cái móng cứ đun mãi tắt phải ra sụn ra nước xuyết. Thế là có tét rồi.

Đến cái quán giữa đồng, lão ngồi buộc lại giỏ. Bà hàng nước đã nghỉ dọn hàng quán trông gió thổi ào ào vào lều. Lão trói vào lại tháo ra, lại cầm từng cái móng bò lên ngắm, ngắm chán rồi lại đâm nghĩ ngợi lẩn thẩn. Khốn nạn thân ông, cái móng bò không phải là cái vó bò, cái vó bò thái ra chấm tương gừng, nhai rau ráu, cái móng thì... thôi thôi ông cứ đắp bùn hàm cho mấy ngày mấy đêm thì đến sừng trâu móng trâu cũng phải chảy ra nước xuyết. Thuở xưa thằng vua còn ninh mầm đá ra ăn cơ mà...

Ngoài ruộng, một đàn quạ khoang xúm xít trên một luống đất cày ải. Bọn chim chóc trộm ngày này đương chơi trò tranh nhau cái gì đây. Lũ quạ thoảng thấy người ra bay rào rào lên, lão trông thấy trong luống đất một chiếc bong bóng lợn, à mà không phải bong bóng lợn cái bong bóng trâu mới to ngồn ngộn lên thế. Không biết bọn quạ tha ở đâu về hay là đũa nào ném ra đây.

Thằng mỗ bò kia không cho ông thì ông cũng được giời cho, giời cho ông cái bong bóng trâu còn to bằng mấy cái bong bóng bò. Thật là của giời cho.

Những con quạ chết đói lại tấp xuống. Có con nhảy vào mỗ cái bong bóng. Có con táo tợn đậu xuống vai ông lão, như toan quào vào mặt cái thằng người đến cướp cơm của nhà quạ. Những những con quạ khoang địch sao được lão ông mà túm được con nào thì ông cũng cho chúng mày vào nồi tất. Tết này ông ăn tết thịt bò ông ăn thịt quạ. Lập tức, lão huơ tay lên. Những con quạ khôn ngoan đã đọc được con giận nổi đùng đùng trên mặt lão. Cả lũ bay biến đi. Thế là lão nhặt cái bong bóng nhét vào giỏ. Lão nhổ cái cỏ xước tết làm lạt buộc những cái móng bò xách một bên tay.

Lão chột lẳng tai. Tiếng chuột kêu chí chí ở góc tường đất. Không phải tiếng chuột nhắt đuổi nhau. Hình như tiếng chuột nhút nhít mới đẻ chưa mở mắt, đương chen nhau trong ổ, lão rón chân bước lại. Lão nhắc hòn gạch vồ.

Một ổ chuột tý nhau lúc nhúc đỏ hơn hồng. Con chuột mẹ nằm giữa chưa kịp ngoái đầu lên, bàn tay lão đã chít cổ lòi ra. Con chuột mẹ giãy được mấy cái, tắc thờ. Thế là cả chuột mẹ chuột con lão dốc tuột vào giỏ. Đã có thịt bò, lại thêm thịt chuột, được quá.

Lão về đến những túp lều cái xóm người ngụ cư. Cái lều

của lão như đông rạ lỏm chỏm. Gió rét ngăn ngắt. Tự dưng, lão lẩm bảm một câu bơ vơ: "À à thế này mới là Tết" lão đương há hê ta đây. Mấy cái lều ở ngoài chưa thấy hơi hướng ai về. Gió thổi kéo kẹt như có ma ở các ngôi mộ đằng kia lên đánh đu trên bụi tre.

Người ta đi đâu, lão không biết, lão cũng chẳng để ý. Chúng nó trốn tết hay chạy tết, có khi kéo nhau bỏ đi luôn cũng nên. Ở ngoài tha ma có nhà nào đi sửa mộ cuối năm. Gió tạt vào mũi hăng hắc hương đám ma. Nhưng trong đầu lão chỉ đương có những cái mừng. Nước xuyết lược bỏ, cho thêm cái bong bóng này vào thì ngon ngọt đứt đuôi rồi. Lại còn xó rượu đấy, rượu nhắm với thịt chuột bao tử nướng.

Lão đã tưởng ra tiếng pháo xa xa, tiếng trống đình, tiếng chuông chùa nổi lên. Ba ngày tết qua rồi, đã có người gọi hẹn mừng tuổi lão từ trong năm, mừng bốn vào dọn vườn động thổ. Hôm ấy thì được chén tuý lúy thẳng thùng rồi.

Lão nhìn cái bờ rào cúc tần. Để những thức ăn sống sít này chỗ cao ráo cho khỏi con kiến bò vào, không khéo thì có khi cả con chó đến ngoạm mất. Nhìn trước nhìn sau, rồi lão gài cái giỏ chuột vào hốc thân cây dương. Bốn cái móng bò và cái bong bóng trâu thì treo trên cành cây dương ở ngay cửa lều, trông ra thấy ngay.

Lão vào bếp thổi lửa, vợ mấy cái que củi đốt sười rồi ngã người xuống ổ rom.

Lão cứ nghĩ vợ vẫn toàn những cái vui, tưởng như vừa được một buổi sắm sửa bận rộn rồi lại đã cơm no rượu say ngoài chợ. Hai con mắt lão gà gà díp lại trong tiếng pháo lạch tạch đâu đây.

Lão chớp mắt một lúc. Tiếng gió lùa rào rạt trong vòm trời

âm u, trở dậy không biết sắp tối hay còn ban ngày. Lão ngòai dậy lò dò ra đem các thứ vào bếp.

Trong hộc cây dương để cái giỏ chuột. Bốn cái móng bò, cái bong bóng trâu thì treo trên. Nhưng chẳng thấy các thứ ấy đâu cả. Đứa nào đã thốn mất. Hay con cày, con cáo tha rồi.

Lão nhìn quanh xem như còn có cái gì rơi xuống đất. Không thấy. Lão đứng tần ngần, cũng chẳng nghĩ ngợi ra sao.

ooo

Trong loạt bài *Tô Hoài - một người Hà Nội (Bài 2): Tô Hoài và một phong cách tiểu thuyết*, tác giả Nguyễn Văn Long đã viết:

“Tiểu thuyết Tô Hoài thường có cốt truyện không phức tạp, cũng ít những sự kiện, biến cố quan trọng. Truyện cũng thường được trần thuật theo trình tự thời gian kể cả ở những tác phẩm dùng cách kể theo hồi tưởng của một nhân vật. Tô Hoài không hấp dẫn độc giả bằng các thủ pháp mới lạ trong cách viết, trong nghệ thuật kết cấu tác phẩm. Nhà văn cứ để dòng đời trên trang sách trôi chảy tự nhiên, nhiều khi khá lặng lẽ, với nhiều quãng dừng, mạch rẽ ở những chỗ miêu tả sinh hoạt, phong tục thiên nhiên. Mạch truyện vì vậy thường chậm, ít có những chỗ được đẩy tới căng thẳng, những cao trào. Người kể chuyện trong truyện của Tô Hoài cứ nhàn nhả, bình thản mà kể, mà tả. Nhịp điệu chậm trong tiểu thuyết của Tô Hoài có thể làm cho một số người đọc dễ sốt ruột, khó kiên trì theo cùng với tác giả trên hành trình của dòng đời và nhân vật. Đây phải chăng cũng là một đặc điểm khiến cho tiểu thuyết của ông khó đến được với một số người đọc. Nhưng vượt qua những

hạn chế ấy, bạn đọc đến với tiểu thuyết Tô Hoài là đến được với những pho bách khoa thư về đời sống, cả hiện tại và xa xưa, ở nhiều vùng từ gần gũi đến xa xôi.”

(nguồn: Thử Thao & Văn Hóa – thethaovanhoa.vn)

Tài liệu tham khảo:

- Tô Hoài Web: hocmai.vn
- Ngày cuối năm Web: vnthuquan.net



Nhà văn Tô Hoài

Hội họa của Nguyễn Hữu Khoa

4. Trần Bạch Đằng



Trần Bạch Đằng – Trương Gia Triều (1926-2007)

Trần Bạch Đằng tên thật là Trương Gia Triều, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1926 tại xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, Kiên Giang. Ông là cháu nội nhà chí sĩ yêu nước Trương Gia Mô (còn gọi là cụ Nghè Mô). Sau những năm học trường sơ học ở vùng quê Biên Hòa, ông không được tiếp tục theo học trung học, từ đó ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1943.

Năm 1946, ông được giao phụ trách tờ *Chống Xâm Lăng* của Thành ủy Sài Gòn. Năm 1951 làm Chủ bút báo *Nhân Dân Miền Nam* của Trung ương Cục. Ngoài bút hiệu quen thuộc được nhiều người biết đến, ông còn dùng những bút hiệu khác như: Hương Triều, Nguyễn Hiếu Trường, Nguyễn Trương Thiên Lý, Trần Quang... và viết nhiều thể loại khác nhau.

Trong suốt Chiến tranh Việt Nam, ông lần lượt đảm trách nhiều cương vị quan trọng như bí thư Thành ủy Sài Gòn,

phụ trách Ban tuyên huấn Trung ương Cục, Ủy viên Đoàn chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Năm 1976, ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Từ năm 1978, ông là phó Ban Dân vận trung ương. Năm 1981, ông công tác ở Ban Tuyên huấn trung ương; năm 1982 là chuyên gia công tác tư tưởng văn hóa, viết báo, văn, nghiên cứu khoa học xã hội, giúp trung ương và Chính phủ Việt Nam một số vấn đề về chiến lược tư tưởng, kinh tế - xã hội.

Về sự nghiệp văn chương, do ảnh hưởng của gia đình, lòng ham thích văn chương hình thành trong ông rất sớm. Năm 1943, ông đã có những bài thơ đầu tay như: *Trên bờ Đồng Nai, Dấu cũ, Chiều rách mưa đêm, Dạy học lậu...*

Năm 1982, truyện *Ván Bài Lật Ngửa* của Nguyễn Trương Thiên Lý được đăng trên báo Tuổi Trẻ cho đến năm 1988.

Sau 1975, ông sống và làm việc ở Tp. HCM. Ông qua đời hồi 10g55 ngày 16 tháng 4 năm 2007 (nhằm ngày 29 tháng 2 âm lịch) tại bệnh viện Chợ Rẫy vì ung thư phổi, thọ 81 tuổi.

Tác phẩm:

- *Trần Hưng Đạo bình Nguyên* (kịch 1951)
- *Bài ca khởi nghĩa* (Tập thơ, 1970)
- *Hành trình* (Tập thơ, 1972)
- *Theo sóng Đồng Nai* (Tập thơ, 1975)
- *Bác Sáu Rông* (truyện ngắn, 1975)
- *Thôi thúc của đổi mới* (1975-1985)
- *Đất nước lại vào xuân* (Tập thơ, 1978)
- *Chân dung một quân đốc* (truyện ngắn, 1978)
- *Ván bài lật ngửa* (kịch bản phim 8 tập, 1982-1988)
- *Nửa tuần trăng kỳ lạ* (kịch 1984)

HUỶNH ÁI TÔNG

- *Một ngày của bí thư tỉnh ủy* (truyện ngắn, 1985)
- *Ngày về của ngoại* (truyện ngắn, 1985)
- *Tình yêu và lời đáp* (kịch 1985)
- *Những cái tên đồng bằng* (Tập thơ, 1986)
- *Gian nan những bước đầu* (1986-1991),
- *Ông Hai Cũ* (kịch bản phim 2 tập, 1985-1987)
- *Một mùa hè oi ả* (kịch 1986)
- *Một mối tình* (kịch 1987)
- *Dòng sông không quên* (kịch bản phim 1989)
- *Chín năm cho một cuộc hồi sinh* (1992-2000)
- *Tuyển tập Hương Triều* (Tập thơ, 1997)
- *Đổi mới - Đi lên từ thực tế* (NXB Trẻ, 2000)

Ông cũng tham gia biên soạn hoặc làm chủ biên các công:

- *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*
- *Địa chí Đồng Tháp Mười*
- *Địa chí Sông Bé*
- *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến...*

Trích văn:

Tôi làm báo

Đây là một hồi ký về báo chí của cá nhân tôi. Không có gì phải trình bày thêm, bởi tôi đã cố gắng ghi lại nét chính hoạt động báo chí của mình.

Chưa bao giờ tự cho mình là nhà báo chuyên nghiệp, tôi vẫn xem báo chí là trận địa mà tôi ưa thích và viết báo với tất cả hứng thú sẽ cùng đi với tôi đến khi tôi không còn viết được nữa

Làm chủ bút Nhân Dân Miền Nam

Một ngày cuối năm 1951, tôi được Thường vụ Trung ương Cục gọi đến. Cơ quan tôi - Đoàn Thanh niên cứu quốc Nam bộ - đóng trên kinh Mười Phải, gần Rau Dừa (thuộc Cà Mau), còn Trung ương Cục đóng ở hạ lưu sông Đốc. Anh Nguyễn Văn Kinh, thường trực Trung ương Cục, trao cho tôi quyết định thay anh Lưu Quý Kỳ làm chủ bút tờ Nhân Dân Miền Nam, anh Kỳ thay anh Nguyễn Văn Nguyễn làm giám đốc Sở Thông tin, anh Kinh - chủ nhiệm tờ báo - chẳng nói thêm với tôi điều gì dù quyết định này hoàn toàn bất ngờ đối với tôi.

- Vậy các công việc mà tôi đang phụ trách thì sao?

- Chú mày kiêm nhiệm!

Anh trả lời dè sẻn như thói quen. Tôi biết anh từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp - thoát khỏi khám tử tù, anh tham gia Xứ ủy và trực tiếp phụ trách Thành ủy Sài Gòn thay anh Nguyễn Oanh. Bây giờ tôi công tác ở Ngã Sáu nên gặp anh; anh rất ít nói.

Trong đầu tôi, việc bố trí công tác cho ỏn là rất khó - tôi đang làm xứ đoàn trưởng Thanh niên Cứu quốc Nam bộ do đại hội bầu, vừa làm phó Ban dân vận, phó đoàn kiểm tra Trung ương Cục, phó Ban tuyên huấn. Trong các ngành đó, tôi gần như phải thường trực Đoàn Thanh niên cứu quốc và Ban tuyên huấn.

- Chú cho ra một tờ Tiểu Thuyết Nhân Dân và chịu trách nhiệm tờ Việt Xô...

Anh lạnh lùng ra lệnh.

Biết là không thể cự được, tôi rời cơ quan Trung ương Cục với bao nhiêu lo lắng, sang chỗ anh Lê Đức Thọ. Bảy

giờ, Đại hội Đảng đã họp ở Việt Bắc. Đảng ta ra công khai (sau thời gian “tạm giải tán” cuối năm 1945) với tên Đảng Lao động Việt Nam. Trung ương Cục miền Nam thay cho Xứ ủy, gồm đồng chí Lê Duẩn, bí thư; Lê Đức Thọ, phó bí thư; Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Kinh, ủy viên.

Nghे tôi trình bày, anh Thọ bảo: “Công việc thanh niên sẽ do cậu Nguyễn Văn Chí lo, nhưng cậu không được lơ là, còn các việc khác Trung ương Cục đã bàn, không thể thay thế được. Cậu có gặp anh Ba (đồng chí Lê Duẩn) vẫn thế thôi. Cố mà làm!”.

Ra báo thì phải có nhà in. Trung ương Cục đã quyết định đặt nhà in Trần Phú - nhà in lớn nhất vùng giải phóng Nam bộ - dưới quyền sử dụng của tôi (nhưng không trực thuộc tôi về hành chính mà do Ban quản trị Trung ương Cục phụ trách).

Nhà in có cả chục máy to, nhỏ từ Pédale đến Yoda, hàng tấn chữ, có bộ phận cliché, một đội phát hành hùng hậu. Giám đốc nhà in là một đồng chí kỳ cựu - đồng chí Xích Hồng - và các cán bộ năng động. Nhà in Trần Phú tự túc hoàn toàn trong đời sống, vừa làm ruộng vừa chăn nuôi, chài lưới, mức sinh hoạt khá cao. Đã có máy điện cho sản xuất.

Tôi yên tâm được một bề. Còn tòa soạn? Thật gay. Trước đây, Nhân Dân Miền Nam ra hằng tháng, tôi chủ trương ra nhật kỳ. Đồng chí trưởng ban quản trị Trung ương Cục chỉ nói: “Tùy anh, song tôi không bù lỗ...”.

Làm sao đây? Tôi mời đồng chí Tô Hòa, bấy giờ là chánh văn phòng Thanh niên Cứu quốc Nam bộ, đồng chí Việt Hùng (Hùng Lý) bấy giờ là cán bộ trong Ban thiếu nhi của

Thanh niên Cứu quốc, đồng chí Tô Dự, cán bộ Đoàn, họa sĩ, Nguyễn Hải Trưng và Nguyễn Văn Mười (học Đại học Mỹ thuật Hà Nội), tập hợp luôn anh Phùng Lương (Khuông Hữu Thành, cán bộ lâu năm của Đảng), Lê Văn Diệu (sinh viên)... cùng trao đổi, có anh Nguyễn Văn Chí và Cao Ngọc Thọ của Đoàn Thanh niên cứu quốc.

Rồi thì ban biên tập báo Nhân Dân Miền Nam cũng hình thành. Nhân Dân Miền Nam ra nửa tháng một kỳ, sau này, mỗi tuần một kỳ.

Tôi chuyên viết xã luận, bình luận.

Báo Nhân Dân Miền Nam kèm phụ san Tiểu Thuyết Nhân Dân. Tây đầu đồ và Bên rừng Cù lao Dung của Phạm Minh Tây (Sơn Nam), Chiến đấu viên họ Trần của Việt Hùng (Hùng Lý) trong danh sách này. Việt Xô ra vài số, tôi chủ nhiệm, ký tên Trương Chí Công.

Các cán bộ của Nhân Dân Miền Nam rất vất vả. Bài vở xong, họa sĩ trình bày xong, phải chèo xuồng đến nhà in, cách cả ngày đường.

Chúng tôi quyết định “lấy thu bù chi”, hồi đó chưa có khái niệm kinh doanh. Nhân Dân Miền Nam xuất hiện trên các ngã ba sông, bán hẩm hoi. Nhà in phấn khởi và tòa soạn cũng “thơm lây”. Nhà in có đội hỏa tốc, báo ra lò là chèo cật lực đưa tận nơi - vùng giải phóng Tây Nam bộ rất rộng, gồm tỉnh Bạc Liêu (Minh Hải sau này), Sóc Trăng, Rạch Giá, Cần Thơ.

Tôi chủ trương: báo bán chứ không “kính biểu”. Do đó, nhuận bút cho các tác giả đạt mức “cacao, cà phê sữa, thuốc Cotab”! Vì báo tăng kỳ, vòng quay nhanh, phóng viên chạy “toát mồ hôi”.

Bài viết thay suy nghĩ

Sau 30-4-1975, với trách nhiệm thường trực Ban tuyên huấn Trung ương Cục, tôi liên quan chặt chẽ với báo chí thành phố. Công việc khá bề bộn. Cho Đài Truyền hình phát sóng, đưa Đài phát thanh Giải Phóng thay cho Đài Sài Gòn, Thông tấn xã Giải phóng thay Việt Tấn xã, xuất bản gấp tờ Giải Phóng rời Sài Gòn Giải Phóng...

Do yêu cầu thúc bách, ngoài việc chỉ đạo tuyên huấn và báo chí ở Sài Gòn và Nam bộ, tôi phải viết hằng ngày cho các báo như Sài Gòn Giải Phóng, Đại Đoàn Kết, Văn Nghệ, Tin Sáng, Công Giáo & Dân Tộc, sau này, thêm Tuổi Trẻ, Công An. Đó là thời kỳ rất bận rộn.

Đầu năm 1977, trung ương điều động tôi ra Hà Nội. Bảy giờ sức khỏe của tôi rất xấu - xấu hơn lần phụ trách Đảng ủy Tiền phương Nam trong trận Mậu Thân mà tôi phải nghỉ gần một năm.

Ra Hà Nội, tôi được trung ương cho đi nghỉ ở Liên Xô, lúc trở về, vào Trường Nguyễn Ái Quốc nghiên cứu bộ Tư bản của Mác tám tháng, lại đi nghỉ kết hợp chữa bệnh ở Hung và Đức.

Những khoảng xen kẽ giữa nghỉ và nghiên cứu này, tôi

tranh thủ đi các nơi ở miền Bắc - gần như tôi đã đi hầu hết các huyện ở Bắc bộ, kể cả Mèo Vạc, Điện Biên, Hồ Ba Bể, Bản Trang, nhiều lần đi Vũ Thắng.

Tôi viết một số bài ký đăng trên báo Nhân Dân, một số bài thơ. Đây là cơ hội giúp tôi hiểu đất nước, con người ở một vùng rộng lớn mà từ bé tôi chưa tiếp cận. Đây cũng là cơ

hội giúp tôi làm quen với mảng chủ đề quan trọng hàng đầu của nước ta mà trong quá khứ tôi chưa thạo - mảng kinh tế.

Tôi trở lại TP.HCM cuối năm 1978. Lúc này kinh tế nước ta gặp khó khăn gay gắt, thiên tai dồn dập, Pol Pot phá rối biên giới Tây Nam, vụ “nạn kiều” và sau đó chiến tranh xâm lược biên giới phía Bắc cùng chuyện “thuyền nhân” đẩy chúng ta vào chỗ khốn đốn. Tôi liên tục viết trên báo Sài Gòn Giải Phóng và Tin Sáng các bài chống lại kẻ thù, động viên ý chí và tinh thần nhân dân.

Sau đó, tôi được chuyển sang Ban Dân vận trung ương. Công việc lại chẳng nhẹ nhàng. Tuy nhiên, tôi không rời trận địa báo chí. Với trách nhiệm phụ trách thường trực Ban Dân vận trung ương, tôi đi lại nhiều và mỗi chuyến đi tôi ghi thành bài báo, phần lớn đăng trên báo Nhân Dân. Cũng vào thời gian này, tôi viết hai tiểu thuyết, đều in và chuyển thành kịch bản điện ảnh: Ván bài lật ngửa là kịch bản phim truyện dài hơi (8 tập) đầu tiên của điện ảnh nước ta.

Từ năm 1985, tôi không phụ trách, lãnh đạo, quản lý nữa mà chuyên viết và nghiên cứu. Tôi vẫn tiếp tục đi đây đó, bây giờ đi thêm nhiều nước.

Các bài viết của tôi đăng ở các báo trong nước lẫn báo tỉnh thay tôi nói về thực tế hoạt động báo chí và suy nghĩ của tôi.

Trần Bạch Đằng là một nhà chính trị, một người lãnh đạo, nhà văn, nhà thơ, nhà báo. Dương Trung Quốc trong bài *Trần Bạch Đằng: Một người vừa có tài vừa có tình*, đã viết:

Đọc báo hàng ngày, vẫn thấy ông viết - tuy không còn thường xuyên như trước, nhưng đến tận những ngày gần

đây, bút lực vẫn cường tráng như xưa! Ngỡ rằng, sẽ còn được đọc nhiều bài nữa... Vậy mà, hôm nay, trên nhiều tờ báo, tin ông qua đời đã là một sự thực.

Trong đoạn chót cuốn "Cuộc đời và ký ức", Trần Bạch Đằng kể rằng, người vợ thân yêu của ông đã nguyện: nếu ông ra đi trước thì bà sẽ khắc tạc lên bia mộ của ông câu thơ Nhất phiến tài tình thiên cổ lục"- một câu trích trong bài thơ đề bút của Phạm Quý Thích dành cho tác phẩm "Truyện Kiều" của thi hào Nguyễn Du. Câu thơ nói về thân phận của nàng Thúy Kiều trong truyện cũng là của Nguyễn Du ngoài đời, của những con người "tài tình cho lắm"...

Vì lẽ gì câu thơ ấy được ông và người hiểu ông nhất vận vào cuộc đời của Trần Bạch Đằng? Lúc này vĩnh biệt ông tôi đang nghĩ và tôi tin rằng rồi sẽ hiểu...

Tài liệu tham khảo:

- Trần Bạch Đằng Web: vi.wikipedia.org
- Tôi làm báo Web: tuoitre.vn



5. Nguyễn Trọng Oánh



Nguyễn Trọng Oánh (1929-1993)

Nhà thơ Nguyễn Trọng Oánh sinh ngày 1.11.1929 tại xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Ông có bút danh Nguyễn Thành Vân.

Ông xuất thân trong một gia đình nông dân, là học sinh trung học tham gia cách mạng tháng Tám. Ông nhập ngũ vào biên chế của đại đoàn chủ lực 304, tham gia chiến đấu trên nhiều chiến trường miền Bắc, là cán bộ tuyên huấn, tham gia viết báo Trung Đoàn, Đại Đoàn.

Năm 1955, ông được điều về trại sáng tác viết truyện anh hùng ở tổng cục Chính trị.

Năm 1957, ông công tác tại ban biên tập tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, tham gia thành lập Hội nhà văn Việt Nam.

Năm 1966, Nguyễn Trọng Oánh vào Nam chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên một thời gian, rồi chuyển sang chiến trường miền Đông Nam bộ, sau làm biên tập viên tạp chí *Văn nghệ quân giải phóng*.

Cuối năm 1967, đầu năm 1968, ông thay nhà văn Nguyễn Thi, giữ chức Tổng biên tập của tạp chí *Văn nghệ quân giải phóng*.

Năm 1975, ông cùng đơn vị tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh tiếp quản Sài Gòn. Bắc Nam thống nhất, ông trở ra Hà Nội tiếp tục công việc sáng tác tại tạp chí Văn nghệ quân đội.

Năm 1979-1982, ông giữ chức quyền Tổng biên tập tạp chí Văn nghệ quân đội.

Năm 1982, ông từ nhiệm quyền Tổng biên tập để chuyên tâm sáng tác

Nguyễn Trọng Oánh mất ngày 24 tháng 12 năm 1993, tại Hà Nội, thọ 64 tuổi.

Ông nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng Hội Nhà văn năm 1977.
- Giải thưởng Văn học Bộ Quốc phòng năm 1984 cho tiểu thuyết *Đất trắng*.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2001 cho các tác phẩm: *Đất trắng*, *Ngày đẹp nhất*.

Tác phẩm:

- *Thơm hương bốn mùa* (thơ, 1961)
- *Ngày đẹp nhất* (thơ, 1974)
- *Lời người cầm súng* (thơ, 1977)
- *Nhật ký chiến đấu* (ký sự, 1977)
- *Đất trắng* (tiểu thuyết - tập 1, 1979)
- *Đất trắng* (tập 2, 1984)

Trích thơ:

Trăng

*Nhớ Trung thu năm trước
Ôm trăng ngủ giữa đèn
Ngày đi ngàn dặm đất
Đêm gặp mặt người yêu
Vội vàng hôn mái tóc
Tình dậy thành chiêm bao!
Em ơi tình có một
Mà mùa trăng có nhiều*

*Từ thuở có mặt trăng
Có bao nhiêu hẹn ước
Đêm nay lại đêm rằm
Ta quên nhau sao được
Xa xôi đường hành quân
Lòng em như đáy nước
Ôm một ánh trăng rằm
Đôi theo anh mỗi bước*

(9 – 1956)

Quê Bác

*Thuyền xuôi xuôi mãi dòng sông
Dòng sông quê Bác nước trong đôi bờ
Xôn xao sóng đục con đò
Đã nghe âm ám câu hò Nghệ An:
"Quê ta ngọt mía Nam Đàn
"Ngon khoai chợ Rộ, thơm cam Xã Đoài..."*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Đường sang quê Bác đây rồi
Con nông giang nhỏ chạy dài đầu thôn
Nhà xưa Bác ở vẫn còn
Mái tranh nho nhỏ, nếp vườn thân yêu
Bác ơi, nhà Bác cũng nghèo
Quê hương Bác cũng như nhiều quê hương
Chỉ vì Bác rộng tình thương
Cho nên nắng đẹp mùi hương tràn về.*

*Để người cuộn chỉ ngừng xe
Khăn vuông yếm trắng lên để giữ làng
Để người tắm nước quê hương
Thấy sông thêm rộng thấy đường thêm xinh*

*Tôi như chim nhỏ giữa rừng
Bác như nắng đẹp sưởi hồng ban mai
Lời đâu mà nói hết lời
Mái tranh còn mãi dấu Người thân yêu*

*Ra về bãi mía nhìn theo
Thuyền ai lên Rộ nước triều dâng dâng
Đất vui đất có anh hùng
Ta vui ta sống giữa lòng quê hương.*

1959

Trích văn:

Vài kỷ niệm về Hà Mậu Nhai

Năm 1955 khi tôi về Tổng cục Chính trị dự trại viết đầu tiên của quân đội thì đã có tên Hà Mậu Nhai. Anh là một trong số những người viết đầu tiên của tạp chí Văn nghệ Quân đội cùng với các anh Thanh Tịnh, Vũ Cao, Từ Bích Hoàng, Hồ Phương, Nguyễn Khải v.v...

Anh Nhai cũng ít nói như anh Từ Bích Hoàng. Lúc đó chúng tôi thường thấy anh xuất hiện như một trại viên, không biết gì về anh. Mãi đến sau này, khi dò hỏi ra, chúng tôi mới biết anh vốn quê ở Thái Bình, nhưng hoạt động cách mạng và tham gia kháng chiến ở Nam Bộ, từng là cán bộ lãnh đạo văn nghệ cùng lớp với các anh Bảo Định Giang, Rum Bảo Việt, Bích Lâm, v.v..

Lúc làm biên tập cùng với tôi, có hôm nhân đọc thơ tôi, anh Nhai nói:

- Ở trong Nam, hỏi trước người ta gọi tao là thi sĩ Hà Mậu Nhai đó chứ! Nói rồi anh cười hề hề (cái giọng cười rất hiền và rất quen thuộc đối với anh). Cũng từ đấy trở đi, chúng tôi mới biết là trước đây anh cũng có làm thơ.

Anh Nhai có một sự chú ý về phong trào văn học từ hồi đó (nhất là đối với miền Nam) Vì vậy, những lần được đi phóng viên, anh cũng như anh Nguyễn Ngọc Tấn, thường xuống các đơn vị miền Nam quen thuộc như 330, 338, 305.

Thời kì kháng chiến chống Mỹ, tạp chí Văn nghệ Quân đội có mục “bài từ miền Nam” do các tác giả ở chiến trường viết gửi ra, anh Nhai thường phụ trách mục đó.

Thời kì máy bay Mỹ đánh ra miền Bắc, anh em ở Văn nghệ Quân đội tảo đi các chiến trường, nhất là vùng từ khu 4 trở vào. Người đi xa nhất lúc bấy giờ là anh Hà Mậu Nhai. Có lần anh đi dò dọc theo sông Bến Hải, lên mãi tận đồn biên phòng Cù Bai...

Đạo đó, anh đi công tác nhiều, lại có nhiều chuyện riêng trong gia đình. Có một lần anh về, trong bộ đồ tắm. Anh nhờ tôi về nhà đưa cháu Trúc Bạch và Hoàn Kiếm lên cho

anh gặp (tôi cứ nghĩ rằng anh buồn vì chuyện gia đình). Lúc đầu anh không nói gì, nhưng sau đó thấy anh lầu bàu:

- Không cho đi thì ra ngoài, không ở trong quân đội nữa!

Về sau tôi mới biết rõ chuyện, chả là anh xin đi vào Nam nhưng anh Thanh Tịnh phần muốn giữ người, phần cũng do ý kiến cấp trên thế nào đó, nên nói với anh:

- Cấp trên còn nghiên cứu.

Đến sau này, tôi được đi Nam, khi vào Tây Nguyên, sau đó vào Nam Bộ thì được tin anh Nhai ra ngoài quân đội phụ trách nhà xuất bản Giải Phóng. Thời kì này, anh luôn liên lạc với ủy ban thống nhất miền Nam.

Các anh Nguyễn Trung Thành (Nguyên Ngọc), Thu Bồn, Anh Đức, Phạm Tứ Dương Hương Ly, Nam Hà, Giang Nam, cho in tác phẩm rất nhiều tác giả trẻ. Tôi được biết trong bộ phận chúng tôi (Văn nghệ Quân Giải phóng B2) các anh đã in cho: Văn Lê, Trần Mạnh Hảo, Võ Trần Nhã, Thanh Giang, v.v.. Ngoài ra, Nhà xuất bản Giải Phóng mà anh Nhai là tổng biên tập đã cho in rất nhiều tác giả khác của miền Nam. Điều đáng quý của Nhà xuất bản này là nâng đỡ những anh em trẻ, mặc dầu đó chưa phải là những tác giả quen biết.

- & -

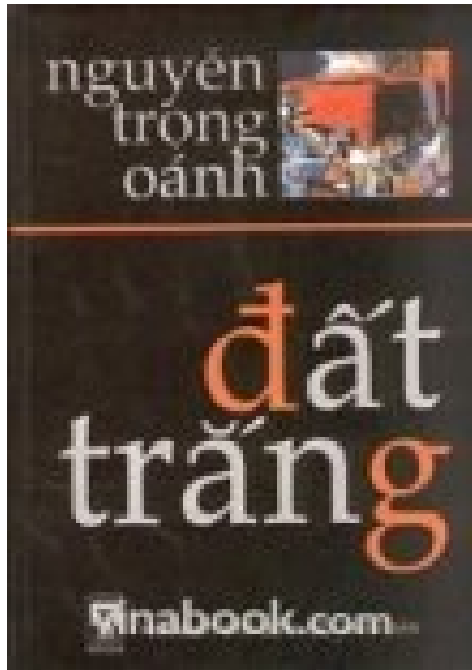
Nguyễn Trọng Oánh là nhà thơ, về sau này ông mới viết *Đất trắng*, là tác phẩm tiểu thuyết viết về chiến tranh gian khổ, khốc liệt trên mảnh đất miền Đông Nam bộ.

Trong Từ điển Văn học Bộ mới, Trần Hải Yến viết về *Đất trắng* và tác giả Nguyễn Trọng Oánh như sau:

“Có thể nói Đất trắng là khởi đầu cho một sự đổi mới cách nhìn và phản ánh hiện thực, con người trong chiến tranh. Với riêng Nguyễn Trọng Oánh, đây là một quan điểm nhất quán. Những sáng tác sau này, ông có xu hướng thu hẹp hơn diện “hiện thực” được phản ánh để đi sâu hơn vào những “cuộc chiến” trong mỗi con người, vào tầng sâu nhân cách. Đó chính là giá trị của ngòi bút tiểu thuyết Nguyễn Trọng Oánh trên nền chung văn xuôi đương thời.”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Trọng Oánh Web: vannghequandoi.com.vn
- *Vài kỉ niệm về Hà Mậu Nhai* Web: vannghequandoi.com.vn



6. Nguyễn Minh Châu



Nguyễn Minh Châu (1930-1988)

Nhà văn Nguyễn Minh Châu sinh năm 1930, tại làng Văn Thái, còn gọi là làng Thơi, xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Theo lời bà Nguyễn Thị Doanh, vợ ông cho biết tên của ông là Nguyễn Thí. Tới khi đi học, bố mẹ ông mới đổi tên thành Nguyễn Minh Châu. Trong những ghi chép cuối cùng, *Ngồi buồn viết mà chơi* ông viết trong những ngày nằm viện ở Bệnh viện Quân y 108, Nguyễn Minh Châu tự nhận xét về mình: *"Từ lúc còn nhỏ tôi đã là một thằng bé rụt rè và vô cùng nhút nhát. Tôi sợ từ con chuột nhất cho đến ma quỷ. Sau này lớn lên, đến gần sáu chục tuổi, đến một nơi đông người tôi chỉ muốn lén vào một xó khuất và chỉ có như thế mới cảm thấy được yên ổn và bình tâm như con dế đã chui tọt vào lỗ"*.

Năm 1945, ông tốt nghiệp trường Kỹ nghệ thực hành Huế.

Tháng 1 năm 1950, ông học chuyên khoa trường Huỳnh Thúc Kháng tại Nghệ Tĩnh và sau đó gia nhập quân đội, học ở trường sĩ quan lục quân Trần Quốc Tuấn.

Từ năm 1952 đến 1956, ông công tác tại Ban tham mưu các tiểu đoàn 722, 706 thuộc sư đoàn 320.

Từ năm 1956 đến 1958, Nguyễn Minh Châu là trợ lý văn hóa trung đoàn 64 thuộc sư đoàn 320.

Năm 1961, ông theo học trường Văn hóa Lạng Sơn.

Năm 1962, Nguyễn Minh Châu về công tác tại phòng Văn nghệ quân đội, sau chuyển sang tạp chí *Văn nghệ quân đội*.

Ông được kết nạp vào Hội nhà văn Việt Nam năm 1972.

Nguyễn Minh Châu qua đời ngày 23 tháng 1 năm 1989 tại Hà Nội, thọ 59 tuổi.

Tác phẩm:

- *Sau một buổi tập* (1960)
- *Cửa sông* (tiểu thuyết, 1966)
- *Những vùng trời khác nhau* (truyện ngắn, 1970)
- *Dấu chân người lính* (tiểu thuyết, 1972)
- *Miền cháy* (tiểu thuyết, 1977)
- *Lửa từ những ngôi nhà* (tiểu thuyết, 1977)
- *Những người đi từ trong rừng ra* (tiểu thuyết, 1982)
- *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (truyện ngắn, 1983)
- *Bến quê* (truyện ngắn, 1985)
- *Mảnh đất tình yêu* (tiểu thuyết, 1987)
- *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa* (1987)

- *Cỏ lau* (truyện vừa, 1989).
- *Phiên chợ Giát* (truyện ngắn, 1989)
- *Nguyễn Minh Châu toàn tập* (NXB Văn Học, 2001)

Trích văn:

Phiên chợ Giát

1

Lão Khúng thức giấc. Lão chợt thức giấc vì một giấc mê khủng khiếp. Trong cơn mê ngủ, lão Khúng trông thấy một lão già thân hình cao vóng lại lưng còng đầy những xương cùn gấu, mái tóc cắt ngắn cứng như rễ tre, mớ đồ phải, mớ đồ về phía trước trán, sợi đen sợi trắng loang lổ, mặt mũi gồ ghề, hai con mắt nhìn gườm gườm, với những mảng tiết bò còn ướt hoặc đã khô dính bết trên các bắp thịt nổi cuộn ở bả vai và bắp tay ; cái lão già ghê tởm ấy giang cả hai cánh tay nâng một chiếc búa to nặng như búa của thằng phụ lò rèn ở đầu làng Khơi bỏ xuống giữa đầu một con bò, cú đánh của chiếc búa tạ làm lún một mảng trán sát hai con mắt của con vật, khiến cho một con mắt dính đầy máu trời ra ngoài. Trời đất hồi, đúng là con bò của nhà lão Khúng, con khoang đen nhà lão, "mụ già khịt khịt hay cảm cúm" của nhà lão, "bà đội trường" của lão Khúng, con bò nhà lão kêu rống lên một tiếng nghe ghê rợn, thứ tiếng kêu phát ra vào buổi mờ sáng từ nhà a ba toa phố Cầu Giát mà từ nhỏ những bạn đi củi qua đó, qua các nhà a ba toa có ánh sáng ngọn đèn bãi chiếu như hắt ánh sáng ra ngoài, lão Khúng đều phải bịt cả hai lỗ tai lại, vắt chân lên cổ mà chạy. Nào có phải đùa dốt, là đùa trẻ tợn tạo nhưng lão Khúng từ nhỏ đã không chịu nổi bất kỳ con vật gì kêu khi sắp chết. Ai ? ai đã giết con khoang đen nhà lão, người bạn đời của lão ? Lão nào ? Thằng già chết tử chết tiết nào, đứa thần trùng nào, bọn trộm cướp giết người của dân kẻ bãi hay sơn tràng nào ? Thì lão chứ ai ! Đứa hung thần là lão Khúng chứ ai !

Kẻ nâng chiếc búa tạ lên đánh vào đầu con vật là lão chứ ai ! Tay chân run lẩy bẩy, mồ hôi toát ra khắp sống áo đầm đìa, lão Khúng sợ quá. Lão đã trở nên độc ác quá mức, thật là vô cùng ác độc, mà lão đã trở nên độc ác ngoài sức nghĩ của con người từ bao giờ vậy ? Giá như người khác, là người biết ngoan ngoãn tuân phục một thứ tôn giáo nào thì chắc chắn lúc này, giữa đêm hôm khuya khoắt, lão đã lập tức quỳ sụp xuống mà hồi hải đọc kinh, đập đầu xuống đất mà van nài kẻ tôn thờ, trút lòng ăn năn xám hối trước đấng thiêng liêng ở trên đầu trên cổ. Đằng này là một kẻ vô đạo, lão Khúng chỉ biết lật mình ngồi dậy trên tấm phản gỗ mà run sợ một mình, vật vã đau khổ một mình, tự mình lại lấy làm sợ hãi trước chính mình. Lão mở tròng tròng hai con mắt mà nhìn lên hung thần đồ tể vừa nhập vào lão, ngay khi lão bình yên ngủ trên tấm phản quen thuộc giữa nhà mình.

Đoạn rồi như một kẻ vừa may mắn thoát hoạ, lão Khúng thờ phào. Thực may ! may quá ! Vậy là không phải, chỉ là trong giấc mơ. Không phải thực. Đúng, mà đây rồi, con khoang đen nhà lão lúc này đang khịt khịt ở ngoài gian bò sau nhà bếp. Lão yên tâm nằm xuống. Và nghĩ về giấc mơ tiếp sau đó. Pin ! pin ! pin ! Lạ lùng sao, con bò bỗng kêu rống lên lanh lảnh như tiếng còi ô tô vậy nhỉ ? Mà hoá ra ô tô thật, trong giấc mơ lão Khúng chẳng thấy con bò nhà lão ở đâu nữa, mà từ phía sau lưng lão, ngật ngưỡng lao vút đến một chiếc xe commăngca đầy oai vệ. Chiếc xe dẹt tròn không chạy trên đường mà bay là là trên mặt đám ruộng trồng khoai lang, bay qua đoạn nương dẫn nước trước nhà lão Khúng rồi lại bay qua mảnh sân nề vôi, bốn bánh xe không hề chạm mặt đất !

Lão Khúng cứ trương mắt đứng ngó trân trân vào cái mặt kính chắn gió. Lão trông thấy loang loáng ở đằng sau có một người đàn ông thân hình phương phi, mặt tròn vành vạnh và đỏ rục như vàng mặt trời mới mọc, mặc sơ mi cụt

tay màu trứng sáo đã hơi nhùng nhục, đội chiếc mũ cát kết xám. Người ngồi ô tô hớn hờ tươi cười nhìn lão, chém chém vào không khí, giống hết bàn tay của các lãnh tụ trên lễ đài mà lão Khúng đã nhìn thấy nhiều lần ở trong phim. Người đang ngồi trong chiếc xe đít tròn biết bay chính là ông Bồi bí thư huyện uỷ, con người đang nổi tiếng khắp đài báo trong cả nước và là bạn thân của lão Khúng. Nghĩ tiếp về giấc mơ đến đoạn đấy thì lão không nghĩ thêm nữa. Lão vẫn giữ nguyên tư thế nằm ngửa, chỉ động đậy hai cẳng chân duỗi thẳng, toàn thân hơi mềm ra. Lâu nay thỉnh thoảng có đôi lúc lão đã thấp thoáng nghĩ đến cái chết. Đêm lão nằm mê thấy những chuyện vui thì ít, rui ro, tai hoạ là nhiều. Cho nên mỗi lần nằm mê thức dậy bao giờ lão cũng mừng, rút cục là một nỗi mừng rõ, âm thầm mừng rõ như mọi lần, cái thể giới trần ai đầy nhọc nhằn, đầy thân thiết lại trở về với lão trước tiên ở thánh giá, từ đôi tai đầy nhậy bén của lão. Lão nghe được gần như cùng một lúc hai hột sương rơi trên tàu lá chuối bên hồi nhà và trên ngọn đu đủ sau nhà. Hai con chó rất khôn của nhà lão thì vẫn im hơi lặng tiếng.

Nằm trong nhà, lão vẫn nghe tiếng chân chúng đi tuần ngoài sân, trong lúc chó nhà thiên hạ đang sửa ran lên. Lắng nghe tiếng chó sửa xa cứ râm rả, như cắn đuổi mà đang bắt đầu lục đục ru về các chón gió bụi, lão đoán biết ít nhất cũng đã hai ba giờ sáng chứ không ít. Bao nhiêu thứ ánh sáng cùng cái thứ tiếng máy đặng khu công trường lớn, cả trong khe Đá Dầu cũng đã tắt hết tiết cả. Đêm tối thui và sâu. Đâu, đã từ lâu lắm lão Khúng lại mới cảm thấy một vẻ im ắng về ban đêm như thế này khiến cho lão hơi sờ sờ một nỗi sờ sờ nguyên thủy y như có ai lại vừa ném lão trở vào một cái làng đất sâu hun hút và tối tăm - từ ở đấy lão đã ra đời, và cũng từ đấy ông bà tổ tiên lão đã ra đời, để sinh ra lão. Biết rằng dầu muốn thì cũng không tài nào ngủ lại được nữa, lão Khúng đã toan trở dậy nhưng cái cảm giác

tối tắm nặng nề ban nãy như một hòn đá tặn dưới lòng đất sâu nối với thể xác lão bằng một sợi dây rất dài vô hình cứ níu kéo không cho lão ngồi dậy. Nhưng là một con người vốn quen sẵn sớ đối với công việc, lão đã bật dậy : sáng nay lão Khúng phải đi xuống chợ Giát bán con bò. Và lão đã rắp tâm dắt con bò đi thật sớm...

Suốt đời lão, trong muôn vàn những điều bực bõ, không thực hoàn toàn thoả mãn về chính mình, có một điều thỉnh thoảng lão lại cảm thấy là không biết cách sắp xếp cho có thứ tự những thứ chứa ở trong cái đầu của lão, cũng không biết cách diễn đạt thành lời cho rành rẽ - tất nhiên là chỉ diễn đạt với mình - cái bày ý tưởng rối rắm, tắm tối lại hay trái ngược lẫn nhau, lại đầy gai ngạnh, như nhiều đàn bò của nhiều nhà tự nhiên đem nhốt chung vào một chuồng và suốt đêm chúng nó húc nhau, rượt đuổi nhau lung tung beng cả lên, ở trong ngăn chuồng quá đỗi chật hẹp là cái đầu của lão. Lão ngồi bật dậy trên tấm phản một rồi lập tức thả hai bàn chân trần xuống đất lạnh cóng. Lão làm thế, một cử chỉ đầy kiên quyết và dứt khoát là theo kinh nghiệm sống của lão, nhằm để khắc phục cái sự dưng dàng phân vân trong một công việc trọng đại, nó quá trọng đại - có thể nói như thế - mà sáng nay lão phải làm, dứt khoát lão phải làm. Tì một bàn tay xuống mép phản, lão rọi cặp mắt nhìn vào bóng tối trong nhà. Lão trông thấy có một tấm lưng trẻ con nằm vắt trên miệng cái cối xay thóc kê ở gần cửa ăn thông giữa nhà ngoài và buồng trong của mẹ Huệ. Lại thằng Bút rồi ! lão nghĩ. Đây là thằng con trai út củ lão, mới lên sáu tuổi. Cái thằng "đầu bò" ấy đêm nào cũng ngủ chung với bố trên tấm phản nhà ngoài nhưng nửa đêm lại có thói quen hay rúc vào buồng ngủ với mẹ. Thằng bé thường bước chập chững vừa đi vừa ngủ, trên dọc đường nó vấp phải con chó đang nằm ngủ thì ngã nhào xuống ôm lấy con chó mà ngủ tiếp luôn cho đến tận sáng. Cuối cùng thì chẳng có lần nào nó đi tới được với mẹ mà sáng ngày ra

chẳng hôm nào thấy nó ngủ ở trên giường, trên phản. Hôm thì ôm lấy cái cối xay thóc, hôm nó ôm lấy cái chổi mà ngủ. Như hai tên tuần đình mẫn cán ở ngoài sân hai con chó vẫn ngậm miệng đi đi lại lại. Một trời sao dày như mắt sàng sáng long lanh và ướt át. Sương khuya rơi lộp bộp nặng trĩu từ trên những tàu lá xuống mặt đất chung quanh nhà vốn đã ướt đầm sương. Lão Khủng như một cái thân cây khô đầy mấu mắt và vụn vẹo đứng im thít giữa mảnh sân một nền vôi trắng toát đang hướng mặt về phía biển, lão cùng ngôi nhà đều đang hướng mặt về phía biển, về hướng cái làng Khôi chôn rau cắt rốn của lão, của tổ tiên lão ở dưới ấy. Về hướng ấy chân trời như thấp hẳn xuống và nhoè nhoẹt trong sương luôn luôn như dội tới hai bên lỗ tai đầy thánh nhậy như lỗ tai loài vật của lão những tiếng rì rào, rì rầm của sóng biển của đất đai quê nhà và mờ mả cha ông, cũng chẳng biết đó là những âm thanh có thực, lão nghe thấy thực hoặc chỉ là do lão đã từng nghe thấy từ đời tám hoánh nào, từ khi còn nằm trong bụng mẹ.

Lão cúi khom lưng bước nhanh vào trong nhà bếp. Hai bàn tay lão sờ soạn trong góc tối. Mùi cám lợn chen lẫn mùi phân dê vừa chua lòm vừa nồng nàn xộc vào mũi lão nhưng những thứ mùi ấy đã trở nên quá quen thuộc đến mức lão chẳng nghĩ thấy gì cả. Lão lôi được từ trên cái giàn tre gác bếp xuống một vòng dây chảo mới và một vòng dây đã cũ. Gian bếp tối như hũ nút lão chỉ có thể phân biệt, được đẩy là hai vòng dây chảo mới và cũ bằng cảm giác trên những ngón tay. Trong ngày phiên chợ sắp tới lão chẳng hề có ý muốn làm đóm làm dáng cho con bò nhà lão sắp đem bán một tý nào nhưng bằng những ngón tay lão cảm thấy cuộn dây cũ đã quá cũ, nó đã mòn vẹt, thậm chí lão có thể nghĩ thấy được cả mùi mồ hôi của con vật rịn ra từ những lỗ chân lông ở trên hông nó trong những buổi cây ngày này sang ngày khác đã thấm vào trong cái vòng dây chảo. Con khoang đen đã già yếu quá, từ lâu lão Khủng đã biết vậy.

Lão biết vậy từ đầu năm ngoái. Thậm chí các bà con trong xóm người ta không nói nhưng đã biết như vậy trước cả vợ chồng lão Khúng, người ta nhận ra nó đã già lão từ năm ngoái. Con bò đã hom hem như một bà lão vậy mà cáo sợi dây chèo lại cũ, không khéo người ta nhìn vào lại càng thấy nó già yếu hơn ? Lão Khúng đứng trong bóng tối và đang tính toán mọi đường hơn lẽ thiệt về cái uy thế của con bò nhà lão lúc ra đứng ở giữa chợ.

Trong bóng đêm tối thui lão Khúng đứng nhìn sợi dây chèo đã từng cột cổ bao nhiêu con bò, đã từng gắn bó với đất cát nhà lão, đã từng đi qua đời lão, phải rồi ngày xưa ngày xưa đây là sợi dây chèo vẫn còn mới nguyên, những sợi lạt giang mới cứ trắng tinh như lụa bện chặt vào nhau mà lão đã mang từ chợ Cày về cùng với mồ ma con vá lung, lão đã dùng sợi dây này dùng con vá lung tận trong chợ Cày về, và cũng trong cái bận đi tậu bò ấy, lão đã giáng cho cái thằng cha lái bò trong chợ Cày một bài học đáng đời , lão đã làm cho hắn được một mẻ nguyệt ngay giữa chợ. Là bởi vì cái thằng cha bủn xỉn quá thế đã bán con bò cho lão, cầm trên tay cả một đồng giấy tiền lớn cuộn tròn to bằng cả cái khăn xếp vậy mà còn định cời ra khỏi cổ con vật cái dây chèo. Vậy thì để cho lão phải cời dải rút ra mà dắt con bò về à ? Quả thực thì sợi dây trông còn mới quá, còn mới hơn rất nhiều cái cuộn dây mới lão Khúng đang cầm trên tay bây giờ.

Nghĩ thế rồi lão Khúng quay trở vào cất cuộn dây mới lên gác bếp. Lão xách cuộn dây cũ ra. Chậc, dù chỉ là cái vật nhưng cũng phải xuất tiền ra mua chứ chả ngửa tay xin không được của ai bao giờ, lão nghĩ vậy trong khi bước qua một lối đi rải vỏ ngao từ nhà bếp ra chuồng bò. Đi qua cái chum vỡ miệng chứa nước múc dưới giếng lên, lão cầm cái gáo dừa múc nước trong chum tu một ngụm, súc miệng sùng sục. Con khoang đen đã trông thấy bóng lão Khúng

ngay từ lúc lão vừa thức dậy đi qua sân vòng ra căn nhà bếp đứng đái ồ ồ rất lâu ở cái thùng đựng tro đặt sau chuồng lợn. Mặc cho trong đêm tối, con bò cũng rất dễ nhận ra hình của lão Khúng. Hơn chục năm nay, con vật đã quá quen với một cái hình dáng con người, đứng trên hai chân y như một cái cây đại tự nhiên từ trong đất mọc lên, con vật chỉ khịt khịt lỗ mũi vài cái đã có thể đánh hơi thấy từ xa mùi mồ hôi muối thân thuộc và lập tức đánh thức dậy trong trí lử u tối của nó một ý chí thuần phục đầy khùng khinh. Như tuân theo một thứ quán tính, trông thấy lão Khúng vừa đưa ống tay áo chùi nước hai bên mép vừ bậm bạch đi tới trước cửa giàn, con bò đã toan bám móng xuống đất đứng dậy nhưng lại như một đứa trẻ quen làm nũng nó biết rằng cần phải tỏ ra khùng khinh đôi chút, lão Khúng cũng thừa biết vậy, lão đưa bàn tay vỗ nhẹ lên cái cổ vươn dài ra ngoài then cửa nhưng khi con bò ngoan ngoãn đứng dậy, bàn tay lão trở nên run run khi buộc sợi dây chảo vào cổ con vật.

Lão Khúng biết rằng cái nốt buộc lần này sẽ không bao giờ cởi ra nữa, lão đang cột cái chết vào cổ con vật. Con bò già nua làm sao thấy được một giọt nước mắt của lão Khúng vừa lặn vào lớp cỏ ống nhàu nát dưới bàn chân lão trong lúc lão oằn người giang hai cánh tay thúc cái then cửa giàn về một bên để mở cửa giàn bỏ cho con bò đi ra. Với chiếc dây chảo cũ rích nằm vắt hai vòng trên cặp sừng rồi bỏ thõng xuống một bên bả vai đã sần sùi như da cóc vì suốt đời mang ách, con Khoang đen già nua lững thững đi ra khỏi cửa giàn, bốn móng chân nó giậm lộp bộp trên nền đất bột của mùa hanh khô vương đầy rơm rạ cùng những cọng cỏ tươi đã lấm láp. Ra khỏi cửa giàn mới dám bước, con vật liền đứng lại. Nó khịt khịt lỗ mũi đánh hơi mùi đất ẩm sương đêm lẫn mùi ngai ngái hăng hắc xông lên từ một cái quang cỏ còn nguyên vẹn nén chặt trong bốn sợi dây thép, toàn cổ ống đã rửa sạch mà con Nghiên, đứa con gái áp út

của lão Khúng vừa đi cắt tận trong chân núi, lúc nhập nhạng tối. Con vật thè cái lưỡi ram ráp bứt một ngọn cỏ trong chiếc quang nhai trệu trạo giữa hai hàm răng trắng nhòn, liên tiếp giậm bốn móng xuống đất tỏ ý ngạc nhiên chứa đầy bất mãn đối với lão Khúng vì nó cảm thấy đêm vẫn còn sâu sao mà lão Khúng đã lôi nó dậy đi cày sớm quá. Nhưng rồi như một thói quen mỗi buổi sáng ra ruộng, con khoang đen già nua ngược mõm lên trời kêu lên một tiếng "ngọ" khàn khàn đầy nã nề làm rung chuyển màn đêm.

Cũng theo thói quen mỗi lúc ra ruộng, lão Khúng đánh con bò ra khỏi giàn liền chạy đi nhặt một chiếc rổ thưa bặt vành dính đầy tro lẫn phân bò khô đem đặt giữa hai chân sau của con vật. Ngay từ khi con khoang đen đang còn là một con me mới ra đời 14 năm trước, nhìn tướng mạo lão Khúng đã lấy làm bằng lòng khi trông thấy cái xoáy chỗ mút mõng lão biết suốt đời con vật sẽ ỉa trước khi ra đồng, lão nuôi nó sẽ không bao giờ mất phân, hơn nữa, cái cuống đuôi không tròn vo mà bèn bẹt như đầu con cá chai : con vật sẽ ban thưởng cho lão sức lao động của nó, những hòn phân ra hòn phân cứ chắc nịch chứ không bao giờ ỉa té re. Lão đứng trước cửa giàn lơ đễnh nhìn những ngôi sao trên trời chờ con bò đại tiện và lấy làm tiếc từ nay nhà lão không còn nguồn phân ngòn ngòn của con khoang đen để hằng ngày hót đổ xuống cái hố ủ bên cạnh giàn bò nữa. Hai cánh mũi hít hít cái mùi phân vừa trút ra khỏi cơ thể con vật còn nóng ấm và đầy nồng nàn đang tan vào không khí về sáng hơi giá buốt, lão cầm đầu dây chèo dắt con bò ra chỗ góc cây vối ngoài đầu ngõ, ở đây một chiếc xe bò bánh lốp ô tô đậu nép bên hồi nhà bếp chỗ đầu hồi hơi nhô ra, nơi đặt chiếc cối giã gạo đập bằng chân, hai bánh lốp ô tô của chiếc xe bò được quấn một sợi dây xích cột vào bên chân cối giã gạo. Lão Khúng nhìn qua một đồng cùi lẫn những bó chè xanh chất cao lù lù trên thùng xe, trông thấy một mái đầu

bịt khăn quàng đen đang ẩn hiện ở bên kia chiếc xe, lão hơi giật mình biết là mẹ Huệ đã thức dậy, vợ lão đã thức dậy cùng lúc với lão trong cái giờ phút trọng đại vĩnh biệt con bò. Mẹ Huệ không hề lên tiếng cứ như người ngâm tằm, lão cũng vậy. Lão đứng hơi né ra một bên khi người đàn bà đi tới gờ tay cầm lấy một bên chiếc sừng nhẵn bóng, dắt con vật sang bên kia thành xe.

Lão Khúng đi quanh một vòng thít lại sợi dây mây chẳng những bó củi rồi ra chỗ góc với ngòi xỏ xuống, kẹp chiếc điều cày giữa hai đầu gối, những ngón tay tự nhiên tê cứng run rẩy mãi mới châm được mỗi thuốc vào cái nõ điều bằng gỗ thị. Lão ngó nhìn chung quanh một lát mới bật cái bật lửa, thu thu ngọn ửa trong tà áo để khỏi rọi ánh sáng vào nhà khiến lũ con có thể tỉnh giấc vào lúc này. ánh sáng từ chiếc bật lửa trên tay lão rọi một khoảng trắng trắng trong lòng chiếc chậu sành da lươn. Trước mặt lão, mẹ Huệ ngồi xỏm còn con bò đang đứng sừng sững thè lưỡi liếm thứ cháo nếp đặc sánh vô cùng thơm ngon mà mẹ Huệ đã nấu sẵn từ đầu hôm. Nó có cái gì giống như bữa tiệc thết người trước khi bước lên đoạn đầu đài. Con bò già nua ăn chậm chạp, chiếc cổ cúi xuống gần như không động đậy, chỉ có chiếc yếm đã nhều ra hơi run rung, thỉnh thoảng con vật lại đưa chiếc lưỡi ram ráp liếm ngược lên theo thành chậu rồi âu yếm liếm trên hai bàn tay đã dẫn deo vì lam lũ của mẹ Huệ đặt thông trong lòng chậu cháo. Chờ cho con bò ăn xong, mẹ Huệ đưa bàn tay vẫn còn dính những hạt cháo nếp vuốt ve nhiều lần lên cổ con vật, đoạn dắt nó đến bên càng xe. Lão Khúng vội vã chạy tới vớt chiếc điều cày lên đồng chè xanh trên nóc xe đoạn cúi gò lưng nâng bổng cả hai chiếc càng xe lên khỏi mặt đất, đặt chiếc ách gỗ mặt trong đã mòn lõm vào cổ con vật. Hai vợ chồng lão Khúng đứng nhìn con bò rồi nhìn nhau một lúc trong đêm vắng. Cả hai vẫn lặng im. Lão Khúng biết không thể dùng đàng được nữa, không phải dùng đàng đối với mẹ Huệ mà chính

lão sợ con Nghiên và thằng Bút ngay lúc này trong nhà thấy động chúng thức dậy. Ai chứ thằng Bút, thằng "đầu bò" sẽ nằm lăn quay ra trước xe, thậm chí ôm chặt lấy ha chân trước của con bò không cho bố đem đi đâu cả. Nhất là con Nghiên, năm nay mới 9 tuổi đầu nhưng từ hi biết cầm cái lềm, là đưa con gái bé nhất của lão đã biết ngày ngày chăm chỉ đi cắt cỏ, mỗi ngày một gánh đầy, để cho con khoang đen ăn no để đi cày, có hôm nó đi cắt tận trong khe núi giáp Diển Châu, gánh gánh cỏ đi lạc mãi trong những dãy núi, vừa sợ, vừa đói chín mười giờ đêm mới tìm được đường về làng. Lão hấp tấp trèo lên ngôi chành vênh trên thành xe, kêu lên những tiếng "hày, hày" đầy gắt gỏng. Nhưng đâu có phải chờ lão giục, con bò đã vươn dài cổ kéo chiếc bánh lốp đã mòn vẹt lọc cọc lăn qua trước mặt Huệ đang đứng cầm lạng bên gốc vối. Ra khỏi nhà một đoạn, lão nhảy xuống. Con đường dốc sục lên những đất bột tự nó kéo chiếc xe lăn tuột tuột xuống dốc.

Lão Khúng bước cao bước thấp, hai tay cố níu giữ chiếc xe đi chậm lại, lão quay ngoái cổ, bằng con mắt con vật, nhìn một lần cuối cùng ngôi nhà với cái dốc tường hình tam giác trắng nhờ nhờ in bật trên nền trời sao đêm về sáng đang nhấp nháy liên hồi, bỗng giật mình chột nhìn thấy bên gốc vối không phải chỉ có một mình vợ lão mà còn thêm một cái bóng bé bỏng, trời ơi, con Nghiên ! con Nghiên ! sao nó biết mà dậy ? Lão Khúng thấy vương vức trong lòng vô cùng. Suốt tối qua, chiều qua và cả ngày hôm nay, cả hai vợ chồng lão đã đồng lòng giấu biệt không cho lũ con biết sớm nay sẽ đem bán con bò của nhà. Vậy mà đứa con gái đã biết mà thức dậy, đưa con gái hai bàn tay lúc nào cũng sây sát ứa máu vì công việc cắt cỏ cho con bò ăn để đi cày. Thực ra con bé thức dậy tự lâu lắm, trước lão Khúng và dường như là suốt đêm đêm nó không ngủ. Con bé lên chín sứt răng, bằng mỗi mẫn cảm đặc biệt của dòng máu gia đình nông dân, nó biết tính toán rồi ra trước sau không còn

cách gì khác, nhà nó cũng phải bán con khoang đen đi để lấy tiền cho bố đi vào Đắc Lắc một chuyến nữa, để làm nhà làm cửa cho vợ chồng anh Lạc nó đang đi "kinh tế mới" và đang gặp khó khăn ở trong đó, trong đó là câu ? Đắc Lắc, Đắc Lắc, cái xứ đất rất xa lạ ngoài sức tưởng của nó, ngoài tầm tay với đầy tình thân yên nhưng ngăn ngại của nó đối với người anh mà cứ mỗi lần có ai đang nói chuyện nhắc đến hai tiếng Đắc Lắc là con bé dỏng tai lên nghe hóng, không khỏi mũi lòn bụi ngại sức nhớ ngay đến vợ chồng anh Lạc, người hiền như đất, tính tình như con gái mà nó thân nhất nhà, thương nhất nhà.

Hồi tháng một năm ngoái lão Khúng đã đi thăm con một chuyến trong Đắc Lắc, về cái công chuyện này cũng có đôi lúc lão Khúng nghĩ mà lấy làm buồn rầu. Dù sao đời lão đã phải bỏ làng xóm, bỏ mồ mã tổ tiên ở dưới biển để lên tận đây, cái miền ngược ma thiêng nước độc này để khai khẩn đất cát kiếm miếng sống, lão vật lộn với miếng đất rừng này đến giờ đã gọi được là tạm mát mặt, hòn đất đã bót đi rất nhiều mầm cỏ dại, hòn đất đã gần hoá thành hòn đất thuộc, lão đã tuổi đến gần cạn kiệt mồ hôi cho mảnh đất này thì đời con lão lại phải bỏ đây để đi đến những miền khác, những miền rừng khác xa xôi hơn, mịt mùng hơn. Chẳng lẽ đời của lão, cái số phận của lão, của vợ chồng, con cái lão là phải như vậy, cứ phải như vậy ? Ôi, lão Khúng nghĩ, giá không phải chạy theo đưa con để bù trừ nâng giắc cuộc sống ban đầu cho nó ở cái nơi đất khách quê người chắc chắn hôm nay lão không phải rong con khoan đen xuống chợ Giát từ nửa đêm thế này ? Mà cái con khoan đen nó đã già gì, vẫn biết rằng nó đã 8 răng, đã đoạn từ lâu, nhưng của bên tại người, ông Bời bí thư huyện uỷ nói đúng, trong các xã có con bò nào béo gầy, bảo già thì hãy cứ giắt lên vùng trên giao cho ông Khúng nuôi hộ. Chỉ nửa năm chúng sẽ trở thành trai tơ, gái tơ, lại kéo cày được ! Một cái bóng mảnh nhỏ trong đêm như chiếc lá cỏ vụt bay

ra khỏi gốc cây vối, vật tượng trưng cho cái ngõ ra vào của nhà lão. - Họ, họ... Miệng kêu khẽ bằng cái giọng âm thầm của một người quen ăn to nói lớn, hai tay giữ chặt lấy càng chiếc xe không cho hai bánh lỏp nhúc nhích.

Lão Khúng đứng làm cái phanh xe hồi hộp đợi đứa con gái chạy xuống và trong bóng tối lão trong thấy chạy phóng lên phía trước đứa con gái là hai con chó nổi tiếng của gia đình lão : con mực và von vàng. Chẳng hiểu sao hai con chó cũng trở nên đầy quyền uy đối với con bò, chúng chạy quần quanh chân con bò, hai con vật giữ nhà đưa mũi hít hít trên những chiếc ống sừng của con vật kéo cày, trong lúc con Nghiên nước mắt giàn giụa sụp xuống ngồi xỏm dưới tấm yếm thông thêu, rồi con bé xoa cả mái tóc ngắn đỏ quạch chưa kịp cặp lại bằng chiếc cặp ba lá từ khi nhảy chòng ra khỏi giường, để cho mái tóc trùm lên đầu, lên cổ con vật, hai bàn tay bé nhỏ không ngừng vuốt ve hết mũi miệng, đến đầu cổ con vật. Con bò cũng tỏ vẻ buồn bã, hay là đến lúc này bằng bản năng loài vật, nó đã cảm thấy được nó đang đi chuyển đi cuối cùng của đời nó, giữa đêm khuya ? Con Nghiên chừng như không còn chịu đựng nổi nếu đứng mãi bên con vật mà suốt đời nó chăm sóc, con bé liền chạy lại gục đầu vào ngực bố bởi nó biết chính lúc này bố nó cũng đang đau khổ vì phải đem bán con bò.

Lão Khúng đưa một bàn tay lên vuốt vuốt trên phiến lưng gầy guộc của đứa con gái chăm làm nhất nhà. Lần đầu tiên lão nhận thấy từ mái tóc và hơi thở của đứa con gái nhỏ phả ra mùi của các loài cỏ rất tươi non của đồng nội, vừa đắng vừa ngọt, phải lát lâu sau khi đứa con đã rời lão và khụt khịt như đang khóc vừa chạy vụt trở về với mẹ bên gốc cây vối, lão mới âm thầm nhận ra trên cơ thể của nó cái mùi cỏ ống vừa cắt, cả mùi đất rừng hoang dã rất xa xưa đã ngủ trong ký ức của lão nhiều năm về trước, khi lão còn là một chàng trai cùng mẹ Huệ vừa từ dưới làng Khơi lần mò đặt

chân lên đây. Thời bấy giờ con Nghiên hầy còn chưa đẻ, hơn một nửa số con cái của lão hầy còn chưa đẻ, con khoang đen cũng đang còn nằm trong bụng mẹ nó là con vá lưng mà lão sắp sửa đi tậu từ trong chợ Cày. Những ngày tháng ấy như thuộc vào thời kỳ mới có loài người, lúc bấy giờ trong cái "ổ gấu chó" của gia đình lão, cái gia đình loài người độc nhất giữa lòng rừng này mới có thằng Hùng, thằng Dũng và thằng Lạc mới sinh được hai tháng đang còn đỏ hỏn nằm trong lòng mẹ Huệ.

Y như thế ngày ấy mặt đất đâu đâu cũng là rừng rú, người thì ít lác đác, quá ít, chỉ có một gia đình lão do tảo tợn mới dám chạy lên lập nghiệp, ấy thế vậy mà cái sợ lại không nhiều như bây giờ.

Con người ta sợ nhau nhiều hơn là sợ beo trăn, cạp hổ, mới nói thê, nhất là từ ngày có cái công trường của nhà nước. Ngày trước cái gì bỏ đâu còn đó, thậm chí một cái ruột áo bông mới mua để mặc rét, suốt mùa hè vứt ngoài khe đá mà có ma nào lấy ? Ai lấy ? Lão sống như người rừng, đánh mất luôn tính cách một người ở đồng bằng, một anh nông dân bon chen ở làng. Vợ lão vốn một người thành phố lại càng thay đổi nhiều. Cả hai vợ chồng trở nên lằm lì, tính nết cũng âm âm u u như tính nết của rừng. Ngày đó, lắm lúc lão Khủng nhìn những đứa con chơi với nhau bên hang đá, đầu ngọn suối, lão ứa nước mắt, nói đại, lão cứ nghĩ không biết chúng nó là con lão hay là con của loài cây cáo, beo trăn, mỗi lần nghĩ đại thế, lão lại lẩn ra cười một mình, cười lẩn cười lộn như một kẻ điên, trước cái sự vây bọc tưởng không bao giờ thoát ra nổi của hoang vu. Bấy giờ con người đã đông hơn con vật, sắt thép đã đông hơn cây cối vậy mà lão lúc nào cũng nom nớp. Vụ đông năm ngoái, cánh công nhân cơ giới hái trộm mất của nhà lão cả gàn sào cà chua vừa độ chín rộ. Còn năm nay, mới tháng trước, con Hương, đứa con gái nổi tiếng xinh đẹp của lão đi học dưới

trường cấp III của huyện được về nhà chiều thứ bảy. Mới nhập nhoạng tối chữ đã khuya khoắt gì, lão ngồi xồm trước thềm đang lúi húi dỡ nồi khoai lang luộc, trông qua làn khói, lão phát run lên, vừa tức giận, trông thấy con gái mặt cắt không còn giọt máu, guốc, dép vứt đàng guốc dép, chạy bán sống bán chết từ dưới con dốc trước nhà lên, hốt hoảng như bị lợn rừng rượt...

2

Con bò già, lão Khúng cùng chiếc xe vẫn chưa mò mẫm ra khỏi cái hõm đất dưới chân dốc trước nhà. Đất bột sục lên ngang bắp chân hất lên trời một cái quầng trắng nhờ nhờ. Khấp mặt đất xó nào cũng vút ngồn ngang từng đống thanh sắt hoặc cuộn dây thép hoặc những cái hòm gỗ cao to lừng lững như những cái nhà khiến lão Khúng phải nhảy xuống dắt con bò đi len ỏi giữa những khoảng bóng tối của đám vật liệu công nghiệp vút mất hết cả đường xá. Con mực, con chó có tính hay phát phơ, lang thang vẫn lẻo đẻo chạy theo lão. Lão đứng lại, quay đầu chiếc roi chỉ về hướng nhà rồi cất tiếng đàng hắng. con chó đen liền cun cút quay trở lại để giữ nhà. Ra đến đường, trời đất hình như có sáng hơn một chút. Một vệt đất nhẵn chìm ngập trong rừng cỏ may lẫn sim mua của những vạt đồi nằm nghiêng nghiêng nhấp nhô hai bên, đến lúc này lão Khúng mới cảm thấy ớn lạnh, cái lạnh như từ những vạt sao xanh ngời ngời tận trên đỉnh trời tiết ra theo từng nhịp ánh sáng nhấp nháy. Lão quai tay ra sau túm ngay được chiếc áo dạ cút ngựa mà mẹ Huệ đã chu đáo nhét vào giữa những bó củi ngay sau lưng chỗ lão ngồi. - Chậc, trời với đất..., lão thốt lên một câu nửa chừng rồi im, không dám thú nhận với mình đã đại dột đánh con bò đi quá sớm. Đáng lý có thể để cho nó và cả lão đàng hoàng ngủ thêm một giấc đầy nữa rồi hẵng ra đi cũng vừa. Bỗng nhiên lão Khúng có cảm tưởng mình là một tên đem lén lút đi ăn trộm bò của nhà ai và lấy làm bực cả mình.

Cũng tại cả cái con vật này nó đã không cho lão ngủ, nửa đêm đầu hôm thức chong, nửa đêm về sáng vừa chộp mắt lại nằm mê thấy nó... Khoác hờ chiếc áo dạ ở một bên vai ngồi co ro trên thành xe, lão đưa mắt nhìn đau đầu vào cái khoảng cổ đã trụi hết lông và sần sùi da cóc của con vật trên đó chiếc ách cổ đang xiết chặt lấy làm phát ra những tiếng lọc cọc trong đêm vắng, và một khoảng bóng tối đen kịt cứ như đóng đinh vào phía trước mặt con bò, một khoảng bóng tối chùng như quá sâu, quá đầy, còn lâu mới chộp thủng, và dưới chân lão Khúng và con vật tất cả đất đai cùng cỏ cây đều đang còn nồng nặc trong giấc ngủ say như chết, những con chim sâu lẫn lút trong đám cỏ may cũng chưa hề cất lên tiếng kêu chích chích, lão chỉ nghe tiếng côn trùng tí tê rất xa, và bốn phía trời đất dường như đang còn mịt mù chìm đắm trong khoảng bóng tối của âm ti.

Ngồi một mình, lúc này lão Khúng đang nghĩ đến cái lúc nay mai lão phải báo tin đã bán con bò khoang đen cho tất cả chín đứa con của lão biết, từ thằng Bút đứa con trai út đầy dạn dột cho đến con Hương đang học lớp 12 dưới phố Cầu Giát, cho tới thằng Đoan, con Lê nửa ngày đi học nửa ngày đi làm với vợ chồng lão ở nhà, rồi những đám vợ chồng thằng Dũng, đang ở trong tỉnh, vợ chồng thằng Lạc ở tận Đắc Lắc. Ôi, mới đáng sợ làm sao, cả một thời trẻ thơ của từng đứa con lão cũng như cả một đời làm lụng vất vả trong gia đình của từng đứa một đều gắn bó với con vật này, đã từng chần dặt đùa nghịch với con vật rồi đi cày đi bừa, thức khuya dậy sớm, con khoang đen này suốt 18 năm nay đã trở thành một người trong gia đình lão, một thành viên trong gia đình lão, dường như đến tận bây giờ lão mới thấu hiểu rõ cái điều hiển nhiên này. Có đi nhanh lên không nào, lão Khúng lấy làm bực mình vô cùng lên tiếng quát thật lực, đi nhanh lên ! rào bước đi nhanh lên, mà chết cho sớm sủa ! để cho người ta nện một búa vào đầu mày cho

nhANH lÊN, ĐỒ QUỶ Ạ ! Rồi đến lượt tao, tao cũng phải tìm cách "báo cáo" với chúng nó, với những đứa con trai lẫn con gái của tao rằng tao đã phải bán mày, rằng từ nay trong nhà không còn mày nữa, rằng tao đã giết mày ! Mà mày cũng đã già nua tuổi tác rồi chứ chả còn là thiếu nữ hay nạ dòng gì nữa, ông trời sinh ra số kiếp mày đã như thế, suốt cả một đời nai lưng kéo cày, già thì giết thịt! Có ai để cho một con bò già rồi chết để làm đám tang cho thật to, thật linh đình bao giờ ?

*

**

Trong thế giới bao la giữa đêm tối sâu thẳm tĩnh mịch, chỉ những ngôi sao xanh ngời ngời và ảm ước đang nhấp nháy tận đỉnh trời là có thể nhìn thấy hai giọt nước đặc quánh như một thứ chất dầu đang dâng lên tận trong khoé mắt lão Khủng. Lúc này bằng những lời nói âm thầm từ trong lòng lão, lão đang báo tin việc bán con bò với thằng Dũng, "báo cáo" cái việc này với đứa con thứ hai của lão đã hy sinh trên chiến trường Campuchia cách đây hai năm. Đây là thằng con trai đích thực mang dòng máu thay đổi, lão đâm ra hay nghĩ, không hùng hục chỉ biết làm như trước. Sau khi nổi thống khổ đã dần dần qua đi nhưng vẫn âm ỉ như một đợt sóng biển phủ vào đất liền đã rút nhưng vẫn để lại cái chất mặn làm xót cây khoai, cây lúa, dường như là lần đầu tiên lão nghĩ đến nỗi nhọc lòng mà từ nay đời lão phải gánh chịu : một nỗi đau đớn không bao giờ nguôi quên vì cái chết của thằng dũng. Điều này chỉ có mẹ Huệ là người có thể thấu hiểu hết được cõi lòng của lão. Đó là một buổi chiều cách đây hai năm, lúc ấy đã nhập nhoạng tối, chỉ còn một mình lão với con khoang đen ở nán lại bên một đồng đá xếp vuông vức bên bờ một mảnh ruộng mới khai phá tận trong khe Đá Dầu. Lão gắt mù lên với cái con vật lúc bấy

giờ có cái gì làm nó sốt ruột cứ lồng lên kéo chiếc xe chở đá về nhà.

- Họ... họ... Khoan đã nào ! Mà y tưởng tao không biết đôi bụng đầy hử ?

Nói nhẹ không xong, lão nhieéc móc nó, nào đồ siêng ăn nhác làm, đồ rắn mặt, đồ khó bảo, những con vật vẫn vươn cổ, bám bốn móng xuống, kéo bánh xe lăn đi. Lão vội vã hát hòn đá màu gan gà to bằng cái cối đang ôm trước bụng vào giữa lòng chiếc xe chất ngồn ngang những đá là đá, lão muốn tranh thủ chở hết đống đá về nhà trong dăm ba buổi chiều cho xong để kịp xây lại bức tường phía sau nhà bấp thay vào chỗ bức vách đã nát. Mà sao cái con vật hôm này bỗng giờ chúng, mọi ngày có bướng thế đâu, lão thùng thảng đi phía sau, vừa đi vừa nghĩ, thỉnh thoảng đưa tay đẩy giúp cho con bò đỡ nặng mỗi lúc chiếc xe chở đá lắc lư bò qua một khúc suối nước chỉ xâm xấp mắt cá chân, với những bụi cây rậm rạp hai bên đã chứa đầy bóng tối. Lão và con bò chưa về đến gốc vôi đầu ngõ đã nghe trong nhà khóc ran lên, những tiếng khóc đầy đau đớn thảm thiết. Cả dưới bếp lẫn nhà trên tối mòm, chả đèn đóm. Một cái gì xụp đổ xuống trong người lão. Để mặc kệ con khoang đen một mình đang gò cổ vòng lưng lên gần như chết đứng với xe đá trên lưng chừng cái dốc ngay trước nhà, lão Khùng đã thấy tối tăm cả mặt mũi nhưng vẫn cố gượng để đừng ngã vật xuống, lão cố lê bước lên dốc. Chưa bao giờ quãng đường ngắn ngủi chỉ dăm bước chân trên lối đi về nhà đôi với lão lại xa như thế, khó nhọc như thế, tưởng sức lão chẳng bao giờ đi thấu. Lúc bấy giờ con Lê, đưa con thứ 5 sinh cặp kè sau con Hương, một đứa con gái trông thô kệch, nhưng đa cảm, đen như cột nhà cháy, đứa con gái ấy đã gần như hoá dại, khóc lóc không thoả nó chạy ra ôm lấy ngang thân cây vôi ở đầu ngõ, đập đầu chan chát vào cái cành mà lão Khùng vừa cưa cụt.

- Bố ơi, anh Dũng chết rồi !

Có lẽ suốt đời lão sẽ không bao giờ quên được cho nổi mấy cái tiếng ấy, nó sao mà xót xa, não nề và đầy bất lực của đứa con gái đứng gục đầu vào gốc cây với với hai con mắt trợn ngược lên như hoá dại trước ngõ, đang nói lên cái lời báo tử cho người anh của nó ngay trước ngõ. Cũng vào trong lúc bấy giờ lão chợt nhận ra rằng, lúc này, lão phải làm một cái cột chống ở trong nhà. Mọi sự như thế và đại thế lão đã hiểu. Vợ con đầu đã ngã gục xuống cả thì lão càng phải đứng thẳng. Lão đứng tại chỗ một lát để định thần lại, khi đã đỡ hoa mát rồi quay trở xuống dốc bằng những bước bình thân, lão cúi xuống lấy hết sức liên tiếp bắt bánh giúp con khoang đen lúc bấy giờ đã gập ngã gục xuống lôi chiếc xe đá nhích dần lên. Rồi vẫn bằng những bước đi bình thân, lão đi vào nhà. ở trong nhà bếp vợ lão ngất đi, vừa tỉnh lại được và cái anh bộ đội lạ mặt mới hỏi thăm đến nhà lão Khúng cách đây chưa đầy nửa tiếng đồng hồ bấy giờ đã như một người trong nhà, tự động mò mẫm trong khắp các hộc cột lõi ra được chiếc đèn dầu hoả. Anh ta châm đèn, ngồi tựa lưng vào chiếc ba lô dính đầy đất cát vút ngay bên chân cột nhà đối diện với lão Khúng, người lính bắt đầu tường thuật vắn tắt đầu đuôi trường hợp hy sinh của thằng Dũng mà lúc ấy anh cũng có mặt ngay bên cạnh cho lão Khúng và mẹ Huệ nghe.

Ngày thường, những người trong xóm "Thông Nhất" vừa muốn đi lại chơi bởi với gia đình lão Khúng lại vừa có ý e ngại, hơi xa lánh. Với cái thứ tính nết chặt chững đầy trái khoáy của lão Khúng, người ta chỉ muốn tránh nhưng nói cho công bằng thì cũng chẳng ai nữ tâm ghét lão bởi xét cho đến cùng thì lão cũng không phải con người lẻo lá, nhóp búng, tham vặt hoặc độc địa, độc ác. Lão chỉ có một cái tật là chẳng giống ai, lão là lão Khúng, chỉ đáng trách có thể. Ngoài ra ngày mẹ Huệ hãy còn trẻ mẹ đã làm đám

đàn ông trong xóm phân tâm không ít, đám đàn bà trong cả xóm khai hoang sinh lòng ghét, cũng chẳng phải mù lạng lơ (lạng lơ gì với những lão đàn ông vốn là chồng của các cụ người nào cũng đầy tục tằn và bản thủ) mà chỉ vì cụ Huệ đi đâu, đứng đâu cũng như một bằng chứng để cho đám đàn ông phân tâm, ngờ ngờ ngẩn ngẩn. Trong cái buổi chiều tang tóc đổ ập xuống mái nhà của lão, nếu không có bà con láng giềng trong xóm xúm vào giúp đỡ thì lão lúng túng quá. Guồng máy lao động của cái gia đình ấy xưa nay như một cỗ máy tra kỹ dầu mỡ. Thế mà trong khoảng khắc đã gãy vụn, vợ lão Chắt Hoè, bây giờ là chỗ thông gia với gia đình lão Khúng, phải cùng với mấy cụ đàn bà khác ra tay cho lợn cho gà ăn rồi chạy ra các góc vườn hoặc xô ruộng, lôi ra những đứa con của lão Khúng trở dậy, vỗ về dỗ dành chúng.

Lão Khúng tỏ ra cứng cỏi nhưng cố lắm lão cũng chỉ giữ được cái vẻ bề ngoài. Cho tận đến sáng ngày hôm sau lão mới biết xẩm tối hôm qua, lúc tháo ra khỏi chiếc xe đá lùa con khoang đen vào chuồng, lão đã lú lẫn quên cài then, thậm chí quên cả cho con bò ăn, suốt đêm con vật phải nhịn đói không có được cọng cỏ nào vào bụng. Anh bộ đội người Thanh Hoá, bạn thân của thằng Dũng đã cùng mấy anh em trong tiểu đội chôn cất đứa con trai lão Khúng trong một khu rừng Tây Bắc Campuchia giáp nước Thái Lan, việc ấy xảy ra đã gần nửa năm trước khi anh lính về nhà lão. Sáng hôm sau, người lính quê Thanh Hoá xin phép vợ chồng lão ra đi từ từ mờ đất. Hai ngày sau cụ Huệ vẫn không gượng dậy được, không hề ăn một miếng, nỗi đau khổ của con người chỉ có nỗi đau khổ của kẻ khác là cởi giải được phần nào. Cụ Hái, đã ngoài 60, vừa con trai vừa con gái từ ngày cái trận Điện Biên đến giờ đếm trên đốt ngón tay đã có ba người hy sinh ở các mặt trận, chẳng biết làm cách nào, cụ Hái đã bắt cụ Huệ ngồi dậy húp được nửa bát cháo. Sang ngày thứ ba, cụ Huệ vịn tay vào bức

vách vừa rên rỉ một mình vừa lục tìm chiếc nồi hông bằng đất đem ra giềng cọ rửa chuẩn bị nấu đĩa xôi cúng con.

Lão Khúng xách chiếc rựa ra bụi tre sau nhà chặt một cây vác vào ngòi chẻ ra, đan một tấm phen để thiết lập cái bàn thờ thẳng con trai thứ hai bên gian trái. Lão đã làm xong cái bàn thờ đưa con. Lão ngắm nghía cái công trình đơn sơ vừa hoàn thành sau hi trải lên mặt tấm phen tre mảnh ni lông màu đọt chuối mà con Nghiên thường dùng khoác đi cắt cỏ, lại bày lên mặt tấm ni lông một cái bát sành đựng gạo. Vợ lão từ nhà bếp lên, ngó cái bàn thờ mới rồi ngó sang lão Khúng bằng cái nhìn trân trân, vô hồn, không còn là hai con mắt của mẹ Huệ mọi ngày mà là hai cái vực thăm người ta vừa tát cạn hết nước. Lão Khúng thâm cảm ơn vợ ; mấy ngày qua mẹ Huệ đã không hề thốt lên, dù rằng chỉ thốt lên qua tiếng khóc kể lể cái cơn bốc đồng của chí khí ái quốc của lão ngày ấy - từ đó thẳng Dũng mới nắm lấy mấy câu khích lệ đầy cao hứng của bố để đòi đi bộ đội cho kỳ được. Thực tình thì ngày ấy trong nhà đã có thằng Hùng, thằng anh đang ở lính, nó xung phong đi là chính chứ có ai bắt, và ngày đó một mình mẹ Huệ không làm sao mà ngăn cản, cầm chân cầm tay cái thằng Dũng của mẹ. Chính vào lúc này lão Khúng cũng phải tự gồng mình lên để cố giữ lấy trong người lão cái ý nghĩ rằng thằng Dũng đã hy sinh vì Tổ quốc. Cái ý nghĩ ấy như một tấm ván lát cầu ao đã lâu năm vừa nhún nhẩy vì mỏng manh lại vừa hay trùng triềng. Lão chỉ lơ là một chút, lãng quên đi những điều tâm niệm thiêng liêng chỉ một chút là lập tức xia chân xuống và nỗi niềm âm thầm của cái sự thực trần trụi và đơn giản. Trong một thoáng chốc, lão đâm ra sợ cả chính mình, như một con chiên sợ đánh mất đức tin lão đã đánh mất đứa con, lại đánh mất luôn cả những ảo ảnh về nó. Con ơi, giá những ngày còn sống bàn thờ của con lúc này. Bố sẽ xuống phố cầu Giát thuê người ta phóng đại, tô màu, cái bức ảnh sẽ mãi mãi suốt đời đem đến cho

bố nổi khuây khoả và niềm vinh dự... Hiệu ảnh ở dưới ấy thiếu gì mà bố cũng thiếu gì tiền ? Hồi ở nhà máy hay trên bố keo kiệt nhưng trong cái việc này... phóng đại, tô màu một bức ảnh anh bộ đội đã hy sinh ở trong nhà...

*

* *

Lão lục tung mớ giấy má của gia đình cất trong một đoạn ống bương có nắp đậy và vẫn còn giữ được nguyên vẹn cả một đoạn dây đeo bằng bả có thể choàng qua vai - vật còn lại của quãng đời nông ngư xam bán thỉnh thoảng "đi nghề" ra biển đánh cá, trong những năm lão hãy đang còn trẻ trai ở dưới làng Khoi. Bỗng lão Khúng sực nhớ ra chiếc ba lô của thằng Dũng do anh bộ đội người Thanh Hoá đã mất công phu khoác về từ bên nước Campuchia cho gia đình lão. Mấy ngày nay lão đã cẩn thận đem cất trong một cái chum đựng khoai lang khô tận trong buồng vợ và lão quên khuấy đi. Lão vội vã chạy vào trong buồng mẹ Huệ ôm cái ba lô ra nhà ngoài. Lão tin chắc thế nào cũng tìm thấy một bức ảnh của thằng Dũng thật đẹp, thật oai phong, đàn ông, trong bộ quân phục mới là thằng nếp. Nhưng lão Khúng chỉ thấy dội lên tận đáy lòng một nỗi đau xót tận lúc này lão mới có dịp nhìn kỹ cái kỷ vật vô cùng quý báu của đứa con đã chết để lại : cái ba lô sao mà bẩn thỉu, rách rưới, y như chiếc đũa của đứa ăn mày, không cảm lòng nặng lão bật lên một tiếng khóc hu hu, kêu lên một tiếng rồi im bật, lẳng lặng lôi các thứ đựng bên trong ra. Chẳng có gì ngoài vài cái quần, cái áo bộ đội cũng đã cũ rách và hôi hám như chiếc ba lô, một mẫu sắt tây hình tròn chạm hình một vũ nữ Campuchia đứng múa uốn éo, cùng với một đôi đũa mà chắc con lão đang vót dở bằng một thứ gỗ gì đó hết sức lạ lùng, thớ gỗ nhỏ mịn và rắn như đá, màu đỏ sậm. Lão cắp cái đũa lỉnh vào bên nách, xăm xăm bước ra ngõ.

Trên dọc đường lúc băng qua ruộng lúa qua xóm, lão chả thèm nhìn ai, gần như chả trông thấy ai, người ta chào hỏi, lão cũng làm thính. Lão đi thẳng đến trụ sở xã. Hai dãy nhà nằm theo hình thước thợ cửa giả mở toang, cả nếp nhà trên đứng trên bậc thềm cao lẫn dãy nhà dưới chắt một đồng cây lạc, đứng ngoài ngõ vào chỉ thấy những chiếc ghế băng cùng với những cái nồi nhôm đựng bã chè xanh vớt lẫn lóc. Một cái mặt người vừa mảnh vừa khô như chiếc lá tre rụng ló ra giữa đồng cây lạc. Lão Khúng nhận ra ngay là lão Kẹp chồng mẹ Hái, giữ chức trách giao thông của uỷ ban kiêm đóng, mở cửa trụ sở. Trông thấy chồng mẹ Hái, không biết nghĩ thế nào lão Khúng liền quay ngoắt trở ra và cứ thế hai chân bước thẳng một mạch trở về nhà. Vứt cái dây lính bản thủ ra giữa thềm, lão chạy vào nhà xách ra chai rượu trắng cùng với hai chiếc chén. Lão rót ra đầy cả hai chiếc chén, nhón những ngón tay đẩy về phía trước mặt một chén, miệng lầu bầu :

- Uống đi, con ! ngày xưa bố cấm mày nhưng rồi mày vẫn uống, húp xoàm xoạp như húp canh rồi nhăn răng ra cười, rồi sặc, rồi nói năng lung tung với mấy đứa em... từ đấy mẹ mày đe tao ;... ừ, mà bây giờ thì chắc mẹ mày cũng chẳng đe tao nữa. Bố cũng chẳng cấm nữa ! Uống đi, uống đi con !

Chùng như lão đã say. Ngồi tựa vào bậc cửa ngay trước dải thềm nhà, lão cầm mân mê trên bàn tay khô rám của lão đôi đũa mà con lão đang vót dở, ừ, một đôi đũa dùng ăn cơm cũng như đũa con lão dùng ở nhà, nhưng đây là một đôi đũa vót bằng cái thứ gỗ màu hồng rắn như đá, thớ gỗ mà y như thớ đá đầy, nhỏ mịn, và lão nghĩ đến cái đất nước Campuchia lạ lắm có thứ đất mọc lên giống cây gỗ lạ lắm này - ở đấy con lão đã chiến đấu và đã ngã xuống. Giữa lúc ấy, Mẹ Hái từ dưới bếp đi lên trông thấy cái người bố đau khổ đang ngồi gục đầu xuống đầu gối, đôi đũa bằng gỗ

hồng sắc để rơi dưới chân - Bỗng lão Khúng như bưng tỉnh ngủ ngược lên nhìn người đàn bà bằng hai con mắt trống rỗng vẫn đầy tia máu từ đó những giọt nước mắt rơi xuống
lã
chã.

- Ông Khúng ạ, mẹ Hái ngồi xuống bên cạnh lên tiếng an ủi lão, cháu Dũng dù sao cũng đã mất. Tôi biết là cái việc này nó nhọc lòng lắm. Ông chỉ mới có một lần đi qua cái cầu này chứ tôi với ông Kẹp đã đi qua đến ba lần. Tôi đã mất đến những ba đứa con... Nghe mẹ hàng xóm nói đến đây, lập tức lão nhồm dậy, hai con mắt vẫn đỏ ghé sát tận mặt mẹ Hái, lão mếu máo quát tướng :

- Ba đứa con của mẹ cũng không bằng một đứa của tui. Hừm, nói vậy mà cũng đòi nói...

3

Những chiếc móng bò gieo xuống chậm rãi, có phần quá chậm rãi đến lẽ mê nhưng đều đều trên nền đất cứng của vệt đường vụn vỏ đỗ.

Lão Khúng chợt rùng mình vô cớ, có lẽ bởi lão thấy đêm vẫn bát ngát và sâu hút chẳng có vẻ gì đêm tối của cõi dương gian cả. Con khoang đen và, chặc, biết đâu đấy, cả lão đang đi đến chỗ chết ? Lão biết thế còn con vật có biết không nhỉ ? - Chắc là nó biết, lão Khúng nghĩ. Sống gần chọn một khúc đời nhọc nhằn nhất của lão trên vùng rừng với con vật, lão Khúng cũng không hiểu hết nó, con vật bầu bạn, chả biết nó thông minh hay ngu si ? Người ta bảo : "Ngu như giống bò" thật không đúng một tí nào, bởi lắm trường hợp nó còn hiểu ra được đôi ba điều trước cả lão, lão chưa kịp hiểu ra nó đã hiểu, nhưng nói chung thì ngu, một sự ngu si dần dần cố hữu đầy hoang sơ và chả có gì đáng chê trách, thậm chí vì thế mà lão Khúng càng yêu nó vì sự ngẩn ngơ, khờ khạo. Con vật thân quen của lão

giống như một đũa trẻ thơ chẳng bao giờ lớn khôn lên được mặc dầu cái xác to kềnh càng. Chiếc xe lắc một cái mạnh. Lúc bấy giờ, cuộn tròn mình trong tấm áo rét bằng dạ cứng ngực đã sờn cũ, lão Khúng chợt nhìn thấy một ngôi sao sa ở mép trời, thật ra lão không nhìn thấy ngôi sao lúc trước đấy và sau đấy, mà chỉ nhìn thấy ở cuối chân trời đang tây chợt ló lên những đóm lửa bụi nhùi rơm rồi tắt ngấm mất hút. Lão cố tìm nhưng không thấy còn để lại cái gì cả. Phải không, như thế là điềm báo vừa mới có một người chết ?

Trên mặt đất mênh mêng vô tận này có ai vừa mới chết, hoặc sắp chết ? Ngôi sao vừa sa xuống đó chắc hẳn không phải là điềm trời báo hiệu rằng con khoang đen nhà lão Khúng sắp "tử". Lão tin chắc chắn như thế, bởi lẽ Nam Tào, Bắc Đẩu hoạ là có rối rảnh lăm lăm mới làm cái việc ấy. Mà cũng không bao giờ người ta ban đặc ân cho con khoang đen cả một ngôi sao chiếu mệnh, mặc dầu nó đã có công cày vỡ bao nhiêu là đất cát, điều ấy chỉ có lão Khúng mới biết. Hay ngôi sao sa vừa rồi là ngôi sao của con lão, đấy là vệt đường đi về cõi trời của một người anh hùng cứu quốc, của chính thằng Dũng cầm súng chiến đấu ở bên chiến trường Campuchia ? Cũng chắc không phải, lão nghĩ tiếp, trên thực tế thằng Dũng đã chết một năm rưỡi nay rồi cơ mà ? Hay là điềm trời báo trước cho lão biết : lão sắp chết ?

Tự nhiên lão lo quỳnh lên, hai bả vai và tấm lưng rắn chắc cựa quậy hoài huỷ trong tấm áo lụa. Lâu nay lão hay ho, hay nhức xương, lại hay nằm mê, mà toàn nằm mê gặp người chết. Mà tính nét thì hay quên, hay lú, lăm khi ăn rồi lại bảo chưa, trời vừa chập tối cứ ngỡ sắp sáng, giục già con gái trở dậy đi làm cứ toáng lên khiến trong nhà rối tinh rối mù. Nhưng nghĩ đi rồi nghĩ lại, lão Khúng thấy bình tâm hơn, bởi một anh nông dân suốt đời đi sau mông con bò như lão thì cái thá gì mà cũng đòi có một ngôi sao ứng

mệnh ở tận trên trời ? Có mà đến Tết ! ngồi thèo đánh rên cái cang xe bò, tự nhiên lão Khúng tự thấy gương ngệu, tồn tên vì đã đề cao cá nhân mình lên quá mức, y như cái lần ông Bời cứ bắt buộc lão lên ngồi ghế chủ tịch đoàn trong đại hội nông dân xã. Rồi lão chắc lưỡi một cái thật kêu. Cái lão Khúng này thiết đêch gì ! Sao vớ lại chả trắng ! Cho cái mặt trời, ông cũng đêch thiết nữa là ! Lão chỉ thiết cái mặt đất ở dưới chân vớ mảnh ruộng vỡ hoang được thuộc sở hữu gia đình lão.

Tuy thế lão Khúng vẫn ngửa mặt lên trời, rọi mắt lục tìm khắp bốn phía chân trời với một sự tò mò vừa kính cẩn vừa có ý khinh xuất. Lão ngắm kỹ lưỡng một vài đóm sao sáng xanh, những vì sao to nhất, sáng nhất, và lão định ninh đây là những ngôi sao định mệnh của các vị vua chúa hoặc lãnh tụ. Chao ôi, cả một trời sao trên đầu, càng nhìn càng thấy lắm, trong khi ấy thì ở dưới mặt đất vào lúc này dường như chỉ có một mình lão và con bò đang thập thồm, mò mẫm đi giữa mặt đất bao la và tối tăm.

Bất giác trong khi vẫn ngửa mặt lên trời hứng bóng tối dày đặc và một làn gió đêm lạnh buốt, bỗng lão không tìm được, tự nhiên bật lên một tràng tiếng cười khùng khục từ trong cổ họng, khiến cho con bò đang đi phải dừng lại. Lão không dùng doi mà đưa tay đét một cái vào giữa cái chỗ uốn vòng lên của cuống đuôi con vật :

- Đi, đi ! không có việc gì cả đâu, lão vẫn tiếp tục cười khùng khục và đàm đạo với con vật bạn đường, đi đi, không phải tao cười mày. Hi... hi... tao đâu dám cười mày ? Đây là tao đang cười những ông sao trên trời ! Vua chúa hoặc đại thần danh tiếng của thời nay cả đấy ! Họ đang sông cả đấy ! Ngôi sao mà chúng cứ ngỡ mình đang soi sáng mặt đất, không có mình thì mặt đất biến thành hũ nút, hàng nghìn, hàng triệu người mở mắt cũng không nhìn thấy

lỗi mà đi ! Vậy mà khổ chưa kia, không biết cơ man nào là sao, có ít ỏi đâu, các chụ vị đang thi nhau nhấp nháy, đang toát mồ hôi hột ra để rịn ra ánh sáng như đàn bà rịn đẻ, không phải một ông mà nhiều ông, cả một trời sao đang chiếu sáng thế mà mặt đất thì vẫn tối thui tối mò thế này, con đường chúng mình đi xuống chợ Giát vẫn tối như hũ nút thế này ? ấy thế mà mới tài tình chứ. Lão đã nghiệm thấy lão và con bò đi đêm nhiều nhưng chưa bao giờ lạc. Không phải chỉ trên mặt đất mà lão Khúng cảm thấy trong cái đầu ngồn ngang đây ý nghĩ của lão cũng tối mò mò, chỉ được một điều là lão có hai con mắt do ông trời cho tinh như mắt cú, có thể đi trong tối. Lão, một anh nông dân suốt đời đi sau con bò vạch những luống cày trong đêm tối...

*

* *

Một lần nữa lão quay nhìn về phía ngôi sao vừa tắt, vừa rơi tồm vào bóng tối như đóm lửa trên đầu que đóm hút thuốc Lào. Lão phỏng đoán có lẽ đây cũng chỉ là một ngôi sao be bé, vừa phải, hay đây chính là ngôi sao chiếu mệnh của đồng chí bí thư huyện uỷ nổi tiếng vừa mới đây đã thôi ngôi chiếc ghế ấy. Quả có vậy thực thì đáng buồn thay và có lẽ đây là luật lệ mới ở trên đời : người có chức quyền không còn giữ được chiếc ghế nữa thì sống cũng như chết, ngôi sao chiếu mệnh cũng tắt ? Thực tình mà nói, tận cho đến lúc này lão Khúng cũng không hiểu mình yêu hay ghét, ưa hay không ưa cái con người quyền uy lớn nhất huyện, quen thân với Tổng Bí thư Đảng đồng thời lại rất thích lão Khúng, coi lão như bạn.

Về phần lão Khúng, mặc dầu ông Bời lúc nào cũng tỏ ra thân mật, bình đẳng nhưng riêng lão Khúng bao giờ cũng để một khoảng cách với kẻ bề trên. Tuy vậy, lão Khúng cũng có phần bái phục con người ấy, đầy trái ý, đầy hoài

nghi nhưng vẫn phải bái phục. Con người lãnh đạo ấy xuất thân là dân buôn bò, cũng là anh nông dân từ chỏm tóc đến gót chân như lão Khúng vậy mà không bao giờ thêm nghĩ những điều nhỏ mọn, tụn mủn như lão Khúng. Lão Bồi toàn nghĩ những cái to tát phải dùng tới hàng trăm hàng nghìn người làm cật lực với những cờ quạt trung ra rọp trời. Lão thích đông người, thích náo nhiệt, rất lãng phí sức người, làm hỏng cũng nhiều mà làm được cũng lắm. Cái gì lão làm được, dân đều biết cả !

Lão Khúng nghĩ : rồi cũng khó tìm ra một kẻ thay thế được lão Bồi : lão không tham vật, khó có người hiểu nông dân và lợi dụng tâm lý nông dân giỏi như lão, một con người lãnh đạo dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn luôn suy nghĩ, luôn luôn đi, luôn luôn nói, luôn luôn bày ra việc để làm, mà toàn bày ra những việc to tát, vĩ đại ; lão Khúng nghĩ một cách bái phục lão Bồi : đó là một con người mà mọi điều khôn dại trong công ăn, việc làm sẽ còn khuấy đảo sự làm ăn, no đói của hàng vạn người trong nhiều năm về sau này nữa. Ôi khùng khiếp quá, nhất là thời gian lão tiến hành đại cơ khí hoá nông nghiệp toàn huyện, lão đã xoá tên các làng xóm, ba xã đem gộp làm một xí nghiệp, đền chùa, miếu mạo bị dẹp đi, và không biết lão lồi ở đâu về mà nhiều máy móc đến thế, máy móc bò trên đường dưới ruộng như cua, trâu bò tưởng đã trở thành kẻ thất nghiệp ! Nhà cách mạng thường trực trong cái hội ấy lúc nào cũng như một cái chảo nước đang sôi, hề thích làm gì là làm, làm bất chấp tất cả, mà toàn chỉ thích làm những việc đảo lộn cả trời đất. Người lãnh đạo huyện xuất thân cùng tầng lớp với lão Khúng ngày đêm lúc nào cũng chỉ nhằm "cách cái mạng" (1) của người dân quê muôn đời nghèo khổ. Trong những năm này, uy tín ông Bồi tăng vọt lên, ai cũng sợ, bởi gần như đã trở thành kẻ gàn gỏi, người thực thi mọi ý đồ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nông thôn của các cấp ở trên cao.

(1) Chữ trong AQ của Lỗ Tấn.

Từ thuở "hàn vi" khi đang còn làm chủ tịch huyện ông Bồi đã thích kết thân với lão Khúng.

Lão Khúng thấy cũng là một sự lạ đời : ông chủ tịch huyện thỉnh thoảng đánh xe con lên rủ lão đi chơi lang thang ở đây đó và trên dọc đường bắt buộc lão phải tranh cãi với ông về một chuyện gì đó. ừ thì có khó gì, và lão Khúng sợ gì, lão đã tranh cãi những trận kịch liệt với người lãnh đạo huyện, cả hai mặt đỏ gay gắt, sùi bọt mép mà không phân thắng bại trong mọi chuyện. Về sau khi đã ngồi vào ghế bí thư thì ông chủ tịch huyện không làm cái trò chơi đại ấy nữa. Có người lãnh đạo nào lại thích sự phân bác, trái ý !

Ngay từ ngày đầu, lão Khúng cũng đủ khôn để biết thế cho nên thực ra lão cũng chỉ tranh cãi giả vờ, không bao giờ lão chịu nói ra ý nghĩ thực của lão với chủ tịch huyện. Mà cũng chính vì thế cho nên mối dây quan hệ bè bạn giữa lão với người cầm quyền còn giữa mãi được đến tận bây giờ. Tuy thế, trong con mắt nhìn của lão Khúng đó là những thời kỳ mà con người ấy thật đáng mến vì người ta còn ít sợ. Ngày ấy ông Bồi rất "mê" con khoang đen, ngày ấy ông Bồi đang còn biết yêu trâu bò, súc vật. Vừa ngủ gà ngủ gật, lão Khúng đang nhớ lại những năm mới hoà bình chống Mỹ xong, cả huyện đang xúm vào xe cát làm đại công trường thủ công xây dựng đồng muối Quỳnh Thuận để cứu đói cho mấy ngàn dân biển : trâu bò trong toàn huyện đã kéo về tập kết ở đây - mà ông Bồi đặt tên là cuộc hội quân lớn về sức kéo. Phải, hồi bấy giờ thằng Dũng hãy còn nhỏ, là một đứa cháu nghịch ở trong xóm, con khoang đen tuy đã đẻ vài lứa nhưng trông vóc dáng bề ngoài còn là một ả gái tơ đầy quyến rũ và cũng không hiểu sao y như thường xảy ra với

những người đàn bà đặc biệt hấp dẫn đàn ông - những lão bò đực đầu đàn đầy hung dữ của ngoài chực xã cứ lần xả vào mà húc nhau, rượt nhau, gây ra những trận kịch chiến khùng khiếp để quyết giành lấy con khoang đen cho kỳ được. Cũng từ ngày sinh ra đời chưa bao giờ con khoang đen và thằng Dũng được sống dưới bầu trời rộng rãi và náo nức là thế, trong một khung cảnh lao động lãng mạn là thế - một công trường thủ công - đúng như tên trong các sách vở của Mác thường nói và chủ tịch Bời là người đã có công biến thành sự thực nhân tiên : khắp mọi xóm xinh trong cả huyện, đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con được điều về đông nghìn nghịt, người đã đông mà trâu bò lại càng đông hơn ; dân các xã cùng trâu bò trước khi kéo quân về đã được phiên chế thành cơ ngũ : tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn đầu ra đẩy với các vị tư lệnh cùng chính uỷ, kèn tiến quân, kèn lui quân, trống cái, trống éch, cờ đuôi nheo, cờ lá chuối, cờ rước thần, cờ đỏ sao vàng, những phù hiệu cấp chức bằng vải, bằng giấy loè loẹt trên các bả vai và ống tay áo, loa phóng thanh từng buổi, từng giờ vang vang công bố cho toàn công trường những kỷ lục năng suất.

Sau ba tuần lễ tắm mình trong không khí đại công trường, hai cha con lão Khúng cùng con bò đực trở về nhà. Hai cha con cùng với con vật về đến trường ách thì gặp chiếc xe của chủ tịch huyện cũng đang ngược dốc đi lên. Lúc bấy giờ lão Khúng trên dọc đường đang cáu. Lão đang tiếc của đến đứt ruột cho nên cáu gắt âm ỉ. Ông Bời phóng xe com măng ca vượt lên trước, ngoái về sau trông thấy một lão già xương xẩu và gân guốc từ trên chiếc xe bò bánh lốp nhảy xuống vừa lớn tiếng mắng mỏ thằng con trai đang ngồi đực mặt trên cang xe. Chủ tịch Bời "à" lên một tiếng, vui vẻ lập tức nhận ra cái con vật đang đi nhón nhờ phía trước cang xe như một vũ nữ. Ông nhận ra đó là cái "à đàn bà" đã từng gây náo loạn dưới đồng muối, con bò cái khoang đen bắt trị ! những đoàn xe chở cát dài dằng dặc từ

dưới biển lên đang xếp hàng đi đứng có hàng ngũ bỗng chỉ cần cái ả đàn bà với bộ cánh màu đen loang lổ này xuất hiện hoặc từ rất xa thốt kêu lên một tiếng "ngò" khàn khàn là lập tức hàng ngũ đoàn xe bị phá vỡ không có cách gì thiết lập lại trật tự quân sự. Chủ tịch huyện bảo cậu lái xe con dừng xe giữa trường ách. Vốn xuất thân là dân buôn bò cho nên ông có con mắt sành sỏi.

"Chả trách, chả trách" ông chủ tịch huyện đi sát lại bên con khoang đen với một nỗi đam mê của tay buôn bò khi đã bị quyến rũ không dứt ra được, cũng không tìm được lời tâm tặc khen ngợi phải thốt lên thành lời.

Máu mê dân buôn bò sống lại trong ông chủ tịch huyện, ông đi thêm mấy vòng để nhìn kỹ dung nhan phía trước mặt, càng nhìn càng ưng ý không thể chê được một nét gì.

- Chao ôi, nó đẹp quá, một con bò cái đẹp như Tây Thi - ông Bời cuối cùng thốt kêu to lên như thế rồi quay sang ngắm bố con người chủ bò và chiếc xe bò.

Lão Khúng đã thôi không mắng mỏ thằng Dũng nữa nhưng lão vẫn tiếc của đến đứt ra từng khúc ruột, lại thấy ức như bị bò đá - vì thằng con lão và cả lão nữa đã lơ là, để chúng nó tháo mắt bộ díp xe. Cả một bộ díp ô tô mà lão đã phải cất công ra tận thủ đô Hà Nội, cả nhà ông chú ngoài đó phải xoay trần ra mới lòng được cho lão cùng một lúc "đồng bộ" cả ổ bi, trục xo, bánh lóp... Vậy mà chúng nó "ăn cướp" mắt của lão cái bộ díp bằng thép ! Biết bao giờ mới tậu lại được cho nôi ? Lắm khi có tiền cũng không sắm được. Cho nên từ sáng đến giờ, từ lúc xuất phát ra đi để trở về nhà mỗi lần lão đi qua một quãng đường dốc gập ghềnh, lão lại nhảy xuống chống hông lên trời vừa cúi gắt nặng trĩu vừa mắng mỏ thằng con trai, vừa dương mắt nhìn vào cái khoảng trống để lại dưới sàn xe - một cái khoảng trống do bàn tay

bọn ăn cắp để lại kỷ niệm cho lão : nơi cái bộ díp ô tô tải đã bị ăn cắp mất, nơi táng cái mả bố chúng nó đấy ! Dù sao thì việc ông chủ tịch huyện ngay giữa đường phải dừng xe lại để ngắm con vật nhà mình cũng làm lão Khúng phần nào vui đi nổi khổ tâm vì cú mất của quá xót.

Vượt qua đoạn dốc cuối cùng của trường ách, lão Khúng và nhà cầm quyền sóng vai nhau đi bên chiếc xe, người nào cũng tỏ ra không kém phần thông thạo trong khi bình phẩm tướng mạo và nhan sắc của con vật.

Nhưng khi ông chủ tịch huyện lân la hỏi sang cảm tưởng những ngày lao động xã hội chủ nghĩa đầy náo nhiệt vừa qua thì cái nổi xót ruột bởi chuyện đi mất của lại ùng ùng trôi dạt giữa cuống ruột cái lão già nông dân.

- Công trường với lại công triếc, toàn một lũ ăn cắp !

Ông chủ tịch huyện đã cảm thấy bị xúc phạm, da mặt đỏ gay, tuy vẫn cố kìm giữ :

- Sao thế ?... Có việc gì thế hả ông lão ?

- Toàn một lũ ăn cắp... Ông coi, chúng nó tháo mất của tôi cả một bộ díp - lão Khúng càng cau mặt lại - quân ăn cướp chứ không phải là ăn cắp nữa, cái quân công trường ấy !

Chủ tịch Bời thường ngày đã không thể nghe ai nói một lời đụng chạm đến cái công trường kiến thiết nại muối.

- Chả lẽ ông nữ... nói đến vậy, hả ông lão ?

- Thưa ông, mất cắp thì tôi nói mất cắp, mà rõ ràng là mới mất đêm qua, ở dưới công trường...

- Đúng chứ ?

- Chẳng lẽ bằng chừng này tuổi đầu, không mắt tôi lại nói mắt ?

- Biết vậy, biết vậy, ông người xã nào ở vùng trên này vậy hả ?

- Hùng Tráng.

- Tên ông là gì ?

- Ông hỏi để làm gì ?

-...

- Tôi tên là lão Khủng, ai cũng biết.

Chủ tịch huyện tròn xoe mắt :

- Ông... ông chính là lão Khủng ở Hùng Tráng đây ư ?

- Phải.

- Nào, cho chủ tịch huyện bắt tay ông Khủng một cái đã nào.

Ông Bời mặt mũi mồ hôi, hai chân đi ủng dậm lộp bộp xuống mặt đường, ngó người đối thoại đầy tò mò và kính cẩn như ngó một người đã có công khai sơn lập địa của thời hồng hoang vừa mới hiện về đang đứng trước mặt.

Hai tháng sau, vào thời vụ cày vỡ đất của Hùng Tráng, tháng vất vả nhất của trâu bò và người đàn ông trong gia đình, ông Bời đánh xe lên thẳng nhà ông Khủng, tuyên bố sẽ ở nhà lão khoảng một tuần lễ để học cách làm ăn, cùng

ở, cùng làm với gia chủ. Lão Khúng ban đầu đã chả tin một tí nào. Và cả nhà lão cứ sồn sác, lo sợ, tưởng lão vừa mắc vào cái tội gì to tát đến nỗi ông chủ tịch huyện phải thân hành đến tra xét. Mụ Huệ vội vã tuồn những chiếc bong bóng lợn chứa đầy rượu lậu giấu dưới đáy mấy cái chum ở trong buồng mụ sang nhà hàng xóm để giấu. Bữa cơm đầu tiên, mụ Huệ xua được một con gà mái vào nhà bếp, túm lấy hai cẳng, đã toan cắt tiết thì lão Khúng giơ tay ngăn lại : "thường ngày nhà mình ăn thế nào thì dọn cho ông khách ăn vậy. Như thế mới là ba cùng" - lão giải thích ý nghĩa công việc của vị khách cho vợ hiểu - nhưng mụ Huệ vừa thả con gà ra lão đã chộp lại, đề nghị mụ cứ cắt tiết. "Chặc, phàm là con người ai chả thích ăn ngon ? Chưa thể biết rõ hết mục đích lão đến ở nhà mình để làm gì thì hãy thết lão một bữa cơm thịt gà cái đã. Một ông chủ tịch huyện chứ có phải ít ỏi đâu ? ầy, mà biết đâu lão đến ở nhà mình cũng có thể làm cho lão nên danh nên giá, và nhà mình cũng nên danh nên giá ? Sự đời đôi hi có nhiều cái lạ lắm". Lão nghĩ trong đầu và mỉm cười.

Thế là suốt một tuần lễ, mọi sinh hoạt trong gia đình lão Khúng bị đảo lộn lên hết. Từ thằng Bút, hồi ấy bấy giờ chưa đầy năm, đang men bờ hè tập đi cũng trở nên nhút nhát, lúc nào cũng nem nép, lấm lét, suốt cả ngày rúc dưới gian bếp với mẹ, dương hai con mắt mở thao láo nhìn ông khách lạ mới đến ở trong nhà, cái nhìn đầy thù nghịch. Cả hai vợ chồng lão Khúng cố tạo bầu không khí tự nhiên nhưng cả xóm vẫn cứ phải để con mắt tọc mạch nhìn vào cái ngôi nhà ngói có cây vối trước ngõ, ở đấy đang diễn ra một sự kiện đầy lạ lùng : ông chủ tịch huyện không ngồi com măng ca giơ tay vẫy quần chúng đang cày cuốc hai bên đường, cũng không diễn thuyết thao thao trên bục gỗ của nhà hội trường huyện, cũng không khề khà ăn tiệc, đánh chén mà lại xắn quần lên tận bẹn cùng sát vai bên cạnh cha con lão Khúng làm lụng quần quật từ sáng đến

tối. Đã thế lại còn đòi ăn uống kham khổ, mẹ Huệ bụng lên một cái mâm gỗ có hai cái bát, hai đôi đũa cho chồng và ông khách ăn riêng thì ông khách lập tức bụng xuống nhà bếp, tự tay lượm một cái ghế con đến ngồi bên một góc cái mươn tre, hoà mình giữa đám con nhỏ vô cùng đông đúc của nhà chủ, cùng ăn những bát cơm khoai lang khô thái lát chỉ dính vài hạt cơm làm phép như chúng.

Lão Khúng và cả mẹ vợ đã lấy làm bực bõ lắm, như thấy con mắt người ngoài, một kẻ cao sang lúc nào cũng nhìn soi mói vào tận đáy bát cơm nhà mình, và bàn tay thò vào cuộc sống hàng ngày của mình. Dù không ăn cắp, ăn trộm của ai nhưng cũng như mọi người, vợ chồng lão Khúng cũng không muốn người bên ngoài biết hết những cái không cần thiết của nhà mình, kể cả những cái sự nhếch nhác, túng đói, cũng như cái sự sung túc, no đủ, kể cả những cái sự sống thực với nhau lật vật hàng ngày ở trong nhà. Tất cả những cái điều riêng tây đó, ông Bời không hề biết và ông chỉ lấy làm bằng lòng về mình vô cùng : ông biết rằng chẳng chóng thì chầy những hành vi của ông ở đây sẽ loang đi trong khắp huyện, khắp tỉnh, được những cái miệng cán bộ lẫn dân thường bàn tán đến nát ra. Ông đã nghĩ rất đúng, trong cả huyện, ông chọn nhà lão Khúng để đến ở : đây là dinh lũy cuối cùng của sự làm ăn cá thể và chả biết ông nghĩ thật hay ông nghĩ đùa : ông phải biến lão Khúng thành một con người mới xã hội chủ nghĩa, ông tự giao cho mình công việc ấy như một nhà hành giáo tự nguyện dấn thân vào vòng nguy hiểm và đầy cam go. Mặc cho ông chủ tịch huyện lợi dụng mọi hoàn cảnh để lừa lão Khúng vào vòng tranh cãi với ông về lý luận "hai con đường", lão Khúng bao giờ cũng cố nín lặng lắng nghe ông chủ tịch nói một câu cung kính, cố dấu cái lưỡi thật kín để đừng đại dột thốt lên cái câu "Tôi gần 10 đứa con vào hợp tác xã để mà chết đói à ?" đã lấp ló ở cửa miệng.

Phải nói rằng hồi bấy giờ, trong cái tuần lễ đầy trọng đại ấy, cả gia đình lão Khúng chỉ có khoảng đen là kẻ dám ra mặt trò chuyện với vị khách một cách sòng phẳng, thẳng thắn mặc dầu thiếu tinh thần lịch sự, tôn trọng khách : Chưa một lần nào ông Bồi đặt nổi cái ách lên lưng nó và một lần nó đá vị chủ tịch huyện một phát vào giữa bụng khiến cho ông ta ngã bổ nhào, úp cả khuôn mặt phương phi đầy cởi mở vào giữa đám ruộng.

- "Lúc bấy giờ mày còn nhớ không - tự nhiên lão Khúng nói to thành tiếng cho con bò đang bậm bạch đi phía trước nghe được - tao đã phải vội vàng chạy lại giơ hai tay nâng ông chủ tịch huyện dậy rồi sau đó nhặt chiếc roi cày từ trong tay ông ta vừa văng ra, tao đã quất cho mày một trận. Có ông trời ở trên đầu chứng giám, ăn ở, làm lụng với nhau cả một đời, có bao giờ tao nở đánh mày một roi đâu, thịt da của mày cũng là thịt da của tao, đúng sự thực là thế, mày đau tức là tao đau, vậy mà lần ấy trước mặt ông chủ tịch huyện đang nằm ôm bụng quần quai, miệng kêu hừ hự, ngay giữa luống cày, tao đã nở lòng trở đầu roi cày để đánh mày, đánh thực lực, tay đánh miệng chửi bới, nguyên rửa không còn sót một thứ lời lẽ độc địa nào nữa. Cũng phải nói thêm : lúc ông chủ tịch bị mày "chơi" cú đá hậu, cái thằng Dũng đang đứng trên bờ đùng có nhăn răng ra cười, hềnh hếch đầy khoái chí một cách vô ý thức đến thế... thì chưa chắc tao đã phải đánh mày nặng tay đến như vậy. Có phải không, cái thằng Dũng đến là ngu ! Nó trẻ dại chưa biết cách cư xử ! Đáng lẽ những lúc như vậy dù tức cười đến vỡ bụng cũng phải mím chặt miệng lại. Đùng có bao giờ cười cợt chế nhạo cấp trên... Người ta đường đường là chủ tịch huyện... Không biết trước khi chết, cái thằng con của lão có khôn ngoan hơn lên được tí nào không ? Nhưng cái tính khí thẳng ruột ngựa của nó cũng là tính khí của mình hồi trẻ, của cái lão Khúng ngất ngưỡng này trút sang

cho nó từ trong máu thịt... Bây giờ nó ở đâu, cái thằng Dững vô ý vô tứ ấy, bây giờ con đang lang thang ở đâu ?

4

Gần sáng lão Khúng đã ngủ quên mất. Sương rơi những hột to bằng hạt ngô, lộp bộp bên móng guốc của con khoang đen khiến con vật cũng thấy cong cồng dưới chân và nó phản ứng lại bằng cách đi nhanh hơn.

Phía biển ngập chìm trong sương trắng, thỉnh thoảng xuất hiện giăng giăng một hàng hạt cườm lóng lánh trong thoảng chốc rồi lại tắt. Đây là ô tô tải chạy thành đoàn dưới đường Một vừa đi vào cái khúc ngoặt ở đầu phố cầu Giát. Con đường đòi mang tên "Đốc bò lẩn" thầy trò lão Khúng đang đi sắp phải vượt qua một cái trướng chắc chắn đất vừa mới được cày vỡ chiều hôm qua, một vùng đất mới cày bát ngát... Con khoang đen lầy lèm sung sướng chun mũi hít hít, chỉ có nó mới cảm nhận được đầy đủ mọi hương vị của đất mới được cày lật lên đang toả ra từ hai bên vệ đường.

Lão Khúng ban đầu còn dút tai vò tóc cổ chống con buồn ngủ đang ập đến giữa trí não đã trở nên tối lại mờ mờ. Cũng tại vì tự nhiên thấy đau lưng, lão tựa sát vào những bó củi, lão thấy thực dễ chịu, lại còn nghĩ được : lần này vợ lão gửi xuống cho con Hương toàn loại củi cành, rồi nó sẽ khó bán ! chả biết bán đến mấy phiên chợ mới hết ? Rồi lão quờ tay sang bên đây cái đây đựng đầy khoang lang khô, lẫn gạo, phần ăn của đứa con gái trong nửa tháng, tay đây nhưng đầu lại tựa vào đây lão cảm thấy êm ái quá ! Có lẽ hoàng đế ngủ trong cung điện cũng chỉ sung sướng đến thế này là cùng - lão nghĩ một cách hài hước, tự nhiên hai tay bắt chéo trước bụng, khép chặt hai vạt áo dạ cút ngựa vào sát thân mình - Kê con khoang đen, kê mù già ấy ! sau cái ý nghĩ buông thả, hưởng lạc ấy là óc lão tối hẳn, không sao tự

kiểm soát được nữa. Lão ngoẹo đầu về một bên, buông thõng hai tay, miệng bắt đầu ngáy một cách thực ngon lành theo cái điệu ngáy vo vo quen thuộc của lão ở nhà.

Lúc bấy giờ con khoang đen đã biết tổng lão đã ngủ tuy nó không quay lại nhìn. Con vật bình thân một mình kéo chiếc xe lên dốc lại xuống dốc. Nếu lão Khúng vẫn ngủ tịt cho đến tận sáng thì con bò vẫn có thể tự lực đưa lão cùng chiếc xe xuống phố cầu Giát, vào tận khu tập thể học sinh cấp ba ở nội trú tận bên kia cầu xi măng. Nó đã thuộc con đường ấy, qua nhiều lần xuống chợ Giát. Một luồng ánh sáng chiếu sáng quắc từ phía sau. Trong khi chiếc xe tải lao vụt qua, con khoang đen cẩn thận đi sát vào bên đường, nó gần như dừng hẳn lại không bước tiếp nữa. Cái quang sáng lai láng đầy chói chang của cặp đèn pha chiếu từ phía sau cùng tiếng bánh xe lao ầm ầm ngay bên cạnh vẫn không thể đánh thức nổi lão Khúng, nhưng nó đã đánh thức dậy giữa giấc ngủ của lão với giấc mơ khủng khiếp khi ở nhà : lão lại nằm mơ, nhưng khác với lần trước, là chính lão bị đánh bằng búa tạ, chính lão là con bò ! Lão tự nhìn mình trong cái thân hình nửa bò nửa người, máu mê đầm đìa, mà lão vẫn bình thân y như thân thủ một cái điều đương nhiên mà trong những khi thức lão không hề được biết. Vẫn bằng cái hình thù góm ghiếc ấy, lão đang cùng bí thư Bời sóng đôi bước đi trên một dải đất bằng phẳng trên một vùng cao nguyên nóng như rang. Mang thân hình nửa bò nửa người, lão cùng lão Bời đi theo sau thằng Lạc, thằng con trai của lão đang đi khai hoang ở Đắc Lắc, ba người cứ ngật ngưỡng đi như người đi kheo trên suốt một vùng đất được treo lên giữa lưng chừng trời, suốt một ngày đi không có một chỗ nào có được một giọt nước. Đất dưới chân lão Khúng bây giờ là một thứ đất đầy màu mỡ, khô không khốc đỏ như son mài, mới được cày vỡ bằng máy, từng làn đất bột màu hồng bay là là dọc theo những cánh rừng tốt tươi, lá cây cứ xanh biếc như vẽ.

Đêm tối sập xuống, bóng tối nhẹ như bấc và đầy huyền ảo, con bò hoá thân của lão Khúng bỗng chốc trở nên say sưa, ngây ngất trước hương vị của đất cày. Đến bây giờ nó đang đứng chỉ có một mình giữa vùng đất cao nguyên Đắc Lắc mới được bàn tay những người khai hoang cày vỡ và nó thấy chỉ chốc lát nữa, trời sẽ sáng và nó phải rời những luống cày để trở về sống trong rừng cây xanh biếc kia. Nó chính là loài thú hoang, hay đúng hơn, một con vật gia súc đã trở nên hoang dã, đã tìm trở lại được cái cuộc sống tự do muôn thuở của nó.

Đến lúc này thì lão Khúng tỉnh ngủ. Lão lại trở về kiếp sống làm người như bình thường hàng ngày lão vẫn sống, tuy vậy vẫn chưa dứt bỏ được những ám ảnh cảm giác của loài vật do giấc mơ đã để lại giữa trí não. Lão duỗi thẳng chân tay, sờ nắn từng cái bắp tay, bắp chân một, thấy vẫn là loài người nguyên vẹn, lão lấy làm yên tâm.

Vẫn nằm ngả đầu vào bì khoai lang khô lẫn gạo đem xuống cho đũa con gái, vốn tính cẩn thận lão lại nắn tay nắn chân một lần nữa, lại còn sờ ra sau mông xem mình có còn cái đuôi hay không, lần này thì lão xác định hoàn toàn không có gì đáng lo ngại, tuy vậy hai mắt lão Khúng vẫn không rời cái hình dáng con bò với bốn cái chân đang đi từng bước thung thỉnh trong đêm vắng phía trước mặt lão, ngay trước con mắt lão. Vẫn y như hình dáng của chính lão - cái hình dáng thật mà chỉ một lần lão vừa được nhìn thấy.

Rít xong một môi thuốc lào, lão trở nên hoàn toàn tỉnh táo, và càng tỉnh ra, càng ngồi suy nghĩ, cái ý niệm lẫn lộn giữa mình và con bò lại cứ trở về lờn vờn trong trí óc lão. Lão nhớ lại cánh rừng ở trong giấc mơ với toà lá xanh thẫm, cây lim lẫn thông già mọc trên vách đá, những con bò hoang đã đi đứng trên vĩa núi đá đầy cheo leo hoặc bình yên gặm cỏ giữa những khoảng rừng bằng ngập đầy nắng. Trong đàn

bò kia đã từng có mặt lão, cái dáng dấp thông dong và thư thái nhất trần đời của lão. Chuyện này giá có đem kể lại, chắc chả có một người nào tin. Thế rồi đột nhiên lão Khúng đi đến một quyết định đầy điên rồ : lão quyết định giải thoát con vật ! Tự nhiên lão thấy lão đang làm một công việc vô cùng vô nhân đạo. Cả một đời con vật nai lưng ra kéo cày để nuôi sống gia đình lão, và bây giờ lão đèn ơn trả nghĩa cho con vật bằng việc đem bán nó cho người ta giết thịt ? Lão thấy lão không còn là giống người nữa chứ còn đâu nữa người nữa thú vật ? Một lát sau lão không lên án, tự xỉ vả mình nữa mà chỉ thấy trong người mình một cái nhu cầu đầy bức bách tự giải thoát. Con bò đang kéo chiếc xe đi qua một quãng rừng thưa thớt.

- Họ... họ...

Lão lên tiếng gọi con vật bằng cái giọng tự nhiên hơi sáng. Con bò dừng bước, có vẻ nó lấy làm ngạc nhiên. Lão nhảy xuống, đi đến bên cạnh con vật, đặt cả hai bàn tay lên cái cổ sần sùi đang đầy hơi sưng lẫn mồ hôi, lão vỗ vỗ con vật một hồi rồi cầm cái ách đặt xuống bên cạnh hai chân trước của nó. Con vật ngẩng cao cổ, thè lưỡi liếm lên vai, lên cổ lão, mỗi lần cái lưỡi mềm và ram ráp đụng vào da thịt, lão lại sờn gai ốc, tưởng như con vật đã cảm thấy được lão đang nghĩ gì ; đang toan tính những gì ; lão đang cời ách suốt đời cho nó ! Lão Khúng tự nhiên trở nên vội vã, lão kéo chiếc xe sang vệ đường, đem dầu sau những đám bờ bụi lúp xúp lẫn những tảng đá rồi trở về bên con vật đang đứng đó, nguyên tại chỗ. - Nào, bây giờ thì tao giải thoát cho mày, lão lầm rầm nói với con vật thân yêu bằng cái giọng hơi cau có, mày hầu tao thế là đủ rồi đây con ạ, bây giờ thì mày hãy đi đi, hãy vào rừng mà sống, cỏ đầy, cỏ trong rừng thiếu gì, mày ăn suốt đời không hết, khát thì có nước suối. Mày muốn sống một mình hay sống trong bầy cũng được. ở đây đi sâu vào bên trong sẽ có một bầy bò

hoang. Chúng nó sừng như những bà hoàng ông hoàng giữa núi non, cây cỏ, chẳng bao giờ phải kéo cây, kéo xe... Hãy đi đi, nào ! Lão cuộn vào năm ngón tay trái cái dây chấu đã được tháo ra khỏi mõm con khoan đen, dùng đầu dây đánh một cái thật đau và bên hông, bắt nó phải chạy té vào rừng. Con đường đi đến thế giới tự do của con khoan đen thật chẳng khác nào con đường đi đày. Sau lưng nó, lão Khúng lúc nào cũng hầm hầm hè hè giờ cao thanh roi sẵn sàng quất vào mông đến đau điếng nếu nó dừng lại, hoặc ngoái nhìn trở lại.

Cuộc xua đuổi cứ thế diễn ra lặng lẽ giữa đêm trường. Càng xua được con vật dần mình vào giữa rừng sâu càng xa con đường "bò lẩn" ở ngoài kia, lão Khúng càng thấy yên tâm, lại thấy có một cái gì khoái lạc, tự thoải mãn, chẳng lẽ lão cảm thấy được lão đang xua đuổi cái số phận quá đổi nhọc nhằn của lão ra khỏi đời lão, cái số phận nửa người nửa con vật ? Càng đi sâu vào, rừng càng dày. Những thân cây dổi lâu năm ôm trên mình toàn lá rậm rịt. Qua hai ba ngọn suối thì đến một khu rừng cũng toàn dổi mọc trên dãy núi đá. Rừng tối hơn. Đây là gian sơn, nơi trú ngụ của bầy bò hoang. Từ ở đây vào những thảng hè nắng ráo, những con bò đã từng là gia súc thường nhớ vị mặn của muối, đêm đêm lần xuống các gia đình người kinh, sục vào bếp, thè lưỡi liếm hổi hả lên mặt những chiếc kiềng sắt hoặc đầu ông núc. Có đôi khi vào nửa đêm lấm sao hoặc có trăng sáng, chúng kéo nhau từng bầy năm bảy con xuống phá phách hoa màu trên nương của bà con đồng bào địa phương ở bên kia sườn núi đá. Người ta rình, tổ chức phục kích, đào hào cắm chông nhưng vẫn chưa bắt được của chúng một con nào. Cái giống bò sông hoang đã thật ranh khôn...

Cuộc xua đuổi đã kéo dài hàng tiếng đồng hồ. Lão Khúng đã mệt nhoài nhưng vẫn chưa chịu cho vật dừng lại. Nó phải đi thật xa, phải bắt nó vào thật sâu giữa rừng thẳm, để

không còn lối nào trở lại với lão. Rồi thì mai đây khi trở về nhà, lão nghĩ, lão sẽ nói thật với cụ Huệ, lão đã không đem xuống chợ Giát để bán mà trên dọc đường đã giải thoát cho nó, trả lại cho nó cuộc đời tự do, lão đã xua nó vào rừng, vào giữa giang sơn của một bầy bò hoang... Chắc hẳn cụ Huệ cũng không mè nheo lão. Cụ sẽ thông cảm với lão, với việc làm của lão. Sau khi xua được con vật sang bên kia sườn núi đá, lão Khúng âu yếm chia tay với người bạn đời bằng cách trở đầu roi, cầm trên tay đánh một trận thực lực, tay đánh miệng chửi bới nguyên rủa. Giữa lúc con vật đau điếng, đang quằn quại suýt quy bốn chân xuống thì lão Khúng đột ngột quay lưng lại phía nó. Không nói thêm một lời nào. Lão bỏ đi, mắt hút vào đêm tối. Lão trở về bên chiếc xe bò khi màn đêm đã nhợt trắng. Lão biết rằng từ đây trở đi chỉ còn một phần ba đường đất và đường sá cũng đỡ khốn khổ hơn.

Lão xem lại dây chằng những bó củi cùng đồng chè xanh trên nóc xe, tranh thủ rít thêm một môi thuốc lào rồi một thân một mình, lão kéo chiếc xe ra giữa đường cái, tiếp tục cuộc hành trình về xuôi.

Mùi mồ hôi bò khai khai, lâu đời phả ra nồng nặc trên cái ách gỗ đang bắt đầu thấm ướt đầm mồ hôi muối của lão. Trên đầu lão, trời sao thưa ra, ngôi nào ngôi nấy trắng nhợt như sắp rơi rụng hoặc đi trốn vào bóng tối hết. Lão kéo chiếc xe lăn bánh lọc cọc giữa hàng đoàn những chiếc xe khác do trâu hoặc bò kéo đang vượt lên trước lão, thỉnh thoảng lại có một đoàn xe sộc chở than hoặc gỗ súc trĩu xuống chợ Giát trong tiếng kêu ken két rất là náo nê. Khoảng bảy giờ sáng lão Khúng mới lòi được chiếc xe xuống đầu phố cầu Giát. Đến lúc này trên con đường số Một không còn lối mà len chân nữa.

Lão Khúng tháo ách ra khỏi vai, ngồi xếp bằng ngay bên vệ cỏ của đoạn mút con đường bò lăn đã rải đá rậm. Lão ngẩng cao cổ phóng tầm mắt nhìn theo con đường bò lăn cắt ngang con đường số Một để đi thẳng xuống miền biển. Đây là con đường duy nhất để lão đi về làng, rải toàn đá lèn ban đêm cứ trắng lộm lốp. Lão ngồi xếp bằng ở đấy để nghỉ chân có lẽ đến nửa tiếng đồng hồ, ngay bên vệ đường, sau khi rít một lúc hai điếu thuốc lào thông, lão cảm thấy mệt đến đứt hơi nhưng lại khoan khoái vô cùng, như làm được một việc từ trước đến giờ lão vẫn hằng mơ ước nhưng chưa có cách gì để làm. Con người lã lúc này như đã phân thân ra, một nửa đang sống cuộc đời con khoang đen nhờn nhờn giữa nội cỏ trong rừng thẳm, một nửa đang là chính hình ảnh cuộc sống của lão trong hiện tại : một lão già nông dân đầy nhọc nhằn một mình với chiếc xe bò giữa đường.

Phố cầu Giát, cái phố huyện nổi tiếng sầm uất đang bùng bùng sống dậy trong phiên chợ.

Đoạn đường số Một chạy qua phố cầu Giát kể cả bên này và bên kia cầu dài có đến gần hai cây số. Cho đến lúc này một bên phía lề đường bên kia đã sực nức mùi thơm của cá nước cùng mùi tanh tươi của cá tươi, và một bên phía lề đường bên này đang xông lên ngàn ngạt mùi phân trâu bò : rùng rùng từng đàn bò, đàn trâu, con kéo xe, con đi không, đang đổ tất cả về phía chợ, cái đoàn súc vật cứ phình to ra mãi, lúc nào cũng chực lần chiếm hết cả mặt đường. Người ta thấy từ ngã rừng xuống cũng như ngã biển lên, người cứ đùn lên từng đám, từng đoàn, không lúc nào ngớt. Cùng với người là tiếng cười nói, tiếng cãi vã, tiếng bánh xe gỗ rú rít đầy riết nóng và nảo nề, tiếng đòn gánh kêu kịt, tiếng trâu bò "nghe ọ", tiếng roi quất vào không khí vi vút hoặc đánh trúng hông trâu bò cứ đen đét. Từ trong cái đám súc vật lì xì đang lặng lẽ cất bước đều đặn bỗng các thứ xe cộ khiến thiên hạ vụt hét toáng...

Nhưng bậm trợn nhất, cứ xô giạt hết cả các đoàn súc vật lẫn ô tô tải mà len lên, mà chạy giần giật về phía trước, là những đoàn đàn bà chạy cá tươi từ dưới biển lên. Họ chạy thành từng đám dăm bảy mụ, mười mụ, mụ nào cũng cao lớn như hộ pháp, váy mụ nào mụ nấy bị xết gần tới đầu gối, yếm áo toi tả, mà phần lớn ở trần, mồ hôi nhẫy ra, họ vừa chạy vừa la hét dẹp đường, vũ khí tấn công cũng như tự vệ là cặp khuỷu tay lúc nào cũng chĩa ra hai bên... Lão Khúng cố ý tránh xa đám đàn bà "kê biển" đang say sưa "chạy cá". Lão sợ trong đả chạy đám "liều yếu đào tơ" ấy có thể vô ý xô đổ cái xe bò chở củi lẫn chè xanh chất cao ngất ngưỡng, lại chỉ có một mình lão đang ra sức kéo về phía bên kia cầu. Chẳng biết làm thế nào khác hơn là cứ lẻo đẹo theo sát một chiếc xe tải chở đầy lợn đang tiến về phía trước như người dẫn rượu. Như thế chiếc xe củi được an toàn mà lão đỡ mệt. Dù sao thì cho đến lúc này lão đã thấm mệt. Bởi vì càng tiến gần đến công chợ, cái đám người và súc vật đường hình càng trở nên quay cuồng mà mật độ càng lớn. Trong một lúc nào đó lão Khúng đưa cánh tay áo lau dòng mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt và lúc hai con mắt đã sáng sủa hơn, lão nhìn ra hai bên và phía trước, phía sau lão thấy toàn cả một đám đông đúc xám xịt toàn trâu bò già người ta đập đi chợ để bán thịt. Chung quanh lão y như có ai bày ra cái trò gì để trêu lão ? Bất giác lão nhìn sâu vào cặp mắt của một con bò đang mệt nhọc bước đi từng bước ậm ạch, lọc cọc ngay sát bên chiếc xe của lão. Đây là một con bò đực ít nhất cũng đã từng sống trên vài chục năm, con vật gần như đã trụi hết lông, yếm chảy sát gối, và đặc biệt hai con mắt toét nhèm của nó nhìn sao mà cứ hướng vào lão - hai con mắt đầy âm thầm và nhẫn nhục của con vật già nua đang bình thản đi đến chỗ chết.

Lão Khúng cố xoay xở lôi chiếc xe củi ra khỏi đám trâu bò già đem bán thịt.

- Chào ông Khúng ! Mời ông quá bộ vào ăn bát phở sốt vang nào !

Lão vừa kéo được chiếc xe ra bên vệ đường, ngược lên đã thấy lấp ló sau hàng cây vòng đồng cả một hàng những quầy thịt bò treo giăng giăng cứ đồ ối cả một dãy quán phở, người vừa đôn đả mời chào lão Khúng vẫn không ngừng tay thái thịt, lão bí mật quờ tay ra véo vào bên mạng sườn đầy non tơ của cô vợ vừa trẻ vừa đẹp đang đứng ngay phía sau lưng, rồi quay ra đôn đả, mời chào :

- Quá bộ vào làm một bát sốt vang thịt bò tươi với bánh mướt nào ông Khúng ! Trâu bò của nhà đi đâu cả mà ông phải gò lưng làm bò kéo xe thế này ?

Lão gập lưng kéo chiếc xe đi nhanh qua cái quán phở mà lão chủ quán có quen biết lão từ nhiều năm nay. Nhưng kéo xe qua đoạn phố nào lão cũng chỉ thấy một màu đồ đầy ghê sợ của những quầy thịt bò treo trên những hàng móc sắt. Dân buôn, lái xe, cán bộ đi công tác, khách lai vãng từ Bắc vào hoặc từ phía Nam ra, mấy ai bỏ lỡ cơ hội mua một ít thịt bò tươi ở cái phố huyện nằm ngay trên đường Một, cái thịt trần sẫm uất đang khủng hoảng thừa bò cày cũng như bò thịt thậm chí những người có đầu óc làm ăn kinh doanh của địa phương lại đang còn tính toán hùn vốn mua một hai chiếc xe có thiết bị ướp lạnh. Cái thứ thực phẩm cao cấp ở đây mỗi sáng sớm sẽ được chuyên chở cấp tốc ra Hà Nội hoặc đi các thành phố đang khan hiếm thực phẩm để cung cấp cho các cửa hàng ăn. Như một kẻ đang chạy trốn một cuộc tàn sát đầy tàn nhẫn, lão Khúng hồi hải kéo chiếc xe cũi sang bên kia cầu. Nhưng bên kia cầu cũng vẫn thấy khắp nơi cái màu đồ ối của thi thể những con vật kéo cày. Lão rẽ vào một con đường lát đá phiến khắp khênh, đi qua một cái nhà thờ đạo đây về tỉnh mịch rồi tiếp đến những dãy bức tường gạch sứt mẻ của nhà kho hợp tác đã bỏ

hoang phế. Ngôi trường cấp ba mà con gái lão đang theo học lớp 12 đây rồi, đập ngay vào cảm giác lão là một sự bình yên của không khí nghiêm trang của các lớp đang giờ học, khiến cho lão trở lại bình tâm được đôi chút. Lão kéo chiếc xe củi đi vòng ra phía sau trường, đi qua mấy bãi mạ thì đến khu nhà nội trú của học sinh gia đình ở xa, mấy dãy nhà tranh vách đất đồ nát chả khác nào lán trại của dân công.

Lão Khúng đi thẳng đến trước một gian phòng ở cuối dãy mà lão vẫn quen thuộc, ở đây con gái lão ở chung với mấy cô bạn học lớp dưới. Gian phòng của con lão khoá kín cửa. Lão đang toan dỡ đồng củi xuống trước cửa phòng con gái lão thì tự nhiên lão ngó ra : lão vừa nhìn thấy một con bò đang nằm nhai cỏ bên vạt sân bóng chuyền của đám con gái ở bên hồ nhà. Ngay lập tức lão giật nảy mình sực nhận ra đích thị là nó, con khoang đen của nhà lão, cái con khoan đen mà trong đêm khuya khoắt lão đã đích thân dắt vào tận trong rừng thật sâu, rồi lại còn phải dùng roi vọt đánh đập vô cùng tàn nhẫn để xua nó đi với cuộc sống tự do.

Con vật ngược cặp mắt đầy nhẫn nhục và sàu não lên nhìn lão Khúng. Đó là cái nhìn của một sinh vật tự nguyện chấp nhận số phận. Đứng lặng thinh bên chiếc xe chất đầy củi mà lão đã thay nó toát mồ hôi một mình kéo về được đến đây, lão Khúng cũng chả biết nói gì với con vật, lại càng không thể trách móc, lão chỉ đưa mắt nhìn người bạn đời làm ăn thân thiết bằng cái nhìn cũng đầy sàu não và phiền muộn.

Trong bài: *Đổi mới quyết liệt Nguyễn Minh Châu*, Đỗ Ngọc Thạch đã viết:

“Nhu vậy để thấy rằng bên trong cái vẻ nhút nhát, chậm chạp là một “cái đầu đang bốc lửa” để tìm con đường

“Đổi mới” cho văn chương của Nguyễn Minh Châu: Trong khi suy nghĩ chung quanh việc viết về chiến tranh, ông lơ mờ cảm thấy “Hình như trong ý niệm sâu xa của người Việt Nam chúng ta, hiện thực của văn học có khi không phải là cái hiện thực đang tồn tại mà là cái hiện thực mọi người đang hy vọng đang mơ ước”, bởi vậy các nhân vật trong các tác phẩm viết về chiến tranh “thường khi có khuynh hướng được mô tả một chiều thường là quá tốt, chưa thực”. Nguyễn Minh Châu muốn có một sự thay đổi và ông đã thể hiện suy nghĩ đó trong những sáng tác của mình: một loạt tác phẩm mới ra đời khác hẳn cái cảm hứng chủ đạo Anh hùng ca ở **Dấu chân người lính** (1972); **Bến quê** (tập truyện ngắn, 1985); **Mảnh đất tình yêu** (tiểu thuyết, 1987); **Chiếc thuyền ngoài xa** (1987), **Phiên Chợ Giát** (1988), **Cỏ lau** (truyện vừa, 1989)...

Nhà văn Nguyễn Khải có nhận định : "Nguyễn Minh Châu là người kế tục xuất sắc những bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam và cũng là người mở đường rạch rỡ cho những cây bút trẻ tài năng sau này".

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Minh Châu Web: vi.wikipedia.com
- *Phiên Chợ Giát*: truyenviet.com



7. Hồ Phương



Hồ Phương - Nguyễn Thế Xương (1931-)

Nhà văn Hồ Phương tên thật là Nguyễn Thế Xương, sinh năm 1931 tại Hà Đông, Hà Nội.

Hồ Phương xuất thân trong một gia đình có truyền thống nho học. Bố là một viên chức trong ngành tòa án làm việc tại Thái Bình, nên từ nhỏ ông theo bố sống và học ở Thái Bình. Sau khi cả gia đình chuyển về Hà Nội, ông thi đỗ và học trung học ở trường Bưởi.

Trước kháng chiến toàn quốc, cậu học trò Hồ Phương là một trong những người học văn xuất sắc của Trường Bưởi. Khi đó báo *Tiên Phong* mở cuộc thi truyện ngắn dành cho thiếu niên, Hồ Phương đã giành giải nhì với tác phẩm *Tiếng kèn buổi sớm*. Phần thưởng dành cho tác phẩm *Tiếng kèn buổi sớm* là tên của cậu học trò Hồ Phương (khi đó ông vẫn lấy tên là Nguyễn Thế Xương) được đứng cạnh tên của nhà văn Khái Hưng in trên báo *Tiên Phong*. Đối với một cậu

học trò thì đây quả là một vinh dự to lớn và càng thôi thúc cậu viết văn.

Kể từ sau giải thưởng của báo *Tiên Phong*, Hồ Phương trở thành người nổi tiếng trong giới thanh thiếu niên Hà Nội lúc bấy giờ. Chính vì vậy, Hồ Phương đã được nhà văn Tô Hoài mời làm cộng tác viên cho trang văn nghệ của báo *Cứu quốc*, với những bút danh như: Xi Xô, Phóng viên số 13. Về sau Trung ương Đoàn thành lập tờ *Trẻ thứ 8*, tiền thân của báo *Thiếu niên Tiên phong*, do nhạc sĩ Phong Nhã phụ trách, Hồ Phương cũng được mời làm trợ lý, vừa viết bài, đặt bài, vẽ minh họa, thuê khắc, đi nhà in.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Hồ Phương vừa chiến đấu vừa viết văn.

Năm 1949, ông cùng nhà văn Hữu Mai và một số anh em nữa được giao làm tờ *Quân Tiên Phong* của Đại đoàn 308. Đây là giai đoạn ông thực sự bắt đầu ý thức được công việc viết văn của mình, và những truyện ngắn đầu tiên được ký tên Hồ Phương ra đời như: *Thư nhà*, *Những người mẹ nuôi*, *Những người chị cả*... Trong thời gian này nhà văn Hồ Phương đã tham gia nhiều chiến dịch ở chiến trường phía Bắc, trong đó có chiến dịch Điện Biên Phủ, khi đó ông là chính trị viên Tiểu đoàn Phòng không của Đại đoàn 308, là đơn vị phòng không đầu tiên của quân đội.

Từ năm 1955 ông về Tổng cục Chính trị, là thành viên tham gia thành lập tạp chí *Văn nghệ Quân đội*

Năm 1957, nhà văn Hồ Phương từng giữ chức Phó tổng biên tập tạp chí *Văn nghệ Quân đội*.

Năm 1990, ông được phong quân hàm Thiếu tướng. Hiện nay ông đang là chủ nhiệm hội văn nghệ sĩ Xứ Đoài.

Hồ Phương đã nhận được các giải thưởng văn học:

- Giải thưởng truyện ngắn báo Văn nghệ 1958 cho tác phẩm *Cỏ non*.
- Giải thưởng văn học Thủ đô 1983 cho tác phẩm *Những tâm cao*.
- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam – Bộ công an với tác phẩm *Yêu tinh* năm 2001.
- Giải thưởng UBTQ Liên hiệp các hội VHNT Việt Nam với tác phẩm *Ngàn dâu* năm 2003.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học - Nghệ thuật năm 2000.
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật năm 2012 cho các tác phẩm *Ngàn dâu*, *Những cánh rừng lá đỏ*.

Tác phẩm:

- *Vệ Út* (Truyện, 1955)
- *Vài mẩu chuyện về Điện Biên Phủ* (Truyện, 1956)
- *Lá cờ chuẩn đờ thắm* (Truyện, 1957)
- *Thư nhà* (Truyện ngắn, 1948)
- *Cỏ non* (Truyện ngắn, 1960)
- *Trên biển lớn* (Truyện ngắn, 1964)
- *Nhằm thẳng quân thù mà bắn* (Truyện, 1965)
- *Chúng tôi ở Côn Cỏ* (Ký sự, 1966)
- *Kan Lịch* (Tiểu thuyết, 1967)
- *Khi có một mặt trời* (Truyện, 1972)
- *Những tâm cao* (Tiểu thuyết, 2 tập, 1975)
- *Phía tây mặt trận* (Truyện ngắn, ký 1978)
- *Biển gọi* (Tiểu thuyết, 1980)
- *Cầm Sa* (Truyện ngắn, 1980)
- *Bình minh* (Tiểu thuyết, 1981)
- *Mặt trời ấm sáng* (Tiểu thuyết, 1985)
- *Số phận lũ dù 3 Sài Gòn* (Ký, 1971)

- *Anh là ai* (Tiểu thuyết, 1992)
- *Cỏ non* (Tuyển truyện ngắn, 1989)
- *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng* (Ghi chép, 1964)
- *Đại đoàn đồng bằng* (Ký sự in chung 1989)
- *Ông trùm* (Truyện ngắn, 1992)
- *Cánh đồng phía Tây* (Tiểu thuyết, 1994)
- *Chân trời xa* (Tiểu thuyết, 1985)
- *Huế trở lại mùa xuân* (Truyện ngắn)
- *Núi rừng yên tĩnh* (Truyện, ký in chung, 1981)
- *Yêu tình* (Tiểu thuyết 2001)
- *Ngàn dâu* (Tiểu thuyết 2002)
- *Những cánh rừng lá đỏ* (Tiểu thuyết 2005)
- *Cha và con* (Tiểu thuyết 2007)

Trích văn:

Hà Nội nơi xa

"...Phan Lương xuôi bóng thuyền"...
(Văn Cao)

Đã khá lâu tôi mới có dịp trở lại vùng đất trung du với rừng cọ, rừng sơn, đồi chè trù phú này.

Xe càng gần sông Lô, những kỷ niệm vui buồn trong những năm dài kháng chiến chống Pháp càng thức dậy dồn dập trong tôi như những ngọn lửa nhỏ. Nhớ biết bao những nơi trú quân: Ao Châu - ẩm Thượng - Thanh Cù... Nhớ biết mấy những bà mẹ ân cần, thuần phác. Nhớ cả những gia đình tản cư phiêu dạt, long đong bám dọc các trục lộ giao thông và dòng sông Lô hiền hòa, với các bến đò ngược xuôi quen thuộc: Phan Lương, Bến Then, Tràng Sãi...

Xe càng gần dòng Lô, tôi càng nghĩ nhiều tới chị...

Cuối thu năm 1948, sau chiến dịch bọ Pháp đánh lên Việt Bắc được một năm, tôi có công tác lẻ, đi một mình qua đất Vĩnh Yên rồi lên Phú Thọ. Một bao gạo nhỏ quanh lưng, một cây sten tênh tênh trên vai và một đôi dép lốp đã bắt đầu vẹt mòn, tôi đi gần suốt một ngày trời, chiều thì tới Phan Lương. Một buổi chiều vàng ngậy ngất trên dòng sông Lô êm đềm chảy giữa hai bờ lau sậy.

Khi con đò ngang xệt mũi trên bãi cát ướt, tôi nhảy lên, bước nhanh tới dãy phố nửa lá ỉn náu dưới những hàng cọ biếc xanh và một cây đa cổ thụ rườm rà. Ghé vào một quán nước uống từng hớp chè xanh, tôi lơ đãng ngắm nghía dãy phố nửa. Cũng giống như biết bao bến đò và những nẻo đường hậu phương những năm dài kháng chiến, ở đây, bên mấy quán chợ xiêu vẹo đã mọc lên khá nhiều những chiếc quán tản cư, còn nguyên màu nửa lá mới, với một lối kiến trúc tuy rõ ràng là tạm bợ nhưng cũng ít nhiều "hoa lá", và thật sạch sẽ, gọn gàng. Những chiếc quán hầu hết đều bán hàng giải khát mà khách phần đông là những chú bộ đội và những anh cán bộ qua đường. Dăm chiếc cốc thủy tinh, mấy cái lọc cà-phê, đôi khi thêm dăm thếp giấy học trò, mấy gói đá lửa, vài cuộn chỉ màu... Tất cả cuộc sống của những người thị dân rời bỏ các thành phố dưới xuôi lên đây dường như chỉ trông vào những mặt hàng lèo tèo, nhỏ nhoi, nghèo khổ ấy. Họ, những người thị dân ấy, đã tới đây ngay từ ngày đầu kháng chiến hay mới đến? Tôi hiểu phần đông trong số họ đã phải long đong di chuyển khá nhiều, nay Vũ ền, mai Châu Mộng, kia Cầu Hai... ở đâu, máy bay địch bắn phá nhiều, họ lại dất dứu nhau ra đi. Họ trôi dạt trên hầu khắp các chân trời hậu phương. Thiếu thốn thì quá nhiều, tiền bạc, dần vốn ăn hết dần, nhưng vẫn còn cố giữ lại được một cái: ấy là niềm tin: "Kháng chiến trường kỳ nhất định thắng lợi"...

Tôi đang nghĩ ngợi lan man, chợt có tiếng gọi trong trẻo và gần như giật giọng:

- Nam! Nam phải không?

Tôi quay lại: một người con gái từ cuối dãy "phố nầm" chạy lại, mái tóc đen như mun, óng ả bay dài sau lưng. Đôi chân chị để trần, hai gót đỏ hồng, thoăn thoắt.

- Ô kia! Chị Bích! Sao chị lại ở đây?

Tôi không giấu nổi vẻ bàng hoàng. Đúng là chị. Sao có thể làm được! Chị chạy tới giáp mặt tôi, thở hổn hển, hai tay cầm chặt lấy tay tôi. Tôi rung rung để hai bàn tay mình mãi trong tay chị và ngắm nhìn gương mặt nhỏ nhắn, dịu hiền với cặp mắt đen, cũng đen huyền như mái tóc, cặp mắt xiết bao dịu hiền và đầy xúc động. Chị Bích! Chị "Bích Chân Cầm" - Chị "Bích tóc mây"... Những ai đã ở Hà Nội vào những năm 1944-1946 hẳn ít nhiều đã được nghe những chàng trai ở khu vực Hàng Bông, Hàng Gai, Phủ Doãn, Chân Cầm, Quán Sứ Hà Nội... nhắc tới cái tên kếp ấy một cách thật khát khao triu mến. Đến như lũ học trò trung học chúng tôi lúc đó, cũng còn phải thì thầm với nhau khen chị Bích là đẹp, còn nói chi những anh sinh viên, những chàng trai đã lớn khác. Chị là chị ruột của Kính, bạn học tuy không cùng lớp nhưng cùng trường với tôi. Tôi vẫn thì thoảng tới chơi với Kính. Vì lẽ đó cả gia đình này đều biết tôi và yêu tôi như yêu Kính. Nhà rất thanh bạch nhưng cũng rất nề nếp. Ông cụ làm thư ký sở bưu điện Bờ Hồ. Ông đã hy sinh trong trận Pháp tấn công, chiếm nhà bưu điện đêm 19 tháng Chạp 1946. Người con cả của gia đình là anh Bang, sinh viên trường thuốc. Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, anh gia nhập Vệ quốc đoàn và sau đó vài tháng xin đi Nam tiến. Nghe nói, chưa chính xác lắm, anh đã hy sinh ở mặt trận Buôn Mê Thuột. ở nhà chỉ còn chị

Bích là lớn với năm em, trong đó có Kính. Những ngày tháng Chạp 1946 căng thẳng, tôi đã tới thăm bà Ký và gia đình. Nhưng tôi đứng ngẩn ngơ mãi trước căn nhà cũ kỹ, nhỏ bé ở cuối phố Chân Cầm ấy. Người ta cho biết: gia đình Kính đã sơ tán lên Phú Thọ. Kính đang đi tìm tôi. Hai đứa đều đã ghi tên ở lại. Hai hôm sau, tiếng súng kháng chiến toàn quốc bắt đầu bùng nổ. Tôi và Kính cùng gặp nhau trên chiến lũy đầu Hàng Bông. Kính hơi rúm rệ: "Tao cũng không hiểu là bà cụ và gia đình lên đó rồi sẽ ra sao. Không! Không có họ hàng gì trên đó cả. Theo lệnh tản cư, đi là đi thôi!"...

Vậy mà không ngờ hôm nay tôi đã được gặp chị ở đây, trên bến đò xa xôi này.

Chị dắt tôi về phía cuối dãy phố. Hai chị em cùng đi như chạy. Chúng tôi dừng lại trước một quán nhỏ đã đổ xiêu về một phía, được chống lại bằng hai cây gỗ nhỏ khá dài.

- Mẹ! Biết ai đây không? - Chị reo lên, từ ngoài cửa. Chị đã bỏ tiếng "mợ" xưa cũ, thay bằng tiếng "mẹ" giản dị hơn.

Bà Ký từ trong nhà lật đật chạy ra. Vẫn tấm áo dài màu "nâu tây" cũ kỹ y như hồi còn ở Hà Nội. Vẫn khuôn mặt bao dung, nhẫn nại khi xưa. Nhưng bà đã gầy đi nhiều.

- Trời ơi! Thăng Nam, tưởng ai!

Bà mếu máo ôm chầm lấy tôi. Mắt tôi cũng ứa lệ. Tôi nhìn bao quát căn nhà. Gần như trống trơn. Hai chiếc giường tre, một chiếc bàn bằng nửa ghép, ghé là hai khúc gỗ đặt trên những chiếc chạc cây cắm xuống đất. Có lẽ tất cả dấu vết của Hà Nội còn lại chỉ là một tấm rèm vải hoa che ở cửa căn phòng nhỏ bên cạnh, và một cây đàn măng-đô-lin treo

trên vách nứa, với một bình pha lê có cắm mấy bông hồng đặt trên bàn.

Cả gia đình quần quýt lấy tôi, mừng rỡ và cảm động. Mọi người cho tôi biết gia đình đã bắt liên lạc được với Kính. Anh mới về có một lần, cách đây hơn ba tháng, ngủ nhà một đêm, hôm sau lại đi luôn. Mọi người nói: Kính gầy và ghẻ lở khắp người, tóc rụng lưa thưa, nhưng vui và lém hơn trước nhiều. Kính ôm cây súng, giả làm cây guitare hát mãi bài "Có một anh Vệ còm". Sau đó lại đội ngang chiếc mũ ca lô để hai mồm vênh ra như hai tai mèo, múa hát bài "Con mèo mà trèo cây cau" và bài " Ta ca lý rằng có hai ông cọp hay nhai kẹo sùi" làm cho không riêng mấy em nhỏ mà cả mẹ, cả chị Bích cười đến nôn ruột. Khi ra đi, chị Bích nói, bấy giờ tinh lắm mới nhận thấy Kính buồn. Kính dặn riêng chị, dặn đi dặn lại mãi "Bây giờ em không biết nói sao với chị. Nhiệm vụ em là phải tiếp tục đi chiến đấu, mọi việc ở nhà, trông nhờ cả ở chị thôi. Em rất thương mẹ..." Kính cũng có nhắc tới tôi. Từ sau khi rút ra khỏi Hà Nội, tôi vẫn ở trung đoàn Thủ Đô, còn Kính được điều về một đơn vị trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy, rất ít khi hai đứa gặp nhau.

Cuối thu, ở trung du trời mau tối. Chị Bích ra sau nhà, tươi cười vác vào ba khúc cây khá to và nhóm lửa. Chị khoe: chị bây giờ không "vai thờ" nữa. Đêm ấy, cả gia đình quây quần bên bếp lửa, nướng sắn cho tôi ăn. Những củ sắn Phú Thọ sao mà thơm, sao mà bùi! Tôi vừa ăn vừa bắt chước Kính nói chuyện, pha trò huyền thuyên với mấy đứa em. Chúng đều gầy và đen đi trông thấy. Chỉ riêng chị Bích vẫn đẹp và thật lạ lùng, dường như chị còn đẹp hơn cả hồi ở Hà Nội. Đôi má chị hồng hào. Mái tóc chị óng ả. Vì ngồi gần lửa, hay vì cuộc sống lao động mới mẻ? Hay còn vì trăm ngàn yếu tố tâm lý, khí hậu, thiên nhiên... khác? Chị âu yếm nói với em này một câu, em khác một lời. Chị triu mến

bẻ từng mẩu sắn tiếp cho bà mẹ. Đôi lúc, nhìn chị qua những ngọn lửa ấm áp, nhảy nhót, tôi bỗng ngỡ ngợ và cảm thấy ở đây, trong gia đình này, bây giờ chị là mẹ chứ không phải bà Ký. Bà đã có tuổi, luôn luôn phiền muộn. Chốc chốc bà lại thở dài hỏi tôi: "Nói thật đi, thế độ bao giờ thì độc lập hờ con?". Những lúc bà hỏi như vậy, chị mỉm cười, nhìn tôi như muốn bảo: "Nam coi, mẹ bây giờ như thế đấy!". Rồi chị tìm ngay được một câu chuyện vui, xóa luôn cái không khí trầm lặng. Hết củ sắn này, chị đưa tôi củ khác, vỏ giòn tan, ruột bở toại, thơm lừng. "Ăn nữa đi Nam! Sắn ở đây ngon không? Chị đang xin đất. Rồi chị cũng sẽ trồng! Lần sau em về, tha hồ mà ăn! Bây giờ, nhà mới trồng được có ít chuối! Sáng mai em ra xem vườn chuối của chị. Em sẽ phải lác mắt!". Chị vui quá. Chị vui vì gặp lại tôi cũng như gặp lại Kính, hay còn vì một lẽ gì khác. Và có phải đây thực ra mới chỉ là những niềm vui cố gắng? Mãi tới khuya mọi người mới đồng ý đi ngủ. Chị Bích mau mắn đứng dậy, tự tay rũ chiếu, dọn chiếc chõng tre ở góc phòng cho tôi nằm: "Đây! Hôm Kính về, Kính cũng ngủ ở chõng này".

Tôi vừa đặt mình nằm, bỗng nhiên trong cái yên tĩnh sâu lắng của đêm trung du, vọng tới một tiếng đàn bầu. Thoạt tiên, tiếng đàn vừa vượt lên, tôi đã muốn trỗi ngay dậy. Nhưng rồi tôi thất vọng, ngón đàn của người nào đó dở quá. Người chơi đàn có lẽ chưa hiểu hết những kỹ xảo thông thường, mà nghe ra anh cũng chẳng phải là người có tâm hồn. Tiếng đàn dai dẳng mãi làm tôi khó chịu, không sao ngủ được ngay.

Sớm hôm sau, khi vừa thức giấc, tôi bỗng chú ý tới những tiếng động khác, tiếng gì quèn quẹt. Liền đó là tiếng chị Bích thì thảo với một cô em nhỏ: "Khẽ chứ em! Vét gì mà vét to thế! Khẽ chứ em!".

Tôi đã hiểu. Ruột tôi muốn thắt lại. Tôi vờ say ngủ, nằm im không cựa quậy. Một lúc sau có tiếng chân nhẹ nhàng, rồi tiếng chị Bích âu yếm "Dậy thôi Nam! Sáng rồi. Dậy rửa mặt đi em, chị đã nấu nước nóng sẵn cho em rồi đấy! Rồi ta ăn cơm. ở đây, quen ăn sáng rồi em ạ. Đạo này tàu bay nó hay lên sớm lắm...".

Bữa cơm nghèo, quá nghèo: một bát canh rau cải, một đĩa cá vụn kho mặn. Nhưng không phải vì thế mà tôi nuốt không sao trôi. Khi ăn, đầu óc tôi vẫn luôn chỉ nghĩ tới cái thùng gạo đã sạch trơn của gia đình. Tuy vậy rồi tôi vẫn phải gắng làm vui. Tôi nhắc lại cái tiếng đàn "bật bông" đêm qua. Lũ trẻ cười ran. Bà mẹ cũng cười, và cho biết đó là tiếng đàn của anh phó may ở cách đây dăm nhà. Anh này là người khá giả ở trong xóm, mới ra làm hàng ở ngoài phố được ít lâu. Chưa vợ con, với chiếc máy may, anh ta sống khá an nhàn, sung túc, lại tỏ ra có "máu" văn nghệ, đêm nào khoái lại chong đèn lên, gảy đàn một mình rất khuya. Gia đình này có quen anh ta, nhưng không phải vì mê tiếng đàn "bật bông" ấy, mà chỉ nhiều khi cơ nhờ - bà mẹ không giấu tôi - đã buộc phải sang vay mượn anh ta. Được cái anh ta cũng tỏ ra là người đứng đắn và rộng rãi.

Cơm nước xong, vẫn còn nhớ lời khoe đêm trước, chị Bích nhất định bắt tôi phải đi xem vườn chuối của chị. Chuối bên sông bao giờ cũng đẹp thực. Mới trồng mà đã xanh um, lá to, thân chắc. Hai chị em cùng giẫm trên những đồng lá khô, đi sâu vào trong vườn. Chị vẫn đi chân đất. Bây giờ tôi mới biết chị thích đi chân đất, nhất là những lúc chị vui vẻ, muốn chạy nhảy. Chị vừa đi vừa nói cho tôi nghe về chuối tiêu, chuối mật, chuối lá... về cả ngô, cả chè... tất cả những gì mà chị mới nghe, được biết trên mảnh đất này. Chị tỏ ra rất hy vọng ở vườn chuối. Chị cũng nhắc cả đến vườn sắn nay mai của chị. "Nam ạ, Kính nó bảo phải tặng gia, tặng gia em ạ!".

Khi chia tay, cả nhà đều bịn rịn. Tôi muốn nói một lời nào đó mà cứ bối rối mãi không biết nói sao. Chị lại cầm lấy hai bàn tay tôi như chiều hôm trước, khi mới gặp. Lúc này tôi mới nhận thấy chị không cười vui như suốt cả buổi tối đầm ấm quanh bếp lửa. "Nhớ có dịp, ghé về nhà nhé! Thôi, em không phải nói nhiều. Chị hiểu em rất thương cảnh nghèo túng của nhà. Nhưng em đừng lo. Kính cũng như em. Mẹ và chị ở nhà sẽ cố chứ! Bây giờ phải sống khác, em ạ. Chị hiểu rồi!". Ôi, chị Bích! Chị "Bích Chân Cầm", chị "Bích tóc mây" ngày trước chỉ biết có quyển sách, rồi sau đó ở nhà chỉ biết có mấy chiếc kim đan để kiếm tiền đỡ mẹ, trong đầu óc có lẽ không có gì hơn ngoài những giấc mơ vơ vẩn và những lời giáo huấn cổ xưa của mẹ...

Thế rồi tôi ra đi. Trong thâm tâm tôi thầm tự hứa: bằng giờ sang năm sẽ cố tìm cơ hội về đây lần nữa.

Nhưng thật không ngờ, lần ấy ra đi, tôi đã đi biệt cùng đơn vị, nay Tây Bắc, mai Đông Bắc, lặn lội suốt một dải biên giới trùng trùng, rồi sau đó sang Lào tham gia quân tình nguyện. Cuối năm 1954, lên Điện Biên Phủ. Thắng xong Điện Biên Phủ một mạch cùng "đại quân" rầm rập về xuôi, tiến vào tiếp quản Hà Nội. Sáu năm liền, tôi vẫn chưa có dịp trở lại Phan Lương...

ooo

Công việc tiếp quản Hà Nội quá bận rộn. Tuy nhiên tôi đã gặp lại Kính. Anh đã trở thành một tiểu đoàn trưởng xung kích lừng danh của sư đoàn 308. Kính đưa tôi trở về Chân Cầm, phố cũ của anh. Anh cho tôi biết: gia đình anh mới hồi cư. Vẫn ngôi nhà cũ. Tôi mừng đến mức gần như run rẩy khi nhận ra chiếc cột đèn quen thuộc và bước lên bậc thềm cũ gạch đã mòn lõm từng viên. Bà mẹ vẫn còn sống,

nhưng đã già đi khá nhiều, tóc úa bạc gần hết. Lũ trẻ thì nhón phồng, gần như lạ hẳn. Nhưng tôi đứng sững. Thiếu mất một người: Chị Bích. Lòng tôi se lại.

Bà mẹ kéo tôi ngồi xuống một bên, Kính một bên. Mắt bà đã kém lắm. Bà lấy khăn chấm mãi ở hai đuôi mắt.

- Con ạ! Chị con... lấy chồng rồi! Chị con ở lại trên ấy với chồng, không về nữa!

... Lát sau, Kính đưa tôi ra một quán cà-phê ở đầu phố, để có thể trò chuyện được nhiều hơn. Với một giọng trầm trầm, không ra buồn cũng không ra vui, Kính thông thả kể cho tôi nghe khá tỉ mỉ về tất cả những gì đã xảy ra trong gia đình anh trên bến đò xa xôi ấy.

Kính cho tôi biết: cuối năm ấy - năm tôi ghé qua nhà Kính - trời bỗng rét ngọt, rồi có sương muối. Sương muối đã đốt cháy hết các vườn rau của dân xóm, trong đó có cả vườn chuối của chị Bích. Chị ngồi trong vườn, giữa những cây chuối bị rét bộp quắt lại, khô đen, úa nhựa, chết đứng, khóc rờn mấy buổi liền. Tiếp đó, máy bay bọn Pháp lên bắn phá. Cả dãy "phố năm" gần như bị tiêu hủy, trong đó có cả căn nhà đã xiêu vẹo của gia đình Kính. Dân tản cư bâng hoàng. Một vài nhà tan rã hết tinh thần, bỗng bế nhau chạy vào vùng địch tạm chiếm. Những nhà khác gồng gánh đất dúi nhau phiêu bạt kiếm sống. Riêng gia đình Kính và một vài nhà khác ở lại.

Không còn đủ sức để đi nữa. Mà đi đâu? Bà mẹ hóa ra người ngơ ngẩn. Từ đó, tất cả việc nhà hoàn toàn chuyển qua tay chị Bích. Dân trong xóm, ngoài phố, ai thấy cảnh ngộ cũng thương. Nhưng cũng lạ, từ đó, chị Bích cũng bỗng nhiên như trở thành một người khác. Không ai còn thấy nụ cười luôn luôn trên đôi môi chị. Mái tóc mây dài,

ông ả ngày trước đã được búi gọn lên sau gáy. Chị đã bán hết quần áo đẹp của chị, kể cả đôi hoa tai vàng mà bà Ký đã cho từ Hà Nội để làm của hồi môn khi lấy chồng. Chị bán cả ly, cốc, lọc cà-phê... bán hết. Chị mua tre nứa về nhờ bà con trong xóm dựng lại cho căn nhà mới. Nhưng lần này là một căn nhà nhỏ xinh, để ở, chứ không phải để bán hàng. Chị đã xin được đất. Chị quyết quay sang việc "tăng gia". Chị tập gánh, tập cuốc, tập cào... Chị làm quần quật suốt từ sớm sáng tới tối đất. Chị trồng sắn, chị trồng ngô. Rồi chị trồng cả mấy sào lúa nứa. Người trong làng giúp chị. Tuy nhiên, thật ra không thể nào trong một chốc mà cô gái Hà Nội đã có thể xoay chuyển được tình cảnh của gia đình. Cái túng, cái đói vẫn luôn luôn rình rập. Thảm hại hơn, khi sắn chưa được ăn, ngô chưa có bắp, thì bà mẹ lẫn ra ốm liệt giường liệt chiếu. Còn bao nhiêu đồng dành dụm, chị vét voi ra bằng hết mà vẫn không đủ thuốc thang, cơm cháo cho mẹ. Lũ trẻ nhiều hôm phải ăn chuối xanh luộc thay cơm. Ăn nhiều quá phát sợ, chúng nôn mửa, không sao nuốt nổi nữa. Lẽ có nhiên bà con trong làng kẻ ít người nhiều đã chạy tới cứu trợ. Nhưng mọi sự đùm bọc ấy làm sao thay thế được tất cả? Giữa những ngày đen tối ấy, một "hiệp sĩ" đã xuất hiện. Không phải ai khác, chính là anh phó may với cây đàn bầu từng tưng mà tôi đã được nghe đêm nào. Cũng khỏi phải nói nhiều về tất cả những gì mà anh đã giúp đỡ cho gia đình Kính qua khỏi bước hiểm nghèo. Chỉ cần biết, sau khi bà cụ khỏi bệnh, anh phó may nghiễm nhiên trở thành một người thân, hơn thế nữa: một ân nhân của gia đình này. Và sau đó ít lâu, một buổi anh phó may đột ngột thừa chuyện với bà cụ xin cưới chị Bích làm vợ.

Chị Bích sững sờ. Rồi chị òa khóc nức nở.

Bà mẹ cũng khóc.

Lũ em cũng khóc.

Cả gia đình như có đám tang.

Nhưng anh phó may vẫn kiên trì đi lại. Anh tỏ ra khá biết điều, không bao giờ dám tỏ ra là kẻ ỷ của. Còn thực tế hơn nữa, anh nói thẳng: anh biết chị Bích không bao giờ có tình ý với anh, nhưng anh vẫn rất quý mến chị. Anh tin và hứa là nếu chị bằng lòng, anh sẽ có thể sống với chị rất tốt và sẽ không làm điều gì để chị phải ân hận hoặc phiền lòng.

Con vẫn khóc. Mẹ vẫn khóc. Tuy nhiên, cái gì phải đến vẫn đến. Sau nhiều đêm than thở, bàn bạc, cuối cùng không phải bà mẹ, mà chính chị Bích gạt nước mắt nói trước: "Thôi được! Con xin nhận lời người ta. Dẫu sao, con hiểu: nhà ta vẫn cần phải có nơi nương tựa trong những năm khó khăn này. Biết đến bao giờ mới độc lập? Mà, nhất là nhà ta lại không bao giờ nghĩ đến chuyện về tề cả!".

Năm ấy là năm 1953, cách ngày thắng lợi Điện Biên Phủ và hòa bình lần thứ nhất được lập lại chỉ đúng có một năm trời...

Cả xóm, cả bên đò xôn xao về đám cưới của anh phó may. Người mừng cho "cô gái Hà Nội" là đã vớ được anh chồng khá giả. Người thờ dài "dẫu sao, thế là cô ấy cũng đã cứu cho gia đình khỏi phải trở về vùng địch tạm chiếm! Chỉ tiếc một chút là lẽ ra cô ấy có thể lấy được người hơn anh phó may nhiều lắm". Riêng mấy thầy giáo trong xóm thuộc "giới trí thức hương thôn" thì bình luận: "Một cuộc hôn nhân không bắt đầu bằng tình yêu chân chính, rồi đây sẽ ra sao?".

Nhưng mặc mọi lời khen chê, đám cưới vẫn được tiến hành bình thường như mọi đám cưới bình thường, tử tế khác.

Mọi người chung quanh đều chăm chú dõi xem cuộc sống của đôi vợ chồng mới. Một tháng, rồi hai tháng, rồi nửa năm người ta ngạc nhiên thấy "cô gái Hà Nội" vẫn sống được bên anh phó may như tất cả mọi người vợ khác bên chồng. Không có gì đặc biệt, ngoài một điều: chị Bích vẫn làm vườn và làm cả ruộng, mặc dầu anh phó chỉ muốn chị ngồi nhà cho nhàn. Đôi khi hết việc đồng áng, vườn tược, chị cũng ngồi nhà thừa khuy đơm cúc, hơn thế nữa còn cặm cùi quét dọn, sửa sang nhà cửa. Chị đã xé bỏ tất cả tờ tranh xanh đỏ linh tinh mà anh phó kiếm đâu về treo đầy nhà như trẻ con chơi đình, chơi chùa. Chị cũng đã cùng anh trở thêm mấy cửa sổ cho căn nhà sáng sủa; dựng cả một dàn hoa lý để lầy bóng mát và hương thơm... Bà con trong xóm đều cảm thấy một điều: căn nhà này từ khi có bàn tay chị Bích dường như đã trở nên ấm sáng hơn. Tới tháng thứ mười, sau lễ cưới, trong gia đình này, không phải chỉ có tiếng máy may cà khố kêu sòng sọc, tiếng cây đàn bầu từng tưng từng đêm khuya... mà đã bắt đầu có tiếng trẻ sơ sinh oa oa làm rộn hẳn cả căn nhà.

Nhưng cũng sau đó ít lâu, hòa bình lần thứ nhất được lập lại. Tin quân ta tiến về giải phóng thủ đô bay đến bến đò này làm cho tất cả mọi gia đình đều reo mừng. Riêng những gia đình tản cư thì khóc khóc, cười cười, nhảy nhót như điên. Ngay hôm ấy người ta đã tính tới việc hồi cư. Gia đình Kính cũng vậy. Trong niềm vui tràn ngập có điều đau buồn, lo nghĩ mới. Chị Bích về hay ở? Anh phó vẫn luôn luôn tỏ ra người biết điều. Anh để cho chị được hoàn toàn chọn lựa. Thậm chí, anh đã thành thực nói một cách đau khổ: nếu chị muốn về một mình, anh cũng xin vui lòng để chị về cùng với gia đình mà không có ý kiến gì khác...!

Ba ngày liền, gia đình nhà chị hết sức căng thẳng, lúc đó các gia đình chung quanh ăn uống nhộn nhịp để từ biệt bà con địa phương, xuôi thuyền trở về Hà Nội. Cuối cùng,

cũng như mọi khi, người lên tiếng trước vẫn là chị Bích. Chị xin với mẹ cho chị ở lại.

Bà mẹ khóc ròng "Hay là... con tủi phận?... Con ơi đừng có nghĩ thế!". "Thưa mẹ, không ạ, con không bao giờ nghĩ thế!" "Hay là con đưa cả nhà con về, mẹ sẽ lo cho vợ chồng con cái nhà, mở cửa hiệu" - "Thưa mẹ, nhà con có ý không muốn về. Con thấy anh ấy nghĩ thế cũng phải. Mà con sống ở đây cũng đã quen biết bà con, quen thung, quen thổ rồi, lại còn ruộng đường trồng trọt, chăn nuôi..." " Con ơi, con nghĩ kỹ chưa thế? Khi dặt dứu nhau ra đi, có mẹ có con, giờ cả nhà ra về lẽ nào để con ở lại trên này. Như thế sao đành". "Mẹ ạ, bây giờ độc lập rồi, con nghĩ ở đâu có lẽ cũng vậy thôi. Con sẽ về thăm nhà luôn, mẹ ạ...".

ooo

Tôi ngồi lắng nghe Kính, không ngắt lời anh một lần nào. Trong lòng tôi như có tiếng sóng. Tôi nhắm mắt lại, cố hình dung ra chị đứng trên bến nhìn theo con thuyền xuôi, mang đi tất cả những người thân yêu, ruột thịt của chị. Con thuyền xa dần để trở về với kinh thành đầy ánh sáng. Nơi ấy là nơi chị đã sinh ra, đã có cả một thời ấu thơ đầm ấm và cả một thời nữ sinh đầy mộng đẹp...

Tôi nhắm mắt lại. Tôi vẫn không sao hiểu nổi trong giây phút đó chị đã nghĩ gì?

"Tháng sau có lẽ mình sẽ lên thăm chị" - Kính nói. Tôi vội yêu cầu anh nhớ gọi tôi cùng đi. Tôi cũng muốn được lên gặp chị.

Thế nhưng rồi cũng lại như lần trước, công việc đã cuốn tôi đi, mãi tới năm 1962 tôi mới có dịp trở lại sông Lô.

Bước xuống con đò ngang, tôi hỏi ngay bác lái:

- Bác có biết gia đình bác phó Sinh không ạ?

- Bác phó may có vợ người thủ đô ấy phải không?

Tôi hỏi hộp:

- Dạ, thưa phải. Vâng bây giờ nhà vẫn ở chỗ cũ chứ ạ?

- Không! Các bác ấy dọn vào trong làng rồi. Bây giờ nhà ấy làm nông nghiệp là chính. Bác gái ở trong ban quản trị hợp tác xã chúng tôi...

Tôi không khỏi ngạc nhiên, muốn la lên một tiếng nho nhỏ.

Đò đã tới bến, như mười mấy năm về trước, tôi nhảy nhanh lên bãi cát ướt.

Quanh co mấy lối nhỏ cát mịn, tôi tới trước căn nhà gạch ba gian nhỏ xinh được xây cất theo kiểu mới, thoáng mát với hàng hiên rộng, nhiều cửa sổ, có giàn hoa lý thơm ngát phía trước. Đằng sau nhà là vườn cây ăn quả xanh um như một khu rừng. Một cô bé trạc chín tuổi ăn vận rất sạch sẽ, kiểu trẻ con thành phố, nhanh nhẩu chạy ra, chào rất lễ phép:

- Thưa chú, chú cần gặp ai ạ?

"Con mẹ Bích! Chao ôi, con gái của mẹ Bích đây rồi!". Lần làm sao được cặp mắt đen huyền, lần làm sao được khuôn mặt nhỏ nhắn xinh xắn. Lần làm sao được mái tóc mềm mại, óng mượt này...

- Bố mẹ cháu có nhà không! - Lòng tôi tràn ngập một nỗi mừng vui, xúc động khó tả.

- Thưa chú, bố cháu lên huyện họp ban liên hiệp thủ công. Còn mẹ cháu cũng đi họp ban quản trị ạ! Thưa chú, mời chú vào trong nhà!

- Vậy ở nhà chỉ còn có mình cháu hay sao?

- Vâng ạ! Em Hoàn Kiếm cháu đi chơi bên bà nội cháu!

- à, Hoàn Kiếm! Vậy còn cháu tên gì?

- Thưa chú, Chân Cầm ạ!

Ôi! Chị Bích! Thì ra chị đã lấy toàn tên phố cũ của quê hương xưa để đặt cho con mình như thế đấy.

Cô bé sẵn đón, niềm nở, thân thiết với tôi y như mẹ nó ngày trước, mời bằng được tôi vào trong nhà. Cô bé lấy nước, pha trà, rồi mở tủ lấy thuốc lá... không khác gì một người lớn.

Tôi ngắm nhìn ba gian nhà sáng sủa cao ráo, giường tủ đầy đủ, liên tưởng tới căn nhà nửa lá xiêu vẹo của những năm tân cư đã qua rồi. Chén trà ấm trong bàn tay, lòng tôi cũng ấm lại. Nhìn đứa trẻ xinh xắn, tươi tắn, nhìn cơ ngơi này tôi thăm hỏi: phải chăng chị đã thực sự được yên ổn và sống tốt đẹp ở nơi đây?

Một bóng người xuất hiện ở ngoài bức màn. Tôi đứng bật dậy. Ngỡ là chị đã về. Nhưng không phải. Một bà xã viên tới tìm chị để giải quyết một việc gì đó. Thấy chị vắng nhà, bà xã viên quày quả định quay ra, nhưng Chân Cầm níu tay bà lại, líu ríu:

- Bá! Bá ở lại xoi chén nước đã ạ! Bá về ngay, mẹ cháu lại mắng cháu đấy!

Bà xã viên bật cười:

- Cha mẹ cái con cún này! Chú ạ, trẻ nhỏ nhà này đùa nào cũng y như thế cả. Mẹ Bích nó thật khéo dạy con cái.

Rồi bà ngồi ghé xuống chiếc ghé bên bàn. Vừa uống nước, bà vừa kể lể, dường như bà muốn khoe cả với tôi về "mẹ Bích" của bà. Bà nói khá nhiều, xởi lởi và thành thực, hết chuyện nọ sang chuyện kia.

- Chú ạ! Thế mới biết người Hà Nội không phải chỉ có ăn trắng mặc trơn. Thì ra, nếu như con người ta...

Một lần nữa tôi ngỡ ngàng. Cái gì vậy? Điều gì đã giữ được chị ở lại đây mãi mãi? Và điều gì đã làm cho chị sống được yên ổn và chắc chắn là không thiếu cả phần tốt đẹp trên mảnh đất này? Phải chăng chỉ riêng tấm lòng hy sinh cũng đã có thể tạo cho chị một thứ hạnh phúc khác? Hoặc còn vì dòng sông trong mát với dải đất ngọt mềm và những người dân quá đỗi hồn hậu như những bà con xã viên này đã nhen dậy trong lòng chị ngọn lửa của một tình yêu mới?

Hoặc ý thức của một con người khi đã hiểu được trách nhiệm chung và riêng đã tiếp cho chị một nguồn nghị lực và cả một đầu óc minh mẫn trong công cuộc kiếm tìm và xây dựng cuộc sống mới?

Có tiếng trẻ bi bô ngoài cổng. Hoàn Kiếm đã về. Chú bé bụ bẫm và kháu khỉnh làm sao! Nhưng lạ hơn nữa, tuy là trai mà nó giống mẹ như tạc:

- Hoàn Kiếm! Hoàn Kiếm! Vào đây mau! Có chú Nam ở Hà Nội lên chơi đây này! Chú nói là em của mẹ đấy!

Tôi chạy bay ra, ôm lấy hai đứa trẻ trong vòng tay mình, như ôm cả một mảnh hồn Hà Nội lẫn một mảnh đất trung du ngọt bùi, trung hậu...

○○○

Xe tôi đã tới gần bờ sông Lô.

Hôm nay tôi trở về Phan Lương lần nữa. Trước hôm ra đi tôi có ghé qua nhà Kính. Chị Bích mới về thăm nhà hôm đầu năm. Chị có đem cả Chân Cầm và Hoàn Kiếm về chơi. Nhưng đặc biệt, theo lời bà mẹ, lần này khác tất cả mọi lần trước, khi lên ngược chị còn dắt theo cả gia đình hai người em họ chuyên buôn bán linh tinh trên các đường phố. Không rõ chị đã nói những gì, hứa hẹn những gì với họ. Chỉ biết hai cô em đó đã thu xếp khá chóng vánh, để theo chị. Họ cũng sẽ tới cái bến sông xa ấy, bên Phan Lương bên dòng sông Lô với biết bao kỷ niệm không sao quên từ những ngày kháng Pháp.

Xe càng tới gần sông Lô, tôi càng nghĩ nhiều tới chị, chị "Bích tóc mây", "Bích Chân Cầm", ngày trước và hôm nay.

-0-

Trong bài "*Nhà văn Hồ Phương: "Cỏ non" đã làm nên danh hiệu văn chương*", tác giả Hoa Thanh đã viết:

Có người bảo, sở dĩ văn của Hồ Phương nhiều người thích đọc vì nó chân chất, mộc mạc, không unction oàng hay vội vã, rất gần gũi đời sống thực. Những trang văn của ông trong trẻo và âm áp. Những tình tiết, nhân vật trong truyện đều là

những gì mà ông từng mắt thấy, tai nghe rồi viết lại. Chẳng thể mà nhiều tác phẩm của ông đã nhiều năm được đưa vào chương trình giảng dạy trong nhà trường như: “Thu nhà”, “Cỏ non”, “Khi có một mặt trời”...

Đối với những nhà văn từng trải qua hai cuộc trường chinh của dân tộc và có “cái tạng” như Hồ Phương, có lẽ, sự trung thành tuyệt đối với lý tưởng cách mạng, con đường văn chương phục vụ cách mạng mà mình đã chọn thì sự lao động cần cù, tỉ mỉ giống như những người thợ kim hoàn, ắt sẽ làm nên một cái gì đó. Họ đến với văn chương như đi trên một con đường nhựa rải bê tông affa phẳng lì, cứ thế mà băng băng, mà tiến tới rồi thành công. Ông và không ít người cầm bút cùng thế hệ không phải quần quai đau đớn tìm đường đến với cách mạng và văn chương. Đường cách mạng đã có Đảng. Còn văn chương cứ viết phục vụ cách mạng là xong bég, không cần phải lẩn tẩn. Lực lượng chủ yếu của cách mạng là công- nông- binh. Vậy thì cứ viết phục vụ lực lượng này là khỏi lo sai đường, chệch hướng. Bởi lẽ dân số Việt Nam có đến trên 95% là công- nông- binh, chỉ còn lại một bộ phận rất nhỏ, không đáng kể là trí thức, tiểu tư sản. Vậy thì cần gì phải sáng tạo ra cái mới. Cứ những con người công- nông- binh ở ngoài đời bê vào, thêm vài câu đưa đẩy là thành truyện ngắn hay tiểu thuyết.

Cảm hứng chủ đạo và mạch văn cơ bản của Hồ Phương là tụng ca quê hương, đất nước và những con người ngày đêm đang ngày sống, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và lao động dựng xây đất nước. Cuộc sống hôm nay còn biết bao điều ngang trái và bất công, xã hội còn nhiều tệ nạn cần phải lên án. Ông biết rõ điều ấy. Nhưng dường như ông không thể trở thành một Hồ Phương khác như người đồng chí cùng ở Nhà số 4 với ông là Nguyễn Minh Châu. Trái lại, ông vẫn luôn tin tưởng vào những điều tốt đẹp ở phía trước, vẫn luôn tin yêu vào những nét đẹp trong mỗi con người, trong cuộc sống.

Trong ông có một niềm tin mãnh liệt rằng viết về những đau thương của ngày hôm nay cũng là cách đặt niềm tin vào một ngày mai sẽ tốt đẹp hơn. Rằng cuộc đời này rồi sẽ không có đất cho sự xảo trá, thói vênh váo, những kẻ dị hợm hay những tay đao đức giả; rằng mỗi sớm mai nay khi bước chân xuống phố hay về những vùng quê toàn gặp những ánh mắt, nụ cười thân thiện; rằng ngày mai sự lạnh lùng đến vô cảm của những con người đang tập tọng làm kinh tế thị trường và học đòi lối sống phương Tây cách đây hàng thế kỷ sẽ không còn nữa. Và rằng...

Nhưng như vậy liệu có là một người bảo thủ hay chỉ ít cũng là ảo tưởng. Có lẽ cuộc đời quá ưu ái và mơn trớn với những người như Hồ Phương, khiến các ông khó có thể nào nhận ra những khoảng tối, góc khuất của cuộc đời này. Mà dù có nhận ra nó trong cuộc sống đời thường cũng nhất thiết không thể “nhảy vào” tác phẩm của ông được. Với ông, dường như thế giới của những sinh vật cấp cao mà người ta quen gọi là CON NGƯỜI là một màu hồng rực rỡ, cứ thế mà yêu, mà say, mà ngợi ca, mà chiến thắng. Thế nhưng sẽ chẳng có ngày mai nào tốt đẹp, nếu hôm nay chúng ta không dám đứng lên đấu tranh loại bỏ những nợ nần, những cái xấu xa đang hàng ngày, hàng giờ gặm nhấm nốt chút thiện tâm cuối cùng còn sót lại đâu đó trong mỗi con người chúng ta. Điều này có vẻ như xa lạ với Hồ Phương./.

Tài liệu tham khảo:

- Hồ Phương Web: nhavantphcm.com.vn
- Hà Nội nơi xa Web: lmvn.com

8. Nguyên Ngọc



Nguyên Ngọc – Nguyễn Văn Báu (1932-20)

Nhà văn Nguyên Ngọc tên thật là Nguyễn Văn Báu, sinh ngày 5 tháng 9 năm 1932 quê ở xã Bình Triều huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Năm 1950, khi đang học trung học chuyên khoa (nay là trung học phổ thông), ông gia nhập Quân đội Nhân dân Việt Nam, chủ yếu hoạt động ở Tây Nguyên – chiến trường chính của Liên khu V bấy giờ. Sau một thời gian ở đơn vị chiến đấu, ông chuyển sang làm phóng viên báo *Quân đội nhân dân* Liên khu V và lấy bút danh Nguyên Ngọc.

Sau Hiệp định Genève, ông tập kết ra Bắc và viết tiểu thuyết *Đất nước đứng lên*, kể về cuộc kháng chiến chống Pháp của người Ba Na, tiêu biểu là anh hùng Núp và dân làng Kông-Hoa, dựa trên câu chuyện có thật của anh hùng Đinh Núp. Tác phẩm khi xuất bản được nhiều người yêu thích và hâm mộ. Sau này cuốn truyện được dựng thành phim.

Năm 1962 ông trở lại miền Nam, lấy bí danh Nguyễn Trung Thành, hoạt động ở khu V, là Chủ tịch chi hội Văn nghệ giải phóng miền Trung Trung Bộ, phụ trách Tạp chí

Văn nghệ Quân giải phóng của quân khu V. Thời gian này ông sáng tác truyện Rừng xà nu.

Sau chiến tranh, ông có thời gian làm Phó Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập báo *Văn nghệ*. Trong thời kỳ Đổi mới và phong trào Cởi Mở, ông đã có những đổi mới quan trọng về nội dung tư tưởng của tờ báo và được coi là người có công phát hiện, nâng đỡ nhiều nhà văn tên tuổi sau này như Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư, Phạm Thị Hoài... Ông cũng dành nhiều tình cảm trân trọng đối với các nhà văn khác như Nguyễn Thi, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải.

Tuy nhiên, khoảng đầu thập niên 1990, báo *Văn nghệ* một số lãnh đạo đảng Cộng sản chính thức phê phán là "chệch hướng". Sau đó, Nguyễn Ngọc đã từ chức Tổng biên tập và nghỉ hưu. Người kế nhiệm ông là nhà báo Hữu Thịnh.

Sau thời kỳ làm báo, ông tham gia tích cực trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc và chấn hưng giáo dục Việt Nam. Ông đã dịch một số tác phẩm lý luận văn học như *Độ không của lối viết* (Roland Barthes), *Nghệ thuật tiểu thuyết* (Milan Kundera), tác phẩm của Jean-Paul Sartre, Jacques Dournes...

Được xem là một chuyên gia về Tây Nguyên, trong buổi hội thảo vào tháng 4 năm 2009 về vấn đề khai thác bauxite ở Việt Nam, ông cho biết ý kiến chưa đồng tình với chính sách của chính phủ.

Ông cũng từng tham gia phong trào quần chúng biểu tình phản đối việc gây hấn, xâm lược của Trung Quốc ở Biển Đông năm 2011 trong bối cảnh có sự ngăn cấm. Ngày 22 tháng 8 năm 2011, Đài truyền hình Hà Nội có làm một chương trình về sự việc này, trong đó có đoạn phát thanh

viên nói "*một số phần tử phản động tham gia biểu tình*", đồng thời khung hình đang quay cảnh Nguyễn Ngọc và hai trí thức khác là giáo sư Nguyễn Huệ Chi, tiến sĩ Nguyễn Văn Khải. Sự việc này làm ông bất bình và đã gửi thư phản kháng lên Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Gần đây, ông đã xin rút tên khỏi danh sách đề cử Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2011, một giải thưởng cao quý của Việt Nam, một động thái được nhiều người cho rằng nhằm phản đối quy trình bầu chọn bất hợp lý của hội đồng giải thưởng.

Tác phẩm:

- *Đất nước đứng lên*
- *Rẻo cao*
- *Đường chúng ta đi*
- *Đất Quảng*
- *Rừng xà nu*
- *Có một đường mòn trên biển Đông*
- *Cát cháy*
- *Tàn mạn nhớ và quên* (Văn Nghệ Tp HCM, 2004)
- *Nghĩ dọc đường* (Văn Nghệ Tp HCM, 2005)
- *Lắng nghe cuộc sống* (Văn Nghệ Tp HCM, 2006)
- *Bằng đôi chân trần* (Văn Nghệ Tp HCM, 2008)

Trích văn:

Tháng Ning Nông

Tôi đã làm một chuyện dại dột: Tôi đi Mừng Hôn đúng giữa mùa mưa... Nhưng bạn đã nghe nói đến Mừng Hôn bao giờ chưa? Thế này nhé: Tây Nguyên cao nhất có ngọn Ngok Linh, đầu những trên hai ngàn rưỡi mét. Còn Mừng Hôn thì là cái làng cao nhất, thuộc một tộc người gọi là

người Tơ Trá treo lơ lửng trên sườn ngọn núi quanh năm trắng mây đó, ở độ treo gần hai nghìn mét trên mặt biển.

Đi Mường Hon bao giờ và bằng đường nào, hoặc từ phía Trà My Quảng Nam vượt một đèo thăm mà sang, hoặc từ phía Dak Tô, Dak Glei, Dak Pét leo ngược lên, cũng là một cuộc phiêu lưu. Vậy mà dám đi giữa mùa mưa, thế mới liêu.

Mùa mưa rừng Tây Nguyên ai đã từng ném qua, hẳn nhớ đời. Dầm dề, dai dẳng, mịt mù, một tháng, hai tháng, ba tháng, bốn tháng, năm tháng trời. Mỗi mùa mưa lại như một lần khai thiên lập địa trở lại. Từng trái núi khổng lồ đổ ập xuống, và lưng dãy núi dài cao vút mọc lên, những hố sâu hun hút đột nhiên toác ra ở chỗ mới hôm trước là đất bằng, rừng già. Những con sông lớn ngoắt một cái, đổi ngược dòng... Nước, nước, nước, mênh mông, miên man, bất tận...

Đi Mường Hon mùa này, ắt phải có một tiếng gọi nào đó da diết, dữ dội, sâu thẳm lắm. Tôi có một tiếng gọi như vậy: Năm 1968, bị giặc phản công đánh tan tác, chúng tôi đã chạy lên đây. Và cái làng Tơ Trá xơ xác bấy giờ đâu chỉ có mười nóc nhà ấy đã nuôi chúng tôi. Ôi cái làng Mường Hon nhỏ bé ấy của tôi. Họ cũng đang bị đói và bị giặc đánh toi tả rồi, ấy mà họ vẫn nuôi chúng tôi, nhin từng hạt bắp cọng rau mà nuôi. Mà ít gì đâu, cả mấy đại đội. Ai từng ở rừng cũng biết: đã đói thì bệnh, sốt rét rừng tấn công kịch liệt. Tôi bị một trận sốt ác tính, cái chết mười phần đã cầm chắc đến tám, chín. Về sau nghe anh em nói lại là đã hôn mê, khi tỉnh lại suốt mấy ngày vẫn còn trong trạng thái mơ mơ màng màng. Nhưng tôi không tin rằng vì cái trạng thái mơ màng đó mà tôi thấy cô ấy đẹp đến vậy.

Vâng, có một cô gái, một cô gái Tư Trá ngồi bên tôi lúc tôi tỉnh dậy.

Ngày nay nhớ lại, tất cả đều như trong một giấc mơ; chắc chắn là thực chứ, bởi vì chính là tôi mà, cuộc đời tôi, số phận của tôi, cuộc phiêu lưu của tôi, nhưng sao vẫn có cái gì đó cứ như là hư ảo vậy, như một ảo ảnh tôi thoáng được rồi thoáng mất, thoáng có rồi thoáng không, hiện thực đến da diết, đôi mắt ấy, bởi vì khi vừa tỉnh lại thì điều đầu tiên tôi nhận ra là một đôi mắt đen lạ lùng, âu yếm và thương yêu lạ lùng. Và tôi chợt hiểu ra ngay rằng trong tôi còn sống, đó là sự sống và tôi đã gặp lại được nó, bởi vì chỉ có sự sống mới có thể đen láy đen vậy, long lanh thương yêu mặn nồng và âu yếm đến vậy. Rồi mái tóc hơi xoắn vốn đặc trưng của người Tư Trá. Khuôn mặt trái xoan gầy, và cả khuôn ngực thanh xuân nữa. Con gái Tư Trá ngày trước vốn để ngực trần, khoe sắc xuân kiều hãnh như hai chồi xà-nu nhọn hồng của họ, từ khi có bộ đội đến họ mới khoác hờ một tấm vải thô pha trộn e thẹn và táo bạo, cả khiêu khích hay khao khát nữa cũng có thể, kỳ lạ... Không, có thật mà, cô gái ấy, tôi đoán đấy. Bởi vì chính cô mớm cho tôi chút nước bấp nhai nhỏ đầu tiên. Tôi đã nói rồi đấy, còn gì có gạo cái thời sau Mậu Thân quân thù lòng lên điên dại cố cắn nát ta ra ấy. Một hạt cũng không còn, mọi người đều ăn rau rừng. Những trái bấp cuối cùng là chỉ dành cho người già, trẻ sơ sinh, thương binh và bệnh binh thật nặng. Cô gái đã nhai nhào những hạt bấp khô mớm cho tôi. Tôi hứng từng tí một và nghe rõ lắm cái vị đắng đậm đà của bấp già hong lửa xà-nu, vị nước miếng mặn âm và vị mát ngọt của đôi môi cô gái... Tôi đang ở ranh giới bấp bênh giữa cái sống và cái chết. Đôi môi khô cháy sốt rừng ác tính của tôi như níu lấy đôi môi cô gái; đôi môi vừa mát vừa ẩm, vừa mặn vừa ngọt ấy kéo tôi về phía sự sống.

Hồi bấy giờ gọi là làng Mường Hon, nhưng thực ra làm gì còn có làng. Chỉ còn những căn lều chui lủi trong các bụi lau lách um tùm, cố phân tán thật xa nhau để đỡ bớt tổn thất vì B52.

Cô gái nuôi tôi trong một căn lều nấp trong một bụi lách già, tôi cũng không thể biết ai đưa tôi đến đây, đồng đội của tôi đang ở đâu, vì sao chỉ có mình cô với tôi trong căn lều này, và cô một mình đã giành giật tôi với thần chết như thế này đã bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm. Vật lộn giành giật một mình, bằng thương yêu và can trường. Tôi chết đi rồi sống lại, mê rồi tỉnh, không biết bao nhiêu lần. Cứ mỗi lần tỉnh, lại thấy một nụ cười trên khuôn mặt đầm đìa nước mắt và đẹp lạ lùng ấy. Và sau đó áp xuống môi tôi là đôi môi mặn ngọt mát ấm của sự sống, tôi cố đưa cánh tay để níu lấy, ôm lấy, siết chặt và giữ mãi sự sống ấy...

Bọn lữ dù 101 Mỹ chưa chịu buông tha chúng tôi. Đánh bật chúng tôi từ bên kia núi Ngok Linh sang bên này rồi, biết chúng tôi đã đuối sức, chúng tiếp tục truy tìm ráo riết. Và chúng phát hiện ra được dấu vết của chúng tôi ở cái làng Mường Hon cheo leo sườn núi thẳng đứng này. Lại B52, lại phân lực ném bom cháy núi, cháy rừng. Lại trực thăng cá nóc vãi rốc-két như mưa. Và trực thăng sâu róm đổ quân vây bủa...

Tôi không nhớ được người ta đã khiêng tôi đi như thế nào, ai khiêng, đi đâu và làm sao mà thoát được vòng vây của chúng nó dày đặc thế... Đến lúc tôi tỉnh hẳn, ngời dậy và nói được, thì đơn vị sơ xác của chúng tôi đã ở cách xa Mường Hon đâu đến bốn hay năm mươi cây số đường rừng rồi. Và không còn cô gái Tư Trá nào bên tôi nữa...

Chẳng lẽ tất cả chỉ là một ảo ảnh trong lúc tôi đang đứng chênh vênh lơ lửng giữa sự sống và cái chết, như cái làng

Mường Hon nhỏ bé kia muôn đời treo lơ lửng trong mây trắng sườn Ngok Linh? Nếu vậy thì tôi ở lại mãi trên cái mép sinh tử chênh vênh ấy, chẳng thèm trở về bên cõi sống trần thế này làm gì đâu!...

Một phần tư thế kỷ đã qua rồi đấy. Cô gái ấy là ai, tên là gì, có thật không?... Chẳng ai trả lời tôi được cả...

Nước ta vốn cong hình chữ S, nên chuyến bay Hà Nội - Sài Gòn, chọn đường ngắn nhất, đã bay nửa chặng đầu băng qua biển, còn nửa chặng sau, từ Đà Nẵng về phía nam, nó bay qua Tây Nguyên. Hai mươi năm nay đã biết bao nhiêu lần tôi bay Hà Nội - Sài Gòn, Sài Gòn - Hà Nội, lãng xãng bận bịu trăm nghìn công chuyện nhiều khi rất có thể là vô tích sự. Lúc nào qua Ngok Linh tôi cũng chong mắt nhìn xuống, thường chỉ thấy một biển mây. May mắn cũng có đôi lần trời quang, cả một dải sườn Ngok Linh thăm thẳm hùng vĩ trải dài ra dưới xa kia, cách ba nghìn, năm nghìn hay tám nghìn mét. Cái làng Tơ Trá ngày xưa của tôi ở đâu, trong thời gian hun hút và trong không gian trập trùng, hời hững?... Có cô gái Tơ Trá nào, không, người đàn bà Tơ Trá nào dưới kia đang ngược nhìn lên chiếc máy bay đang thản nhiên bay qua kia, mà biết rằng trên đó có một người con trai một phần tư thế kỷ trước mình đã dùng đôi môi trinh nữ móm từng chút sữa ngô nghĩa tình mà nuôi sống, nay đã bạc quá nửa mái đầu rồi, vẫn không sao nguôi được nỗi canh cánh như một món duyên nợ tiền kiếp vừa thực lại vừa hư?...

Tôi có một tiếng gọi như thế đấy ở Mường Hon. Cho nên tôi có diên khùng liều lĩnh đi Mường Hon đúng giữa mùa mưa, thì cũng đáng diên một lần trong đời, phải không? Tôi có chút việc lên huyện Đak Glei và từ Đak Glei đi Mường Hon chừng sáu hay bảy chục cây số. ở tuổi tôi, hầu như chắc chắn đây là cơ hội cuối cùng để trở về Mường Hon...

o

- Ông điên hả? Đi Mừng Hon mùa này, bộ muốn chết à?

Anh bí thư huyện ủy trở mắt hỏi.

- Muốn chết thì chưa, nhưng điên thì có - Tôi cười.

- ... Nói thiệt, mình có một nhiệm vụ quân sự mật, nhất thiết phải đi. Các ông cho mình mượn chiếc U-oát kha khá, mọi trách nhiệm mình chịu...

Cậu lái xe rất trẻ, tên là Ngọc Anh. Mưa như thác đổ. Đường thăm thẳm dốc, cua tay áo liên tiếp, be bét bùn đất đỏ như máu, suốt mấy chục cây số toàn một bên vách đứng một bên vực sâu đen ngòm. Ngọc Anh nổi tiếng là tay lái lẹ khắp vùng rừng núi này, lái như múa... Chúng tôi đã đi được hơn bốn phần năm đường. Tôi bảo:

- May quá, mọi sự suôn sẻ.

Ngọc Anh nói:

- Chưa chắc đâu anh ơi, đừng có vội mà mừng...

Vừa dứt lời, bỗng nghe một tiếng động rất kỳ lạ ở phía sau lưng. Rất nhỏ, kéo dài, trầm nặng, âm u và dữ dội, mỗi lúc một dữ dội, rất chậm nhưng rõ ràng không gì chặn lại được, mỗi lúc một đe dọa... cuối cùng như một cơn sấm, rung chuyển cả đất trời, ào ào, ầm ầm, mênh mông, bao trùm hết cả không gian... Rồi đột nhiên im bật. Lặng ngắt. Thậm chí tiếng mưa xối xả lúc này cứ như là gõ vào sự im lặng như tận thế vậy.

Ngọc Anh kêu lên:

- Thôi chết rồi!

Chúng tôi quay nhìn lại phía sau. Trong mưa tối tăm trời đất, tôi kinh hoàng nhận ra: ngay trên đoạn đường chúng tôi vừa đi qua, cả một trái núi lớn đã đổ ụp xuống. Chúng tôi thoát chết trong gang tấc, nhưng bị chặn hết mọi đường về. Chúng tôi đã bị vây chặt trên lưng chừng núi Ngok Linh...

Chỉ còn mỗi một cách: bỏ xe đó, lội bộ vào làng. Và cứ ở trong ấy chờ. Cũng có thể mười ngày, có thể nửa tháng. Có thể một tháng. Cũng có thể ba tháng. Chờ dân công đến phá núi mở đường cho xe quay ra.

Đã nói rồi, biết làm sao được. Đi Mường Hon mùa này có họa diên!

o

Mường Hon ngủ trong mưa. Tất nhiên bây giờ không phải là những túp lều chui rúc trong lau lách như thời chiến tranh nữa, đã có làng, nhưng cũng xơ xác lắm, chỉ hơn mười nóc nhà sàn lụp xụp, trên một nền đất lầy lội. Tôi bước vào ngôi nhà đầu làng. Lúc đầu chỉ thấy giữa nhà một bếp lửa xà-nu um khói. Mãi một lúc sau, quen mắt, mới nhận ra có người đang ngồi bên bếp lửa. Một người đàn ông không thể đoán ra tuổi, khoác một tấm "dò" (tấm chăn dùng khoác lên người của đàn ông Tây Nguyên) màu sẫm, đóng khố, miệng ngậm ống điếu dài.

Tôi cất tiếng chào, anh chỉ ngừng lên nhìn, khẽ gật đầu, rồi lại cúi xuống chăm chú nhìn bếp lửa, không trả lời. Tôi nói:

- Mình lên thăm bà con, bị sập núi, xe mình còn nằm ngoài đó, mình lội bộ vô đây, cho hai anh em mình ở lại đỡ vài bữa, được không?

Anh lại ngừng lên, lần này rút tẩu thuốc ra khỏi mồm, nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi gật đầu, vẫn không nói gì.

Tôi không ngạc nhiên. Người Tây Nguyên vốn rất ít nói. Họ im lặng như núi rừng. Khi vui, khi buồn, khi giận, đều vậy. Không có cái lối vô vập ôm chầm lấy nhau khi gặp nhau, dẫu là sau xa cách hàng chục năm. Hồi chiến tranh ở đơn vị tôi có anh chiến sĩ người Tơ Trá thiện xạ vào hạng siêu. Anh có thể đứng bên này sông, chỉ cần nghe tiếng động, bắn một phát C.K.C trúng con heo bên kia sông, xuyên từ tai bên này sang tai bên kia. Anh đi săn, chiều tối về, vào nhà, không nói một lời, chậm rãi dùng dao rửa sạch sỡ, vào bếp lấy cơm ra ăn bình thản, ăn xong bụng cả nổi nước chè xanh ngửa cổ uống một hơi, đặt xuống, phủi tay, bấy giờ mới thông thả bảo:

- Thủ trưởng cho tám người đi với mình.

- Để làm gì?

- Khiêng con heo rừng. Minh bắn chết ngoài suối. To, bốn người không khiêng được đâu!...

Tôi biết người Tơ Trá rồi. Tôi không chờ anh chủ nhà niềm nở vô vập. Thậm chí tôi sẵn sàng chờ anh chửi cho một trận nữa: Mày còn vác mặt lên đây làm gì! Bậy giờ chúng mày ở thành phố nhà to cửa lớn, ô-tô, nhà lầu, chúng mày có còn nhớ gì tới chúng tao nữa đâu. Chúng mày quên hết đồng bào rồi...

Chửi sa sả, như cha chửi con, như mẹ mắng con. Mà chúng ta bị chửi cũng đáng kiếp quá. Chúng ta lằng xằng lít xít bao nhiêu thứ hằng ngày hơn hai mươi năm qua, có mấy ai đã trở lại với những người cha, người mẹ, người chị, người

em ở chôn hang cùng hóc núi này đã đùm bọc mình, sống chết vì mình ngày xưa đâu...

Tôi lặng lẽ đến ngồi xuống bên cạnh anh chủ nhà, xoa xoa hai bàn tay hơ lên ngọn lửa xà-nu, rồi vụng về bắt thân:

- Mưa quá trời, anh he...

Một hồi lâu, anh mới nói hai tiếng đầu tiên:

- Ủ, mưa...

Bây giờ, quen mắt, tôi mới để ý nhận ra: căn nhà này không giống nhà người Tơ Trá chút nào. Không phải kiểu nhà Tây Nguyên. Nhà Tây Nguyên không bao giờ ngăn thành từng buồng kín riêng biệt. Nhà dài đến năm ba chục mét, hàng chục hộ cùng sinh sống, cũng cứ thông thống từ đầu này đến đầu kia, mỗi hộ một cái bếp, cả nhà là một cộng đồng thông thương và khăng khít, cái riêng nằm chan hòa giữa cái chung. Nhà này khác. Cách chỗ chúng tôi đang ngồi chừng vài thước là một căn buồng, phen nửa thôi nhưng che kín ba mặt, mặt thứ tư là cửa có một tấm dờ phủ xuống làm rèm.

Và tôi chợt nghe có tiếng trẻ con khóc ngoe ngoe: có người, chắc là chị chủ nhà, mới đẻ.

Anh chủ nhà đặt một bàn tay lên tay tôi, tay kia rút tẩu thuốc ra khỏi mồm. Tôi nghe bàn tay anh siết chặt cánh tay tôi một lúc một chặt, đến đau điếng. Và anh nói, vừa nói, vừa cười, tiếng nói nhỏ thôi nhưng rõ mồn một, nhanh, rất lạ, sao lại cứ như run lên thế này:

- Bà xã mình mới nằm chỗ đó mà. Đứa thứ năm. Ông ở Hà Nội mới vô chớ gì, liếc qua một cái mình biết liền mà, dân Hà Nội đó mà lẫn đi đâu được. Bà xã mình đẻ đứa thứ năm

rồi đó, ba thằng cu, hai cái hĩm, thông cảm cho mình nghe, chính sách đặc biệt với vùng dân tộc mà, không như vùng Kinh được đâu...

Trời hỡi, sao thế này? Tôi đã biết nhiều người Tây Nguyên nói tiếng Kinh rất sõi, nói lóng nói lái đủ kiểu đến anh dân Bắc Hà chính công cũng phải nể. Nhưng trước mặt tôi lúc này đây ở cái làng Tơ Trá lơ lửng trong mây trắng cheo leo hai nghìn mét sườn Ngok Linh này, cùng ngồi với tôi giữa mưa rừng mịt mù mênh mông lúc này, chắc chắn là một người Kinh chính công.

- Dân Vĩnh Phú phải không? Việt Trì hay Lâm Thao? Lính Trường Sơn cũ phải không? Ông nội?

- Ông cũng tinh đấy. Nhưng bây giờ thì mình là người Tơ Trá rồi, một nghìn phần trăm... Còn ông, làm sao mà liều mạng leo Mường Hon giữa mưa gió này? Không bỏ mạng trận sục núi sáng nay là số ông còn cao đó. Này, hỏi thật nghe, cũng là dân lính và có mắc nợ một cô gái Tơ Trá nào từ mấy chục năm trước, đúng không?...

Từ trong buồng, lại có tiếng trẻ khóc.

- Còn bọn nhóc, bốn đứa, đi đâu hết rồi?

- Chúng nó đi thăm họ hàng dưới Đak Glei. Các ông bây giờ hư đốn lắm, cứ mỗi bước một ô-tô, tắc đường là chết gí. Chúng nó lợi bộ, lở núi lấp sông cũng chẳng sợ... Thôi đêm nay cứ ở đây với mình đã. Trời này sáng mai sẽ bớt mưa đó. Sẽ qua thưa với già làng sau. Mình bây giờ là trưởng bản, báo cáo qua với mình cũng được, đêm nay thức trắng nghe, ta tâm sự...

Chuyện những anh lính người Kinh, sau chiến tranh, lấy vợ Tây Nguyên và ở lại với núi rừng, tôi cũng từng có biết dăm ba trường hợp. Nói chung đều ly kỳ. Và đều đẹp. Đều có một chàng tráng sĩ và một nàng sơn nữ thời hiện đại.

Nhưng câu chuyện này... Thôi, để anh ấy nói vậy... Anh bảo anh là người đã gắn bó với Tây Nguyên lâu đời, tôi hỏi anh điều này: Anh có biết Tây Nguyên tháng Ning Nông là gì không?... Không hả, thế mà cũng gọi là biết Tây Nguyên. Ning Nông nghĩa là không làm ruộng, không làm rẫy. Tháng Ning Nông là tháng không làm rẫy, tức là khi mùa lúa trước đã thu hoạch hết rồi, cửa kho đã cài rồi, mẹ lúa đã ngủ yên rồi, lễ ăn cơm mới đã làm rồi, một mùa lao động đã xong. Mùa lễ hội bắt đầu. Mùa người ta làm lễ bỏ mả. Người ta hỏi chồng, hỏi vợ, người ta cưới xin. Người ta đi thăm nhau, anh em, bạn bè, họ hàng đi chơi nhà nhau. Người ta múa hát và làm đàn tơ-rưng, đàn klông-pút, đàn ksilô, kèn đing nam. Người ta dệt váy khố và đan lát, để chuẩn bị cho mùa sản xuất mới... Cho đến khi sấm ra. Ai chưa cưới vợ cưới chồng thì phải cưới nhanh lên. Sấm ra, mẹ lúa nghe tiếng sấm, mẹ lúa thức dậy là mùa lao động mới bắt đầu...

Tháng Ning Nông ở Tây Nguyên lạ lùng nhất là tiếng cồng chiêng. Không phải cái lối cồng chiêng dỏm, giả Tây Nguyên, Tây Nguyên tân thời như trên sân khấu, trên ti-vi bây giờ đâu. âm ì, vang động sâu thẳm, huyền bí... suốt ngày suốt đêm là tiếng cồng chiêng từ sườn núi bên này vang lên, vọng qua sườn núi bên kia, lại dội lại sườn núi bên này, vọng vang như tiếng ngân nga của hồn đất, hồn rừng, hồn núi và sông. Không phải loại chiêng nhỏ cầm tay đâu. Loại chiêng khổng lồ kia, cao quá đầu người, đường kính người lớn dang thẳng hai tay với không hết. Tiếng trầm như vọng lên từ lòng sâu thẳm thẳm của đất và từ chiều sâu bất tận của thời gian...

Tôi là dân Lâm Thao, anh ạ, anh tinh đấy, đất Vua Hùng mà. Không biết sao, cho đến tận bây giờ, tôi vẫn nghĩ là tự thuở Vua Hùng kia tổ tiên ta cũng từng đánh chiêm hay đánh trống đồng đúng như vậy, và tiếng chiêm thán Ning Nông bây giờ chính từ thuở ấy vọng về. Là cái chân trời thời gian, bức phong thời gian còn mãi mãi bao bọc quanh ta... Tôi là lính thông tin, anh cũng từng là lính, anh biết rồi đấy, lính thông tin hồi chiến tranh ấy mà, có chừa rừng núi nào đâu. Tôi đi khắp rừng Tây Nguyên, tôi biết thán Ning Nông và tôi mê nhất thán Ning Nông, tiếng chiêm không lồ thán Ning Nông Tơ Trá.

Tôi thề với anh đấy, hồi chiến tranh, trẻ trung và lãng mạn vậy, nhưng tôi không có mắc nợ cô gái Tơ Trá nào đâu... Cho đến hết chiến tranh. Và hết chiến tranh, hết đạn bom khói lửa chết chóc rồi, thì tôi lại... đào ngũ, anh ạ. Tôi trốn về vùng Tơ Trá, định bụng sẽ ở chơi cho được một mùa Ning Nông Tơ Trá rồi mới về chịu tội với đơn vị và gia đình.

Thán Ning Nông ở Tơ Trá không chỉ có công chiêm. Còn có một phong tục lạ lùng nữa: đến thán đó, vào một ngày nhất định, cả làng vớt bỏ lại hết mọi thứ mà công cuộc tiến hóa hàng vạn hay hàng triệu năm đã đem lại cho con người: rìu rựa, dao mác, nhà cửa, chiêm ché, gạo bắp, nôi niêu... tất cả, tất cả..., người ta nói ngày trước cả quần áo nữa, cả làng theo người già làng kéo nhau đi vào rừng thật sâu. Ở đó họ hú gọi linh hồn tổ tiên về cùng mình và họ sống lại đời sống nguyên thủy, hái lượm và săn bắt. Mười ngày, có khi nửa tháng, hay một tháng. Để làm gì vậy? Người ta bảo đấy là trở về với tổ tiên và với tự nhiên, tắm gội toàn bộ con người trong suối sông cội nguồn đó... Mười ngày, nửa tháng. Rồi người ta trở về làng, và đời sống bình thường lại tiếp diễn. Cũng là sắp đến lúc sấm ra. Mạ lúa thức dậy. Một

năm mới trong cuộc sống vạn đại của con người lại bắt đầu...

Tôi đã được đồng bào làng Tơ Trá cho tôi đi theo trong cuộc tắm lại ở cội nguồn năm đó.

Và đã xảy đến một việc làm xoay chuyển cả cuộc đời. Trong một đêm nguyên thủy nằm trong một hốc đá giữa rừng sâu, một cô gái Tơ Trá đã thỏ thức nói với tôi rằng, anh ơi, em biết anh rồi, mà anh thì cứ một mực làm ngơ, giấu em, anh chính là người lính trẻ mùa xuân giặc đánh toi bời đó, chạy dạt về đây, bị sốt nặng, làng giao cho em nuôi anh, anh chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần, em đã nhai bấp dùm đôi môi em mà mớm vào đôi môi khô cháy của anh, giành giật lại anh từ tay cái chết... Rồi anh ra đi, không để lại cho em đến cả một cái tên. Mà tên em, anh cũng không biết phải không? Nhưng cần gì biết tên nhau. Em chờ... Em chờ...

Câu chuyện của tôi là vậy đó, anh ạ. Tháng Ning Nông năm ấy, trong rừng nguyên thủy, tôi đã được thay chỗ cho một anh bộ đội hạnh phúc nào đó mà tôi không hề được biết, tôi chưa từng được gặp. Còn anh ấy, rất có thể anh ấy đã ngã xuống, mãi mãi nằm lại ở đâu đó trên những ngã đường tiến vào Sài Gòn...

o

Tôi cũng chưa đến nỗi hư đốn quá đâu, cứ mỗi bước mỗi ô-tô. Sáng hôm sau, Ngọc Anh ở lại giữ xe, còn tôi, tôi băng mưa rừng vẫn tầm tã, lội bộ, băng sườn Ngok Linh dốc đứng, tôi bỏ ra đi.

Một mình, lần này nữa, như một thằng điên. Tôi không gặp lại chị.

Tôi đi như chạy chốn.

Chạy trốn điều gì, tôi cũng không biết.

Đi đâu nữa bây giờ? Số phận đã không dành cho tôi tháng
Ning Nông Tây Nguyên.

Thôi, tôi quay về đây, với thành phố, với trăm sự eo xèo,
nhiều nhưng, hữu tích sự và vô tích sự của cuộc đời.

Bỏ lại phía sau một mùa Ning Nông, mùa xuân của Tây
Nguyên, đang đến.

(12-1996)

Năm 2012, trong bài *Bát tuần rồi Nguyên Ngọc ơi !* Phạm
Duy Hiền viết:

*“.... Mà Nguyên Ngọc vẫn viết truyện ngắn đầy chữ, và
những tác phẩm hay nhất của anh vẫn là về Tây Nguyên.
Văn giọng văn đó, không lẫn với ai, nhưng truyện Tây
Nguyên của anh bây giờ, theo tôi, còn hay hơn ngày trước
nhiều. Trước đây anh là một tráng sĩ – nhà văn, bây giờ
anh viết văn trên tư thế một nhà văn hóa được trang bị đầy
đủ kiến thức Đông - Tây kim cổ.”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyên Ngọc Web: vi.wikipedia.org
- Tháng Ning Nông Web: vnthuquan.net

9. Nguyễn Quang Sáng



Nguyễn Sáng - Nguyễn Quang Sáng (1932-2014)

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng, còn có bút danh là Nguyễn Sáng, ông chào đời ngày 12 tháng 1 năm 1932 tại xã Mỹ Luông (nay là thị trấn Mỹ Luông), huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ông theo học hết các lớp học trường làng, Nam Bộ kháng chiến xảy ra ngày 23-9-1945, nhân dân miền Nam theo cách mạng chống thực dân Pháp.

Tháng 4 năm 1946, Nguyễn Quang Sáng xung phong đi bộ đội làm liên lạc viên cho đơn vị Liên Chi 2.

Năm 1948, ông được đơn vị cho đi học thêm văn hóa ở trường trung học kháng chiến Nguyễn Văn Tố.

Năm 1950, ông về công tác tại phòng chính trị Bộ Tư lệnh phân khu miền Tây Nam Bộ. Rồi làm cán bộ chuyên nghiên cứu tôn giáo, chủ yếu là Phật giáo và Hòa Hảo.

Năm 1955, Nguyễn Quang Sáng theo đơn vị tập kết ra Bắc, rồi chuyển ngành về làm cán bộ phòng Văn nghệ Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam.

Năm 1957, ông trở thành Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và cho ra đời truyện ngắn *Con chim vàng*.

Từ năm 1958, ông về công tác ở Hội Nhà văn Việt Nam, làm biên tập viên *Tuần báo Văn nghệ*, biên tập nhà xuất bản, cán bộ sáng tác; và cho ra đời truyện ngắn *Người quê hương*.

Năm 1966, ông vào chiến trường miền Nam, làm cán bộ sáng tác của Hội Văn nghệ Giải phóng.

Năm 1972, Nguyễn Quang Sáng ra Hà Nội và tiếp tục công tác ở Hội Nhà văn.

Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, Nguyễn Quang Sáng trở lại thành phố Hồ Chí Minh, giữ chức vụ Tổng thư ký Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh các khóa 1, 2, 3.

Nguyễn Quang Sáng là một Đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam

Nguyễn Quang Sáng nhận được các giải thưởng:

- Giải thưởng văn học trong cuộc thi viết truyện ngắn báo Thống nhất cho tác phẩm *Ông Năm Hạng* năm 1959.
- Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn tạp chí Văn nghệ Quân đội cho tác phẩm *Tư Quấn* vào năm 1959.
- Huy chương bạc Liên hoan phim toàn quốc năm 1980, phim *Cánh đồng hoang*.
- Huy chương vàng Liên hoan phim Matxcova năm 1981
- Giải thưởng Hội đồng văn học thiếu nhi Hội Nhà văn cho

tiểu thuyết *Dòng sông thơ ấu* năm 1985

- Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1993 cho truyện ngắn *Con mèo của Fujita*

- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 2000 cho các tác phẩm: *Cánh đồng hoang*, *Mùa gió chướng*, *Chiếc lược ngà*, *Đất lửa*.

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng mất lúc 16 giờ ngày 13-2-2014, tại Sài Gòn, thọ 82 tuổi.

Tác phẩm:

- *Con chim vàng* (Kim Đồng, 1978)
- *Người quê hương* (truyện ngắn, Văn học, 1968)
- *Nhật ký người ở lại* (tiểu thuyết, 1961)
- *Đất lửa* (tiểu thuyết, Văn học, 1963)
- *Câu chuyện bên trận địa pháo* (truyện vừa, Văn học, 1966)
- *Chiếc lược ngà* (truyện ngắn, 1966)
- *Bông cẩm thạch* (truyện ngắn 1969)
- *Cái áo trắng hình rom* (truyện vừa, 1975)
- *Mùa gió chướng* (tiểu thuyết, 1975)
- *Người con đi xa* (truyện ngắn, Tác phẩm mới, 1977)
- *Cánh đồng hoang* (kịch bản, 1978)
- *Pho tượng* (kịch bản, 1981)
- *Cho đến bao giờ* (kịch bản, 1982)
- *Dòng sông thơ ấu* (tiểu thuyết, Kim Đồng, 1985)
- *Bàn thờ tổ của một cô đào* (truyện ngắn, 1985)
- *Mùa nước nổi* (kịch bản, 1986)
- *Tôi thích làm vua* (truyện ngắn, 1988)
- *Dòng sông hát* (kịch bản, 1988)
- *Câu nói dối đầu tiên* (kịch bản, 1988)
- *25 truyện ngắn* (1990)
- *Paris - tiếng hát Trịnh Công Sơn* (1990)
- *Con mèo của Fujita* (truyện ngắn, Hội Nhà văn, 1991)

- *Thời thơ ấu* (kịch bản, 1995)
- *GilZa dòng* (kịch bản, 1995)
- *Như một huyền thoại* (kịch bản, 1995)
- *Mùa gió chướng* (Văn Nghệ Tp. HCM, 1999)
- *Tuyển tập Nguyễn Quang Sáng, tập III* (Văn học, 2000);
- *Nó và tôi* (Kim Đồng, 2002)
- *Tạo hóa dưới trần gian* (Trẻ, 2003).
- *Nhà văn về làng* (truyện ngắn, Văn Nghệ Tp. HCM, 2008)
- *Người đàn bà Tháp Mười*

Trích văn:

Chiếc lược ngà

Vào một đêm trời sáng trăng sông, trong một ngôi nhà nhỏ, giữa Tháp Mười mà xung quanh nước đã lên đầy, nói cho đúng đây là cái trạm của đường dây giao thông, nhà nhỏ nhưng người lại đông. Chưa đến chuyến đi, chúng tôi còn phải đợi. Ban ngày, chúng tôi chẳng biết đi đâu, hết nằm lại ngòai, có lúc thấy cuồng chân, thật tù túng, nhưng lại có cái thú bù lại là thọc cần câu ra khỏi nhà để câu cá. Ngày câu cá đã đủ ăn rồi, đêm không ai muốn câu nữa. Trong lúc nhàn rỗi ấy, chúng tôi thường hay kể chuyện. Và tôi nghe câu chuyện này của một đồng chí già kể lại. Ông vốn là người hay kể chuyện - nhiều nhất là chuyện tiểu lâm, có cả tiểu lâm kháng chiến nữa, chuyện nào cũng làm cho chúng tôi cười lăn, cười bò. Trước khi kể, bao giờ ông cũng cười mỉm, mặt trở nên hóm hình, đúng là ông lão có duyên già. Nhưng hôm ấy, ông đâm ra khác thường. Ông già kể nhưng vẫn ngòai im, đầu hơi cúi xuống, trầm lặng, mặt ngược nhìn ra mênh mông. Chắc là một chuyện cảm động, chúng tôi đoán như vậy và không đùa nữa. Bên ngoài, một cơn gió ù thổi tới. Cái trạm này - một ngôi nhà cất chen vào

giữa một chòm cây giữa khu rừng trầm thưa, mỗi khi có một cơn gió, sóng nổi nhau đập vào tàn cây, nhà lại rung lên và lắc lư như một con thuyền đang chơi vơi giữa biển. Sóng đập đều đều vào các chòm cây. Đàn cò đứng ngủ không yên, một vài con vỗ cánh bay chấp chới. Sóng gió như nhắc nhở ông điều gì, ông nghiêng tai lắng nghe. Khi cơn gió thổi qua, mặt nước trở lại yên lặng, ông mới ngẩng lên và nói. Ông nói với chúng tôi mà như nói với cả trời nước vậy, ông không nhìn vào chúng tôi mà nhìn ra biển nước, chân trời và các vì sao.

- Chuyện xảy ra cách đây đã hơn một năm rồi, mà mỗi lần nhớ lại, tôi cứ bàng hoàng như vừa thấy một giấc mơ - ông mở đầu với giọng trầm đục: - Hôm đó, tôi đi từ trạm N. G. đến L. A. Khi chiếc xuống máy đuôi tôm vừa xô ra bến thì chúng tôi ai cũng muốn biết người lái ấy là ai. Không phải tò mò mà cần phải biết. Bởi vì trước khi đi, người trạm trưởng có báo cáo với chúng tôi đó là một đoạn đường dài, một đoạn đi xuống máy, một đoạn đi bộ, đi xuống dễ gặp trục trặc thẳng soi, anh em phải bình tĩnh, không được nhón nháo, không được tự động mà phải tuyệt đối tuân theo sự điều khiển của người lái. Nói như vậy có nghĩa là sinh mạng mình phải hoàn toàn phó thác cho người cầm lái ấy, có phải không các bạn? Cho nên, tôi cần nhìn, cần biết rõ người đang cầm giữ sinh mạng mình. Nhưng trời đã tối rồi, tôi chỉ thấy đó là một cô gái người mảnh khảnh, vai mang cây “cạc- bin” bả xếp của Mỹ, đầu chít khăn, dáng điệu gọn gàng.

Trước đó, tôi có được nghe tiếng đồn trạm này có một cô giao liên rất thông minh. Một hôm, cô dẫn một đoàn khách sắp sửa qua sông, cô để khách dừng lại ngoài ruộng xa. Cô và một anh giao liên nữa tiến trước dọn đường. Đến vườn cây bờ sông, cô thấy mình đã lọt vào ổ phục kích của địch. Nhưng cô không bối rối. Cô vừa gọi người bạn của mình vừa nói, cô cố ý nói lớn cho bọn địch nghe: “Tình hình yên,

không có gì, anh trở lại dẫn khách đi, còn tôi sang sông lắc xuồng đem qua”. Trong câu nói ấy có ám hiệu. Anh giao liên liền quay lại, êm ái đưa khách bọc qua ngã khác, vượt sông cách đó độ một vài cây số. Còn cô ta, trước khi qua sông cô còn gài lại hai trái lựu đạn. Cô qua sông, thế là thoát. Còn đám biệt kích kia, bọn nó tưởng thật, định hốt cả một đoàn khách, nên chẳng dám rục rịch, mà cứ chờ. Chờ mãi, bọn nó biết, nó chửi rủa nhau, trong lúc lục tục kéo về lối quố thể nào lại vấp cả hai quả lựu đạn gài, rụng hết mấy mạng. Qua chuyện đó, người ta thêm thất rằng cô giao liên ấy có cái mũi rất thính, cô dùng mũi để nghe mùi địch và có thể phân biệt được thằng nào là Mỹ, thằng nào là Ngụy nữa.

Tôi nghĩ, nếu người nữ giao liên ấy là cô đang lái chiếc xuồng máy này thì mình không đến nỗi lo lắng. Tôi muốn hỏi nhưng thấy không tiện nên đành phải nói khéo:

- Ở trạm này có mấy cháu nữ vậy hở chú?

- Dạ một chị là chị nuôi với cháu nữa là hai.

Vậy là cô nữ giao liên này rồi, tôi cảm thấy mừng. Nghe giọng cô nói, tôi đoán cô bé độ mười tám hai mươi là cùng. Tôi cảm thấy mến, muốn hỏi thêm nhưng thấy cô đang lom khom quần dây vào bánh trón nên lại thôi. Quần dây vào bánh trón xong, cô đứng thẳng người, quay lại nói với xuồng sau:

- Tôi đi trước nhé!

Mấy anh giao liên xuồng sau nhao lên:

- Thôi chị Hai đi trước đi.

- Chị út đi mạnh giỏi nhá! Người gọi chị Hai, người gọi chị út, chẳng biết cô thật thứ mấy.

Cô đáp lại mấy câu láu linh, gọi mấy chú giao liên là em rồi quay lại chúng tôi, hạ giọng hết sức lễ phép:

- Các bác, các chú, các anh có gì quan trọng nên để trong túi áo, hoặc để trong một cái gói riêng. Lỡ gặp trục thăng bắn hoặc gặp biệt kích thì đồ quý không bị mất, bị cháy.

Cô báo cho chúng tôi những điều không may có thể xảy ra nhưng giọng nói lại dịu dàng - dễ thương nữa - khác hẳn với giọng nói căng thẳng của ông trạm trưởng, nên tôi thấy không lo lắm. Nói xong, cô khom lưng, giật máy. Xuồng rung lên theo tiếng máy nổ giòn, từ từ tách ra khỏi vòm cây rậm, rồi rào rào lướt tới. Gió thổi mát cả người, mát đến từng chân tóc. Nghe cô dặn, anh em khách lúi húi mở bong. Còn tôi, tôi có cái gì quý ngoài giấy tờ, tiền ăn đường đã để sẵn trong túi? Tôi chợt nhớ đến cây lược nhỏ. Tôi liền mở bong, mò lấy cây lược, cho vào túi nhái đựng giấy tờ, bỏ vào túi ngực, rồi cài kim tây lại thật cẩn thận.

Các bạn! Mỗi lần nhìn thấy cây lược ngà nhỏ ấy là mỗi lần tôi băn khoăn và ngậm ngùi. Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ, tôi bị xúc động như lần ấy. Trong những ngày hoà bình vừa lập lại, tôi cùng về thăm quê với một người bạn. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau gần vàm kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Chúng tôi cùng thoát ly đi kháng chiến, đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm. Lúc đi, đưa con gái đầu lòng của anh - và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi. Anh thứ sáu và cũng tên Sáu. Suốt mấy năm kháng chiến, chị Sáu có đến thăm anh mấy lần. Lần nào anh cũng bảo chị đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông không đơn giản. Chị không dám đưa con qua rừng. Nghe chị nói có lý anh không trách được. Anh chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi. Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuồng vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô

chiếc xuống tạt ra, khiến tôi bị chơi vơi. Anh bước vội vàng vơi những bước dài, rồi dừng lại kêu to:

- Thu! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Vội lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ cô. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngờ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ. Vội về xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng lặp bập run run:

- Ba đây con!

- Ba đây con!

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “ Má! Má!”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, rồi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương, và hai tay buông xuống như bị gãy.

Vì đường xa, chúng tôi ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha. Đêm nó không cho anh ngủ với chị. Con bé tính khí thật không vừa, nó tuột xuống giường, đứng dưới đất chồm lên, nắm tay anh kéo ra. Kéo không được, nó kê miệng cắn. Cho đến ngày đi, tay anh vẫn còn hằn sâu những dấu răng của con. Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về, con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng “ba” của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:

- Thì má cứ kêu đi.

Mẹ nó dậm nổi giận, quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống:

- Vô ăn cơm!

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi “ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:

- Cơm chín rồi! - Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo:

- Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. Bữa sau, đang nấu cơm thì mẹ nó chạy đi mua thức ăn. Mẹ nó dặn, ở nhà có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nó không nói không rằng, cứ lui cui dưới bếp. Nghe nổi cơm sôi, nó giở nắp, lấy đũa bếp sơ qua - nồi cơm hơi to, nhắm không thể nhắc xuống để chất nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu. Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên:

- Cơm sôi rồi, chất nước giùm cái! - Nó cũng lại nói trống:

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi: “Ba chất nước giùm con”, phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

- Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cháu cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng “ba” không được sao?

Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, về nghĩ ngợi, nhắc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm

sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nời com, rồi lại nhìn lên chúng tôi. Thấy nó luynh quynh tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước, miệng lầm bầm điều gì không rõ - Con bé đảo để thật.

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một miếng trứng cá to vàng để vào cái chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bắt thần hất cái trứng ra, com văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mâm nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?

Tôi tưởng con bé lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm com, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không. Nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bển, nó nhẩy xuống xuống, mở lời tới(1)cổ làm cho dây lòi tới khua rồn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy - chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về. Ngày mai anh Sáu phải đi, đó là đêm cuối cùng của hai anh chị, chị cũng không muốn bắt nó về.

Sáng hôm sau, bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông- Cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. Còn chị Sáu thì lo chuẩn bị đồ đạc cho chồng, chị lo xếp từng chiếc áo, gói ghém đồ đạc vụn vặt vào cái túi nhỏ, chị cứ lúi húi bên chiếc ba lô. Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi

mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngờ ngạc, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

Đến lúc chia tay, mang ba lô trên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi! Ba đi nghe con! - Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba... a... a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan của mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “Ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “Ba” như vỡ tung ra từ lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên - nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết sẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, ngoại nó cho tôi biết, đêm qua, bà đã tìm hiểu được vì sao nó không chịu nhận ba nó. Bà hỏi:

- Ba con, sao con không nhận?

- Không phải - đang nằm mà nó cũng giẫy lên.

- Sao con biết là không phải? Ba con đi lâu, con quên rồi chứ gì!

- Ba không giống cái hình ba chụp với má.

- Sao không giống, đi lâu, ba con già hơn trước thôi.

- Cũng không phải già, mặt ba con không có cái thẹo trên mặt như vậy.

À ra vậy, bây giờ bà mới biết. Té ra nó không nhận ba nó vì là cái vết thẹo, và bà nó cho biết, ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương - bà nhắc lại tội ác mấy thằng Tây ở đồn đầu vàm cho nó nhớ. Nghe bà kể nó nằm im, lẩn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn. Sáng hôm sau, nó lại bảo ngoại đưa nó về. Nó vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc phải đi rồi.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con.

- Không! - Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, muốn bảo anh ở lại vài hôm. Nhưng thật khó, chúng tôi chưa biết mình sẽ đi tập kết hay ở lại. Chúng tôi cần về đúng ngày, nhận lệnh để kịp chuẩn bị. Thế là đã đến lúc phải đi rồi, mọi người phải xúm lại vỗ về nó, mẹ nó bảo:

- Thu! Để ba con đi. Thống nhất rồi ba con về.

Bà ngoại nó vừa vuốt tóc nó vừa dỗ:

- Cháu của ngoại giỏi lắm mà! Cháu để ba cháu đi rồi ba sẽ mua về cho cháu một cây lược.

Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và mếu máo:

- Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba! - Nó nói trong tiếng nấc, vừa nói vừa từ từ tuột xuống.

Sau đó hai chúng tôi trở lại miền Đông. Chúng tôi là cán bộ đoàn thể, chúng tôi không đi tập kết. Từ năm năm mươi tư đến năm mươi tám, năm mươi chín và những năm khó khăn, các bạn đã biết rồi. Về công việc và đời sống ở rừng, tôi có thể kể cho đến sáng, có đêm bị biệt kích vây bắt, nhưng thôi, đó là chuyện khác. Tôi xin trở lại mối tình cha con của bạn tôi. Những đêm rừng, nằm trên võng, mắt chỉ thấy tấm ny lông nóc, lúc nhớ con, anh cứ ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ tâm đó cứ giày vò anh - một hôm hai đứa đang rì rầm kể, anh bỗng ngồi bật dậy:

- Phải rồi! Ở rừng này, người ta thỉnh thoảng có bắn voi, mình phải làm một cây lược bằng ngà cho con bé mới được.

Và anh ao ước có một khúc ngà, một khúc ngà voi. Thật may mắn, sau đó không lâu, vì thiếu thức ăn, anh em nghĩ đến chuyện đi săn, đi săn bằng tên thuốc chó không phải bằng súng. Lúc đó rừng hãy còn phải giữ im lặng. Thật ra thì anh em không đi săn voi, nhưng tình cờ lại gặp nó. Anh em định thả nó, nhưng anh Sáu quyết định bắn.

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ny lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hốt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mỹ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng chiếc răng

lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sóng lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu, con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi cài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám, năm đó ta chưa vỡ trang - trong một trận càn lớn của quân Mỹ- ngụy, anh Sáu bị hy sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

Các bạn ạ! Trong những ngày đen tối ấy, người sống phải sống bí mật thì cũng đã đành một lẽ, còn người chết cũng phải chết bí mật nữa. Mộ của anh không thể đắp cao lên được, - tìm thấy mồ mả, chúng sẽ đào lên và tìm ra dấu vết, - cho nên ngôi mộ của anh là ngôi mộ bằng, bằng phẳng như mặt rừng vậ. Tôi lấy dao khắc vào một góc cây rừng cạnh chỗ anh nằm làm dấu cho dễ nhớ.

Sống như thế và chết như thế, hỏi vậy làm sao mà chịu được? Chúng ta buộc phải cảm sung.

Sau khi có căn cứ khá an toàn, người nhà tôi có đến thăm. Tôi định gửi cây lược ngà về cho cháu Thu. Nhưng chị Sáu và cháu Thu không còn ở làng nữa. Qua những lần tố cộng, những trận càn, những trận đốt làng đồn dân của bọn Mỹ, không có mấy năm mà làng nước tan tác đi nhiều lắm. Mỗi người đi mỗi nơi chẳng ai được tin ai. Người nhà tôi bảo có lúc nghe chị Sáu chạy lên Sài Gòn, có lúc lại nghe chị Sáu lại quay về Đồng Tháp, vì thế mà tôi giữ mãi cây lược của cháu.

Tôi cầm cây lược nhìn ngắm, lòng thấy bùi ngùi.

Trong lúc đó tiếng máy vẫn nổ giòn, và tôi lại muốn nhìn rõ cô giao liên - người đang giữ sinh mạng của mình. Đêm không tối, cũng không sáng, nền trời tràn qua nhiều lớp mây mỏng, rải rác một vài chòm sao. Trời sáng mập mờ - Tôi chỉ nhìn thấy được dáng người của cô giao liên, gương mặt như hơi tròn và một đôi mắt, đôi mắt của người con gái thật khó tả. Chẳng hiểu cơ sao, từ ánh mắt ấy, tôi dần dần thấy một người quen, quen lắm. Tôi cố nhớ, nhớ không ra, tôi thấy mình lẫn thân.

Bỗng có tiếng kêu thất thanh:

- Máy bay!

- Máy bay!

Xuông liền chòng chành, như có người định lao xuống, người nhón nháo và nhiều tiếng lao nhao lên:

- Tấp vào!

- Đâu?

- Đền nó ở phía sau kia!

- Tấp vào, tấp vào. Phản lực!

Cô giao liên cho máy nổ nhỏ dần, quay lại sau một lúc rồi bảo:

- Không phải đâu, sao trên trời đó mà.

Trong lúc mọi người đang lo, có người hốt hoảng, có người định nhảy thì giọng của cô bình tĩnh như vậy đó. Có người chưa thật tin, nhưng trước thái độ thân nhiên của cô, mọi người lại ngồi yên. “Sao trên trời đó mà”, giọng nói nhỏ nhẹ và ngọt ngào. Và cô lại cho máy nổ to.

Sau mấy ngày đi bộ, được ngồi trên chiếc xuồng máy thật là thích thú. Nhưng nghĩ đến máy bay, tôi lại thấy phiền. Tiếng máy đuôi tôm nổ to quá như át cả tiếng máy bay. May mà gặp cô giao liên bình tĩnh, cô mà rồi chắc có người đã nhảy rồi, xuồng chắc cũng chìm mất. Tôi cố không nghĩ gì khác, tập trung lắng nghe tiếng máy bay.

Xuồng bắt đầu vào một quãng kinh trống, hai bên bờ không có một ngôi nhà, xa xa một chòm tre, một lùm cây, hai bên là cánh đồng hoang. Tôi sốt ruột muốn cho xuồng lao nhanh hơn. Hình như hiểu tâm trạng tôi, cô cho máy nổ to. Sóng trước mũi xuồng trào lên kéo thành những đợt sóng dài, làm run rẩy đám cỏ hai bên bờ, vỗ bập bênh các giẻ lục bình và các đám nghề mọc hoang.

Trong lúc mọi người đang yên tâm, đang thích thú ngồi trên chiếc xuồng lao nhanh thì cô giao liên tắt máy báo tin:

- Máy bay!

Cô vừa nói vừa tấp sát lại bụi tre. Chiếc xuồng sau cũng tấp lại. Rõ ràng là có tiếng máy bay, tiếng cánh quạt “lạch bạch” của đám trực thăng Mỹ. Tôi chẳng biết cái lỗ mũi của cô thính đến cỡ nào, còn cái tai của cô rõ là thính thật, tiếng máy bay lẫn trong tiếng máy đuôi tôm, thật khó nghe.

Xuồng chòng chành, có người chơi với muốn té:

- Nó còn xa lắm! - Cô trấn tĩnh chúng tôi - Các bác, các chú bước lên phân tán mỏng, tìm núp vào chỗ kín. Nếu nó có soi tới các bác, các chú nhớ đừng động đậy - Trong lúc cô nói, anh em khách đã vọt lên bờ hết rồi. Tôi là người cuối cùng.

Tôi vừa bước lên thì cô bảo:

- Bác cứ ở đây đi. Xuông ít người không sao!

Nếu một người nào khác bảo như vậy, tôi chắc không nghe. Trước thái độ của cô, ngồi cùng một chiếc xuông với cô, tôi thấy vững tin hơn ngồi trong công sự.

Đám trực thăng Mỹ từ đầu kính soi lần lần tới, tiếng động cơ của nó rầm rộ như hàng chục chiếc tàu thủy đang chạy. Ánh sáng ngọn đèn soi của nó một lúc một gần. Bọn Mỹ, bọn ngụy đó thường đi ba chiếc, một chiếc tìm người, tìm mục tiêu, còn hai chiếc soi đèn thì bắn.

- Lấy lá cây che kín, đừng động đậy nhé! - Cô lại nhắc tôi.

Đó là lần đầu tiên tôi bị trực thăng soi, khi ngọn đèn của nó soi qua - cái thứ ánh sáng chói chang và tiếng cánh quạt đập trên đầu, tôi thấy xuông mình rõ quá, tôi thấy cái be dài, thấy những lỗ trống của ba lô dưới lớp lá ngụy trang, thấy cỏ quặm lên như trong một cơn lốc, tôi nghĩ: “Thôi chết rồi!” Tôi rút vai, thu mình cho nhỏ lại. Như đoán được tâm trạng của tôi, cô lại nhắc:

- Nó không thấy rõ mình như mình thấy mình đâu!

Lần này, lời cô nói với tôi không hiệu quả nữa. Phút chốc tôi lại muốn lao xuống nước. Nhưng tôi kịp trấn tĩnh.

Rồi cái ánh sáng ma quỷ ấy qua với tiếng động cơ rầm rộ mỗi lúc một xa. Đem lại mờ dần đi. Tôi vẫn ngồi im vì còn lo nó quay trở lại. Cô giao liên nói như an ủi tôi:

- Nó làm coi dữ vậy, nhưng nó chẳng thấy cái gì đâu. Miễn là mình bình tĩnh, đừng động đậy - Đoạn cô nhìn ra cánh

đồng, gọi anh em khách. Anh em có người ướt nhem, vừa thay quần áo, vừa chửi rửa. Xuồng lại nổ máy. Quá nửa đêm, đoàn chuyên lên đi bộ - Chúng tôi đi men theo bờ mấu, băng qua cánh đồng, bờ mấu chỗ bùn lầy, chỗ lồi lõm, chỗ nhầy nhụa, chúng tôi đi sát vào nhau và hầu như thay phiên nhau trượt té vậy - Người này đang lom khom ngồi dậy, người khác lại đánh “ạch” ngã xuống ruộng, chúng tôi, dép cầm tay, mò mẫm đi từng bước, cứ thế mà đi. Gần đến bờ sông, giao liên cho chúng tôi dừng lại, phái trinh sát đi bám đường.

Hai trinh sát đi khoảng hai mươi phút thì đụng biệt kích. Lần này bọn nó không nằm phục trong đám vườn dọc bờ kinh, nó chồm ra ngoài ruộng. Súng nổ tới tấp. Đạn rít veo veo qua đầu chúng tôi.

- Nằm xuống? - Cô giao liên ra lệnh - Anh Tư dẫn khách đi, tôi ở lại.

Chẳng hiểu sao, lúc ấy tôi muốn kéo cô cùng đi. Qua giọng phân công của cô, tôi đoán cô là nhóm trưởng. Vừa nghe tiếng cô, nhìn lại cô đã vọt chạy đầu rồi. Đạn đan thành lưới rít qua đầu chúng tôi, rơi “chéo chéo” trên mặt ruộng, khiến chúng tôi phải nằm dãn người vào bờ mấu không sao ngóc đầu lên được.

Trong lúc đó, phía bên trái bỗng có nhiều tiếng “cacbin” nổ. Lập tức đường đạn bay về hướng đó. Tôi đoán biết, cô giao liên đang dẫn đường đạn bay về mình.

- Chạy! - Anh Tư, người giao liên ra lệnh. Đoàn khách chúng tôi liền vọt lên. Tôi không phải là người dạn súng cho lắm, nhưng lúc đó, tôi không thấy lo cho mình nữa, tôi cứ nghĩ đến cô giao liên. Đoàn khách chúng tôi - không hàng ngũ, chạy bừa qua ruộng lúa, đâm thẳng ra ven cây, rồi vọt qua sông.

Tiếng súng mỗi lúc một dữ dội. Tôi cố gắng lắng nghe tiếng “cabin” của cô, nhưng không tài nào nghe được, lòng cứ xoắn xang.

Nhờ có tiếng súng biệt kích mà chúng tôi đến rừng cây làng rất sớm. Anh em bên kia trạm - trạm L.A, cũng vừa đến, không phải chờ lâu.

Đoàn tập hợp lại trong một đám dừa bị chất độc hóa học, tàu lá lơ thơ, trống trải. Đoàn khách còn đủ mặt, có một vài người bị mất dép, có người qua sông bị trôi ba lô. Còn tôi, già mà hãy còn cứng, tôi chả mất một món gì.

Ai cũng mệt mỏi, anh em giao liên cho chúng tôi nằm nghỉ đến sáng. Có người không cần phải mắc võng, cũng chẳng trải nilông, nằm vật xuống đất, lấy bông làm gối, ngáy pho pho. Còn tôi, vì nhiều nỗi, nên cứ lơ mơ. Tôi đang trên đường về tỉnh nhà. Làng nước đâu có còn như xưa nữa. Người ta bị dời nhà, bị dồn vào các trại tập trung, rồi người ta lại phá ra, cả vườn tược cũng thay đổi. Tôi nghe nói vậy, nhưng không thể hình dung ra được. Tôi cứ nhớ lại cảnh cũ. Nhớ những lần trở về, nhớ cảnh chia tay của cha con anh Sáu mà cây lược tôi hãy còn giữ đây. Trong khi nghĩ miên man, đôi lúc tôi chợt nhớ đến anh em ở lại chặn bọn biệt kích. Nhất là cô giao liên. Chẳng hiểu cô bé và anh em giao liên ra sao. Mệt quá rồi tôi cũng thiếp đi...

Nghe đâu đây có tiếng chân đi, tiếng người nói, tiếng cười đùa. Tôi chợt tỉnh dậy, thấy trời đã đậm mây ngang, màn đêm như vén dần ra cánh đồng. Tôi thấy một nhóm người, chẳng nghe nói họ nói gì, nhưng biết là họ đang kể lại những chuyện sôi nổi. Và tôi nhìn thấy cô giao liên, quần áo cô bùn đất bê bết và đầm ướt. Thế là họ về kịp rồi.

Tôi vừa đến họ cũng vừa chia tay ra. Bây giờ tôi mới nhìn rõ cô. Cô vừa chặn địch, vừa bước ra khỏi chỗ nguy hiểm mà mặt cứ phơ phới. Mặc dù nước da cô bị rám nắng, tôi trông cô không quá hai mươi tuổi. Con gái hai mươi tuổi

không thể có cặp mắt trong sáng như thế, và cô mới ngây thơ làm sao, cô vẫn còn đeo bông tòn ten, cô đi dần về phía tôi, tôi bỗng muốn tỏ lòng mến phục của tôi đối với cô, cả lòng cảm ơn nữa. Nhưng chẳng lẽ lại nói như vậy, tôi mỉm cười chào cô và làm quen:

- Này cháu. Bác lo cho cháu quá! Cháu thứ mấy?

- Dạ, cháu thứ hai.

- Sao bác lại nghe có người kêu cháu là chị Út? Chắc là cháu đã có...

- Dạ không! - Cô giao liên chặn câu nói của tôi lại- Cháu vừa thứ hai vừa thứ út vì cháu là con một mà!

- Cháu là người ở làng nào mà sao bác thấy quen quen.

- Dạ cháu ở Cù Lao Giêng!

Nghe đến tên làng, tôi bỗng giật mình. Nhìn đôi mắt cô bé, ngực tôi bỗng phập phồng, và như có linh tính, tôi liền hỏi lại, hỏi dồn dập:

- Có phải Cù Lao Giêng, quận Chợ Mới, tỉnh Long Châu Sa không vậy cháu?

- Dạ phải.

- Cháu tên gì?

- Cháu tên Thu.

- Thu à? - Tôi lặp lại và kinh ngạc.

Tôi lặp bập hỏi tiếp:

- Có phải ba cháu là Sáu, má cháu là Bình phải không?

Cô bé kinh ngạc đến nỗi không nói được nữa, nó mở tròn mắt nhìn khắp người tôi. Trong lúc đó, anh em giao liên trạm L.A. kêu khách chuẩn bị lên đường. Nhưng rồi chẳng để ý cũng chẳng muốn nghe, tôi quay lại và bảo:

- Chờ tôi một chút.

Tôi quay lại cô bé. Cả hai người vẫn còn ngạc nhiên. Cô bé vẫn tròn mắt nhìn tôi, đùng, đùng, đùng là đôi mắt của con cháu. Tôi thâm nghĩ, và bảo:

- Có phải không cháu?

- Dạ... Sao bác biết?

Tôi cố nén xúc động nhưng cũng lập bập nhắc lại:

- Bác là bác Ba đây này. Cháu có còn nhớ lúc ba cháu đi, ba cháu có hứa mua cho cháu cây lược không?

Cô cháu khe khẽ gật đầu: “ Dạ nhớ, dạ nhớ”.

Các bạn ạ! Trong kháng chiến có những cuộc gặp gỡ thật tình cờ! Tôi vừa nhìn cháu, vừa móc túi lấy ra cây lược.

- Ba cháu gởi cho cháu cây lược ngà này đây. Cây lược này do ba cháu làm.

Đôi mắt của cháu lại to tròn hơn, mặt xúc động đến tận thớ. Cháu đưa tay nhận lấy cây lược. Cây lược như đánh thức kỷ niệm ngày chia tay, ngực cháu phập phồng. Thấy cháu nhìn ngắm cây lược, tim tôi bỗng nhói đau. Tôi biết cháu đang bàng hoàng trước hạnh phúc bất ngờ, tôi không muốn làm gì xao động đến hạnh phúc của cháu, tôi thấy cần phải nói dối:

- Ba cháu vẫn khoẻ, ba cháu không về được, nên gởi cho bác.

Cháu Thu liền chớp mắt nhìn tôi, môi mấp máy run run:

- Chắc là bác lầm, cây lược này không phải của ba cháu.

Tôi đâm ra thất vọng, hoang mang nữa, tôi hỏi lại:

- Ba cháu tên Sáu, má cháu tên Bình phải không?

- Dạ phải - Hình như cháu muốn khóc, mắt cháu đỏ hoe nhưng cố nén và nói:

- Nếu cháu không làm thì chắc bác sợ cháu buồn nên bác nói giấu cháu. Cháu biết ba cháu đã chết rồi.- Cháu chớp mắt, hai giọt lệ ứa ra, vỡ tràn qua đôi mắt - Cháu chịu đựng được, bác đừng ngại, cháu nghe tin ba cháu chết đã hai năm rồi, sau đó thì cháu xin má cháu đi giao liên...

Cháu còn muốn nói gì nữa, nhưng giọng bị tắt nghẹn, đầu cúi nhìn xuống, mái tóc khẽ run run. Còn tôi, tôi lẽ nói dối, nên chẳng biết nói thế nào nữa, đành im lặng.

Trong khi đó, anh em trong đoàn táo tác gọi tôi, giục tôi đi. Không thể nán được nữa, tôi đành phải vội vàng hỏi xin cháu địa chỉ, hỏi thăm qua mẹ cháu và bà con.

Nỗi mừng gặp gỡ bất ngờ khiến tôi chưa biết bàng hoàng thì lại phải chia tay. Nhìn cháu tôi bỗng buột miệng nói:

- Thôi, ba đi nghe con!

Tôi không nghe cháu đáp lại, chỉ thấy đôi môi tái nhợt của cháu mấp máy.

Đi một quãng xa nhìn lại, tôi thấy cháu cố đi theo tôi một đoạn đường. Cháu dừng lại trên bờ mẩu, những đợt sóng lúa xanh nhỏ nối nhau rập rờn như chạy đến vỗ về cháu. Sau lưng cháu là đám dừa bị chắt độc hóa học mà tàu lá chỉ còn những cọng khô như những chiếc xương cá khổng lồ treo lủng lẳng, đợt non vừa mới đâm lên, xa trông như một rừng gươm.

Lúc chia tay, tôi không nghe cháu gọi tôi là ba. Nhưng những lúc nằm một mình, nhớ lại thì tôi nghe tiếng gọi “ba” của cháu, và tiếng “ba” như vang lên từ trong tâm tôi.

- 0 -

Trong bài *Nhà văn Nguyễn Quang Sáng: Nghệ viết văn, không tập trung là thua*, Đăng Văn đã viết về nhà văn này như sau:

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng thường viết vào buổi sáng, bắt đầu lúc 9h-11h, buổi chiều nghỉ ngơi, suy nghĩ để ngày mai viết. Ông bảo: "Phải nghĩ sẵn trong đầu thì mai mình phải ghi ra chữ". Cha đẻ Cánh đồng hoang cho biết thêm: "Tôi bị ảnh hưởng từ rất nhiều phía, cứ học người này, người kia, mỗi thứ một tí, cộng gộp lại thì thành Nguyễn Quang Sáng". Ông tự nhận phong cách văn chương của mình bị ảnh hưởng nhất là tiếng nói của người Nam Bộ. Ngôn ngữ bản địa là một đặc trưng trong phong cách văn chương của Nguyễn Quang Sáng.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quang Sáng Web: elib.quancoconline.com
- Chiếc lược ngà Web: 4phuong.net



10. Ma Văn Kháng



Ma Văn Kháng - Đinh Trọng Đoàn (1936-20)

Nhà Văn Ma Văn Kháng tên thật là Đinh Trọng Đoàn, người Kinh, Sinh ngày 1 tháng 12 năm 1936. Quê gốc: phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội Hiện ở quận Ba Đình, Hà Nội. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1948: Đội viên Đội Truyền bá vệ sinh Cục Quân y.

1949: Học sinh Trường Thiếu Sinh Quân, Bộ Quốc Phòng.

1952-54: Học sinh Trường Sư phạm Khu học xá Trung Ương (Nam Ninh - Quảng Tây- Trung Quốc.)

1955-59: Hiệu trưởng Trường Cấp II Thị xã Lao Cai. !

1960-63: Sinh Viên Đại học Sư Phạm Hà Nội.

1963: Hiệu trưởng Trường Phổ thông Cấp III Thị xã Lao Cai.

HUỶNH ÁI TÔNG

1968: Thư ký của Bí thư tỉnh ủy Lao Cai.

1970-76: Phó Tổng biên tập Báo Lao Cai- cơ quan của Tỉnh đảng bộ Lao Cai.

1974: Hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam.

1976 : Chuyển công tác về Hà Nội. Biên tập Viên , rồi tiếp đó là Tổng Biên tập, Phó Giám đốc Nhà Xuất Bản Lao động - Tổng Liên đoàn Lao động VN

Từ tháng 3- 1995 là Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Đảng đoàn Hội Nhà văn khoá V, Tổng biên tập Tạp chí *Văn học nước ngoài*.

Từ tháng 4 năm 2000 là ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà Văn Việt Nam Khóa VI. Chủ nhiệm Tạp chí *Văn học nước ngoài*.

Năm 2006 là Chủ tịch Hội Đồng Văn xuôi , Phó Giám đốc Trung Tâm Bồi dưỡng Việt Văn Nguyễn Du...

Đã nhận được các giải thưởng Văn học:

- Giải thưởng Hội Nhà Văn Hà Nội 1986 và 2009.
- Giải thưởng Văn học Đông Nam Á – Southeast Asian Writers Awards- 1998.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt I năm 2001.
- Giải thưởng Hội VHNT các dân tộc Thiểu số năm 2002 và 2003.

Tác phẩm:

- *Đồng bạc trắng hoa xòe* (tiểu thuyết, 1979)

- *Vùng biên ải* (tiểu thuyết, 1983)
- *Trăng non* (tiểu thuyết 1984)
- *Phép lạ thường ngày*
- *Thầy Thế đi chợ bán trứng*
- *Mưa mùa hạ* (tiểu thuyết 1982)
- *Mùa lá rụng trong vườn* (tiểu thuyết, 1985)
- *Võ sỹ lên đài*
- *Thanh minh trời trong sáng*
- *Hoa gạo đỏ*
- *Côi cút giữa cảnh đời* (tiểu thuyết 1989)
- *Đám cưới không giấy giá thú*
- *Đám cưới không có giấy giá thú* (tiểu thuyết, 1989)
- *Chó Bi, đời lưu lạc* (tiểu thuyết 1992)
- *Ngày đẹp trời* (truyện ngắn 1986)
- *Vệ sỹ của Quan Châu* (truyện ngắn 1988)
- *Giấy trắng* (tiểu thuyết)
- *Trái chín mùa thu* (truyện ngắn 1988)
- *Heo may gió lộng* (truyện ngắn 1992)
- *Trăng soi sân nhỏ* (truyện ngắn 1994)
- *Ngoại thành* (truyện ngắn 1996)
- *Truyện ngắn Ma Văn Khánh* (tuyển tập 1996)
- *Vòng quay cổ điển* (truyện ngắn 1997)
- *Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương* (hồi ký 2009)
- *Chuyện của Lý* (tiểu thuyết, 2013)

Trích văn:

Heo may gió lộng

Một hôm đang giữa bữa, con bé Thủy mười hai tuổi của vợ chồng Đoàn, bỗng đặt bát xuống mâm, lơ lẻo hai con mắt, thao láo:

- Bố mẹ ạ, hình như bác Thảo bác ấy sắp lên chơi nhà mình

hay sao ấy! Đêm qua con ngủ mê, thấy bác ấy gọi cửa. Con chạy ra, mừng quá, reo ầm lên. Nhưng con mời thế nào bác ấy cũng không vào nhà. Cứ đứng ở cửa khóc mếu. Mà mắt thì sung vù, tím bầm. Còn quần áo thì rách tả tơi trông thương lắm cơ!

Vợ Doan, mặt đang vui vẻ, nghe con gái nói, bỗng như bị dị ứng, nặng bình bịch. Y gất:

- Mê với mần! Nghe mà phát kinh!

Không nhận ra thái độ khác thường của mẹ. Thủy ngênh má, hồn nhiên, tiếp: - Tự dung con mê thấy thế mà mẹ.

- Ban ngày ban mặt mãi đi xem các đám đánh chửi nhau ở phố nên đêm mới mê thế. Chứ gì. Thời buổi gì mà khiếp quá! Anh em ruột thịt, có khi chỉ vì vài câu nói, mấy mét nhà, tranh chấp nhau là có thể vác dao ra chém nhau rồi.

- Con có ra phố chơi đâu nào!

- Lại còn cãi! Thôi ăn đi. ở nhà quê bây giờ là sung sướng nhất. Có đâu bữa sớm lo bữa chiều như cán bộ, công nhân thành phố, như nhà máy. Tự dung tự lành, ai đánh ai đập mà mặt mày sung vù với cả tím bầm!

Doan vốn ít lời, ngậm miệng nhai miếng cơm. Tâm tương do giấc mơ của con gái gọi, bỗng vương vương một hoài cảm man mác. Cuối thu rồi. Nắng rực như đất vàng. Và heo may như một linh hồn xa vắng từ cõi nào trở về, xao xác mỗi vòm lá rậm, quấy động trong các khoảng trống vắng nơi cõi lòng. Mấy năm trước, cứ vào quăng này, thì chị Thảo, chị gái Doan lấy chồng ở nông thôn, khăn gói lên chơi với gia đình Doan. Không hẹn mà chẳng bao giờ sai. Không có lời ước định mà chính xác như thời tiết tuần

hoàn, như việc đồng áng quay vòng. Lúc ấy, vụ mùa đã gặt hái xong. Thóc lúa đã đầy hòm, đầy bịch. Vụ xuân còn ở xa. Đang là lúc nông nhàn ở quê chị. Chị xõn xơ, thanh nhã, lại như cố kìm giữ niềm hứng khởi tràn đầy, ngâm ngập vào việc sửa soạn, rồi tay xách nách mang, vắt vắt và vả, chen lán lên tàu xuống xe, cuối cùng xuất hiện ở giữa nhà quê, xời lời chuyện trò, chằm bập hỏi han, tưởng chừng như đó là những khoảnh khắc không bao giờ gặp lại, để xả thoát tình thương nỗi nhớ ruột rà đã tích tụ cả mấy chục năm trời.

Bức tranh đã đóng khung ổn định.

Nhớ tới chị Thảo là Đoan nhớ tới ngọn gió heo may lồng lộng và khoảng trời cuối thu tràn trề làn sáng phản quang niềm vui mùa màng. Là Đoan nhớ tới một người phụ nữ đẹp, duyên dáng, tâm hồn cực kỳ trong trẻo và giàu có tình yêu thương, vừa dung dị, vừa cao quý, hoà quyện với cảnh sắc đồng quê lộng lẫy, tạo nên một bức tranh vừa hoành tráng vừa thân thiết dị thường. ấy là những ngày được nạm bằng vàng hiêm hoi. Người phụ nữ nông thôn lên còn giữ nguyên được sự tinh tế, thanh lịch trong ứng xử. Niềm vui vừa chân chất vừa huy hoàng chan chứa trong gia đình, tràn sang cả xóm giềng. Cây mía. Vài lạng đậu xanh. Nửa cân bột sắn. Lòì thăm hỏi người già. Bàn tay vỗ về trẻ nhỏ. Thật giản dị mà chẳng bao lâu, chị đã tạo lập nên một quan hệ thân tình, đậm đà hương vị thôn dã, với cả những gia đình lân cận nhà vợ chồng em trai mình.

- Có đến hai năm nay bác ấy không lên chơi nhà mình mẹ nhỉ? Hay là bác ấy quên?

Thuý vẫn ngây thơ, lay láy nhìn mẹ. Đoan nhận ra, nó là đứa trẻ rất hay mặc cảm. Nó toét miệng:

- Năm nay thế nào bác ấy cũng lên mẹ nhỉ? Mà lên thì thế nào bác ấy cũng cho nhà mình bánh đa thái. Con thích bánh đa thái ở quê bác ấy lắm cơ!

Vợ Đoan, đập nồi com đến cạnh, ngược hai hàng mi dày rậm lên, nhìn con gái, đột ngột:

- Sang năm, thì hết cấp xong, tao cho về quê bác ấy hẳn một tháng mà chơi. Mà ăn bánh đa thái mỏng với gạo mới cho nó sượng. Về đúng vụ gặt mà xem. Trong nhà, ngoài sân, trên trời dưới đất, đâu cũng thóc. Cơ man là thóc. Ngao ngán là thóc. Ngồi trên thóc, ngủ trên tiền. Thật là vô sự, vô sách mà vô lo vô lự, sướng cả đời Bác mày giàu, giàu lắm, chứ không xác vờ như bố mày đây!

Đoan quay đi, cố giữ giọng đều hoà:

- Nông thôn làm ra hạt thóc nên hơn thành phố về mặt thóc gạo là phải rồi. Nhưng, còn những nhu cầu khác? Nói chung... thì cũng vẫn là cái cảnh nghèo khó thâm căn của dân mình thôi.

Thuý như được thể, nói lời bố:

- Nhà bạn con có ông chú nhà quê lên ở nhờ chữa bệnh, nghèo ơi là nghèo bố ạ. Quần áo ông ấy còn rách bằng mấy quần áo mình thải ra cơ. Có một cái chăn chiên đắp cả mùa đông, bố ạ. Ra đây, ông ấy nhặt nhanh từ cái chậu thùng, đôi dép đứt quai, đến cái xô vỡ đem về dùng. Quê ông ấy, cả xóm chỉ có độc một nhà có ti vi.

- Quê bác Thảo thì không đến nỗi thế.

- Bố ơi, hay là con viết thư cho bác Thảo nhé?

Vợ Đoan từ nãy vẫn nặng nề, nghe con gái hỏi, liền đập mạnh đôi đũa vào cạnh nồi, đứng phắt dậy quàu quàu:

- Thôi đi! Khách với khứa! Y như bò thấy nhà táng ấy, tôi sợ khách lắm rồi!

o
o o

Chẳng cần thư từ, hẹn định, nhắc nhở. Mấy năm trước là vậy. Là cứ như ngọn gió heo may đưa chị gái Đoan lên thăm gia đình Đoan. Chẳng sai lạc, chẳng lỗi nhịp bao giờ.

Các cuộc viếng thăm định kỳ ấy thường bao giờ cũng có vài mục đích cụ thể. Hàng đầu là cuộc thăm nom, sang sửa phần mộ ông bà, cha mẹ. Sau nữa là mua bán, sắm sửa, chữa bệnh... Tuy nhiên, đâu những việc trên có quan trọng và cấp bách đến thế nào, cả Đoan và chị gái Đoan vẫn cứ nhận ra rằng cuộc viếng thăm còn có một ý nghĩa thiêng liêng sâu thẳm rất khó diễn đạt bằng lời. Đời sống tâm linh còn có bao nhiêu nẻo đường khuất khúc. Trẻ con vẫn lưu giữ một xứ sở thần tiên trong ký ức. Thiên đường, Cực lạc còn sống trong tiềm thức nhân loại. Chị gái Đoan lên thăm gia đình, chị hành hương về quê tổ, về cõi nhớ xa xăm!

Người gốc gác đô thị, nhưng đi trái chiều lịch sử, chị gái Đoan lấy chồng nông thôn. ấy là vì tình yêu có một nấc cao hơn cả lịch sử. Anh là thợ cày, nhập ngũ trở thành chàng Vệ quốc quân từ năm năm mươi. Chị là gái thành phố tản cư, thanh sắc hơn người, trở thành diễn viên văn công cùng những năm đó. Họ gặp nhau ở chiến dịch cuối cùng của cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Phải duyên, mê nhau là kéo nhau về làng anh, làm lễ cưới ngay sau khi hoà bình lập lại. Chị tình nguyện bỏ nếp sống nghệ sĩ và thành thị, tập tành công việc ruộng đồng một nắng hai sương, quen dần với

cuộc đời sống gái quê lam lũ nơi thôn ỏ. Vì tình, cuộc hoà nhập có khúc mắc cũng có thể vượt qua.

Nhưng mà thực tình chị Thảo của Đoàn chuột sa chĩnh gạo. Đất đồng bằng cây cày trồng tía đã dư ngàn năm còn mấy nơi bờ xôi ruộng mật được như thế. .. Đây là vùng trọng điểm lúa. Thêm đặc sản lợn và lạc, nên còn gọi tắt là vùng Ba Lờ, Trù Phú, ám no hiển hiện tựa tên các xóm làng bao giờ cũng khởi đầu tiên tố Gạo. Gạo Nam, Gạo Bắc, gạo Đông, gạo Đoài. Ruộng làm ăn tới chân bờ tre. Địa giới xã này xã kia phân ngay trên mặt ruộng. Ruộng liền ruộng. Đi cấy, dậy từ từ mờ, phải sáng bùng mới ra tới mảnh ruộng của mình ở giữa đồng để cắm cây mạ. Mùa gặt, thôn xóm như mạ vàng mười. Cây rơm nhà nào nha nây cao là hòm khoá chuông vẫn một kiểu thô sơ, cổ giản như đèo gọt bằng rìu từ thời Hùng Vương, nằm chênh ềnh như là rất vô lý ở chính gian giữa.

Đời sống no đủ và tình yêu vừa sâu sắc, vừa giản đơn, mang dấu ấn thời cuộc, thích hợp với một gia đình chồng đi công tác xa vợ ở nhà làm ruộng nuôi con, phụng dưỡng cha mẹ già, phân li hai ngã và vẫn hài hoà, lại kiêu hãnh và giàu chất thơ mộng. Đóng quân trên Tây Bắc nức tiếng anh hùng, tiểu phi được ít lâu thì anh chuyển sang làm đội trưởng ở một nông trường khai thác gỗ, cũng có thể coi như chuyên môi trường để anh thi thố tài năng sức công hiến cho sự nghiệp miền núi tiến kịp và vượt miền xuôi. Ở quê chồng, chị như được phép lạ, hoá thân trở thành hết kiện tướng phân bắc, phân xanh, lại chiến sĩ thi đua làm thủy lợi. Viết thư cho nhau toàn kể chuyện sản xuất, chiến đấu và động viên nhau gắng sức để xứng đáng là đoàn viên đảng viên. Một năm, mười hai ngày anh về phép là mười hai ngày hội hè, lễ tết. Khách ra vào từ sáng chí tối. Đàn gà mấy chục con vỗ béo được dịp vẫn đàn. Bếp rơm suốt ngày

um khói. Chè Thái Nguyên bã đồ đầy ụ mây gốc nhài. Chì vào ra, má đỏ rạng, tung bùng từ trong sâu xa.

Bức toàn cảnh, định hình trọn vẹn ngày anh về hưu ngồi nghêu ngạ trên lưng một chiếc xe tải thò bốn khối gỗ quý, tặng phẩm đặc biệt của lâm trường dành cho người có công khai phá. Thợ xẻ, thợ xây, thợ mộc dựng công trường liền một năm trời. Năm sau, anh tóc râu dôm bạc, lưng còng dáng ông lão, khoác cái áo đại cán sòn cổ, ngồi trên cái sập gụ, tay thông nõ điệu, mắt nheo nheo, mẫn ý ngắm vuốt cái giang sơn xinh xắn toàn bích của mình. Nhà mái bằng rồi, tủ li, tủ lệch, tủ gương, tủ đứng, giương đôi, giương một toàn lát hoa, lát chun kiểu mô đéc nhất rồi. Tường vôi ve sáng trưng cả dãy khung kính lồng huân chương các loại cùng ảnh kỷ niệm thời trai trẻ dọc ngang đầy kiêu hãnh. Tôi thứ bảy bạn bè cùng trà lú quây quần đôi hồi chuyện cũ và theo dõi vở cải lương phát từ cái đài xiong-mao mua cung cấp đã có vỏ da, lại lồng trong cái túi vải hoa chì may tay mà đẹp như máy. Đậm đà dấu tích ở mọi nơi ở mọi lúc vẫn là một cốt cách phụ nữ đô thành, có nền nếp gia phong, thanh lịch mà không xa cách, đảm lược mà không lâm lũi, thô mộc. Chì đã điem giao thoa của hai nguồn ánh sáng, nhưng trong tâm thức vẫn hướng về thị thành. Chẳng khác được, từ lời ăn tiếng nói đến cách giáo dưỡng con cái. Hai con, một gái, một trai, lạy trời, xinh xắn, giỏi giang giống mẹ như đúc, chuyện trò với bè bạn thì thoảng lại buột miệng "quê mẹ tớ ở thành phố kia!"

Người phụ nữ ấy sau hai năm vắng biệt, trưa nay dường như là đột ngột xuất hiện ở nhà Đoan. Dường như là từ tâm khảm Đoan bước ra, từ bức tranh định hình theo mường tượng của Đoan bước ra. Gương mặt cười hoa, đẹp trang nhã và cổ điển, chì đứng trong làn nắng hanh vàng, tay cầm nón mức gió, trong niềm vui hồi tố không sao kìm giữ

được, cất tiếng vang vòng gọi tên Đoan. Từ trong nhà chạy ra, Đoan thấy mình như đang ở trong mơ.

Ồi bác Thảo! Cháu biết ngay là thế nào hôm nay bác cũng lên mà. Sáng nay ngồi trong lớp mà cháu cứ máy mắt liên tục, bác ạ.

Thuý reo, cầm tay bác Thảo quàng lên vai mình. Chị gái Đoan xoa đầu con bé:

- Thuý lớn quá rồi. Bẵng đi đến hai năm rồi đấy.

- Cháu tưởng bác quên rồi.

- Quên thế nào được. Hai năm rồi, năm thì bà cụ bên nội hai năm mươi. Năm thì sang áo cho ông bác. Năm nay gặt hái xong đã định thu xếp lên ngay, biết là cậu mợ và cháu mong, thì rập vào việc người ta xin cái Lượng. Rồi tôi ốm. Trở lạnh, bỗng dưng thấy thức ngực quá, ốm nằm liệt bệt mới biết mình già rồi. Cậu cũng có tóc bạc rồi kia kìa. Người phụ nữ cúi xuống cởi gỡ đàm hành lý và sản vật làm quà mang theo, giấu một niềm trắc ẩn nào đó, chép miệng:

- Đi đúng ngày xấu, xúi quá. Ô tô chết suốt dọc đường. Đến bến, chẳng còn cái ô tô buýt nào. Đành lên cái xe lam. Tưởng cũng giá nhà nước qui định. Nào ngờ đến giữa cầu, ông lái xe tư mới dừng lại, bắt mỗi khách nộp hai chục nghìn. Năm cây số, hai chục nghìn, hơn yến gạo. Quá bóp hầu bóp cổ khách!

- Thuý đang đung đưa tay bác, bỗng rầy lên:

- Sao bọn họ ác thế? Bác nhất định không chịu chứ!

- Giời không chịu đất thì đất cũng phải chịu giời, cháu ạ. Mình ở thế yếu mờ. Cực nữa là sờ đến cái túi xách tay lấy tiền thì, ôi thôi, kẻ cắp đã rạch ngang một nhất, móc mất cái ví tiền rồi.

- Thế bác làm thế nào? Khổ thân bác quá!

- Bác vẫn còn tiền chứ, chỉ buồn là lắm cảnh người bức hiếp người, hãi quá! à mờ thôi... Vừa hé mở, người phụ nữ lại vội vàng khép kín tâm tư: Thuý giúp bác cất dọn các thứ này đi. Chả có gì đâu. Hai con gà này, thịt hay nuôi cho đẻ mờ ăn trứng. Bánh đa thái, bác đổi thóc của nhà. Bột sắn dây bác trồng... còn chỗ này là quà biếu của các bà láng giềng. Ô, mẹ cháu đi làm không về buổi trưa à?

Xâm xấp tới vợ Đoan mới từ nhà máy về. Y đi lổi sau, vào buồng đang thay quần áo thì cái Thuý nhảy lò cò vào "Mẹ ơi..." Không để con kịp nói, y đã lừ mắt, khe khẽ rít: "Biết rồi! Lên từ trưa chứ gì. Khiếp! Nom cứ như bà lão nhà quê!" Rồi vừa cài cúc áo, vừa ra phòng ngoài, đổi mặt vồn vã:

- Bác Thảo mới lên đây ạ. Lâu nay bác vẫn được bình thường chứ? Thuý ơi, vo gạo nấu cơm bác ăn đi, con.

Trực giác đàn bà ít khi sai. Đoan ra khỏi ảo giác. Sau hai năm không gặp lại, giờ đây, ngồi đối diện với Đoan không còn là người chị gái tươi đẹp, óng ả năm xưa. Trước mặt Đoan là một hình hài khác, một kiếp phận khác, một tâm trạng khác. Trước mắt Đoan là một bà lão nhà quê mùa còm cõi, mệt mỏi và bất an. Trước mắt Đoan là thân xác và tinh thần của một đời sống lao碌, quá sức và triền miên trong dầy vò, cắn dứt, tuy cố nhẫn nhịn mà vẫn tiết ra xung quanh một nỗi buồn hiu hắt.

- Cảm ơn mợ, tôi vẫn còn gánh gồng, cày cấy được. Còn mợ, hồi nay hồng hào, khoẻ mạnh hơn trước đây nhỉ!

Đáp lại giọng nói rầu rầu của người chị gái chồng, bà em dâu cười ré lên, rồi rồn rảng:

- Khoẻ gì mà khoẻ! Sắp chết đói đến nơi rồi đây, chị ơi. Đạo này nghe báo, đài nói, ở thôn quê làm ăn khấm khá lắm có phải không? Sao mấy năm rồi chị không lên chơi? Bố nó nhắc luôn. Còn cái Thuý thì mê thấy chị lên luôn ấy.

Cái vui, sự niềm nở, thực sự chỉ là giữ lễ.

Đoan là nhà báo, từng trải, hiểu đời hiểu người, nhận ra từ hôm đó, vợ Đoan ngoài mặt thì giữ sự vui vẻ, còn bên trong thật tình y bực bội, khó chịu hết sức.

Nhà có khách, khách lại là người ruột thịt, mà chủ nhà lại bực bội, khó chịu thì thật là vô lý. Vô lý nhưng lại rất dễ hiểu. Về sau này, Đoan hiểu vợ Đoan rất ngại phải chi tiêu tốn kém. Vợ Đoan là thợ dệt, lương bổng tạm tạm. Mức sống gia đình, nhờ có Đoan chống đỡ, cũng không đến nổi. Nhưng, vợ Đoan cũng như bao nhiêu kẻ xuất thân từ nghèo khó, lại trải qua mấy chục năm trường với cuộc sống thiếu hẳn sự an toàn cần thiết, con người phải bó buộc phải phát sinh tập tính tự vệ, nên cần kiệm, tính toán đến thành chất bóp, hà tiện đã trở thành thói quen nhiễm vào máu thịt, nếp sống. Đạo còn chế độ tem phiếu, lĩnh lương xong, mỗi khoản chi, to nhất như mua gạo, mua dầu, nhỏ như tiền cắt tóc, xà phòng, kim chỉ, y điều chia, cho vào từng phong bì, phân miệng, không khoản nào được lẹm sang khoản nào đâu. Đậu kho cả nồi, nhưng mỗi bữa mỗi người ba miếng là không có hơn. Hai lạng giò để ăn hai bữa, ngon miệng ăn liền một bữa là y ca cẩm cả tuần. Gạo đông thiếu vài lạng, thịt mua thiếu vài hoa, y cũng đạp xe đạp đi cả giò, đòi đủ bằng được. Khách chồng đến chơi, vui miệng hút liền ba

bốn điều thuốc là y lờm y nguýt. "Thóc đâu cho chó ăn no, cho gà ăn đủ". Y nói. Y xót từng trăm bạc, vì trăm bạc là hai mớ rau, vì trăm bạc là một phần mười lăm tiền công một ngày của y. Beo thối, bủn xỉn, không cho ăn mỳ đến cả tờ hai chục rách, nhưng y cũng chẳng ăn bớt xén, ăn không ăn hồng của ai đến đồng. Công bằng mà xét, ky bo như vợ Đoan cũng có căn nguyên hoàn cảnh và cũng không phải là một thói xấu tệ hại.

Nghe cái Thuý mỗi bữa lấy gạo nấu cơm, lại đong hỏi: "Mẹ ơi, bốn người, hai bơ mấy lẻ hở mẹ?" Bác Thảo cười:

- Ở nhà quê, các cháu của cậu mợ cứ vục vào thùng gạo, đầy phè nôi thì thôi.

Vợ Đoan lằm lằm mặt:

- Ở thành phố, thế có chết!

Quả thật, đời sống vốn đã chẳng dễ dàng gì. Tự kiếm sống đã làm cả một công cuộc lớn lao huống hồ lại đèo bồng, cuu mang. Nhưng đã nói thì phải nói cho hết nhé. Tính toán ra thì đâu có phải là đèo bồng, cuu mang. Bác Thảo ý tứ lắm, đâu có phải con người chỉ biết ái kỷ, để thiệt thòi cho người khác. Vốn người thành phố, chị dâu có lạ kiểu sống cán bộ ba cọc ba đồng. Ở một tháng thì chị đã đem biếu vợ chồng Đoan sắn dây, đậu xanh... Không nên nghĩ đến sự sòng phẳng ở đây, nhưng nêu chi lý nhằm tình thì vợ Đoan đâu có phải chịu thiệt!

Tất nhiên, nhà có khách ngoài sự tốn kém vật chất dù được đền bù bằng cách nghĩ: Xởi lời thì trời cho, bo bo thì trời co lại, thì cũng còn một nỗi phiền hà không sao tránh được: ấy là sự thiếu hoà hợp, trạng thái tâm lý phải ép buộc phải giữ kẽ, mất tự nhiên. Giờ đây, khi mỗi gia đình đã trở thành

một đơn vị kinh tế, xã hội khép kín, có tập quán văn hoá riêng, một cá thể bên ngoài nhập vào chẳng khác gì một chi tiết khác lạ này lắp ghép vào một cơ thể kia, miễn dịch học đã chứng tỏ, nó sẽ bị chối bỏ, đẩy ra. Cứ xem cái cách xây cất, rào giậu cổng ngõ của các căn hộ gia đình ở thành phố những năm gần đây thì biết, ngoài lý do an ninh ra, các gia đình còn muốn công khai bày tỏ khuynh hướng biệt lập, riêng rẽ của mình. Nhưng mà, ừ thì cứ cho là đúng như vậy, thì chả lẽ, với một người là ruột thịt thân thiết, và chỉ là làm khách vắng lai dăm bữa nửa tháng, lại không thể nhặng đi chút ít cá tính mà thực hiện sự hoà đồng? Dễ người dễ, khó người khó ta, chẳng đã từng có lời chỉ bảo đó rồi hay sao! May mắn, xoá mờ đi cái đối trá của sự ứng xử theo chữ lễ mà nhờ ở sự hồn nhiên của cái Thuý. Thuý quán lấy bác nó, tự nhiên và gắn bó như cùng chung một mệnh hệ. Theo tử vi, nó chung lá số với bác nó. Lại thế! Nó trở thành cái cầu nối kéo mọi người lại gần nhau, giảm bớt đi sự căng thẳng ngấm ngấm. Hai bác cháu chả mấy lúc trở thành hai người bạn vong niên. Hai người như hình với bóng, như chập làm một, chia sẻ hết mọi niềm vui, nỗi uẩn khúc cho nhau. Lắm khi Thuý nghiêm trang như một người lớn tuổi. Và bác nó lại giống như một cô học trò ngoan, rất lễ độ.

- Cứ gì phải biết làm ruộng mới thi vào đại học nông nghiệp, hả cháu? Mới lại, làm ruộng cũng chả khó đâu. Một lần trò chuyện, bác Thảo nói - Hồi mới về nông thôn cái gì bác cũng lạ. Trông thấy con trâu nghênh sừng cũng hãi.

- Thế tại sao lại ở thành phố, bác lại về nhà quê

- À... chuyện ấy thì dài lắm. Nhân nha rồi bác kể. Dung mờ... chẳng qua cũng là cái duyên, cái số... Gì thế, cháu?

- Bác nói, giọng nó khang khác thế nào ấy. Trời bác ấy nói là giỏi. Sợ bác nói là hãi. Nhưng mà bác nói là dung mờ.

Bảo bác nói là bầu.

- Ăn nước ở đâu nói giọng ở đó mờ, cháu.

- Bác Thảo này, thế lần này lên đây, bác phải ở thật lâu cơ!

Người phụ nữ ngẩng lên, ngỡ ngàng trước yêu cầu của đứa cháu gái. Thuý tiếp:

- Bác ở đây cháu thích lắm.

- Dừng mờ...

- Không! Bác cứ phải ở đây thật lâu cơ. Để cháu làm cho bác trẻ ra. Để bác không nói dừng mờ nữa. Bố cháu bảo: Hồi trẻ, bác xinh nhất trường nữ học đấy. Có đúng không? Nén một hơi thở như ghim giữ bầu tâm sự đang ú trùn, bà chị gái Đoan cúi xuống, mắt chớp chớp, đầy vẻ nhẫn nhịn.

Vợ Đoan lúc ấy đang ở trong buồng, như thừa cơ, nói hắt ra:

- Bác Thảo đừng có nghe cái Thuý. Nó lười lắm. Có bác ở đây, có người trông nhà, nấu cơm để nó tha hồ chơi nhón đấy.

Thuý xịu mặt:

- Đâu mà!

Bác Thảo rầu rầu:

- Cháu nó vẫn nấu cơm đấy, mợ ạ. Tôi làm gì nó cũng không cho làm. Với lại, dạo này tôi mệt mỗi quá, có động tay động chân, nhúc nhắc được việc gì đâu.

Bác Thảo quả là không được khoẻ. Một buổi đi làm về, Đoan thấy bà chị mình nằm co quắp, tay ôm đầu, trên cái đi văng ở buồng khách. Hỏi, chị nói nhức đầu lắm, cậu mợ với cháu cứ ăn cơm đi, tôi không ăn.

Vợ Đoan lừ mắt:

- Vông vang gì, chỉ về! Bà ấy uống ba viên thuốc ngủ mê-pro-ba-mát đấy. Đoan giật thót:

- Thuốc ngủ nào! Thuốc ở đâu mà uống?

- Ở trong ngăn bàn của ông em trai chứ ở đâu. Lục lợi từ buồng trong đến buồng ngoài. Tủ nào, ngăn kéo nào cũng tìm chìa khoá mở bằng được.

- Lạ thật

- Chả vu oan đâu. Đây là có đánh dấu hấn hoi - Hếch ngược hai con mắt một mí vốn đã xéch chéo, vợ Đoan lên con tức tối dường như bất thần, vô lý. Tham con diếc, tiếc con rõ. Thấy dầu cao là xoa lấy xoa để. Thấy thuốc là nhét vào mồm luôn. Trưa nay về, đưa vi me-prô-ba-mát ra hỏi: "Mợ ơi, đây có phải là thuốc an thần?". Thật là có răng răng nhai, chẳng có răng lợi gặm, không sai miếng nào!

- Trời ơi! Sao bây giờ mới báo!

Vợ Đoan ném toạch đôi đũa xuống mâm nghiêng răng:

- Ông cáu cái gì với tôi - Và đứng phất dậy, quát con:

- Thuý! Mày có xót xa cho máu mỡ ruột thịt nhà mày thì lấy bát đi mua cháo tim gan về cho bác mày ăn đi!

Đoan nín giận, bỏ dở bữa cơm, đỡ bà chị dậy, cho bà uống mấy cốc nước chanh giải độc.

Thời tiết chuyển sang đông giá cùng với bầu không khí u ám, nhiễm độc trong gia đình. Vợ Đoan về đến nhà, không đã thúng đựng nia, móc máy gần xa thì cũng làm li một khối nặng chịch. Xét cho cùng, lòng tham vì sự thiếu thốn thường xuyên và sự sùng bái đồ hàng của người chị đã nông thôn hoá và thói xóc móc quá quắt của vợ Đoan đều là đáng trách, vừa có thể và cần phải thế tất. Khổ thay, Đoan phải nhập vai môn đệ của học thuyết nhị nguyên. Được lòng đất, mất lòng trời, anh cứ lơ lửng con cá vàng, loay hoay không biết sử lý các mối liên hệ sao cho phải. Vì trong thâm tâm chẳng nở trách cứ một ai nào. Nhất là lúc này đây, sau hơn một tháng đau đầu, mất ngủ, bà chị gái Đoan rơi vào cơn đau yếu liệt bệt. Túc ngực, khó thở. Nhức nhối xương cốt. Hâm hâm sốt. Chân run, tay ê mỏi. Bữa cơm, ép cũng chỉ vài thìa cháo gọi là. Ôm đau bao giờ chẳng gây phiền. Người thân cũng vậy thôi. Thuốc men. Đun nấu. Nâng giấc, săn sóc, hầu hạ, hỏi han. Mệt nhọc và tốn kém là không tránh được. Mà hai mặt này, trong đời sống chỉ số an toàn quá kém cõi hiện thời, đã quá dư thừa rồi. Tuy vậy, sự sai lệch nhịp điệu sống và nỗi ám ảnh lo ngại mới thực sự gây ra tâm trạng day dứt, bất ổn cho mọi người, nhất là vợ Đoan. "Bà ấy ôm đau quá gì! Chẳng qua thấy ông em giàu có quá nên nằm ăn vạ chơi thế thôi! Ở nhà quê mấy khi được cơm bưng nước rót vậy!" Đoan đã nghiêng răng để khỏi kêu trời, vì ý tưởng hằn học độc đáo ấy của vợ Đoan.

Chao ôi! Người vợ thân yêu của Đoan. Đoan hiểu ý. Ừ thì y cứ tần tiện, thu vén. Y cứ bo bo, bồm bồm. Y cứ duy lợi

triệt để đi. Ích kỷ hơn nữa đi cũng được! Chứ y không nên, không thể cạn tài ráo máng, mất tinh mất nghĩa, phũ phàng tàn tệ như thế. Sao y lại có thể quái ác đến nỗi thế? Hay đó là trạng thái bệnh lý và hậu quả của một cơn ám thị nặng nề y mới nhiễm phải gần đây?

Một lần nữa, cái Thuý bé nhỏ lại giữ vai trò cân bằng, san phẳng. Không một lời phàn nàn, không một cử chỉ sơ xuất, cần mẫn và tràn đầy tinh thần trách nhiệm, nó đóng trọn vẹn vai cô hộ lý, người cấp dưỡng, người cháu gái tận tụy săn sóc bác gái nó. Trong khi Đoàn lo chữa chạy bằng tây y cho bà chị, thì nó hết ngày này qua ngày khác, hết lá vông, rồi lại xoa bóp dẫn dờ chân tay mình mẩy cho người bệnh ruột thịt. Đặc biệt, trước mọi điều trị tiết cay nghiệt bác gái của mẹ nó, nó chỉ độc một câu bác bỏ rất ngây thơ, nhưng vững tin và không sao bắt bẻ được: "Đâu mà!".

- Mà y thì biết cái gì mà động mớ mồm là đâu mà! Đêm ngủ say như chết, mà có biết bà ấy nói mê những gì không?

- Bác ấy kể cho con nghe hết rồi!

- Hết rồi! Để đêm nay, tôi đánh thức cả nhà cho mà biết.

Đoan hiểu, nhưng không ngờ, ngay đêm đó bị vợ lay gọi:

- Dậy! Dậy mà xem bà chị ông la hét, không lại bảo tôi vu oan đặt điều. Trong cái màn cá nhân cũ mỏng là thân hình lép kẹp của một bà già với những lóng xương chấp nôi hờ hững... hoàn toàn không còn sinh khí, đang bị rung lắc trong cơn nhập đồng khốn khổ. Mặt bà hắt lên, xác xơ, hao kiệt. .. Cái miệng méo xệch với cái lưỡi lúc bị đẩy ra, khi bị kéo vào liên tục phát ra những tiếng nói đứt nối, hụt hẫng như bị thắt nghẹn, rất khó đoán định.

Đoan đặt tay lên mảnh xương vai gầy gò của bà chị, khe khẽ gọi. Người phụ nữ ngoẹo đầu, đánh rơi đôi tay trên ngực xuống chiếu, rên một hơi dài, nghèn nghẹn:

- Ở ờ... xoan của ông trông thì ông cứ chặt. Nhà ông xây, tú ông sắm thì ông چرا phá... ở ờ... con bê nữa, cũng bán nốt đi. Ôi giời... đánh hử? ừ, đánh đi! Cứ tưởng là, giờ cháy nhà mới rõ nhé... Giời ơi! Khổ thân tôi, cả nê nê cay đắng nhịn nhục bao nhiêu năm thế này...

Kẻ nhận ra nỗi đau đời thâm sâu sắc nhất, qua lời kêu than rời rạc nó, biết được sự thật bi đát ở phía sau vài lời sơ sài nọ, chính là Thuý. Nó ngồi ở giường ôm mặt thút thít khóc và run rẩy cũng còn vì giấc mê dự báo hồi nào.

Vợ Đoan cầm cái quạt nan phẩy muỗi, chui vào nằm hể hả:

- Đã thấy chưa! Hữu nhân, nhân mọc. Vô nhân, nhân trảm. Có sao thì mới ra nông nổi ấy chứ?

ooo

Trưa hôm sau, hệ quả của tất cả xung đột ngầm ngầm mới thực sự có dịp bộc lộ. Vợ Đoan đi làm về, đèo một bì gạo hơn chục cân sau xe đạp. Y giữ xe ngoài sân, hai gò má cao đỏ bừng, mắt xéch nháng nước, nhìn vào nhà, dỏng dáo:

- Thuý đâu! Ra đem gạo vào. Trút vào thùng cho khéo không lại rơi vãi. Gạo lên hai trăm rồi đấy, không phải là cứ xúc đầy nôi, ăn cho sướng mồm, nói cho sướng miệng là được đâu!

Nhận ra ngay vẻ gậy sự của câu nói, Đoan đi ra, nhẹ nhàng bảo vợ:

- Nói khẽ một tí, mẹ Thuý à.

Gạt cái chân chống xe đánh cách, vợ Đoan trừng mắt:

- A, cảm đoán cả lời ăn tiếng nói à? Được đấy. Nhưng sao không biết bịt mồm kẻ khác?

Đoan chưa hiểu được ý nghĩa của câu nói sau, nhưng vội hạ giọng, nín nhịn. - Thông cảm một tí, mẹ Thuý. Bác ấy vật vã cả sáng nay, mới chợp mắt được một lúc.

- Thế tôi mò hôi mò kê nhẽ nhại, sấp ngửa cả ngày để kiểm bát gạo thì muốn thế nào được thế ấy, hả?

- Người ta đang lúc đau ốm. Vì tình vì nghĩa nên...

- Tình nghĩa! Tình nghĩa gì cái kẻ bòn nơi khó bện, đãi nơi quần hồng, cái quân ngậm máu phun người.

Nhận ra một ý tứ cay nghiệt khác lạ. Đoan sùng sốt:

- Mẹ Thuý nói thế là thế nào?

- Có thế mà không hiểu à!

- Đừng nên suy luận không có căn cứ.

- Không căn cứ! Một giọt máu đào còn hơn ao nước lã kia. Có đúng không? Khác màu thì tanh lòng, người xưa bảo vậy đấy, có biết không?

Đoan choáng vàng, mu mơ:

- Chuyện gì mà vòng vèo, quá đáng vậy!

Vợ Đoan nguây mặt, quyết liệt:

- Chả quá đáng gì sất. Tôi không thể chịu được nữa. Bà ấy ở đây thì tôi đi! Tôi đi! Để hai chị em ông sống với nhau!

Rõ ràng là câu chuyện đã vượt ra khỏi tất cả những đoán định của Đoan rồi. Đoan nhăn nhó:

- Mẹ Thuý đừng có giận quá hoá mất khôn.

- Tôi không thích dính với ai cả!

- Sao?

- Tôi không thích dính với ai cả. Nghe rõ chưa?

- Sao lại thế?

- Thế là thế chứ sao nữa? Muốn vắn vẹo hả?

Mặt vợ Đoan cheo hai vết sắt lém. Hàm răng không đều đặn, trán nổi của y nhe ra như định cắt xé. Chưa bao giờ khuôn mặt có đôi lông mày cao, hai con mắt một mí và cái chóp mũi cao sang vốn đẹp và đặc sắc, hiếm có của y, có một vẻ nung nấu, đáo đẽ đến thế.

- Ông có biết là chị ông đặt điều cho tôi thế nào không? - Vợ Đoan bỏ chiếc xe đạp, xắn thẳng đến trước mặt Đoan. Môi bậm lại rồi mở ra, y nhả từng chữ tưởng như đã tuyển chọn hết sức kỹ càng vào mặt Đoan đang há hốc miệng vì kinh sợ: - Bà ấy bảo: mẹ cái Thuý, tức là tôi đây này, trông mặt không ra người Việt Nam ta. Mà họ Trương của tôi cũng không phải họ người gốc Việt ta. Cung cách ăn ở càng giống người ngoại lai. Ông biết thừa là hồi ấy ta đang có chuyện rắc rối với bên ngoài chứ. Bà ấy muốn bảo tôi là

kẻ địch. Bà ấy muốn giết tôi. Giết tôi mà không guom giáo! Không tin ông cứ đi hỏi khắp các nhà hàng xóm xem! Bà ấy muốn giết tôi! Phải nhớ rằng người ta sống còn vì tiếng tăm, danh dự nữa nhé!

Trong buồng, bỗng có tiếng con Thuý vừa bê bì gạo vào lo to thảng thốt - Ô kia, bác Thảo. Bác ngủ đi chứ! Bác ngồi dậy làm gì!

ooo

Áp lực tâm lý nặng nề, nhưng sức chịu đựng của con người cũng thật ghê gớm. Bà chị Đoan không hề biểu lộ một phản ứng chống trả nào đáng gọi là có, trước con thịnh nộ công khai và cay cú của người em dâu. Người đàn bà ấy chưa suy kiệt cảm nhận. Chưa trở nên trai lì do đời sống cơ khổ quá mức huỷ diệt hết cả xúc cảm. Nhưng, bà yên lặng đến mức khó hiểu. Dưới cái vẻ bề ngoài thản nhiên ấy là sự nhẫn nhịn của kẻ yếu nhược? Hay bà giả đờ không biết, còn trong bụng thì hết sức khinh nhờn kẻ đắc thế dương vậy, ngoác mồm? Ra câu chuyện này lại là như vậy. Nhưng lẽ nào lại có thể đến như vậy? Và bà chị gái Đoan thực sự là kẻ đã gieo rắc mối nghi ngờ trong thâm tâm - Trời ơi, mấy chục năm qua, sự cạnh tranh của đời sống khốc liệt đến mức nào mà cả những con người hiền lành, thân thuộc với nhau cũng không thoát thói quen thường trước là phải xoi mói lẫn nhau, phải tìm ra sự khác biệt để đối lập nhau, trái ngược hẳn với đời sống hoà đồng vốn dĩ - nên bây giờ bà há miệng mắc quai?

Sáng hôm sau, trời lạnh dưới mười độ. Bà chị gái Đoan dậy sớm hơn thường lệ. Như có phép lạ, bà bứt ra khỏi con ốm đau. Bà tự gắp chân mần và sau khi rửa mặt chải đầu tinh tươm, ngồi bên mép giường, tay ôm cái túi xách trước bụng, như có ý đợi chờ.

Thuý bung mâm cơm lên, thấy bác gái vậy, liền thất thanh:

- Bác Thảo! Bác định đi đâu?

Người đàn bà giở đây đã thành nửa tỉnh nửa quê nhìn cháu gái và vợ chồng Đoan mới từ bếp đi lên, khe khẽ:

- Cháu Thuý, cậu mợ ăn cơm đi. Tôi hẳn còn no.

Đoan hiểu ngay rằng, sau đây là một cuộc chia lìa, một cuộc chia lìa hết sức lặng lẽ và đau đớn. Đoan kêu ập úng:

- Gì thì chị cũng phải ăn bát cơm đã...

Vợ Đoan cầm lặng ngòai đánh nôi cơm, rồi bỗng đứng dậy, đi ra sân hỷ mũi. Quay vào, y buồng quơ như là vô tâm:

- Thuý hôm nay đi học về sớm nấu cơm, mẹ có việc.

Y buồng lửng câu nói vì nghẹn đắng. Trong y vừa xuất hiện một khoảng trống vắng quá lớn. Hay rút cục y nhận ra cái đối tượng mà y tập trung trút niềm căm giận chỉ là một bà già ốm o, xơ xác thảm hại và cái lý do để y gom giữ hận thù trong lòng bấy nay chỉ là một thứ trò vè ngớ ngẩn do kẻ khác bày đặt ra và bà chị chồng y cũng chỉ là một nạn nhân khốn khổ!

Những sâu kín hoàn toàn không phải lộ ở phần nổi của gương mặt. Mặt bà chị gái Đoan hốc hác, vô cảm. Bà đưa mắt nhìn Thuý, giọng tự nhiên đến không ngờ:

- À bác dặn Thuý: hai con gà mái sắp nhảy ổ rồi. Kiểm cái rá cũ, lót ít rơm, đặt lên mặt chuồng cho nó cháu nhé.

Chóng thể, mới ngày nào lên chơi với cậu mợ, rồi ốm đau nhọc mệt, tính đến hôm nay đã là hai tháng mười ngày rồi.

Đoan ngẩng lên, thở dòn:

- Chị định đi đâu, chị Thảo? Còn ốm yếu thế, không đi được đâu!

Thúy sà đến, giật tay bác gái:

- Ú ừ, cháu không cho bác đi đâu đâu!
- Bác phải về quê. Về còn đi cấy vụ xuân chứ. Thúy!
- Đâu mà! Bác nói dối cháu.

Người bác đưa tay vuốt tóc cháu gái, miệng nhoẻn cười, mà mắt rung rung. - Bác đi chơi thể là lâu quá rồi. Giờ phải đi làm chứ cháu.

Vợ Đoan bỏ mâm cơm, đi ra hiên, với cái khăn lau mặt. Bỏ vai cháu gái, người đàn bà lần túi, tìm cái khăn chấm khe mắt, rồi bỗng cất tiếng khan re:

- Thôi, cậu mợ và cháu để tôi đi. Có ở lại cũng sốt ruột lắm. Lên chơi, thăm mộ ông bà, thấy cậu, mợ, cháu Thúy mạnh khoẻ, tiến bộ là mừng rồi. ở nhà quê, mờ ở đâu cũng vậy thôi, khổ cực là điều... Tôi không nói hơn nói kém... Thật tình sống với nhau, có lúc không phải. Nó cũng là vì... Ở kìa Thúy để bác đi...!

Đoan đứng dậy, nhìn theo Thúy vừa ôm cái túi xách của bác nó chạy vào buồng.

- Thúy, cho túi của bác vào tủ, khoá lại. Chị Thảo chị chưa đi được! Em và nhà em chưa cho chị đi đâu!

Ngoài hiên, vợ Đoan áp cái khăn mặt ướt vào mặt, đứng im, không một lời.

ooo

Thức thòm, trưa đó, Đoan đáp xe về nhà trước giờ tan tầm. Bước vào nhà, anh nhận ra vợ anh cũng đã về, cái Thuý cũng bỏ dở buổi học. Hai mẹ con đang ngồi lặng trên đi văng.

Đoan hiểu ngay: bà chị gái anh đã bỏ đi rồi!

Lặng lẽ anh ngồi xuống cạnh cái Thuý thì nó bỗng như bật lên, quay sang mẹ nó nức nở:

- Mẹ chẳng hiểu gì cả! Mẹ tưởng bác ấy sung sướng lắm à? Bác ấy chẳng thiết sống nữa đâu. Bác giai ở nhà, cờ bạc, rượu chè, nợ nần bê tha, bán hết đồ đạc, cửa nhà rồi. Hai người bỏ nhau rồi. Con cái cũng mỗi người một nơi rồi. Bác ấy lên đây, định đi ở, đi trông con cho người ta đây. Sao mẹ nữ lòng nào mà như thế!

Vợ Đoan, như cái bóng, lầm lũi đi vào buồng.

Cả tháng sau đó, y như biến thành một người khác, ít nói hẳn đi. Nhiều lúc y ngỡ ngác, bản thân, mặt như có khối ám. Gia đình có ba người ai cũng bị dày vò nên rời rạc, lẻ loi đến lạ. Cái Thuý thì gần như cách ly với mẹ nó. Còn Đoan, vẫn là cái sinh thể đứng giữa các sự chia cách. Biết nói thế nào với vợ và con? Chuyện còn đó để lại những ám ảnh thật nặng nề. Ruột thịt mà thích biệt lập không muốn có quan hệ với nhau, thì thật là trái tự nhiên quá thể. Đau đốn quá cái hiện trạng này.

Từ năm đó, bà chị gái Đoàn không bao giờ trở lại với gia đình Đoàn nữa. Các cuộc hội tổ định kỳ kết thúc. Nhưng cái Thuý thi thoảng vẫn gặp bác nó trong cơn mê hãi hùng. Còn Đoàn, Đoàn không nguôi thương nhớ người chị gái của mình. Nhớ đến chị, may mắn, ký ức Đoàn vẫn in đậm khung cảnh khoảng trời cuối thu lồng lộng gió heo may, tràn trề làn sáng phản quan niềm vui mùa màng. Đoàn vẫn nhớ đến hình ảnh người phụ nữ đẹp duyên dáng, hoà hợp bản ngã, với bản sắc đồng quê như một thực tế mệnh mông, và cảm nhận được niềm hạnh phúc lớn lao khôn lường. Những ngày đẹp như ngọc ngà, sao mà hiếm hoi thế trong đời người.

1991

Trong bài *Nhà giáo, nhà văn Ma Văn Kháng*, Nguyễn Ngọc Thiện có nhận định:

Ma Văn Kháng, có thể nói, đã là một gạch nối, tiếp sau Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Nam Cao, ông là nhà giáo – nhà văn của thế hệ mới, để lại một mảng tác phẩm gây ấn tượng sâu sắc, có sức hấp dẫn lâu bền đối với người đọc – từ những hình tượng nhân vật giàu sức biểu hiện và khái quát cao về ngành giáo dục qua những thăng trầm của lịch sử dân tộc, vẫn rạng rỡ những nét đẹp trong nhân cách kẻ sĩ nơi Người Thầy khả kính!

Tài liệu tham khảo:

- Ma Văn Kháng Web: www.goodreads.com
- *Heo may gió lộng* Web: lmvn.com



11. Lê Lựu



Lê Lựu (1942-20)

Nhà văn Lê Lựu sinh ngày 12 tháng 12 năm 1942. Quê quán thôn Mãn Hoà, xã Tân Châu, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

Năm 1959, nhà văn Lê Lựu nhập ngũ vào Quân khu ba làm báo, đến đầu thập kỷ 70 ông chuyển về tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1974).

Bắt đầu từ năm 1987, nhà thơ Kevin Bowen, Giám đốc Giám đốc Trung tâm William Joiner (WJC) đã chủ trương mời nhà văn Việt Nam đi sang Mỹ để giới thiệu và giao lưu với Trung tâm, được tổ chức tại thành phố Boston vào năm 1988. Nhà văn Lê Lựu kể lại: *“Tôi không dự định gì cả mà cứ liều mà đi. Tiếng Anh tôi không biết, vé máy bay tôi không có. Khi có vé rồi, lên máy bay thì nó bay đi đâu, hạ sân bay nào mình cũng chả biết luôn. Anh Lê Mai mách nước cho tôi: “Bí quá thì ông cứ nói “help me!” (giúp tôi) thế nào cũng có người giúp!”*. Tôi nghe lời anh Lê Mai cứ

cầm vé nói “help me! help me!”... Khi máy bay hạ cánh, gặp một nhân viên của hãng hàng không Boeing tôi lại “help me!”. Người nhân viên này giúp tôi gọi điện cho anh Kevin sau đó anh ta bảo tôi cứ ngồi chờ rồi có người đến đón. Được hỏi lâu, có một anh tên là Minh, người Việt Nam gọi điện lại hỏi tôi có phải là Lê Lựu không? Tôi được một người bạn bảo anh đi Mỹ chơi và tôi có nhiệm vụ phải hướng dẫn cho anh khi đi lại ở Mỹ. Thế rồi anh ta hướng dẫn tôi về Boston bằng cách bảo tôi ra cửa số 2 ngồi chờ chuyến bay tiếp theo để về Boston. Lúc đó mới 8 giờ sáng và tôi cứ hết đứng lên ngồi xuống, hết ăn bánh mì lại uống nước khoáng, vạ vật chờ đến 9 giờ tối để lên máy bay.”

Ông đã nghỉ hưu với cấp bậc đại tá, chuyển sang làm Giám đốc trung tâm văn hoá doanh nhân từ năm 2002.

Về đời tư, ông có 2 đời vợ, 3 người con. Nhưng cả hai vợ đều đã ly dị, hiện ông sống cô đơn ở Hà Nội.

Nhà văn Lê Lựu nhận được các giải thưởng:

- Giải nhì cuộc thi truyện ngắn báo Văn nghệ năm 1967 - 1968 với tác phẩm *Người cầm súng*.
- Giải A Hội Nhà văn Việt Nam 1990 với tác phẩm *Thời xa vắng*.
- Giải nhất cuộc thi 1970 -1971 do Bộ lao động thương binh xã hội – Bộ văn hóa – Hội Nhà văn tổ chức với tác phẩm *Người về đồng cỏ*.
- Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật đợt I năm 2001

Tác phẩm:

- *Người cầm súng* (truyện ngắn, 1970)
- *Phía mặt trời* (truyện ngắn, 1972)

- *Đánh trận núi con chuột* (truyện dài thiếu nhi, 1976)
- *Campuchia một câu hỏi lớn* (truyện ngắn, 1986)
- *Mặt trận của người lính* (truyện ngắn, 1986)
- *Đồng bằng chiến sĩ* (truyện ký, 1980)
- *Mở rừng* (Tiểu thuyết, 1977)
- *Ranh giới* (Tiểu thuyết, 1977)
- *Ở phía sau anh* (Tiểu thuyết, 1980)
- *Thời xa vắng* (Tiểu thuyết, 1986)
- *Đại tá không biết đùa* (Tiểu thuyết, 1990)
- *Chuyện làng cuội* (Tiểu thuyết, 1993)
- *Sóng ở đáy sông* (Tiểu thuyết, 1994)
- *Hai nhà* (Tiểu thuyết, 2000)
- *Thời loạn* (Tiểu thuyết, 2009)
- *Chuyện quê ngày ấy* (Tiểu thuyết, 2010)

Trích văn:

Thời xa vắng

(Tóm tắt cốt truyện: Cuộc sống của cậu bé Sài, từ 12 tuổi phải lấy Tuyết làm vợ, đến khi đi bộ đội và vào B chiến đấu. Sau 11 năm ở chiến trường ra, Sài được ly dị vợ, anh vội vã cưới Châu. Sau năm năm chung sống, có hai đứa con, anh lại phải ly hôn.)

Chương 13

Phần Kết

Hương bản thân giữa căn phòng lần đầu tiên cô mới bước tới. Không ngờ nó lại đến mức này. Một ngôi nhà hai gian của làng Hạ Vị làm kho chứa phân đạm, đến khi hợp tác lên cấp cao toàn xã, người ta dỡ ngói để trơ lại những hàng dui mè như hai bàn tay xương xẩu áp vào nhau chống trên những bức tường đầy hình hài và những chữ nghêch ngoạc thô tục bằng than và gạch non. Sau ba tháng ”tìm hiểu“ tình

hình ở huyện Sài về Hạ Vị với tư cách là trưởng ban thanh tra nhân dân của huyện về điều tra, xử lý những đơn tố giác của quần chúng. Anh đã mượn xã ngôi nhà kho này mua ra và mía lợp lên trên. Nó được ngăn đôi bởi một tấm "Tăng" bằng ni lông. Gian bên phải là chỗ của anh với chiếc giường cá nhân, một chiếc màn căng quanh năm. Nửa ở phía trong đặt chiếc hòm vừa bằng cái va ly và chạn đựng bát. Cả hai thứ đều do thằng cháu con anh cả kỳ cách đóng cho chú. Khuất sau chạn và hòm là "bếp". Gian bên trái có một chiếc bàn và bốn chiếc ghế vuông với bốn cái chén và siêu nước sôi để nguội. Chiếc điều cày để gác đầu lên miệng hộp bằng tôn vuông, dài như một hòm sớ. Đây là nơi tiếp khách, "Tiếp dân". Sài nói với các anh chị và mọi người rằng anh ở như thế cho tiện việc tiếp xúc vì công việc của anh cần phải được giữ kín. Nhưng thực chất của nó là anh không muốn nhờ vả, lệ thuộc vào các anh, các chị, hoặc bất cứ người bà con thân thích nào. Những gì mình có thể chịu đựng hoặc tự lo được thì phải cố. Sáu tháng sau thôi chức trưởng ban thanh tra, vẫn ăn lương chuyên viên một, anh được điều làm chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp Hạ Vị. Chỉ trừ khi bận rộn quá, phải nhờ gửi, nếu không, tháng nào anh cũng lên Hà Nội một lần thăm con và mang một nửa lương, kèm theo gạo mới hoặc đỗ, lạc, bánh, kẹo, hoặc quần áo, giày tất cho chúng. Khi trở về lại ăn ngủ ở gian nhà kho ấy. Gần ba năm rồi, Hạ Vị đã như từ một nơi nào khác bung đến đặt ở đất này. Xã được hình thành như một chữ "Tê in" hơi lệch một chút. Cái gạch ngang trên đầu là con đê bồi đắp cao to như đê chính, được viền bằng những bụi tre đang lên xanh. Phía ngoài tre là hàng chuối tây, hàng nghìn cây đều bị những buồng vít cong xuống. Ngoài nó là lạc. Cả bãi bồi mênh mông màu xanh đậm xôn xao cả lá lạc, phải ngồi lên máy bay chuồn chuồn mới nhìn thấy chiều dài của nó. Viền sát loi nước, chỗ doi đất bồi, thêm hàng năm là khoai lang. Chỉ trừ ba

tháng mùa mưa lũ còn cái vòm xanh dây khoai ấy có cả quanh năm.

Thân chữ ”Tê“ là con đường từ đê bồi vào đê chính hơn bốn cây số nó cũng cao to, đủ cho hai chiếc xe tải tránh nhau. Đứng từ đê quai nhìn vào con đê chính, phía bên trái là cánh đồng cao rộng gần gấp đôi phía đồng trũng. Đồng cao chuyên canh cây đậu nành do tiến sĩ di truyền học Phan Tân cùng những đồng nghiệp của ông là chỗ quen biết của Sài về giúp vụ đầu. Đến nay nó đã mang ký hiệu khoa học ĐC5. Loại ĐC5 này chỉ thấy quả lúc liu lẩn lóc quanh thân mà không thấy lá. Hàng chục héc ta đậu nành mới hai vụ đã cho tổng sản lượng hàng trăm tấn. Phía bên này đường là kho, ao thả cá, trại chăn nuôi bò, lợn, và hai mươi ba lò gạch, mười tổ làm đậu phụ. Tất cả tạo thành một chu trình khép kín: Đậu nành làm thành đậu phụ. Lợn ăn bã đậu và lá khoai lang. Bò ăn lạc và thân dây lang cùng với cỏ. Phân bò bón lá, phân các loại khác bón ruộng. Các nhà máy, công trường, cơ quan mua đậu phụ, lạc, thịt bò và cá thì phải cung cấp gạo, than, vôi, xi măng, sắt và những thứ khác. Hạ Vị đã ăn ba bữa cơm bằng gạo với cá hoặc đậu hoặc thịt. Xã có đài truyền thanh, đèn điện, nhà văn hoá, nhà trẻ, trường cấp hai đều được xây dựng hai tầng. Chủ nhiệm Sài cũng đã trúng ủy viên thường vụ của huyện nhưng vẫn ở ngôi nhà kho hai gian vốn là nơi chứa phân đạm ở đầu thôn Hạ Vị, ngoảnh mặt ra cánh đồng lạc cạnh đường. Mấy năm nay, Hương về thăm mẹ cũng qua thăm Sài, nhưng anh đều đưa chị về uống nước ở nhà anh Tính hoặc gặp nhau ở ban quản trị rồi, vừa ra bến đò vừa nói chuyện. Mỗi lần về qua làng Hạ Vị đỡ làm lộ và lại ngơ ngác trước sự trôi lên một phong cảnh mới lạ. Không nhìn hết nét mặt của những người dân, không nghe hết lời thì thầm háo hức của họ, chị đã biết người làm nên sự phấn chấn ấy và ngậm hường một niềm vui pha lẫn chút chua xót. Chị không thể ngờ rằng anh lại ăn ở như để tự đầy đọa mình thế này. Hương cũng như

anh Tính, chú Hà, anh Hiếu và những người thân khác nhìn thấy mỗi thay đổi ở làng Hạ Vị lại bớt được nỗi lo vì cái quyết định xin trở về quê hương của Sài mà ai cũng cho là anh đã quần trí đâm ra liều. Trưa nay khi anh đang báo cáo với đoàn tham quan và các báo chí, Tiến ở dưới nói chuyện riêng với Hương.

- Chị thấy không, anh ấy khỏe, trẻ ra rất nhiều so với những năm trước. Ăn nên làm ra nó cũng có khác.

- Căn bản là được các anh ủng hộ.

- Thì trước khi anh ấy về tôi có phản đối ai ở làng này có ý định thay đổi cách làm ăn cho nó giàu có lên đâu. Căn bản đồng đất này anh ấy thuộc. Tình cảm và tính nết của những con người vùng này anh ấy cũng thuộc. Thuộc nó, lại đau đầu đau lo nghĩ cho nó bằng tất cả sự hiểu biết và tấm lòng của mình thì ”ăn“ thôi.

Hương tủm tỉm:

- Có những việc đau đầu lo cho nó mà vẫn hồng đấy thôi.

Anh bí thư huyện ủy trẻ tuổi và hóm hỉnh này biết người tình của bạn mình định nói gì, anh cười gật đầu phản đối:

- Dù không hiểu anh ấy bằng chị, nhưng tôi cũng biết anh ấy đau đầu đau lo nghĩ và tất bật khổ sở chấp vá những cái anh ấy không có để cho nó phù hợp, cho vừa ý người vợ vốn rất khác biệt với anh về mọi phương diện. Tôi rất đồng ý với anh ấy nói với các nhà báo sáng nay là: ”Tôi mong các nơi khác đừng học gì ở chỗ chúng tôi. Những điều tôi kể lại cung cách làm ăn cũng như những bản tuyên truyền có đôi chỗ ”phóng đại“ của các anh chỉ như một sự gợi ý để mỗi nơi ngẫm nghĩ về đồng đất của mình, sức lực mình, vốn

liếng mình, trình độ mình, tâm tư tình cảm của dân mình thì nên làm ăn cách nào cho hợp, cho kết quả. Cứ ồn lên, thấy ai có cái gì cũng hay, cũng bắt dân làm bằng được như nơi này rồi lại phá đi làm bằng được như nơi khác, hôm nay bảo làm ai không làm là kẻ chống phá, ngày mai bảo phá, ai không phá lại là kẻ phản động. Suốt đời trong làng có ”địch“ và dân đói khổ mà năm nào cũng ”hơn hẳn“, ”vượt xa“ những năm trước. Tôi rất sợ sau đây làng nào cũng trồng lạc với đỗ tương, có khi cả vùng chiêm trũng cũng trồng rồi sau này mất mùa phá đi lại chửi chúng tôi là những thằng nói khoác“.

Nghe bí thư kể lại chuyện đó Hương thấy một cái gì đó như là niềm kiêu hãnh dâng khắp người. Chị khen

- Tôi nghĩ cũng may có anh, anh Sài mới làm việc được.

- Ngược lại. Nếu không có anh ấy về đây, bằng cuộc đời lận đận của mình để tôi nhìn ra cái gì mình có, với chính mình thì có lẽ tôi đã hô cả huyện làm theo cái khuôn mẫu ở xã của chị phía trong đê: tất cả phải trồng hai vụ lúa và một vụ khoai tây.

- Nhưng dù sao là cấp trên anh vẫn nhìn rõ hơn.

Tiến hóm hỉnh:

- Chết ở chỗ đã là cấp trên không bao giờ chịu thua cấp dưới nên có lần quá nửa số xã bị đói mà huyện thì vẫn ”trăm phần trăm“ no để tỉnh khỏi chê cười trách cứ. Đến khi bí quá lên tỉnh kêu xin gạo về cứu tế thì lại bảo xã nó không nắm hết dân tình.

Bằng buổi nói chuyện riêng, rất ”mất trật tự“ của bí thư với mình Hương thấy không thể nào bỏ đi khi đoàn tham quan

của các cơ quan trung ương lên xe trở về. Sài đi tiễn họ và bảo chị: "Em vào nhà chờ anh một chút". Chị đã ngẩn ngơ đi vào "căn phòng" anh chỉ. Gập lại quần áo, quét tước, sắp đặt xong cho cái "ổ chuột" ngăn nắp lại và nghe đũa con gái của Tính kể "sự tích" gian nhà này xong, cháu đã về mà Sài vẫn chưa quay lại. Chị sốt ruột vì trời đã sập xuống chị vẫn chưa về được. Sài hấp tấp trở lại. Nhìn về sốt ruột của chị anh trách:

- Sao em đã có vẻ cuồng lên thế?

- Em sợ lắm. Thôi đưa em về một đoạn đi.

Sài không nói gì. Chị biết anh buồn trước những cử chỉ của mình. Nhưng biết làm thế nào! Cái tình của tuổi bốn mươi không thể bốc nóng ngùn ngụt lên mặt và máu chảy rình rịch khắp cơ thể như năm mươi bảy, mười tám để nó có đủ sức mạnh đi tới liêu lĩnh, bất chấp cả một đời chỉ cốt có một phút giây, trời đất lúc ấy cũng là nhỏ, chỉ có hai người là vũ trụ mệnh mang. Còn bây giờ! Không thấp đèn lên, không đứng ở giữa sân, dù hai người vẫn cách nhau mà cùng ở trong nhà, nhờ ai đi ngang qua biết được, họ sẽ đánh giá tư cách, sẽ có lời ồn ào bàn tán hại uy tín của cả hai người. Cái bóng đêm đã tạo nên sự run rẩy trong nỗi hoảng sợ khiến Hương bước thẳng ra giữa sân chờ Sài hút xong điếu thuốc lòn rồi khoá cửa đưa chị đi. Hương mừng rỡ bao nhiêu, Sài càng lặng đi bấy nhiêu. Nỗi cô đơn không có người chia sẻ, nói đúng ra anh chỉ cần có Hương nhưng chị lại "lịch sự" với anh như một người bạn tốt bụng.

Hai người đi đã cách làng khá xa vẫn không nói gì. Hương đành phải lên tiếng:

- Anh giận em đấy à?

- Không.

- Thì cười đi em xem nào.

- Em muốn anh làm thằng hề à?

Đến bây giờ thì Hương lại không thể nói được gì nữa. Có bao giờ chị đùa bỡn với tình cảm của hai người mà anh lại nói ra điều ấy.

- Anh xin lỗi.

Thấy im lặng, đi mươi bước nữa, anh sát lại.

- Nhiều lúc buồn, nhớ em quá mà em lần nào gặp anh cũng chỉ ban phát cho anh được vài câu nói rồi lại vội vã hốt hoảng ra đi. Còn anh... bây giờ...

Hai người chững lại, Hương vẫn lặng lẽ như lắng nghe.

- Có giận anh nữa không?

Cái đầu hơi ngả vào cánh tay anh lắc nhẹ.

- Mở mắt ra nhìn anh một chút nào.

Dường như có hai vòm sáng rất lung linh vừa rào lên cái ánh sáng diệu kỳ khiến anh phải giữ lấy nó, như nuốt nó vào trong lồng ngực đang dồn dập của mình.

- Hay chúng mình về với nhau đi em.

- Không được.

Giá đừng êm nhẹ và nũng nịu, đừng vuốt vuốt mái tóc và đừng gài lại chiếc cúc áo quân phục cho anh, em cứ ”không được“ một cách cáu giận hoặc bằng bất cứ một cử chỉ nào đó ”giết“ ngay tức khắc niềm hy vọng bột phát của anh thì còn dễ chịu hơn sự vuốt ve chồn vờn: hãy cố chịu đựng. Tuổi chúng mình không thể liều lĩnh được nữa đâu. Thôi khuya rồi, chúng mình chia tay nhau. Chịu khó nghe lời em đi.

Và, trước đó em đã nói những gì? Anh đã đau đớn về sự chia ly rồi. Lại xé đôi sự ổn định, dù nó là chấp vá của cuộc đời em thì làm sao có thể bù đắp được cho anh. Xoá bỏ sự cộc cạch này để chấp vá với sự cộc cạch khác là đánh lừa nhau, được cái gì.

Không! Em biết. Ngày xưa thì được. Vì thế mãi mãi chúng mình phải giữ gìn nó. Còn bây giờ làm gì còn thì giờ để hẹn hò chờ đợi nhau nữa. Đừng buồn.

Dù bằng tất cả những lời lẽ rất có lý, những tình cảm chân thành của Hương bắt anh phải chấp nhận, nhưng đi quay về một mình giữa lạnh lẽo của đêm trăng cuối tháng, anh vẫn cảm thấy những cơn gió như ào ạt ùa vào cái cơ thể dường như rỗng rênh của mình. Anh bước đi rộn rạo giữa mênh mang vắng lạnh. Mãi khi gần về đến làng nghe tiếng vượt đất vào quá ở thung đầu và tiếng khuôn đóng móc vang lên bì bạch ở ngay bên đường anh mới như choàng tỉnh nhìn sang phía cánh đồng trũng.

Cả hai mươi ba lò gạch đều rục rỏ nổ nứt từ dưới lên trên về phía làng những tổ làm đậu phụ vẫn sáng đèn. Anh nhớ là cả hai ngành sản xuất này họ đang làm ca ba, cái cung cách làm việc tự anh đặt ra cho nó và chính nó đã giúp anh những đêm trằn trọc mất ngủ vùng dậy đến chỗ đốt lò, làm gạch và các tổ gói đậu phụ xem xét, chuyện trò với họ. Để

rồi sáng ra lại xì xụp bát óc đậu, làm tượu rượu, nhón mấy viên lạc, người thấy khoan khoái thêm. Ai cũng bảo anh khoẻ ra. Có lẽ nó bắt đầu từ những ngày anh trở về với vùng đất quen thuộc của mình dù nó còn ngổn ngang bừa bộn nhưng nó là chỗ của anh, của chính cái làng Hạ Vị này.

- 0 -

Trong bài *Tiểu thuyết Lê Lựu thời kỳ đổi mới*, Đỗ Hải Ninh đã có nhận định: *Bằng những thay đổi trong quan niệm về hiện thực và con người cũng như những nỗ lực trong sáng tạo nghệ thuật, tiểu thuyết Lê Lựu đã góp phần đổi mới tiểu thuyết Việt Nam đương đại, trở thành một "gương mặt" riêng trong bức tranh đa dạng của văn xuôi. Bảo Ninh, một nhà văn thuộc thế hệ cầm bút kế tiếp đã khẳng định: "Cánh cửa mà nhà văn Lê Lựu đã mở ra cho tiểu thuyết thời Đổi Mới tuy rằng đã cũ nhưng mà vẫn vô cùng mới đối với các nhà văn lứa kế sau ông. Những quan niệm về tiểu thuyết có thể đúc rút được từ Thời xa vắng cũng không lạ thường gì song với những người viết văn trẻ tuổi hôm đó thì vẫn có tác dụng gần như sự bùng tỉnh". Nhìn lại chặng đường văn học hai mươi năm qua, chúng ta có thể khẳng định những đóng góp đáng kể đó của Lê Lựu đối với tiểu thuyết Việt Nam.*

Tài liệu tham khảo:

- Lê Lựu Web: vannghequandoi.com.vn
- *Thời xa vắng* Web: truyendochay.khung.mobi



12. Trần Đăng Khoa



Trần Đăng Khoa (1958-20)

Trần Đăng Khoa sinh ngày 24 tháng 4 năm 1958, tại làng Trục Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Từ nhỏ, ông đã được nhiều người cho là thần đồng thơ văn. Lên 8 tuổi, ông đã có thơ được đăng báo. Năm 1968, khi mới 10 tuổi, tập thơ đầu tiên của ông *Từ góc sân nhà em*, được nhà xuất bản Kim Đồng xuất bản, tập thơ tiếp theo là *Góc sân và khoảng trời*, được tái bản khoảng 30 lần, được dịch và xuất bản tại nhiều nước. Có lẽ tác phẩm nhiều người biết đến nhất của ông là bài thơ "*Hạt gạo làng ta*", sáng tác năm 1968, được thi sĩ Xuân Diệu hiệu đính, sau được nhạc sĩ Trần Việt Bính phổ nhạc năm 1971.

Ông cũng được biết đến nhiều với câu chuyện khi mới hơn 10 tuổi đã đề nghị đổi câu thơ "*Đường ta đi rộng thênh thang tám thước*" thành "*Đường ta rộng thênh thang ta bước*" trong bài thơ *Ta đi tới* của nhà thơ nổi tiếng thời bấy giờ là Tố Hữu.

Trần Đăng Khoa nhập ngũ ngày 26 tháng 2 năm 1975 khi

đang học lớp 10/10 tại trường phổ thông cấp 3 Nam Sách, quân số tại Tiểu đoàn 691 Trung đoàn 2 Quân tăng cường Hải Hưng.

Sau năm 1975, việc bổ sung quân cho chiến trường không còn cần thiết nữa, ông được bổ sung về quân chủng hải quân. Sau đó ông theo học Trường Việt văn Nguyễn Du và được cử sang học tại Viện Văn học Thế giới M. Gorki thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Nga. Khi trở về nước ông làm biên tập viên Văn nghệ quân đội.

Ngày 3-2-1982, năm ông 24, Trần Đăng Khoa được kết nạp Đảng tại đảo Trường Sa, ngày 21-3-2012, tại 58 Quán Sứ (Hà Nội), Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc Đài TNVN Nguyễn Đăng Tiến đã trao "Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng" cho nhà thơ, nhà báo Trần Đăng Khoa, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Đài Tiếng nói Việt Nam.

Từ tháng 6 năm 2004, khi đã mang quân hàm thượng tá Quân đội nhân dân Việt Nam, ông chuyển sang công tác tại Đài tiếng nói Việt Nam, giữ chức Phó Trưởng Ban Văn học Nghệ thuật, sau đó là Trưởng Ban Văn học Nghệ thuật Đài Tiếng nói Việt Nam.

Năm 2008, khi Đài tiếng nói Việt Nam thành lập Hệ phát thanh có hình VOVTV, ông được phân công làm Giám đốc đầu tiên của hệ này. Đến khoảng giữa năm 2011, chức vụ này được chuyển giao cho ông Vũ Hải - Phó Tổng Giám đốc của Đài kiêm nhiệm. Hiện nay, ông là Phó Bí thư Đảng Ủy Đài Tiếng nói Việt Nam VOV.

Ông được các giải thưởng:

- Giải thưởng thơ của báo *Thiếu niên Tiền phong* các năm 1968, 1969, 1971.

- Giải nhất báo *Văn nghệ* năm 1982
- Giải thưởng Nhà nước năm 2000.
- Giải thưởng Sunthorn Phu (1786-1855), trao cho các nhà thơ Đông Nam Á có những cống hiến xuất sắc trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, ngày 26-6-2013 tại Thái Lan.

Tác phẩm:

- *Từ góc sân nhà em* (1968)
- *Góc sân và khoảng trời* (tập thơ, 1968)
- *Khúc hát người anh hùng* (trường ca, 1974)
- *Bên cửa sổ máy bay* (tập thơ, 1986)
- *Chân dung và đối thoại* (tiểu luận phê bình, Thanh niên, 1998)
- *Đảo chìm* (tập truyện - ký, năm 2009 đã tái bản 25 lần)

Trích văn:

Chuyện của người thu mua giấy vụn

Tặng cô bé Lê Huyền Dương

Dung là cô gái quê. Tôi gặp cô trong quán cơm bụi bên hè đường ngõ phố tôi ở. Cứ như lời cô thì ở quê khổ lắm. Làm được một đồng cũng rất vất vả. Người ta thuê thằng em trai cô lấy bùn đổ vào gốc chuối. Một lần lặn xuống đáy ao, xúc lên hai gàu bùn, chạy tiếp một quãng nữa mới tới được vườn chuối. Mỗi chuyến với hai gàu bùn đầy ngất mới được một trăm đồng, bằng nửa chén trà ở quán nước hè phố. Cũng không thể trách ông chủ vườn quá ke bo. Một buồng chuối to vật của ông ta có gánh ra chợ bán cũng khó kiếm được chục ngàn bạc. Thế thì ông ta cũng có tiền đâu mà hảo tâm xới lời với người được thuê chăm bẵm khu vườn.

Dung bỏ quê lên thành phố kiếm sống. Thoạt đầu cô bán rau. Ba giờ sáng ra đón rau ở các vùng ngoại ô chuyển vào, rồi mang đi bán rong. Cô chỉ nhặt đầu chợ, bán cuối chợ. Thế mà ngày cũng kiếm được hơn chục ngàn. Chỉ khổ những lúc gặp phải công an. Mỗi lần như thế là lại chạy toé khói. Mà chạy cũng chẳng thoát. Có hôm cô còn bị phạt mất hai chục ngàn bạc. Thế là toi đứt cả vốn lẫn lãi.

Dung bỏ nghề bán rau, chuyển sang thu mua giấy vụn. Cũng theo lời cô, thu mua sách báo và giấy vụn đỡ vất vả hơn nhiều, lại có tiếng là người góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch đẹp của thành phố. Dung lần lên tận tầng năm nhà tôi:

- Gớm, cháu cứ phải hỏi thăm mãi. - Dung vừa nói vừa thở hỏn hển. - Chú ở cao quá. Nhà chon von như tổ chim chào mào. Đi cứ hun hút như lên sao Hỏa. Khiếp! Cháu mệt tưởng đứt hơi. Chú có nhiều giấy loại không? Cháu đoán là chú có nhiều giấy loại lắm. Nhà vẫn là những người chuyên sản xuất giấy lộn mà!

Nhà tôi không có nhiều giấy lộn. Nhưng sách báo cũ thì vô thiên lủng. Tháng nào tôi cũng phải bỏ ra vài trăm ngàn mua sách báo. Làm cái nghề này cứ phải đọc. Đọc rất nhiều. Có khi chỉ viết mươi dòng về một tác giả nào đó, tôi phải đọc đến hàng ngàn trang sách của anh ta. Có nhiều cuốn thú vị. Nhưng cũng không ít cuốn chẳng có cái thú gì để mà đọc cả. Báo chí cũng thế. Những bài nào hay, những chi tiết nào giá trị có thể sử dụng cho một bài viết nào đó thì “quét” vào vi tính, lưu lại. Còn những cuốn sách, những tờ báo không thể đọc lại được thì xếp gọn vào một chỗ riêng. Tôi cho Dung hàng đồng sách báo như thế, không lấy tiền. Nhưng Dung đâu phải kẻ ăn xin. Bù vào số tiền chừng mấy chục ngàn mà tôi không lấy, Dung dọn dẹp nhà cửa cho tôi. Cô lau nhà, dọn bếp, lau khu vệ sinh và ban-công. Cũng coi như bằng số

tiền tôi thuê người đến dọn nhà. Thế là cả hai đều thanh toán sòng phẳng, chẳng ai phải nợ ai. Dung muốn có sự thanh thản của người không bị mắc nợ. Cứ thế rồi thành lệ. Tuần nào vào sáng chủ nhật, Dung cũng đến nhà tôi dọn dẹp nhà cửa, rồi mang theo một gánh sách báo..

Thế rồi bỗng đi một thời gian dài, không thấy Dung trở lại. Tôi tưởng cô ốm đau hay có chuyện gì đó phải về quê. Bởi thế tôi vẫn có ý chờ. Nhưng rồi cả tháng sau không thấy. Hàng nửa năm sau nữa cũng vẫn không thấy. Tôi đã mất dần thói quen vào các tối thứ bảy chọn sẵn sách báo cho cô. Rồi tôi cũng quên dần cô gái. Cho đến một hôm...

Bữa đó, tôi đi dự đám cưới một người bạn về thì có tiếng gọi rói rít. Tôi dừng xe.

- Chú không nhận ra cháu ư? Dung đây mà!

Quả là nếu cô không xưng danh thì tôi khó lòng mà nhận ra được. Dung phổng phao hơn. Trắng trẻo. Tóc nhuộm một Hàn Quốc. Xinh. Thoáng trông, cô như người mẫu thời trang. Không ai nghĩ mấy tháng trước cô còn là gái quê, lại làm nghề thu mua giấy vụn. Cô mời tôi vào nhà. Một căn hộ tầng hai xinh xắn ở một khu tập thể lùi sâu trong ngõ. Nội thất cũng đầy đủ. Xa-lông. Ti-vi. Tủ lạnh. Giàn Sony nội địa. Chỉ thiếu mỗi cái điện thoại nữa là thành một căn nhà hoàn chỉnh. Vậy mà cô lại bảo cô ở nhờ nhà một người bạn ở xóm Liễu. Hoá ra cô vẫn giả vờ “hoàn cảnh” để lừa tôi từ bấy lâu nay. Con người ta bây giờ thật khó tin quá. Ngay cả một cô gái quê cũng rất láu cá...

- Này, chú hỏi thật nhé. Sự thực thì cháu làm ở đâu? - Tôi hỏi.

Dung cười rất hồn nhiên:

- Cháu làm gì có nghề nghiệp. Vẫn đi thu mua giấy vụn mà...

- Thu mua giấy vụn sao không qua chú?

- Nhà chú đằng ấy xa quá. 5 tầng, nhưng thực chất là mười tầng. Leo mỏi cả chân. Mà nhà chú nếu có giấy vụn thì cũng chỉ là giấy vụn thôi. Cháu chuyển sang vùng khác thu mua rồi. Vùng khác hay hơn nhiều. Chú không tin à? Cháu mới tậu được căn hộ này đây!

Tôi ngạc nhiên:

- Thu gom giấy vụn mà tậu được nhà?

- *Vong*. Cháu thu gom giấy vụn thật đấy!

Thấy tôi vẫn có vẻ không tin, Dung mới tiết lộ rằng, có một lần, cô đến một biệt thự thu mua giấy báo cũ. Cô chỉ gặp mỗi bà chủ nhà. Cứ như lời cô thì bà chủ tốt lắm.

- Vâng, bà ấy tốt cực kỳ. Tốt y như chú ấy. - Dung khoe. - Bà cho cháu một đồng báo cũ không lấy tiền. Cháu định dọn nhà giúp, nhưng bà ấy không khiến. Nhà đã có đến mấy Ô-sin rồi. Khi cháu ra công, bà còn chạy theo, dúm cho mấy tờ lịch. Mà toàn lịch cũ chưa mở. “Lịch một tờ ấy mà. - Bà bảo: - Ai treo cái đồ thô tả ấy làm gì. Mà mang về mà dán chuồng gà”. Quả là với căn nhà sang trọng ấy, không thể treo loại lịch phong phanh một tờ như thế này được. Loại lịch đó, chỉ có thể treo ở xó nhà quê. Mà nhà quê người ta cũng chẳng treo, vì đã quá hạn rồi. Có chăng là cắt riêng ảnh ra, dán lên tường thay tranh. Thế mà về mở ra, chú biết trong lịch có gì không? ối giờ đất ơi! Tiền, toàn là tiền đô-la chú ạ. Nhiều lắm. Thế mà bà chủ chẳng biết gì cả. Bà cứ tưởng mấy cuốn lịch vớ vẩn. Cả đời cháu chưa bao giờ nhìn thấy

loại tiền ấy, nên thoát đầu, cháu lại tưởng tiền âm phủ. Nhưng tiền âm phủ thì việc gì phải bí mật nhét vào ruột cuốn lịch. Mà nhét rất cẩn thận. Cháu chốt dạ, mang một tờ ra phổ hỏi thì có bà đã trả ngay một triệu tư. Cháu sợ quá, thu hết tiền lại, định mang trả. Nhưng rồi tìm không ra nhà. Cháu chỉ nhớ mang máng nhà bốn tầng, bên ngoài có cổng sắt. Từ cổng vào lại có rất nhiều chậu hoa. Thế mà rồi chịu, không tìm ra được. Bữa đó, tình cờ cháu đi qua cổng, rồi bà ấy gọi vào, nên không để ý kỹ. Cháu định mang tiền nộp công an. Nhưng rồi lại sợ. Cháu sợ các chú ấy nghi cháu buôn kê-rô-in. Chỉ buôn kê-rô-in mới có lắm tiền như thế chứ. Mà nếu các chú ấy tin cháu, lại nghi ngờ bà ấy, thì cũng khổ cho bà ấy quá. Bà ấy làm phúc mà rồi lại phải tội. Bây giờ người ta đang chống tham nhũng mà. Cháu nghĩ thế nên thôi.

Ngừng một lát, cô bé hỏi:

- Thế chú vẫn ở trên tầng năm cao chót vót ấy à? ừ, mà viết văn, viết báo như chú thì làm sao mà xuống tầng được. Cũng như bố cháu ấy. Bố cháu là bác sĩ bệnh viện huyện. Nghèo lắm. Bố cháu mổ dạ dày cấp cứu, tiền thù lao không bằng tiền vá một cái săm xe máy. Thế hay là chú chuyên nghề đi, cháu sẽ giúp chú!..

- Cháu định giúp chú làm gì?

- Cháu rủ chú đi thu mua giấy vụn với cháu. Sao chú lại cười? Chú đừng coi thường nghề thu gom giấy vụn nhé. Loạng quạng chỉ vớ được vài quả như cháu là chú đổi đời đấy!..

(7.2000)

Trích thơ:

Đánh thức trâu

April3

*Trâu trâu trâu trâu
Mây làm chúa tao
Tao làm chúa mây
Tao không hái ngày
Thì tao hái đêm*

(Câu hát của bà em)

*Đã ngủ rồi hả trâu
Tao đã đi ngủ đâu
Mà trâu mây đã ngủ
Bà tao vừa đến đó
Muốn có mấy lá trâu
Tao không phải ai đâu
Đánh thức mây để hái!*

*Trâu ơi, hãy tỉnh lại
Mở mắt xanh ra nào
Lá nào muốn cho tao
Thì mây chìa ra nhé
Tay tao hái rất nhẹ
Không làm mây đau đâu...*

*Đã dậy chưa hả trâu?
Tao hái vài lá nhé
Cho bà và cho mẹ
Đừng lụi đi trâu ơi!*

(1966)

Hạt gạo làng ta

July14

*Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi đắng cay...*

*Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy...*

*Hạt gạo làng ta
Những năm bom Mỹ
Trút trên mái nhà
Những năm cây súng
Theo người đi xa
Những năm băng đạn
Vàng như lúa đồng
Bát cơm mùa gặt
Thơm hào giao thông...*

*Hạt gạo làng ta
Có công các bạn
Sớm nào chống hạn*

*Vực mả miệng gàu
Trưa nào bắt sâu
Lúa cao rất mặt
Chiều nào gánh phân
Quang trành quét đất*

*Hạt gạo làng ta
Gửi ra tiền tuyến
Gửi về phương xa
Em vui em hát
Hạt vàng làng ta...*

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Nguyễn Việt Bính phổ nhạc thành nhạc phẩm cùng tên.

Trăng sáng sân nhà em

October26

*Ông trăng tròn sáng tỏ
Soi rõ sân nhà em
Trăng khuya sáng hơn đèn
Ơi ông trăng sáng tỏ
Soi rõ sân nhà em...*

*Hàng cây cau lặng đứng
Hàng cây chuối đứng im
Con chim quên không kêu
Con sâu quên không kêu
Chỉ có trăng sáng tỏ
Soi rõ sân nhà em
Trăng khuya sáng hơn đèn
Ơi ông trăng sáng tỏ
Soi rõ sân nhà em...*

HUỶNH ÁI TÔNG

Khi mẹ vắng nhà

October 26

*Khi mẹ vắng nhà, em luộc khoai
Khi mẹ vắng nhà, em cùng chị giã gạo
Khi mẹ vắng nhà, em thổi cơm
Khi mẹ vắng nhà, em nhổ cỏ vườn
Khi mẹ vắng nhà, em quét sân và quét cống*

*Sớm mẹ về, thấy khoai đã chín
Buổi mẹ về, gạo đã trắng tinh
Trưa mẹ về, cơm dẻo và ngon
Chiều mẹ về, cỏ đã quang vườn
Tối mẹ về, cống nhà sạch sẽ*

*Mẹ bảo em: Đạo này ngoan thế!
- Không mẹ ơi! Con chưa ngoan đâu
Áo mẹ mưa bạc màu
Đầu mẹ nắng cháy tóc
Mẹ ngày đêm khó nhọc
Con chưa ngoan, chưa ngoan!*

Nghe thầy đọc thơ

March 31

*Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà
Mái chèo nghiêng mặt sông xa
Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa
Nghe trăng thở động tàu dừa
Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời...*

*Đêm nay thầy ở đâu rồi
Nhớ thầy, em lại lặng ngồi em nghe...*

Trên trang Blog [qtrang.th.dhsg](http://qtrang.th.dhsg.com) (qtrang.vnwebblogs.com), có nhận định về nhà thơ Trần Đăng Khoa:

"Thơ của ông không những làm say mê các em thiếu nhi mà ngay cả người lớn cũng rất thích thơ ông. Thơ ông được dịch và giới thiệu qua nhiều nước trên thế giới như Pháp, Đức, Cuba, Nga, Nhật Bản, Mỹ.... Trần Đăng Khoa trở thành một hiện tượng thơ đặc biệt của Việt Nam và cả thế giới. Hơn 40 năm qua, các tập thơ của ông đã được tái bản nhiều lần và luôn được các bạn nhỏ đón nhận nồng nhiệt. Ông cũng đã nhận được nhiều giải thưởng danh dự."

Tài liệu tham khảo:

- Trần Đăng Khoa Web: vi.wikipedia.org
- *Chuyện của người thu mua giấy vụn* Web: vietmessenger.com

Chương thứ ba

Nhà văn miền Nam tiếp tục sáng tác

Sau khi nhà cầm quyền miền Bắc chiến thắng được miền Nam, báo chí tư nhân bị đóng cửa, sách vở văn học miền Nam bị tịch thu, cấm tàng trữ, lưu hành văn hóa phẩm của miền Nam phát hành trước 30-4-1975, văn nghệ sĩ miền Nam bị bắt vào nhà giam trong vụ án Hồ con rùa, một số đi học tập cải tạo. Hiếu Chân, Dương Hùng Cường chết trong nhà tù, Nguyễn Mạnh Côn chết trong trại cải tạo, Hồ Hữu Tường chết trên đường từ trại cải tạo đưa về để trị bệnh.

Một số nhà văn hoặc tham gia vào các hoạt động bí mật của Cộng sản, hoặc có thành tích hoạt động cách mạng, hoặc có khuynh hướng theo Cộng sản như Huỳnh Bá Thành, Vũ Hạnh, Sơn Nam ..., họ được tiếp tục sáng tác.

1. Sơn Nam



Sơn Nam - Phạm Minh Tày (1926-2008)

Nhà văn Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tày, sinh tại làng Đông Thái, quận Gò Quao, tỉnh Rạch Giá, theo ông cho biết, đáng lý tên ông là Tài, nhưng chánh lục bộ của làng không rành chữ quốc ngữ, nên ghi sai là Tày.

Lúc nhỏ, ông học tiểu học tại quê nhà, sau theo học Trung Học tại Cần Thơ.

Năm 1945, cuộc cách mạng mùa Thu, cũng như hầu hết những thanh niên thời bấy giờ, ông tham gia phong trào Thanh Niên Tiền Phong, rồi theo kháng chiến, hoạt động trong vùng Rạch Giá, Long Xuyên. Trong thời gian này ông bắt đầu sáng tác, đã đoạt giải thưởng Cửu Long với truyện *Tây Đầu Đỏ* ở trong vùng kháng chiến.

Từ năm 1954, ông lên Sài Gòn sống bằng nghề viết văn. Năm 1955, ông viết những truyện ngắn đăng trong Nhân Loại Tạp San, về sau gom lại in chung trong *Hương Rừng Cà Mau* do nhà xuất bản Phù Sa ấn hành lần đầu tiên tại Sài Gòn, năm 1962.

Năm 1960-1961, Sơn Nam bị bắt giam ở Phú Lợi, Thủ Dầu Một (Bình Dương) là một trại giam những người hoạt động cho Cộng sản Bắc Việt. Năm 1972, ông lại bị chính quyền miền Nam bắt lần nữa vì có khuynh hướng thân Cộng.

Sau năm 1975, ông có bài viết đăng trên nhật báo Sài Gòn Giải Phóng, là cơ quan ngôn luận chính thức của đảng Cộng Sản Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, về sau, bài của ông đăng trên nhiều tờ báo, tạp chí khác, tên tuổi của ông trên các bài viết được nhiều người ưa thích. Ông là Hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam. Tác phẩm của ông được in ra từ khi có “đổi mới”.

Năm 2002, nhà xuất bản Trẻ mua toàn bộ bản quyền các tác phẩm của Sơn Nam là 1 tỉ đồng.

Ông mất ngày 13 tháng 8 năm 2008, tại thành phố Hồ Chí Minh, hưởng thọ 82 tuổi.

Nhà văn Sơn Nam viết truyện ngắn, tiểu thuyết, khảo cứu đăng trên các tạp chí như *Nhân Loại*, *Bách Khoa*, *Văn Hữu* ... các nhật báo *Tiếng Chuông*, *Lẽ Sống*... bối cảnh ông thường lấy ở vùng Rạch Giá, Long Xuyên; đề tài ông khi thác thuộc về dĩ vãng, đời sống, tạp quán của người miền Tây Nam Bộ như Hát bội, Hò đối đáp, câu sấu, bắt rắn ...

Những địa danh như Óc eo, Tà Lơn khiến cho người đọc liên tưởng tới nền văn minh Óc eo thuộc nước Phù Nam nay ở vùng Ba Thê, hay Tà Lơn thuộc vùng Bảy Núi.

Những địa danh khác như Cà Bâu Ngọt, Khoen Tà Lưng... làm cho người ta nghe lạ tai, thích thú vì đó là những địa danh của người Khmer còn sót lại ở Miền Tây rất nhiều như Chác Cà Đao (Hòa Bình Thạnh), Mặc Cần Dung

(Bình Hòa), Năng Gù (Bình Thủy) ở Long Xuyên hoặc Xoài Cá Nả, Bãi Xào ở Sóc Trăng ...

Mượn bối cảnh đồng quê, dùng địa danh của bình dân thường dùng, để gọi cho người đọc nhớ về dĩ vãng, đặt mình vào trong không khí nghe kể chuyện cổ tích, truyền kỳ, để xa rời thực tế để bị lôi cuốn nhập vào truyện của ông.

Nhân vật của Sơn Nam đều ngoài ba mươi, tuổi vừa năng động, tâm hồn vừa trầm tĩnh lại, đã trải qua ít nhiều kinh nghiệm cuộc đời.

Ông cũng viết nhiều tác phẩm nghiên cứu về văn minh miền Nam, về nhân vật về các di tích lịch sử, tác phẩm về loại này như: *Tìm Hiểu Đất Hậu Giang* (1960), *Nói Về Miền Nam* (1967), *Người Việt Có Dân Tộc Tính Không?* (1969), *Đồng Bằng Sông Cửu Long* (1970), *Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam* (1973) ... Mục đích của ông là muốn làm sống lại cuộc Nam tiến, khai quật quá khứ để tìm về cội nguồn của những người tiên phong đã sống và khai phá miền Nam, để thấy được công lao của tiền nhân, thấy được những yếu tố đã tạo thành cá tính người miền Nam: giản dị, nhân hậu và chân thực.

Sau này, ông Trần Đức Nghị con rể của Sơn Nam lập nhà lưu niệm Sơn Nam tại Ấp 4 xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho.

Tác phẩm:

- *Chuyện Xưa Tích Cũ* (2 tập, 1958)
- *Nguyễn Trung Trực: Anh hùng dân chài* (Phù Sa, 1959)
- *Tìm hiểu đất Hậu giang* (Phù Sa, 1960)
- *Hương rừng Cà Mau* (Phù Sa, 1962)

- *Chim quỳên xuống đất* (1963)
- *Hình bóng cũ* (1963)
- *Vọc nước giỡn trăng* (1965)
- *Hai cõi U Minh* (1965)
- *Nói về miền Nam* (1967)
- *Truyện ngắn của truyện ngắn* (1967)
- *Vạch một chân trời* (1968)
- *Xóm Bàu Láng* (1969)
- *Người Việt có dân tộc tính không ?* (1969)
- *Bà chúa Hòn* (1970)
- *Đồng bằng sông Cửu Long* (1970)
- *Trời nước bao la* (1970)
- *Thiên Địa Hội và cuộc minh tân* (1971)
- *Gốc cây - Cục đá và ngôi sao* (1973)
- *Lịch sử khẩn hoang miền Nam* (1973)
- *26 truyện ngắn* (1987)
- *Tục lệ ăn trộm* (1987)
- *Người Sài Gòn* (1990)
- *Gia Định xưa* (1990)
- *Bến Nghé xưa* (1991)
- *Theo chân người tình* (1991)
- *Một mảnh tình riêng* (1992)
- *Dạo chơi* (1994)
- *Hồi ký Sơn Nam* (2005)

Trích văn:

Cây huê xà

Cây huê xà là thứ cây gì? Hình dáng ra sao? Có thiệt hay là bịa đặt? Nó có lợi hay là có hại cho loài người? Bao nhiêu câu hỏi ấy dồn dập, lẫn quẩn trong trí tưởng Lợi hằng năm nay mà nó không tài nào trả lời nổi.

Cây huê xà vốn là vị thuốc chánh trong toa thuốc ngừa rắn

của ba nó. Nhờ đó mà đi đến đâu người ta đều khâm phục; ba nó nổi danh là thầy Hai Rắn. Được nổi danh là một chuyện khó vì lẽ ở vùng Rạch Giá, Cà Mau, thầy rắn xưa nay cũng nhiều người tài. Họ có thể cứu sống nạn nhơn, bảo đảm trăm phần trăm, nếu người bị cắn không để lâu quá hai giờ đồng hồ. Họ dùng toàn thuốc Nam để kiếm như gừng, cỏ ống, vôi, trầu, nhựa ông diều, trứng rệp... Họ lại còn dám nuôi trong nhà vài con rắn để bắt chuột. Lúc họ uống nước trà, rắn nằm vắt vẻo trên đôn đồng nhà, nhìn xuống gục gác đầu. Đêm nào có trăng thì rắn đi ngao du, lên tận trên đọt lá dừa để bắt chim trong ổ hoặc rình mổ mấy con dơi rượt muỗi bay qua chớp nhoáng. Ba thằng Lợi nổi danh hơn các thầy rắn vừa nói trên. Thuốc của ba nó vô viên sẵn, khỏi tốn thời giờ tìm kiếm. Thuốc ấy mạnh lắm, trừ tuyệt nọc, nghĩa là một hai năm sau đi nựa bệnh nhơn không cảm thấy nhức xương sống mỗi khi lập đông trở về. Phi thường nhưt là có toa thuốc khi thoa vào tay, rắn không bao giờ dám mổ.

Hồi mới xuống rạch Thuồng Luồng này, ba nó đã có lần thí nghiệm cho các thầy rắn trong xóm coi thử.

Ba nó - thầy Hai Rắn – loan tin:

- Tôi có bùa bắt rắn. Bùa này của Phật Thầy Tây An ở núi Sam truyền lại.

Ai nấy phản đối:

- Nói dóc! Chân ướt chân ráo mới tới xứ này mà không để cho người ta thương! Phật Thầy Tây An xưa kia bao giờ làm bùa bắt rắn. Ngài lo giữ mỗi giềng đạo lý, sao cho ai nấy ăn ngay ở phải, đừng vì tiền tài mà nói dóc với chúng sinh.

Mỉm cười, thầy Hai Rấn mời bà con đứng giờ Thìn sáng mai đến cây thị, trước miếu ông Tà. Cây thị này hồi năm ngoái bị trời đánh tét làm hai. Thiên hạ đồn rằng: Có điềm trời! không vậy sao trong ruột cây có cái bông đen ngòm. Dưới đáy bông, một đồng đất khô... Ngạc nhiên làm sao! Đất nhút nhích từng cục, một con rắn hổ ốm nhom vùng góc đầu lên cao, phùng mang chồm tới, giống hình cái bàn nạo. Rấn nhìn người chung quanh, hút gió rồi rúc xuống đất vụn để ẩn mình.

Sáng hôm đó, đứng giờ Thìn, thầy Hai Rấn lại gốc cây thị với mọi người. Lấy tay vỗ mạnh vào gốc cây, thầy nói:

- Ông xà ơi! Ra đây nói chuyện chơi.

Ai nẩy trở mắt, ngạc nhiên. Có tiếng hút gió như đáp lại rồi từ miệng bông cây, cái bàn nạo lần lần nhô lên.

Thầy Hai lấy tay vạch vòng tròn dưới đất, vỗ xuống mạnh:

- Tôi muốn mời ông xà lại đây, ngồi trong vòng này với tôi.

Rấn nọ bò xuống, men vào vòng đã vẽ. Thầy xòe tay ra, để cách miệng rắn chừng một tấc mà thét:

- Cấn thử coi!

Rấn không nhúc nhích.

Thầy thét lớn hơn:

- Ắp khẩu tay tôi nè! Cấn ngay đó thì tôi chết liền. Tôi đó ông dám cấn!

Ai nẩy phập phồng chờ đợi. Rấn cục cựa, thối lui, ngóng

mở lên cao, day qua day lại. Thầy Hai trợn mắt, đưa tay xít lại gần hơn nữa. Bỗng nhiên, rấn hút gió một tiếng rồi quay mình phóng vào bông cây, mất dạng.

Thầy đứng dậy, vắn điều thuốc. Vừa hút phi phà, thầy giảng rằng:

- Chém ruồi ai dụng grom vàng làm chi! Nói thiệt cho bà con thương, tôi đây cực chẳng đã mới ra nghề. Tôi biết trong số bà con đây có người tài giỏi hơn tôi nhưng giỏi về môn khác. Thứ bùa này ít ai biết... Lúc ban sơ, tôi dùng nhân lực để kêu rấn ra khỏi bông cây. Kế đó vẽ vòng tròn tức là tôi dùng thần lực. Đến khi chuyển qua thiên lực, rấn nọ phải chạy trốn chết... Nhân lực, thần lực, thiên lực, đó là ba chặng đường mà tôi đã trải qua. Phần đông, bà con mình xung là thầy nhưng chỉ mới bước tới nhơn lực. Tài của thầy Hai Rấn, ai lại chẳng phục. Ngặt thầy kiêu hãnh quá nên hôm đó không ai muốn thụ giáo, họ bực tức ra về. Trong số đó có Năm Điền là thầy rấn bấy lâu lừng danh ở xóm Thuồng Luồng này. Năm Điền cảm thấy bị sỉ nhục. Về nhà chú nằm suốt đêm không ngủ được, tâm trí bận rộn, cố nhớ lại mấy toa thuốc. Chú biết đây là một mưu mô của thầy Hai Rấn. Nhứt định thầy Hai có thoa vào tay một thứ thuốc đặc biệt. Ngửi nhằm mùi đó, rấn chịu không nổi, phải mờ mắt hoặc ê răng mà chạy trốn. Ăn cắp cái toa đó là diệu kế nhứt. Nghĩ vậy, chú sực nhớ tới con Lài, Đứa con gái khá nhan sắc của chú.

Bấy lâu nay, chú thường để ý: Thăng Lợi, con thầy Hai Rấn, thường bén mảng lại đây để trò chuyện với con Lài. Năm Điền bèn kêu đứa con gái vào:

- Lài à!

- Dạ.

Nhìn trước cửa thấy không có ai, chú nói nhỏ với con:

- Bấy lâu cha sống ở rạch rày cũng là nhờ nghề trị rắn. Bây giờ, thầy Hai Rắn tính đập bể nồi com của cha con mình!

Con Lài hỏi, ngây thơ:

- Sao vậy ba, người ta lạ, mới tới...

- Bởi vì nếu trời đã sanh Châu Do thì không có Gia Cát Lượng.

- Gia Cát Lượng là ai vậy ba?

Năm Điền đồ quạu:

- Không biết gì hết. Ngu quá! Mà biết thầy Hai Rắn là cha của ai không?

- Dạ... của anh Lợi.

- Thăng Lợi tới lui đây hoài. Điều đó ba biết hết. Ba nào cấm cản. Nó nói gì với con...

Con Lài bẽn lẽn:

- Ảnh nói muốn làm quen.

- Ủ! Ba nói thiệt với con, làm thân con gái phải giữ gìn thân thể. Không khéo, lỡ bề gì như nhục danh giá giòng họ. Con thương nó thì phải cho ba hay để bắt buộc nó thương con...

Con Lại buột miệng:

- Đùng ... Tội nghiệp người ta.

- Không sao đâu. chiều mai, con rử nó lại ăn cơm... Sẵn dịp ba mời nó uống rượu, thứ rượu “rắn giao đầu”.

Nghे đến rượu “rắn giao đầu”, con Lại liếc nhìn chai rượu thuốc để trên bàn thờ. Trong chai, ngâm hai con rắn mà ba nó lượm được hồi năm ngoái! Con rắn nước nuốt con rắn trun, có lẽ nuốt không vô nên hai con đều chết. Ba nó lượm đem về ngâm rượu.

Nó hỏi:

- Uống chết không ba? Con sợ quá.

- Gì mà sợ. Rượu đó làm cho trai với gái thương nhau như rắn. Uống vô, thằng Lợi không bao giờ bỏ con được. Trăm sự, nó đều thiệt tình. Con nhớ gạn hỏi nó một điều này mà thôi...

- Điều gì ba?

- Cái toa thuốc thoa vô tay mà rắn không cắn của ba nó xài hôm trước, đăng cây thị trước miếu ông Tà: Nhớ hỏi cho kỹ được. Bằng không, ba giết chết cả hai đứa như giết rắn. Từ nay hai đứa bây là hai con rắn... Vì chất rượu này...

oOo

Lá rụng ơi lá rụng!

Tùng chiếc lá tràn bay lả tả như bướm bướm mỗi cánh, đáp nhẹ xuống mặt nước từ trong ngọn rạch trôi dài ra.

Con Lài nhìn dòng nước uốn khúc qua voi, qua vịnh như con rắn bò, thứ rắn có khoang màu vàng, con rắn hổ sơn. Nó vum mặt lại để che cái hình ảnh đó. Nhưng nào được! Kia chiếc xuồng của thằng Lợi bơi lướt tới, vạch ra hai làn bọt nước lốm đốm trắng như con bạch hoa xà... Lập tức nó xuống bến, bơi theo, mãi đến khi xuồng thằng Lợi ghé bên bờ đìa, kế gốc cây bình bát.

Thằng Lợi day lại cười:

- Đi đâu vậy cô Hai... Rắn bông súng?

Con Lài sực nhìn chiếc áo có bông đang mặc.

Nó e thẹn, liếc thằng Lợi:

- Em giống như con rắn bông súng. Còn anh, áo đen mốc như con rắn hổ đất. Cười em làm chi.

- Rắn đâu dám cười rắn. Nó vừa nói vừa nắm tay con Lài.

Con Lài rút tay ra cho có lệ. Nó bước qua xuồng, nhả vào lòng thằng Lợi.

- Anh à!

- Cái gì đó, hờ rắn!

- Thiên hạ thấy, họ cười chết.

- Ai thấy mà cười? Chung quanh đây cái gì cũng là rắn như hai đứa mình. Thí dụ như mấy sợi dây choại, dây bông bong kia...

Con Lài gật đầu:

- Phải, dây choại, dây bông bong giống như rấn lục, nó xanh tươi. Còn đám cỏ bòn bòn đặng kia, nó dẹp lép quá thật là rấn lá... Nhánh củi khô, kể đó, anh thấy không anh Lợi?

- Nó là con rấn nẹp nía, da nó xù xì...

- Em suy nghĩ thấy sao kỳ quá, anh à. Rấn có thù oán gì với loài người, cứ sao loài người thù oán rấn. Như dây choại, cỏ bòn bòn, nhánh củi khô rất ích lợi cho con người.

Thằng Lợi vuốt mái tóc con Lài:

- Vậy nên rấn mới buồn bực trong lòng, tụ họp lại. Con rấn này tìm con rấn kia làm bạn với mình cho vui. Rấn với rấn thương nhau lắm.

- Nó có cắn nhau không anh?

- Đâu có. Mà nó cũng không muốn cắn loài người. Người nào biết điều thì rấn không cắn.

- Biết điều là sao?

- Là biết nói chuyện với rấn. Nói chuyện bằng hơi tay, thí dụ như ba của anh...

Con Lài cố giữ trầm tĩnh, biết rằng nãy giờ nó đã nói chuyện nhảm vì uống rượu rấn giao đầu, nhưng nó nhớ lời ba nó căn dặn...

- Hơi tay của ba anh có gì mà nói chuyện được. Anh có cái

hơi đó không? Tay anh đâu rồi.

Thằng Lợi xoa bay rồi đưa trước mặt con Lại?

- Phải có “ngải mọi”. Em biết thứ ngải đó không? Múc bột nó làm bánh ăn ngon lắm. Ăn bánh ngải rồi uống nước chanh, xong xuôi, nằm xuống hút một điếu á phiện với cái dọc tẩu làm bằng sừng “con dinh”.

Con Lại lắng nghe từng tiếng rồi hỏi tiếp:

- Hút á phiện rồi làm gì nữa?

- Rồi thì vợ chồng dắt tay nhau dạo kiếng, ngắm cái bông huê xà...

- Bông huê xà là thứ gì?

- Huê xà là huê xà. Ba của anh nói lại sau rớt.

Con Lại lẩm bẩm:

- Ngải mọi, nước chanh, á phiện, sừng dinh, huê xà. Toa này năm vị. Mình nhớ đủ hết.

o0o

Năm Điền với đứa con gái bỗng nhiên chết ngã lẩn tại nhà. Tin đó truyền ra nhanh chóng. Cả rạch Thuồng Luồng, ai nấy chung hứng. Máy ông thầy rắn xúm lại khám nghiệm rồi quả quyết:

- Chết vì rắn. Dấu răng rắn hổ. Chắc chắn có rắn hổ nuôi trong nhà, nó phản lại chủ.

Chờ cho thừa khách, thầy Hai Rắn tới, cầm bàn tay của hai nạn nhân nọ mà ngửi. Nước mắt của thầy bỗng dưng tuôn xuống. Chợt nhìn chai rượu thuốc “rắn giao đầu” trên bàn thờ, thầy lắc đầu, thở dài.

Đêm đó, thầy kêu thằng Lợi ra sân mà nói:

- Mai này cha phải đi. Con ở lại một mình. Cha buồn lắm. Họ dụ dỗ con để khám phá bí mật, cha biết vậy. Nhưng trăm sự cũng vì toa thuốc nọ thiếu cây huê xà nên không linh nghiệm. Cây đó khó kiếm lắm. Cha con Năm Điền tưởng là cha nói gạt chớ sự thật nó có: dây đó tròn bằng mút dũa, vẫn vện như da rắn. Phải tìm ở chót núi ông Cắm, tìm cả tháng mới gặp một cây. Con Lài chết, có lẽ vì Năm Điền không tin con gái nên cho rắn cắn nó trước. Chừng thấy con chết, y buồn quá nên tự tử theo, không muốn chuyện đổ bể ra e mất thể diện với bạn đồng nghề. Nghề rắn nó nghiệt như vậy đó!

Đêm sau thầy Hai Rắn trốn xóm riêng, trốn đưa con trai mà đi mất.

Còn thằng Lợi ở lại. Tội nghiệp biết chừng nào! Nó nào hiểu tại sao loài người bày đặt ra thuốc rượu “rắn giao đầu” để dụ dỗ lẫn nhau, trong khi cái tình yêu tự nhiên còn keo sơn hơn gấp mấy! Nó không hiểu sở dĩ ngày nay nó cô độc, vắng cha, vắng tình nhân như vậy chỉ vì mỗi ganh tị giữa hai người đồng nghề là cha nó với cha con Lài.

Nó thơ thẩn như mất hồn, khóc không ra nước mắt mỗi khi ra thăm nấm mộ của người tình xưa, thấy mấy dây rau muống bò lan bên cạnh.

Cây huê xà là gì? Có thiệt hay không? Lắm đêm, nó nằm chiêm bao thấy một thứ dây lốm đốm trắng mọc cheo leo ở

chót núi ông Cẩm, tiếp với trời xanh. Trên cảnh xa vời không như bọn đó, dây huê xà nhờn nhờn uốn éo với gió núi. Giữa lòng từng chiếc lá, hiển hiện kia trăm ngàn gương mặt của con Lài, tươi tắn, cười riêng với nó, trẻ mãi không già...

Son Nam chẳng những viết để sống, ông viết còn để tìm về cội nguồn, ông đã bỏ công đi đó, đi đây. Đi khắp đất nước ta, cuộc bộ quanh vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định để ghi dấu người xưa, để rong chơi tuổi già. Văn nghiệp của Son Nam đã làm nổi bật đất nước vùng cực Nam, từ ngữ rạch giọng miền Nam, về hai điểm này, ông hơn hẳn các nhà văn lớp trước như Hồ Biểu Chánh, Phi Vân.



Nhà Lưu niệm nhà văn Son Nam



Tài liệu tham khảo:

- Son Nam Web: vi.wikipedia.org
- Cây huê xà Web: vietmessenger.com

2. Vũ Hạnh



Vũ Hạnh - Nguyễn Đức Dũng (1926-20)

Vũ Hạnh tên thật là Nguyễn Đức Dũng, sinh năm 1926 tại xã Bình Nguyên, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, trong một gia đình nho học.

Học ở quê nhà (Thăng Bình) rồi Đà Nẵng, và Huế. Sống trong vùng kháng chiến Liên khu Năm cho đến Hiệp định Genève 1954.

Năm 1955, đấu tranh đòi hiệp thương hai miền Nam Bắc, bị chính quyền Diệm bắt giam ở nhà lao Thăng Bình rồi nhà lao Hội An.

Cuối năm 1956 được tự do, vào Sài Gòn dạy học ở trường Khai Trí tại Chợ Lớn, rồi viết văn, làm báo, cộng tác với Bách Khoa, Mai, Văn... Bút danh: Vũ Hạnh, Cô Phương Thảo, Nguyễn Phủ, Minh Hữu, Hoàng Thanh Kỳ, Hồng Cúc.

Năm 1961 chính quyền Diệm bắt lại nhưng nhờ báo chí can thiệp nên sớm được tự do. Năm 1967 đã tham gia “Lực lượng Bảo vệ Văn hoá Dân tộc.” được Linh mục Thanh Lãng Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam bảo lãnh ra khỏi nhà tù.

Vũ Hạnh là cán bộ văn hóa Khu ủy Sài Gòn - Gia Định, hoạt động công khai ở nội thành Sài Gòn, nấp dưới danh nghĩa giáo chức, hay nhà văn, được các đoàn thể này bảo lãnh, che chở.

Sau năm 1975, ông làm Tổng thư ký Hội Văn nghệ Thành phố HCM.

Tác phẩm:

- *Lửa Rừng* trên tuần báo *Mai* (1960)
- *Vượt Thác* (1963)
- *Mùa Xuân Trên Đỉnh Non Cao* (1964)
- *Chất Ngọc* (1964)
- *Ngôi Trường Đi Xuống* (1966)
- *Đọc Lại Truyện Kiều* (1966)
- *Tìm Hiểu Văn Nghệ* (1971)
- *Bút Máu* (1971)
- *Người Chồng Thời Đại* (1971)
- *Con Chó Hào Hùng* (1973)
- *Cô Gái Xà Riêng* (1973)
- *Những Người Còn Lại* (1974)
- *Ấn Tết với một người điên* (1985)
- *Cái tết khó quên* (1990)
- *Sông nước mênh mông* (1995)
- *Một chặng đường bút mực* (2000)

Trích văn:

Tìm Ngựa

Hồi đó, gần Tết Nhâm Ngọ, ông Thất Cừ ở kinh đô về cõi con ngựa ô tuyệt đẹp. Một tối ông ghé nghỉ lại quán trọ bên đường, sáng dậy thì con ngựa ông biến mất. Dò theo các dấu chân ngựa, ông Thất tìm đến một ngôi nhà nhỏ ven rừng. Ngôi nhà xác xơ cô độc, khiến ông nghĩ tới sào huyệt bọn cướp. Lúc đó, trời đã đứng bóng, ông Thất bụng đã đói mềm. Ông tới sát vách, ghé tai nghiêng mắt nhìn vào bên trong. Gian nhà trống trải, chỉ chiếc giường tre ọp ẹp trên đó một người nằm ngủ say vùi, tiếng ngáy kêu ồn như tiếng cưa gỗ. Ông Thất gọi cửa. Hồi lâu, người kia mới bừng tỉnh giấc. Dụi mắt, vươn vai, anh ta lão đảo bước ra, chống cửa mời ông Thất vào.

Ông Thất vội nói:

- Tôi đến đây làm phiền anh, là vì tôi mất con ngựa trong đêm vừa rồi.

Chủ nhà, một người gầy ốm, với đôi mắt sáng và chiếc miệng nhỏ nhìn xéo ông Thất mà không nói một tiếng nào.

Ông Thất lại tiếp:

- Kẻ đã sơ suất bị trộm lấy mất đồ vật phải chịu thiệt thòi. Đáng lẽ thì tôi không được quyền hỏi đến anh, nếu tôi không nhìn thấy dấu chân ngựa của tôi đi vào nhà này.

Người kia vẫn trầm ngâm một lúc lâu, rồi chậm chạp nói:

- Kể ra đôi mắt của ông khá tinh, nhìn ra dấu ngựa trên nửa ngày đường bụi cát không phải là chuyện dễ dàng. Vậy xin hỏi thiệt: bây giờ ông muốn thế nào?

Ông Thất đáp ngay:

- Muốn chuộc lại con ngựa ấy.

Người chủ nhà đáp:

- Chậm quá. Ngựa đã bán rồi.

- Bán ở nơi nào? Tôi sẽ tìm đến.

Người chủ nhà nhíu mày bảo:

- Ông có sẵn tiền nên mua ngựa khác mà dùng, chuộc làm gì thêm phiền phức.

- Nhưng đó là con ngựa quý, tôi đã nuôi lâu. Vật đã quen người, không thể nhất đán xa lìa mà không tìm cách thu hồi trở lại.

- Chắc là ông chưa ăn trưa?

- Thú thiệt là chưa. Quanh đây không tìm thấy quán xá nào.

- Còn ít com nguội và mắm để dành buổi chiều. Ông có thể ăn đỡ đói.

Chủ nhà lại xuống lúi húi dọn com. Ông Thất ngồi nhìn căn nhà vắng vẻ, trống trải, nghĩ ngợi lan man về người đã lấy trộm ngựa của mình. Nhưng quá đói lòng nên khi chủ nhà vừa bung com lên, ông không đợi mời tới tiếng thứ hai, cầm đũa ăn liền. Bữa com quá mức thanh đạm nhưng chưa bao giờ ông Thất ăn ngon như vậy. Uống một bát nước chè tươi để thêm no bụng, ông ngả lưng ra trên giường, gối đầu trên chiếc gối gỗ, lim dim tìm giấc ngủ trưa.

Thiếp được một giấc, và thấy đã bớt nhọc mệt của chuyến đi tìm vất vả từ sớm, ông bèn ngồi dậy. Chủ nhà ngồi im dưới đất, dựa lưng vào cột, phì phèo một điếu thuốc lớn. Ông Thất xẵng giọng:

- Thế nào? Con ngựa tôi đâu?

Chủ nhà nhìn ông, trả lời:

- Đã nói bán rồi.

Ông Thất hùng hổ đứng lên, nói lớn:

- Tôi bảo cho tôi chuộc lại kia mà.

Chủ nhà vẫn cứ ngồi yên không đáp. Ông Thất giận dữ la lên:

- Hay thiệt! Ngươi đã ăn cắp ngựa quý của ta, đã chịu thú nhận như vậy, rồi khi ta thấy cảnh ngươi nghèo đói muốn bỏ tiền ta ra chuộc lại, ngươi vẫn làm thinh là nghĩa lý gì? Coi thường luật pháp như nhà ngươi đây là quá lắm rồi.

Chủ nhà bỗng cười to lên, đáp lại:

- Ông đừng nổi nóng, vô ích. Đáng lẽ ông phải hiểu rằng ta không thèm chối chuyện ăn cắp ngựa từ đâu, bởi ta không phải là hạng chuyên nghề ăn cắp. Nếu cần nói cho ra lẽ, thì dấu chân ngựa của ông vào đây chưa phải là lý do chắc để ông nhất quyết là ta ăn trộm. Ai cấm kẻ gian cỡi con ngựa quý của ông ghé vào xin nước, xin cơm, như ta sẵn sàng để thết đãi ông vừa vừa rồi?

- Nhưng ta bảo thật , ta cần tìm con ngựa, dù phải trả bằng giá nào.

- Vậy thì ông cứ tự tiện tìm ngựa, nào ai có cản ngăn đâu?

Ông Thất không nén được giận, nhảy đến toan nắm lấy cổ người kia kéo dậy thì gã gạt tay ông ra, chồm lên:

- Được lắm . Người thắng nổi ta, thì cho người lại con ngựa.

Hai người hăm hở xông tới, hươi quyền đánh nhau. Trong ngôi nhà chật, họ phải áp tới loạn đả và cả hai người ban đầu còn tỏ đôi chút dè dặt để dò sức nhau, dần dần chính sự va chạm mạnh mẽ ở trên cơ thể khiến họ được đốt nóng lên, quyết ăn thua đủ.

Nhưng hai đối thủ thật là cân sức nên sự thắng bại khó quyết định được. Họ im lặng tấn công nhau, dùng các ngón nghề thành thạo để mà giành lấy ưu thế. Ông Thất tinh thông võ nghệ nhưng các đòn đánh không lanh, không chắc như người chủ nhà, ngược lại các thế đánh của chủ nhà đều bị ông Thất ngăn chặn. Cuộc đấu kéo dài khá lâu, hai đối thủ đã mệt nhoài và đến một lúc họ dùng tay lại để thở.

Người chủ nhà nói:

- Vậy thì ông chưa thể lấy lại con ngựa quý.

Ông Thất đáp lại:

- Được lắm. Ta sẽ tiếp tục.

Cả hai lại xông vào cuộc giao đấu. Bây giờ ông Thất quyết dùng các ngón độc hiểm để hạ tên trộm gan lì, nhưng tất cả

ngón bí truyền của ông vẫn không thể nào quật ngã được hẳn. Có lúc ông dùng song phi tới tấp theo kiểu liên hoàn tưởng quật ngã nhào được gã, nhưng lúc ông toan áp đến khóa chặt gã nằm dưới đất thì gã đã lanh hơn một con sóc trườn mình nhồm dẫy hươi cả song quyền vào bụng của ông. Càng tiếp tục cuộc giao đấu, ông Thất nhận thấy gã ăn trộm ngựa là tay bản lĩnh cao cường và gã không dùng một ngón đòn nào thật là ác độc để triệt hạ ông.

Họ đánh nhau đến chiều thì mệt rã rời. Hai người chỉ còn thủ thế nhìn nhau, chờ đợi đối thủ sơ hở để mà tấn công. Bên ngoài hoàng hôn xuống mau giữa chốn rừng cây vắng vẻ, và tiếng bìm bịp, chào mào kêu vang trong các bụi rậm, nhón nhác chờ đón đêm về. Trong nhà, hai người không còn nhìn rõ nhau nữa. Đó là hai cái bóng đen vờn nhau, tiếng thở hào hển mỗi lúc mỗi vang to hơn. Cuối cùng, gã chủ nhà bảo:

- Trời đã tối rồi, chúng ta hãy tạm nghỉ đã. Tôi còn phải lo cơm nước cho hai chúng ta.

Ông Thất không mong đợi gì hơn cuộc hưu chiến. Ông buông tay, đến ngã người trên chiếc giường, kéo áo lau lớp mồ hôi đầm dề trên mặt. Người chủ nhà chậm chạp xuống bếp thổi lửa, đốt một bó đuốc dầu chai cắm giữa gian nhà. Đoạn, hi hục nấu cơm tối. Ông Thất thiếp đi một giấc mê mệt rồi nghe gọi dậy. Chủ nhà đã đặt mâm cơm dưới đất, cạnh ngọn đuốc sáng và mời ông lại. Trên chiếc mâm gỗ cũ kỹ chỉ có một chén mắm lớn, một ít rau rừng luộc chín, cạnh một nồi cơm.

- Mời ông dùng tạm bữa cơm nghèo khó. Chắc ông đã quen với món cao lương, khó lòng dùng mãi các thứ đồ ăn thanh đạm thế này.

Ông Thất cố giữ vẻ mặt tự nhiên, đáp lại:

- Chủ nhà có lòng cho ăn là tốt lắm rồi.

Và ông ngồi lại, ăn khá ngon lành. Vừa im lặng nhai cơm nóng với món rau rừng chấm mắm, ông tự hỏi thầm: "Quái, sao tên trộm sống nghèo khổ thế này? Món tiền bán ngựa vừa rồi hẳn đã làm gì?".

Hai người ngồi ăn, không ai nói chuyện với ai lời nào. Cơm nước xong rồi, ông Thất lại giở giường ngồi nghỉ. Chủ nhà đã vắn cho ông một điều thuốc khá lớn đặt trên chiếc đĩa, để ở đầu giường. Đợi cho ông Thất hút tàn gần nửa điều thuốc, gã nói:

- Bây giờ đã tối, cơm nước đã xong, ông muốn chúng ta tiếp tục đấu nữa hay là chờ đợi ngày mai?

Ông Thất yên lặng suy nghĩ, rồi móc túi bạc đặt ở trên giường. Ông nói:

- Dù có đấu sức suốt cả đêm nay ta chắc cũng không làm sao phân được thắng bại với anh. Coi như là tài võ nghệ của ta không sao giúp ta đoạt được lại con ngựa quý. Vậy ta bằng lòng đem tiền để chuộc, anh cứ ra giá cho xong. Ngặt con ngựa ấy là vật kỷ niệm cha ta lưu lại, nếu không ta cũng sẵn sàng cho đứt luôn anh, chẳng phải mất tiền chuộc lại làm gì.

Gã chủ nhà đáp:

- Tôi không phải sống bằng nghề trộm đạo. Ông coi, một tên trộm cướp không phải cực khổ thế này. Một con ngựa quý của ông cũng đủ cung cấp rượu thịt cho tôi suốt mấy tháng trường, can chi lại ăn rau rừng với mắm cho khổ tâm

thân. Nhưng nghề đốn gỗ của tôi không lấy gì làm thông thả.

Ông Thất bèn hỏi:

- Vậy ngựa tôi đâu?

Gã chủ nhà đáp?

- Được rồi, ông cứ ngủ lại. Ngày mai, ông sẽ có ngựa cỡi về.

Ông Thất do dự giây lát, rồi hỏi:

- Anh không phải là trộm cắp, sao lại có ngựa để giao cho ta?

Gã chủ nhà có vẻ buồn, trả lời:

- Chính tôi là kẻ cắp nhưng tôi không sống bằng cái nghề này.

- Ta thực chưa hiểu ý anh thế nào...

Gã chủ nhà đi tìm chiếu, trải dưới nền đất cạnh cây đuốc sáng và nằm dài ra phì phèo điếu thuốc. Ông Thất cũng nằm trên giường nghiêng nhìn phía gã, chờ đợi một câu trả lời.

Lâu lắm không thấy gã nói tiếng nào ông bèn gọi hỏi:

- Sao anh không chịu lấy món tiền chuộc của ta.

Gã chủ nhà đáp:

- Lấy để làm gì? Tôi mến tài năng và đức độ của ông, nên phải nói hết sự thật để cho ông nghe.

Và gã bắt đầu kể chuyện...

Gã có người bạn là một thợ rừng bị cây đà ngã ở trong hốc núi. Nhà nghèo, bệnh nặng, bạn gã không sao chạy nổi thuốc thang. Cảm thương cảnh ngộ của bạn, gã tìm mọi cách giúp đỡ nhưng không biết phải xoay xử thế nào. Biết tên Chánh Tổng trong vùng thích ngựa, gã nảy ý kiến ăn cắp một con ngựa tốt để bán cho y. Một tối, tìm đến quán trọ bên đường, gã bỗng gặp con ngựa ô của ông Thất Cừ. Nghĩ rằng người cỡi ngựa quý không phải là hạng nghèo nàn - lấy mất của nó, thì nó tìm mua ngựa khác - gã đã lên vào trong chuồng giữa lúc đêm khuya, mở dây, dắt ngựa ra đường, cỡi phóng như bay. Sáng đến, đem bán cho tên Chánh Tổng lấy đúng năm trăm quan tiền. Cả số tiền ấy, gã đã đem giúp người bạn nghèo khổ lâm nguy.

Người chủ nhà tiếp:

- Tối nay, tôi sẽ giờ trò trộm đạo một lần thứ hai để mang ngựa về cho ông.

Ông Thất bèn nói:

- Rất tiếc là ta không còn đủ số năm trăm quan tiền. Túi bạc mà ta mang theo chưa đến nửa phần giá ấy. Nếu có, ta sẽ giao hết cho anh đem chuộc lại con ngựa kia cho khỏi ân hận trong lòng.

Người chủ nhà ngồi dậy, nhìn ông Thất Cừ với một vẻ mặt xúc động rồi tiến đến gần bên ông chấp tay thưa rằng:

- Xin cảm ơn ngài. Thực là ít có một người hào hiệp như

ngài. Dù có đủ số tiền ấy, ngài giao tôi cũng chẳng dám nhận lãnh. Một là viên Chánh Tổng kia mua được ngựa quý, giá hời, lão đâu chịu cho chuộc lại? Của tốt vào được trong kho nhà giàu, dễ gì đã được buông ra mà không đem lại món lời gấp chục, gấp trăm. Hai là tôi không muốn người bạn tôi phải chịu ơn ngài. Anh ta nghèo khổ nhưng rất trong sạch, lại quá khí khái đâu muốn nhận số tiền của kẻ lạ mặt. Bởi ngài chuộc ngựa là coi như cho gia đình anh ta cả món tiền kia.

Ông Thất Cừ nói:

- Sao lại không thể coi đó là tiền mà ta cho mượn dài ngày?

- Mượn mà biết không trả được, có khác gì là xin xỏ hay cướp giật đâu.

Ngài dừng bặt tâm. Khuya nay, tôi sẽ lên vào bắt lại con ngựa cho ngài. Viên Chánh Tổng kia giàu quá, lấy bớt năm trăm quan tiền cũng chẳng hề gì. Trong khi người ta lâm nạn chờ chết, đến van xin nó cũng chẳng có được đồng nào.

- Nhưng viên Chánh Tổng có biết rõ mặt anh không?

- Cũng ở trong vùng, biết nhau rõ lắm.

- Vậy anh lấy lại ngựa rồi, hẳn gặp phải nghi ngờ anh, đâu có sống yên đây được.

- Từ tôi, tôi có nghĩ đến điều này. Chắc tôi sẽ phải trốn đi nơi khác.

Ông Thất đỡ gã chủ nhà cùng ngồi xuống giường với mình, thân mật nói rằng:

- Một người tốt lòng với bạn như anh bao giờ cũng tốt với những bạn khác. Mong rằng tôi sẽ được anh coi như là bạn, kể từ đêm nay.

- Xin cảm tạ ngài.

- Đừng gọi bằng ngài. Chúng ta đã là anh em cứ gọi nhau bằng thứ bậc ở trong gia đình. Tôi là thứ năm. Còn anh thứ mấy?

- Dạ, tôi thứ tám.

- Chú Tám, nếu chú liệu không thể sống ở đây được nữa hãy về quê anh mà cùng nương tựa với nhau, đừng ái ngại gì.

Ông Thất nói rõ quê quán chức vụ của mình cho người bạn mới hiểu rõ. Chủ nhà tỏ vẻ hết sức xúc động trước tấm lòng tốt của khách. Cả hai chuyện trò khá lâu, cho đến gần khuya thì ông Thất giục:

- Chú hãy nằm nghỉ giây lát rồi chúng ta cùng lên đường.

- Không, anh để tôi đi một mình.

- Đâu được. Chú đã cho biết nhà viên Chánh Tổng hào sậu, thành dày, gia đình đông đảo, chú đi một mình có thể gặp sự cố khó khăn. Chúng ta đã là anh em, lẽ nào lại để chú đi vào nơi nguy hiểm một mình.

Ông Tám cảm động trước những lời nói chí tình, đáp lại:

- Đã làm phiền anh, còn nhọc đến anh làm gì. Em phải chịu phần trách nhiệm đem con ngựa về.

Ông Thất nghiêm sắc mặt bảo:

- Chú nói như vậy, anh không bằng lòng. Anh có bốn phận với chú, đừng nên thắc mắc bận tâm gì hết.

Ông Tám đáp lời:

- Vậy thì mời anh lên đường, vì còn xa lắm. Nghỉ ngơi e lại trễ mất.

Cả hai cùng giắt vào mình một thanh đoản đao, uống thêm ngụm nước chè nguội rồi tắt lửa, mở cửa, đi vào đêm tối. Ông Thất im lặng theo sau người em kết nghĩa, nghĩ thấy mọi sự xảy ra là một run rủi kỳ lạ đã đưa đẩy ông, một người lương thiện có chút phẩm trật ở trong làng nước thành một kẻ trộm, và ăn trộm chính con vật của mình!

Sang đầu canh ba hai người đi tới một vùng đất cao, cây cối rậm rạp. Ông Thất nhìn được trong bóng đêm dãy tòa nhà sừng sững trước mặt; chung quanh có thành lũy cao. Ông Tám ghé vào tai ông, bảo nhỏ:

- Đây là nhà viên Chánh Tổng, dinh cơ của lão nằm trên sườn đồi, nhìn xuống phía trước là đồng ruộng lớn. Tất cả ruộng đất ở đây đều thuộc về lão.

Ông Thất nghĩ thầm: "Làm Chánh Tổng như tên này có khác gì làm vua đâu. Hẳn là mồ hôi, xương máu của dân bị nó vơ vét cuốn hút đã quá nhiều đời nên mới có một sản nghiệp lớn lao như thế".

Ông Tám bảo thêm:

- Anh nên cẩn thận. Bây giờ phải lội qua một hào sâu mới đến chân thành. Leo được tường rồi, phải qua mấy dãy sân

rộng mới đến khu vực nhà ở. Chó sủa của lão nhiều lắm mà gia đình cũng đông đảo.

- Thế chú biết rõ chuồng ngựa của lão nằm ở đâu không?

- Dạ không. Mua bán vật gì chỉ đến gặp lão ở nơi tiền đường, không phải tâm phúc đâu có vào trong ấy được.

- Chúng ta sẽ tìm, đừng ngại.

Hai người lặng lẽ cởi đồ, đội lên đầu, rồi cùng men xuống bờ hào, nhẹ nhàng lội qua vùng nước lạnh buốt và sang được bờ bên kia. Mặc quần áo xong, cả hai men theo bờ tường đi về phía sau. Theo sự suy luận của ông Tám thì các cửa hậu bao giờ cũng kém kiên cố hơn là cửa tiền và chỉ có bằng lối ấy mới lọt vào được bên trong. Tới nơi, cả hai hợp sức dùng dao mới đẩy bật được cánh cửa. Hai người lách vào, bò rạp xuống đất men theo bờ tường bên trong để tìm chuồng ngựa. Cứ được một quãng, ông Tám lại ghé tai sát xuống đất nghe ngóng. Khi vừa đến sau một dãy nhà dài, có lẽ là dãy kho thóc, ông Tám vội ngòì thụp xuống và kéo ông Thất ngòì theo. Có tiếng người đi và tiếng chó sủa, gầm gừ đánh hơi người lạ. Giây lâu, không thấy động tĩnh gì nữa, cả hai lại cùng nhồm dậy, lom khom bước tới. Đêm tối làm cho họ bước khá chậm. Cuối cùng ông Tám ghé sát ông Thất, bảo nhỏ:

- Đến chuồng ngựa rồi.

- Thật hả? Sao biết ?

- Có tiếng ngựa hí, tiếng chân đạp trên nền đất.

Ông Thất áp tai xuống đất nghe ngóng hồi lâu:

- Quả chú tài thật.

Hai người lần mò đi một quãng nữa, quanh co qua các dãy nhà. Mùi rom cỏ, mùi phân, bao nhiêu là mùi ẩm mốc bốc nặng trong đêm giúp cho lỗ mũi hai ông thay thế được cặp mắt nhìn một cách khá rõ. lát sau, họ đến chuồng ngựa. Nhẹ nhàng, ông Tám lấy dao nạy cửa. Nhiều tiếng ngựa hí vang lên trong đêm tối dày.

Ông Thất kéo ông Tám lại:

- Chú gác ngoài cửa, để tôi đi vào. Ngựa tôi quen chủ, tôi dễ tìm hơn.

Ông Tám vâng lời. Đứng im một lát cho bầy ngựa bớt nao động và cặp mắt quen bóng tối đông đặc bên trong, ông Thất rón rén đi vào. Quả con ngựa ô đánh hơi được chủ, nện móng đi độp và hí vang rền. Ông Thất vỗ nhẹ trên lưng con vật:

- Ta đây. Ta đến đưa con về lại với ta.

Con ngựa vung đầu, đạp chân, ngoay ngoáy mình mẩy ra tuồng vui vẻ gặp được chủ cũ. Tháo vội dây cột, ông dắt nó đi ra ngoài. Bỗng trước mặt ông, một người xuất hiện. Ông hỏi:

- Chú Tám đó hả?

Một giọng ngái ngủ trả lời:

- Tám, chín gì nào. Bầy to gan thật, dám ăn trộm ngựa cụ Chánh...

Ông Thất lợi dụng bóng tối, đánh ngay một quyền vào bụng dưới gã. Người kia kêu ối một tiếng, ôm ruột, gập người, ông Thất đã nhanh như cắt, nhảy tới ôm vật gã xuống, đè lên, dùng đùi chặn lấy cổ họng, sờ soạng tìm khăn nhét vào họng gã.

Người kia ú ớ:

- Xin đừng giết tôi... Tôi là đầy tớ trong nhà.

Im đi, ai muốn giết mày làm gì... Tao chỉ cần lấy ngựa thôi. Chiều nay thấy thằng Chánh Tổng mua được con ngựa đẹp quá, tao mượn cớ chơi ít lâu, khi nào có dịp ghé lại tao sẽ trao trả.

Ông nghĩ một chút, lại tiếp:

- Nhưng cái đó còn tùy ở túi tiền mua rượu của tao. Hễ Thiên Vương này dư tiền uống rượu thì tao chẳng tiếc gì ngựa mà không trao trả...

Khi ông Thất nói đầu gói của mình để nhét khăn vào cổ họng gã, gã run rẩy nói:

- Xin ông...

- Cái gì?

Ông trói giúp tôi thật chặt và bỏ tôi vào góc chuồng...

- Sao mày lại muốn trói chặt?

- Ông có trói kỹ thì ông Chánh trừng phạt tôi nhẹ hơn. Không vậy, ông Chánh tưởng tôi thông đồng với cướp.

- Tao không phải cướp!

- Dạ, tôi không có ý nói thế. Xin ông...

- Được rồi, nằm im, tao sẽ làm theo ý mày.

Sau khi trói chặt, ôm gã bỏ vào một xó, ông Thất tháo khăn nhét vào họng gã, dắt ngựa ra ngoài.

Rồi cả hai người vòng ra ngoài thành tìm đến cầu treo bắc qua hào nước hạ xuống. Dắt ngựa qua khỏi, ông Thất bảo ông Tám cùng leo lên và trên con ngựa thiếu yên cương, hai người phi gấp về nhà.

Đến nhà, thì trời hừng sáng. Ông Tám nhảy vọt xuống ngựa, nói liền:

- Gia đình của thằng Chánh Tổng không thiếu gì đũa trước kia là tay trộm đạo có tài. Nó sẽ dò theo dấu ngựa tìm đến nơi đây rất sớm. Để em thôi gấp cơm ăn rồi anh lên đường.

Ông chạy xuống bếp lo cơm. Ông Thất theo xuống phụ lực, rồi hỏi:

- Vậy chú làm sao ở yên nơi này?

- Thưa anh, em sẽ liệu cách đối phó.

- Không được. Chú nên theo về quê anh cùng sống cho vui. Đến dịp ra kinh, anh sẽ tìm cách để tiễn cử chú.

- Em xin cảm ơn lòng tốt của anh. Nhưng em còn người bạn cũ bị cây rừng đè vẫn chưa bình phục, không thể xa được. Khi nào em liệu khó sống nơi đây, em đến tìm anh.

Mối duyên gặp gỡ giữa hai người ấy khởi sự là vậy. Trước khi lên ngựa ra về, ông Thất cầm tay người em kết nghĩa, bảo rằng:

- Em ráng giữ mình, đừng nghi ngờ sự chân thật của anh. Chúng ta đã là anh em, còn hơn cả ruột thịt đó.

Rồi ông tạm biệt, lên đường về quê.

Khi ông Tám dọn chiếc giường ông thấy gói bạc ông Thất còn trên đầu nằm. Ông thật bối rối không biết làm sao đuổi theo cho kịp để trao lại cho ông Thất. Ông cũng không dám mở ra để xem, vì ông nghĩ rằng bạc ấy chẳng phải của mình, lại là của người mà ông kính mến, làm mất dấu vết không chỉ thương tổn đến ông mà còn xúc phạm đến anh mình nữa. Nhưng một cuống lá khá dài thò ra từ gói bạc ấy. Kéo chiếc lá lên, ông đọc thấy dòng chữ nhỏ, có lẽ viết bằng gai nhọn, như sau: "Muôn sự của chung". Ông Tám cúi đầu, hiểu ý người anh kết nghĩa của mình.

Mấy năm về sau đến khi người bạn thợ rừng qua đời ông Tám mới dời đến ở cạnh làng ông Thất là miệt Bấu Nài. Ông vỡ đất hoang làm ruộng, không chịu ở nhờ ruộng đất của người anh mình những lúc rảnh rỗi dành nhiều thì giờ thăm viếng hầu hạ ông anh. Tuổi già càng làm cho đời sống họ thiên nhiều về mặt tinh thần, do đó tình anh em họ lại càng đậm đà nhiều hơn. Một đêm ông Thất Cừ nhận lời mời của người quen ở xã Long Hồ, đến dự tiệc rượu. Giữa lúc chén uống đang nồng thì có một người trong đám bỗng hỏi ông ta:

- Xin vô lễ với ông Thất chẳng hay ông còn nhớ những chuyện cũ hay không?

Ông Thất đáp lời:

- Chuyên cũ có trăm ngàn thứ, có thứ đáng nhớ, có thứ nên quên. Chẳng hay ông muốn nói đến chuyện gì?

Người kia đáp lại:

- Chuyện này chắc hẳn là ông không thể quên được, trừ phi ông muốn quên đi.

Ngừng lại một chút, người kia nói tiếp:

- Ông còn nhớ Lý Văn Hổ hay không?

Ông Thất nhíu trán, suy nghĩ cố lục lọi trong ký ức:

- Lý Văn Hổ à. Là ai? Ta không nhớ rõ được con người ấy.

Người kia lại nói:

- Phải rồi, ông đã muốn quên.

- Không, ta chẳng muốn quên. Ta không thể nhớ đó thôi.

Người kia im lặng, nốc từng ngụm rượu khá lớn. Mâm tiệc trở thành khó chịu vì cái không khí mập mờ của sự khiêu khích bắt đầu. Ông Thất chăm chú nhìn kỹ người kia qua đôi mắt đã chấp chóa hơi men cố lục lọi trong ký ức vẫn không nhìn thấy được gì hơn nữa. Thời gian đã phủ một tấm màn lớn như lớp sương mù dày đặc ngăn che quay về dĩ vãng xa mờ.

- Quả tình ta không nhớ được tên ấy là ai.

Câu nói có vẻ ôn tồn của ông rơi giữa mâm rượu bỗng làm người kia ngẩng mái đầu lên quắc đôi mắt sáng, nhìn ông một cách hẳn hoi:

- Thật tình là ông đã quên Mươi Hồ phải không?

Ông Thất gật đầu?

- Đã quên. Ta có sợ gì phải chối nhớ lại cái tên không buộc cho ta bận lòng. Mươi Hồ là ai, anh cứ nói ra.

Hơi rượu làm ông bốc nóng, ông tiếp:

- Mươi Hồ hay trăm ngàn hồ, cũng vậy mà thôi.

Rồi cười ha hả:

- Cũng đều là hồ, chứ có khác gì!

Người kia đặt mạnh cốc rượu xuống chiếu, nói lớn:

Ông đừng khinh mạn, xúc phạm cha ta!

Ông Thất ngạc nhiên:

- ủa! Tên của thân sinh anh à? Làm sao mà ta biết được điều ấy?

Người kia vội rời chiếu rượu đứng xuống chống nạnh gờm nhìn ông Thất. Chủ nhà vội can:

- Thôi, thôi, đây là tiệc vui. Xin đừng gây nên những chuyện đáng tiếc.

Ông Thất để ý giọng nói của gã chủ nhà không có một chút nhiệt tình nào chừng như đó chỉ là câu chiếu lệ mà thôi. Bất

giác trong một thoáng mau, ông Thất chợt nhớ ra là trong dĩ vãng họ có nhiều mối tị hiềm nhưng được thời gian làm cho phai mờ như những bãi sinh đã được cát lấp và trên cát ấy người ta tưởng rằng có thể trồng được những loài hoa đẹp. Nhưng đó chỉ là loài hoa ảo tưởng.

Người kia nghe chủ nhà nói, gằn giọng đáp lại:

- Được rồi, ta sẽ ra khỏi nơi đây để mà hỏi tội tên già.

Giọng nói mạnh mẽ của gã đối với chủ nhà cũng có vẻ gì giả tạo. Ông Thất nghĩ rằng có thể họ đã ăn ý cùng nhau trong một âm mưu hãm hại ông chăng? Nhưng chất men nồng bốc cháy hừng hực trên đầu mọi ý đề phòng nhường bước cho lòng phẫn nộ, ông thấy căm giận cực độ vì lời xúc phạm của kẻ gây chuyện, nên cũng bước ra khỏi chiếu, hét lên:

- Mà đừng vô lễ. Ta muốn biết mày cố tình gây chuyện là vì lẽ gì? Cha mày với ta nào có quen biết gì với nhau đâu?

Gã kia hần học:

- Mày đã đánh chết cha ta, rồi ném xác dưới bờ hào còn nhớ hay không?

Ông Thất chợt thấy bàng hoàng. Trong cuộc đỡ huấn luyện ngựa cho vua. Ông ta đã làm chết một người. Đó là một tên ăn trộm ngựa quý của vua đem về bán lại cho các nhà giàu ở những miền xa hẻo lánh. Hành vi trộm cắp của gã là một xúc phạm lớn lao đối với quyền uy thiên tử và cũng là một thách thức sỗ sàng đối với những người có phần trách nhiệm như ông Thất Cừ. Ông đã đề tâm dò xét nhiều ngày và một đêm kia, ông đã bắt gặp thủ phạm. Hai người đấu sức quyết liệt và cuối cùng tên ăn trộm bị ông quật ngã.

Trong lúc tuyệt vọng, gã đã tự vẫn để khỏi bị những cực hình giày vò và để gia đình khỏi bị liên lụy. Không ai biết gã là ai, quê quán nơi nào. Tên trộm đã chết đã được vớt xác ngoài thành, rồi được treo lên lơ lửng đôi hôm trước khi chôn lấp.

Bây giờ, thì con trai hấn xuất hiện nơi đây, mang mối căm thù dồn chứa từ ba bốn mươi năm rồi. Chắc gã còn phải lớn lên, còn phải tầm sư học đạo, còn đợi và tìm cơ hội đến gần ông Thất. Căm thù đã lớn như cây cổ thụ và muốn đơm bông kết trái bây giờ.

Cũng có đôi lần ông Thất áy náy về sự nặng tay của mình, nhưng lòng tự ái của một kẻ có quyền uy như ông đã sớm xua đuổi ra khỏi tâm hồn một điều thối nát kiêu đó. Ông gào to tên:

- À, ra mày là con của tên ăn trộm ngày xưa. Mày muốn những gì?

Gã kìa trợn mắt:

- Mày phải đền tội!

Ông Thất hét to:

- Tội gì? Tao không đánh chết thằng cha của mày. Nhưng dù có đánh chết được một tên đạo tặc như vậy, tao cũng hả dạ.

Về mặt người kia tối sầm hẳn lại, có lẽ phần nộ của gã lên đến cực điểm. Gã đứng câm lặng như tuồng giận dữ làm cho lời nói nghẹn ngào. Giây lâu, gã mới cất tiếng phều phào:

- Nếu người có lòng sám hối, biết quỳ lại ta thì ta tha mạng. Bằng không, thì hãy đến bìa rừng này.

Quý lay một người còn trẻ hơn ông, và là con của một kẻ đạo tặc, làm sao có thể nghe những lời hỗn xược ấy mà không lồng lộn lên được. Kẻ kia đã để ông uống rượu say, rồi nung chín muối tự ái của ông cho ông choáng váng mới hạ độc thủ đó chăng? Tự nhiên, ông Thất cũng cảm thấy nổi lo sợ. Tuổi già đã đánh mất niềm tự tin khi phải đối đầu chướng ngại.

Ông quay nhìn các người quanh mâm rượu. Hầu hết là những người quen, điểm vài khuôn mặt thân hữu và đôi mặt lạ. Ông chờ đợi họ một lời can ngăn và tốt hơn nữa, một lời bênh vực. Nhưng họ thấy đều im lặng, một sự im lặng đồng lõa chứ không phải là kết quả của lòng sợ hãi.

Ông Thất cảm thấy lạc loài, cô độc. Thế ra những người từng tỏ ra trọng vọng ông, những người từ trước đến nay từng khâm phục ông, nay lại chối bỏ đột ngột sự tín nhiệm ấy là vì lẽ nào? Cuộc đời có lẽ đã đổi thay rồi, và các giá trị mà ông khoác vào từ trước hẳn đã suy giảm rồi chăng? Nhưng gã đối thủ của ông như hiểu được nỗi bàng hoàng đang làm xáo động hồn ông, gã nói một cách khinh bỉ.

- Người đừng tưởng rằng giữ ngựa cho lũ vua quan là đáng kính nể hơn những người ăn trộm ngựa.

Ông Thất quát mắt:

- Nhà người không được xúc phạm...

- Xúc phạm! Xúc phạm đến ai? Đến người hay là đến lũ vua quan? Thôi đi, chuyện đó xưa rồi. Nhưng còn mối thù

của ta thì không bao giờ cũ được. Hãy ra ngoài này, không thì ta sẽ kéo cổ ngươi ra tức khắc.

Ông Thất lão đảo ra ngoài bìa rừng. Đêm trăng, cỏ ướt đầm sương lốm đốm điểm bạc. Ông nghe lạnh dưới đôi chân, lạnh khắp mặt mày. Lòng căm hờn của kẻ kia đã dựng ông thành đối thủ của nó. Đáng lẽ thì ông không chịu giao đấu, nhưng tự ái và danh dự đã tổn thương rồi, không thể im lặng, không thể từ chối, và điều chắc chắn đối thủ của ông không cho phép ông được quyền từ chối.

Họ đã im lặng đánh nhau dưới ánh trăng soi vắng vặc. Những ngón quyền đánh trúng mặt làm cho ông Thất bùng tỉnh, và ông tìm lại phong độ đã mất ít nhiều trong những năm qua.

Đối thủ của ông tuy còn trẻ hơn và mang căm hờn sôi sục nhưng tỏ ra bình tĩnh, gã đánh những đòn quyết liệt nhưng có tính toán. Chừng như gã biết là phải đối phó với một hạng người như thế nào rồi. Cả hai vờn nhau, sử dụng quyền cước và tất cả ngón bí truyền đã học tập được. Nhưng rồi ông Thất không chịu được nổi một tay đối thủ lợi hại như vậy. Khi ông bị đánh ngã quy xuống đất, vừa toan lồm cồm trỗi dậy thì bàn chân gã đã đạp lên giữa mặt ông. Ông lại ngã ngửa người ra, chịu bàn chân ấy ấn mạnh đầu ông xuống cỏ rất lâu tưởng chừng nghẹt thở. Đất cát dẻo quánh hơi sương chà xát trên lớp da mặt nhăn nheo do bàn chân kia đem tới đã phủ một màng ô nhục lên con người ông. Nằm yên trong sự thảm bại đau đớn, ông chờ đợi một cái chết giáng xuống vội vàng.

Nhưng ông đã đợi khá lâu mà không nghe động tĩnh gì. Ông Thất hé mắt và thấy đối thủ đứng im nhìn ông một cách lặng lẽ. Chắc hẳn bây giờ gã mới thấy kết quả của sự báo thù héo hắt, nhỏ nhoi không biết chừng nào.

Rồi gã từ từ rời bàn chân ra khỏi cái đầu bạc, nói giọng chán nản:

- Bây giờ ta có giết mày cũng được, nhưng cái mạng mày có nghĩa lý gì! Mày bảo trước kia đã không đánh chết cha ta, thì nay ta cũng không đánh chết mày.

Rồi gã lặng lẽ quay lưng đi thẳng vào rừng. Hồi lâu ông Thất mới ngồi dậy nổi, bởi những đau đớn thể xác cùng với đau đớn tinh thần thật quá nặng nề.

Khi ông loạng choạng đứng lên, ông thấy chung quanh vắng lạnh mênh mông như cõi nhà mồ rộng lớn.

Ông về đến nhà thì trời gần sáng. Không rửa sạch vết cái bùn lấm đầy mặt mũi, ông gọi đứa cháu sang tìm ông Tám ở mạn Bàu Nai.

Ông Tám đến ngay buổi sáng hôm ấy. Cầm lấy bàn tay gầy guộc của em, ông Thất nghẹn ngào kể lại sự việc, rồi tiếp:

- Thăng Mười Hồ đó trước kia đã phải tự vẫn vì sợ cực hình. Anh đây không thể sống nổi, vì sợ một cực hình khác đau đớn hơn nhiều, đó là nỗi nhục trong chuỗi ngày tàn. Hãy nghe đây lời anh dặn: Em đừng tính chuyện phục thù, vô ích. Em đã già rồi, mà hấn còn trẻ, lại thêm tung tích của nó không biết về đâu. Dù sao cũng là câu chuyện có vay có trả, trên cuộc đời này.

Rồi ông uống chén độc dược, lia đời. Và cuộc sống đã làm xong một cuộc tính sổ, trong muôn ngàn chuyện đang được kết toán hằng ngày.

Ông Tám chôn cất anh xong, thu xếp việc nhà của anh cho được mọi phần yên ổn, rồi lâm bệnh nặng. Ông không chịu dùng thuốc thang gì hết, mặc dù người nhà đã cố ép nài, lặng lẽ đi theo người anh kết nghĩa về cõi đời khác.

- 0 -

Đâu là tiêu chí của người xuất bản?

Khi đem in lại 4 quyển sách của ông Dương Nghiễm Mậu, Giám đốc Công ty Phuong Nam cho rằng điều đó “đáp ứng tiêu chí của người xuất bản”, vì trải qua những thăng trầm, đổi thay, các sách này vẫn giá trị và vẫn bán được.



Những tác phẩm này giá trị ra sao, đa số bạn đọc sống ở miền Nam trong thời chống Mỹ đều đã biết rõ. Bởi lẽ, những quyển sách này không chỉ là các sản phẩm văn hóa mà vốn là những vũ khí độc hại về mặt tinh thần.

Chúng ta đều biết phản động và đòi truy là những đặc điểm nổi bật mà chế độ cũ vận dụng để làm tha hóa lớp trẻ hầu đưa đẩy họ vào sự chống phá cách mạng, chống lại sự nghiệp giải phóng đất nước khỏi sự thống trị của bọn đế

quốc xâm lược. Nếu nhiều quyển sách của Dương Nghiễm Mậu nổi bật là tính phản động thì sách Lê Xuyên là tính đòi trụy. Phải nhìn nhận rằng, thời chế độ cũ, không ai quan niệm sách của Lê Xuyên thuộc loại văn chương, bởi sự dễ dãi về mặt bút pháp và sự tội tệ về mặt nội dung.

Hơn ba mươi năm trôi qua, những thứ sản phẩm, gọi rằng văn hóa, rất độc hại ấy đã được xếp xó cùng với bao khối bom, mìn, súng ống đủ loại từng gây chết chóc, thương tật cho những con người yêu nước và tưởng rằng sự yên nghỉ ngàn thu của các sản phẩm như thế là chuyện lịch sử đã an bài rồi. Và các tác giả - là Dương Nghiễm Mậu, Lê Xuyên - sống lại ở thành phố này vẫn được đối xử bình đẳng, không hề gặp phải bất cứ sự quấy phiền nào. Những nỗi khổ đau và những sai lầm đã được xếp vào dĩ vãng, được khuyên khép lại, quên đi để cùng nhìn vào thực tại, hướng về tương lai.

Gần đây, trên vài tờ báo có đăng bài viết của nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt nội dung như thế, bởi sự cảm thông, đoàn kết sớm đưa đất nước phát triển, vươn xa. Theo tinh thần ấy, có thể sẽ có sự xem xét lại khá nhiều sản phẩm văn hóa của chế độ cũ, để được lựa chọn và được tái hiện, với sự giới thiệu và sự đánh giá đúng mức. Thực ra, từ sau giải phóng, toàn bộ sách của ông Nguyễn Hiến Lê đều được in lại, với khối lượng lớn, dấu tác giả chưa đến với cách mạng một ngày và nội dung của đa số sách Nguyễn Hiến Lê, vốn là sách dịch, chứa nhiều quan điểm tư sản.

Ngay cả tác giả, hiện sống ở Mỹ như Nguyễn Mộng Giác, vẫn có sách mới in tại quê nhà, đó là *Sông Côn mùa lũ* do chính Trung tâm Quốc học, ở thành phố này, kết hợp với Nhà xuất bản Văn học Trung ương ấn hành cách đây độ chừng mười năm. Như thế, để khẳng định rằng chúng ta không hề có thành kiến nào đối với văn học thời cũ, hay là văn học nước ngoài của các Việt kiều, mà điều chúng ta

bận tâm là những sản phẩm văn hóa, văn học như thế đem lại được lợi ích gì cho xã hội này.

Vì những lẽ đó, rất nhiều bức xúc, phẫn nộ của các bạn đọc khi thấy Công ty Phương Nam ấn hành sách của ông Dương Nghiễm Mậu. Các bạn đọc này gồm nhiều thành phần: vị tướng đã từng xông pha trên các chiến trường chống Mỹ, nhà giáo dạy văn, một cựu sĩ quan quân đội, nhà thơ, nhà báo... Đem những vũ khí độc hại ra sơn phết lại, rêu rao bày bán là một xúc phạm nặng nề đối với danh dự đất nước.

Vì sao phải “Góp phần khơi thông một dòng văn học vẫn âm thầm chảy”? Ai cấm đoán? Dòng văn học nào mà vẫn âm thầm chảy? Và chảy âm thầm thật sao? Phải chăng vẫn có một luồng sách cũ, phản động, đồi trụy in lậu, được chuyển đến cho bạn đọc hàng ngày?

Và rất nhiều người đã thực sự giật mình khi đọc những dòng sau đây của Phạm Xuân Nguyên trên tờ Thể thao và Văn hóa (ngày 13-4-2007): “Đọc Dương Nghiễm Mậu là đọc những day dứt, lựa chọn của người trí thức, người sĩ phu trước một hiện tại lịch sử: hành động hay không hành động, hành động vì cái gì, hành động theo hướng nào...”.

Ông Dương Nghiễm Mậu hành động vì cái gì, hành động theo hướng nào thì chúng ta đã rõ, ngoại trừ ông Phạm Xuân Nguyên và những người chủ trương đưa sách của ông Dương Nghiễm Mậu đến với đông đảo bạn đọc.

Thư của ông Phạm Xuân Nguyên:

Gửi ông Vũ Hạnh

Wednesday, 25th April 2007

Tôi đã đọc bài viết “Đâu là tiêu chí của người xuất bản” của ông (*Sài Gòn Giải phóng*, 22/4/2007) về việc nhà xuất bản Văn nghệ và Công ty văn hóa Phương Nam phối hợp xuất bản một số tác phẩm viết và in tại Sài Gòn trước 1975 của Lê Xuyên và Dương Nghiễm Mậu. Cuối bài ông có nhắc đến sự “giật mình” của nhiều người (trong đó có ông không?) khi đọc bài “Truyện ngắn Dương Nghiễm Mậu” của tôi (*Thế thao & Văn hóa*, 13/4/2007). Tôi không có ý bình luận hay trao đổi gì với ông về bài viết đó. Nhưng nhân có nó, tôi muốn kể lại chuyện này, có lẽ ông đã biết rồi, nhưng nghe lại để nhớ lại.

Cách đây gần mười lăm năm, tôi nêu lên yêu cầu phải nghiên cứu bộ phận văn học miền Nam (Sài Gòn) giai đoạn 1954-1975 để hình dung một bức tranh văn học dân tộc đầy đủ của thế kỷ XX. Riêng về thơ, tôi đã nêu lại nhóm Sáng Tạo và vai trò của Thanh Tâm Tuyền trong sự vận động đổi mới thơ Việt sau 1945. Đề xuất của tôi vấp phải những phản ứng quyết liệt, gay gắt của một số người mà tựu trung lý lẽ của họ cũng như ông bây giờ: nhân thân tác giả là “ngụy”, và nội dung tác phẩm là “phản động, đòi trụ”. Ông Trần Mạnh Hảo đã có hơn một bài phê phán trực tiếp tôi về chuyện này, và liên quan đến thơ Thanh Tâm Tuyền ông ấy đã cho tôi là “giật lá cờ máu trong tay thơ ca kháng chiến trao về phía bên kia”.

Thời gian cứ trôi, thơ Thanh Tâm Tuyền (cũng như các tác phẩm văn học có giá trị khác của một nửa đất nước thời 1954-1975) vẫn “âm thầm chảy”, để đến năm 2006 khi nhà thơ này qua đời ở Mỹ thì tại Hà Nội, tạp chí *Thơ* của Hội Nhà văn Việt Nam do chính ông Hữu Thịnh, chủ tịch Hội và là bí thư ban cán sự Đảng của Hội, làm tổng biên tập đã in lại 4 bài thơ của Thanh Tâm Tuyền “để tưởng nhớ một tài năng có nhiều tâm huyết, đóng góp cho quá trình hiện

đại hóa thơ”. Điều này tôi đã viết trong ý kiến “Một đỉnh chính cho Hoàng Ngọc-Tuấn”.

Liệu tôi và độc giả rộng rãi có phải chờ mười lăm năm nữa để lại được đọc những dòng như trên đây của báo *Văn nghệ* (thay cho tạp chí *Thơ*) viết về Dương Nghiễm Mậu hay không, thưa ông Vũ Hạnh, tác giả của “Bút máu”, một truyện ngắn hay, đăng công khai ở Sài Gòn trước 1975?

Trong khi đó tôi lại muốn mách ông biết: trong cuốn *Từ điển văn học* (bộ mới, 2005) Dương Nghiễm Mậu đã được đưa vào với tư cách một tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam (tr. 358 - 360). Cuốn từ điển này đã được đánh giá cao thời gian qua. Ở bìa bốn của bốn tập truyện ngắn vừa in lại của Dương Nghiễm Mậu đều có trích các nhận định từ mục từ này. Vậy thưa ông Vũ Hạnh, khi một nhà văn đã được đưa vào từ điển khẳng định, từ điển đã được phát hành rộng rãi và được thừa nhận giá trị, thì việc cục xuất bản cấp giấy phép và nhà xuất bản in sách của nhà văn đó có gì là sai trái, là phạm luật? Ông có nhắc đến nhà văn Nguyễn Mộng Giác sống ở Mỹ và bộ tiểu thuyết *Sông Côn mùa lũ* viết về Nguyễn Huệ được in lại trong nước. Nhưng bây giờ nếu ông Nguyễn Mộng Giác xin phép cũng in lại trong nước bộ tiểu thuyết trường thiên khác của ông ấy là *Mùa biển động*, viết về hiện thực cuộc chiến tại miền Nam trong thời gian 1963-1975 mà không được cấp phép thì ông nói sao, thưa ông Vũ Hạnh?

24/4/2007

(talawas, 25/4/2007)

Trong bài *Trò chuyện cùng tác giả Bút máu*, Duy Hiền viết về nhà văn Vũ Hạnh:

Hơn nửa thế kỷ cầm bút, dù không nói ra nhưng qua câu chuyện tôi hiểu rằng Vũ Hạnh đang làm một cuộc tổng kết đời viết của mình. Một số anh em chí cốt cũng khuyên ông nên viết hồi ký. Suốt những năm tháng chiến đấu trên mặt trận văn hoá giữa lòng đô thị miền Nam, ông đã tả xung hữu đột như một chiến binh thực thụ. Ông bảo ngày ấy viết theo mệnh lệnh - là nói theo cái nghĩa cao cả, chân chính của từ này. Như cuốn “Người Việt cao quý” chẳng hạn. Bây giờ thư thả hơn có thể viết những cái mình thích nhưng dù gì ông vẫn viết với tâm thế của một chiến sĩ mặt trận văn hoá mà suốt mấy mươi năm nay dưới sự hiệu triệu của Đảng ông đã tự giác đi theo.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Hạnh Web: vi.wikipedia.org
- Tìm ngựa Web: chutluulai.net

3. Huỳnh Bá Thành



Huỳnh Bá Thành - Huỳnh Thanh Tâm (1942-1993)

Huỳnh Bá Thành tên thật là Huỳnh Thanh Tâm sinh năm 1942 tại làng Khái Đông, Huyện Hòa Vang, nay là Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng. Theo học Trường Trung học Phan Châu Trinh, Đà Nẵng.

Năm 1963, vào Sài Gòn hoạt động trong làng báo, sửa bản in, vẽ tranh biếm họa.

Trước năm 1968, được kết nạp vào đảng, đến Tết Mậu Thân, người chỉ huy bị bắt, nên mất liên lạc.

Năm 1971, Huỳnh Bá Thành làm cho tờ báo Điện Tín của Nghị sĩ Hồng Sơn Đông, lúc đó Lý Quý Chung làm Chủ Bút, Trương Lộc làm Thư ký tòa soạn, chính hai nhân vật này chọn cho Huỳnh Bá Thành bút hiệu Ót là họa sĩ chuyên vẽ tranh biếm họa về thời sự, nhân vật xuất hiện đầu tiên trên nhật báo Điện Tín. Đôi khi ký tranh biếm họa là Thọ Cọ, cũng là bút danh của họa sĩ khác bạn của Ót.

Năm 1973, do Huỳnh Huê (Ba Hoàng) theo dõi, kiểm tra, Huỳnh Bá Thành được Mười Thắng đề cử cho Mười

Hương kết nạp vào cụm tình báo A10, có bí danh là Ba Trung.

Sau 1975, Huỳnh Bá Thành, tức Ba Trung được mang cấp bậc Trung Tá, được điều về Sở Công an Thành phố Hồ Chí Minh làm Phó Tổng biên tập báo Công an, rồi Tổng biên tập.

Năm 1976, chính Ba Trung chỉ huy bắt gom khoảng 200 văn nghệ sĩ ở thành phố Hồ Chí Minh, đưa về 4 Phan Đăng Lưu, Gia Định như Vũ Hoàng Chương, Đoàn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Dương Nghiễm Mậu, Duyên anh, Trần Dạ Từ, Nhã Ca trong Vụ án hồ con rùa.

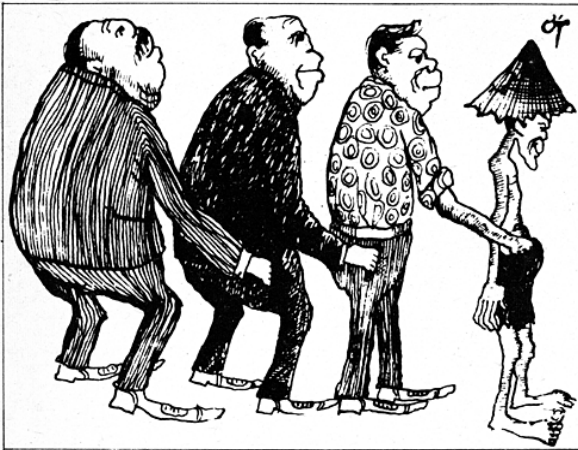
Năm 1993, Huỳnh Bá Thành mất tại thành phố Hồ Chí Minh, thọ 51 tuổi, trong *Hồi ký không tên*, Lý Quý Chung cho biết là do nhồi máu cơ tim.

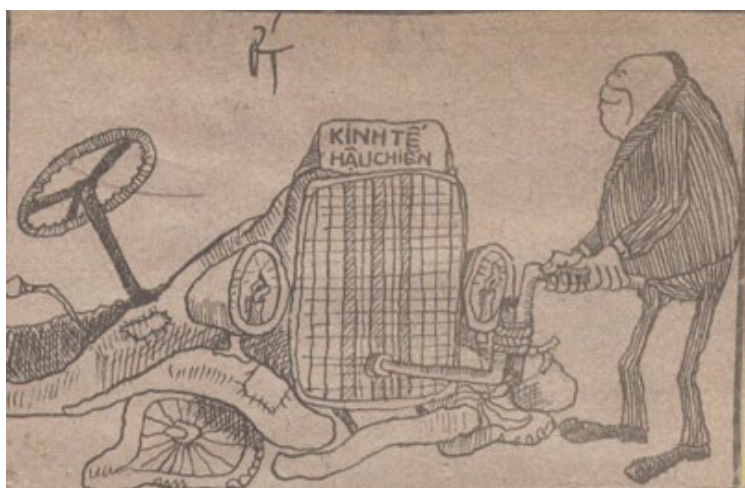
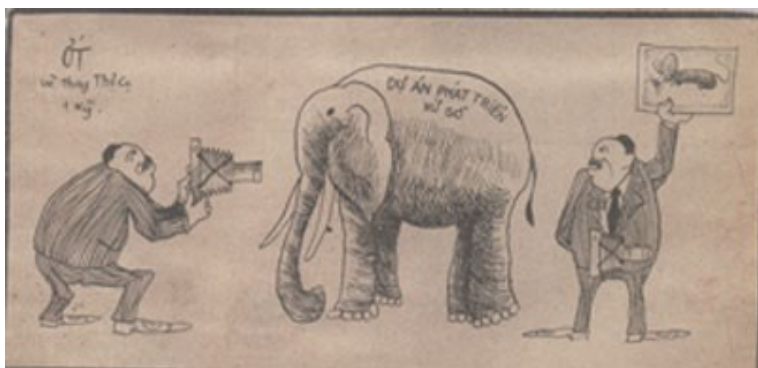
Tác phẩm:

- *Vụ án hồ con rùa* (Trẻ, 1982)
- *Ký sự nhân vật* (Trẻ)

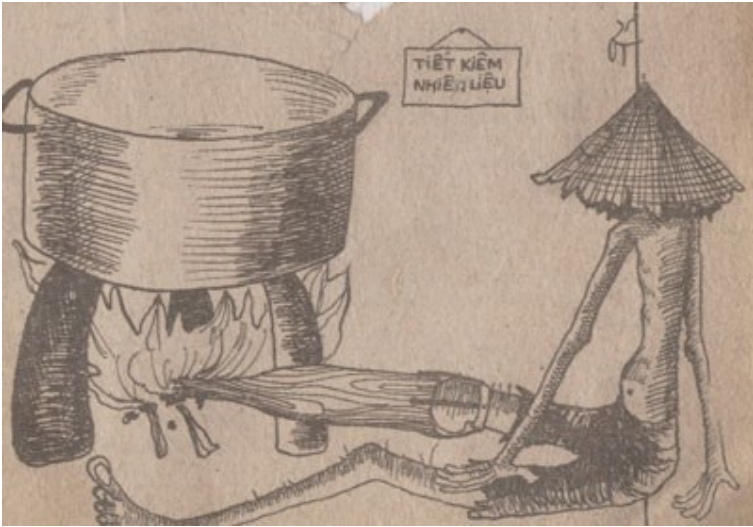
Tranh biếm họa:





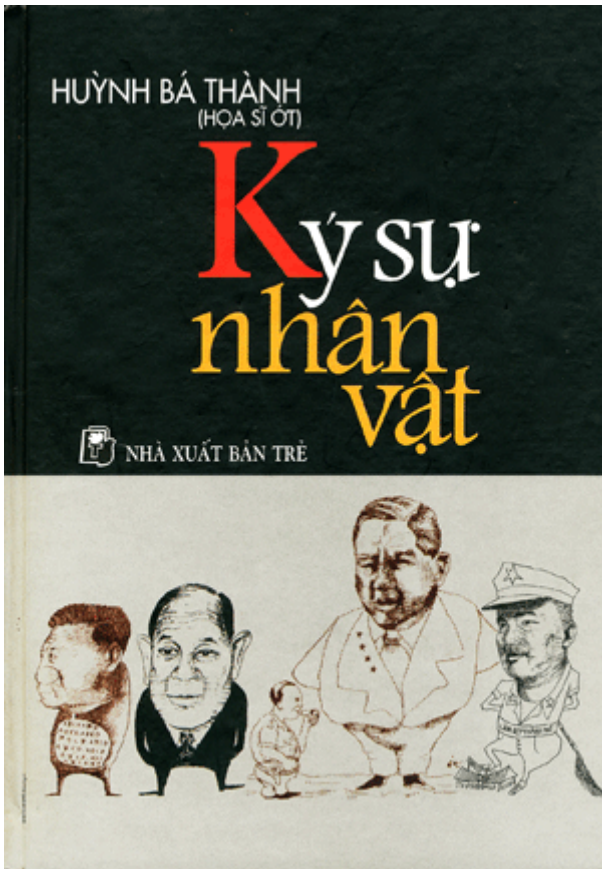


HUỶNH ÁI TÔNG



VĂN HỌC VIỆT NAM CẬN VÀ HIỆN ĐẠI I





Theo Lý Quý Chung nhận xét trong *Hồi ký không tên* : “... tranh của Ớt nhắm chủ yếu vào hai mục tiêu: tổng thống Thiệu và tổng thống Nixon. Với cách vẽ đơn giản, chỉ cần vài nét nhưng Ớt đủ làm cho độc giả nhìn ra Thiệu và Nixon...”

Tài liệu tham khảo:

- Huỳnh Bá Thành Web: son-trung.blogspot.com
- Tết này nhớ Ớt Web: leminhquoc.vn

Chương thứ tư

Từ công cuộc Đổi mới của nhà nước.

Tháng 6 năm 1986, Tổng bí thư Lê Duẩn qua đời, Trường Chinh lên thay, ông phát động công cuộc đổi mới chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tháng 12 năm 1986, tại Đại hội Đảng lần thứ VI, Nguyễn Văn Linh Bí thư Thành Ủy thành phố HCM được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, giữ chức Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng, kiêm chức Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương (1987). Từ đây bắt đầu thời kỳ Đổi Mới và Cởi Mở của Việt Nam.

Nhà nước chấp nhận sự tồn tại bình đẳng và hợp pháp của nhiều thành phần kinh tế (Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần IX quy định có 6 thành phần kinh tế: kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản Nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), nhiều hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp). Tuy nhiên, kinh tế Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Từ chủ trương đổi mới của đảng, văn nghệ cũng được đổi mới, trong Nam một số tác phẩm trước 1975 được in lại, một số các nhà văn miền Nam trước kia, tác phẩm của họ cũng được in để phát hành. Ngoài Bắc một số tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, các nhà văn tả chân như Vũ Trọng Phụng, Nam Cao. Tác phẩm của nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm cũng được in ra phát hành.

Tiết một: Những nhà văn miền Nam được in tác phẩm

Nhà văn miền Nam sau 30 tháng 4 năm 1975, một số đã di tản, một số còn lại bị bắt đi học tập, tù đày vì tác phẩm của họ chống lại chủ nghĩa cộng sản, hoặc được đánh giá thuộc loại “văn hóa đồi trụy” đều có hại cho chế độ và xã hội cần tiến lên chính thể cộng sản, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Một số nhà văn theo cách mạng, hoặc có tư tưởng tiến bộ, tác phẩm của họ đương nhiên là được ưu đãi in ấn phổ biến.

Những nhà văn chỉ viết về khảo cứu, phong tục, không ca ngợi hay có xu hướng theo chế độ cũ, qua công cuộc Đổi mới của nhà nước, họ được viết bài đăng báo, tác phẩm của họ được phát hành.

Một số nhà văn điển hình được đề cập tới trong tiết này.

1. Vương Hồng Sển



Wương Hồng Sển (1902-1996)

Wương Hồng Sển bút hiệu Anh Vương, Vân Đường, Đạt Cổ Trai tên thật là Vương Hồng Thạnh (王 江 盛), nhưng chữ 盛 phát âm theo Phước Kiến là Sển, ông sinh năm 1902 tại quê ngoại, làng Xoài Cá Nã (nay là làng Đại Tâm - kê thị xã Sóc Trăng), thân phụ ông là người Minh Hương Vương Kim Hưng, thân mẫu ông người Việt gốc Khờ-me Hứa Thị Hứa, trên giấy tờ Vương Hồng Sển sinh ngày 4 tháng 11 năm 1904 tại làng Khánh Hưng.

Năm 1910, lên 8 học trường Sơ học Khánh Hưng

Năm 1919, được 17 tuổi rời Sóc Trăng lên Sài Gòn học trường Chasseloup-Laubart.

Năm 1923, sau bốn năm học, đậu bằng Thành Chung (Brevet Élémentaire), rồi thi đỗ kỳ thi tuyển thư ký chánh phủ, được bổ dụng làm thư ký Trường Bá Nghệ đường Đỗ Hữu Vị, sau đổi lại là Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng Sài Gòn, cho đến năm 1928.

HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1924, cưới vợ đầu tiên là cô Trần Thị Tố, đến năm 1926 ly dị.

Năm 1927, cưới vợ thứ hai cô Dương Thị Tuyết, cháu nội bà Đốc phủ An ở Hòa Tú, Sóc Trăng.

Năm 1928 đến 1932, đổi về Sa Đéc làm phát ngân viên tại Tòa Bó (Tòa Hành Chánh tỉnh) Sa Đéc.

Năm 1932-1936, đổi về làm ở Ty Địa Bộ Sóc Trăng.

Năm 1936-1939, làm Thông ngôn cho ông Chánh Tham Biện (Tỉnh trưởng) Cần Thơ

Năm 1939-1943, đổi về làm ở Dinh Thống Đốc Nam Kỳ, lúc mới về làm phụ tá cho ông Dương Văn Minh (thu ký công nhật – sau đó ông Minh bị động viên).

Năm 1943-1943, chuyển về Tòa Bó Sóc Trăng, đã làm công chức đủ 20 năm nên xin về hưu.

Năm 1945, được Thanh Niên Tiền Phong bầu làm Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời tỉnh Sóc Trăng, nhưng vài tháng sau bị buộc từ chức.

Năm 1945-1947, chạy loạn về nhà quê.

Tháng 7 năm 1947, lánh nạn nên chạy lên Sài Gòn.

Ngày 19-7-1947, mua vé máy bay cho vợ từ Sài Gòn về Sóc Trăng, từ đó vợ ông bỏ ông luôn sau 19 năm chung sống, không con cái.

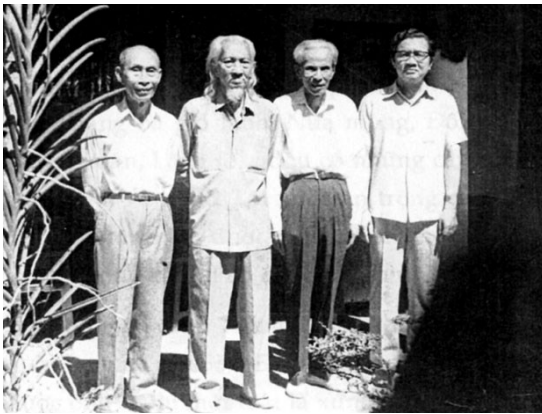
Tháng 10 năm 1947, ông sống chung với bà Nguyễn Kim Chung, nghệ danh Năm Sa Đéc

Tháng 4-1948, xin được làm ở Viện Bảo Tàng Sài Gòn, lương công nhật, sau làm Giám Đốc Viện này cho đến năm 1963, khi Tướng Nguyễn Khánh lên, ông bị mất chức, nghỉ luôn từ đó. Trong những năm làm việc ở Viện Bảo Tàng, ông được mời đi tham quan Đài Loan, Nhật Bản, Pháp, Ý, Bỉ.

Năm 1951, bà Năm Sa Đéc sanh cho ông đứa con trai duy nhất, đặt tên là Vương Hồng Bảo, sau 1975, Vương Hồng Bảo làm ăn thua lỗ bị tù và chết trong tù năm 1998.

Năm 1953, ông tạo dựng được căn nhà của mình, nhà ông tại số 9/1 đường Nguyễn Thiện Thuật, P14, Q. Bình Thạnh, được ông đặt tên gọi là Văn Đường Phủ.

Năm 1965-1967, ông được mời dạy ở Đại Học Văn Khoa Huế.



Ảnh chụp tháng 6 năm 1981, từ trái sang phải: Quách Tấn, Vương Hồng Sển, Nguyễn Hiến Lê, Bs Nguyễn Chấn Hùng.

Từ khi đi làm, ông bắt đầu sưu tầm đồ cổ, ông trở thành nhà sưu tập danh tiếng về cổ ngoạn, ông cũng viết sách về

những gì thuộc về cổ xưa như *Sàigòn Năm Xưa, Thú Chơi Sách, Thú Chơi Cổ Ngoạn....*

Ông sống với bà Năm Sa Đéc rất hạnh phúc, bà mất năm 1988, thọ 81 tuổi, còn ông mất năm 1996 tại Gia Định, thọ 94 tuổi, linh cữu ông được đưa về an táng tại quê nhà ở Sóc Trăng. Vân Đường Phủ và tất cả báu vật cổ một đời ông đã sưu tầm, đều hiến cho thành phố HCM.

Tác phẩm:

- *Thú chơi sách* (Tự Do, 1960)
- *Sài Gòn năm xưa* (tập I, II 1960, III 1992)
- *Hồi ký 50 năm mê hát* (1968)
- *Phong lưu cũ mới* (1970)
- *Thú xem chuyện Tàu* (1970)
- *Thú chơi cổ ngoạn* (1971)
- *Chuyện cười cổ nhân* (1971)
- *Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa* (1972)
- *Cảnh Đức trấn đào lục* (1972)
- *Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn* (1972)
- *Hơn nửa đời hư* (1992)
- *Tạp bút năm Nhâm Thân* (1992)
- *Khảo về đồ sứ từ hậu Lê đến sơ Nguyễn* (1993)
- *Những đồ sứ do đi sứ mang về* (1993)
- *Những đồ sứ khác Quốc dụng, Ngự dụng v.v..* (1993)
- *Tạp bút năm Quý Dậu* (1993)
- *Tự vị tiếng Việt miền Nam* (1994)
- *Nửa đời còn lại* (1995)
- *Thú ăn chơi*
- *Khảo về hát bội*

Trích văn:

Cháo Cá Chợ Cũ

Người nào, năm nay 1983, khi đi đường Võ Di Nguy, trước khi quẹo qua đường bên hông Nha Ngân Khố ngày xưa, chưa tới bốn năm căn gì đó, gọi ty thuế vụ của cái chế độ tiêu tủng ông Thiệu, nơi bên phố tay trái, có một căn lụp xụp, chủ nó đã đông mắt từ lâu, nhưng cảnh nhà không đổi, vẫn cũ xi cũ xọp, ban đêm đóng vài miếng ván ọp ẹp, lổ ra vào tối gài bằng mảnh cửa thông xám đen vì lâu năm, nay người chủ mới lại ở, vẫn để y không đổi, người khách qua đường tôi nói trên đây, nào biết căn nhà bề ngoài coi xập xệ này, lại là nơi khách phong lưu trước đây chiều chiều hay sáng sáng vẫn tấp nập nơi đây và giành nhau từng tô cháo vừa ngon vừa bổ vừa rẻ tiền, tôi muốn nói tô cháo cá Chợ Cũ, danh bất hư truyền, từ ngày tôi lên học (1919), đến ngày dẹp tiệm (1975), đã cha truyền con nối, suốt bốn năm thế hệ, trót trăm năm chớ không phải chơi, vì trước khi tôi lên đây ăn học, thì quán kia đã có, vẫn y một chỗ, vẫn không thay đổi mặt tiền bề ngoài, và món cháo hương vị vẫn không đổi và vẫn cung phụng cho khách kén ăn trải trăm năm danh tiếng.

Tôi đã biết chủ của cái quán ấy, từ một ông già Quảng Đông, ốm cao nhưng lưng thẳng như chữ I, đứng nấu từng tô cháo cho mọi người, qua thẳng chệch con chủ tiệm, vẫn đứng bán làm đầu bếp nấu cho cha, vẫn áo thun trắng thật sạch, cụt tay, vẫn ốm và cao như ông già Quảng lỏng không khác, kế tiếp đến thằng Tàu, cháu nội ông già “cháo cá”, cũng vẫn y như một: áo thun, ốm và lưng ngay chò bắt khuất, xuống đến thằng chắt nội, ba mươi cái xuân, một cây lưng thẳng, một tay cầm muống cán dài, một tay cầm tô hứng cháo nóng sôi sục sục; không một giọt rót rơi, khách nào muống ăn sang, nó đập cái phụng, bỏ vào tô một hột gà tươi đỏ rói, tiếp đến thằng chít nội thừa kế, vẫn áo thun, vẫn ốm thon thon, kế đến tháng tư năm 1975, nồi cháo không ai chụm lửa, gia quyến anh Ba Tàu bán cháo đã rút lui về xứ,

bỏ lại đây bao nhiêu khách đô thành đã mất một món ăn không thay thế, và tô cháo còn chẳng là trong bài tường niệm vô duyên này.

“Nhớ ai như nhớ thuốc Lào, mới chôn điếu trước lại đào điếu sau” (muốn hát “điếu trước điếu sau” hay hát “điếu xuống điếu lên” chi cũng mặc), và đó là câu hát xưa ngoài nó, nay có thể nhại lại, rằng : “Nhớ ai như nhớ tô cháo cá năm nào, sáu xu (0\$06) một chén, ngọt ngào, “ăn thêm”. Ăn thêm, muốn ăn thêm thì hãy hô to: “thêm xực”, tức đã nói được hai tiếng Quảng: thêm (thêm lên) và xực là thực, ô ! có khó gì tiếng Quảng Đông ấy. Khi nghe hai tiếng “thêm xực” thì bỗng chốc có tô khác bung lại, hơi lên nghi ngút, ăn chẳng thấy no, mà no làm sao được vì lòng bồng toàn nước ngọt cá thịt, xương heo và thịt tôm hùm làm bở, nói rằng cháo Quảng, mà mò không thấy một hạt gạo, họ nấu toàn bằng tấm mẫn, nói đó là tấm cũng chưa được đúng, cháo Quảng rõ là hồ sệt sệt, người mới mạnh dùm không trúng thực, người mệt mỏi ăn vào nhẹ bụng mau tiêu, tô cháo cá Chợ Cũ quả là một tô thuốc tráng thận, mất tô cháo là mất đi một món ăn ngon bở khỏe, chưa có món rẻ tiền nào thay thế.

Một tô “bột gạo nát nấu thật nhừ”, thả vào một mớ đu đủ nước cam thảo, gừng xắt vụn, ít lá hành, ít bụi tiêu cà, đĩa cá tươi để riêng, đặt trên bàn chờ khách tư tay cho cá vào tô, muốn ăn tái hay thật chín tùy sở thích, giá một cắc bạc (0\$10) thời đó ; khách nào muốn ăn thêm cá, gọi thêm một đĩa tính bốn xu (0\$04), kẻ nào muốn ăn sang gọi một tô cá trộn gói riêng, giá mười xu (0\$10), muốn dằn bụng thật no, kêu thêm bánh “dầu cha quẩy”, mỗi cái bánh một xu (0\$01), vị chi xài chưa tới một cắc ngoài, mà vừa xong một bữa vĩ với, vừa nhẹ nhàng thơ thới, lại thêm bở khỏe. Thật là giang san không đổi ! Viết đến đây, nhớ câu “*Giang san tận thuộc hoàng triều Tống, mãi thủ Hoa sơn lão đạo*”

manh”, không biết có đúng hay chẳng nguyên văn của ông Trần Đoàn, chỉ nhớ đó là tích vua Tống sai đòi thuế, Trần Đoàn, xưng là lão đạo manh, trả lời hòn Hoa sơn, năm trước vua Khuông Dân, đánh cờ thua, đã ký bán núi cho ông dứt khoát lâu rồi !

Sướng vậy thay thời thái bình, phong lưu vừa tay tầm vói, tính từ xu từ cắc! Nhưng quên nói, quán xịch xạc, lồi thồi, nền lót gạch Tàu đỏ bụi giầy đóng từng lớp dày ít năng chà rửa, nhưng vẫn thật sạch, không xả rác, bàn ghế bằng cây thông thao lao đã mòn cạch vì lâu năm, quán tuy xấu bề ngoài, nhưng khách toàn là lựa chọn, hoa khôi công tử, không kén mặt, miễn ngon là được; một hôm, tôi đưa vợ chồng ông Đoàn Quan Tấn nguyên cựu bộ trưởng giáo dục thời ông Trần Văn Hữu cùng đi với phu nhon là chị Nguyễn Thanh Long, đến quán thưởng thức món cháo cá, ông là cử nhân Pháp Sorbonne, chuyên về văn phạm và có tiếng là khó tánh, bà là “bằng cấp đầy mình”, giỏi Pháp văn, nói tiếng Anh như lật rau, kể về tánh khó và kỹ, không thua chồng, sức bực bánh mì mua cho chó ăn mà bà vẫn lấy bàn chải chải tro bụi rồi mới dâng cho cậu xực, hai ông bà vào quán, dùng xong bữa, đưa nhau ra đường, ông phê bình: “Chớ chi quán biết dọn dẹp trang trí, gạch bông trắng trẻo, bàn ghế tân thời, thì hay biết mấy!”. Chị Long đi giữa tôi cung kính nói vói: “Thưa bộ trưởng, nếu như vậy thì đã hết xính xái Ba Tàu!”.

(Trích *Sài Gòn tạp pín lù*, trang 48-50)

Sài Gòn “Tạp Pín Lù” là gì ?

Nếu dịch đúng ra Hán Việt, là “*Sài Gòn đã biên lô*” vẫn chưa ai hiểu là gì? *Tả*, tạp là “đã”, đánh; *Pín* - có hai nghĩa:

“pín” là đuôi sam thẳng Chệc đời Mãn Thanh, nhưng đây pín có nghĩa là “biên” (Hán tự) và “bên, gần bên” (Nôm). *Lù* là lò, lò lửa.

Tạp pín lù, là “đả biên lò”, tức là món ăn nấu chín gần bên lò lửa; cũng như “*ăn sán lẩu*” là ăn thịt sống nhúng vào nước sôi bắt trên lò lửa nóng. Số là người Tây bày ra một từ khí làm bằng chì, thiếc, vật kim khí có chân cao giữa khoét lỗ đặt vài cục than cháy, chung quanh là nồi chứa nước thịt ngọt, khách ăn tự lựa từng món ngon: mề gà, lòng heo, ruột già, ruột non, dồi trường, tự gấp bằng đũa và nhúng vào nước thịt đang sôi, rồi tự gấp qua chén và không cần biết món nhúng đã chín hay còn sống sượng. Rồi thì rượu cay, rau sống ngón nghiền chàm ngoàm cả miệng không thốt ra lời được, món ăn ấy gọi “*ăn sán lẩu*”, dịch ra Hán tự là “*Sán sanh*” (thức ăn còn sống, chưa chín), “*lẩu*”: lò (lô), ăn “*sanh lô*”, nhưng nếu nói: “*sanh lô*” ba Tàu không hiểu, phải nói theo họ “*ăn sán lẩu*”, hoặc ăn “*cù lao*” vân vân.

Tiếng miền Nam rắc rối pha chề, người ngoài vô đây, xin khuyển đừng ham “nói chữ”.

Sài Gòn tạp pín lù, nôm na là *Sài Gòn thập cẩm*, *Sài Gòn tào lao*, *Sài Gòn ba lảng nhăng*, ai muốn hiểu sao thì hiểu. *Sài Gòn sán lẩu* cũng được, nhưng tạm dùng danh từ tạp pín lù. Nếu nói theo Bắc thì “*Sài Gòn thập cẩm*”; nếu nói theo Trung thì “*Sài Gòn tào lao*”, nhưng tác giả sanh tại Sóc Trăng (Nam Kỳ) nên: tạp này danh gọi *Sài Gòn tạp pín lù* là vì vậy.

(Trích *Sài Gòn tạp pín lù*, trang 6)

Thay Lời Tựa

Hôm nay, 6-10-1983, mồng một tháng chín Quý Hợi, ba giờ

chiều, đang nằm trên võng đọc sách, bỗng tôi chợt nghĩ và lật đặt lên ngòai bàn máy, sắp giấy đánh thành mỗi trang ba bản, chưa biết, - nếu lỡ chừng, sẽ gọi là “mục, chương”, nếu viết được nhiều trên trăm trang, thì sẽ gọi hay đặt tên đó là như đã thấy, là: tập thứ ba của bộ “**Sài gòn năm xưa**” và sau này, nếu có dịp thuận tiện sẽ in thành sách, tiếp theo “tập I” mà có người đã lấy bản **Sài gòn năm xưa**, phóng ảnh và in lậu bên Mỹ, bán tận Paris, và cũng là tiếp “tập II” tôi đã viết xong dưới đây và chưa có dịp xuất bản, và không chừng chẳng có dịp nào xuất bản.

Ô hay! Tại sao trên mâm cơm người Việt, ta được bày hồ lớn, nào canh ngon xen với một món “xào khô”, một đĩa ram mặn, xen với nào muối tiêu, nào xì dầu và không quên món chám quốc túy khi sang là nước mắm nhỉ Phú Quốc, cũng gọi tắt “nước mắm hòn” hoặc nước mắm nhất hảo hạng Mũi Né, khi hèn, buổi xuống chum, bất kỳ “ngang, ngửa”, nước mắm dư bữa ăn trước, nước muối tiêu có thêm chút đường, chút giấm, được chanh thì càng quý, xếp không trật tự, người ngòai vào mâm muốn gấp, muốn chám món nào tùy sở thích rồi trái lại, trời đất ơi, khi tôi đang buồn, tôi viết, tôi chơi, trời đất ơi, kêu trời sao cho thấu, khi đọc, đọc giả lại rầy tôi viết “thiếu khoa học và không sắp xếp cho ngăn nắp gọn gàng”?

Đã và ngẫu hứng, thừa quý liệt vị, xin làm phước cho tôi được có “chút tự do”. Và nói túng mà nghe dọn có trật tự như buổi ăn theo Tây: xúp đi trước, cá, gà rồi thịt đồ thịt rừng, la sấm la sét, đến chừng chán, trật tự cách mấy rồi chán vẫn chán, và mấy ai đã đòi trật tự buổi này. Trở lại câu chuyện viết lách, tỹ như viết “hồi ký”, “nhật ký” làm vậy vô hà trật tự. Quý vị sẽ thấy: tôi vui đâu chúc đó, hứng khi nào, viết khi nấy viết xong, khi toan đóng lại thành tập, bỗng đổi ý tôi chừng ấy mới sắp lại, tậm tậm cho có chừng, và trật tự nổi gì?

Một cái bánh ngon, là cái bánh nguyên, vừa mới ra lò, còn nóng hổi, “vừa thổi vừa ăn” tôi muốn nói “tập I”, đến như tập III này, vì còn chút đường dư bột vụn, tôi o bế lại cho đỡ con đói lòng, quý vị thương tình, xin bớt hay đừng cố chấp.

Tôi thanh minh một lần nữa, khi soạn tập I, tôi vẫn chưa đọc đủ các tài liệu đã xuất bản rồi, và sau đây, vừa mới đây, nhơn buồn, lấy sách cũ ra đọc, “bưởi đóng tro tàn” vụt thấy vài truyện hay hay, bèn chép ra đây, rõ là “xà bần, thập cẩm”, “tạp pín lù”.

Muôn dùng muốn đọc muốn cho vào xọt giầy, đều được, chỉ xin chút cảm thông là đáng quý rồi và không khách sáo, đây xin muôn vãn tạ ơn lòng.

Cẩn tự

(Trích: *Sàigòn Tạp Pín Lù*, trang 5, 6 - phần sau)

Vương Hồng Sển viết văn rònng miền Nam, người ta thích đọc văn ông vì ông viết những chuyện xưa, dính liền với Sàigòn mọi người đều có ít nhiều liên quan, nó gợi cho người đọc, ai cũng có tánh tò mò muốn biết, nhờ ông viết sang đàng, chuyện nọ sang chuyện kia có dây mơ, rễ má làm cho người đọc càng thích thú, càng muốn đọc tiếp để được hiểu biết thêm, lối văn hấp dẫn của ông pha một chút hài, một chút ai oán như một món ăn do người thợ nấu khéo, nêm nước mắm mặn lại dần chút đường ngọt làm cho hương vị thêm đậm đà.

Tài liệu tham khảo:

- Vương Hồng Sển Web: vi.wikipedia.org
- *Sài Gòn tạp pín lù* NXB Hội Nhà Văn, 1992

2. Nguyễn Hiến Lê



Nguyễn Hiến Lê (1912-1984)

Nguyễn Hiến Lê sinh ngày 8 tháng Giêng năm 1912, ở làng Phương Khê, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây nay thuộc huyện Ba Vì Hà Nội.

Xuất thân từ một gia đình nhà Nho, ông học tại trường Yên Phụ. Thân phụ mất sớm, được thân mẫu tiếp tục cho ông ăn học, vào những dịp hè ông được theo học chữ Hán với người Bác ruột, nhờ đó ông có căn bản Hán văn, sau lên học trường Bưởi ở Hà Nội, thi đỗ vào Trường Công Chánh Hà Nội.

Năm 1934, ông tốt nghiệp trường Công chính ngạch Cán sự Địa Chánh, vào Nam đi thực tập trong 2 năm tại các tỉnh miền Tây như Sa Đéc, Long Xuyên, Cần Thơ, Bạc Liêu ... Trong lúc đi đo đạc ông bắt đầu viết nhật ký, để ghi những sự việc mới lạ ở đất miền Nam. Năm 1937, hết 2 năm thực tập, ông làm việc tại Sài Gòn, cưới vợ người Hà Nội là bà Trịnh Thị Tuệ nhưng theo gia đình làm việc ở Bạc Liêu, gia đình ông sống ở Sài Gòn.

Khi Nam Bộ kháng chiến xảy ra năm 1946, ông tản cư về Tân Thạnh thuộc quận Cao Lãnh, sau đó qua Long Xuyên

HUỖNH ẨM TÔNG

tìm kế sinh nhai, trước tiên ông mở lớp dạy tư ở nhà người quen, sau đó được ông Nguyễn Ngọc Thơ, tỉnh trưởng Long Xuyên, giới thiệu dạy ở Trung Học Thoại Ngọc Hầu, do việc đi dạy học, ông bắt đầu dịch những sách thuộc loại Học Làm Người, giao cho nhà xuất bản Phạm Văn Tươi ấn hành

Sau đó ông thôi dạy học, chuyên tâm viết, dịch sách. Năm 1953, ông chuyển lên Sài Gòn mở nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê để xuất bản sách của ông và vài thân hữu, tiếp tục dịch sách, sáng tác, biên khảo, viết báo.



Với các bạn trong tạp chí Bách khoa ở Sài Gòn

(từ phải sang trái: Lê Ngô Châu, Vũ Hạnh, Nguyễn Hiến Lê, Vi Huyền Đắc, Lê Phương Chi, Thu Thủy)

Trước 1975, Nguyễn Hiến Lê từ chối đề nghị giải thưởng văn chương toàn quốc, nhiều người đều cho rằng ông rất xứng đáng được giải này, ông luôn là một cây bút có tiếng, viết miệt mài theo một thời khóa biểu nhất định. Sau năm 1975, được mời dự nhiều buổi họp của văn nghệ sĩ, ông cũng có đi dự vài lần, sau lấy lý do bệnh không tham dự được, người ta đề nghị đưa ông vào bệnh viện thống nhất là bệnh viện dành cho cán bộ đảng, ông từ chối vì mình không có công trạng gì, người ta đề nghị trợ cấp cho ông, ông cũng khéo từ chối vì còn tự lo liệu được, có nơi mời viết bài, ông cũng gửi bài viết, có bài bị cắt sửa, có bài chẳng đăng báo, nhờ vậy ông khỏi viết thêm bài.

Có thể cho rằng ông thuộc nhóm Bách Khoa, ông thường cộng tác với Giải Chi biên soạn những sách thuộc về Trung Quốc, với Trương Văn Chính về Văn Phạm Việt Nam, với Thiên Giang về Lịch sử Thế Giới.

Trong đời cầm bút của mình, đến trước khi mất, ông đã xuất bản được hơn một trăm bộ sách, về nhiều lĩnh vực: văn học, ngôn ngữ, triết học, tiểu luận phê bình, giáo dục, kinh tế, chánh trị, gương danh nhân, du kí, dịch tiểu thuyết, học làm người... Tính ra, số bộ sách của ông được xuất bản gần gấp 1,5 lần số tuổi của ông và tính từ năm ông bắt đầu có sách in năm 1949, trung bình mỗi năm ông hoàn thành ba bộ sách với 800 trang bản thảo có giá trị gửi tới người đọc.

Trong một số tác phẩm của mình, Nguyễn Hiến Lê dùng bút danh Lộc Đình. Ông kê: *"gần ngõ Phát Lộc có một cái đình không biết thờ vị thần nào mà kiến trúc rất đơn sơ. Hai cánh cửa gỗ luôn đóng kín, trên mái cổng tam quan có đắp một bầu rượu khá lớn nằm giữa hai con rồng uốn khúc châu đầu vào. Thuở bé, tôi được theo bà ngoại vào đình mấy lần, tôi thấy bên trong là một khoảng sân rộng vắng*

ngất. Tuy vậy, mà quang cảnh lạnh lẽo trầm mặc thâm u của ngôi đình bỗng nhiên len sâu trong tâm tư tôi những khi ngồi học trong lớp, hoặc những khi tôi đến chơi nơi nào đông vui là tôi lại chạnh nghĩ đến ngôi đình, nhớ đến bà ngoại tôi. Nhất là sau ngày cha tôi và bà ngoại tôi vĩnh viễn ra đi trong cái ngõ hẹp tối tăm ấy..." và "Bút danh Lộc Đình tôi dùng ký dưới một bài văn ngắn từ hồi trẻ... Lộc là ngõ Phát Lộc, còn Đình là cái đình ấy."

Năm 1980, ông về lại Long Xuyên. Cùng năm ông bắt đầu viết *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê*, đến tháng 9 năm 1980 thì hoàn thành. Đồng thời ông tách những đoạn nói về văn nghiệp ra riêng, sửa chữa, bổ sung và biên tập lại thành cuốn sách *Đời viết văn của tôi*. Tác phẩm này được sửa chữa xong vào năm 1981, sau đó sửa chữa thêm và hoàn chỉnh vào năm 1983.

Hồi ký Nguyễn Hiến Lê được nhà xuất bản Văn Học xuất bản lần đầu tiên năm 1992, sau đó cho xuất bản nhiều lần, nhưng nhà xuất bản tự ý cắt sửa nhiều nơi và bỏ nhiều chương, bởi vì những chương đó phê phán chủ nghĩa Mark sai lầm, phê phán chế độ đương thời, người ta vẫn đánh giá ông là một nhân cách lớn.

Ông lâm bệnh được đưa vào bệnh viện An Bình ở Chợ Lớn điều trị, rồi mất tại đây lúc 8 giờ 50 phút ngày 22 tháng 12 năm 1984, hưởng thọ 73 tuổi. Linh cữu của ông được hỏa thiêu vào ngày 24 tháng 12 năm 1984 tại lò hỏa thiêu Thủ Đức. Tro cốt của ông được đem về chôn trong khuôn viên nhà bà kế thất Nguyễn Thị Liệp. Năm 1998, cô giáo Liệp tạ thế, được an táng trong khuôn viên chùa Phước Ân ở Rạch Cái Bường (thuộc xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp), tro cốt của ông cũng được đặt bên trên phần mộ của bà.



Tác phẩm:

- *Tổ chức công việc theo khoa học* (1949)
- *Đắc nhân tâm* (dịch Dale Carnegie - 1951)
- *Kim chỉ nam của học sinh* (1951)
- *Luyện tình cảm* (dịch F. Thomas – 1951)
- *Đề hiểu văn phạm* (1952)
- *Bảy bước đến thành công* (dịch G. Byron - 1952)
- *Tổ chức gia đình* (1953)
- *Thế hệ ngày mai* (1953)
- *Nghệ thuật nói trước công chúng* (1953)
- *Bảy ngày trong Đồi Tháp Mười* (1954)
- *Sân sóc sự học của con em* (1954)
- *Hiệu năng* (1954)
- *Tự học để thành công* (1954)
- *Đại cương văn học sử Trung Quốc* (3 quyển 1955)
- *Lịch sử thế giới* (viết với Thiên Giang – 1955)
- *Sống 24 giờ một ngày* (dịch Arnold Bennett – 1955)

- *Quảng gánh lo đi và vui sống* (dịch Dale Carnegie – 1955)
- *Giúp chồng thành công* (dịch Dorothy Carnegie – 1956)
- *Nghề viết văn* (1956)
- *Muốn giỏi toán hình học phẳng* (1956)
- *Bí quyết thi đậu* (1956)
- *Đông Kinh Nghĩa Thục* (1956)
- *Rèn nghị lực* (1956)
- *Luyện tinh thần* (dịch Dorothy Carnegie – 1957)
- *Luyện văn I* (1953, II & III 1957)
- *Muốn giỏi toán đại số* (1958)
- *Thời mới dạy con theo lối mới* (1958)
- *Guơng danh nhân* 1959)
- *Muốn giỏi toán hình học không gian* (1959)
- *Guơng hi sinh* (1962)
- *Hương sắc trong vườn văn* (2 quyển – 1962)
- *Tương lai trong tay ta* (1962)
- *Kiếp người* (dịch Somerset Maugham – 1962)
- *Xung đột trong đời sống quốc tế* (1962)
- *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam* (viết với Trương Văn Chỉnh – 1963)
- *Sống đẹp* (1964)
- *Guơng kiên nhẫn* (1964)
- *Một niềm tin* (1965)
- *Luyện lý trí* (1965)
- *Đại cương triết học Trung Quốc* (viết chung với Giản Chi – 1965)
- *Cách xử thế của người nay* (dịch Ingram – 1965)
- *Sống đời sống mới* (dịch Powers – 1965)
- *Cổ văn Trung Quốc* (1966)
- *Guơng chiến đấu* (1966)
- *Tìm hiểu con chúng ta* (1966)
- *Xây dựng hạnh phúc* (dịch Aldous Huxley – 1966)
- *Thăng tiến trên đường đời* (dịch Lurton – 1967)

- *Lời khuyên thanh niên* (1967)
- *Tay trắng làm nên* (1967)
- *Vấn đề xây dựng văn hoá* (1967)
- *Tổ chức công việc làm ăn* (1967)
- *Chiến tranh và hoà bình* (dịch Lev Nikolayevich Tolstoy – 1968)
- *Chiến Quốc sách* (viết chung với Giản Chi -1968)
- *Bí mật dầu lửa* (dịch Gaillard – 1968)
- *Đế Thiên Đế Thích* (1968)
- *Bài học Israel* (1968)
- *40 gương thành công* (1968)
- *Thư ngỏ tuổi đôi mươi* (dịch André Maurois – 1968)
- *Sống 365 ngày một năm* (1968)
- *Những cuộc đời ngoại hạng* (1969)
- *Bán đảo Ả Rập* (1969)
- *Khóc lên đi ôi quê hương yêu dấu* (dịch Alan Paton – 1969)
- *Mưa* (tuyển dịch nhiều tác giả – 1969)
- *Trút nỗi sợ đi* (dịch Coleman – 1969)
- *Con đường lập thân* (dịch Ennever – 1969)
- *Sử ký Tư Mã Thiên* (viết chung với Giản Chi – 1970)
- *Làm con nên nhớ* (viết với Đông Hồ – 1970)
- *Tô Đông Pha* (1970)
- *Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa* (dịch – 1970)
- *Quê hương tan rã* (dịch C. Acheba – 1970)
- *Một lương tâm nổi loạn* (1970)
- *15 gương phụ nữ* (1970)
- *Hoa đào năm trước* (1970)
- *Thư gửi người đàn bà không quen* (dịch André Maurois – 1970)
- *Einstein* (1971)
- *Con đường hoà bình* (1971)
- *Lợi mỗi ngày một giờ* (1971)
- *Lịch sử văn minh Ấn Độ* (dịch Will Durant – 1971)
- *Thế giới ngày mai và tương lai nhân loại* (1971)

- *33 câu chuyện với các bà mẹ* (1971)
- *Chấp nhận cuộc đời* (dịch L. Rinser – 1971)
- *Ý chí sắt đá* (1971)
- *Chinh phục hạnh phúc* (dịch Bertrand Russell – 1971)
- *Sống theo sở thích* (dịch Steinckrohn – 1971)
- *Giữ tình yêu của chồng* (dịch Kaufmann – 1971)
- *Nhà giáo họ Khổng* (Cảo Thơm - 1972)
- *Liệt tử và Dương tử* (Lá Bối - 1973)
- *Câu sông Drina* (dịch I. Andritch – 1972)
- *Bài học lịch sử* (dịch Will Durant – 1972)
- *Ý cao tình đẹp* (1972)
- *Thế giới bí mật của trẻ em* (1972)
- *Bertrand Russell* (1972)
- *Cháu bà nội tội bà ngoại* (1974)
- *Những vấn đề của thời đại* (1974)
- *Nguồn gốc văn minh* (dịch Will Durant – 1974)
- *Văn minh Á Rập* (dịch Will Durant – 1975)
- *10 câu chuyện văn chương* (1975)
- *Mạnh Tử* (1975)
- *Sử Trung Quốc* (3 tập - 1982)
- *Con đường thiên lý* (1990)
- *Tôi tập viết tiếng Việt* (1990)
- *Hồi ký Nguyễn Hiến Lê* (1992, 1993, 1994, 1997, 2001, 2006)
- *Khổng Tử* (viết xong 1978 - Xuất bản 1992)
- *Đời nghệ sĩ* (1993)
- *Lão Tử* (dịch trọn Đạo đức kinh, viết xong 1977 - Xuất bản 1994)
- *Trang Tử* (viết xong 1975 - Xuất bản 1994)
- *Hàn Phi Tử* (viết chung với Giản Chi , 1975 - Xuất bản 1994)
- *Tuân Tử* (viết xong 1975 - Xuất bản 1994)
- *Mặc học* (dịch một phần bộ Mặc Tử, viết xong 1976 - Xuất bản 1995)
- *Luận ngữ* (Dịch trọn bộ và chú thích, viết xong 1978)

Xuất bản 1995)

- *Đời viết văn của tôi* (1996)
- *Lịch sử văn minh Trung Quốc* (dịch Will Durant – 1997)
- *Gogol* (2000)
- *Tourgueniev* (2000)
- *Tchekhov* (2000)
- *Để tôi đọc lại* (2001)
- *Những quần đảo thần tiên* (dịch Somerset Maugham – 2002)
- *Kinh Dịch, đạo của người quân tử* (viết xong 1979 - Xuất bản 1992, ...,2002...)

Các bài đăng trên tạp chí:

242 bài trên tạp chí *Bách Khoa*, 50 bài trên các tạp chí *Mai*, *Tin Văn*, *Văn*, *Giáo Dục Phổ Thông*, *Giữ Thơm Quê Mẹ*. Ngoài ra ông còn viết lời giới thiệu cho 23 quyển sách.

Trích văn:

Viết về văn học Trung Quốc

Công trình mệt cho tôi nhất – mệt mà thú – hồi tản cư ở Long Xuyên nhất là viết bộ *Đại cương văn học sử Trung Quốc* gồm ba cuốn: I. Từ thượng cổ đến đời Tuy; II. Đời Đường; III. Từ Ngũ đại đến hiện đại.

Viết bộ đó chủ ý của tôi cũng là để *tự học*. Trong bài *Tựa* - mà tôi lấy làm đặc ý - tôi nói hồi ở trường Bưởi tôi đã tò mò muốn biết về văn học Trung Quốc. Nên cố học Trung Quốc như có sức gì huyền bí thu hút tôi, một thanh niên theo Tây học. Mỗi lần nghe đúng tên như *Văn tâm điều long*, *Chiêu Minh văn tuyển*, *Tiền Xích Bích phú*, *Qui khứ lai từ*... dù chẳng hiểu nghĩa, tôi cũng thấy trong lòng vang

lên một điệu trầm trầm, như nhớ nhung cái gì. Phải chăng đó là tiếng vang những giọng ngâm nga của tổ tiên tôi còn văng vẳng trong lòng tôi?

Muốn tìm hiểu văn học Trung Quốc mà sách báo Việt chỉ làm cho tôi thất vọng. Cuốn *Việt Hán văn khảo* của Phan Kế Bính sơ lược quá; còn đọc những bài dịch Cổ văn, thơ Đường đăng lác đác trên tạp chí *Nam Phong* và một số báo khác thì không khác gì coi mấy bông sồi, bông hồng, bông ngâu, bông móng rồng mà mấy chị bán hoa ở phố Hàng Đường (Hà Nội) gói trong chiếc lá chuối, chứa trong cái thúng để bán cho các bà nội trợ mua về cúng rằm, làm sao biết được vườn làng Ngọc Hà, làng Yên Phụ ra sao.

Tôi chỉ còn cách học chữ Hán để đọc sách của người Trung Hoa viết. Khi đã có một số vốn độ 3.000 chữ, đủ để mò trong các tự điển Trung Quốc, tôi kiếm mua mấy bộ *Cổ văn*, *Đường thi*, *Văn học sử*, *Bạch thoại văn học sử*, *Trung Quốc văn học tư trào sử lược*... như tôi đã nói (chương XIII), rồi mò mẫm lần. Thật khó nhọc vô cùng! Đọc một bài trong *Cổ văn quan chỉ* dài độ hai mươi hàng, tôi thường mất cả buổi mà chỉ hiểu lơ mờ. Bộ ấy chú thích rõ ràng, và có dịch cổ văn ra bạch thoại; nhưng cổ văn và bạch thoại của tôi đều ở mức sơ đẳng, phải dùng cổ văn để đoán bạch thoại và ngược lại dùng bạch thoại để đoán cổ văn.

Còn những cuốn Văn học sử thì tuyệt nhiên không có chú thích, nhiều chỗ tôi phải viết thư hỏi bác tôi, nhưng không dám hỏi nhiều vì mất công bác viết thư trả lời. Đánh đọc nhiều sách, nhiều lần rồi vỡ nghĩa dần.

Học tới đâu tôi tóm tắt, ghi tới đấy, so sánh các sách, sắp đặt rồi chép trong những tập vở 100 trang. Sau cùng dịch một số bài văn thơ, viết thành chương. Nội công việc dịch và viết này cũng mất chín, mười tháng. Các bài cổ văn thì

tôi dịch lấy, thơ tôi dịch được một số, bác tôi dịch cho một số lớn. Bài thơ nào không đề tên người dịch là của tôi, đề “Vô danh dịch” là của bác tôi. Hai bác cháu đều chú trọng nhất tới đức “tín”, nghĩa là dịch sao cho đúng, cho sát, không dám sửa lời, thêm ý. Chúng tôi biết nhiều bài người trước đã dịch rồi mà hay, nhưng vì ở Long Xuyên thiếu sách, tôi không thể kiểm được, nên không dẫn vô.

Tôi viết như vậy cốt để học, chứ không nghĩ đến việc in. Viết xong, thấy có thể giúp cho các bạn hiếu học có một khái niệm về văn học Trung Quốc nên mới sửa lại rồi cho xuất bản. Sự nhận định của tôi chắc không sai nhiều vì tôi đã tham khảo kĩ, bằng những phương tiện tôi có; bố cục có mạch lạc và sáng sủa; nhưng tôi nhận rằng còn những lỗi dịch sai, nhất là phiên âm sai, mặc dầu vậy tôi cũng cứ cho ra mắt độc giả. Sở dĩ “tôi cả gan như vậy là vì tin lòng quảng đại của các vị cụ học, không nỡ trách kẻ hậu tiến học thức nông cạn mà sẵn lòng hạ cố chỉ bảo cho những chỗ sai lầm, hầu giúp bọn tân học chúng tôi hiểu thêm cái cổ học của các cụ, tức là cái nền tảng văn hóa dân tộc Việt Nam chúng ta” (trích trong bài Tựa).

Văn học Trung Quốc ảnh hưởng rất lớn đến văn học Việt Nam mà các cụ quá khiêm tốn không chịu viết thì bọn xâm như tôi đành phải mò kim vậy.

Viết xong tôi chép lại, khoảng 750 trang, mất ba tháng nữa (vì có nhiều chữ Hán và bài nào cũng có phần phiên âm).

Ngày 20 tháng mạp đông năm Quý Tị (26-XI-1953), mọi công việc hoàn thành, tôi thấy khoan khoái. Tôi thảo bài Tựa, cuối bài ghi cảnh trăng khuya trong vườn hoa ở phòng viết trông ra:

“Trăng mới ló dạng. Cảnh vật đang tối tăm, bí mật bỗng hoá ra êm đềm nên thơ. Nhành liễu là đà lấp lánh bên dòng nước. Giò huệ rung rinh tỏa hương dưới bóng dĩa. Đêm nay tôi muốn thả hồn tìm thi nhân cùng danh sĩ Trung Hoa thời trước.

“Hỡi hương hồn chư vị ấy! Tôi mang ơn chư vị rất nhiều, gần bằng mang ơn văn nhân nước tôi; vì từ hồi mới sanh, tôi đã được nghe lời ngâm Chinh phụ, Thúy Kiều xen lẫn với lời bình văn thơ của chư vị và ngay trong văn học nước tôi cũng thường thấy ẩn hiện nổi của lòng chư vị. Tâm hồn tôi ngày nay một phần cũng do chư vị đào luyện nên.

“Viết cuốn này tôi muốn có cơ hội gần chư vị thêm một chút. Tác phẩm của chư vị quá nhiều, tôi không đọc hết, nên ngoài cái lỗi giới thiệu vụng về, tất còn mang thêm cái tội vô tình xuyên tạc. Xin chư vị lượng thứ”.

Mới có 27 năm mà cảnh tôi tả trong đoạn đó nay đã thay đổi hẳn: dòng kinh đã lấp, góc liễu đã không còn, nhưng thêm được hai cây hoàng lan, chiều tối hương thơm ngào ngạt cả một xóm.

Bác tôi mừng tôi hoàn thành tác phẩm, cho tôi hai bài thất ngôn tứ tuyệt:

紅業門前鬥艷香
滿盤詩史費平章
金風鉄馬閒中過
一匣青山自主張

Hồng tử môn tiền đấu diễm hương,
Mãn bàn thi sử phí bình chương.
Kim phong thiết mã nhàn trung quá,

Nhất hạp thanh sơn tự chủ trương.

你自編之我閱之
一家樂事在相知
何須更向東西問
繼往開來更屬誰

*Nễ tự biên chi ngã duyệt chi
Nhất gia lạc sự tại tương tri.
Hà tu cánh hướng đông tây vấn,
Kế vãng khai lai cánh thuộc thùy?*

Dịch nghĩa:

(1)

*Trước cửa, các hoa đỏ, tía tranh nhau phô hương sắc,
Trên bàn đây thi sử, khó khọc phê bình.
Gặp lúc nhàn trong thời buổi binh đao,
Có chủ trương lưu lại một hộp sách trong núi xanh (lưu
tác phẩm cho đời sau)*

(2)

*Cháu cứ viết đi, bác duyệt cho,
Cái vui trong gia đình ở chỗ bác cháu hiểu nhau.
Cần chi phải hỏi người bên đông bên tây,
Việc kế vãng khai lai còn tùy thuộc vào ai nữa.*

Bác tôi còn cho tôi hai câu đối:

古色古香文自古
新心新筆世方新

*Cổ sắc cổ hương văn tự cổ
Tân tâm tân bút thể phương tân.*

一門文獻堪徵史
兩國兵焚不滅書

*Nhất môn văn hiến kham trưng sử
Lưỡng quốc binh phân bất diệt thư*

Dịch nghĩa:

(1)

*Sắc cổ, hương cổ, văn thời cổ
Lòng mới, bút mới, đời vừa mới*

(2)

*Một nhà văn hiến có thể ghi vào sử
Lửa binh hai nước không diệt được sách*

Bộ Đại cương văn học sử Trung Quốc, ông P. Văn Tươi nhận là có giá trị nhưng không chịu xuất bản vì in rất tốn (phải sắp chữ Hán) mà khó bán. Năm 1955 tôi lại phải bỏ vốn ra in, 1956 mới xong [17]. Chỉ in 1.500 bản, tốn 75.000đ (mỗi cuốn 25.000đ). Giá vàng hồi đó vào khoảng 4.000đ - 5.000đ một lượng. Bán một năm được khoảng 500-600 bộ, đủ vốn; số còn lại bán bảy tám năm sau mới hết. Vậy, làm cái nghề viết văn cũng cần có vốn kha khá thì mới giữ được chí hướng, làm được những việc mình thích, mà chẳng phải tùy thuộc ai. Nếu tôi không có xuất bản lấy thì 10-15 năm sau chưa chắc đã có nhà chịu in cho, lòng ham viết tất phải nguội dần mà sẽ không viết thêm được cuốn nào về cổ học Trung Hoa nữa.

In xong tôi mang về Long Xuyên ngay để bác Ba tôi coi. Tôi buồn rằng cha mẹ tôi và bác Hai tôi không còn. Tôi đã không phụ công của ba người thân đó. Trang đầu sách tôi đề:

KÍNH DÁNG

Hương hồn Thân mẫu tôi, Người đã cho tôi học thêm chữ Hán ở giữa thời tàn tạ của Nho học.

Bộ đó năm 1964 nhà Khai Trí tái bản; in 2.000 bản, được viện Đại học Huế khuyến sinh viên đọc; nhưng năm 1974 bán vẫn chưa hết. Lần tái bản này tôi chỉ sửa được một phần lỗi trên bản flan (bản để đổ chì) thôi, vì sắp chữ lại thì tốn công lắm.

Nguyễn Hiến Lê xứng danh là một học giả uyên thâm, ông viết, dịch rất nhiều loại sách, từ học làm người đến lịch sử, kinh tế, chánh trị, ngữ pháp, nhất là văn, triết học Trung Quốc, sách của ông viết rất có giá trị vì ông chịu khó học hỏi tìm tòi đến tận cội nguồn, hơn nữa ông làm việc có phương pháp và khảo cứu nghiêm túc vấn đề. Đáng là tấm gương sáng cho người sau noi theo.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hiến Lê Web: vi.wikipedia
- *Viết về văn học Trung Quốc* Web: viteuu.blogspot.com

Dương Nghiễm Mậu



Dương Nghiễm Mậu - Phí Ích Nghiễm (1936-20)

Nhà văn Dương Nghiễm Mậu tên thật là Phí Ích Nghiễm, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1936 tại làng Mậu Hòa, huyện Đan Phượng, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội).

Năm 12 tuổi, ông ra sống và học ở Hà Nội đến bậc trung học. Sau đó, ông bắt đầu viết đoản văn, tùy bút cho phụ trương văn nghệ học sinh của các báo chuyên nghiệp.

Năm 1954, ông vào Nam định cư ở Huế, theo học Trung học tại Trường Nguyễn Tri Phương. Sau đó, gia đình ông dời vào Sài Gòn.

Từ 1957, ông bắt viết nhiều đoản văn, truyện ngắn, truyện dài. Truyện ngắn đầu tiên được đăng trên *Sáng Tạo* là *Giai Phẩm Xuân Kỷ Hợi*, số 28 & 29 tháng 1 & 2 năm 1959.

Năm 1962, ông chủ trương tạp chí *Văn nghệ* do Lý Hoàng Phong làm Chủ nhiệm, đồng thời viết cho các báo *Thế kỷ*, *Tia sáng*, *Văn*, *Văn học*, *Bách khoa*, *Giao điểm*, *Chính văn*, *Sóng thần*, *Giữ thơm quê mẹ...* Ngoài ra, ông còn chủ trương nhà xuất bản Văn Xã.

Năm 1966, ông nhập ngũ, đến năm sau thì được bổ nhiệm làm phóng viên quân đội Việt Nam Cộng hòa cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Dương Nghiễm Mậu được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1966, về truyện dài *Gia tài người mẹ* (Văn Nghệ, 1964).

Năm 1971, ông lập gia đình với Hồ Thị Ngọc Trang, giáo viên Anh ngữ.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, ông bị cộng sản bắt giam một thời gian cùng với các nhà văn khác ở trại giam Phan Đăng Lưu, Gia Định.

Năm 1977, ông được tha về chuyển sang vẽ tranh sơn mài tại nhà, ở Ấp Đông Ba, Phú Nhuận thành phố HCM, để sinh nhai.

Năm 2007, công ty Phương Nam tại Sài Gòn, tái bản 4 tập truyện ngắn của ông, đó là: *Đôi mắt trên trời*, *Cũng dành*, *Tiếng sáo người em út* và *Nhan sắc*.

Ông có nhân sinh quan sống giản dị, tránh mọi phiền toái của xã hội, sống với nghề vẽ tranh sơn mài vừa kiếm sống vừa giải trí để an dưỡng tuổi già.

Tác phẩm:

- *Cũng đành* (Văn Nghệ, 1963; Văn Xã tái bản 1966)
- *Gia tài người mẹ* (truyện dài, Văn Nghệ, 1964)
- *Đêm* (Giao Điểm, 1965)
- *Đêm tóc rối* (truyện dài, Thời Mới, 1965)
- *Đôi mắt trên trời* (Giao Điểm, 1966)
- *Sợi tóc tìm thấy* (Những tác phẩm hay, 1966)
- *Nhan sắc* (An Tiêm, 1966)
- *Tuổi nước độc* (truyện dài, Văn, 1966)
- *Phấn đấu* (truyện dài, Văn, 1966)
- *Kinh cầu nguyện* (Văn Xã, 1967)
- *Gào thét* (truyện dài, Văn Uyển, 1968)
- *Ngày lạ mặt* (truyện dài, Giao Điểm, 1968)
- *Địa ngục có thật* (bút ký, Văn Xã 1969)
- *Ngã đạn* (Nguyệt san Tân Văn, 1970)
- *Quê người* (Văn Xã, 1970)
- *Trong hoang vu* (Nguyệt san Tân Văn, 1971)
- *Cái chết của...* (Văn Xã, 1971)
- *Con sâu* (truyện dài, Văn, 1971)
- *Tên bắt lượ* (Tạp chí Văn học, 1972)
- *Sống đã chết* (truyện dài, Giao điểm, 1972)..
- *Tiếng sáo người em út* (in lần đầu: ?)...

Trích văn:

Tiếng nói

Tặng Ngô Mạnh Thu

Hắn chết đêm hôm trước. Mãi đến buổi sáng hôm sau người ta mới biết. Hắn cố ngoi từ giường đến cửa sổ kẹp đầu vào khe hở giữa hai chấn song mà chết. Máu chảy từ miệng trào ra thành cửa, loang những đường thâm trên mặt tường vôi bần. Người ta cứ ngại làm dấu và thương tiếc một cách dửng dưng. Mấy đứa trẻ con lồi xóm lầy ngón tay quẹt nước bọt bôi vào chỗ máu đọng vẽ ra tường: hình ảnh

một con người dang tay chân, đầu to hơn bụng, mắt tròn mồm méo. Đứa này thêm tí chân, đứa kia thêm tí tay, tí râu, tí tóc, tí đuôi, để trở thành một con vật, một con vật thực sự.

Màu máu đen khô dần dần. Rồi mấy con ruồi xanh kéo đến...rồi mùa nắng qua...rồi mùa mưa tới. Hình ảnh con vật dị kỳ vẫn dang chân, dang tay. Rồi lại có mấy người thanh niên đến ở. Những mẫu chuyện sau đây là của một người, của nhiều người đã bỏ đi - đã bỏ đi hẳn...

2

Có lẽ tôi sắp chết - tôi tự bảo tôi như thế và cho rằng mình linh cảm thấy một điều gì rất đúng không sao chạy trốn được.

Tôi muốn trở vào con đường những năm trước -thật quen thuộc. Đã mấy năm rồi ? Hay chỉ mới hôm qua, hôm kia, lúc sáng, buổi chiều hay vừa xong đây. Tôi không có một chút ý nghĩ về thời gian nữa.

Con đường vẫn thế. Có phải mùa mưa đã trở về không ? Ngõ gập ghềnh từng vũng nước đọng. Khoảng tường đen lấm lũi. Ngọn đèn vàng vọt làm cho những căn nhà dầu bết vẻ đau yếu của nó. Lúc này có lẽ - ừ như tôi nhìn thấy đây này - có lẽ chị Liên đang tiếp khách. Tôi muốn nhìn thấy cái cảnh bản thủ khôn nạn ấy ư? Hay là chị Liên đang gục đầu vào vai một kẻ giang hồ hèn một tương lai để lừa dối cả cái hiện tại này.

Tôi nhớ ra rồi - thật rõ như lúc nãy. Buổi chiều hôm ấy tôi đã đập bỏ cái gương lớn.

- Sao em lại đập đi ? Chị lấy gì mà trang điểm.

- Tôi không phải là em của cô. Tôi không là em một con đi được. Tôi không muốn nhìn thấy mặt tôi. Mặt tôi bần thiêu như nhớp đến chính tôi còn tởm tôi nói chỉ đến người khác. Tôi không thể sống như thế này được.

- Em còn khinh chị còn kể gì đến người ta. Bây giờ em mới nhận ra như thế sao ? Chị nhận ra như thế từ lâu rồi. Kể cũng hơi muộn màng, nhưng cũng còn được. Em có nghĩ đến sự ràng buộc của tình ruột thịt không ?

- Không có gì ràng buộc con người cả. Tình ruột thịt là đối với một con đi sao ? Cô còn muốn gì nữa ?

- Không muốn gì cả. Có điều chị không có gì để tự cho là mình còn một người thân duy nhất:
Thuấn là em của chị Liên. Chị đáng được che chở. Nhưng lại phải tự mình làm lấy. Chị làm đi nhưng chị biết chị. Em xấu hổ lắm sao ?

- Vâng, tôi xấu hổ lắm. Cha mẹ khi còn sống có bao giờ nghĩ đến thế này chẳng. Em không thể nào nhắc đến tên những người đã khuất ở căn nhà này được. Chẳng ai tạo ra đời sống của ta cả, ta tự tạo lấy như thế này đây thôi. Không thể than van được. Cô hãy cầm mồm đi. Cô còn nói nữa tôi sẽ tát vỡ mồm cô ra. Tôi không ràng buộc gì với cô. Cô là con hoang. Tôi là con hoang. Tôi không thể tự nhổ đờm vào mặt, nên tôi phải bỏ đi thế thôi !

Chị Liên gục đầu vào đồng gương vỡ mà khóc. Đầu tóc rũ rượi như một con điên. Màu đèn đỏ cuồn cuộn bay nhảy trên tường, trên trần, dưới sàn. Tôi nhớ tiếng khóc tím tím. Tôi nhìn xuống bóng mình lấm lũi. Lúc chị Liên ngẩng lên thì tôi nhìn thấy máu trát đầy mặt; và đây là hình ảnh cuối cùng lúc tôi xô cửa bỏ ra đường với gói quần áo trên tay.

Căn nhà ấy đây. Khuôn cửa tôi đã bước qua hôm ấy đây. Vết chân của kẻ sát nhân hình như còn hằn máu. Tôi đã cắt đứt sợi dây ruột thịt cuối cùng: Chị Liên.

Bây giờ tôi trở về đây. Tôi sẽ trông thấy trong khuôn cửa khép kín kia một cảnh mà hồi bỏ đi tôi đủ cho là nhục nhã. Tấm màn đỏ vẫn ở chỗ cũ. Chiếc bàn trang điểm vẫn ở góc phòng, màn chiếu vẫn như ngày tôi đi. Tôi nghĩ thế. Tôi trở về để làm em chị Liên.

Tôi sẽ đẩy cửa gặp chị, và tôi sẽ kể lại cho chị nghe, những kỷ niệm đau đớn hay vui tươi của ngày xưa. Tôi là em chị Liên. Chỉ có em và chị mới có những kỷ niệm về nhau và kể nhau nghe. Mẹ tôi bị Tây bắn chết lúc họ về lập tề, trong lúc thầy tôi chung sống với người di ghê ở Sơn Tây.

Hai ngày sau khi chôn mẹ tôi, thầy tôi mới trở về. Tôi và chị Liên khóc nhìn thầy tôi một lần khi người đứng trước linh vị, rồi chúng tôi bỏ nhà xuống bà ngoại ở cho đến khi thầy tôi đi Sơn Tây. Chúng tôi trở về với ông nội và chú thím. Mẹ tôi chết không kịp trời trăng nửa lời - và tôi chỉ còn mỗi kỷ niệm này : máu người chảy nóng trên tay tôi cho đến khi tắt thở. Người sống âm thầm từ ngày thầy tôi bỏ đi với người vợ thứ không có phép cưới, nhưng ở trong gia đình đều nín thinh và không bao giờ nhắc đến. Ông nội tôi thương con dâu có một lần thầy tôi về ông tôi giận dữ đập bể chiếc điếu Mai hạc rất quý mà mắng thầy tôi, nhưng rồi câu chuyện vẫn thế. Chúng tôi sống âm thầm khi vắng người cha. Ông nội và bà ngoại thương mẹ tôi nhiều lắm. Chú thím tôi muộn màng chưa sinh nở nên cũng quý mến chúng tôi.

Nhưng hai tháng sau ngày mẹ tôi mất – ông nội tôi bệnh nhẹ rồi qua đời. Người nhắc lại lời lúc mẹ tôi mất : Lá xanh rụng trước lá già. Ông thương các cháu quá.

Những năm sau tiếng súng nổi tiếp, người ta giết người không kịp kê. Chiến tranh làm cho đời sống tức thở và bất trắc.

Năm giỗ đầu chú thím tôi trang trọng cúng mẹ tôi. Những người thân thuộc nhắc đến thầy tôi thật nhiều. Ngày hôm ấy tôi khóc không ăn được gì và nằm ngoài đồng rơm. ngủ hết đêm. Chị Liên đi tìm không thấy khóc sưng cả mắt vì lo lắng. Chúng tôi không sống thêm được bao lâu như thế thì thầy tôi trở về với người dì ghẻ, trình giá thú cho ông chường bạ rồi mang theo chúng tôi đi. Chú thím tôi khóc thương tiếc nhưng không sao ngăn cản được. Chúng tôi có thêm một người mẹ - mẹ kế. Người ta nói nhiều đến cảnh dì ghẻ con chồng cho chúng tôi nghe, nhưng cả hai chị em đều không tin.

Thầy tôi đi làm ở cảng mang theo chị Liên để hầu hạ. Tôi ở lại với dì ghẻ và hai đứa em. Tôi đòi theo chị Liên nhưng không được. Lần ấy tôi co vạt áo nâu của chị cắn nát một bên mà không biết.

Tôi còn nhiều chuyện buồn. Chị Liên ơi ! em kể cho chị khóc một lần.

Tôi được đi học buổi chiều, buổi sáng trông em. Tôi vẫn nhủ thầm : nó là em mình. Tôi vẫn thường bảo : Tôi quá, em có thấy anh khóc bao giờ đâu. Chúng cười và khen tôi. Tôi giặt quần áo, nấu cơm buổi sáng và rửa bát buổi chiều. Tôi làm những công việc của một người đàn bà. Dì tôi coi tôi như một đứa ở. Tôi vẫn nghĩ rằng tôi bị bà trả thù mẹ tôi. Khi mẹ tôi còn sống có lẽ vì người mà hai người

không được cưới nhau chính thức nên trong giấy khai sinh hai đứa em nhỏ đều không có tên cha. Nó là con hoang và nó không được quyền chia gia tài với tôi. Tôi mong cho bà sinh thêm một vài đứa nữa để tôi nhẹ tội. Nhưng tình trạng vẫn không thay đổi. Tôi thương dì ghẻ vì lúc nào bà cũng cau có. Sự cau có của bà làm cho thân hình trở nên một thân tượng đau khổ.

Chưa bao giờ tôi nói với dì ghẻ về một câu chuyện gia đình. Tôi nghĩ bà ghét lắm. Nhưng người ngoài còn có thể thương được nhau, huống chi chúng tôi lại gần gũi nhau - vì có thầy tôi, vì bà là mẹ kế tôi và sống dưới một mái nhà đêm ngày đoàn tụ với nhau.

Tôi chỉ nhớ mang máng về khuôn mặt bà dì ghẻ : có một nốt ruồi bên mũi, mắt hơi lác. Tôi chưa bao giờ dám nhìn thẳng vào mặt bà. Tôi lo, nếu chẳng may bà chết bất ngờ trong một tai nạn nào thì khó mà tôi nhận được mặt. Mỗi lần làm việc gì hơi trái ý, bà mắng tôi, tôi chỉ biết ngồi ở đầu bàn nhớ mẹ tôi, và tỏ sự tức giận bằng cách vẽ mặt một người đàn bà có một mắt lác, một nốt ruồi bên mũi và có râu ba chòm. Có những chuyện tầm tặc mà tôi không biết kể cùng ai.

Có lần bà bảo tôi ăn cắp năm đồng đi ăn cháo tiết. Tôi khóc :

- Con nghĩ người ngoài còn thương được nhau. Sao dì thù con mãi. Thầy ở xa, con thì biết gì. Nhưng con không ăn cắp. Lúc chiều con thấy em bé cầm năm đồng chơi ở sân...

- Nó là con tao, nó không giống mẹ mày. Đồ ăn cắp.

Tôi hỏi :

- Sao dì biết mẹ con ăn cắp, người chết rồi. Con chưa làm được gì cả. Sao dì lại nói đến người.
Cứ đánh hay trả thù con còn hơn.

Tôi gói quần áo, ngửa tay xin mười đồng để trở về với chú thím tôi.

- Cho con về quê đi chăn trâu cắt cỏ. Lạy dì cho con được về.

Nhưng tôi chả làm sao sống được theo ý mình. Tôi treo ảnh mẹ tôi trước bàn học, dì ghê liệng ra sân, kính bể làm nhiều mảnh nhỏ. Bà nói mẹ mày chứ mẹ tao ư mà thờ, muốn thờ thì mang vào cầu tiêu. Tôi nhặt tấm ảnh cất vào gói quần áo để ở gầm giường và những đêm không ngủ, tôi moi ra ngắm ở ngoài lan can. Ánh đèn đường lơ mờ tôi thấy mẹ tôi buồn rười rượi...

Còn gì nữa nhi. Tôi nhớ nhiều lắm. Tôi nhớ ngày thầy tôi trở về quê rồi mất tích. Mãi tuần lễ sau mới tìm thấy xác trôi ở sông Đáy.

Rồi sao ? Những ngày tháng về sau nhớ ngày thầy mẹ tôi mất mà không biết cúng giỗ thế nào...

Tôi sẽ mở cánh cửa kia. Chị Liên hãy tha thứ cho em và Thuần vẫn là em chị. Chị không có gì đáng trách cả. Chị đã sống can đảm. Em là đồ hèn nhát và bây giờ em mới thấy không thể thiếu được sự ràng buộc của tình ruột thịt.

Tôi trở về để thấy mình có một người chung máu mủ với mình.

Tôi tiến lên đây, và tôi đẩy cánh cửa quen thuộc...

Thực ra thì không còn gì nữa, không còn gì nữa...Có phải thế không...

Chị Liên ơi ! Sao chị không cho em nói với chị một điều hối hận. Hay chị không thấy còn gì ràng buộc vào căn nhà này nữa nên chị bỏ đi. Còn gì khổ nạn hơn khi chính những kẻ chung máu mủ còn khinh rẻ nhau.

Không. Chị không đi đâu cả, chị còn ở đây. Trong một nơi mà chị đã tìm ra hạnh phúc. Thuấn là em chị....

3

Tôi đã trở về đây. Tôi đã trở về đây rồi. Tấn ơi ! Chúng ta có nhau là đủ. Tôi chỉ có một mình anh. Tôi bắt chước chúng nó đã đối với tôi. Căn nhà này đêm năm trước tôi đã để tay lên ngực anh mà bảo :

- Bạn chưa đủ. Chúng mình là anh em.

- Liệu có tin được nhau không ?

- Tôi có còn ai nữa.

Đêm hôm ấy tôi không ngủ nằm nghe tiếng máy điện chọ Quán kêu buồn, tiếng máy êm và nhẹ ấy hình như bây giờ còn vắng bên tai.

Hồi tôi và Hoàng chung sống, nó chờ tôi đi vắng rồi ở nhà ăn cắp quần áo tôi đi. Thành Thành đi ăn cắp bị bắt, vu cho tôi là đồng đảng. Tôi bị bắt hai tuần.

Có những bạn bè hồi thơ ấu chia nhau từng nửa cái kẹo ngày nay gặp nhau dừng dừng như kẻ xa lạ ngoài đời.

Nhiều lần đi với Tấn - Anh còn nhớ không, tôi thì vẫn nhớ như hôm qua này - tôi vẫn hỏi : có phải chúng mình sinh ra chỉ để suốt đời đi một mình hay không ? Những lần như thế Tấn lại bảo:

- Thế nào là một mình?

-...là không có ai cả.

Chẳng phải như thế đâu. Chỉ tại chính mình tự tạo ra một nhà tù rồi lại tự giam mình vào đó không để ai vào thăm hỏi, chia sẻ tâm sự với mình rồi mình kêu : tôi cô độc. Anh có mấy người bạn ?

- Chẳng có ai - vì có mà đều bội bạc.

- Tôi thấy bạn nào cũng tốt. Sự có mặt là cần thiết. Chúng mình ràng buộc với nhau nhờ những kỷ niệm còn thì chẳng có gì. Chúng mình hoàn toàn tự do. Bỏ nhau lúc nào cũng được. Có thấy thế không Thuần ?

Có những câu chuyện buồn đi suốt đêm kể lẫn cùng nhau. Hai đứa cầm chặt lấy tay nhau. Tôi vẫn nhủ thầm rằng : có bao giờ tôi rời nhau ?

Thế rồi cũng đến - Tôi tỏ cho Tấn biết tôi muốn rút sợi giây ruột thịt cuối cùng. Tấn hét vào mặt tôi :

- Đối với tình ruột thịt mà còn bội bạc như thế, thì đối với bè bạn mà sẽ bội bạc ngàn nào. Là bạn, tao có quyền tham dự vào đời sống của mày. Không thể như thế được. Có thể tao không còn là bạn mày...

Anh Tấn ! Tôi đã trở về đây. Chúng ta phải nắm lấy tay nhau đi nốt cái đêm tối này. Tôi có bao nhiêu chuyện muốn

nói với anh. Chúng ta có nhiều ràng buộc mật thiết với nhau. Cho tôi được kể. Đêm dài không hết. Tôi muốn được để tay lên ngực anh, và nói lời năm cũ :

- Bạn chưa đủ. Chúng mình là anh em.

4

Yêu là gây một cảm giác trang trí đời sống. Anh thật khôn nạn phải không Mai ? Anh đã nghĩ như thế khi em yêu anh. Nhưng đến lúc em bỏ đi rồi anh mới thấy đó là một thái độ tự kiêu thật vô cùng ngu dại.

Để anh kể cho em nghe. Anh muốn viết thư cho em lắm. Căn nhà này em chưa bao giờ đến, và chắc không bao giờ đến cả. Có một khuôn cửa nhìn ra con đường nhỏ. Anh nhớ đến căn nhà hồi xưa em ở mà anh vẫn đi qua mỗi buổi tối, để nhìn qua cửa sổ thấy em ở trong ấy. Nhưng căn nhà này, qua khuôn cửa nhìn vào đây em sẽ không nhìn thấy anh. Bóng tôi vây quanh và chả có ai để đốt lên một ngọn đèn nhỏ.

Chị Liên không bao giờ trở về. Tân không bao giờ trở về. Và em có bao giờ trở về không ? Con đường ngày xưa chúng mình đi qua - anh còn như thấy rõ đây - và không ngờ đó lại là kỷ niệm cuối cùng để cho anh nhớ. Miền ấy là đất thánh của tình yêu. Trong những lúc sống, những giá trị sống của thời gian bom đạn đã gần như phá sản. Sự bất trắc của đời sống đã chẳng cho anh tin tưởng một cái gì. Đời sống chẳng là gì cả nếu nó không được trang trí... Gia đình, Bè bạn, Tình yêu có phải chỉ là cách thức gây cảm giác trang trí đời sống không ? Anh muốn được nghi ngờ. Chỉ biết rằng : con đường chúng mình đi qua. Tay em ấm trong tay anh. Những khoảng trời trăng sao thăm thì trên đầu. Cây cỏ lặng im.

- Anh có yêu em không ?

- Sao bây giờ em mới nghĩ như thế. Gia đình, bạn bè chưa đủ. Tình yêu mới làm cho con người sống. Nhưng dù gì đi nữa thì chúng ta đừng để mất tự do.

- Có nghĩa là chúng ta tự do ?

- Hoàn toàn tự do.

- Lúc nào muốn có nhau thì muốn, không thì...chẳng có gì ràng buộc ư ? Không. Chúng mình ràng buộc với nhau. Có trách nhiệm về nhau. Anh có nghĩ đến tương lai không ?

- Tương lai là gì ? Anh muốn cái hiện tại này đã. Phải rồi, cái hiện tại này đã. Anh thật không xứng đáng chút nào.

Tại sao buổi tối hôm ấy anh lại không giữ chặt lấy vai em, hôn em và nói lời này : Anh yêu em. Và anh lập cuộc đời.

Có phải bàn tay thon nhỏ, mềm mại và ấm áp hôm nào bây giờ nằm gọn trong tay anh không ? Anh đã dại dột suy tính. Tình yêu không thể đến với kẻ nào suy tính. Kẻ không có tình yêu như cây cỏ phải không em ?

Em đã yêu anh để rồi bỏ đi. Em yêu thành thật. Anh đã lừa dối anh mà cho rằng yêu không cần thiết.

Đã mấy thời gian. Sự đe dọa của nhiều hình thức, cá nhân thu gọn run sợ sự ràng buộc. Những tin tưởng cần thiết chúng ta bỏ đi như tấm áo bào của kẻ sau khi chiến đấu. Rồi tự tách mình ra ngoài những liên lạc. Tự cho mình vô trách nhiệm. Tự tách mình làm thần thánh và nô lệ. Khi yêu nhau, chúng ta đang tham dự vào một tấn kịch. Đời sống là một tấn kịch liên tiếp, và chúng ta phải sống hết tấn kịch

của mình. Yêu rồi lại trốn tránh, lẩn quất, từ chối tấn kịch mình đã chọn. Những lần lên đường ra đi, đi xa bằng xe lửa, đi gần bằng xe buýt trong một châu thành, hình ảnh cuộc đời như một chuyến xe. Khi nào còn bám được thì với điều kiện nào cũng phải bám lấy. Bị bỏ lại tức là không còn gì nữa.

Mai ơi ! yêu không thể gây cảm giác trang trí đời sống. Anh muốn được cùng em trở về miền biển mặn như năm trước. Với tất cả những kỷ niệm đã sống, để nhìn thấy tóc em phiêu bồng trong những chiều gió lộng. Biển xanh là mắt em (vì mắt em làm xanh nước biển). Tiếng sóng muôn trùng nghe thấy đời đời kia là lời anh tâm sự, và anh muốn được giữ lấy đôi vai bé nhỏ, áp má mình vào má người yêu, kề môi mình vào môi người yêu. Anh sẽ nói : anh yêu em. Rồi buông xuôi hai tay. Con người chết đi nhờ những kỷ niệm ấy.

Mai ơi ! Mai ơi ! Anh bỏ lỡ một chuyến xe và chuyến xe ấy không bao giờ trở lại. Kia em, sao lại khóc lúc anh trở về đây ? Em đừng khóc nữa. Nước biển đã mặn quá rồi. Nước mắt có làm mất đi, xóa đi được cái gì đâu.

Điều tự hào lớn lao nhất của thời đại này là tự cho mình sự cô độc, nhưng nhất định không có anh ở trong ấy - dù anh sắp vắng mặt.

Khi yêu nhau người ta mang cả thế giới vào trong lòng. Anh muốn được sống trong căn nhà của thầy mẹ khi xưa đã sống, chị Liên đã sống, và anh viết tiếp cuốn gia phả cho con cháu chúng ta.

Bây giờ mùa đông rét mướt. Em hãy nhóm cho anh một bếp hồng. Lửa sẽ reo. Anh đỏ rục lên ấm áp. Anh dùng quãng thời gian còn lại viết thiên anh hùng ca mà trong ấy

anh ngời ca cuộc đời, cuộc đời ràng buộc : gia đình, bè bạn và tình yêu. Người đời sau nhảy múa và ca hát mãi mãi.

Anh muốn được trở về cầm lấy tay em. Mai ơi ! Tình yêu là điều tha thiết hơn hết. Cho anh được gọi tên em. Kỷ niệm. Em gọi tên anh đi cho anh sống lại. Tôi muốn sống lại làm người.

5

Có ai đấy không ? Có ai đấy không ? Hỡi chị Liên ! Hỡi Tấn...Hỡi Mai ! Mai ơi !...có ai đấy không ? Thưa ông ! Thưa bà ! Thưa cô ! Thưa anh !...Tôi biết thế nào để xưng hô cho đúng nữa - xin lỗi quý ngài, xin tha thứ cho tôi. Nhưng dù sao thì cũng làm ơn, một cái ơn cuối, nhất định là cuối : cho tôi xin một chút ánh sáng...Đây là đâu ? là đâu ? Tôi muốn nhìn xem tôi ở đâu và cho tôi một chút hình ảnh trước khi khép mắt lại...cho tôi xin một chút ánh sáng, một chút thời...Sao, sao người không trả lời tôi sao ? Bây giờ đêm tối dày đặc thế này, không có ánh sáng thì làm sao tôi nhìn ra cho được. Tôi mở mắt đây. Người hãy gây ánh sáng đi và nhìn vào mắt tôi này...Thôi cũng được - nếu người muốn dấu mặt - muốn tôi không còn gì nữa nhưng chết đi tôi sẽ có mãi điều này : không có gì hơn cả ngoài bóng tối dày đặc bao phủ quanh người và ở trong bóng tối ấy có hàng trăm hàng ngàn con mắt đang mở nhìn tôi, và hàng muôn bàn tay dơ ra...tôi xin các người, tôi sắp chết rồi cũng không cần những bàn tay ấy hóa kiếp cho nữa.

Cho tôi ân huệ cuối. Người không gây lên một chút ánh sáng thì xin cho tôi một chút tiếng động, một tiếng nói đi - để biết rằng chung quanh tôi này còn có sự sống - còn có hơi thở của người để gây lên tiếng nói. Ở quanh tôi là một nhà ? một xóm ? một hiên ? một phố ? hay xá chợ ? cuối đường ? một bệnh viện ? nhưng dù sao ở đấy có sự sống, có

sự hiện diện của người. Người hãy cho tôi một tiếng nói. Lời cầu nguyện siêu thoát lời an ủi ngọt ngào, hay không thì một tiếng dửng dưng, và hơn nữa dù là một tiếng chửi tôi cũng sẽ vui lòng. Sao, sao không thì một tiếng ho, một tiếng thở dài - bởi vì tôi chắc không ai muốn hát lúc nửa khuya này... hay không thì một tiếng khóc cũng được - cũng được...Tôi mệt lắm rồi. Không cầu xin được gì ư...người sợ sự hiện diện của người. Sợ rằng các người mang tiếng có mặt mà không cứu một kẻ sắp chết. Thôi cũng được. Hay người hãy bắt chước tiếng chó, tiếng mèo, tiếng lợn, tiếng sói, tiếng hổ, tiếng báo như mấy kẻ làm xiếc, để tôi chết không oán hận người vì :chung quanh tôi toàn thú vật.

Sao im lặng ? Nếu không thì người ra dấu vậy. Người hãy gõ lên một tiếng kêu như thành cửa, chiếc thau đồng. Tôi biết giờ này không ai kéo chuông nhà thờ hay chuông chùa...dù sao thì tôi cũng cảm ơn các người...

Đây là sa mạc ? Giữa bẽ khơi ? Hay khoảng trống không nào đó - hay góc nhà xác cũng nên - ôi những hình ảnh... ai kia...ai kia...ai đấy...một người nào đấy lại đến với tôi lúc này ?...Ô kia ! Chị Liên ! Chị Liên! ...em nhớ ra chị rồi chị Liên ạ ! Sao chị gầy thế kia ? Chị nói đi ? Chị gọi tên em đi ? Đã bao lâu rồi em không còn được nghe đến một ai gọi đến tên mình. Chỉ một mình gọi lại tên mình, sờ lên da mặt mình...Chị không nói ư ? Chị đừng khóc, em đã nghe em khóc nhiều rồi...hay chị giận em lắm. Chị để em nói những điều hỏi hận với chị và em cũng chả còn sống được là bao nhiêu...hình ảnh chị, chị ở xa em quá. Em nghĩ đến chị thật nhiều lúc này. Thuấn là em chị Liên.

Kìa sao ai nhóm lửa lên thế, tôi lác mắt rồi ! Chị Liên ơi ! Chị Liên ! Chị đợi em với...chờ em với. Thuấn đây. Thuấn là em của chị Liên. Kìa ai thế ? Không phải chị Liên...phải

rồi Tấn. Tôi nhớ anh lắm Tấn ạ. Bạn bè còn được mấy người. Tôi nhớ về một triền đồi cỏ xanh bên thung lũng mùa xuân trước, chúng ta đã chạy nhảy với nhau...Rồi sao nữa ? Cuộc chạy đuổi vẫn tiếp tục. Anh đừng bỏ chạy trước. Cho tôi cùng bắt đầu để tôi thấy rõ hơn : bao giờ tôi cũng bị bỏ lại phía sau. Anh chờ tôi với. Chúng ta sẽ tiếp tục cuộc chạy đuổi. Tôi muốn có mặt. Sao ? sao anh nín câm...Kìa ai trói chân tôi thế này...

Ôi biển mặn ! biển mặn...Tôi đang nằm trên bãi cát. Sóng mặn đang tấp vào mắt, vào mắt, vào tai...và cát nhét đầy miệng...Cho tôi nhìn thấy mặt biển. Cho tôi nhìn thấy màu xanh.

Em đi từ con đường nào đến đây ? Có phải con đường ấy từ hướng mặt trời lại và ánh sáng màu lụa mịn màng dưới bước chân em. Anh muốn làm thân loài cỏ non nằm dưới gót chân son ấy...Em dừng lại đi. Dừng lại để cho anh cầm lấy tay em...

Kìa loài quỷ dữ, mi muốn móc mắt ta ư? Được lắm, gì cũng được. Nhưng hãy khoan để cho ta nói với chị Liên, với Tấn, với Mai. Tôi đây những ràng buộc với mọi người yêu dấu ở trần gian. Thuấn là em của chị Liên. Thuấn là bạn của Tấn. Thuấn là của Mai, của Mai muôn đời. Tôi xin quỳ dưới chân mọi người...Cho tôi sự an ủi. Không ai lên tiếng ư...Kìa loài quỷ dữ, gì cũng được. Tôi không mẫn nguyện...

6

Không một đứa nào lên tiếng. Chúng nằm chồng đống lên nhau, nhưng chắc chắn không đứa nào ngủ nổi.

Một con ruồi xanh bay vào vo ve rồi đậu xuống một đứa vật vờ như những ngọn cỏ khô trên nấm mộ bỏ quên ở một

miền đất tím màu thịt trâu chết. Nó bò lằn trên đường tay áo rồi dừng lại trên mắt một đũa. Con mắt trũng sâu như lỗ huyết

Nó bò lên một vàng trán. Bước chân khấp khểnh như một kẻ lữ hành trên miền sa mạc. Nó bò dần trên vành tai nhỏ loanh quanh như tìm một cái gì, một cái gì có thể dừng lại. Rồi nó bò lên chân một đũa. Nó dật tay đập mạnh. Một tiếng thét trên phím đàn cầm. Mấy đũa choàng dậy.

- Gì đây ?

- Gì đây ?

Nó dơ một bàn tay đen lầy nhầy, nói phều phào chưa ra tiếng, và lời hỏi dồn :

- Máu ?

- Máu tím ?

- Ở đâu ?

- Ai ?

Nó chỉ xuống đàn và khẽ nói :

- Con ruồi xanh.

Mấy đũa sát lại với nhau. Giao tiếp hơi thở giữa những bàn tay lạnh giá chụm lại. Chúng nó không nói. Thảng thốt như người bất chợt nhìn lại phía sau trong đêm khuya. Như sau một chuyến đi chúng nó tin không có hy vọng cầm lấy tay nhau lần nữa.

Những ngã đường, mỗi đũa nghĩ một khác. Những phòng khách đợi nàò đó ? Sân ga nàò đó ? Góc chợ nàò đó ? Via hè nàò đó ? Ôi thời gian !

Đi. Một cửa khám đường lúc khởi đầu tuyên chiến. Như mắt sáng nhìn nơi lần đầu tiên với sự sống bằng cái chết cuối cùng vĩnh viễn. Nhưng cũng có kẻ chết mở mắt.

Một đũa đứng lên. Cả lũ nhìn như níu lại. Nó run lấy bầy, miệng lắp bắp không ra lời. Nó đẩy cửa sổ, và thì thầm :

-Trời nhọ mặt rồi chúng mày ạ./

(trích Tạp chí Sáng Tạo số 31 tháng 9/1959)

Trong *Từ điển Văn học Bộ mới* của nhà xuất bản Thế Giới ấn hành năm 2004, viết về Dương Nghiễm Mậu, tác giả T. Khuê, đã nhận định về ông:

Dương Nghiễm Mậu là một trong những nhà văn Việt Nam thế hệ 60-70 đã đào rất sâu vào bản chất hiện sinh của con người, con người Việt Nam với chiến tranh và nhục tiếu. Ông đứng riêng một cõi, dường như không có bạn đồng hành, và đã tạo được một lối cấu trúc về truyện ngắn, truyện dài nằm trong nhân sinh quan bao quát của triết học hiện sinh vô thân.

Tài liệu tham khảo:

- Dương Nghiễm Mậu Web: vi.wikipedia.org
- *Tiếng nói* Web: catbuicarolineth.blogspot.com/

4. Cung Tích Biền



Cung Tích Biền - Trần Ngọc Thảo (1937-20)

Nhà văn Cung Tích Biền tên thật Trần Ngọc Thảo, sinh năm 1937 tại Thăng Bình, Quảng Nam.

Từ nhỏ cho tới thời kỳ kháng chiến đều có tới trường đi học. Sau 1954 học trường Diên Hồng ở Phố Cổ Hội An, rồi Quốc Học Huế, Đại học Văn khoa Huế, Đại học Luật Sài Gòn, nhưng không tiếp tục học đại học.

Năm 1961, ông dạy Anh văn và Việt văn tại các trường trung học ở Quảng Nam. Năm 1963 động viên vào trường Võ Bị Thủ Đức, khóa 17.

Tốt nghiệp Trường Sĩ quan Hành chánh Tài chánh khóa 10, thuộc Bộ Quốc phòng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

Từng phục vụ qua các đơn vị 211 Pháo Binh thuộc Sư đoàn 21 Bộ binh, đồn trú tại Bạc Liêu, Trung đoàn 10 Kỵ binh ở Đức Hòa và Tiểu đoàn 251 Pháo Binh thuộc Sư đoàn 25 Bộ Binh, đồn trú ở Tây Ninh.

HUỶNH ÁI TÔNG

Từ 1970, ông là giảng viên Trường Sĩ quan Hành chính ở Sài Gòn. Lập gia đình năm 1972. Giải ngũ năm 1973, cấp bậc Đại úy.

Giáo sư thỉnh giảng Viện Đại học Cộng đồng Quảng Đà Đà Nẵng.

Sau 30 tháng 4-1975, do Cung Tích Biền đã giải ngũ năm 1973, có đi trình diện nhưng được miễn học tập, ông sống lây lất bằng các thứ nghề như chạy xe ba gác, chạy xe ôm, thu gom ve chai, làm cu ly bốc vác, thợ mây tre lá, thợ sơn mài, có lúc trông nom kios của họa sĩ Hồ Thành Đức ở đường Nguyễn Huệ...

Có truyện và thơ đăng trên các báo từ 1958, với các bút hiệu lúc ban đầu như Chương Dương, Việt Diệu, Uyên Linh sau cùng dùng bút hiệu Cung Tích Biền. Bút hiệu này xuất hiện lần đầu tiên tên tuần báo *Nghệ Thuật* của Mai Thảo vào tháng 3-1966 tại Sài Gòn, với truyện ngắn *Ngoại Ô Dĩ An Và Linh Hồn Tôi*.

Nhanh chóng có truyện đăng trên hầu hết các nhật báo, tuần báo, tập san văn học nghệ thuật có giá trị, trước và sau 1975, trong và ngoài nước, cả trên các trang web văn học. Có tác phẩm dịch sang ngoại ngữ, in chung với nhiều tác giả, phát hành ngoài nước.

Năm 1982, tạm ổn định nhờ vợ buôn bán sơn mài. Sau này, gia đình Cung Tích Biền đều ở California, riêng một thân ông sống tại Đồng Ông Cộ, vùng Gia Định, Sài Gòn.

Tác phẩm:

- *Ai Tình Ai Diên* (Trí Dũng, 1969)
- *Nỗi Buồn Thấp Sáng* (Trí Dũng, 1969)

- *Hòa Bình Nàng Tinh Rỗng* (Trí Dũng, 1970)
- *Trên Ngọn Lửa* (in chung, Hoàng Đông Phương, 1971)
- *Cõi Ngoài* (Kỹ nguyên, 1970)
- *Bạch Hóa* (in chung, Sóng, 1974)
- *Chim Cánh Cụt* (Long An, 1990)
- *Một Thời Lưu Lạc* (Long An, 1990)
- *Tình Yêu Mùa Áo Anh* (Đồng Nai, 1990)
- *Thằng Bắt Quỷ* (Tân Thư Hoa Kỳ, 1993)
- *En Traversant le fleuve* (in chung, Edition Philippe Picquier, Paris)

Trích văn:

thừa dư

Thuở ấy, chuyện ăn nằm giữa vợ chồng ngoài sinh thú âm dương, còn có tính nhân linh là lưu lại một con người, thay mình sống đời. Khoa học chưa can dự vào công việc trên chiếc giường rằng lúc này chưa nên có con; hoặc đã hai con, là vừa. Để hạn chế việc sinh ra những nhân ảnh giống Adam, Eva, ngày nay, có phương pháp Ogino, thuốc ngừa thai, đặt cái vòng, dùng bao ni lông. Nhưng thuở ấy, vâng, thuở con người hồn nhiên hòa mình cùng tự nhiên, đa phần vợ chồng nếu lành mạnh sẽ rất đông con; chưa kể ngũ giao sinh lục tử.

Khi Hương Vân sinh đứa con thứ sáu, ông chồng đình ninh vợ mình sẽ "Thôi đẻ", bèn đặt tên thẳng bé là Thôi. Stop. Về mặt tư tưởng là vậy; thực tế, bất kể rằng xuân hạ thu đông, đêm trăng thanh gió mát, hay nửa khuya giông bão, sấm chớp léo lên sau vườn tối, hễ cứ ăn nằm với chồng là Hương Vân có bầu.

Bé Thôi được hơn một tuổi thì có em. Hương Vân đặt tên cho đứa con trai thứ bảy là Thêm; bởi cơ trời thêm thắt chứ con người không muốn.

Hai năm sau, thằng bé trai thứ tám chào đời. Lọt lòng mẹ, nó nhỏ xíu, như được đẻ vội, đỏ hoe như giống chuột con, khóc cầm chừng, chiều lệ. Mót máy hết sạch tinh huyết, người mẹ mới sinh được nó, nên có tên con là Mót; như chị gái quê bòn mót chạc khoai, bông lúa lép trên ruộng đồng.

"Đông con quá rồi. Bà đẻ nữa tôi không nuôi nổi. Bỏ xú mà đi thôi". Chồng bảo vợ làm vậy. Nhưng ác nổi, ông hãy vờ chừng năm mươi; đêm, thật khó ngủ nếu không ôm vợ bên mình. Rồi, dường như trời đất lại cựa quậy trong người mẹ, bụng Hương Vân lớn dần. Lại sinh con. Cắt có sinh đôi: thằng Dur và thằng Thừa. Sau, để khỏi nhầm lẫn trong hàng ngũ một bầy trẻ, hai cậu trai được thêm thứ tự: Chín, Mười. Chín Dur Mười Thừa.

Trong làng thuở ấy cũng có một cặp trai sinh đôi: Gio và Giai. Giai Gio giống nhau như khuôn đúc, nhiều người nhầm lẫn. Nhưng không có khuôn đúc nào – kể cả máy đúc hai viên gạch – lại cực kỳ giống nhau như Dur và Thừa. Giống tới rợn người. Giọt nước chia đôi. Như có bàn tay thần linh phụ họa cho Sự-Giống.

Con nằm trong nôi, áo tã giống nhau, người mẹ có khi chẳng nhận ra đâu là Dur, đâu là Thừa, nên thường cho đứa bú rồi bú tiếp. Chúng khóc cười, đáí ia cùng lúc. Đứa này đau, đứa kia chẳng lành mạnh. Cách ly hai đứa hai nơi để thử nghiệm, chúng đều chọn đồ chơi có màu sắc, kích thước, hình dạng giống nhau; ăn thức ăn bỏ dờ, uống ly sữa để thừa, đều bằng nhau. Chúng như hai con người máy, cùng kích thước, với bộ nhớ, nhưng linh kiện, được điều khiển vi mạch, trong tích tắc có phản ứng như nhau.

Theo thói quen, cũng là biểu lộ hạnh phúc, các bà mẹ thường cho cặp song sinh ăn bận giày vớ, áo mảo giống nhau. Người hàng xóm nhăm lẩn hoài. Để phân biệt, Dư được mẹ đeo nơi cườm tay một chiếc vòng đồng đỏ. Nhưng tạo điều kiện để hai đứa giống nhau là tạo sự đau khổ, ray rức cho chúng. Dư, Thừa lén đổi nhau đeo vòng. Cho nên nhìn Thừa lúc đeo vòng, ông nội cứ bảo: "Này Dư đưa cho ông cái tằm xia răng xem nào".

Một hôm, Thừa ra chợ Gò chơi, gây sự với bọn trẻ. Hôm sau bọn trẻ chợ Gò tìm tới đánh Thừa. Lúc đó Dư ra can thiệp, bọn nhỏ bỏ chạy; tưởng ma; cho rằng Dư chính là Thừa hiện hồn.

Mường Lai, chị đàn bà bạo miệng và lãng mạn nhất vùng, đã nhận xét về Dư Thừa:

"Hai cậu này về sau phải lấy chung một vợ. Cô vợ phải tinh ý lắm mới nhận ra anh nào lúc ăn nằm. Của quý của hai đứa chắc ni tất cũng y hệt nhau".

Bà mẹ mắng Mường Lai: "Ăn nói chi mà bậy bạ. Xúi giục con người ta vô luân hay sao?"

Chuyện tương đùa, mà về sau, hai anh em Thừa Dư cùng yêu một cô gái. Cô Thoan con nhà, xinh đẹp duyên dáng, cô cũng cùng lúc yêu cả hai chàng trai. Cuộc tình ấy không thành vì cả hai gia đình cùng ngăn cản. Nỗi buồn nghi ngút trong lòng Thừa Dư. Cô Thoan than van:

"Yêu một chàng cũng như hai, lấy cả hai cũng chỉ một. Yêu hình chẳng lẽ bỏ bóng?"

+++

Bình minh của bọn trẻ bỗng nhiên có sương mù che phủ. Một thời, họ không còn thênh thang đi tới chỗ hạnh phúc. Quê nhà không còn thái bình. Cái hoa dại trên đồi chẳng được bình yên. Con suối trong veo giữa rừng núi tinh khô bấy lâu, nay đã loàn chút máu vết thương người. Xã hội chợt bùng sáng chợt âm u; vừa bao la vừa hao mòn. Có người đổ mồ hôi giữa đêm lạnh, lại chợt giật mình chỉ vì cơn gió thoảng ban trưa.

Dưới lòng trời xanh đen, nơi này hay chốn nọ, hoàn cảnh nào, con người đều có chung kẻ thù: chiến tranh. Trôi nổi theo điều tàn mệnh mông đó là những bóng đen, không thiếu tàn nhẫn: đói kém, lạc hậu, đốt nát, chia rẽ. Cả một giống nòi phải vươn mình bao năm mới tới chỗ để đứng-đợi-bình-minh. Mọi người đã một thời tự lìa bỏ mình, từ giã căn nhà thân yêu bờ tre khóm trúc, đi về đầu nguồn của phiêu tán, phân lập, hóa thân.

Chính lúc này Dư Thừa chia tay nhau, sau mối tình buồn, Anh em một nhà, ra nông nổi...

Thừa cưới vợ, sinh con, đưa vào lập nghiệp miệt núi rừng Bình Thuận. Thuở ấy, thiên nhiên nơi đây hãy còn hoang sơ với trùng trùng lau trắng bên sông, núi đồi trầm tích hồn người đáng thú.

Rồi cũng như mọi trai trẻ, Thừa vào lính.

Mất nhiều năm, Thừa từ lính giải ngũ, về khai hoang, đốt rẫy làm vườn; vợ sinh được ba con, thì "Thôi đẻ". Thôi thật. Chớ không phải là rất thối lý thuyết như cha mẹ anh xưa. Thừa có nương rẫy, khu vườn cây trái, đàn bò, heo gà, nhà cửa tạm là khang trang.

Một chiều Thừa ngồi trên chuyến xe từ rừng về, qua con suối, xảy ra tai nạn, anh bị gãy một chân. Chân trái. Phải cưa bỏ một đoạn từ dưới đầu gối trở xuống. Thừa không dùng chân giả mà dùng nạng gỗ. Lần đầu tiên anh biết thương mến thân thể mình, hiểu rằng đã chia lại cho đất, đã chôn vùi dưới ấy một khúc xương chưa tàn, của mẹ cho anh. Thừa chợt nhớ tới Dư. Nhớ tha thiết, như nhà thơ nhớ mây trong nghìn trùng.

Thời gian này tôi biết tin tức về Dư nhưng vẫn hay gặp Thừa. Sau tai nạn, tuy còn trẻ, Thừa đã có cái cách của người già: ngán ngẫm cái sống, lại sợ cái chết; đầu hàng thời gian; suy gẫm điều trước kia không cần thiết suy gẫm; thiếu hưng phấn trong hành động, nhưng siêng năng lục tìm con sâu cái nắm trong thế giới được gọi là dĩ vãng. Thừa nhớ nhưng thời trai trẻ. Tâm cảm thiên về ký ức; một thoáng nắng làm anh nhớ mồ mã cha ông; con chim khách kêu trưa, anh mong đợi bạn về. Bạn đây không phải là Dư, hay ai khác, mà chính là anh: một bạn-Thừa-thân-yêu nay đã thất lạc. Anh lang thang trong hiện thực.

Một vệt mây đen trên đỉnh núi, rất vùn vụt lại rất phù du, trong mây đã lấm hoàng hôn; ngàn ấy, cũng làm Thừa bùng cháy dĩ vãng, trôi giạt về chỗ bông bênh: nhớ mùa xuân tắm trường ở bãi sông, anh với Dư chia hai con cu ra đọ xem đứa nào dài ngắn, so lỗ rốn đứa nào sâu hơn, tạt nước lên mình con trâu trưa da lông khét mùi nắng; rồi chợt nhớ cô Thoan có đêm thanh vắng tắm trường; nhớ những chiều, ra bìa rừng làng nhìn xa xa thị trấn ló nhỏ những tường vôi dưới nắng hồng. Chao ơi, cả một nhân gian nơi đây rất thực, mà phải lùi mấy mươi năm để tìm về một nhân gian xưa; để được sờ tới, ngửi được mùi, được nằm vùi trong cái hương thời gian tươi vui sức nức. Hôm nay đôi khi giữa ngã ba đường, Thừa như một hành tinh âm u, mơ nhớ thuở

đi về, tiếc thương chiếc bóng thanh xuân của mình; một chiếc bóng rõ nét, tinh anh trong Cõi Đời, giữa Cõi Người.

Lòng bỗng dung nhớ một chiếc bóng là Ta đã suy kiệt trong lai. Tôi nào khác chi Dư Thừa. Bởi tôi cũng là thể hệ Thừa Dư.

Vừa đây, tôi bỗng nhận được một lá thư của Thừa. Thư có đoạn:

"Chú Ngọc, nhà thờ họ ta gần nửa thế kỷ nay không được sửa chữa, đã sụp đổ tan tành, hay gần như tàn tạ. Chú phải cố gắng về. Bà con bất kể là ai, môn phái chi, trôi giạt nơi đâu, cũng phải về cùng nhau góp công của trùng tu. Chim có tổ nước có nguồn. Chú là trí thức, cả họ mong chờ ở chú. Không phải chờ bọt nước miêng mà chờ tấm lòng nơi chú. Chú đã không-chạy-đi, vậy hãy-quay-về, không thể sống-ở-giữa-bóng-mây. Chúng ta phải đoàn kết mà sống, làm trong veo tinh khiết chỗ lạch nguồn. Nơi đây, hạnh phúc chúng ta cùng chia, khổ đau cùng chịu, chắc chú hiểu. Tin chú hay, trong việc này có anh Dư cùng tham dự."

Thật lạ lùng, Dư Thừa không ai nhắc tới cô Thoan, đỉnh cao tình yêu lý tưởng thuở nọ, mà quay về lập nhà thờ. Vậy là có thủ trong nền móng? Chỗ an toàn tâm linh? Hay sau hành trình phân lập đơn lẻ, con người nhận ra được chỗ chung cùng. "Anh có thể vô thân nhưng không thể không có cha mẹ ông bà, tánh linh của dòng giống, hồn thiêng Đất Nước". Mà cái tánh linh cái hồn thiêng ấy như trầm thơm ngọc quý, đôi khi hữu ảnh vô hình, bao la đến nỗi ta không có tấm lòng thì chẳng thể nhận ra.

Nghĩ chi thì nghĩ, nhận được thư, tôi về, nhân thể nhìn lại đôi sim cái suối.



Từ xa xa, dãy đồi quê nhà đã hiện ra như những chiếc nón lá úp trong chiều xanh. Trời ngọc bích. Tôi xuống xe, tạt vào một quán nước đầu làng. Phía kia, cạnh chiếc nạng gỗ một người đàn ông cụt chân, mặt vuông vức, trán cao, bên trái cắm một nốt ruồi đen. Đích thị là Thừa rồi. Tôi vui mừng mờ mắt, reo lên:

- A... anh Thừa,, chào ời...!

Người đàn ông cụt một chân trả lời :

- Tôi là Dur chứ không phải Thừa. Lại lộn anh em sinh đôi rồi...

Tôi ngạc nhiên nói:

- Ủa! Anh Thừa mới lãnh đủ chứ anh Dur?

Người đàn ông tên Dur nhìn tôi với đôi mắt đượm buồn. Ánh mắt như ánh trăng về sáng, vẫn là trắng, nhưng trắng nõn, mờ nhạt. Mảnh trăng ấy nói:

- Ngọc ời, ngòi đây uống một cốc nước cái đã. Mấy mươi năm kể Bắc người Nam anh em mới lại trùng phùng. Dur ngày hôm nay đã khác Thừa lắm rồi. Hãy nhìn đây: Hai anh em chúng tôi đều khập khiễng, tôi gãy cái chân mặt, Thừa tan tành một chân trái.

Dur kéo cái ống-quần-nửa-vời lên cho tôi xem chỗ chân bị cưa. Như tất cả các dấu vết tàn tật: những đường may là da thịt nhú lại, nổi chét đong trong sự sống biến màu da tím ngắt, một con rít trên thân người. Ai cũng rùng mình, rất sợ nhìn vào chỗ ấy, trừ chính anh.

Tôi đã thấy một vết thương ni tất, màu sắc, những chân rít như thế, nơi Thừa. Dấu sao, Dư Thừa vẫn có cái đau chung khi lâm nạn, vẫn cõi mê man khi bị đánh thuốc cura đoạn một phần người. Họ cùng mang vết thương như nhau trong thân thể, chỉ một bên là Tả, bên kia là Hữu, nên thường cùng bị đau nhức lúc trái gió trở trời. Ngoài nổi nhức nhối rõ mặt, Thừa Dư còn giống nhau ở cái đau thâm lặng, sâu lắng và mộng lung. Đó là khi Trường Sơn đã vào hoàng hôn, cái ráng hồng rặt màu máu đã tàn phai; núi sông hiểu rằng mình đâu thai Thần Đêm; là khi sớm mai biển động, bão tới; hoặc sớm mai kia bình yên – sẽ trời lên một mặt trời tinh khôi, sạch sẽ Máu sạch sẽ Lửa, thuần khiết giọt sương, thuần khiết nắng... "Tôi xin trả mộng cho Người".

Hôm nay nếu mẹ xưa còn sống, mẹ khỏi bận lòng đeo vào tay Dư chiếc vòng Đồng Đỏ để nhân gian phân biệt với Thừa. Xóm trẻ chợ Gò không nhầm tưởng một trong hai anh em là ma hiện hồn, hai giọt máu cùng bào thai làm-ma-cho-nhau. Đã trôi qua con mộng dài khe khắc, hình thức này mạo hóa nội dung kia. Đã rất mực chiều tà trong thân phận Thừa Dư, khi nhìn lại, rõ mặt.

Núi Ông Tào hiện ra trước mặt. Gió, mây, miền hoang vu trên ấy. Xa kia, con sông Đồng Dâu màu nước cuối đông xanh biếc. Quê hương đây rồi. Chúng tôi thả bộ lai rai vào xóm; mảnh vườn của mẹ anh xưa, mỗi tháng giêng luống cải trổ những hoa vàng, bướm bay trong chiều; con đường làng trắng màu sữa; tiếng trống hội làng, tiếng xưa thì thùng đầu đó, em bé chui vội qua bờ rào rách chiếc áo mới. Giẫm mỗi bước lên dĩ vãng, Dư im lặng. Thừa càng lặng im.

Trong hương xưa ngát ngậy, không ai than phiền mình đã bị gãy cẳng, hoặc vui vẻ được gãy cẳng vì lý-tưởng-có-sẵn-mì-ăn-liền. Họ ngửi trời đất, nhắm nháp vết thương, tương

lại rửa hộ niềm đau, quê hương vỡ về những đứa con phiêu lãng trở về.

Lúc qua chỗ bờ giếng, một cô gái chừng vài mươi tuổi nhìn chúng tôi, nhìn những đầu gối, lại soi khuôn mặt xinh tươi xuống lòng giếng. Trời nắng cao. Cô gái sinh sau khi chúng tôi bỏ làng khá lâu, trai trẻ nào biết ai ra ai, cô nói:

- Hai bác giống nhau như hai giọt nước, chỉ khác...

Ông giáo làng – thầy dạy vỡ lòng chúng tôi thuở bé – giảng giải cô gái:

- Hai ông này là cậu ruột của cháu đó. Đừng nhìn mặt. Cứ nhìn hai ông chân. Khuyết bên tả là ông Thừa. Hụt phía hữu là ông Dư...

Cô cháu cười, xin lỗi, lại bỗng nói xa xôi:

- Vết thương, tàn tật, thì có thật, còn đây. Trong sách vở sao lại nhiều anh hùng toàn vẹn.

Tới một khu vườn nhỏ, cỏ mọc tận hàng hiên, cây sấu đông đầu ngô trơ lá, đứng cạnh cái chuồng bò, vắng bò, Dư hỏi tôi:

- Chú Ngọc nhớ chỗ này không?

- Biệt ly non nửa thế kỷ mãn răng mà nhớ.

- Chỗ này xưa là cái chái hè. Mẹ tôi đập bầu sinh hai đứa tôi. Đúng ra, tôi được bất ngờ chào đời chỗ này. Sau, cha tôi bế mẹ vô nhà để tiếp chú Thừa.

Tôi nói:

- Khi sinh nở, chắc bác gái không đổ máu nhiều như anh em chúng ta sau này.

Dư nói nghiêm chỉnh:

- Cũng đã qua một lịch sử rợn người.

Nghe tin chúng tôi về làng, bà con xúm xít tới đông vậy, thấp tùng đó đây như một phái đoàn. Đặc biệt phái đoàn này đa phần rách vá. Có người đang chăn bò ngoài rẫy, nghe tin, mừng, vội chạy về, roi cầm nơi tay. Có đứa cháu đang đun bếp, lọ nghe đen lòm, chạy tới, đề: "Xem dung nhan các bác đã từng làm quan hai bên".

Cô Năm tay bung rổ khoai lang, nụ cười như mếu, nước mắt vòng quanh. Chợt thấy trong rổ khoai lang của cô có một trái lựu đạn sét ri, bắm đầy đất, tôi kinh ngạc hỏi:

- Trời đất! Cô trộn chung cái giồng này với khoai lang à?

Cô trả lời như giỡn chơi:

- Khôi chi ngoài đời nương. Lâu lâu bới được một trái. Thứ chết tiệt này đâu còn sức nổ mà sợ.

Tôi nạt:

- Coi chừng banh thầy bất cứ lúc nào.

Năm nói ráo hoảnh:

- Tui zừa sạch sẽ tui bán cho bọn đào đãi vàng.

Thầy giáo làng bình luận:

- Ngày chiến tranh, nhìn củ khoai nằm xa xa cứ ngỡ quả lựu đạn. Sợ chết khiếp. Bây chừ mấy con mụ này coi trái lựu đạn như củ khoai lang.

- Trong Sài Gòn người ta ngồi ung dung چرا đôi trái bom để bán sắt phế liệu mới ngon chớ.

- À... ngày khởi nghĩa chống Pháp bốn lăm, tao phải mất cả ngày چرا, đục, đẽo, khoét một khối gỗ, chạm khứa nó thành trái lựu đạn, sơn đen mà đeo. Kề lẹ, cũng oai. Có trái lựu đạn gỗ bên mình, tự tin hơn.

Hết chuyện lựu đạn tôi hỏi thăm đời sống gia đình, cô Năm than vãn:

- Bết lăm chú ôi. Suu cao thuế nặng.

- Con cái học hành khá không?

- Thời buổi oái ăm. Trẻ nhậu nhẹt, già trai gái đào đĩ. Trẻ để râu ria cho ra già. Già nhuộm tóc đen đầu. Đứng núi này trông núi nọ.

Trong lúc hàn huyên, cô Năm chợt nhìn Dư Thừa từ đầu tới chân rồi nhận xét. Như có thần linh phù hộ cô rao truyền:

- Nghe người ta đồn tới bây chừ hai anh còn giống hệt nhau như Dư Thừa ngày còn nhỏ, mà đâu phải vậy. Không biết trong cái đầu cái não các anh ra làm sao, chớ bên ngoài hai anh đã khác nhau từng ánh mắt, nụ cười, cách cư xử, cả tiếng thở dài. Anh Thừa kính cẩn lạy ông bà mà anh Dư thì đứng từ xa xá xá vài cái. Tiếc chi vài cây nhang đối với tổ tiên. Một anh cái gì cũng ra điều quan trọng, bí mật, mặt gằm xuống đất. Một anh ăn nói rồn rảng, cứ nhơn nhơn ta

đây. Sao các anh không nói thẳng vào chỗ con người, không nhìn thẳng vào nhau mà nói.

Thầy giáo làng giận mắng:

- Thím Năm này thậm hỗn.

Thừa can ngăn:

- Cô Năm cũng có cái đúng. Lâu nay mình cũng có phần tâm đắc. Học hành nghe ra ghê gớm làm vậy chớ thật ra mình chưa được người nông dân dạy dỗ điều chi.

+++

Hết thăm người sống lại viếng kẻ chết. Chúng tôi lên đồi, nơi có nghĩa địa từ đời ông cao tăng trở xuống. Xưa, mồ mả rải rác trong đồi sim, mỗi lần con cháu đi chạp mả, thường thất lạc trong rừng. Nay, rừng sim bị tiêu diệt, mả mồ tràn lan. Trùng điệp bia nấm. Thỉnh thoảng mới vài hàng thông reo. Người chết sừng sật, an hưởng một hư vô trong ngàn.

Dư chống nạng lưng thủng đi lên đồi. Tôi ở chân đồi, lẫn quất với màu hoa bông trắng, mùi hoa dại, vòng khoai lá cỏ. Tôi thích thú nằm thẳng cẳng trên nền cỏ, cùng bia mộ đá, nhìn trời xanh. Tôi hít, tôi thở. Tôi co ro trong tràn lan nỗi nhớ. Cả một đồi quê mộc mạc tỏa hương. Tôi nghĩ về Khổng Tử khi mắt nhìn bãi cứt trâu khô. Ngâm câu thơ Nguyễn Du khi đầu kê trên lớp đá ong khô. Nghe trong tơ tóc có lời vàng thau. Đây là thưở thanh bình, cái chết đạn bom đã dừng gót, nhưng trong cái sống âm ỉ, hãy còn một cuộc tranh chấp cân não xem ra dằng dai: cuộc chiến nội tạng thừa-dư.

Chiều tà. Dư lưng thưng từ lưng chừng đồi xuống gần chỗ tôi nằm. Từ vị thế dưới chân đồi nhìn ngược lên, tôi thấy Dư đứng xiên xiên, ti vai lên chiếc nạng xiên xiên, người và nạng nương nhau, tạo thành một chữ V lộn ngược chụp trùm lên tất cả. Đấy là đỉnh. Đỉnh chữ V cao vút giữa thanh thiên, chứa trong lòng nó là sườn đồi, nương rẫy, chim chóc, hoa rừng, mộ chí, thập giá; cao hơn là một mảng trời xanh hình nón, vài giải mây trắng bay, lại như có gió phiêu bồng. Đứng ra, Dư cùng sự tàn tật tương hợp đang bao trùm lên một quê nhà; một bức tranh hiện thực, cho dù sau này thời gian gội rửa, cho dù tương lai bùng sáng, thì cái-được-gọi-là-hôm-nay vẫn là một dĩ vãng hằn in. Tôi nhắm mắt, hiện thực ấy vẫn cứ mãi đen ra trong mắt não một vết chàm.

Nhìn cách tạo hình của Dư nơi sườn đồi. Thừa tự mĩa: "Trong mỗi chúng tôi đã có một Việt Nam hoặc một vinh quang lộn ngược". Tôi nói "Cái chính là những gì trong ruột chữ V". Thừa khẳng định: "Không phải. Phải đảo chữ V lại, cho thuận chiều lịch sử".

Tôi quay đi, úp mặt trên lớp đá ong khô.

Tuy nhiên ngày hôm sau lại có một cuộc sum họp vui vầy. Họ hàng nhà tôi có máu đờn ca sáo thổi, nên mấy ngày khánh thành nhà thờ Họ, ngoài các nghi lễ cổ truyền, tế tụng, còn có một đêm liên hoan văn nghệ.

Buổi trình diễn có một màn khá độc đáo, mang chủ đề: 'Anh em một nhà, chúng ta cùng tiến bước', do Dư và Thừa thủ diễn.

Dư và Thừa, không ai dùng nạng, cùng diu nhau lên sân khấu. Hai anh ghép lại thành một, tạo ra một hình nhân đủ cả hai chân nhưng bên trên có hai thân hình, hai cái đầu; đó

là chưa kể những chi tiết lật vặt như bốn con mắt, hai cái miệng, hai quả tim, hai bộ não, bốn cái hòn... Người nào chủ trương mỗi con người chỉ nên có mỗi cái đầu thì rất khó chịu về hình tượng lắp ghép đa nguyên này.

Thân hình kép đó bước đi trên sân khấu rất dịu dàng, rất nhịp nhàng. Kinh ngạc hơn cho đám khán giả khi Dur đánh đàn guitare, Thừa thổi kèn cầm hòa điệu bài The Longest Day. Ngày dài nhất của Normandie đã qua, nhưng trong âm nhạc, cái nhịp điệu trần gian, ngày dài nhất vẫn còn.

Dur Thừa rất cần thiết tựa nhau mà đi, lại hình như không tựa vào nhau. Một sự tựa nhau rất hình thức, còn nội dung tựa ai nấy lo. Một nương nhau biểu trưng, ẩn tượng về một hòa nhập trong một loài người cần thiết hòa nhập. Đường như có một mẹ già, vô ảnh, giúp họ bước đi; cái vi mạch thiếu thời đẩy họ tới chỗ hòa điệu.

Màn trình diễn "Anh em một nhà, cùng nhau tiến bước" được bà con hoan hô hết mình, có người khóc; và được trao giải. Tôi được vinh dự lên trao huy chương. Tôi hỏi ban tổ chức: "Ai huy chương vàng ai bạc?" Có tiếng hô lớn: "Huy chương vàng cho cả hai". Lại có tiếng nói tiếu lâm: "Thưởng là thưởng cái chỗ còn một chân mà biết dùng nó đấy".

Đêm đó, ba anh em tôi ngủ chung một giường, tâm sự thâm trầm, từ chuyện nhỏ nhặt như cái răng trong mồm chúng ta đã rụng lai rai, tới vấn đề lớn lao của lịch sử, nhân loại; từ cái nóng bỏng tầng ô-dôn thủng bề từng giờ, tới sinh hoạt thường hằng là "làm đệ tử khoái ngoài ruộng đồng trăng thanh gió mát" thường là thú vị hơn ngồi trong nhà tiêu chôn phở phường.

Gần sáng, trời trở lạnh. Thừa quơ mền đắp cho Dư và đắp quàng qua cho tôi. Chân chạm vào nhau mới sực tỉnh: "Hóa ra trong bao năm dài chúng tôi ba người chỉ có, và chỉ sống trên bốn cái chân. Lịch sử từ lâu nhường bước cho một đám sinh vật bốn chân thủng thỉnh đi qua.

(Sài Gòn, 1992)

Trong bài *Nghĩ về nhà văn Cung Tích Biền*, nhà thơ Sa Giang Trần Tuấn Kiệt đã viết:

... Cung Tích Biền đã tự thân, viết được những điều anh suy nghĩ, độc lập thấu thị và tư duy về Đất nước và Con người. Chúng ta rất mừng là anh chưa bị hoen ố vì lớp sơn đỏ hồng ngày phủ một màu đỏ tối tăm trong linh hồn tổ quốc và dân đen.

*“Đêm đỏ thắm tối tăm mùi máu lệ.
Đêm thê lương tàn tạ bóng ma người”
(thơ TTK)*

Tác phẩm Cung Tích Biền xuất bản khá nhiều. Văn phong khúc chiết, tư tưởng trù phú, mịt mùng như một mê cung khó cho ta lần dò vào đáy linh hồn của Nhà văn siêu thực tân phái này. Và ta cảm thấy đất nước, con người Việt sao quá đổi điều linh. Nhưng có một điều đáng mừng là trên sự điều linh đó, ý chí con người đã bức phá vươn lên. Vươn lên để làm một điều gì đó, để thể hiện cái vượt thoát, để bút phá gông cùm chẳng hạn, đối với một văn nhân chỉ là trong tác phẩm và nghệ thuật.

Tài liệu tham khảo:

- Cung Tích Biền Web: xuquang.com
- Thừa Dư Web: vietmessenger.com

4. Họa sĩ Chóe



Họa sĩ Chóe - Nguyễn Hải Chí (1943-2003)

Nguyễn Hải Chí sinh ngày 11 tháng 11 năm 1943 tại Cái Tàu Thượng, Hội An, Chợ Mới, An Giang. Thuở nhỏ ông học lớp Năm trường Lò Thiêu, ngoại ô châu thành Long Xuyên, lên lớp Tư theo gia đình vào học ở quận Thoại Sơn, Núi Sập, Long Xuyên.

Do hoàn cảnh gia đình rất nghèo, ông phải nghỉ học từ năm lớp 2, đi làm kiếm sống từ năm 9 tuổi. Ông làm đủ nghề: đập đá, đốn củi, chăn bò mướn...

Năm 1960, bị cán bộ Cộng sản ép lên núi hoạt động du kích nên ông bỏ trốn về Mỹ Tho, xin làm việc tại một phòng vẽ quảng cáo và học vẽ tại đây.

Năm 1963, ông làm thơ đăng báo để tán tỉnh cô Nguyễn Thị Kim Loan, người sau này trở thành vợ ông.

Năm 1964, ông đi quân dịch, năm sau được chuyển về làm tại Bộ Tổng Tham Muu. Lúc này ông bắt đầu làm thơ, viết truyện gửi đăng báo. Năm 1966 ông được báo *Tiền Tuyến* trao giải "Truyện ngắn xuất sắc nhất." Từ đó ông đã thâm nhập vào làng báo Sài Gòn

Cuối năm 1969, ông chuyển qua vẽ hí họa cho tờ *Diễn đàn*, từ đây ký tên Choé, nghệ danh do nhà thơ Viên Linh đặt. Sau đó ông còn vẽ cho nhật báo *Báo Đen* năm 1970, nhưng vẫn chưa được nhiều người lưu ý.

Năm 1971, ông chuyển qua cộng tác với báo *Sóng Thần*. Tại đây ông bắt đầu được biết tới, và nổi tiếng từ mùa hè năm 1972. Các tranh biếm của ông được các báo danh tiếng thế giới như *The New York Times*, *Newsweek*...chọn đăng. Ông còn viết thêm truyện dài đăng hàng ngày với tựa đề "Cái gọi là".

Trong giai đoạn nóng bỏng của chiến tranh Việt Nam, ông đã vẽ nhiều nhân vật nổi tiếng: Richard Nixon, Henry Kissinger, Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, Trần Văn Hương, Võ Nguyên Giáp... Một số tranh của ông đã đụng chạm đến lãnh đạo đất nước, do đó ông bị chính quyền bắt giam.

Ông tự học đàn và sáng tác nhạc trong thời gian ở tù.

Sự kiện 30 tháng 4, 1975 diễn ra, Nguyễn Hải Chí rời khỏi nhà ngục. Mấy tháng sau ông được nhận vào làm báo *Lao động Mới* với nhiệm vụ trình bày.

Tháng 4 năm 1976, ông bị bắt đi học tập cải tạo cùng với các văn nghệ sĩ miền Nam cho đến cuối năm 1985 tại các nhà giam Chí Hòa rồi trại cải tạo Gia Trung, Pleiku. Sau đó ông vượt biên nhưng bị bắt và phải trở lại tù thêm lần nữa.

Từ năm 1990, do không xác định được thời hạn tù, ông bị từ chối đơn xuất cảnh theo diện H.O. Ông ở lại Việt Nam hành nghề vẽ tranh bán cho khách nước ngoài. Ít lâu sau, ông được nhiều tờ báo trong nước đề nghị cộng tác trở lại. Tranh của ông tiếp tục xuất hiện trên nhiều tờ báo và tạo được phong cách riêng trong việc phê phán những thói hư tật xấu, những tiêu cực của xã hội.

Năm 1997, Cholé bị đột quỵ, dẫn đến bại liệt một thời gian. Trước đó ông cũng đã mắc phải bệnh Tiểu đường. Từ năm 1998 tới 2001, ông có 2 lần sang Pháp điều trị nhưng không thuyên giảm.

Từ năm 2001, ông bắt đầu đi đứng khó khăn, mù mắt trái, mờ mắt phải, từ đó không vẽ nữa mà chuyển qua làm thơ, viết nhạc.

Cuối năm 2002, ông được bạn bè giúp đỡ đưa sang Virginia, Hoa Kỳ chữa bệnh. Ngày 22 tháng 2 năm 2003, ông đột ngột bị ngộp thở, 10 ngày sau đột quỵ và đứt mạch máu não.

Vào lúc 3 giờ 50 phút sáng ngày 12 tháng 3 năm 2003, ông qua đời tại bệnh viện Fairfax, Virginia. Lễ tang được cử hành tại nhà thờ các thánh tử đạo Arlington, sau đó được đưa về Việt Nam an táng.

Tác phẩm:

- *Lai rai vẽ viết* (bút ký, Lao Động, 1992)
- *Tử tội* (tuyển tập tranh, thơ, văn, Tiếng quê hương, Hoa Kỳ, 2001)
- *Nghề cười*, tuyển tập tranh, thơ, văn, nhạc (Văn hóa Văn nghệ, 2013)

nhạc:

- *Ngã lưng trên đồi*
- *Gió*
- *Mưa*
- *Khi dứt cơn mưa*
- *Dù ta xa nhau*
- *Bên vườn nhà em*
- *Khi đến cuối đời*

Họa sĩ Choé đã được nhiều vinh dự trong lẫn ngoài nước:

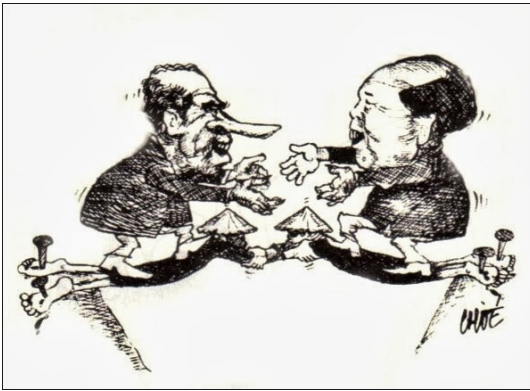
- Năm 1966, ông được báo *Tiền tuyến* trao giải "truyện ngắn xuất sắc".
- Năm 1973, nhà báo Mỹ Barry Hilton đã thu thập một số tác phẩm của ông định in thành sách phát hành tại Mỹ dưới tên "The World of Choé" (Thế giới của Choé) và gọi ông là "cây biếm họa số 1 của Việt Nam", nhưng ý định này đã bị Bộ ngoại giao Mỹ cản trở.
- Năm 1973, tuần báo *New York Times* bình chọn Chóe là một trong 8 họa sĩ biếm họa xuất sắc trên thế giới của thập niên 1970.
- Năm 1995, Choé được Phó tổng lãnh sự Nhật Bản mời tham dự cuộc triển lãm tranh quốc tế với chủ đề "Phụ nữ nước tôi" tổ chức tại một số thành phố ở Nhật.
- Ông được tuần báo *L'Hebdo* của Pháp chọn là một trong 6 người Việt tiêu biểu từ 1975 tới 1995 với đặc trưng là "Họa sĩ bướng bỉnh".

HUỖNH Ỉ TÔNG

- Năm 1998, ông có cuộc triển lãm tranh tại Pháp. Khi tới thăm Roma, ông được đặc ân diện kiến đức Giáo Hoàng John Paul II tại Tòa thánh Vatican.

- Năm 2004, 29 tranh chân dung của Chóe về những người phụ nữ đoạt giải thưởng Nobel được trưng bày ở Stockholm nhân "Ngày Việt Nam" ở Thụy Điển.

Tranh:



Nixon – Mao Trạch Đông



Lê Đức Thọ - Kissinger



Cyclo



Hai người bạn



Phụ nữ Việt Nam



Tranh vẽ cuối cùng năm 2003

Trích văn:

Giống Người Khác

Tôi vừa chạy xe qua khỏi bùng binh ngã sáu, quẹo qua đường Nguyễn Thị Minh Khai thì có một thanh niên đuổi theo và ra hiệu cho tôi dừng xe lại. Trông anh ta đáng vẻ

đàng hoàng nên tôi cũng tấp xe vào lề đường xem có việc gì. Anh ta cười cười: “Xin lỗi chú, cháu đuổi theo chú từ đường Nguyễn Văn Cừ, chú chạy nhanh quá! Không giấu gì chú, cháu là một người rất hâm mộ chú, cháu chạy theo để xin chú một chữ ký”. Gì chứ chữ ký là tôi sẵn sàng và rất hân hoan nữa là đàng khác. Không đợi tôi phải tự lục túi mình tìm bút, chàng thanh niên nhanh nhẩu đưa ngay cây bút và quyển sổ cho tôi ký tên. Tôi thì phải chuẩn bị một chút, thay cái kính cận đang đeo bằng cái kính lão để thấy đường ký ấy mà. Tranh thủ khoảng thời gian ấy, chàng thanh niên hỏi ngay: “Chú là nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu?” Tôi trả lời không phải (may mà vẫn chưa kịp ký tên) rồi thay cái kính cận lại chỗ của kính lão, không quên gật đầu chào chàng thanh niên kia, dọt xe đi.

Tôi không nhớ đây là lần thứ mấy người ta lầm tưởng tôi với Phạm Trọng Cầu. Có lần đi trong đoàn về thăm phố cổ Hội An gồm các nhà nghiên cứu, nhà văn, nhà báo, cách doanh nghiệp, nhà mặt trận và cả nhà dẫn chương trình Phương Thảo. Ở Hội An có ít người đến rạp Hòa Bình TP.HCM xem Phương Thảo làm MC, nhưng ở đây khán giả biết Phương Thảo dẫn chương trình qua băng video Mưa Bụi. Khán giả reo lên “Phương Thảo, Phương Thảo.” “Ô kia, có cả Phạm Trọng Cầu nữa”. Tôi đi gần Phương Thảo, “Đó đó, cái ông râu xồm là Phạm Trọng Cầu đó. Mà chạy về kêu chị Bốn nói tối nay trình diễn văn nghệ có cả Phương Thảo và Phạm Trọng Cầu nữa. Chắc là hay lắm đó”. Đêm ở Hội An tôi cũng lên sân khấu để vẽ tặng khán giả. Có lẽ một số khán giả đêm ấy sẽ nghĩ rằng Phạm Trọng Cầu ngoài tài viết ca khúc, tài đàn hát còn có nghề vẽ chân dung tại chỗ nữa.

Mới đây thôi, khi phim ‘Đồng tiền xương máu’ chiếu trên tivi, tôi đến bệnh viện Y Học Dân Tộc trị bệnh, lúc chờ đợi đến lượt mình lên bàn chiếu tia laser, có một bà bệnh nhân

đến hỏi tôi “đóng xong phim là vào bệnh viện hả?” Tôi ngỡ người ra chưa kịp nói năng gì, bà ta lại tiếp “râu quai nón đẹp thế kia mà đóng phim lại cao phần quai nón đi uống thế, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú mà cũng phải ngồi chờ đến lượt mình sao, anh Lâm Tới?” À! Té ra bà tưởng tôi là diễn viên Lâm Tới. Giữa nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu và diễn viên Lâm Tới làm sao giống nhau mà có người bảo tôi giống hai nhân vật này? Còn một nhân vật nữa mà rất nhiều người bảo tôi giống, họ bảo là tôi giống từ ba chục năm trước cơ (nghĩa là từ lúc tôi chưa đẻ râu) đó là nhà văn Hemingway – ông ta là người Mỹ da trắng chính còn tôi là người Việt Nam da vàng 100% mà bảo giống thì giống làm sao cơ chứ?

Nhưng có một người tôi rất muốn giống đó là chính tôi, vậy mà có người còn không chịu tin. Có lần ở tòa soạn, phòng thường trực điện thoại cho tôi bảo là có bà bạn đến tìm. Tôi ra phòng thường trực thấy chẳng ai quen cả và cũng chẳng ai đến nhận người quen với tôi. Người thường trực ngạc nhiên nhìn người phụ nữ xưng là bạn của tôi rồi giới thiệu: “Đây là họa sĩ Chóe”. Người phụ nữ ấy nhìn tôi rồi lắc đầu: “Chóe hả? Không phải Chóe đâu! Ông kia kìa! Giống... Chóe hơn! Ông này không có vẻ gì là... Chóe cả!”

Trích thơ:

Ta sợ

Suốt đời ta sợ

Sợ nắng, sợ mưa, sợ swong, sợ khói

Sợ tập vẽ cánh chim bay bằng tay trái

Làm người xem ngờ vẽ cá giữa

bụng bơi

Ta sợ bóng đêm

Ta sợ trời quá sáng
 Sợ ma quỷ hiện hình
 Hơn cả quỷ ma
 Sợ chân dung trù tượng
 Ta sợ vắn, sợ vơ
 Sợ nói ra nỗi sợ.

Nhạc:

Gió

TÙY Ý

Gió ha... qua Gió ha... lòng
 ta Đòi ta con gió ha... qua Biết bao giờ trở
 lại Biết bao giờ em đến con mưa Cánh chim chiều theo hương què
 Vào nhịp vờ
 nhò Lòng ta con gió ha... qua Tình ta xin ru con gió sương
 ai như mưa con gió sương
 sớm Hồn ta xin ru lang thang bóng mây Nhớ em gió sớm về, rồi
 sớm Hồn ai như ru lang thang bóng mây Nhớ ai gió sớm về, rồi
 nhớ em bóng tối lạnh em quá vô tình Tình
 nhớ ai bóng tối lạnh ...ôi gió vô tình làm sao
 nhớ chim chiều bay về Đòi ta con gió ha... qua.

Trong bài *Thế giới của Chóe*, Trần Áng Sơn đã viết:

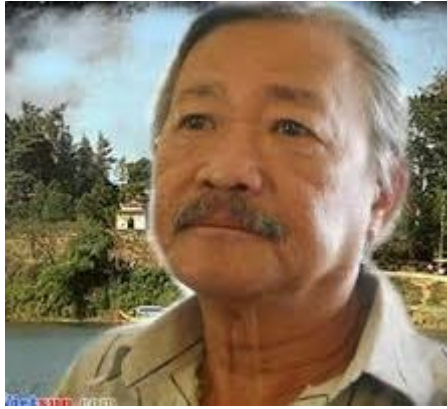
“... Sau năm 1975, Hồ Thành Đức cho tôi mượn cuốn *Thế giới của CHÓE* nguyên bản bằng tiếng Anh, lúc này tôi càng hiểu vì sao CHÓE lại nổi tiếng rất nhanh, không chỉ ở Việt Nam. Trước đây, xem tranh biếm họa của CHÓE đăng lẻ tẻ ở các báo, tuy có thích nhưng chưa “đã”, bây giờ được xem bản in ở một nước có kỹ thuật in ấn bậc nhất, tranh biếm họa của CHÓE không chê vào đâu được. Nét vẽ sắc như gươm, mạnh như thác, thâm thúy mà hài hước. Phần nhiều tranh biếm họa của ta được ở nội dung, yếu ở hình thức và ngược lại. Nhược điểm mạnh ở “biếm”, yếu ở “họa” đã được CHÓE xóa bỏ. CHÓE là một trường hợp hiếm hoi, anh xuất hiện đúng lúc, kịp thời, cả một thời bị thảm hậu quả của chiến tranh, đặc biệt trong thời kỳ quân đội của Mỹ đổ quân ồ ạt xuống miền Nam Việt Nam, những kẻ có tiếng nói quyết định trong cuộc chiến ấy đều không thoát khỏi ngòi bút biếm họa độc đáo của CHÓE.....

Ngoài văn xuôi CHÓE còn làm thơ, sáng tác ca khúc, kịch bản phim... có một số người được Thượng Đế ưu ái, tặng cho vô số tài năng, như Văn Cao chẳng hạn, ông sáng tác ca khúc, làm thơ, viết văn, vẽ tranh, lãnh vực nào cũng tinh. Trịnh Công Sơn cũng thế, họ là những bậc tài hoa quý hiếm.”

Tài liệu tham khảo:

- Chóe Web: vi.wikipedia.org
- Giống người khác Web: caidinh.com

5. Mừng Mán



Mừng Mán - Trần Văn Quảng (1947-20)

Mừng Mán tên thật là Trần Văn Quảng, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1947, quê làng An Truyền (Chuồn) huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

Đầu thập niên 1970, Mừng Mán có bài đăng trên các tạp chí Bách Khoa, Văn, Ý Thức ...

Trước 1975, ông tốt nghiệp tú tài toàn phần, và là cựu phóng viên chiến trường ở miền Nam Việt Nam.

Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và Hội Điện ảnh Việt Nam. Hiện ông đang công tác tại Công ty Văn hóa Phương Nam ở thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm:

- *Lá tương tư* (truyện dài, 1974)
- *Một chút mưa thom* (1974)
- *Người trong cuộc* (kịch bản phim, 1988)

- *Hồng Hạ* (tiểu thuyết, 1989)
- *Thương nhớ người đứng* (1989)
- *Kiều Dững* (tiểu thuyết (1989)
- *Ngon hơn trái cấm* (tiểu thuyết, 1989)
- *Khóc nữa đi sớm mai* (1990)
- *Người đàn ông tội nghiệp của tôi* (1990)
- *Mùa thu tóc rối* (1990)
- *Chiều vàng hoa cúc* (1992)
- *Trộm trái vườn người* (1994)
- *Lỡ nước long đong* (1995)
- *Trăng không mùa* (1995)
- *Những ràng buộc êm ái* (tập tn, 1995)
- *Vọng* (tập thơ, 1995)
- *Tiếng đàn Kim* (kịch bản phim, 1996)
- *Trăng không màu* (kịch bản phim, 1996)
- *Gió qua miền tối sáng* (kịch bản phim, viết chung, 1996)

Trích văn:

Cánh Cửa Đóng

Thức dậy lúc gần sáng. Ra khỏi giường, quơ chân tìm đôi guốc. Hai bàn chân chạm phải mặt sàn xi măng lạnh ngắt. Lãng xoa hai tay vào nhau cho đỡ cóng. Tiếng mưa vắng hẫng trên mái. Da thịt gầy gầy cảm giác ấm nóng dưới làn vải phin mịn, chiếc áo len mặc phủ ngoài sù sì gân gủi dưới bàn tay vuốt. Đặt ngón tay ấn lên nút mở đèn mới chợt nhớ điện cúp từ hồi đêm – sau bản tin đài phát thanh loan có bão rớt. Cái ngáp bất thần như sợi dây muốn kéo ngược Lãng trở lại giấc ngủ. Căn phòng gọn, khoảng mùng trắng lênh đênh treo hăng giữa khoảng tối nhạt.

Vốc nước đầu tiên vĩa lên mặt, rồi vốc thứ hai thứ ba, tỉnh táo hẳn. Từ hiên ngó ra, nước trắng xóa mặt đường. Hàng

dâm bụt dẫm nét căng thẳng theo chiều dọc âm thầm. Điều này là lụt cái chắc – tháng bảy nước chảy lên bờ mà. Năm nào trời cũng đúng hẹn. Lãng cho nước vào chiếc ấm con bắc lên hỏa lò. Lửa reo vui, ấm. Lũ ềnh ương rải rác đầu đó ngoài bờ nương, quanh quất bốn mặt vườn kêu hoài không mỗi miệng. Cái giống đó bực mình hết sức – mùa khô trốn mất tiêu – mùa mưa, không biết từ hang hóc mô chui ra kêu than inh ỏi. Tiếng kêu điệp điệp trùng trùng giữa đêm tình cờ thức giấc nghe buồn chi lạ, nhất là những đêm anh Ngải không về, chiếc giường trở nên rộng mênh mông, mặc dù mình đã cẩn thận ôm thêm cái gối dài vẫn thấy trống trống sao ấy. Lãng nghĩ thầm – bắt giặc cười khan. Hồi còn con gái, mười sáu mười bảy tuổi còn ngủ với mẹ. Lấy chồng, ra ở riêng, khuya khoắt nằm trong lòng “chàng” lắm lúc cứ ngỡ còn nằm trong tay mẹ. Lãng với tay lôi thau áo quần trong xó gác ra, múc nước trong chum dội rào rạt, hai tay nhíp nhàng vò xát, bọt xà phòng đùn trắng xóa giữa những ngón tay nhuyển. Đôi vú không nịt đung đưa dưới lằn vải áo – đang ở thời căng sữa, ngực mình lớn nom rõ, tháng tới mẹ có cháu ngoại mặc sức mà nựng, anh Ngải có con mặc sức mà cung. Mới giặt xong có một bộ quần áo đã nghe thấm mết. Người ta nói trong thời gian mang thai ghen phải vận động luôn luôn, để mới dễ, mình thôi thì khỏi nói, lúc nào cũng muốn ngủ, chỉ ưa nằm. Cái tật lười biếng đeo đẳng đầu từ hồi còn đi học. Nhớ lại mấy mùa thi phát ón: chữ nghĩa thu vào hai mắt không chịu nằm yên trong óc, cứ như nước đổ đầu vịt. Hồi đó, mỗi lần anh Ngải ghé chơi là cứ y như là hai ba bài vạn vật tiêu ma. Cộng lại rồi trừ theo tỉ lệ ấy, lúc vác bút vào phòng thi đầu mình chỉ còn nguyên giấy trắng. “Cái tú tài một thi hai năm không xong, lấy chồng thì tài bộ hơn ai hết” câu nói đùa của chị Quỳnh rứa mà đúng, không chanh chua chút nào. Minh suýt buột miệng: “rằng chị không giỏi lấy chồng như em đi”. May đã giữ miệng kịp không nói, bởi vì trông vào số tuổi chất đống của chị, không ai có can đảm thốt ra câu đó – dù là người

vô duyên nhất. Anh Ngải cứ nằng nặc mong sinh con gái. Con gì chẳng là con. Gái trai chi cũng rút từ ruột ra. Có phải từ đất nẻ ra mô mà phân biệt, anh ấy thật kỳ cục. Nước réo sôi trong ấm, âm thanh ríu rít vui ấm. Lãng rót nước vào bình thủy rồi đặt chiếc ấm không lên đầu nóc tủ ăn. Lửa còn đậm đà trong hòa lò hắt ra vùng sáng hẹp, nồng đượm. Lãng mò mẫm tìm cây đèn dầu thấp, đoạn tắt hòa lò. Ngọn lửa bằng hạt bắp lay tạt theo luồng gió cửa ngoài. Áo quần rũ phơi trên sợi dây thép căng ngang chái bếp. Lãng lơ đãng nghe tiếng chuông đồ từ phía nhà thờ bên kia sông. Không khí thanh thoát tinh sương có vẻ lỗi nhịp với tiếng chuông. Nhưng tiếng chuông đều đặn mỗi ngày dường như không thể thiếu vắng. Hồi mới tới, mỗi sáng nghe tiếng chuông, cơ hồ Lãng thấy nao nức trong lòng một thôi thúc nào đó không rõ, bây giờ thấy dừng dừng, dừng dừng tựa khi nghe thiên hạ đàm tiếu câu chuyện không chút dính líu đến mình. Trời tối lem nhem ngoài sân. Mọi tiếng động bắt đầu bung ra khắp khu xóm. Lãng nghe rõ cả tiếng nước nhỏ xuống từ mấy chum lá đầu tiên. Tiếng máy xe nô hỗn loạn. Bốn năm chiếc xe tải mở đèn quét chói chang suốt bãi đậu. Tiếng nhạc văng vẳng trong mấy quán cà phê quanh bên xe. Sinh hoạt một ngày vừa bắt đầu. Khí lạnh xô dạt lao xao trong khói xăng, náo nức tiếng nổ động cơ, bước chân người chằng chịt, mọi thứ xếp chồng lên nhau vô trật tự và vô phương dung hợp. Bóng tối chưa chịu rút lui, vẫn còn dày khít giới hạn tầm mắt. Lãng đặt tay lên bụng mỉm cười vô cớ. Nhớ khuôn mặt rắn đen của Ngải.

Nhớ những lỗ hồng không lấp kín được ngày tháng hai người. Những lỗ hồng thoát tiên chỉ bằng khe hở giữa hai ngón tay, dần mở lớn ra đến độ khùng khiếp theo những chuyến đi dài ngắn hạn mơ hồ của Ngải. Lỗ hồng chỉ lấp đầy khi Lãng sờ mó trực tiếp da thịt thân yêu của chồng. Những tối Ngải trở về bất chợt. Ném cái mũ. Quăng vội chiếc xác. Cười nói oang oang. Ôm chằm lấy vợ. Áp vào

tường, áp xuống giường (hay áp vào bất cứ điểm tựa nào trong tầm đứng hai người) hôn rối rít. Ngãi dùng môi lau hết nước mắt mừng tủi trên mặt Lãng, lau luôn nụ cười tươi tắn của vợ. Sự đi đi về về bất thường của Ngãi là gốc ngọn chuyện con bòn chòn không yên trong dạ. Lãng nửa đùa nửa thật: “cứ sống mãi cái điệu ni có ngày em đau tim”. Ngãi trấn an vợ bằng một câu nói xưa hơn chuyện cô tích: “Chết có số bạ mô chết đó chi được”. Đêm nằm áp tai lên ngực nghe tim Ngãi đập đều đặn Lãng cũng muốn tin người ta chết có số thật. Nhưng “số” là cái gì, vương tròn thế nào? Ước gì cái “số” là một đồ vật hay cái chi đó cầm bằng tay ngắm bằng mắt được thì hay biết mấy. Ngãi nói đủ kiểu, ba hoa xích thố cho Lãng yên lòng. Anh đem lá số tử vi giảng giải cho Lãng hiểu (lá số tử vi do ông già Ngãi chấm đầu từ hồi còn bọc tả): số có thiên tướng phủ mệnh, ra ngoài có người giúp đỡ... con đàn cháu đống v.v... Lãng mù mịt rồi mắt nhìn tờ giấy kẻ ô vuông, mực xanh đỏ vương vít những cung mạng theo thứ tự lớp lang thủy hỏa thổ... Riết rồi Lãng cũng phát cười. Căn nhà nhỏ chỉ vui nhộn những ngày có Ngãi. Những lúc đó Lãng đi đứng rộn ràng lãng xãng. Tưởng chừng mỗi bước tới đều vương tay Ngãi, mỗi bước lui cũng va phải chàng. Tưởng chừng mọi đồ vật, tấm màn chắn cửa, cái ly cái tách đều đổi mới dưới vẻ khác. Hạnh phúc nhỏ nhoi là sợi ràng buộc trăm năm. Biệt lập, Lãng thích như thế. Lãng sợ hãi những cặp mắt sắc cạnh dòm ngó của kẻ khác.

Hai người quyết định đến ở nơi này không ở chung với đại gia đình lắm lúc Lãng thấy lạc lõng giữa trùng vây những người thím, ông bác, bà o... Sống ở đó, Lãng có cảm tưởng nhất cử nhất động của mình đều nằm trong sự ước đoán gay gắt của mọi người. Giữa bữa giỗ, bữa kỵ nàng cảm thấy những tia mắt đậu ngửa ngáy soi mói trên gáy trên tay chân, gậy gậy trên da thịt. Ngãi là con một. Nhưng không vì thế mà anh chiếm được tất cả cảm tình của mọi người.

Ngày mới về làm dâu, Lãng thật tình cảm động trước mọi cử chỉ sẵn đón. Một tháng hai tháng, Lãng nhận ra dễ dàng trong cử chỉ trong mắt của bà Tường (mẹ Ngãi) của thím Tảo, o Sương đều có một cái đuôi. Một cái đuôi chồn tinh quái. Cái đuôi ngo ngoe sau sự tử tế chiều chuộng. Lãng chọn sự rời xa như con thú chạy trốn. Sợ có ngày bị dồn vào chân tường.

Trời sáng nhá nhem ngoài sân. Mưa lất phất hạt nhỏ. Anh Ngãi đi hôm mùng 8, hôm nay 23 rồi rãng chưa thấy về. Lãng không tin bất cứ tai nạn nào chàng có thể gặp. Đồn đồn trên núi, mưa gió này lạnh phải biết. Hai thành phố cách nhau một ngọn đèn tường chừng xa ngái cả dặm trường mù mịt. Đêm ngó mấy trái sáng dáo dác phía núi, Lãng nghe tức tức nghẹn nghẹn, nước mắt ấm nóng cả cổ họng. Lãng thầm nhủ hôm nào lên đó một lần thăm chơi cho biết. Thời chiến. Bước chân ra khỏi nhà là óc miên man lo nghĩ đến tai nạn. Mới tuần trước, ông Ba tài xế xe tải hạng nặng từ Đà Nẵng ra chết bẹp dí trong Cabin lúc cho xe độ đèo Hải Vân đụng phải xe Mỹ. Xác chỡ về đặt nằm giữa bên xe, che dăm ba tấm tôn sơ sài. Cứng vái khóc lóc một đêm rồi tống táng. Chết cũng chẳng được vào nằm trong nhà cho ấm thân; người mình có những lễ thói kiêng cử lạ kỳ. Chết đường chết xá quả thật là đại bất hạnh; sao quan tài buộc phải quàng giữa chỗ đông đảo người qua lại? Lãng ở đây chưa đầy 3 tháng đã chứng kiến nhiều cái chết khá ly kỳ. Một gã đàn ông trẻ chuyên xe chiều, thuê giường ngủ lại bên đọi chuyên xe sáng. Sáng ra chủ quán thấy khách không trở dậy, đánh thức mới hay ông khách chết lúc nào rồi. Người cho rằng trúng gió, kẻ cả quyết tự tử, thật là một chuyện. Quanh cái chết mặc sức nhiều thuyết bay lượn. Những cái chết như thế quá dễ đâu có hiếm. Còn chết trận – thôi thì khỏi nói ngày nào mà chẳng có. Lãng ớn lạnh vòng tay trước ngực nghe ngóng chờ đọi. Chẳng biết chờ đọi cái gì nữa. Lãng đưa mắt ngó vũng nước trắng xóa mặt

đường thấy ngái ngái. Còn cả một ngày chủ nhật, làm sao lấp đầy đây. Có lẽ nên về thăm mẹ. Nước non đây đường thế này, mò về thăm bà chắc lại bị mắng: “Cái con chi mà không biết giữ gìn mưa gió như ri, lội đi ngộ bệnh một cái thì khôn”. Lâu lâu trở lại nhà nhận quyền chăm chút âu yếm của mẹ, cứ ngỡ mình chưa bước qua ngưỡng cửa đó: ngưỡng cửa chồng con, đàn bà chiu chút. Ở đó mọi thứ đã thuộc về thời con gái xa cũ. Thời con gái mỗi ngày bốn bận đi xe đạp tới trường. Thời con gái kẹp tóc tha hồ giỡn đùa bè bạn. Một chùm ổi chín trong vườn. Một lứa cau mới cũng đủ làm mình thấy bận rộn. Mùa cau, mẹ bỏ từng quả sắp lên sàng phơi la liệt trước sân, hàng trăm miếng cau khô vàng au dưới nắng mới. Những chùm cau tươi xanh tốt mặn mà cho những cuộc se kết tình duyên. Vùng mẹ ở thật lắm cau. Vườn cau xanh mượt thẳng tắp, phơ phất lời ru buồn không chịu được, nhất là những trưa mùa hè nằm nghe ai đó ru dỗ: ru em em ngủ cho mùi, để mẹ đi chợ mua xôi ăn trầu, mua xôi chợ quán chợ cầu, mua cau tam phổ mua trầu chợ dinh, chợ dinh bán áo con trai, chợ Sam bán nón, chợ Trại bán kim. Nam Phổ và câu ru hát lôm bôm rơi xuống giấc ngủ như giọt mật rơi xuống từ nhụy hoa làm tươi mát da thịt. Ngày nào có con mình sẽ hát thật hay câu hát đó. Tiếc những năm còn ở với mẹ. Mình đã tự đóng khung ở vị trí khiêm tốn. Giữa hai chị em hình như luôn có một cái vương chia cách. Chị Quỳnh, tâm tính độc đoán và bất thường trong thế giới riêng của chị. Lãng chỉ như con sâu nhỏ đưa chiếc râu làm cần ăng ten mon men đi bên đời chị. Đối với chị, Lãng không phải là kẻ đồng hành, dù đồng hành trong nghĩa hạn hẹp nhất, chị có đời sông kiêu kỳ của đứa con gái tạm gọi là trí thức. Vốn liếng trí thức nọ chị đem dùng đâu đâu. Nhiều lần chị đã từ chối không bày dùm cho em một bài học khó, mặc dù biết chị dư sức. Chị Quỳnh, mãi đến nay chiếc vương chia rẽ vẫn còn đào sâu giữa chúng ta ra sao? Rả người vì chờ đợi anh Ngải, em đâm thềm cuộc sống của chị. Chị thừa sức cung dưỡng mọi

thứ tự do chị muốn, nhưng mắt chị nhìn em lạnh băng thế kia. Không lẽ chỉ vì em là con riêng của mẹ. Nhiều lúc Lãng tủi hổ cố mượn tọng ra khuôn mặt người đàn ông nào đó, đã có lần gặp gỡ mẹ để sinh ra Lãng. Lãng bắt lực trong liên tưởng mơ hồ đó. Mãi lên mười Lãng mới biết, Lãng là con riêng của mẹ. Chính chị Quỳnh tiết lộ điều đó kèm theo cái tát nỏ đom đóm mắt lần Lãng lỡ làm gãy tay con búp bê của chị. Chuyện đó xa xưa lắm rồi, nhưng cái tát hình như còn làm nóng rỏt mặt đến bữa nay. Một cái mường đào sâu giữa chúng ta. Chị Quỳnh à, mẹ cũng thấy rõ cái mường đó và mẹ chỉ biết buồn. Bây giờ chị có đời sống riêng lẻ, ngoài mẹ ngoài em, cách mẹ cách em một ngọn đèo, tưởng chừng xa cả dặm trường mù mịt. Chị ở xa, như anh Ngải xa em vậy đó.

Buổi chiều không thể kéo dài không khí nhảm chán lâu hơn được nữa – cuối cùng cũng phải chấm dứt. Lũ học trò rầm rộ kéo ra cửa. Mằn mưa trời u u, mới 5 giờ rưỡi coi bộ muốn sụp tối. Quỳnh gấp cuốn sách cho vào cặp. Xòe bàn tay đưa lên miêng đàn áp cái ngáp vật. Lớp học còn lại những dây bàn ghế trống trơn. Lớp học chết. Vài tiếng chân muộn màng mắt hút phía cầu thang, thấp thoáng bóng vài đồng nghiệp bước chậm. Tự dung thấy mệt lạ. Bài học không mấy rỏt rỏi, giảng giải đến rỏt cả cô, bọn học trò rỏn đầu nhiều đũa vẫn nghệt mặt ra không chịu hiểu. Quỳnh đăm cẩu. Bây giờ mới thấy hối hận đã chọn môn này: Công thức định lý hệ luận. Những số những chữ lắng nhắng khô cứng. Tại sao hồi đi học không đủ đăm mê để chọn môn văn chương, hay bất cứ cái gì khác – không phải toán, để thỉnh thoảng còn tán hươu tán vượn đỡ buồn. Toán mở miêng là công thức, chứng minh phát nản. Theo định lý này ta có, theo công thức nọ ta có, do đó suy ra... những câu thần chú ập lại mỗi ngày, mỗi niên khóa khác nào cái máy. Rầu thúi ruột. Ngó bọn trẻ lắng lúc cũng phát tội. Đứng trước bảng đen cầm cục phấn loay hoay đánh vật với công

thức, chữ và số, ngoặc đơn và dấu cộng trừ nhân chia, có khi suốt giờ đập số vẫn nằm tận cõi vô thường không chịu hiện ra, mồ hôi dãn sát lưng áo đưa đôi mắt đỏ ngầu xuống lớp cầu cứu, lòng thầm mong cô giáo đuổi về cho thoát nợ, dấu có lãnh một con zéro cũng khoái hơn đứng chịu trận trước cái nhìn hau hau, như muốn lột trần của cô giáo.

Lớp học im vắng, quanh quẽ như cảnh chợ chiều. Quỳnh như một khách thương vừa bị lỗ vốn nặng trong cuộc bán mua, còn ngồi nán lại. Quỳnh cuối nhìn vạt áo dài phủ trên đầu gối; chỉ một thời gian ngắn nữa không thể dấu được ai. Lúc đó bọn học trò sẽ công khai nhìn mình bằng cái nhìn như muốn lột trần cô giáo ra coi. Con Tiên, con Qui, con Giao, mấy gã mô phạm trong trường này nghĩ gì nhỉ? Kể cả lão hiệu trưởng đầu hói bốn mùa sặc mùi dầu nhĩ thiên đường. Nhất định bọn họ không chịu tha, mình sẽ là đề tài khá hấp dẫn cho những câu chuyện nhảm trong mọi lúc trà dư tửu hậu. Họ không chịu nói lớn, chỉ thì thầm rì rầm chỉ trở mỗi lần đương sự đi qua. Loại chuyện này thật hợp với lối “tuyên truyền rỉ tai” thiên hạ. Lúc đó mình sẽ phản ứng cách nào? Tinh bơ? Tỏ thái độ khinh bỉ bất cần đời? Hay tránh ra xa? Quỳnh nhả mặt bối rối, y hết đưa trẻ đứng trước bài toán khó. Lúc ngẩng đầu lên trông chừng dưới học bàn, ngoài cửa sổ, trên bốn bức tường trắng toát vây quanh lớp học đều có những con mắt soi mói phóng tới.

Giao đi ngang qua cửa dòm vào: “Chưa về sao còn ngồi đó bà?” Quỳnh xách cặp đứng bật dậy. Tay chân cố tạo cử chỉ tự nhiên cần có. Bốn chiếc guốc gỗ đều đặn tụt xuống mấy bậc tam cấp. Giao tươi mát bởi màu áo vàng khéo chọn, rất thích hợp với nước da trắng. Quỳnh đắm thềm nét mặt rạng rỡ hạnh phúc của bạn. Ra đến giữa sân, Giao đưa tay ngoắc ngoắc gọi anh Cung lúc anh Cung thoáng thấy chiếc xe màu cánh kiến chạy rà rà trước cổng. Gã đàn ông đeo kiếng

cận thò đầu ra, bật mở cánh cửa: “Mời chị Quỳnh về luôn thể”. Quỳnh đẩy Giao vào xe cười:

- Ông bà về trước, tự dung chiều ni tôi khoái đi bộ.

Chiếc xe thêm ga lướt đi, chói với tiếng cười của Giao hụt lại: “con bé lại dở chừng bắt tử, can hết nôi”.

Gió đầy, mặt sông thoáng sau hàng cau cao. Quỳnh đi dọc lề đường, cố khử loại mọi ý nghĩ vẩn vơ trong óc. Dòng sông lớn, rác rưởi tấp ven bờ, sóng vang động bắn bọt ngẫu trắng xóa. Quỳnh nghĩ, nếu bây giờ mình được ngồi trên một trong những chiếc ca nô kia, tốc độ sẽ giúp mình quên hết. Quên hết mọi thứ. Giữa muôn ngàn đợt sóng trùng vây chóng mặt. Chiếc ca nô chạy hoài không dừng nghỉ, không ghé bến không cập bờ, chạy đến lúc mình rã tan cùng bọt sóng. Sớm mai lũ học trò nhón nháo, bạn bè thân quen xa gần truyền miệng nhau: “Con Quỳnh đã chết, chết chìm, số hấn cao tay mới chọn Hà Bá để trao thân gửi phận...” Có không? Một lời khôi hài cho cái chết của tôi? Hay chỉ toàn là nhếch mép chép miệng thương hại. Dẫu sao, một cái chết mất xác vẫn còn đẹp. Chết cũng cần đến vẻ đẹp? Thật quả rắc rối. Có lần Quỳnh nằm mơ thấy mình nằm chết khóa thân giữa khu vườn ngập tràn bông huệ trắng. Xuống âm phủ (?) gặp Diêm Vương hỏi có sao cô đã chọn cái chết trần truồng? Quỳnh trả lời không do dự lúc chào đời mẹ sinh tôi trần truồng, lúc lia đời tôi muốn được trần truồng như thế. Diêm Vương lắc đầu chán nản bỏ đi lảo lảo cô đã chọn cho cái chết của cô một vẻ đẹp. Một vẻ đẹp? Quỳnh cười ngất mỗi lần đem giấc mơ nọ ra kể cho bạn bè nghe, nhưng nó ám ảnh Quỳnh không ít. Mọi người đua nhau đi tìm vẻ đẹp cho đời sống, có ai nghĩ đến vẻ đẹp của cái chết đâu.

Cự. Áo trắng cà vạt xanh đen chững chạc. Đôi giày bóng mái tóc bồng cao. Từ nhà bưu điện đi ra dáo dác ngó quanh như thể tìm kiếm ai, bất gặp Quỳnh trên lối đi, hấn cười:

- Cô giáo chiều nay lại về một mình ?

Quỳnh nở nụ cười thường lệ :

- Một mình chớ mấy mình nữa.

Hai người đi song song, nói chuyện loăng quăng đùa cợt quanh mấy vấn đề thuộc về nghề nghiệp, bởi lý do giản dị: cả hai cùng dạy một trường. Cự mới về đây cỡ một năm, đã có vài ba lần bị du đảng chặn đập ngoài phố, bởi lối ăn nói ba hoa và tính ưa la cà ở mấy trà đình tửu điểm. Vừa tung hứng câu chuyện của Cự, Quỳnh vừa nghĩ thầm: “nó tán, thẳng dịch vật” chịu khó tán, nói thể cũng hơi quá đáng đấy. Đạo sau này hấn có vẻ muốn thân thiện với Quỳnh hơn. Thỉnh thoảng hai người gặp nhau ở cầu thang sau một giờ dạy. Tình thân hữu mới “hàm tiếu”, hàm tiếu rồi “mãn khai” mấy hồi. Tới ngã tư Cự đề nghị tìm chỗ nghỉ chân. Hai người chọn một cái bàn, trong quán nước có cửa sổ mở ngó xuống mặt sông, vách gỗ mái tôn lan can sơn màu xanh dương. Giữa khoảng thời gian ngày ngã sang chiều, chiều sắp sang đêm. Khung cảnh thân mật lù mù khói thuốc, đê huề tiếng cười giọng nói và âm nhạc. Khuôn mặt Cự chìm sâu trong bóng tối, đốm lửa điều thuốc đỏ rực kẹp giữa bàn tay che. Tiếng nói hấn đều đặn thả buông từng chuỗi tới Quỳnh. Cự có lối nói chuyện khá hấp dẫn. Hóp một ngụm bia để lấy đà, lúc này hấn say mê nhắc đến Ngẫu, một cô bạn của Quỳnh vừa lấy chồng thàng trước. Cự cố nằn nì (gần như thể) để Quỳnh hiểu rằng suốt cuộc đời hấn chưa biết ném mùi thất tình bao giờ. Thành phố – quán nước bạn bè, con đường mỗi ngày bao nhiêu bận đi về, đời sống đều đặn đến sót ruột, tưởng chừng nghìn năm không thể đổi

khác. Trước mặt lao nhao lũ học trò vô chung vô thủy. Sau lưng tôi có gì? Có phải là tháng năm đang đuổi dòn tới, để mỗi đêm cuối năm, sau phút giao thừa tôi gạt đầu nhận thêm cho mình một tuổi. Quỳnh ngậm chặt cái ống hút, ly nước ngọt nâu sánh chẳng phản chiếu hình ảnh nào, ngoài đôi mắt tôi im sững của chính mình.

- Hè này chị định về Huế không ?

- Có thể về mà cũng có thể không. Câu tự hứa và mọi dự định trở về, bao lần lần nữa. Còn gì ở đó mà về, về để nhìn tóc bạc trên đầu mẹ. Cố mừng tượng thấy mình lúc già, nói năng lảm cẩm đi đứng ngả nghiêng, tay chỉ đủ sức lê nổi cây gậy cũng đã thấy khiếp.

- Bao giờ mới chịu lấy vợ ông tướng ?

- Bao giờ ông già tôi thôi lấy vợ lẽ.

Ấu thời và người cha. Nhà đôi với ông chỉ là cái quán. Ông đối với nhà như một khách vãng lai. Không trách khi ông nằm xuống, mẹ âm thầm bước đi thêm bước nữa. Không trách Lãng nó giữ riêng khoảng cách cố thủ cam chịu. Trong óc nó có lẽ mình mang hình ảnh một con ngựa, con ngựa bốn cái vó hiểm nghèo. Con ngựa cái.

- Con ngựa cái.

Cụ cựa mình trên ghế:

- Quỳnh nói cái gì, con ngựa cái là thế nào?

Quỳnh giật mình cười nhẹ, cố che dấu vẻ lúng túng:

- À, tôi muốn nói người đàn bà ngồi bên bàn kia trông giống một con ngựa cái.

Cự đưa mắt theo hướng nhìn của Quỳnh.

- Tôi nghĩ bà ta giống cô đào cải lương hơn. Cự cười phá lên, ý hẩn hẩn cho câu khôi hài của mình là ý nhị. Quỳnh chăm chú ngắm khuôn mặt của người bạn trai, tự dung nẩy ý so sánh. Cự không giống “hẩn” chút nào. Hẩn có chiếc cằm bạnh hơn nhiều râu tóc ngắn và cứng... với số lượng đàn ông đông đảo trên mặt đất này, tại sao tôi chọn hẩn. Con mưa tai ác. Cuộc gặp gỡ tình cờ, cộng thêm cơn bệnh của hẩn đêm hôm ấy. Tự mình tình nguyện làm con lốc. Con lốc lạc lăm đường từ khi bắt đầu quay, Quỳnh ơi, mi là một con lốc ngu xuẩn.

- Chị nhất định chưa lấy chồng sao ?

- Bởi tôi chưa muốn sinh con

- Ý nghĩ đó khá thực tế đó chứ.

Chị. Giọng Cự khi phát âm tiếng đó sao giống hẩn quá chừng. Chị Quỳnh ơi em đói bụng, chị Quỳnh ơi em nhưc đầu, chị Quỳnh ơi em muốn... Chính mình đã buộc hẩn phải gọi thế cơ mà. Kể cả lúc dưới mắt hẩn mình hiện nguyên hình một con đàn bà. Tiếng chị nghe ngọt xót như mía lùi. Nhiều lúc mơ hồ nghe giọng hẩn hao hao giống Lãng những năm hai chị em còn nhỏ. Chỉ có khác là mình thường ưng thuận với lời gọi của hẩn, với Lãng lắm lúc giả vờ không nghe.

Chiều pha bóng tối xuống nhanh trên mặt sông. Phía dưới gòn gợn sương mù. Đèn bật sáng. Quỳnh lảng tránh cái nhìn của Cự buông thõng:

- Thôi về.

Lúc này Cự mới chợt nhận ra vẻ xanh xao trên da mặt Quỳnh. Hấn xô ghế đứng lên cười nhẹ:

- Để tôi đưa Quỳnh về.

Trời cao hửng lên đọt cây. Đêm rộng bề ngang và hút sâu chiều dọc. Đèn sáng lao xao dọc bờ đường. Suốt dọc đường về nhà, Cự ít nói hơn, lâu lâu vai hấn chạm khẽ vào vai Quỳnh. Đến đầu ngõ. Trong khoản tối dưới tán cây bông giấy, Cự quàng tay ngang lưng Quỳnh kéo vôi về phía mình. Quỳnh buông xả cho Cự hôn không cục cựa. Lúc cảm thấy bàn tay gã đàn ông sờ soạng trên ngực mình, Quỳnh xô mạnh, rời ra quay lưng bước vôi vào nhà. Cự líu nhíu câu chào nho nhỏ. Quỳnh nghe rõ tiếng chân mình lẻ loi gõ trên nền đá lát “nếu nó biết mình đang mang cái gì trong bụng từ hơn hai tháng nay, chắc nó tởm và chẳng bao giờ có cử chỉ cuồng nhiệt đó”. Đèn trong hành lang dịu sáng. Quỳnh bước lên mấy bậc tam cấp nghe mình muốn khóc. Quỳnh vừa đi vừa ngoái lại nhìn ra ngõ. Cự không còn đứng ở đó. Căn phòng vợ chồng Giao đầy ắp tiếng cười. Quỳnh bước nhanh qua cửa, mong không ai thấy mình. Tiếng nhạc léo nhéo phát ra từ tivi lao xao đâu đó. Quỳnh thẳng thốt dừng lại. Khuôn mặt tươi tắn của Giao ngoi lên từ cửa sổ:

- Đi đâu về muộn vậy bà, đêm nay “ông lính” của mày về không?

- Không.

Tiếng không bật ra từ miệng Quỳnh, roi hắng mắt tằm trong không khí. Một chiếc giường một căn phòng trống không đang đợi. Đêm nay.

*

Người đàn ông đi dưới những mái hiên dọc dài dãy phố. Chiếc nón lười trai sụp nửa mặt. Hai tay thọc sâu trong túi quần. Hoi đêm rung động nhẹ nhàng, dễ chịu. Rẽ qua con hẻm đầy rác rưởi, qua cầu xi măng. Thành cầu, kè đá nghiêng bóng âm thầm. Một dãy phố khác mở ra mê ngủ, đường nét góc cạnh hòa lẫn điệp trùng vào nhau thành một tổng hợp phố chết, chỉ còn một hai giờ giữa còi giới nghiêm sẽ chạy rong khắp phố. Người đàn ông quẹt diêm châm thuốc hút, lơ đãng nhìn lê tề dăm ba cặp tình nhân diu nhau lặng lẽ câm nín: những nhân vật của một đoạn phim câm nào đó. Gã cảnh sát đứng lọt chừng dưới cột đèn, điều bộ nhân tản – một ngày huyết còi múa tay chỉ dẫn người đi đường lúc này như không còn dính líu đến anh ta. Người đàn ông gỡ chiếc mũ cầm trên tay, chậm chạp băng qua ngã tư rồi dừng lại trước cái cổng um tùm cây lá. Mưa rây hạt nhẹ, loáng thoáng như sương. Từ cổng ngõ vào dãy hành lang sâu hút còn sáng đèn. Người đàn ông nghe rõ tiếng giày mình nghiêng trên nền đá khuya trơn ướt. Dừng lại trước một căn phòng cửa đóng. Ánh sáng từ trong hắt lọt qua mấy kẽ hở. Người đàn ông đưa tay gõ. Đợi. Không tiếng trả lời. Đưa tay gõ lần nữa, mạnh dạn hơn. Có tiếng động nhẹ trong phòng – tiếng dép lê trên sàn, rồi bật. Người đàn ông ghé vai ấn vào cửa. Mặt gỗ lạnh cứng.

- Quỳnh, chị Quỳnh ơi.

Tiếng gọi mắt hút.

- Ngồi đây. Mở cửa. Lạnh quá chừng.

Đèn trong phòng vụt tắt. Dây hành lang vắng ngắt. Mặt tường lò mờ trắng màu bệnh viện.

- Mở cửa chị Quỳnh ơi. Còn thức đó chứ. Người đàn ông gọi lần nữa, giọng hấp tấp hơn.

- Không.

Giọng đàn bà sắc cạnh như búa vỡ đầu đinh. Người đàn ông đứng im sững trong thế chờ đợi nôn nóng. Hắn càng bối rối hơn khi nghe tiếng khóc nức trong phòng. Tiếng dội đập nhẹ nhàng trên vàng trán tối, ướt đầm mồ hôi và nước mưa, đôi mày người đàn ông khẽ nhíu lại.

- Về với Lãng. Nó đang đợi. Đừng trở lại đây nữa. Tôi bắt đầu tìm anh.

Giọng nói ướt nhão, êm trầm, xa lạ móc nối với tiếng khóc dứt quãng thành chuỗi, chuỗi xích quật thúc liên hồi tâm trí kẻ đứng bên ngoài và kẻ ở trong. Tiếng khóc luôn từng sợi chỉ mỏng trong da thịt nức nhối người đàn ông. Hắn cảm thấy mệt mỏi và chán nản. Sự buồn rầu dính cứng ở mỗi đầu ngón tay bất động. Thân thể hắn rỗng không như chiếc bình chứa khô hết nước. Bây giờ người đàn bà trong phòng là con ốc rút mình trong vỏ cứng, đêm tối là thú nước biển a tòng bung bít. Tiếng khóc là luồng sóng dữ xô người đàn ông trở lại bờ, không thể ra khơi xa được nữa. Cuộc phiêu lưu dừng lại ở đó, trước cánh cửa đóng. Tiếng khóc lênh đênh rồi rã, rồi chợt im vắng đến vô cùng.

*

Đêm hôm ấy, Quỳnh ngủ giấc cuối. Để rồi chẳng bao giờ dậy nữa.

Buổi trưa, người đàn ông tên Ngãi trở lại đứng nhìn xác Quỳnh buồn rĩ như cây sấu đông tróc gốc. Ngãi không tìm thấy ở đôi môi tái nhợt sùi bọt, tay chân có quắp của Quỳnh vẻ đẹp nào hết. Bởi vì ngoài Quỳnh, có ai nghĩ đến vẻ đẹp của cái chết nữa đâu.

*

Từ nghĩa trang ra. Hai người đứng đợi xe ở một khúc quanh. Sau lưng là bãi đất trống lưa thưa cây lá. Lãng muốn nói câu gì đó để phá tan sự im lặng. Ít ra, cũng giảm bớt phần nào cái chết của Quỳnh, đang đè nặng tâm hồn hai người cái chết của người chị. Người chị từ ấu thời đã có đời sống độc đoán trong thế giới riêng biệt, không thể nào Lãng hiểu được. Ngay đến cái chết bây giờ cũng là một bí ẩn lớn đối với Lãng. Nghìn năm Lãng vẫn là con sâu nhỏ đưa chiếc râu làm cần ăng ten mon men đi bên đời chị. Lãng không thể là kẻ đồng hành. Nhìn nét mặt tư lự của Ngãi, Lãng càng bị hồi thúc bởi ý nghĩ phải nói ra câu gì đó. Tiếng nói thường ngày thốt ra dễ dàng. Không dung bữa nay thấy khó. Cuối cùng Lãng cũng tìm ra một lời để để nói:

- Tháng tới, mình đã có con.

Ngãi cười :

- Ừ, con gái.

Ngãi :

- Anh thích con gái thì tự nhiên em phải sinh con gái.

Lãng :

- Nghe nói quyền thế quá.

Lãng ốm ở :

- Thế anh đã chọn tên nào để đặt tên cho con gái mình chưa?

Ngãi buồn thông :

- Quỳnh.

Lãng sừng sốt :

- Nhưng chị Quỳnh đã chết.

Ngãi quàng tay qua vai vợ âu yếm :

- Đặt tên đó để nhớ đến chị.

Lãng ngẩn lên nhì Ngãi im lặng. Không hiểu. Dưới đôi mắt mở lớn như muốn thu hết màu xanh của trời chiều, Lãng có nụ cười thật thà dễ thương như thóc với khoai./.

(Ý Thức số 3 ngày 1 tháng 11 năm 1970)

Trích thơ:

VỀ BẾN XUÂN XƯA

*Áo biéc xưa về qua bến tạnh
Ngày xuân tóc mới chớm ngang vai
Chị đi thoáng chút hương xoan muộn
Sóng sánh nghiêng lòng bao gã trai*

Khăn đào xưa đùa cùng gió nội

*Theo người qua trăm chặng lao đao
Chị gánh sương đi từ hừng sáng
Khuya về, vai nặng gánh trăng sao*

Cậu bé ngày xưa thường tha thẩn

*Ôm đàn ra bến hát nghêu ngao
Đón chị, đón quà, và đón cả
Vòng tay thơm gió bụi ngọt ngào*

*Hương xoan nay đã xa vời vợi
Thuyền cũ đi về vắng bóng ai
Lênh đênh trên bến vãn thơ trắng
Nhuộm áo khăn xưa màu trắng phai.*

Chợt Thấy

(Thơ viết ở Đà Lạt)

*Chợt thấy đôi khi lòng là quán
Trống tênh dăm ghé bụi mốc cời
Chờ nhau
Bếp đã thành tro nguội
Tay cũng đành
Mười ngón pha phôi*

*Chợt thấy đôi khi lòng là sóng
Cuốn tim bay theo bước chân người
Ngã bảy ngã ba
Tình mất bóng
Ngậm riêng mình nửa mảnh
Trăng phai*

*Chợt thấy đôi khi đời quá mệt
Ta rủ ta lên núi rong chơi
Cám ơn em*

*Đóa quỳ độ lượng
Đã hồn nhiên
Mở cửa đất trời...*

Lá tương tư

*Sáng nay anh thấy mộng rất đầy
Mộng về theo những cánh me bay
Bay từ vai quên sang vai nhớ
Xanh cả hồn anh bé có hay?*

*Sáng nay anh thấy hai sao mai
Một trong mắt bé một trên trời
Tim vui anh thốt lên thành tiếng
Chợt thấy tình cười trong miệng ai*

*Sáng nay anh thất mưa rất dài
Mưa từ quá khứ tới tương lai
Mưa trong cõi vắng anh ngồi đợi
Mưa ngập ngừng chân bé cõi ngoài*

*Sáng nay anh thấy một cánh diều
Mang tiếng cười ai vút lên cao
Anh vội xếp lòng thành đôi cánh
Ước được làm chim để bay theo*

*Sáng nay anh thấy một trời hương
Hương dâng lượ lượ cả tâm hồn
Ô hay! mắt bé là thuyền giấy
Vừa chở Thu về đậu bến hương*

*Theo trong mắt bé một vầng trăng
Sáng từ mỏng một đến đêm rằm
Soi đường tình ái cho anh tới
Dẫn lối cho hoa tìm đến ong*

Quàng lên vai bé một giòng sông
Mênh mông non nước thuở tang bồng
Sông ru tóc ngủ sâu xa ngái
Sông chở phù sa ươm mắt trong

Vẽ lên trán bé những ngày mưa
Khăn quàng áo lụa dài rất thơ
Đôi bàn tay yếu như lá cỏ
Lùa xuống lòng anh lúa bốn mùa

Gắn giữa môi bé một mắt trời
Đỏ chòm mộng chín tuổi lên mười
Cùng băng khuâng nhớ năm mười bảy
Và nụ hôn tròn thơm ô mai

Thổi vào lòng bé một tiếng đàn
Anh nghe chậm chậm bước Xuân sang
Những đường tơ nồn rung như nắng
Thứ nắng không màu nhưng rất nhưng

Lăn vào hôn bé một cỗ xe
Hai con ngựa trắng bước trong mê
Nhạc vàng khua rộn đôi vòng ngọc
Nhủ bé rằng anh sẽ trở về...

Qua mấy ngõ hoa

chim vỗ cánh nắng phai rồi đó
về đi thôi o nó chiều rồi
ngó làm chi mây trắng xa xôi
mắt buồn quá chao ơi là tội

tay nhớ ai mà tay bồi rối
áo thương ai lòng lộng đôi tà

đường về nhà qua mấy ngõ hoa
đừng có liếc mắt nhìn ong bướm

có chi mô mà chân luống cuống
cứ tà tà ta bước song đôi
đi một mình tim sẽ mờ cõi
tóc sẽ lệch đường ngôi không đẹp

để tóc rối cần chi phải kẹp
nắng sẽ chia nghìn sợi tơ huyền
buộc hồn o vào những cánh chim
bay lên đỉnh lòng anh ngủ đậu

cứ mím môi rứa là rất xấu
o cười tươi duyên dáng vô cùng
cho anh nhìn những hạt răng xinh
anh sẽ đổi ngàn ngày thơ dại

mi khẽ chớm nghĩa là sắp háy
háy nguyệt đi giận dỗi càng vui
gót chân đưa guốc mộng bồi hồi
anh chợt thấy trần gian quá chật

không ngó anh, rặng nhìn xuống đất
đất có chi đẹp để mô nờ?
theo nhau từ hôm nớ hôm tề
anh hỏi mãi rặng o không nói

tình im lặng: tình cao vời vợi
háy nói ra sợ để giun cười
sợ phở ghen đổ lá me rơi
sợ chân bước sai hồi tim nhip ?

cứ khoan thai rồi ra cũng kịp
vạn mùa xuân chờ đón chung quanh

vạn buổi chiếu anh vẫn lang thang
vẫn theo o về giờ tan học

từ bốn cửa đông tây nam bắc
tới bốn mùa xuân hạ thu đông
theo nhau về như sáo sang sông
như chuồn chuồn có đôi có cặp

chim chìa vôi chuyên cành múa hát
trên hư không ve cưới mùa hè
o có nghe suốt dọc đường về
sỏi đá gọi tên người yêu đầu

hoa tâm xuân tím hoang bờ giậu
lòng anh buồn chi lạ rứa thê!
nón nghiêng vành nắng chết đê mê
anh mê sáng theo chiều tắt chậm

chiều đang say vì tình vừa ngắm
hai hàng cây thương nhớ mặt trời
chiều ni về o nhớ thương ai
chiều ni về chắc anh nhuộm bệnh

thuyền xuôi dòng ngân ngơ những bến
anh như là phố đứng trông mưa
anh như là quế nhớ trầm xưa
sợ một mai o qua mất bóng

một mai rồi tháng năm sẽ lớn
o quên quên những sáng trời hồng
o sẽ quên có một người mong
một kẻ đứng dọc đời trông đợi

còn nhớ chi ngôi trường con gái
lớp học sâu, ô cửa, giờ chơi

HUỶNH ÁI TÔNG

*cặp sách quăng mô đó mắt rồi
vì o bận tay bông tay bé*

*chuyện hôm nay sẽ thành chuyện kể
những lúc chiều đem nắng sang sông
o bâng khuâng nhẹ nhẹ hỏi lòng
mình nhớ ai mà buồn chi lạ!*

*chim vỗ cánh nắng phai rồi đó
về đi thôi o nó chiều rồi
ngó làm chi mây trắng xa xôi
mất buồn quá chao ơi là tội*

Chiều đại nội

*Chậm bước theo mưa chiều đại nội
luôn qua cửa phủ ngắm thu phai
đường xưa khoác áo rêu phong ngủ
còn thức đâu đây những dấu hài?*

*trâm mặc bên hồ bông xừ rụng
mơ màng công chúa hát nam ai
phím võ tơ chùng tình dấu muện
tạ lòng nhau một thoáng hương bay.*

(Kiến thức ngày nay số 67 ngày 1/9/1991)

Bông com nguội

*hái bông com nguội bên thềm cũ
nhớ thuở quế trâm chưa mất nhau
loài hoa anh tặng em ngày ấy
giờ hết nguội rồi, bông biết đau.*

(Kiến thức ngày nay số 67 ngày 1/9/1991)

Trong bài *Bất ngờ ... Mừng Mán*, Nguyễn Khắc Phê đã có nhận định về nhà văn Mừng Mán như sau:

“Tác phẩm được đọc sau hơn 30 năm cũng đã là một vấn đề, nhất là tác giả lại từng ở bên kia chiến tuyến. (Trước 1975, Mừng Mán là phóng viên báo chí Sài Gòn ở chiến trường miền Trung.)

Như tôi được biết, lâu nay không ít người, khi nói về thế hệ nhà văn ở miền Nam trong giai đoạn này thường chỉ lưu ý đến những cây bút phản chiến hoặc những kẻ bồi bút chống cộng. Mừng Mán có con đường riêng của mình.

Trên những trang văn của anh đây ấp nhân tình - tình yêu quê hương, trai gái, vợ con, bạn bè..., cả những tình yêu thoáng qua, những kẻ bạc tình và bao trùm lên tất cả là tình yêu thương của tác giả đối với những cuộc đời bất hạnh, những số phận trớ trêu.

Những truyện đề cập trực diện đến cuộc chiến tranh, với cái nhìn nhân bản từ một góc độ mới - góc nhìn cận cảnh của người bên kia chiến tuyến, tác giả đã giúp cho người đọc hiểu được cuộc chiến tranh một cách toàn diện hơn trên cơ sở tôn trọng sự thật, tránh cách nhìn hẹp hòi, định kiến... “

Tài liệu tham khảo:

- Mừng Mán Web: vi.wikipedia
- *Cánh cửa đóng* Web: vanchuongviet.org

6. Ngô Thị Kim Cúc



Vô Ưu - Ngô Thị Kim Cúc (1951-20)

Vô Ưu là bút hiệu trước năm 1975 của nhà văn Ngô Thị Kim Cúc, cô sinh ngày 17-4-1951, tại Quảng Nam.

Ngô Thị Kim Cúc viết văn rất sớm, thời còn là học sinh trung học, xuất hiện trên tạp chí Bách Khoa năm 1966 với bút hiệu Vô Ưu.

Từ năm 1970-1975, theo học Đại học Khoa học Sài Gòn, tham gia phong trào học sinh đồ thị, là Phó Tổng thư ký Hội ái hữu sinh viên Quảng Đà tại Sài Gòn (1971-1975).

Sau 30 tháng 4 năm 1975, là cán bộ Hội Văn nghệ giải phóng khu Trung Trung bộ,

Từ 1979-1982, học khóa I, Trường Viết văn Nguyễn Du, sau đó về công tác tại Hội Văn nghệ Quảng Nam - Đà Nẵng. Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Từ năm 1983 là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Từ 1991, làm báo. Hiện công tác tại báo Thanh niên, ngụ tại quận 4, thành phố HCM.

Tác phẩm:

- *Vị ngọt hòa bình* (tập truyện, 1981)
- *Sắc biến* (tập truyện 1984)
- *Tam Giang thứ ba* (truyện ký, 1984)
- *Vết cháy* (tập truyện, 1985)
- *Dòng sông buổi chiều* (tập truyện, 1988)
- *Những người uống trà* (tập truyện, 1984)
- *Những biển dâu sóng lại* (tập ký, 1995)
- *Thăm cỏ trên trời* (tập truyện, 1996)
- *Tuyển tập 20 năm truyện ngắn báo Thanh Niên* (Thanh Niên, 2005)
- *Truyện ngắn hay báo Thanh Niên* (Văn Nghệ, 2008)
- *Truyện ngắn hay báo Thanh Niên 2008* (Văn Nghệ, 2009)
- *Ngọt như cà phê* (Văn Nghệ, 2012)

Trích Văn:

Bài hát chim nhồng xanh

... Bóng trắng ngã lộn bóng tre. Chàng ơi thức dậy mà nghe ta thề... Vườn đào vườn lựu vườn lê. Con ong vô hút nhụy con bướm xê ra ngoài. Bạn về nghĩ lại mà coi. Tấm tình ta ở gương soi không bằng...

Nàng hát, nàng hát đi hát lại bài hát ấy trong khi đưa bé hết vật mình sang phải lại sang trái. Tới lúc nàng giơ tay phát vào đít nó, nó mới chịu nằm yên, và yên luôn. Thế mà nàng vẫn hát, hình như quên mất mình đang làm gì.

- Thôi em, nó ngủ rồi.

Giọng anh hơi gắt. Anh chợt nhớ là lần đầu khi nghe nàng hát ru con anh thú vị dường nào. Một cô gái trông rất diễm, rất thời thượng mà lại biết hát điệu ru con. Thế nhưng càng về sau, sự thích thú càng vơi đi, thay vào đó là nỗi ngao ngán. Đứa bé dài ngoẵng, xanh rớt, cứ như một nỗi nhắc nhở đầy trách móc về bốn phận chủ gia đình của anh, của người cha, người chồng. Vì thế, anh không còn thích nghe những bài hát ru con ảo não, đầy vẻ thương thân, trách phận của nàng nữa.

Qua khoeo mắt, anh thấy nàng đã nằm thẳng người lại và đang kín đáo liếc anh. Vẻ dò dẫm ấy làm anh bực bội. Thà nàng cứ rần rục còn hơn.

- Anh ơi, anh nhớ hôm nay ngày gì không? - Vừa ngồi lên, nàng vừa nói bằng giọng tươi tỉnh.

- Ngày gì, ai nhớ nổi - Anh làu bàu trong miệng.

- Ngày một tháng tư... Hai năm rồi... Giọng nàng trải ra, chờ đợi.

Anh đứng lên, chỉ thấy bực dọc hơn. Nghĩa là hai năm ngày họ sống chung, với thằng con trai gần hai mươi tháng. Thế đấy! Sự sa sầy của anh. Sự thắng thế của nàng. Người ăn mừng ngày ấy là nàng chứ chẳng phải anh đâu. Anh nhìn sững nàng. Không hẳn giận dữ, cũng không hẳn ngạc nhiên. Người từng trải như nàng, lẽ nào để xảy ra chuyện ấy.

- Thì để vậy.

Anh buông thõng mấy tiếng. Mắt nàng kín đáo dò xét anh và từ đó đến nay không hề thay đổi. Họ thành một gia đình. Có khoảng năm tháng để nàng làm vợ. Buổi sáng sau khi

ăn bún, mì hoặc xôi gì đó, anh đạp xe đến bệnh viện còn nàng đạp xe đến hiệu uốn tóc. Trưa nào anh cũng phải chờ nàng vì thợ uốn tóc phụ thuộc vào giờ giấc của khách. Họ nấu nướng và ăn uống một cách hối hả rồi lại chia tay nhau cho đến tối. Đêm thì dễ chịu hơn vì nàng có vẻ thuộc về anh. Mùi xà phòng thơm. Chiếc áo ngủ nhẹ màu xanh, thân thể nàng mát mẻ... Rồi nàng sinh con. Những lúc chỉ một mình, anh vẫn thường quan sát thằng bé để cô tìm ra điểm tương đồng thiêng liêng nào đó. Có lẽ nó chỉ giống anh ở nét già cỗi. Da nhăn nhúm, trán cau lại đau khổ, nó như hục hặc với những gì đang đợi mình. Nàng bán chiếc nhẫn vàng duy nhất. Còn anh bán chiếc cát sét, vật duy nhất trong căn phòng độc thân của anh. Sữa nàng khô, vì nàng chẳng có gì ăn, thằng bé cứ héo đi với những tiếng khóc ngằn ngặt, gân cổ. Nhiều đêm, từ chiếc giường cá nhân, anh nghe nàng hát ru con, lạ lùng nhận ra đời mình đã đổi thay đến thế. Ra là anh đã có vợ con rồi đấy. Thế mà chẳng biết làm gì hơn ngoài chuyện ngồi bên máy X quang từ ngày này sang ngày khác, để chụp và rọi phổi cho những người nghi có bệnh.

- Em có cái này tặng anh... Nàng nói về dè dặt.

Anh chăm chú theo dõi khi nàng tiến đến chiếc bàn nhỏ, mở lấy cái túi và lại lục túi để đưa ra một gói nhỏ.

- Đây này, anh thất thủ coi, lịch sự lắm...

Anh cầm chiếc cà vạt xanh nhạt điểm những đường sọc mờ đốm dáng từ tay nàng, đột nhiên nghĩ đến cái thông lọng. Phải rồi, anh đã đút đầu vào sợi dây mà nàng nắm giữ.

- Mua làm gì tốn tiền. Biết mặc áo nào với nó, mà thắt vào dịp nào - Giọng anh dậm dẩn.

- À... Em sẽ mua cho anh miếng vải đen, loại hàng mới để

may sơ mi. Mầu đen đi với mầu này rất nhã.

- Tùy em - Anh buông thông, thăm nghĩ điều ấy chẳng bao giờ được thực hiện.

Tuy nhiên, để làm vui nàng, anh thất chiếc cà vạt mới một cách thận trọng, sửa đi sửa lại, để khỏi phải trò chuyện. Anh biết nàng vẫn đang theo dõi anh. Đến khi anh đã cất cà vạt vào ngăn tủ, nằm xuống giường, đã thấy nàng ngồi xuống cạnh mình. Tay nàng chạm nhẹ lên vai anh, giọng nàng chùng xuống:

- Anh có vẻ buồn... Sao vậy?

Anh không có cách nào khác là quàng tay ôm lấy nàng, kéo nàng nằm xuống.

- Có gì đâu...

Nàng ngoan ngoãn nép mình trong tay anh. Còn anh như cái máy, vuốt ve nàng mà tâm trí để tận đâu đâu. Như thể đã nhiều chục năm rồi. Không còn háo hức, không còn cảm xúc, không còn ngay cả sự vui vẻ giả tạo. Hình như nàng cảm nhận được điều đó mà vẫn không đòi hỏi gì hơn. Giờ đây, khi nàng chập chờn ngủ, bình yên, anh ngó nàng dưới ánh đèn soi mói. Đây, người đàn bà đã chung chăn gối và đã cho anh một đứa con trai. Nàng là vợ anh, người vợ từ trên trời rơi xuống, chẳng tổn đồng trâu cau nào cả.

Lúc ấy, anh cũng như bây giờ, lang thang, bất định. Buổi sáng ấy, có hai phụ nữ trong số những người đến chụp hình phôi. Anh đã quá quen với việc ngắm nhìn các bộ ngực đàn bà nên cũng chẳng hơi sức đâu mà nhớ mặt họ. Lúc ra về, khi có người đến gần anh cũng chẳng buồn dùng xe. Cô gái

đàn lên tiếng gọi, sau đó lúng búng nhận rằng mình mới từ phòng X quang ra, và hỏi anh có phải tên Viên, bạn của anh Lân râu không. Thì ra nàng đã gặp anh ở nhà Lân râu một lần nào đó. Anh không thể không mời nàng đến quán nước, việc mà đã từ lâu anh quên làm với bạn gái. ở quán nước anh tóm tắt được tiểu sử của nàng. Nàng là vợ của Hỷ, bạn Lân, nhưng Hỷ đã bỏ nàng sau khi được vợ chính thức bảo lãnh sang Mỹ. Nàng sống với Lân, sau đó đến lượt Lân tự trốn đi bằng thuyền đánh cá. Hiện nàng đang sống một mình với nghề uốn tóc. Anh quan sát nàng: gương mặt trước đây hẳn cũng xinh đẹp nhưng đã hẳn rõ nét héo úa sần khỗ. Thân hình nàng khá hơn, chắc là chưa sinh nở. Anh không an ủi, cũng chẳng tìm cách ve vãn nàng. Chính nàng đã tự tìm đến, ngã xuống giường anh một cách tự nguyện. Anh vẫn tự thấy mình không có gì để hấp dẫn phụ nữ: túi lúc nào cũng rỗng, công việc xoàng xĩnh, người thì teo tóp lại vì thiếu ăn. Chắc là cô ta cần đàn ông, anh lơ đãng nghĩ, và cũng lơ đãng hưởng thụ nàng, chẳng băn khoăn mảy may. Cho đến khi nàng có mang và dọn đến ở hẳn với anh. Sau đó, vì có con, nàng phải nghỉ việc. Đồng lương thâm hại của anh phải chi tiêu cho cả ba người. Nàng không than vãn, không nêu lên một đòi hỏi nào cả. Nhiều bữa ăn anh thấy nàng lúc thúc với những việc chẳng đâu vào đâu, gọi cũng chẳng vào, cho đến lúc anh gần xong bữa. Khi phát giác ra nàng nhường cơm, nhường phần cá canh ít ỏi cho anh, anh lặng cả người. Những ngày sau, anh lân la đến từng bạn bè hỏi xem có việc gì làm thêm. Nhưng ngay cả chuyện dán bao bì, bện chổi hay chọn cà phê xuất khẩu cũng chẳng kiếm đâu ra. Anh đã đạp xe thò mấy tối nhưng những bữa ăn tằn tiện và chiếc xe cà tàng khiến đêm về người anh cứ bã ra. Nàng bế con ra đường ngồi bán bắp nướng. Nhưng nàng không đủ mồm miệng để cạnh tranh với người buôn chuyên nghiệp, lại chuyển sang bán ổi dầm, rồi mực nướng. Vẫn thế. Một hôm, nàng hân hoan khoe với anh rằng đã có việc làm mới. Dọn dẹp nhà cửa cho một ông

già. Một ông cán bộ gần bảy mươi tuổi có con trai và con dâu đang công tác ở nước ngoài. Nàng đến để nấu nướng, giặt giũ, lau chùi nhà cửa. ở đó, nàng có thể mang cả con đi theo để trông. Từ đó, sáng sáng nàng lo đi chợ sớm, về nấu ăn để sẵn cho anh cả trưa và chiều. Rồi nàng bế con đi, đến tối mới trở về. Anh yên tâm thấy nàng và đứa bé có da có thịt lên nhờ cơm nhà người khác. Dần dà, nàng sắm sửa thêm vật dụng gia đình mà đầu tiên là chiếc cát sét còn tốt hơn cả chiếc cũ của anh, như để đền bù. Từ bấy đến nay anh không phải nghĩ ngợi gì về chuyện tiền nong. Kể ra phụ nữ biết cách thu vén gia đình hơn, đôi khi anh phán quyết một cách hài lòng như thế.

- ... Xin mưa triền miên mãi không lắng đọng... cho đôi tình nhân đuổi trong giấc mộng...

Giọng hát chanh chách, ma mãnh. Con nhông nghiêng nghiêng đầu, nhấp nháy mắt, huýt gió lại điệu nhạc thêm lần nữa. Rồi nó nhảy tâng trên những thanh ngang của chiếc lồng. Anh vừa thấy ngộ, vừa thấy kỳ quái. Một con chim biết hát giọng người.

- Em ơi... hun anh n... ừ... a... đi... n... ừ... a...

Con vật đã đổi sang giọng đàn ông, và lại nghiêng ngó, xem anh tán thưởng thế nào. Anh cười, búng tay tanh tách. Nó co người, nhảy lùi lại về thủ thế. Anh cả cười, quay xe bỏ đi, lầm bầm:

- Con quý.

Từ đằng xa anh nghe giọng nó nheo nhéo:

- Đồ đĩ ngựa...

Tiếng hát ma quái của con nhông không hiểu sao cứ đeo đẳng anh, ngay cả bữa cơm ngon miệng ở nhà người bạn cũ. Họ đã đâm xe vào nhau và nhận ra nhau sau tám năm không gặp mặt dù sống trong một thành phố. Anh không thể không nhắc đến nó, sau những câu chuyện dầm dề về những ông to ăn chặn và ăn chơi ở xí nghiệp của bạn anh.

- Tôi thấy kinh kinh thế nào ấy, như có cái gì ma quỷ nấp trong cái xác chim của nó.

- Kinh là phải, vì nó được nuôi trong cái nhà ấy mà. Dân xóm này gọi đó là sự bí mật mà ai cũng biết. Một nhà chứa loại mới. Xe hơi và xe máy xịn đập diu ngày đêm. Còn ai ngồi xe thì anh biết rồi. Thôi thì đủ các loại. Viên chức cái thiện có. Sinh viên học sinh cần ăn diện có. Thất nghiệp lang bang có... Nhưng mà này, đừng có đại đột dòm ngó gì vào đó, tụi nó thấy là rắc rối to.

- Vui miệng nói chơi chớ tôi để ý làm gì. Thời buổi này chán vạn cảnh hơn thế.

Lúc đạp xe trở ra để đi làm chiều, qua ngôi nhà ấy, anh chỉ lướt ngang một cách thờ ơ. Bỗng dừng tai anh bắt gặp tiếng khóc thật quen rồi mắt anh nhìn thấy thằng Bô còm nhom đang vung vẩy trên tay một bà già. Tiếng khóc của nó inh ỏi, chói chang. Anh run lên dừng xe lại dòm sững vào. Đứng rồi cái áo thun màu xanh mực mà anh mặc cho nó ban sáng. Bà già nhìn thấy anh, lẳng lặng bế đứa bé đi. Con nhông xanh ngoài hiên lại lạnh lót:

- ... Xin mưa triền miên mãi không lắng đọng... Cho đôi tình nhân đuổi trong giấc mộng...

Cổ họng đau muốn toác ra, anh nhân chân trên bàn đạp, lướt qua khỏi ngôi nhà. Ra đến đường, anh dừng lại, nghĩ

ngợi. Quay lại chẳng? Gọi to lên bắt nàng ra đổi mặt, ném vào mặt nàng sự tức giận đang làm anh nghẹn thở? Rồi anh nghĩ: nàng sẽ chẳng ra đâu, mà biết đâu, lại một thằng ma cô nào đó...

Anh đến chỗ làm việc, uể oải, nhàm chán như mọi ngày với số người đến chụp hình phổ nhiều lên bởi đang mùa tặng vọt giá cả. Hết giờ, anh không về nhà mà đạp xe lang thang khắp phố, như một kẻ thất tình. Con đói khiến anh cuối cùng phải tấp vào một quán mì. Đây là đồng tiền mà anh kiếm được một cách trong sạch. Thì ra bấy lâu nay anh vẫn nuốt những món mà nàng đánh đổi bằng thân xác. Ngay trong máu thịt anh đây, suốt cả năm trời qua đã được tạo thành từ thứ tiền có nguồn gốc đó. Ăn xong anh vào ngồi trong một công viên khai sặc mùi nước tiểu, loáng thoáng nhìn thấy những đàn ông và phụ nữ lôi nhau vào những vòm cây tối. Đến khuya, khi muỗi cắn bưng cả người, anh mới quay về. Nàng đang ngồi chờ trên bậc cửa.

- Sao anh... anh đi đâu... mà có vẻ mệt lắm...?

Không đáp, anh đi luôn ra nhà sau, mức nước dội ào ào lên cái đầu và thân thể đang nóng bừng. Nàng bế đứa bé nhìn anh. Mắt nàng lộ vẻ khiếp sợ. Anh chỉ muốn đập phá cái gì đó. Thì đây rồi.

Chiếc cát sét đang văng ra bài hát chết tiệt ấy:

- ... Cho đôi tình nhân đuổi trong giấc mộng...

- Tắt ngay đi. Cái thằng Tuấn Tú hát như cút phải trời mưa... - Lần đầu tiên anh ăn nói cục cằn như thế.

Nàng tắt ngay máy. Đứa bé ọ ẹ phản đối, nàng chẳng hề quan tâm, mắt vẫn không rời anh.

- Em có cái này... cho anh... - Tay nàng giơ ra miếng vải đen.

à, vải may sơ mi nàng nói hôm nào.

- Ăn mặc theo kiểu bọn nó đó à? - Giọng anh gầy gò.

- Dạ... màu này đang thịnh hành... - Nàng mừng rỡ tán thành.

- Rồi xúc nước hoa gì đây? Ăn nói kiểu nào? - Anh hỏi sần sỏ.

Mặt nàng ngậy ra. Anh cảm thấy hả dạ. Được rồi, anh sẽ chẳng vội vàng gì. Chưa nên nói hết ra tất cả. Hãy cứ giữ ở cái mức hiện thời xem sao. Anh bỏ vải lên giường. Nàng nhỏ giọng:

- Mai anh đi may đi. Rồi em sẽ mua thêm vài quần. áo quần anh cũng cũ hết rồi.

Anh hơi nhếch mép, ngồi xuống mé giường, bật diêm châm thuốc. Mùi khói thuốc lại làm anh điên tiết. Anh nhớ đến mùi thuốc lá vương trong tóc nàng mà bao giờ nàng cũng bảo là của ông già.

- Này cái ông già của em đó đi xe loại gì?

- Xe... hình như xe loại mới nhất... Em cũng không rành nên không rõ... - Nàng lúng búng.

- Có đúng ông ta bảy mươi rồi không?

- Dạ... chắc cỡ đó... - Nàng có vẻ rất khổ sở.

- Một lũ khốn kiếp - Anh buông thông.

Nàng co rúm người lại như bị đánh, hai tay bé đứa bé run run. Nếu đứa bé khóc, anh dễ có cơ để gây gỗ hơn.

Mặt nàng cúi xuống và hát nhỏ nhỏ những câu dỗi dành vô nghĩa. Thôi được, hôm nay thế đủ rồi. Anh sẽ còn tiếp tục. Ngày mai... ngày một... cũng chưa muộn.

Đêm. Tiếng nàng thở nhẹ. Tiếng đứa bé trần trọc, khóc quấy. Tiếng thạch sùng vang hơn. Tiếng gián xoè cánh... Anh trơ mắt ra đốt thuốc. Lạ lùng là anh không hề đau khổ như lẽ ra phải thế. Có lẽ chỉ là tí tự ái. Cũng có thể chỉ là sự thức giấc bất ngờ của một thứ giác quan đặc biệt nào đó. Có lẽ tại anh không yêu nàng, không gắn bó tinh thần và thể xác. Nhưng dù sao nàng cũng là vợ anh!... Lẽ ra anh phải lỏng lẻo, gào thét, sỉ nhục, làm đau nàng, phải đập phá toang hoang lên. Đàng này... Anh kính hãi thấy mình lạnh tanh như chuyện của ai khác. Mà... biết đâu... biết đâu đứa bé anh trông thấy lại chẳng phải thằng Bô... Nhưng thằng Bô... liệu nó có là con anh thực không? Thời gian đan díu với anh, liệu nàng có đi lại với ai khác? Tại sao nàng lại xộc vào đời anh một cách thẳng thừng như thế?

Anh bỗng nhớ lại những lời tỉ tê của nàng khoảng thời gian đầu còn thăm thiết. Rằng nàng bơ vơ nên chỉ mong có một mái ấm, chỉ muốn có chồng và có con. Nàng thêm khát thứ hạnh phúc bình thường đến xoàng xĩnh. Có lẽ vì thế, ngay thời gian túng thiếu nhất, nàng cũng xử sự với thái độ cam chịu của người nội trợ gương mẫu nhất. Cung cách đó khiến anh ban đầu thấy thương nhưng càng về sau càng thấy khinh thị. Hình như đối với nàng, nắm được anh là quá đủ. Anh ôn lại mọi chuyện để rồi cuối cùng nhận ra rằng trong cuộc sống chung này, anh chẳng mất gì hết. Từ một anh chàng cơm niêu nước lọ, quần lông đèn, áo ống thụt,

anh đã có người chăm lo bữa ăn, nơi ở. Giờ đây trong nhà còn có chút tiện nghi hơn hẳn ngày nào. Và nàng nữa. Nhưng khi anh cần đến nàng, bao giờ nàng cũng đáp lại một cách nồng nhiệt và âu yếm. Có phải nàng yêu anh không? Nhưng lẽ nào lại có một kiểu tình yêu như thế? Cái gì ở anh đã hấp dẫn nàng? Hình như chưa từng có người phụ nữ tử tế nào, loại mà anh mơ ước, ban cho anh chút hy vọng. Anh thừa biết lý do. ở thời buổi mà người ta tiêu hàng triệu đồng cho một bữa nhậu, đàn ông có thứ lương tháng chết đói như anh phải biết mình xếp ở thứ bậc nào. Anh đã dè xèn đến mức cao nhất, để đến những ngày cuối tháng vẫn có cái gì để cho vào mồm. Nhưng anh thừa biết sẽ chẳng có phụ nữ nào sẵn sàng đến chia sẻ với anh sự dè xèn đó, bởi đàn bà thường lấy chồng để nương nhờ. Đã lâu rồi anh không còn suy nghĩ về tương lai, không bận tâm đến thời gian, tuổi tác. Cuộc sống với anh là một sự thả nổi. Mỗi ngày trôi qua là sự lặp lại. Anh thấy mình giống như cây cỏ. Trời nắng thì héo khô nhưng vẫn sống, đến mưa lại ngập dập nhưng cũng chẳng chết. Và cứ thế lay lắt dưới chân người khác, không ai nhìn ngó, chẳng ai thương tưởng.

Trời sáng. Nàng trở dậy, rón rén rời giường. Ngang chỗ anh nằm, nàng dừng lại. Anh nhắm mắt, vờ như đang ngủ. Hẳn nàng đã thấy những đầu thuốc đầy lên trong chiếc gạt tàn dưới đây. Nàng sợ. Anh nghĩ. Và kinh ngạc thấy mình chẳng thích thú gì về điều đó, như anh tưởng tượng tới qua. Khi anh từ nhà sau đi lên, đã thấy tô bún bò bốc khói nàng để ở chỗ mọi ngày. Nàng cũng đang cho thằng bé ăn ở chiếc ghế bên cạnh. Nàng nói mà không nhìn anh:

- Em nấu canh chua trưa anh ăn nghe. Trời nắng nóng quá.

Anh ậm ừ. Nàng tiếp:

- Anh cố ăn uống lên. Anh vẫn gầy lắm.

Mắt nàng nhân cố đó, lại nhìn anh. Vẫn cái nhìn dò dẫm sợ sệt. Tự dưng anh nổi giận. Anh dẫn đũa xuống bàn: - Thôi đi, ăn năn mãi, nói không biết chán.

Nàng nhìn tô bún bỏ dở, nhìn anh phóng xe đạp khỏi nhà, đầy ngỡ ngàng.

Còn anh, suốt buổi sáng ngồi trước máy, anh cứ ngẩn ngơ mãi trong đầu câu hỏi: làm gì với nàng bây giờ? Chỉ cần anh nói thẳng ra là mọi chuyện xong ngay. Ai có thể chấp nhận việc vợ mình lại đi làm vợ bao kẻ khác? Anh sẽ nói thẳng ra và chắc chắn nàng sẽ khóc, sau đó nàng năn nỉ ỉ ôi, và nếu anh vẫn cương quyết thì nàng chỉ còn cách ra đi. Nàng làm gì còn cái quyền tiếp tục ở lại đây, sau cái tội tà y đình như thế?... Và rồi, anh sẽ trở lại đời sống cũ, lại cơm niêu nước lọ, mỗi ngày chỉ đối diện với cái bóng của mình... Nồi canh anh bắc hầm trên bếp dầu sôi trào, tắt cả lửa. Anh chan canh vào tô cơm, ngồi nhai như máy. Một lúc anh mới chợt nhớ ra mình đang nhai nuốt những thứ mà nàng mua sắm bằng cái đồng tiền ấy. Anh nghẹn lại, nhìn quanh. Nhưng chẳng có ai hết. Chẳng có nàng. Chỉ có mình anh, mình anh thôi. Anh đưa mắt nhìn quanh nhà. Đầu cũng có dấu vết của nàng. Chiếc màn cửa, chùm hoa vải trên tường, cây chổi trong góc nhà, bộ quần áo nàng phơi trên dây... anh vẫn hưởng thụ mọi thứ mỗi ngày mà không nhận biết. Sao ngay từ đầu anh không chịu để ý gì cả. Không để ý ngay cả bản thân nàng. Đến bây giờ, nếu cần phải mô tả gương mặt nàng, anh không phải biết nói những gì. Hình như chưa bao giờ anh ngắm nhìn nàng một cách tường tận. Sao thế nhỉ? Sao lại như thế được? Hẳn đang có cái gì rất không ổn nhưng đó là cái gì thì anh chịu, không trả lời được.

Sau giờ làm việc chiều, anh lại đạp xe đến ngôi nhà ấy. Đứng bên hàng rào với một sự hồi hộp kỳ lạ, anh chờ một điều gì đó thật kinh khủng. Anh chờ, chờ mãi... Vẫn chẳng có gì hết. Không hề thấy người, không hề nghe tiếng ai, không có cả con nhông. Ai đã dẹp mất cái lồng chim vì lý do gì nhỉ? Anh đạp xe về, lòng tràn đầy hoang mang. Anh có nhầm nhà không? Hay là anh đã nằm mơ chuyện con nhông, bài hát và thằng Bô? Hay ngày hôm qua là một ngày không thực?

Đến nhà, đã thấy nàng đang chải tóc trước gương. Mái tóc ướt dán vải áo sát vào da thịt. Anh nhìn nàng như mới thấy lần đầu. Hình như đã quá lâu rồi anh không thấy nàng trong dáng vẻ này. Nàng luôn tắm gội sạch trước khi về nhà, sau lần anh nhăn nhó về cái mùi thuốc lá. Hừ! Nàng quay ra, nhoen cười khi thấy anh trong gương:

- Anh biết không, hôm nay ông cụ cho em nghỉ sớm.

Anh dựng xe vào góc nhà, chiếc xe mới mà nàng đã sắm.

- Tôi nay mình đi xem cái gì đi anh.

- Xem gì? - Giọng anh không ra sẵn đón, cũng không ra hững hờ.

- Xem ca nhạc vậy. Lâu rồi, mình không đi đâu cả - Nàng mừng rỡ.

- Thôi đi. Lại tới nhìn cái bọn điên vừa hát vừa giật như mấy con rối. ở nhà còn hơn.

- Anh không thích thì thôi. Mà em cũng chẳng thích đâu - Nàng tán thành ngay.

Bữa tối có xà lách trộn, canh măng, dưa leo ngâm dấm, và cả bia.

Giữa bữa, bỗng dung anh lên tiếng, như bị ai xúi giục:

- Sao tôi khinh cái thứ chim nhồng thế không biết.

Mắt nàng tròn xoe nhìn anh. Anh quan sát nàng một cách nham hiểm. Tay nàng cầm chai bia hình như hơi run lên. Cũng có thể vì hơi nặng. Nhưng mắt nàng đã sụp xuống vội vã và nàng lẳng lẳng rót bia vào ly anh. Anh ăn khá nhiều và cảm thấy no. Hình như ít khi nào anh ăn no đến thế. Lúc nàng bật cát sét, một giọng ru con Nam Bộ nổi lên. Anh díp cả mắt lại, lần đến giường. Thật là một thói quen tai hại: cứ hễ ăn no vào là anh muốn ngủ. Mà hình như lại còn say bia nữa.

Khi bị chạm mạnh vào người, anh thức giấc. Mùi dầu gội đầu phụ nữ đầy mùi mộc sộc vào mũi anh. Tay nàng mát rượi vòng qua cổ anh. Anh để mặc nàng vờn mình, rồi đáp lại nàng theo kiểu một gã say đang thả lỏng hết bản năng.

Sáng. Anh dậy sớm. Nàng vẫn đang thở đều đều bên thẳng Bô. Anh đứng ngắm nàng. Trong tư thế hở hênh với chiếc áo ngủ phanh ra, trông nàng thật khá với vẻ dè giữ nàng vẫn có ban ngày. Đầu anh bỗng hiện lên cái hàng rào sơn trắng, con nhồng xanh, và nàng ở đâu đó sau những bức tường kín mít kia, chắc cũng trong tư thế ấy. Anh mím môi rồi buột miệng:

- Đồ đi!

Thờ dộc vì câu chửi của chính mình, anh mở cửa ra hiên, đứng lặng. Anh biết chắc đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng anh dám nói thế. Bởi từ trong thâm tâm, anh tự

hiều mình là người thua cuộc. Anh đã bị mài mòn đến mức có thể chấp nhận mọi thứ trên đời.

(Sài Gòn, tháng 4 năm 1991)

Trên Web Văn Hóa Nghệ An năm 2011, Nguyễn Thị Thanh Xuân viết về Vô Ưu Ngô Thị Kim Cúc như sau:

... Bốn mươi mốt năm cầm bút, trang viết của chị luôn hướng về phía trước. Những thay đổi là có thực, trong cách nhìn đời và cách viết. Nhưng có một điều bất biến nơi thế giới văn chương Ngô Thị Kim Cúc: Dù luôn muốn nhìn sự vật và con người đến tận cùng bản thể, nhà văn chưa bao giờ chịu tự buông mình và du độc giả của mình vào những góc tối bí quan, rã rời, vốn là tâm thế thường thấy của con người thời hiện đại. Gam màu nghệ thuật chính của Ngô Thị Kim Cúc là ấm hơn là lạnh. Dù thiên về cảm xúc buồn, cho đến bây giờ chị vẫn là người viết lạc quan.

Hình như đã sang mùa, những ngày này. Ngô Thị Kim Cúc vẫn là người giữa giòng, nhưng công việc làm báo buộc chị xuất hiện như là người kịp thời ghi nhận sự kiện văn chương: những bài giới thiệu tác phẩm tác giả mới nói rằng chị còn là người chịu đọc và vui mừng cùng đồng nghiệp.

Hy vọng rằng những bông hoa Vô Ưu ủ kín trong lớp tuyết mùa đông sẽ bùng dậy một sớm mai nào, khi mùa xuân trở lại...

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Thị Kim Cúc Web: vanchuongviet.org
- Bài hát *nhỏ xanh* Web: khotruyenhay.net

7. Nguyễn Thị Minh Ngọc



Nguyễn Thị Minh Ngọc (1953-20)

Nguyễn Thị Minh Ngọc, sinh ngày 5.8.1953, tại Bà Rịa.
Quê quán: Thừa Thiên.

Nguyễn Thị Minh Ngọc bước vào nghệ thuật bằng văn chương. Chị sáng tác từ những năm còn ở Trung Học từ 1970 khi còn ở Phan Thiết. Trước 1975, chị viết và ký tên Nguyễn Thị Ngọc Minh. Sau năm 75 chị ngưng một thời gian không viết lại được. Sau đó trước khi dùng tên thật là Nguyễn Thị Minh Ngọc, chị còn viết và ký dưới tên là Trần Anh Thức, nhưng sau cùng đã lấy tên thật làm bút hiệu.

Nguyễn Thị Minh Ngọc bắt đầu viết trong những trang thiếu nhi như tờ Tuổi Ngọc, nhưng truyện chính thức đăng trong tạp chí *Văn* đó là truyện *Trái Khó Qua* vào năm 1970, lúc đó chị đang học trung học Phan Bội Châu, Phan Thiết. Và sau đó cũng đăng những truyện như *Trăng Viết*, *Gói Cẩm Lệ* ở báo *Thời Tập*, *Phổ Thông*.

Sau 1975, có lúc Nguyễn Thị Minh Ngọc bán thuốc lá lè, bán vé số để sinh nhai, rồi thi đậu vào Trường Nghệ Thuật Sân Khấu. Tốt nghiệp Đại Học Sân Khấu. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam 1996. Cho nên ngoài viết văn, soạn

kịch, Nguyễn Thị Minh Ngọc còn dạy kịch nghệ, đóng kịch, đóng phim. Tác giả hơn 50 vở kịch dài, ngắn và cộng tác cho 7 sân khấu kịch ở Miền Nam.

Tác phẩm:

- *Trái khổ qua* (truyện ngắn, 1970)
- *Trăng huyết* (truyện ngắn, 1970)
- *Gói Cẩm Lệ* (truyện ngắn, 1972)
- *Trái bô quân* (truyện ngắn, 1974)
- *Ngọn nến bên kia gương* (truyện ngắn, 1992, 1994)
- *Một mình bước tới* (truyện ngắn, 1994 - 1995)
- *Trinh Tiên* (truyện dài, 1995)
- *Năm đêm với bé Su* (truyện vừa, 1995 - 1996)
- *Vì sao con ra đời* (truyện vừa, 1998)
- *Người đàn bà bị chồng bỏ* (tiểu thuyết, 2006)
- *Ngọc Viễn Đông* (tập truyện, Phương Nam, 2012)

Giải thưởng văn học:

- Giải kịch toàn quốc vở: *Đứng giữa đôi sao* (1995)
- Giải truyện ngắn: *Quán trọ* (1993) của báo Kiến thức ngày nay và Hội Nhà văn TPHCM, *Nắng chiều* (1986) của báo Phụ nữ, *Chung vách* (1988) của báo Văn nghệ TPHCM, *Năm đêm với bé Su*. Giải A Văn học thiếu nhi của NXB Kim Đồng.
- Giải kịch: *Một nửa của tôi đâu* (1993) của Hội Sân khấu và Đài truyền hình TPHCM.

Trích văn:

Trăng huyết

Đêm, gió vẫn hú dài trên những đồi cát hoang dã sau nhà rồi lướt chân vòng qua những bụi bờ lau sậy giữa đầm lầy

và nghĩa trang. Rồi sóng, sóng vẫn rên siết những lời tuyệt vọng một cách nhàm chán.

Biển ngợp ngựa trong màu đỏ của trăng. Tôi ngợp ngựa trong cái thứ nước mặn tanh đó. Đêm lặng gió, sóng nhỏ, những cù lao đen đũi ngoài kia khiêu khích. “Lúc nào buồn em sẽ bơi ra đó bứt một nhúm rong mơ rồi quàng lên cổ bơi về”. Tôi thường nói câu đó với Huyền nhưng chưa bao giờ tôi thực hiện cả. Bởi mọi sự với tôi chưa có gì trầm trọng để gọi là buồn. Sự lý lợm đã như một món quà Huyền tặng riêng tôi trong những ngày sinh nhật vào mùa trăng huyết tháng tám. Huyền có cái lối trui luyện em gái như tập tục của một giống dân da đỏ ở vùng hàn đới, nhúng đứa trẻ sơ sinh vào nước suối, và lớn lên một chút, xô nó xuống dòng sông cá sấu, nếu nó chịu được lạnh và cá sấu không ăn được thì coi như trời đã nhận. Tôi sẽ không cãi nếu có ai bảo Huyền không biết thương em. Cãi làm gì. Nói ra chẳng ai hiểu đâu. Mà cũng chẳng cần ai hiểu.

Huyền hơn tôi gần mười tuổi nên khi chơi với Huyền, tôi có cái dáng lúc thúc của một con gà con. Đứng hơn là con gà què. Một chuyến lên núi Tà Cú nhân dịp Trung Thu, cái bánh xe đạp sau quần nghiền bàn chân tôi, Huyền công tôi vào bụng ông Phật nằm, dài 49 thước, để đi kiểm thuốc. Trăng đêm đó cũng là trăng huyết. Hơi trăng hắt sáng qua khe mắt Phật rọi trên gót chân bầm tím của tôi lạnh như ai rắc băng trong tuyết. Sau này tôi đi hơi cà nhót. Sao chẳng lúc nào tôi tỏ ý - dù ý thâm - oán giận Huyền.

Nhà chúng tôi ở gần một cái đầm nước mặn, dưới chân một đồi cát, kê một nghĩa trang. Bên kia đầm là một vườn rau xanh ngắt ẩn dưới bóng cau rợp lá loáng thoáng thấy được bóng người. Một chỗ nửa chợ nửa quê. Bọc ngoài đồi cát đầy dứa dại táo gai là biển, nơi cung cấp những trò chơi không chán. Ngay trong nhà chúng tôi cũng đã có nhiều thứ

để giải trí rồi. Con mèo chột là của Huyền. Con heo vá đen là của tôi. Con nhòng kêu được tiếng người là của Huyền. Đàn vịt có bết sơn xanh đánh dấu trên lưng là của tôi. Chúng tôi còn chia nhau nhiều thứ. Cây đu đủ đục, giàn bầu, cụm hoa tường, chậu xương rồng hoa trắng muốt... Có một cái mà chúng tôi không thể chia. Đó là má. Cũng chẳng biết được má thương đứa nào nhiều hơn. Đôi lúc thấy Huyền “hành hạ” tôi quá, như là má cũng xót xa, nhưng ít khi nghe bà la anh về việc đó.

Mà mọi sự, rõ ràng còn là sự tự nguyện của tôi, Huyền đâu có ép. Tôi hân hoan được sai khiến hướng dẫn trong mọi trò của Huyền. Đóng một cái nhà cho con heo sắp đẻ. Dựng thêm giàn cây. Đi quơ cây khô trên đồi về nhà chụp lửa. Khi tôi đang tuổi lớn, Huyền đi học xa. Nên trong một năm đối với tôi mùa hè là mùa thần tiên nhất. Có những chuyến phiêu lưu xa hơn giang san chúng tôi đang ở. Đến rừng dương lẫn trên những nệm đá xanh óng ánh trên triền suối chảy ở Đá Ông Địa. Leo tận đồi mai rừng quanh đồi Lầu Ông Hoàng. Chân vẹo xiêu lẹo theo anh khắp nẻo. Kỳ diệu nhất là đi trên nước biển. Thử mới tập bơi, tôi đau đốn lưng búng với cái chân xiêu vẹo. Cuối cùng, Huyền phải rút tay tôi bám, xô mạnh. Cứ ngỡ chìm mất mình thì Huyền nắm cổ kéo lên.

Thường, cuối một dịp hè, Huyền thường có cái lối chào tạm biệt tôi bằng những cái xô thật bạo tàn mà một đời tôi khó quên. Vì nó thường trùng với mùa trăng sinh nhật của tôi. Lần tập bơi đó là một. Lần thứ hai trong một dịp đi hái dứa vườn hoang với anh. Trời lạnh và đầy sao. Một năm, trăng rằm lớn nhất vào tháng tám, đầy, to, tròn và đỏ như máu, nhuộm khắp cảnh vật một màu u uất, tóc tang mà hoang dã, đục mờ. Những rằm khác trăng trong thì sao biển đi. Nhưng tháng tám ở đây thì đặc biệt sao đầy dù đêm rằm.

Tháng tám ma quái của tôi! Huyền mang theo một cuộn dây dứa lớn để thòng trái xuống cho tôi tháo.

Rồi như thường lệ, hai anh em chọn hai gốc cây ngã lưng nói lung tung chuyện hay không nói gì hết. Gió thổi xô đẩy lá dứa rào rào không phân nổi với tiếng sóng ngoài kia. Hai tay tôi chấp sau ót thì Huyền gỡ ra, nói thắm vào tai: “Ngày xưa có thằng cha kia ăn xong trái vườn hoang buộc tiền vào gốc cây trả chủ. Bây giờ tao cột mỳ vô đây để trả tiền mấy trái dứa”. Huyền nói và Huyền làm. Rồi Huyền đi. Tôi định nói, thôi em không chơi cái trò kỳ cục này đâu nhưng sự lì lợm khớp miệng tôi lại. Tay Huyền trói không chặt nhưng chắc chắn. Cọng dây dứa nhột nhột cổ tay tôi. Nước mắt tôi chảy ào nhưng răng cắn nhất định không kêu. Có những người đi đánh vó khuya sóng sánh đèn bão ngoài bãi. Từng nhóm tới lui ẩn hiện như ma trời. Tiếng cười nói lất lẩy trong cụm lá dứa này, bụi gai nọ. Sao vẫn nhiều và đây. Trăng tươm ứa thêm màu máu sẫm. Vẫn còn một chút yên tâm rằng Huyền lẩn quất đâu đó, sẵn sàng ào ra nếu sinh vật nào ăn hiếp em gái anh.

Lần xô thứ ba này thì hết hy vọng đó rồi. Sau khi đỗ đầu trong kỳ thi ra trường, Huyền về nhà tuyên bố: “Sẽ lấy vợ trước khi trình luận án và... đi lính”. Cái xô dứt tình, dứt nghĩa. Thôi thế là em sẽ bơi ra cù lao đó. Quàng mớ rong lên cổ rồi bơi về. Bơi về rồi làm gì nữa đây. Chị dâu tương lai của tôi quá đẹp. Điều đó khiến tôi hơi ngạc nhiên. Con người Huyền cứng cỏi, không có dấu vết của sự thương tình. Chính cái nhan sắc kia khiến cảm nghĩ đầu của tôi là mình bớt nhìn Huyền cao ngất như xưa. Bớt nhưng không hết. Làm sao hết! Có những ngày tôi không làm gì hết. Tôi nằm khênh ra trên nệm lá dương khô, ngủ cho no, cho muối hai mắt. Cũng có lúc thả mình nổi trôi lênhênh trên mặt nước. Tôi đen như cục đất thối. Tóc cháy vàng chẻ đôi ngọn

khô gậy. Mặc dầu đám cưới chưa cử hành nhưng tôi tránh đi chơi với Huyền.

Tôi hân hoan khi thấy những đóm buồn trách thoáng ẩn hiện trong mắt anh. Sự độc ác lạnh lùng Huyền truyền thụ cho tôi được tôi thực tập với vài người quen. Nhưng họ hơi dần khiến tôi không còn hứng thú. Đâu dễ gì trời phát cho ta một đối thủ vừa tay. Những buổi đi chơi tay ba bề ngoài có vẻ thật dễ thương. Tần là người mềm mỏng, có cố gắng trong sự chịu đựng tôi. Sau đó thái độ dửng dưng của tôi vẫn không thay đổi gì hết. Nhưng cũng có lúc bất thần nằm dưới vòm keo nghe tiếng chim liu lo, bỗng dưng tôi xấu hổ với con chim vô danh nào đó. Nên về nhà cố gắng thân ái lại với Huyền, sốt sắng phụ tay vào việc dựng thêm một gian nhà mới cho đôi vợ chồng sắp cưới. Huyền cũng cười cầu hòa, chọc thẳng vào vết thương tôi: “Làm gì mấy ngày nay mà phịu mặt thế con nhỏ? Tần sẽ thay mà đi chợ, sẽ cho heo ăn, sẽ chia sẻ gần hết những việc nặng lâu nay của mà”. Tôi nói thảm: “Nhưng tôi đâu có ham. Tôi đâu có cần được như vậy”. Huyền chọc thêm: “Rồi bộ mi không lấy chồng sao? Trong đám đó tao ngó bộ có mấy thằng trông được lắm”. Nghe Huyền nói giọng buông xuôi chưa. Ngày nào lũ bạn trai của tôi còn khổ sở vì những trò hề của Huyền để trải nghiệm từng đũa. Bây giờ thì đâm ra dễ dãi như vậy. Tôi bỗng nói to: “Thôi tốt hơn là Huyền đừng nói gì nữa cả thầy”.

Trời mưa bay bay ngoài nghĩa trang. Người xà ích nạt nộ tôi tránh lối cho xe mang gạch hồ vào xây một ngôi mộ mới. Đám ma này khi sáng tôi có gặp. Thằng nhỏ chết trạc tuổi tôi. Má nó khóc mùi mẫn. Ba nó mặt lạnh như đá. Như là ông có ngồi trên xe ngựa. Và ngó chăm bám tôi. Tôi không nhìn lên nhưng tôi biết. Theo Tần kể, thằng nhỏ tự tử vì bực bội trước mối bất hòa của ba má nó. Tự tử bằng một cây súng của ông. Có vẻ như đó là một người có chức

phận và danh vọng. Dĩ nhiên, từ đó sẽ kéo theo nhiều mối bận tâm khác. Phải chăng tôi bị quyến rũ từ đầu bởi nét khổ tâm trong mắt ông và nét quý phái sang trọng nơi người đàn bà vợ ông. Buổi chiều đó, tôi đứng dưới gốc cây đào ngắm người thợ hồ xây mộ và ngắm người đàn ông có nỗi khổ nát lòng ngụt trong hai mắt. Thịnh thoảng ông có nhìn lại tôi, ánh dịu xuống. Nhưng mắt tôi không hề chớp. Tôi quan sát người cũng như quan sát vật để quên buồn. Vì trời mưa, tôi chưa thấy hứng thú bơi ra cù lao Hông.

Ngày cưới kè, Huyền đi xa một chuyến, lấy có mua một ít đồ cần cho đám cưới. Chắc chắn đó là cái có. Tàn vẫn đến nhà dịu dàng với má và tôi. Bỗng tôi thấy tội nghiệp cho cái nhan sắc đó phải về sống ẩn nhẫn giữa chôn đầm lầy loang lạnh như thế này. Tôi sợ sẽ có lúc chị hỏi hận. Thì có bao giờ tôi kêu ghét Tàn đâu. Nhưng lâu nay thấy đứng đưng. Dịp đi xa của Huyền mới thấy chớm lên chút hào cảm dành cho chị. Tôi nghi ngờ như có một điều gì toan tính giữa hai người.

Sáng mai là ngày Huyền về, Tàn đến xin phép má cho tôi đi với chị trong một buổi tiếp tân. Tôi ngò cho Tàn trang điểm. Tàn nói nhỏ: “Hải sẽ là người nổi nhất trong đêm nay”. Có lẽ, nhờ cái chân cà thọt của tôi. Chị cho tôi mượn cái maxi vàng óng - để phủ che chút chân tật nguyên, phải thế không? - Phải lắc đầu với nhiều người mời ra sàn nhảy, tôi nghĩ mình giống như một nhân vật cổ tích, con nhỏ công chúa cá thích lên bờ phải đổi cái lưới lấy đôi chân người để gặp hoàng tử. Nó phải cầm, mắt đi tiếng hát tuyệt vời đã làm hoàng tử mê mết nếu không sẽ biến thành bọt nước. Hình như cuối cùng con nhỏ không ngăn nổi mình vì tựa truyện là Bọt Nước Chung Tình.

Như bao giờ, tôi đứng một chỗ riêng - ở đâu cũng có một chỗ riêng cho tôi - nhìn ngắm từng người. Ai sẽ là hoàng tử

của tôi đêm nay. Chỗ này là chỗ người lớn. Không có lấy một tên nhóc bạn tôi. Nhưng trong mắt nhìn, tôi biết những người kia không coi tôi nhỏ. Họ đến từng tốp hai ba người rồi đi. Tôi thích như thế. Thật là thoải mái. Trời trong sáng và đầy sao trên những lùm cây như đêm nào Huyền trói tôi vào gốc dừa. Trăng mới nhú. Kéo lướt thướt cái bóng ngầu đục của nó qua những tàn lá thấp. Phải cảm ơn Thế Tàn mới được. Ban đầu ngỡ Tàn đẹp nhất đêm nay. Nhưng rồi mới thấy. Sang trọng quý phái trên tất cả vẫn là bà Hạo, cái người đàn bà ảo não trong đám ma hôm nào. Tôi ngắm bà không chớp mắt và buột miệng nói với người đàn ông đứng cạnh: “Ngó cái bà trong áo nhung đen kia. Tôi mê bà ta quá”. Có tiếng cười ngắn: “Bà ta là vợ tôi...”.

Tôi quay hẳn người lại. Nhìn trừng trừng người đàn ông lạ lùng đó. Mắt ông ta vẫn buồn dù nụ cười còn giữ trên môi. Tôi tự nghĩ người đàn ông này dù có nghe những gì người ta xầm xì về vợ chồng ông thì chắc đó cũng chẳng phải là nguyên nhân khiến ông phải buồn thêm. Nỗi buồn như thấm tụt đời thuở nào trong xương tủy ông. Chẳng hiểu vì sao tôi muốn bắt tay ông để chút buồn nhỏ của tôi lẫn hòa trong buồn rộng. Rồi tôi nói về cù lao nhỏ. Ông có bao giờ thấy cù lao đó chưa. Tôi cứ nhạo anh tôi bao giờ buồn tôi sẽ bơi ra đó. Hái rong mơ choàng lên cổ rồi về. Ông ta nghiêm trang: “Ngày mai tôi sẽ thực hiện giấc mơ đó giùm cô”. - “Sợ ông bơi không nổi”. - “Tôi có vẻ bệ rạc lắm sao?”. - “Không, nhưng ông có vẻ nặng nề vì một nỗi buồn nào đó. Đâu có ai mang khối đá trên lưng mà bơi nổi”. - “Thế thì tôi sẽ cắt tạm nó ở nhà”. - “Tại sao không ném quách đi cho rảnh, ông còn tiếc rẻ lắm sao?”. - “Đó là một phần của tôi. Không ai cắt bỏ được thịt da mình. Vì nó sẽ nảy chồi mọc ra cái mới. Trừ khi tôi chết đi...”.

Im lặng một lát, đột nhiên tôi hỏi: “Chắc ông yêu bà ghê lắm?”. Tiếng ông lạnh lẽo: “Cô có cần biết lắm không?”.

Tôi xin lỗi: “Có lẽ vì bà ta đẹp quá. Tôi bị mê hoặc bởi bà ta. Và hơi phiền lòng khi thấy họ không được hạnh phúc. La Rumeur!”. - “Cô tin những lời đồn lắm sao?”. - “Tôi ghét chúng nhưng dầu gì cũng không chối được là có một chút gì thật trong đó”. Ông bỗng kéo tay tôi. Mà tại sao ta phải nói về những điều đó trong một đêm thế này. Đi! Tôi mời cô bữa này. Tôi từ chối. Tôi nói thẳng vì chân tôi hơi cà nhót. Ông Hạo à à. Ra đó là nguyên nhân nổi kiêu ngạo của cô. Từ lượng của ông ta làm tôi ngán. Đó là người thứ nhì tôi nể vì chuyện này, sau Huyền.

Họ nhà tôi có máu háo thắng, nên dễ lì lợm trong mọi trò đùa. Ông Hạo nói tôi chẳng phải vì đùa như ông anh của cô mà uống nhiều đâu. Ông biết Huyền à. Biết chứ. Thăng cha nổi tiếng li rượu. Năm đầu tiên ra nghề, tôi có dạy Huyền. Chúng tôi thuê phòng ở gần nhau. Đêm đầu Huyền đến H., chúng tôi đã uống với nhau những giọt rượu đầu tiên. Tôi ôm cái mặt nứt nẻ sau trận đòn của du đảng xứ ấy, lết về phòng Chuyện đó tôi có nghe Huyền kể. Té ra là ông sao. Sao ông có con lớn thế. Tôi lấy vợ sớm, Cẩm Lai học lớp tôi. Đạo còn ở D., chúng tôi thường ôm nhau lăn từ đỉnh cỏ cao mượt mà xuống chân đồi. Mẹ Cẩm Lai hỏi tôi có ba triệu không? Cách đây mười bảy năm, ba triệu không phải dễ kiếm. Nhưng cuối cùng tôi cũng cưới được Cẩm Lai vì chúng tôi đã có con với nhau. Tôi thường nghe Huyền nhắc về cô. Hải Đường! Té ra chúng ta quen nhau mười lăm năm nay rồi mà không hay. Tôi nhỏ nhẹ: “Hãy gọi tôi là Hải thôi. Tôi không thích phải mang tên thứ hoa đó”.

Ông Hạo lái xe đưa tôi về. Cô có vẻ khôn ngoan trước tuổi. Kiêu ngạo, tự tin, lúc nào cũng ở một thế thủ vững chắc. Tự rót uống lấy mình. Cô chưa uống một giọt rượu tôi mời. Lúc ở trên xe, gió lộng làm tôi nhớ mình chưa cho Tần hay mình sẽ về xe ông Hạo. Ông cũng chưa cho bà ấy hay. Thế cô nghe người ta đồn thế nào. Chúng tôi đang ở thời kỳ ly

thân. Nghe giọng nói như là ông vẫn còn yêu bà. Tôi nhắm mắt và cảm thấy có một cái gì đó nát tan không cứu vãn nổi. Cái cảm giác của một người bị đẩy trười từ đỉnh xuống chân một đồi cát. Minh sao thế này. Tôi kêu ông Hạo cho tôi xuống. Ông thắng xe và nắm tay tôi. Cô sao thế. Chẳng sao hết. Sắp đến nhà tôi. Tôi muốn đi bộ một quãng. Ông Hạo khóa xe. Tôi muốn đi với cô. Những lời nói như truyền lệnh này là của Huyền. Huyền mà tôi sắp mất.

Thốt nhiên tôi cảm thấy chán nản và rã rời mọi sự. Còn hay mất. Sống hay chết. Đời sống lung linh những nỗi không tưởng. Chúng tôi im lặng đi chậm rãi bên nhau. Như một đôi bạn già. Kỳ dị nhỉ. Sao giờ tôi lại ở đây. Tiếng ve thốt thiết trong những những bụi cỏ. Gió hất tóc tôi sang vai ông Hạo. Jupe dài làm vương vúi những bước chân lướt thướt trên cỏ của tôi. Rồi một lúc nào không rõ.

Chúng tôi lạc lối đến nghĩa địa. Lẩn quẩn đến ngôi mộ người con ông Hạo. Ông đứng lại một chút. Trăng hắt lênh láng màu đỏ sậm trên mặt ông tỏ lộ một điều gì đó thê thiết khôn tả. Tôi đứng im như tượng nhìn một bức tượng khác là ông. Rồi một lúc nào không rõ. Chúng tôi hôn nhau. Nụ hôn nhẹ tưởng như không có. Nhưng mà lâu. Lâu như nỗi buồn. Một pho tượng hôn một pho tượng. Lạnh biết mấy. Sau đó cảm được một chút gì yên tâm và vui bớt chán nản. Hôn, thay cho bắt tay, như một dấu hiệu chào nhau để nỗi buồn vỡ ra, chảy bớt. Tôi chảy nước mắt. Cô từ đâu đến thế này. Tôi ở đây. Thế sao tôi không biết cô. Vì tôi không biết ông. Chúng ta không biết nhưng cây cỏ biết. Mả mộ biết. Sao trăng biết. Và đứa con của tôi sẽ chứng giám rằng... Tôi sẽ thường ra thăm cậu ta. Mong tình cờ gặp lại. Bây giờ nên chia tay ở đây. Lúc này người truyền lệnh là tôi. Ông đứng đó. Tôi quay thoát đi sau những hàng lau sậy dẫn vào nhà. Lọt vào trong nhà mới biết mình đánh rơi đầu đó một chiếc giày. Như con bé lọ lem chưa! Nhưng nằm ngoài dự

liệu của Huyền và Tần, Lộ lem không gặp hoàng tử mà lại gặp ông già của hoàng tử. Tần ngồi chờ tự bao giờ. Má tôi đang trách sao để lạc tôi thì tôi vào. Con về đây. Con về nguyên vẹn nè má. Nhưng mắt mát roi rớt theo nhịp chạy rất nhiều. Làm sao má biết. Làm sao má đếm được hồn con.

Rồi ngày qua ngày. Sóng làm đôi lúc tôi tưởng điên lên được. Nhưng nước biển làm tôi dịu lại. Tôi vẫn chưa bơi ra cù lao Hống. Chưa có gì trầm trọng mà. Một đôi lần tôi suýt chạm mặt bà Hạo nơi mộ cậu bé. Bộ đồ đen làm tăng vẻ đẹp nào nùng của bà. Cầm Lại! Tên một thứ gỗ quý. Tôi biết ông Hạo còn yêu bà ghê lắm. Chẳng thế mà ông buồn. Mà liên can gì đến tôi. Cô có cần biết lắm không. Ông Hạo đã hỏi. Nếu là bây giờ, tôi sẽ trả lời. Cần lắm. Để làm gì tôi cũng không hiểu nhưng cần lắm.

Có đêm tôi mơ thấy mình bơi ra cù lao. Đó là những hòn đá sắc cạnh màu huyết lỏm chồm hào hén. Huyền đứng trên đỉnh tự bao giờ. Anh gỡ tay tôi nhoi lên bám đá. Đá sắc cào xước một bên ngực, vẫn mạnh bạo như một con kinh ngư, tôi thông dong bơi vào bờ. Có tiếng ông Hạo gọi sau lưng. Ông ta vừa bơi vừa giơ cao một nhánh rong mơ định trao cho tôi. Nhưng sóng dạt, chẳng bao giờ chúng tôi chụp bắt được nhau. Rồi tôi thấy mình đứng trước một tấm kiếng lớn. Áo toạc ra, tay cầm bông băng định băng vết thương, nhưng vết sướt đẹp quá khiến tôi cứ đứng ngẩn hoài hùi. Máu tươm một đường đỏ, chấm dứt ở đầu vú trông như một nhánh hồng đầy gai máu. Rồi tôi hôn tôi. Cánh hồng đỏ vỡ nhòa. Nụ hôn lạnh lẽo mùi ngân thủy của gương.

Cũng có lúc tôi lờ mờ thấy cậu con của ông Hạo tìm tôi. Tại sao chị thường đến thăm mộ tôi. Vì tôi mê má cậu và tôi đã hôn ba cậu. Tôi không thích thế, tại sao chị không đến vì chị thích đến với tôi. Thế thì tôi không đến được đâu, cậu bé! Nhưng đó là mơ! Thật ra tôi vẫn đến ngôi mộ

ấy thường và lánh mặt mỗi lần thấy người ở đó. Có lần ông Hạo nhìn thấy tôi. Ông đuổi theo nhưng bao giờ cũng lạc lối giữa những hàng lau sậy. Những con chim vịt động ồ bay lên quang quác kêu rợp trời. Lẫn lộn trong đó tiếng kêu trầm, nhỏ, yếu ớt của ông Hạo: “Hải! Hải! Em ở đâu, cho tôi gặp một chút”. Không khác tiếng kêu trong giấc mơ tôi đã nghe bao nhiêu.

Bốn chúng tôi, Huyền, Tần, má và tôi vẫn sống êm đềm và có vẻ hạnh phúc. Chúng tôi sắp rời khỏi nơi đây. Huyền vào lính. Tôi được gửi đi học xa. Thử Tần bị thuyên chuyển về vùng cao nguyên. Má sẽ theo sống với Tần. Những buổi tối tôi ngồi sành soạn những món quà ngày xa xưa của Huyền. Một đốt ngón tay ướp formol. Bàn tay cán mỏng thành hình hoa pensée. Pensée à moi. Điều đó cần thiết chẳng. Đêm, gió vẫn hú dài trên những đồi cát hoang dã sau nhà rồi lướt chân vòng qua những bụi bờ lau sậy giữa đầm lầy và nghĩa trang. Rồi sóng, sóng vẫn rên xiết những lời tuyệt vọng một cách nhàm chán. Và sao, sao lâm chân dày đặc âm uì. Đã qua mùa trăng huyết cuối cùng của tôi ở P.

May mắn tôi là người rời nhà đầu tiên. Huyền có tổ chức một buổi rượu tiễn. Dành cho tôi bất ngờ, anh có mời ông Hạo. Huyền kiêm luôn chức đầu bếp. Món thịt nướng anh làm thật tuyệt. Đủ cả tôi, quế, ngũ vị hương, cà-ri cay... Mấy chai Mai Quế Lộ được đào lên... càng về khuya tôi càng sợ hãi trước sự bình tĩnh của Huyền và vẻ mặt ngây ngô của ông Hạo. Dưới sự điều động của Huyền, ông khóc cười như một đứa trẻ. Lòng tôn quý của tôi đối với ông tiêu tan như nỗi buồn không còn đọng vết trong mắt ông. Huyền bây giờ độc ác như một gã phù thủy. Mắt anh đo những đường gân chằng chịt, cơ hô rượu đổ ngạt vào hai cái hố khủng khiếp ấy.

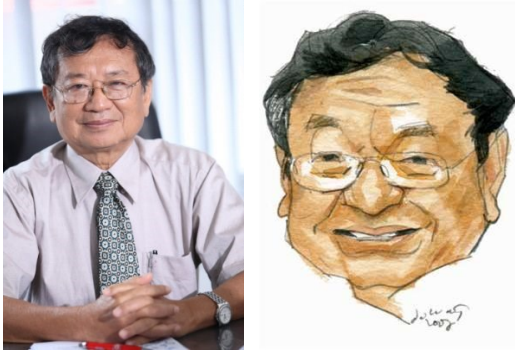
Tôi chịu hết nổi. Chạy vòng ra sau nhà. Thấy Tần ngồi khóc bên đống lông chuột, tôi nghĩ rằng chị đã hiểu lẽ mờ. Nhưng tôi thì hiểu thấu suốt mọi sự. Tôi cào nát cổ vẫn không ói được khối thịt thơm phức đã nuốt vào khi nãy. Ông Hạo đang chệnh choạng múa may bước ra cổng và ngã sóng soài giữa bậc đá. Má tôi mang khăn ướt ra lau vết bầm trên trán cho ông. Huyền liệng ra một tấm mền. Tôi ngẩng lên. Không phải hai con mắt lửa. Mà đó chính là hai vầng trăng huyết độc ác và thê lương sẽ theo đuổi tôi suốt cả cuộc đời. Trong chuyến đi xa ngày mai, tôi sẽ không còn lo phòng những bất trắc. Đánh đổi lại, sẽ là những mãnh tình không. Ông Hạo! Ông Hạo! Và những ai sau này nữa. Hãy tha thứ cho tôi. Hãy tha thứ cho anh em tôi...

Họa sĩ Nguyễn Trung nhận định về nhà văn Nguyễn Thị Minh Ngọc, những truyện ngắn của cô: *“Đó là những thiếu nữ vừa biết yêu, được yêu lòng tràn hạnh phúc và rồi bỗng nhiên cái hạnh phúc ấy không còn nữa... cái lòng cầu thị của những tâm hồn muốn vươn tới cái đẹp - cái đẹp của riêng mình, cái đẹp không-giống-ai. Đó cũng là những thiếu nữ chưa bao giờ có thể nhí nhảnh được. Họ đã bị cái hoàn cảnh cùng quần úp chụp lên đầu ngay từ đầu đời, cái gánh đời nặng trĩu hai vai mà họ sớm chia xẻ với gia đình, tâm hồn tràn ngập nỗi cay đắng, cái chén đắng mà họ đã phải uống từ khi mới lọt lòng mẹ. Đó cũng là những bài thơ xuôi đọc lên từ những tâm hồn phiêu bạt, cô đơn, lầm lũi đi trong con đường độc đạo của nội tâm. Đó cũng là những con người mộng du, đi nghiêng ngã giữa mộng và thực, giữa tình và mê, giữa rừng núi và phố thị...”*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thị Minh Ngọc Web: maxreading.com
- *Trăng huyết* Web: giaitri.vnexpress.net

9. Đỗ Hồng Ngọc



Đỗ Hồng Ngọc (1940-20)

Đỗ Hồng Ngọc sinh năm 1940 tại Phan Thiết. Quê nhà ở Lagi huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Ông là cháu của nhà văn Nguyễn Ngũ Ý.

Năm 1969, tốt nghiệp Tiến sĩ y khoa quốc gia, Y khoa Đại học đường Saigon, chuyên khoa Nhi.

Sau 30-4-1975, ông tiếp tục làm việc tại bệnh viện Nhi đồng Sài Gòn.

Từ năm 1985-2005, ông làm Giám Đốc Trung tâm Truyền thông và Giáo dục sức khỏe Tp. HCM.

Từ 1991-1995, Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc là giảng viên thỉnh giảng Bộ môn Nhi, Đại học Y dược Tp. HCM.

Từ 1989-2013, là Trưởng Bộ môn Khoa học hành vi và Giáo dục sức khỏe, Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Năm 1993, ông đã đi tu nghiệp ngành Y tế công cộng tại Đại học Harvard Hoa Kỳ.

Năm 1997, tu nghiệp về Giáo dục sức khỏe tại CFES, Pháp.

Trước 1975, ông làm thơ, viết báo, dùng bút hiệu Đỗ Nghệ, đã cộng tác với các báo: *Bách khoa, Mai, Văn, Ý thức, Tuổi Ngọc, Mây Hồng*. Sau 1975, *Tuổi trẻ, Phụ nữ, Thanh niên, Mực Tím, Áo trắng, Doanh nhân Saigon cuối tuần, Sài Gòn Tiếp thị, Văn hóa Phật giáo, Giác Ngộ, Kiến thức ngày nay...*

Tác phẩm:

- *Tình Người* (thơ, 1967)
- *Những tật bệnh thông thường trong lứa tuổi học trò* (1972)
- *Thơ Đỗ Nghệ* (thơ, 1973)
- *Giữa hoàng hôn xưa* (thơ, 1993)
- *Gió heo may đã về* (1997)
- *Già ơi...Chào bạn!* (1999)
- *Nghĩ từ trái tim* (2003)
- *Những người trẻ lạ lùng* (2001)
- *Thầy thuốc & Bệnh nhân* (2001)
- *Như ngàn thang thuốc bỏ* (2001)
- *Cành mai sân trước* (tuyển tập, 2003)
- *Thư gửi người bạn rộn* (2005)
- *Khi người ta lớn* (2007)
- *Như thị* (2007)
- *Chẳng cũng khoái ru?* (2008)
- *Gương báu trao tay* (2008)
- *Thư cho bé sơ sinh & những bài thơ khác* (thơ, 2010)
- *Nhớ đến một người* (2011)
- *Thư gửi người bạn rộn 2* (2011)

Trích văn:

Văn hoá đọc...

Nhiều người sợ rằng đến một lúc nào đó người ta sẽ không còn ai đọc sách in trên giấy nữa, vì đã có CDRom, Ebook... tiện lợi hơn nhiều!

Thực ra, với những người yêu sách, mê sách, thì không có lý do gì để phải...hoảng sợ! Bởi vì sách không chỉ để đọc mà còn để nhìn, để ngắm, để ngủi, để nghe.... Thời còn in typo, xếp chữ chì, bước vào nhà in nghe cái mùi mực, mùi chì, riết rồi ghiền. Nhìn những người thợ xếp chữ ở trần trùng trực, hai tay thoan thoắt bắt chữ, xong vỗ một cái cộp lên giấy, ta có ngay một bản vỗ (morasse) còn ướt mực, nóng hôi, “vừa thổi vừa đọc”! Rồi nhìn ông thầy “cò” (correcteur) ôm nhóm, râu lõm chòm như nhiều ngày quên cạo, chăm chú móc từng chữ sai trong bản vỗ, hí hoáy lòng vòng như vẽ bùa – chỉ có những người thợ xếp chữ mới biết ông ta muốn gì- để sau đó, ta có bản vỗ thứ hai rồi thứ ba, cho đến lúc sạch trơn không còn sai một lỗi nhỏ. Thật là kỳ công mà cũng thật là...thú vị! Hiện nay, trên một vài phố nhỏ ở Paris, người ta còn thấy trưng bày trong tủ kính những trang bản thảo do chính những nhà văn nổi tiếng tự sửa morasse. Ta như có dịp thấy Victor Hugo, Lamartine, Marcel Proust... ngồi trước mặt mình, chăm chú, hí hoáy.. móc từng dòng từng dòng, xóa, xóa, thêm, thêm...

Có một thời mỗi loại sách có kiểu giấy riêng. Thơ được in trang trọng nhất trên giấy có hoa văn, mùi thơm thoang thoang, khổ to, chữ bự, cứ như một bức tranh. Tiểu thuyết, sách nghiên cứu... dùng những loại giấy khác nhau. Mỗi nhà xuất bản thường “chơi” một loại giấy riêng, cách đóng riêng, trình bày riêng. Nhìn qua là biết ngay nhà xuất bản nào. Có “nhà” không dùng giấy trắng láng mà in trên giấy dày, xù xì, màu gỗ như gạo lứt, thô ráp, rờ đờ sượng. Sách lại không xén sẵn mà để nguyên từng “cahier” cho người đọc được cái thú tự rọc lấy. Khi rọc – với một con dao không bén ngọt- chẳng những được nghe tiếng sòan sọach,

lít rít, mà còn được thấy giấy vụn bướm ra, tung tóe như cánh bướm, được ngửi mùi gỗ thơm vương vít trong bụi giấy... Tóm lại, ngửi, nghe, nhìn, sờ... đủ kiểu trước khi sách được đọc. Mà vẫn chưa đọc ngay đâu. Hẳn coi cái cách người ta trình bày bìa, trình bày sách, kiểu chữ, dàn trang ra sao cái đã. Hẳn coi những dòng ghi ở cuối sách, cho biết in lần thứ mấy, bao nhiêu cuốn, có bao nhiêu cuốn đặc biệt được đánh dấu riêng, dành cho tác giả... cái đã. Rồi đọc. Đọc nhâm nhi hay đọc ngẫu nhiên. Đọc ngò hay đọc nằm, đọc đứng, đọc đi, tùy. Nhưng khi đọc, thường có cây viết chì cùn, dặt ở mép tai, thỉnh thoảng đánh dấu chỗ này chỗ nọ, ghi chú điều này điều khác. Tóm lại, người mê sách đã biến cuốn sách đâu đâu thành thân quen, gần gũi, riêng tư của mình.... Vài chục năm sau, một hôm dọn dẹp nhà cửa, tình cờ đọc lại những dòng xưa, nét xưa... không khỏi ngậm ngùi!

Sách còn một chức năng khác: Một ông bạn kể chuyện ông mê cô hàng xóm xinh đẹp, không dám nói, một hôm gửi tặng nàng cuốn “Hình như là tình yêu” của Hoàng Ngọc Tuấn (ông chưa hề đọc) rồi hồi hộp chờ đợi. Khá lâu sau, nàng gửi tặng lại ông cuốn “Tâm tình hiến dâng”, bản dịch thơ Tagore (cũng chưa hề đọc). Thế rồi hai người cùng đọc với nhau tới bây giờ... chưa biết chán!

Người mê sách còn phải luôn cảnh giác vì người xưa có nói :”Thư trung hữu nữ nhan như ngọc”, trong sách có cô gái đẹp như... ngọc. Nên phải hết sức cẩn thận. Không khéo có hôm nàng hiện ra, “hỏi không đáp...” thì nguy!

Tóm lại, còn lâu mới “diệt” được sách in!

* *
*

Thế nhưng gần đây sự phát triển ồ ạt của sách in lại có mặt đáng lo khác! Sách ngày càng nhiều, ngày càng đẹp. Bìa hoa hòe hoa sói có, thiếu nữ khỏa thân có... bên cạnh những cuốn sách triết học đông tây kim cổ dày cộm có... Các đại gia nhà cao cửa rộng bắt đầu say mê sách! Họ trưng bày nhiều tủ sách trong nhà nhưng không phải để đọc mà để khoe như khoe quây rượu, tủ quần áo, giày dép hàng hiệu... Có lần tôi đến một khách sạn lớn để dự một buổi ra mắt sách. Ôi chao! Căn phòng rộng mênh mông của khách sạn đầy sách là sách! Các tủ sách kín bung bọc quanh bốn bức tường khiến khách như bị ngộp trong một hang động... sách! Đủ các loại, tây tàu nga mỹ nhật hàn... cổ kim dày mỏng đều có, ngấp từ dưới sàn nhà cho đến tận trần nhà. Không ngờ một “nơi ăn chốn ngủ” giữa Thành phố thế này mà văn hóa đọc cao đến thế! Tôi tấm tắc lần mò dò đọc các gáy sách với lòng thán phục rồi hỏi nhỏ người phụ trách có cho mượn không, anh thiết tha bảo chỉ toàn là gáy sách đó thôi, chớ có sách vở gì đâu, chỉ trưng bày cho đẹp căn phòng “văn hóa” đó thôi! Thì ra vậy. Cứ tưởng thiết thì lỗi tại ta!

Trích thơ:

Thư cho bé sơ sinh

November 24

*Khi em cất tiếng khóc chào đời
Anh đại diện đời chào em bằng nụ cười
Lớn lên nhớ đừng hỏi tại sao có kẻ cười người khóc
Trong cùng một cảnh ngộ nghe em!*

*Anh nhỏ vào mắt em thứ thuốc màu nâu
Nói là để ngừa đau mắt*

HUỶNH ÁI TÔNG

*Ngay lúc đó em đã không nhìn đời qua mắt thực
Nhớ đừng hỏi vì sao đời tối đen.*

*Khi anh cắt rún cho em
Anh đã xin lỗi chân thành rồi đó nhé
Vì từ nay em đã phải cô đơn
Em đã phải xa địa đàng lòng mẹ.*

*Em là gái là trai anh chẳng quan tâm
Nhưng khi em biết thẹn thùng
Sẽ biết thế nào là nước mắt trong đêm
Khi tình yêu tìm đến!*

*Anh đã không quên buộc etiquette vào tay em
Em được dán nhãn hiệu từ giây phút ấy
Nhớ đừng tự hỏi tôi là ai khi lớn khôn
Cũng đừng ngạc nhiên sao đời nhiều nhãn hiệu!*

*Khi em mở mắt ngỡ ngàng nhìn anh
Anh cũng ngỡ ngàng nhìn qua khung kính cửa
Một ngày đã thức giấc với vôi vàng với hoang mang
Với những danh từ đao to búa lớn
Để bịp lừa để đổ máu đỏ em...*

*Thôi trân trọng chào em
Mời em nhập cuộc
Chúng mình cùng chung
Số phận...
Con người...*

(Bệnh Viện Từ Dũ, Saigon, 1965)

Gió bắc

*Đi giữa Saigon
Phố nhà cao ngát
Hoa nở rực vàng
Mà không thấy Tết!*

*Một sáng về quê
Chợt nghe gió bắc
Ơ hay Xuân về
Vỡ òa ngực biếc!*

Trong bài *Ngộ ra những điều kỳ diệu của trái tim*, tác giả Phan Chính đã nhận xét về những sang tác của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc:

“Qua những bài thơ giàu cảm xúc và thâm đậm tình người dưới bút danh Đỗ Nghệ, những người yêu thơ anh bất ngờ nhận ra đó là một bác sĩ. Rồi lại thêm bất ngờ nữa là hàng loạt bài báo, những cuốn sách y khoa viết về bệnh trẻ em, về lứa tuổi học trò, về những bà mẹ. Gần đây anh lại làm thêm vai trò thầy thuốc cho người đến tuổi già. Những tập sách khó mà phân loại là sách y học, văn học, bút ký đối với “Gió heo may đã về”, “Già ơi... chào bạn”, “Những người trẻ lạ lùng” ... Với lối viết hóm hỉnh, giàu kiến thức xã hội làm cho người già nhận ra điều tất yếu để vui vẻ mà “sống chung với tuổi già” như người dân ở đồng bằng sông Cửu Long đã bao đời vô tư sống chung với lũ.”

Tài liệu tham khảo:

- Đỗ Hồng Ngọc Web: baotreonline.com
- Mỗi ngày tôi chọn... Web: dohongngoc.com

Tiết hai: Nhóm Nhân văn - Giai phẩm được in tác phẩm

Chúng ta đã biết rằng những ai có tham gia vào Nhân Văn Giai Phẩm như chủ trương, cộng tác viết bài, ủng hộ, cho đến đọc báo cũng đều bị trừ dập nặng nhẹ tùy trường hợp như bị tù đầy, bị quản chế.

Những văn nghệ sĩ, nhà giáo đều bị sa thải khỏi chức vụ, công việc, tác phẩm của họ không được in, thậm chí con cái của họ cũng không được thu dụng vào cơ quan nhà nước hay đi du học.

Cho đến thời kỳ đổi mới, từ năm 1986, khởi đầu là nhà văn Phùng Quán có tác phẩm *Tuổi thơ dữ dội* do nhà xuất bản Thuận Hóa ấn hành năm 1987. Sau đó tập thơ của Hoàng Cầm như *Men đá vàng* do nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 1989, còn Trần Dần phải bỏ tiền ra tự in tập *Bài thơ Việt Bắc* năm 1990. Thơ *Lê Đạt Sao Mai* do Lê Đạt với Sao Mai in chung năm 1990 ...

1. Hoàng Cầm



Hoàng Cầm - Bùi Tăng Việt (1922-2010)

Hoàng Cầm tên thật là Bùi Tăng Việt sinh ngày 22 tháng 2 năm 1922, tại xã Phúc Tăng, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Quê gốc của Hoàng Cầm ở xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ông xuất thân trong gia đình nhà nho lâu đời. Thân sinh ông thi không đỗ, về dạy chữ Hán và làm thuốc bắc ở Bắc Giang. Tên ông được đặt ghép từ địa danh quê hương: Phúc Tăng và Việt Yên.

Thuở nhỏ, ông học tiểu học, trung học đều ở Bắc Giang và Bắc Ninh; đến năm 1938, ra Hà Nội học trường Thăng Long. Năm 1940, ông đỗ tú tài toàn phần và bước vào nghề văn, dịch sách cho Tân dân xã của Vũ Đình Long. Từ đó, ông lấy bút danh là tên một vị thuốc đắng trong thuốc bắc: Hoàng Cầm.

Năm 1944, do Thế chiến thứ hai xảy ra quyết liệt, ông đưa gia đình về lại quê gốc ở Thuận Thành. Cũng tại nơi này, ông bắt đầu tham gia hoạt động Thanh niên Cứu quốc của Việt Minh. Cách mạng tháng Tám nổ ra, ông về Hà Nội, thành lập đoàn kịch Đông Phương. Khi Chiến tranh Đông

Dương bùng nổ, ông theo đoàn kịch rút ra khỏi Hà Nội, biểu diễn lưu động ở vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, Sơn Tây, Thái Bình một thời gian rồi giải thể.

Tháng 8 năm 1947, ông tham gia Vệ quốc quân ở chiến khu 12. Cuối năm đó, ông thành lập đội Tuyên truyền văn nghệ, đội văn công quân đội đầu tiên. Năm 1952, ông được cử làm Trưởng đoàn văn công Tổng cục Chính trị, hoạt động biểu diễn cho quân dân vùng tự do và phục vụ các chiến dịch.

Tháng 10 năm 1954, đoàn văn công về Hà Nội. Đầu năm 1955, do đoàn văn công mở rộng thêm nhiều bộ môn, Hoàng Cầm được giao nhiệm vụ trưởng đoàn kịch nói. Cuối năm 1955, ông về công tác ở Hội Văn nghệ Việt Nam, làm công tác xuất bản. Tháng 4 năm 1957, ông tham gia thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, và được bầu vào Ban chấp hành. Tuy nhiên, không lâu sau, do vụ án "Nhân Văn Giai Phẩm", ông phải rút khỏi Hội nhà văn vào năm 1958 và về hưu non năm 1970 lúc 48 tuổi.

Ông nổi tiếng với vở kịch thơ *Hận Nam Quan*, *Kiều Loan* và các bài thơ *Lá diêu bông*, *Bên kia sông Đuống*. Bài thơ *Bên kia sông Đuống* được chọn vào giảng dạy trong giáo trình trung học phổ thông.

Ngoài bút danh Hoàng Cầm ông còn có các bút danh: Bằng Việt, Lê Thái, Lê Kỳ Anh, Bằng Phi.^[1]

Đầu năm 2007, ông được nhà nước Việt Nam tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật do Chủ tịch nước ký quyết định tặng riêng.^[2]

Thời gian cuối đời ông sống tại Hà Nội và ông đã mất vào ngày 6 tháng 5 năm 2010, thọ 88 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hận ngày xanh* (phóng tác theo Lamartine 1940);
- *Bông sen trắng* (phóng tác theo Andersen 1940);
- *Cây đèn thần* (phóng tác theo *Nghìn lẻ một đêm*, 1941);
- *Thoi mộng* (truyện vừa, 1941);
- *Tình giấc mơ vua* (phóng tác theo *Nghìn lẻ một đêm*, 1942);
- *Hận Nam Quan* (kịch thơ, 1944, 1942);
- *Bốn truyện ngắn* (đăng *Tiểu thuyết thứ Bảy* từ 1939 đến 1943);
- *Kiều Loan* (kịch thơ, 1945)
- *Ông cụ Liên* (kịch nói, 1952);
- *Đêm Lào Cai* (kịch nói 3 hồi, 1957);
- *Tiếng hát quan họ* (trường ca, in chung trong tập *Cửa Biển*, 1956);
- *Những niềm tin* (thơ dịch của Bonalan Kanfa - Algérie, 1965);
- *Men đá vàng* (truyện thơ, Trẻ, 1989)
- *Trương Chi* (kịch thơ, xuất bản năm 1993)
- *Tương lai* (kịch thơ, 1995);
- *Bên kia sông Đuống* (tập thơ chọn lọc, 1993) - Giải thưởng Nhà nước 2007
- *Lá diêu bông* (tập thơ chọn lọc, 1993) - Giải thưởng Nhà nước 2007
- *Về Kinh Bắc* (tập thơ, 1994);
- *99 tình khúc* (tập thơ tình, 1955) - Giải thưởng Nhà nước 2007

Trích văn:

Tôi đã viết *Về Kinh Bắc* trong tâm trạng nào?

Đó là vào năm 1959. Vụ *Nhân văn* - *Giai phẩm* đã qua đi

như một trận gió mạnh. Sau, dĩ nhiên có một vài cây đổ, lá rụng đầy đường, có những túp nhà tốc mái, có những bức tường siêu vẹo. Xong, trời lại xanh và đường phố lại rộn rịp nếp sống thường ngày. Tôi, lẽ đương nhiên phải chịu kỷ luật, một thời gian ba năm sẽ không được phép xuất bản, ấn hành bất cứ một sản phẩm nào của ngòi bút. Và cũng chỉ có thế, còn đời sống vật chất không có gì thay đổi lắm. Vẫn có lương hàng tháng, còn tùy ý mình, thích thì tìm một nơi nào đấy, lao động chân tay có thêm tiền bồi dưỡng, cũng vui, và chính cái việc tôi sinh hoạt, sống *ba cùng* với nông dân, công nhân đã giúp tôi hiểu thêm về những số phận người.

Phải nói thật một điều, thường người ta khó tin, là hồi đó tôi không mang trong lòng – dầu chỉ một ly – nỗi oán hận, nỗi buồn phiền, hoặc trách móc hờn giận gì ai. Đôi lúc, chỉ nghĩ về chính số phận mình, có chút cay đắng, có sầu tư. Nhưng vì *đã mang lấy nghiệp vào thân* như Nguyễn Du nói cái nghiệp thơ đầy đau khổ, oan trái, nhưng cũng nhiều hào quang toả ra từ tâm linh đã đem đến cho mình không ít giờ phút say sưa, ngay trong cuộc sống bình nhật cũng không ít hạnh ngộ đẹp, tôi được gặp nhiều người nam, người nữ rất trong sáng, yêu thương mình hết lòng. *Dân tộc* là thế đấy, thừa các bạn.

Vậy thì vào mùa thu rồi sang mùa rét 1959 ấy, ít khi tôi ra khỏi nhà. Ngày hai bữa cơm nghèo, mấy tấm áo quần đã sờn rách, một lũ con nhỏ đại lau nhau đi học, chơi đùa, đau ốm, tất cả tôi trao cái gánh nặng cuộc đời ấy cho người vợ rất giỏi chịu đựng kham khổ, người vợ thật hiền, thảo, thật thương yêu chồng con (mà rồi đây, trong tập hồi ký một đời, tôi sẽ viết một chương riêng để đền đáp cái nghĩa lớn lao ấy cho người vợ đã giúp tôi đẩy chiếc xe thơ *Về Kinh Bắc* đi trọn đoạn đường thiên mệnh của nó).

Vâng, đúng là năm Kỷ Hợi 1959, từ khi chiếc lá bàng trước

cửa nhà rụng xuống báo tin thu (lá bàng chứ không phải lá ngô đồng), hồn tôi cứ chìm dần, chìm sâu, chìm và lắng thật sâu vào vùng quê tôi ngày xưa, thời tôi còn nhỏ dại, với biết bao bóng dáng, đường nét, màu sắc, hương vị đã quá xa, đã không còn nữa. Ngày tháng qua, bao người đã qua, đã xa, đã “*đi đâu, về đâu ?*”, tôi không thể biết, nhưng cả một thời từ khi vào tuổi nhận biết được cõi đời này (lên năm) đến khi rời quê ra Hà Nội học tiếp rồi vào hẳn thế giới văn thơ (1938) nghĩa là cái khoảng thời gian 12 năm thơ trẻ ấy của tôi thì sống lại, và ngày đêm thâm thì nói chuyện với tôi về quê hương, về tình yêu, với những nỗi buồn, niềm cô đơn, nỗi xa cách, nỗi ly biệt cứ tầng tầng, lớp lớp úp xuống hồn tôi như một đại dương trập trùng sóng gió, miên man xanh một màu huyền-diệu-dĩ-vãng rồi xẻ ngang, vạch chéo, vút cao, xoáy sâu không biết bao nhiêu những nét rung động, có khi vồ vàng, gày mảnh, có khi tươi tắn, ngỗ ngang, lúc như ai oán, lúc như mơ mộng, nhưng vui ít, buồn nhiều, cái đau của những thuyền tình không đến bến, những nguyện ước không thành, những mộng đẹp tan vỡ, những men say nửa chừng, những con mắt mỹ nhân đã khép, những tiếng hát người yêu đã tắt những làn da mịn màng người gái quê Kinh Bắc đã nhăn nheo, những sợi tóc xưa óng ả nay đã úa bạc. Tất cả... tất cả... tôi bơi, chìm trong tất cả da thịt quê hương, hồn phách quê hương. Quê hương Kinh Bắc !

Và lời mở đầu cho tập thơ là một lời cầu khẩn từ đáy tâm linh thơ đại : *Cúi lạy mẹ, con trở về Kinh Bắc.*

Nói đến quê hương, phải bắt đầu bằng Người Mẹ. Mẹ là *incarnation*, là hiện thân trọn vẹn nhất, sinh động nhất của quê hương. Huống chi mẹ tôi xưa vốn là một cô gái quê Kinh Bắc có nhan sắc, óng ả, kiều diễm, có đôi mắt “*lúng liếng*” thật tình tứ, đôi mắt rất *quan họ*, có dáng đi thanh tao, đài các, uyển chuyển và khi mẹ tôi mặc chiếc váy lụa

kiểu Đình Bảng. mép váy *buông chùng cửa võng* xuống đến mu bàn chân, ai trông thấy phía trước mặt đều tưởng như người con gái này đang đi trên sóng rập rờn, nhất là khi người nữ biết cách mặc cho đúng *mốt Đình Bảng*, nghĩa là biết chếp nếp thế nào đó để ở phía dưới càng có nhiều *plis* càng đẹp. Cô nào giỏi chếp nếp thì từ mép váy lên, có đến 4 *plis*. Nói rằng cô gái đang đi trên sóng, là một cách nói chuẩn xác.

Hơn nữa, mẹ tôi lúc chưa đi lấy chồng, nghĩa là chưa làm vợ người đàn ông sau này là cha tôi, đã nổi tiếng khắp vùng Tiên Du, Thuận Thành (hai huyện ở tả ngạn và hữu ngạn Sông Đuống, thuộc tỉnh Bắc Ninh, bây giờ là Hà Bắc) nổi tiếng là cô thiếu nữ hát quan họ rất hay, năm nào cũng được các lão làng Bự Xim (tên làng quê gốc của mẹ tôi) khen, thưởng cho cả phùng hát ấy một tấm lụa điều và một bánh pháo đại quang toàn hồng. Lấy chồng rồi, mẹ tôi vẫn theo các chị em đi hát. Tháng tám âm lịch thì tập luyện, sáng tạo ra những làn điệu mới, lời hát mới để đến ngày 13 tháng giêng sang năm, thì dự giải hát thi ở cửa đình làng Bự [Làng này, thế kỷ 18, là nơi sinh ra người con gái tài sắc tuyệt vời Trần Thị Tần (1740-1778) để đến tuổi 18 thì đi làm vợ thứ ba, người vợ yêu bậc nhất của quan Đại tư đồ Bình nam Tả tướng quân (ngang với tể tướng) tên là Nguyễn Nghiễm, Xuân Quận công, và để sau sinh ra một đại thi hào cho đất nước : Nguyễn Du]. Mẹ tôi (1891-1961) là con gái làng Bự, đương nhiên được hưởng, được kế thừa tinh hoa của nghệ thuật hát quan họ. Đó là nghệ thuật hát thơ. Các bạn xem kỹ những lời của quan họ xưa, sẽ thấy đó là những bài thơ, những câu thơ (cốt lõi là thể thơ lục bát) trữ tình, mang đầy sức quyến luyện, yêu thương, nhớ nhung, đắm thắm và da diết đến mức có thể làm say cả gối đá.

Lại cũng vì mẹ tôi cứ say mê với nghệ thuật hát mà thuở tôi

chưa ra đời, giữa đôi vợ chồng trẻ (là bố mẹ tôi sau này) đã nảy sinh ra một bi kịch kéo dài đằng đẵng 12 năm. Năm 17 tuổi mẹ tôi về Thuận Thành, làng Hồ, làm vợ bố tôi, mà tại 1 sao tôi là con đầu lòng, mãi đến năm mẹ đã 31 tuổi, mới được xỏ ra cũi đời này ? Thử bé, tôi thường nghe các chú, các bác bên ngoại, bên nội kể chuyện một cách khái quát (không có 1 chi tiết) rằng “ bố mẹ thầy chê nhau lâu lắm, đến hơn mười 1 năm đấy ”.

Tôi nghe thế thôi, biết hỏi ai ? Ai kể chi tiết gì đâu về cái chuyện đôi vợ chồng ấy chê nhau đến hơn mười năm ? Bố tôi nguyên là một nhà nho (1886-1959), ba lần thi trường Nam Định không đậu nổi ở cái cấp hạng bét là tam trường, sau rồi bắt đắ chí, bỏ làng đi dạy học lang thang, rồi làm thầy lang cũng lại lang thang chữa bệnh khắp các huyện trong hai tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, rồi đâu như cũng là người yêu nước có khí tiết, đã tham gia các phong trào Đông kinh nghĩa thực, Đông du, rồi Việt Nam Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học. Tôi còn nhớ hồi mới lên 6 tuổi, tôi thường phải đun nước điều đóm hầu trà để bố tôi tiếp bạn thân là ông Xứ Nhu (Nguyễn Khắc Nhu). Năm tôi lên bảy (1929), bố tôi đã bị viên tri huyện Việt Yên đem lính đến khám nhà rồi tống giam bố tôi ở thị xã Phủ Lạng Thương đến gần một năm mới được tha về (có lẽ là ông bị tình nghi, đế quốc Pháp đã dẹp tan Việt Nam Quốc dân đảng, bố tôi không có chứng cứ gì cụ thể để chúng buộc tội). Từ đó thì bố mẹ tôi sống yên phận, bố bốc thuốc nam thuốc bắc chữa bệnh, mẹ trĩu nặng hai hồ hàng xén đi các chợ làng chợ huyện, một *cô hàng xén răng đen, cười như mùa thu toả nắng*, chăm chút nuôi con ăn học bằng cách thắt lưng buộc bụng. Nhờ vậy tôi mới có điều kiện học được đến hết bậc trung học ở Hà Nội.

Vậy là trong người tôi hoà trộn hai dòng máu. Dòng máu của nghệ thuật quan họ, dân ca với dòng máu yêu nước,

hào hùng và khí tiết, và cả hai dòng đều rất mực sắt son, thuỷ chung như nhất.

Thế nhưng, không hiểu sao, tôi sớm có cái buồn cô đơn ngay từ những năm lên sáu, lên bảy tuổi. Bẩm sinh chăng ? Hay chính là nỗi buồn của người con gái tài sắc lầy chồng từ năm mười bảy tuổi mà phải sống cô đơn đến hơn mười năm ? Tôi lớn lên, chính mình được nghe mẹ kể : lúc mẹ trở dạ sinh ra tôi, thì gian nhà tre, mái rơm vách đất tiêu tụy ấy rất trống vắng. Bố mẹ đẻ thì ở xa. Mẹ chồng goá bụa, già nua cũng ở xa. Chồng, tuy mới làm lành với vợ được hơn một năm, rồi người vợ ba mươi tuổi kia lúc có thai cũng vẫn sống nhiều tháng ngày cô đơn, lạnh lẽo vì chồng cứ đi... đi đâu ? dạy học, hay làm thầy thuốc rong, hay hội kín hội hở gì mà đi luôn thế, đến lúc vợ đẻ cũng không có mặt ở nhà ? Đến lúc đau quá, người thiếu phụ ấy kêu thét lên thì bên láng giềng mới có một bà chạy sang đỡ thẳng bé ra đời, cắt rốn của nó bằng con dao bỏ cau rồi tắm rửa, tã lót cho nó, cũng may mà nó lại sống, chỉ phải cái tội là sau thấy tiếng oa oa đầu tiên thì nó im bật, không khóc nữa. Chào đời mà không khóc cho thật to, thật dài hơi vào à ? thằng cu này gan nhỉ, hay là ai bắt mắt vía để nó ghen không khóc lên được nhiều ? Bà hàng xóm vừa bế tôi, vừa thấp hương lên cái bàn thờ phía đầu giường, khăn vái bốn phương. Lúc đó đã gần nửa đêm 12 tháng giêng Nhâm Tuất (1922), chỉ còn một lát nữa là sang ngày hội Lim, hội quan họ, ngày mà nhiều năm về trước mẹ tôi sùng sính áo the đen tứ thân, khăn vuông mỏ quạ, vành khăn nhiễu tam giang, váy lụa Đình Bảng, đi dép da trâu mũi cong, thắt lưng hoa đào hoa lý, cùng với bốn năm chị em phường hát, đi ra đình từ sớm để rồi hát chúc, hát thi... Còn ngay lúc sắp nửa đêm ấy, vào cái giờ tôi bật từ bụng mẹ ra cõi nhân gian rất đẹp mà cũng rất rắc rối lắm chuyện này, thì ở đình làng, cách nửa chừng non cây số, như văng vẳng vẫn còn tiếng trống châu của đêm hát chèo. Mẹ tôi kể vậy nên tôi nhớ cả

cái vùng Kinh Bắc cách đây sáu bảy mươi năm, các thôn làng thường mở hội suốt tháng giêng, tháng hai. Hội to thì kéo dài năm ngày, hội nhỏ nhất cũng phải một ngày một đêm mới rã đám. Những lời mẹ kể tôi nghe từ năm lên sáu về cảnh nhà cảnh xóm, cảnh thôn xã, cảnh phố huyện phố phủ, cảnh chợ núi chợ sông, rồi đến chuyện người, ông bà, họ hàng nội ngoại, người xóm thượng, xóm hạ, người quê gốc, người ngụ cư, người cấy cày, người chợ búa, người làm quan, người đi lính, người “*làm thầy, làm thợ với làm thuê*”, người dân giàu nghèo, sang hèn, quen thân hay sợ, nhiều lắm, mẹ tôi kể nhiều lắm mà hồn tôi từ thuở bốn năm tuổi cho đến khi biết đến cái cầu Long Biên, và phường phố đô thành, hồn tôi đúng là một trang giấy mỏng mảnh, trắng nõn, tinh khiết mẹ kể chuyện nào là cũng in đậm ngay vào hồn tôi chuyện ấy để rồi giá tôi được sống đến mười mười chẳng nữa sẽ chẳng có một cái gì có thể xoá đi được dấu chỉ là một nét mong manh, một màu thoáng nhạt, một hương vị thoảng qua... Vậy nên, cả tập thơ ***VỀ KINH BẮC*** tôi viết từ mùa thu 1959 đến cuối xuân 1960, là quê hương tôi, cảnh ngộ gia đình tôi, số phận mỗi người thân yêu, nhất là số phận những người gái quê Kinh Bắc đã hiện lên thành 47 bài thơ gắn bó hữu cơ với nhau trong một thể một khối n-phương thống nhất, chia làm 8 nhịp mở đầu là *cúi lay mẹ, con trở về Kinh Bắc* và sau bằng mục lục là hai dòng tạm kết thúc một chuyến về thăm quê xưa, **VỀ KINH BẮC**

Bốn bảy bài thơ đi tám nhịp

Tuần du chưa vội khỏi ân tình

Vâng, một cuộc *tuần du*, đi từ người mẹ ngược về những sự tích huyền sử, dã sử, về những chuyện tình huyền thoại đến cả những chuyện thực đã diễn ra hôm qua và hôm nay. Gọi là chuyện, nhưng thơ lại là kết tinh. Trong viên ngọc kết tinh của muôn vàn nỗi niềm, cảnh sắc, hương vị, âm thanh, tiết tấu của cuộc sống vừa là xa xưa, vừa là đương đại, lúc

huyền ảo, lúc hiện thực, như mê mà tỉnh, như ngủ mà thức, hư hư thực thực ấy, thì hình ảnh mẹ tôi bằng bạc bao phủ cả tập thơ, rồi đến một cậu bé con cầm chiếc lá Diêu bông trong tay đi xuyên thời gian xuyên suốt vùng quê đa tình, diễm ảo, và bên cạnh cậu bé con ấy là một người gái quê cũng đa tình, diễm ảo, như cánh mây trắng mỏng cứ vờn vờ, như chạy như bay, lại như đậu tà tà trên lá cỏ, trên cánh hoa, lúc cao thì cao vút không ai níu được vạt áo, lúc thấp thì lại rành rành trước mặt như một cành cây, một chiếc lá bình thường. Hai nhân vật EM và CHỊ này choán hết cả một nhịp – nhịp năm – của bản đại hợp xướng *Về Kinh Bắc* trong khi cái giờ tôi ra đời thì tác giả đẩy xuống cuối nhịp bảy, sửa soạn cho nhịp cuối cùng của tập thơ. Đó là một khúc thơ có tên là *Luân hồi* (mà tôi trân trọng đề nghị tạp chí *Diễn Đàn* đăng theo bài viết này cùng với một số bài khác trích từ tập *Về Kinh Bắc*, để độc giả có thể tạm thời hình dung được một tác phẩm mà tôi coi là xương sống của tổng thể thơ ca của mình).

Nói chung, hầu hết những bài thơ được độc giả ưa thích trong nhiều năm của tôi, bao giờ cũng bắt đầu một cách vi diệu là *từ ngoài tôi*, văng lên đôi ba câu nghe rất rành rẽ, giọng phụ nữ lãnh lót mà rất xa, như hát mà như đọc. Như một tia nước trong vắt phun lên từ ruột đất khi chúng ta thăm dò mạch nước ngầm để đào giếng, khi đã có đôi ba câu văng lên bên tai, tôi ghi ngay, bắt lấy ngay và từ đó là tình cảm, suy tư cuộn cuộn trong người, tôi thường tiếp được mạch ban đầu ấy và nối liền các đợt sóng tuôn trào cho đến khi thấy trong người yên ắng, nhẹ nhõm là bài thơ cũng hoàn tất. Ví dụ như bài thơ dài *Bên kia sông Đuống* (tôi đã viết rất tỉ mỉ, thuật lại những trạng thái của tâm tư mình trước lúc bật ra thơ, bài viết ấy đã đăng trên tuần báo *Văn Nghệ*, số kỷ niệm 35 năm thành lập Hội nhà văn Việt Nam, tháng 5.1992) tôi đang ở trong trại thái bôn chôn, thao thức, tâm tư rối bời sau khi nghe báo cáo về quê

huơng mình bị giặc xâm lược kéo lên tàn phá, giết chóc, tôi chưa định viết gì, lúc quá nửa đêm vắng lặng, bỗng vắng vắng bên tai ba câu:

*Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về Sông Đuống
Ngày xưa... cát trắng phẳng lì*

tôi bèn chộp lấy, ghi ngay và cứ thế cảm xúc trào ra một mạch dài, viết rất nhanh, sợ không theo kịp những thanh âm, làn điệu đang cuộn cuộn dâng lên trong lòng mình. Cho đến gần sáng thì xong bài thơ, một trong những bài được các bạn già, trẻ, nam, nữ yêu mến đã gần nửa thế kỷ. Những bài thơ như vậy, thường là không theo một ý nghĩ nào định trước, tác giả giống như một cậu học trò viết chính tả, lúc đầu là có tiếng đọc rành rọt bên tai, sau là viết theo tiếng đọc âm thầm từ trong tâm can mình, ở những trường hợp ấy, tôi không hề cầu tứ nghĩ ngợi gì về câu, chữ, không theo một luật lệ nào gọi là thi pháp hoặc tu từ, hoặc chịu sự ràng buộc nào của phép tắc về thanh điệu, ngữ điệu gì gì hết. Tôi chỉ tuân theo nhịp rung động của toàn thân, cả hồn và thể chất, khí chất.

Đặc biệt, riêng, riêng có bài ***Lá diêu bông*** duy nhất một bài này là những lời vắng bên tai, *từ đầu chí cuối*, quá nửa đêm mùa rét 1959, trên giường ngủ, trong ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn ngủ 6 W, bên cạnh người vợ đang ngủ ngon và các con các giòng bên cũng đang ngủ say. Tôi không gây một tiếng động khả dĩ làm mất giấc ngủ của những người thân. Đêm nào, khi lên giường nằm, tôi cũng đã để sẵn một tập giấy trắng và cái bút chì. Nếu ngủ được thì càng tốt, nhưng thường về đêm, tôi cứ hay bị thao thức, trằn trọc vô cơ. Chẳng có chuyện gì phải lo nghĩ, chẳng có ý định gì trong đầu mà sao về quá nửa đêm một mùa rét ấy, tôi vẫn không ngủ được. Bồn bề yên tĩnh. Nhà tôi ở vào một phố

nhỏ, lại lúi tít vào phía trong, nên tiếng xe cộ thưa thớt cũng không bận tai. Im lặng. Chợt bên tai vẳng lên một giọng nữ rất nhỏ nhẹ mà rành rọt, đọc chậm rãi, có tiết điệu, nghe như từ thời nào xa xưa vẳng đến, có lẽ từ tiền kiếp vọng về

Váy Đình Bảng buông chùng cửa vông...

Tôi xoay người trong chăn về phía bên trái và ghi ngay. Giọng nữ vẫn đọc, không vội vàng mà cũng không quá chậm, và tôi ghi lia lịa trong bóng tối mờ. Đến lúc giọng nữ im hẳn, lòng tôi nhẹ bỗng hẳn, một lát sau tôi ngủ thiếp đi. Sớm hôm sau nhìn lại thì có chỗ rõ, đọc được, nhiều chỗ dòng nọ đè lên dòng kia, chữ nọ như xoá mất chữ khác. Phải mất gần tiếng đồng hồ, tôi mới tách được ra theo thứ tự đúng như những lời người nữ kỳ diệu nào đó đã đọc cho tôi viết nửa đêm hôm qua. Bài **Lá diêu bông** ra đời như vậy, nói có người không tin, nhưng tôi nghĩ bây giờ khoa tâm thần học, vô thức luận, tâm linh học có thể lý giải được hiện tượng đó một cách rất khoa học.

Vậy nên, cái *lá diêu bông* là cái lá gì: ở đâu, nào tôi có biết. Thân linh đọc *diêu bông*, tôi chép *diêu bông*, thế thôi. Nhưng nó có nguồn gốc của nó chứ. Năm 12 tuổi, tôi say mê một người gái láng giềng hơn tôi những tám tuổi. Và cũng từ năm lên tám, tôi đi trọ học trên thị xã Phủ Lạng Thương, chiều thứ bảy, mười phút xe lửa lại đưa tôi về nhà, ở cái phố ga xếp Như Thiết, tên chữ nhà ga đề là Núi Tiết, thực tên là Thiết Sơn, một tổng thuộc huyện Việt Yên. Phố ga ấy cách Hà Nội 44 km. Còn 6 km nữa thì qua cầu Sông Thương (con sông Thương nước chảy đôi dòng), tới ga Phủ Lạng Thương. Đường số 1 chạy qua trước cửa nhà, sau lưng là đường hoả xa Hà Nội - Lạng Sơn. Nhà tôi có tử thuộc bắc của ông bố, có đôi bồ hàng xóm của bà mẹ. Một chiều thứ bảy, khoảng hơn 4 giờ, tôi về nhà thấy một cô gái

đang mua gì của mẹ tôi. Khi cô ấy ngừng đầu lên, nhìn ra đường, thì cậu bé lên 8 choáng người, như sau này người ta thường gọi là bị *coup de foudre*. Người gái đẹp đến mê hồn. Rồi thứ bảy sau, về nhà, tôi trao bức thư tỏ tình đầu tiên viết bằng thơ lục bát, dài hơn một trang giấy kẻ học sinh trên có vẽ hoa vẽ bướm, một vài ngọn núi, một dòng sông với chữ viết đậm, mực tím, nắn nót : *Em gửi chị Vinh của em*. Ấy sở dĩ mới bé tí đã làm được một trang thơ lục bát vì ở trên nhà trọ, chỗ thân tình với bố tôi, chủ nhà chính là ông xếp ga cái ga xếp Núi Tiét ấy, gia đình ông trên tỉnh đông con, làm nghề xây hàng sáo, đêm nào cũng xay lúa giã gạo rồi dần sàng quạt xay đến khuya. Tôi học bài, làm bài xong, tuy buồn ngủ, các anh các chị cứ bắt xuống nhà ngang, từ 9 giờ tối, đêm nào cũng phải đọc đủ các thứ chuyện dân gian, in khổ nhỏ, bán rẻ từ 2 xu đến 1 hào, đủ các loại truyện, thẻ thơ lục bát, từ *Trê Cóc* đến *Truyện Kiều*, từ *Nhị Độ Mai* đến *Hoa Tiên*, rồi *Hoàng Triều*, *Thạch Sanh*, *Phạm Công Cúc Hoa*, *Tống Trân Cúc Hoa*... Vì thực ra, ngay từ bé, tôi sớm có giọng hát hay, ngâm thơ cũng hấp dẫn người nghe lắm. Đọc hết lượt, phải đọc lại. Thẻ thơ lục bát thâm vào người từ nhỏ, mình lại bẩm sinh yêu thích thơ ca, nên tôi có viết bức thư tình gửi người gái Kinh Bắc, người Chị làm em say mê ngơ ngẩn suốt năm năm ấy, mà thư tình lại viết bằng thơ lục bát thì hẳn không phải là điều gì đáng ngạc nhiên phải không, thưa các bạn. Tôi mê say Chị, Chị đi đâu Em theo đây chỉ biết gọi Chị ơi, chứ còn biết nói gì hơn. Người gái tuyệt sắc ấy, con một nhà nho chẳng may chết sớm, ba mẹ 1 con, mẹ goá con cô, đèo bồng nhau lên cái phố xếp này mở ngôi hàng bán kẹo bánh, nước chè tươi nước vối, cả bánh đa bánh đúc, bánh mật bánh khoai. Chị Vinh võ vẽ chữ nho, đọc thông quốc ngữ, người quê gốc cũng Tiêu Du, nên hát quan họ thì làm mê người ta ngang với nhan sắc của Chị. Chị cũng thừa biết thằng bé con này (tên khai sinh là *Bùi Tăng Việt*, chỉ giản đơn là vì tôi ra đời ở thôn *Phúc Tăng*, huyện *Việt Yên*, Bắc

Giang, nơi bố tôi ở nhờ để gõ đầu trẻ), biết thằng bé con này nó mê đắm mình, nên Chị cứ hay trêu đùa, lắm lúc tôi phát khóc, nhưng cũng nhiều giờ phút tôi có một hạnh phúc không gì so sánh kịp là được Chị Vinh cho ngồi sát bên chị, châu rìa những cuộc chơi tam cúc ngày Tết, ngày xuân hay ngày hội. Chị thường hay nhờ những đêm trăng sáng vào mùa hè, mùa thu, tổ chức những đám thanh niên tụ tập ở cái bãi sau ga, hát ví, hát trống quân, hát ống, hát giao duyên vắn đáp, đặc biệt là về môn quan họ thì Chị là bà Chúa của dân ca ! Giọng ngọt, say như mật ong, đôi mắt đen thăm thẳm với hàng mi cong và dài, má luôn luôn ửng đỏ, môi luôn luôn đã hồng nay thường nay cắn chỉ quết trầu, răng đen dựng dúc hạt na. Chị Vinh ơi, viết đến đây, em vẫn bồi hồi nhớ từng sợi tóc Chị dán trên vùng trán, từng con mắt Chị lúng liếng tình tứ, từng giọng hát, từng lời nói, từng miệng cười, em còn ngửi thấy hương tóc ẩm của Chị thoảng mùi hương nhu mới gội buổi chiều mà nếu chị buông tóc dài quá đầu gối để hong khô thì cả suối tóc ấy làm thành thế giới mê say của riêng em từ độ ấy đến ngày nay, dẫu tóc em đã trắng tiết, em vẫn có thể vẽ đúng chân dung chị tuyệt vời nếu có người chỉ dẫn cho em đôi điều cơ bản về nghệ thuật hội họa. Ảnh Chị in màu trong hồn em, không một nhà khoa học nào có thể làm ra cho em những tấm ảnh như em đang có, vẫn còn đầy đủ và tươi tắn, nguyên vẹn từ sáu chục năm xưa đấy, Chị ơi !

Tình của Em với người Chị ấy, sơ lược là thế. Tôi sẽ viết tỉ mỉ hơn nhiều trong tập hồi ký sau này, để những bạn như anh Phạm Duy hiểu kỹ về tôi hơn, tránh được những điều bình luận sai lạc. Trong tập *Về Kinh Bắc*, thì hai nhân vật Chị và Em ấy đã xuyên qua năm tháng và không gian, qua gió mưa và nắng đẹp, qua biết bao hình thức của tâm tư, của số phận, mà trôi lên vẫn là cái sầu đơn phương, cứ vương vấn mãi cho tôi nhớ mãi đến hết một kiếp này, biết

đâu còn xót xa yêu thương vào tận kiếp sau... kiếp sau nữa...

Vậy thì chỉ mới sau vụ Nhân văn - Giai phẩm có một thời gian ngắn, thơ của tôi đã lùi về quá khứ, chẳng biết có phải ẩn dụ ẩn diếc gì chẳng, chỉ có điều là qua 47 bài, tôi không một phút nào nghĩ đến thời cuộc, chính trị và xã hội trước mắt. Tôi chìm vào một quê hương xa, có thực mà như ảo ảnh, là ảo ảnh mà tưởng như gần gũi đâu đây, cứ chập chờn năm tháng và băng lãng không gian, xanh mơ mong manh màu kỷ niệm pha chút tím của tiếc hận, chút hồng của tuổi thơ, chút biêng biếc thắm của say mê, náo nùng, của thương cảm không có bến buông neo, và nhìn chung chỉ thấy con mắt của thời gian không hề suy suyển đến một sợi mi cong... Như gần đây tôi đã phải thốt ra : “ *Mắt thời gian càng miên man xanh* ”.

Rồi CHỊ EM đi VỀ KINH BẮC, lúc thi đỗ *Lá diêu bông*, lúc vào *Vườn ổi*, lúc *Đánh tam cúc*, lúc lên *Ngọn sông Thương*, lên tới *Ngọn Kỳ Cùng*, lúc *Đếm sao*, *Đếm nắng*, *Đếm giờ*, Em cứ *THEO ĐUỔI* Chị qua hội hè rồi qua cả những tàn tạ của cảnh vật và lòng người, cho đến mùa rét năm 1934. Cái *Lá diêu bông* bắt nguồn từ buổi chiều năm ấy. Hình như vào dịp nghỉ lễ Thiên chúa Giáng sinh, những bốn năm ngày liền, tôi về nhà, nghĩa là cứ nghỉ học là tôi về ngay nhà với niềm say mê đơn phương, một chuyện tình có Chị có Em mà tôi vẫn chỉ là một khối cô đơn lẻo đẻo bụi hồng. Tôi đã 12 tuổi và Chị Vinh đã 20. Và chiều mùa đông ấy, nắng hanh vàng rộm. Trời xanh trong màn sương cực mỏng, không một gợn mây. Heo may se se lạnh. Chị mặc váy kiêu Đình Bảng, áo cánh lụa mỡ gà đã cũ, có mảnh vá trên vai, ngoài bó chèn lưng ong bằng cái gi-lê tím, sờn rách, chiếc yếm màu cánh sen đã nhạt, dây thắt lưng hoa đào, chị thoăn thoắt đi ra ngoài cánh đồng, mùa ấy lúa đã gặt hết, cả cánh đồng rộng đầu cái phố ga xếp ấy chỉ

còn tro những cuồng rạ típ tấp đến chân dãy núi Neo. Cậu bé em 12 tuổi, vốn dĩ lúc nào cũng trông ngóng, ngó nhìn, chờ đợi Chị, thấy Chị đã bỏ cửa hàng chiều vắng khách, mặc cho đứa em trai lên sáu ngồi xua ruồi hoặc ăn vụng cái kẹo vừng, rồi thấy chị nhanh bước ra cánh đồng, đương nhiên là cậu em theo ngay, và bất kỳ đi theo chị ở đâu, đến đâu, cũng chỉ cách sau lưng Chị có ba bước. Chị đi trên bờ ruộng, cứ vạch từng búi cây búi cỏ đầu bờ hoặc từng đám cây hoang dại trên mấy cái gò nhỏ giữa đồng và cứ cúi tìm... tìm... em chả biết Chị tìm gì vậy. Em cứ theo sau, không hỏi, không nói, trống ngực cứ thì thùng từng phút giây theo đuổi, miệt mài lâng lâng say. Lâu lắm, bỗng chị đứng thẳng người, quay mặt nhìn em, rồi nói, như một lời trách, như lời quở mắng, lại như một lời mình nói với chính mình (gần 60 năm rồi, hôm nay tôi còn nhớ như in từng lời trong bộ não đã hơi say say, trong tấm lòng may thay vẫn là tấm lòng 12 tuổi) : “ *O hay ! sao mà cứ theo tao lẳng nhăng mãi thế nhỉ ?* ”. Máu em dồn lên nóng ran khắp người, hẳn là cậu em đang đỏ mặt, môi em run run, không nói lại với Chị được lời. Hình như em thoáng thấy chị mỉm cười, rồi Chị lại bước sang bờ ruộng khác, vẫn tìm... tìm mãi. Nắng đã sẫm dần. Mãi sau, em mới bạo dạn hỏi :

– Chị Vinh ơi ! Chị đi tìm cái gì thế ?

Chị Vinh quay phắt lại, hình như má Chị hồng hơn lúc nãy. Chị nhìn thẳng, nhìn xoáy vào mắt em và gần 60 năm rồi tôi vẫn nhớ như vẽ cái miệng tươi của Chị đậm nét một nụ cười trên cọt rất kiêu xa. Chị nói, cũng một giọng bẽn cọt, như thách đố, như đùa vui trên ghẹo :

– Chị (các bạn chú ý giùm tôi cách thay đổi chủ từ trong câu nói này của Chị) Chị đi tìm cái lá... ấy đấy, *đưa nào* tìm được cái lá... ấy (Chị càng cười càng rõ về trên cọt) *ta* gọi làm chồng !

Các bạn ơi, nghe vậy, tim tôi như lặng đi. ngừng lại vài giây, rồi đập rất mạnh, người tôi nóng ran lên trong buổi xế chiều càng lạnh. Lúc đó, Chị nói tên một cái lá có lẽ có thật, chỉ mấy năm sau thì tôi quên bẵng, thôi thì tôi cứ gọi cho nó có tên như Chị đã gọi tên, lá *thanh thảo* hay *đài bi* chẳng hạn, hoặc gọi là lá *tai voi*, lá *mắt nai* gì đó, xin thú thật với các bạn là ít lâu sau buổi chiều mùa rét ấy, tôi không nào nữa. Nhưng ngay lúc bấy giờ, sau cơn nóng bừng, toàn thân ấm áp vào tận đáy thắt tâm hồn ấy, tuy mới 12 tuổi, tôi cũng đã nghĩ ngay ra rằng cái lá ấy rất hiếm, ở những vùng nào nhiều đồi núi, khe suối cơ, may ra mới tìm được, mà tìm lá ấy chắc là để chữa khỏi một cái bệnh gì hiếm nghèo nguy kịch hoặc có khi lại lấy lá vò nát ra, hay giã kỹ lấy nước xoa lên khắp mặt sẽ làm cho da dẻ tươi hồng, mịn màng lên. Nhưng hẳn là khó tìm lắm lắm, chả thế mà chị đi hết bờ này bãi nọ, gần cả một buổi chiều, có thấy được đâu ! Cái lá oái oăm thế, Chị mới trêu đùa thằng bé mà Chị biết là nó đang say mê mình, nó “ phải lòng ” mình từ năm năm nay rồi, còn gì ! “ *Đứa nào tìm được, ta gọi là chồng !* ” Chị Vinh ơi, bây giờ Chị ở cõi nào, nếu còn sống, Chị cũng đã gần tám mươi đây chứ, sao hôm nay, em đã ngoài 70, lúc em viết những trang nhớ lại này, em hoàn toàn vẫn là em 12 tuổi đang theo Chị và Chị vẫn đang tuổi hai mươi, ngoài cánh đồng chiều làng Như Thiết ấy, Chị vẫn trẻ đẹp diệu kỳ, Chị ơi !

Chiều ấy, trời sẩm tối rồi, Chị lại cho em được cầm tay Chị. *Chị em thơ thần đan tay ra về...* mà nào đâu chiếc lá ? Hết phép nghĩ, tôi lại lên thị xã ở trọ, ngày hai buổi đến trường, cặp sách trong tay, hình ảnh Chị trước mắt, lời nói trêu đùa của Chị không lúc nào không réo gọi trong tâm lòng cô đơn trống trải của cậu con trai sớm đã si tình.

Chiều thứ bảy sau, khi tôi xuống tàu, vào phố xếp đi về nhà, nhìn sang nhà chị Vinh thấy cánh liếp đóng im ỉm. Tôi

như lạc mất trí, chạy vội vào nhà, cũng không kịp chào mẹ tôi đang ngồi khâu vá trên cái chõng tre, mà hỏi ngay :

– Mẹ ơi, sao bên nhà chị Vinh lại đóng kín cửa thế hở mẹ ?

Mẹ tôi kéo tay tôi ngồi sát bên, nói rất nhỏ, mà hình như trong giọng nói của mẹ tôi, có cái gì như nước mắt nghẹn lại :

– Nó đi lấy chồng rồi, con ạ.

Tôi bỗng khóc òa lên, khóc như có một thế giới nào vừa nổ vỡ tung ra trong vũ trụ. Tôi gục đầu vào lòng mẹ, khóc mãi, lòng mẹ tôi đầy mà sao tôi lại khóc như đứa trẻ lên ba, mẹ đang bế đi chơi, đến một cánh đồng chiều vắng, bỗng dung mẹ biến đi đâu mất, để đứa bé bơ vơ giữa mênh mông trời đất cô quạnh và xa lạ, lạnh lẽo thế ! Mà nó khóc !

Tôi chỉ kể với các bạn đến đây thôi, còn cuộc đời người Chị ấy về sau, tôi chỉ xin tóm gọn bằng bốn chữ đã quá cũ kỹ, nghe như sáo mòn, nhưng tôi không thể dùng được những từ nào khác ngoài bốn chữ ấy : *Hồng nhan bạc mệnh...*

Trở lại mùa rét năm 1959, nghĩa là đúng một phần tư thế kỷ đã qua sau cái buổi chiều mùa đông có Chị có Em trên cánh đồng quê, Chị đi tìm lá rồi... Chị đó là “*Đứa nào tìm được... ta gọi là chồng...*”. Và bài thơ *Lá diêu bông* đã ra đời trong đêm khuya, như tôi đã kể ở trên, bài thơ duy nhất trong đời làm thơ của tôi do thần linh giọng nữ cao đọc từ đầu đến cuối cho tôi chép như viết chính tả. Còn một số bài khác như *Cây tam cúc*, *Quả vườn ổi*, *Cỏ bông thi*, *Bên kia sông Đuống*, *Chùa Hương*, *Về với ta....*, những bài cũng được nhiều bạn đọc ưa thích trong nhiều năm thì bao giờ

cũng ra đời trong đêm và vài ba câu đầu bao giờ cũng không phải của tôi nghĩ ra, mà đúng thật là những lời văng vẳng bên tai như có một giọng nữ đang hát, hay đang đọc có nhịp điệu, có tiết tấu, mà tôi cứ xin gọi là lời của thần linh đọc cho mình chép lại được. Nếu chợt nghe mà lười biếng, hoặc chủ quan nghĩ rằng để đến sáng mai sẽ ghi lại ra giấy thì chỉ một phút sau, muốn nhớ lại, không tài nào nhớ nổi một chữ, đừng nói là cả ba bốn dòng... Trong đời làm thơ của tôi, thời còn trai trẻ, tôi đã mất khá nhiều những câu thơ "xuất thần" bất chợt trong đêm khuya, lúc chưa ngủ được, nên từ hồi đầu kháng chiến chống Pháp, tôi đã rút kinh nghiệm, cứ đến giờ (thường là gần nửa đêm) lên giường ngủ, bao giờ tôi cũng để bên phía tay trái mình một tập giấy trắng và tay phải cầm cái bút chì học sinh (bây giờ đã có bút bi thay cái bút chì). Hễ không ngủ được, tâm tư lan man đâu đâu, gì gì đó, mà bỗng nghe văng một câu đâu chỉ là một câu băng quơ, tôi phải ghi ngay lập tức. Lười một tí thôi là mất đứt. Mà thường lại là những câu thơ rất có sức gợi cảm. Dầu tiếng văng vẳng đã tắt, mà còn gợi cảm, thì cảm xúc bật trào ra ngay, tôi viết tiếp bằng cảm xúc của mình. Y như đã có tia nước phun lên thì phải tiếp tục đào đất chắc chắn là sẽ có được cái giếng đầy nước. Lúc đó thì cả ba loại thơ (như các nhà phê bình văn học Trung Quốc đã đúc kết thành lý luận về thơ) là *ngôn thi*, *tâm thi* và *thân thi* đều có thể xuất hiện trên trang viết. Và cũng lúc đó thì có ba cái *thức* đều phải vận động, phải làm việc cho thơ. Đó là *ý thức*, *tiềm thức* và *vô thức*. Cũng đủ cả một cặp : *trí thức* và *tâm thức* nữa. Ở tôi thì luôn luôn cái *tâm thức* làm việc nhiều hơn *trí thức*, nhất là với toàn tập **VỀ KINH BẮC**, tôi đã huy động tất cả các *lực* của mình : cả *thể lực*, *trí lực*, *tâm lực* và đương nhiên, ở tôi, *thần lực* thường tự động làm bật ra rất nhiều những lời thơ, lắm khi tưởng như vô nghĩa, mà ngay chính bản thân tôi cũng không hiểu những từ ngữ mình viết ra mang ý nghĩa gì cụ thể. Ai hỏi tôi *Lá diêu bông*, *cỏ bông thi* là lá gì, cỏ gì, ở

đâu ? tôi chịu không giải thích được. Ngay cả nhiều sinh viên Khoa Văn ở Hà Nội cũng đã hỏi tôi : "miếu Hai Cô" là ở đâu ? Hai Cô nào ? Tại sao lại thờ ? hoặc *Cầu bà Sấm* là trên con sông nào, *bến cô Mưa* là ở khúc nào của con sông nào, tôi cũng chịu không có lời giải đáp. Vì thế sau, khi tôi đọc *Hợp Lưu*, thấy anh bạn Phạm Duy bình luận và giải thích mấy bài thơ của tôi mà bạn đem phổ nhạc, nếu tôi có vừa buồn cười, vừa buồn bực, mong anh Phạm Duy và các bạn đọc cũng thể tình cho. Và việc tôi phải viết bài (đăng *Hợp Lưu* số 7) cũng là chỉ vì cái *pureté de l'Art*, mong được các bạn dung thứ. Còn hiểu về tôi thế nào, xin tùy quyền các bạn.

Tôi nghĩ rằng, trong lĩnh vực thơ ca, những khúc hát hay, những bài thơ, những câu thơ hay thường rất khó giảng được hết cái hay của nó. Vì ngoài ý nghĩa cụ thể của từng câu, từng chữ, thơ lại còn nhạc điệu, mà theo tôi hiểu, nhạc điệu trong một bài thơ lại chính là chiếc xe chở cái hồn của bài thơ đi để nhập, để hoà với hồn người đọc. Và người xưa cũng đã nói từ lâu đến "*thi tại ngôn ngoại*". Thơ đã có ý, là dễ hiểu. Nhưng thơ lại còn cái *từ*. Cái *từ* ở đâu ra ? Từ chữ, từ âm vận, rồi âm điệu. Cái *từ* của thơ, phải đọc được ngoài lời. Có nhiều bài thơ loang một *từ* rất lạ, rất khó giảng, khó bình, mà nhiều khi chỉ *cảm thấy* được thôi.

Tôi mong sẽ đến một ngày, lập thơ *Về Kinh Bắc* của tôi có duyên may đến được với các bạn ở xa tổ quốc. Còn hiện nay, dẫu sao, cũng đã có dăm ba bài khá tiêu biểu tạm thời đến làm quen với các bạn ở xa. Tôi thật tình không mong muốn được nhiều người xưng tụng, hoan hô đề làm "vinh danh" một thi nhân, lại càng không bao giờ muốn tranh cãi, lý luận ồn ào trên văn đàn. Tôi chỉ hy vọng, rất chân thành, được gặp những tâm hồn bầu bạn, có độ lượng để bao dung, có tấm lòng thân ái để thông cảm, có tri thức đủ để hiểu thấu đáo tác phẩm và tác giả, hiểu cả điểm mạnh và

điểm yếu của một người suốt đời lấy THƠ làm cứu cánh, làm mục đích, làm lẽ sống, chứ thơ không phải là phương tiện để cho mình đạt tới những gì gì đó mà hồn mình không chấp nhận, ví dụ như danh và lợi, sự bon chen, sự cầu cạnh, sự thù hận v.v... là những cái rất xa lạ với tôi, có lẽ xa lạ với cả THƠ đích thực nữa. Phần nhiều những bài thơ tôi viết từ 1940 đến nay, không có cái mà bạn Phạm Duy gọi là ẩn dụ. Còn như, lúc cần, tôi đã viết những bài thơ với những ý nghĩ thẳng thắn, đấu tranh trực diện như hầu hết các kịch thơ viết trong thời kỳ Pháp Nhật thống trị nước ta, và như một ít bài viết trong thời kỳ Nhân văn - Giai phẩm, chẳng hạn như bài thơ *Em bé lên sáu tuổi* mà chính bạn Phạm Duy cũng đã biết và đã đọc, đã tỏ ý khen ngợi, hoặc như bài ký *Con người Trần Dân* viết về một giai đoạn đấu tranh rất phức tạp cho một nền Văn nghệ mới. Tôi đã viết thẳng thắn và trung thực. Vậy thôi. Sau đó, tôi rút lui, trở về với tâm tư riêng, thế giới riêng của mình như đã nói ở trên, về với quê hương xưa, vùng Kinh Bắc xa xưa mà vẫn gần gũi, về với những người đã khuất bóng ở nhân gian nhưng mãi mãi hiện diện trong tâm hồn tôi. Và tập thơ *Về Kinh Bắc* đã ra đời như thế, để làm cột xương sống cho toàn bộ thi phẩm của tôi, kể từ những năm 40 của thế kỷ này. Tôi viết sơ lược những nét chính yếu của đời thơ Hoàng Cầm, chắc hẳn chưa thoả mãn được yêu cầu của các bạn ở xa, mong các bạn lượng thứ và thể tình. Chỉ dám xin hẹn một mai toàn tập *Về Kinh Bắc* và cuốn hồi ký *Nhớ lại một đời Thơ* có cơ duyên tốt lành đến được với các bạn, thì chắc chắn tôi sẽ được trò chuyện với các bạn đầy đủ hơn, và tình sâu nghĩa nặng của tôi với quê hương Việt Nam, tổ quốc chúng ta, sẽ hiện lên rõ ràng hơn, sâu sắc hơn và đậm thắm hơn nhiều mấy trang rất sơ sài này. Xin cảm ơn tất cả bạn đọc.

Hà Nội những ngày cuối năm Nhâm Thân 1992

HUỶNH ÁI TÔNG

Quả vườn ổi

Nằm trên bãi cát thư tâm
Sông nước sinh thuyền Em đẩy tới
Có gió có buồm có dòng có lái
Trách gì ai xô giạt đến bờ hoang

Em mười hai tuổi tìm theo Chị
Qua cầu bà Sấm bến cô Mưa
Đi...

ngày tháng lụi
tìm không thấy
Dải yếm lòng trai mãi phát cờ

Cách nhau ba bước vào vườn ổi
Chị xoạc cành ngang
Em gốc cây
– Xin Chị một quả chín!
– Quả chín quá tâm tay!
– Xin Chị một quả ương!
– Quả ương chim khoét thủng!

Lẽo đẽo Em đi vườn mai sau
Cúi nhặt chiều mưa dẫm quả rụng

Lá Diêu Bông

Váy Đình Bảng buông chùng cửa vông
Chị thơ thần đi tìm
Đồng chiều
cuống rạ

Chị bảo
– Đứa nào tìm được lá Diêu Bông

Từ nay ta gọi là chồng

*Hai ngày Em tìm thấy lá
Chị chau mày
– Đâu phải lá Diêu Bông!*

*Mùa đông sau Em tìm thấy lá
Chị lắc đầu
trông nắng vẫn bên sông*

*Ngày cưới Chị
Em tìm thấy lá
Xoè tay phủ mặt Chị không nhìn*

*Từ thuở ấy
Em cầm chiếc lá
đi đâu non cuối bể
Gió quê vi vút gọi
Diêu Bông hời!
... ới Diêu Bông!...*

(Rét 1959)

Luân hồi

*Con đây ư
Con đã về Kinh Bắc
Những cỏ BồngThi
vời dế đầu si
Những lá Diêu Bông
vời đôi xe hồng
luân lưu thụ thai qua chín đời
đăng đẵng
đến khi con lọt lòng
Cây đu đủ sau nhà vừa bầm ngọn*

*đội mũ niêu đen
đi trong đêm mưa dầm*

*Mẹ đau trở dạ
Sinh con ra
Tiếng tù và xé canh ba
báo hiệu một cơn giông nín lặng
Trống liên hồi ra đi
ngăn trận bão mệnh mông
trong giọt lệ cuối hàng mi*

*Con đầy ư
mười ngày không khóc
mười thày lang dờ dẫm
ven giường ẩm ướt*

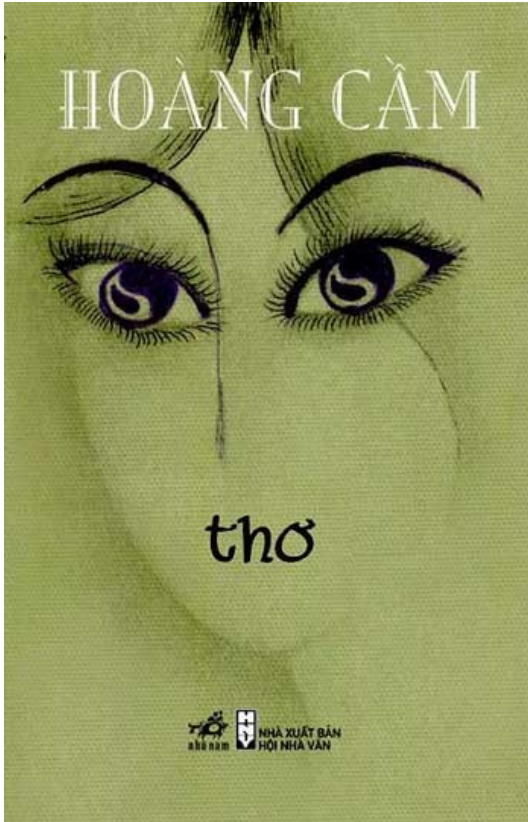
*Mười đêm
Tiếng trống chèo vượt ngực Châu Long
Bước sấp qua cầu ghen tiếng.*

Trong bài *Hoàng Cầm*, một vị thơ, Nam Dao đã viết:

Trong dòng thơ Việt Nam ở thiên niên kỷ 20, thơ Hoàng Cầm là những giọt nước trong veo nhưng mặn chát vị đắng, vị của thuốc mang tên Hoàng Cầm. Gặp anh đầu thập niên 80 kỷ trước, liên hệ trân quý này hẳn đã ảnh hưởng đến nghiệp viết của tôi, và hàng năm, cứ dịp Tết tôi lại điện thoại thăm hỏi chúc tụng anh. Mỗi lần, anh lặp đi lặp lại “cố về, để anh em còn gặp nhau...”. Tết năm ngoái, đứa cháu anh trả lời: “ông cháu nay chẳng còn nhớ gì nữa rồi!” Cho nên, tuy tin anh về một cõi khác không đột ngột, nhưng sao vẫn rất đổi đau lòng. Thơ Việt Nam lại vắng thêm một cái bóng khổng lồ, bóng anh.

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Cầm Web: vi.wikipedia.org
- *Tôi đã viết về Kinh Bắc tâm trạng nào ?* Web: diendan.org



2. Đặng Đình Hưng



Đặng Đình Hưng (1924-1990)

Đặng Đình Hưng sinh ngày 9 tháng 3 năm 1924 tại làng Thụy Dương, huyện Chương Mỹ, Hà Đông.

Thuở thiếu thời, ông học Trường Bưởi, rồi vào học Luật trường Đại học Đông Dương.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, ông theo kháng chiến, từng làm cán bộ tuyên huấn, Đoàn trưởng kiêm chính trị viên Đoàn văn công nhân dân trung ương, ông bắt đầu làm thơ vào những năm 1950.

Ở Việt Bắc, là nhạc sĩ, ông và bà Thái Thị Liên nghệ sĩ dương cầm đã quen biết nhau. Về sau, ông kết hôn với bà Thái Kim Liên, mỗi người khi ấy đều có một con riêng, con ông là Đặng Hồng Quang, con bà là Trần Thu Hà, con gái của Trần Ngọc Danh đã mất vì bệnh ở chiến khu.

Năm 1958, do Đặng Đình Hưng tham gia phong trào Nhân Văn- Giai Phẩm, nên bị kỷ luật, trong khi đó bà sinh Đặng

Thái Sơn, nhà danh cầm sau này. Gia đình lâm vào cảnh khó khăn, nên họ ra tòa ly dị nhau năm 1978.



Dương Bích Liên, Đặng Đình Hưng, Trần Dân, Ng~ Sáng

Năm 1980, khi Đặng Thái Sơn đoạt giải nhất cuộc thi piano quốc tế Frédéric Chopin tháng 10 năm 1980 ở Warszawa (Ba Lan), lúc đó Đặng Đình Hưng đang nằm ở bệnh viện vì bị ung thư phổi.

Nhờ danh vọng của Đặng Thái Sơn, ông được cấp nhà ở khu Giảng Võ. Trong nỗi cô đơn, bệnh hoạn ấy, vào tuổi 66, Đặng Đình Hưng sáng tác thơ, chẳng những ông phá cách về hình thức chữ viết và phá cách luôn cả về vần điệu, luật thơ. Ông cách tân triệt để. Rồi những *Bến Lạ*, *Ô Mai* ra đời làm cho thi giới ngạc nhiên về nhạc sĩ đã hóa thân nhà thơ Đặng Đình Hưng.

Đặng Đình Hưng mất ngày 21 tháng 12 năm 1990 tại Hà Nội, thọ 66 tuổi.

Tác phẩm:

- *Bến lạ* (Văn nghệ tp. HCM, 1991)
- *Ô mai* (Hội nhà văn, 1993)

Trích thơ:

Ô mai (trích)

6. Thôi thèm

Khác với các lần trước (về là bắt tay ngay vào chân chính hoang tàn - sửa sai xa vắng) - lần này/ gác tất cả lại. Vào việc chính đã: xuống hầm. Fải vào nhanh quyết nghị - vào ngay con thể nghiệm cuối cùng. Con này khẩn cấp như thể chỉ còn vèn vèn mấy tiếng đồng hồ - nó diễn ra trong tình huống gọi là “Đồng xu cuối/ nói chữ là “Thế chân tường.

Vậy xuống hầm. Xuống hầm gồm đóng công, đóng hẳn lại, đóng bằng buộc dây. Cố nhiên ở chốn vùng chòm, hể cần người ta cứ cời ra, rồi thân nhiên bước vào. Có để cả một cái păngcac, người ta cũng cứ lặng lẽ nhắc ra. Ngoài việc đóng công, xuống hầm còn đòi hỏi một số điều kiện khác trong đó có việc gọi là bịt tai - bịt hẳn. Ở đây có một nhân vật hằng ngày cứ đến gợi ý về cái ngon. Gợi ý thường là: Nó lại vừa mỡ một con bê non xóm trên, úi dùi ui! mỡ là mỡ. Hoặc: chợ ba con bò, con lợn ốm fải luộc đi, thế mà người ta cứ vồ vào - sắp hết - ra mà mua...

Xuống hầm, vừa vào việc chính được một dòng thì nhân vật ấy vào thành chưa ra kịp chuẩn bị tư thế. Chưa trấn tĩnh xong, thì ông ta tiếp luôn: Tôi vừa đi uống rượu cái đám anh em nhận nhau. Gớm, lên trên ấy, hai con bé - con bé bên cạnh úi dùi ui sao mà nó đẹp và ngon thế! Tôi ngần này tuổi rồi mà không dám nhìn nó đấy...!

Trở về con thể nghiệm, phải nói ngay để dễ hiểu là con này mang tên “Thôi thèm” - thôi từng bước, tiến tới, thôi hẳn.

Sau thôi thềm sẽ ra sao, hậu quả thế nào, chưa biết. Chỉ biết cần tiến hành rất gấp do tình thế cuối - Đòng xu cuối - Thế chân tường quang trên giới thiệu. Thôi là phải từng li từng tí, thôi cả trí nhớ về miếng ngon của lạ (Đồ sào - chim quay - chả rán), trí nhớ về những nét đẹp của nhan sắc khi thanh thanh khi đầy đủ hấp dẫn thông dụng, nhiều thứ lắm - kể cả việc nge chuyện về những điều này cũng rất bất lợi, cho nên về cái nhân vật trên đến kể chuyện miếng ngon là một sự kích thích có hại, cần fê fán.

Fuong fáp thôi thềm nhất thiết phải xuống hầm - hầm kín mít - hơi một khe hở là jảm hiệu lực. Vậy anh xuống hầm, tu luyện từng mảng, từng dòng, chau chuốt, con thể nghiệm này, từ đại cục đến chi tiết - tiến gần, lùi xa, ngắm giá cho tới khi hài lòng (bởi lẽ là con cuối - làm không ra gì người ta cười cho, rằng gặng gượng để non ra nước/ hoặc trứng chỉ bằng một cái trứng chim). Những lúc này hễ có ai gọi đi đám ma, đám cưới, đón đưa, jổ tết, gì đó, những cái gọi là nghĩa vụ đời, thì anh sẵn sàng khất, khước hoặc bỏ hẳn, hai tay chấp lại mà thưa rằng: thể cho tôi - thể cho tôi - tôi đang bận việc của tôi (vả cũng nói, tôi suốt đời bận) thành ra không làm được những việc này ^[11] - Tôi chỉ làm được có một việc: việc của tôi - vả, các ông cũng chỉ làm được có một việc: việc của các ông. ^[12]

Chất vấn: như thế là ông không đi vào lẽ thường tình?

- vâng, không đi vào lẽ thường tình

- ông nặng nghiệp đấy!

- vâng, nặng nghiệp

- tai tiếng đấy, ông ạ - ông biết chứ?

- biết, tai tiếng - một đời tròn tai tiếng

- ông không sợ tai tiếng à?

- tai tiếng - miệng tiếng cũng thế - là cái người đời (do động cơ hoặc do trình độ, hoặc cả hai) đem áp vào, rồi nó bong ra - nó đến nó đi như không ấy mà!

- có thể có vấn đề nhân cách ở ông đấy!

- dùng hết tâm sức (kể cả sự hiểu lầm - một sự hiểu lầm không tránh khỏi) để thực hiện chức mệnh mình, chức mệnh đời jao, trời jao đó là nhân cách ông ạ - nhân cách hệ cao.

- ông chủ quan đấy! bằng mọi giá chấp nhận tai tiếng và sự công kích có nghĩa rằng ông cho việc của ông to lắm phải không?

- vâng, to - to bằng tự nhiên,

- mọi người không cần biết

- tôi không cần biết mọi người biết hay không

- sớm vào ngăn kéo chứ quái gì?

- vâng, vào ngăn kéo

- vào ngăn kéo, ông vẫn cứ làm à?

- vẫn cứ làm

- tóm lại, ông không ân hận?

- không!

Thế rồi, anh tiếp tục đường anh: tìm - thấy - lại không thấy

- lại tìm...

Có người jận tung lời bình fằm đi tới lãng mạ, anh vẫn dùng fếp thoi nghe, khích, dùng ép thoi nhìn - vung bản, fếp mũi ngạt, ngạt hẳn. Cuối cùng là ném đá - ném từng vốc, anh đóng cửa lại, vào buồng ngồi.

Tóm lại, thoi nghe - nhìn - ném - ngủi. Ngày đêm tu luyện, thành tâm tu luyện, chẳng bao lâu anh đạt tới trình độ người ta gọi là Siêu hằm (nhanh thật!). Chui lên khỏi hằm, ngồi đối diện với người đời sống động, mà anh thấy vẫn cách li như thể ngồi trong một cái lồng trong suốt bằng không khí, việc người, người làm, việc mình mình làm - là thể nghiệm -khi ghi ra, khi nhảm tính từng mảng, từng jòng, lăm lức mãi mê trở thành ngậy ngô đãng trí, người đời thấy buồn cười -không chấp -người ta quen dần đi, rồi quên. ^[13]

Cơ thể nghiệm đầy triển vọng hoàn thành, thì một hôm (có lẽ tại thời tiết, jở jời) bỗng phát sinh một số biến chứng, biến chứng từ trong ra. Hôm ấy, trời se se - mùa chuyển, anh thấy người gai gai khó nói - như man mác - như mây trôi - lại như trống trải cô li - như tiếng gọi mùa:

*xuân hạ thu đông
đi jữa mùa em jỏ lộng
thu cùng
đi jữa mùa xuân
jỏ lạnh xuân cùng
thay áo*

*mùa sương em
sương ngưng
ngõ ngàng
ngáp nghề...*

*xanh em
xanh máy xanh mùa
xanh anh*

*anh máy em mùa
hương em
hương máy em mùa
mùa hương*

x

*Mùa hương đi tóc xanh
mắt xanh
tình xanh
đi nơi xanh
rừng xanh
tìm xanh
tìm anh!*

.....

Ghi chú:

[11] khăng khăng bỏ quê đi fương xa “lập chí”, nhấn lại:

Tía tô, chặng rào em vá

Vàng anh, cứ đồ fằm nhuộm cho hàng đu đủ lá

Cậu zẻ cùi, có ông jà bà cả, cậu đưa ma ra đồng (Cửa ô)

[12] việc của các ông hình như gồm cả cái việc là bận tâm qu á mức! tới việc của tôi. Xin cứ cho tự nhiên, các ông ạ!

[13] may quá!

Trong bài *Một cuộc cách tân thơ âm thầm*, Nguyễn Thụy Kha đã viết về Đặng Đình Hưng:

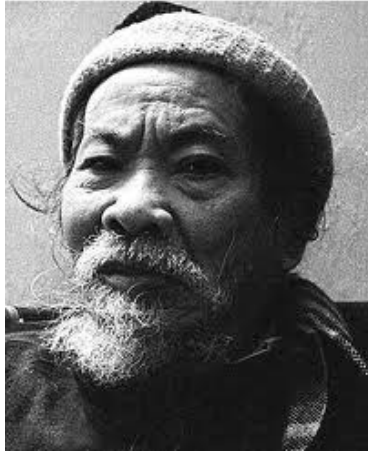
Đặng Đình Hưng cách tân thơ âm thầm nhưng không hề cố ý. Bằng tất cả tình yêu da diết con người, cuộc đời ông đã thốt lên bằng cái giọng Kim rất Việt của mình những gì ông đã trải nghiệm, đã thâm thía. Nếu “Bén lạ” mang nhịp điệu cầu kinh thì “Ồ mai” mang nhịp điệu nhạc Rap. Vẫn là lời khép lại của người đại diện nhà xuất bản Hội nhà Văn:

“Nếu “Bến lạ là cơn mê sáng của một tâm hồn đầy khát vọng bị dồn nén, thì có thể coi “Ô mai” như một sự giải thoát. Sự giải thoát mà tác giả đã gặp được ở cuối cuộc đời bi kịch của ông”.

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Đình Hưng Web: vi.Wikipedia.org
- *Ô mai* Web: talawas.org

3. Trần Dần



Trần Dần - Trần Văn Dần (1926-1997)

Nhà thơ Trần Dần tên thật là Trần Văn Dần, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1926 tại thành phố Nam Định. Thân phụ ông là một viên chức kho bạc Nam Định. Ông học qua bậc Thành chung ở quê rồi lên Hà Nội học tiếp và đỗ Tú tài Triết.

Năm 1946, Trần Dần cùng Trần Mai Châu, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Địch, Vũ Hoàng Chương thành lập nhóm thơ tượng trưng *Dạ đài* với tuyên ngôn 16-11-1946 có những câu: "Chúng tôi, một đoàn vong gia thất thổ, đã đầu thai nhằm lúc sao mờ...". Đến ngày 19-12-1946, ông cùng nhóm *Dạ đài* ra số báo *Dạ Đài 2*, khi Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông trở về Nam Định tham gia công tác thông tin tuyên truyền ở huyện Vụ Bản rồi làm việc ở *Sở Tuyên truyền Khu IV*.

Năm 1948, ông tham gia Vệ quốc quân, ở Ban Chính trị Trung đoàn 148 Sơn La (nay thuộc Sư đoàn 316), làm công

tác tuyên truyền cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch, sau đó làm báo ở mặt trận Tây Bắc và phụ trách văn công Trung đoàn 148 Sơn La. Trần Dần cùng Trần Thu, Hoài Niệm tham gia sáng lập nhóm văn nghệ quân đội đầu tiên - *Nhóm Sông Đà*. Thời gian này ông bắt đầu làm thơ bậc thang và vẽ tranh lập thể, bị cho là khó hiểu. Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (lúc ấy có tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) từ năm 1949.

Năm 1954, cùng với Đỗ Nhuận, Tô Ngọc Vân, Trần Dần tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ và viết truyện dài *Người người lớp lớp*. Chiến dịch kết thúc, ông được cử sang Trung Quốc viết thuyết minh phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ*. Tuy nhiên do bất đồng với người cán bộ chính trị đi cùng nên ông "nhường" cho người này viết thuyết minh.

Tháng 03 năm 1955, ông tham gia phê bình tập thơ *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu. Trần Dần nhận định tập thơ Tố Hữu nhỏ bé nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hoá lãnh tụ.

Tháng 04 năm 1955, ông cùng Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Từ Phác đệ trình *Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá* với các đề nghị yêu cầu tự do sáng tác, trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ, thủ tiêu hệ thống chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội, sửa đổi chính sách văn nghệ trong quân đội. Ông cũng viết đơn xin giải ngũ và đơn xin ra khỏi Đảng, và quyết định kết hôn với bà Bùi Thị Ngọc Khuê, là người theo đạo thiên chúa và gia đình đã di cư vào Nam, bất chấp sự phản đối của các cấp lãnh đạo quân đội.

Từ ngày 13 tháng 6 đến 14 tháng 9 năm 1954, ông bị giam theo quân kỷ để kiểm thảo cùng với Từ Phác ở đơn vị.

Trong thời gian này bà Bùi Thị Ngọc Khuê bắt đầu ốm nghén người con đầu lòng là Trần Thị Băng Kha, còn ông sáng tác bài thơ *Nhất định thắng*.

Từ 2 tháng 11 năm 1955 đến giữa tháng 2 năm 1956, được "phân công" đi tham quan cải cách ruộng đất đợt 5 tại Bắc Ninh. Trong thời gian này ở Hà Nội Hoàng Cầm cho đăng bài thơ "Nhất định thắng" trong tờ *Giai Phẩm Năm 1956*, sau này được gọi là *Giai Phẩm Mùa Xuân*, tờ giai phẩm này bị tịch thu.

Tháng 2 năm 1956, Hội Văn Nghệ tổ chức hội nghị phê bình bài thơ "Nhất định thắng" với 150 văn nghệ sĩ tham dự. do nội dung có những câu bị cho là phản động, chống phá cách mạng:

*Tôi đã sống rã rời cân não
Quãng thời gian nhung nhúc chuyện đi Nam...
Họ lếch thếch cùng nhau đi từng mảng
Họ kêu những thiếu tiên, thiếu gạo
Thiếu cha, thiếu Chúa, thiếu vân vân*

.....
*Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà*

*Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ*

*Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về*

*- Anh ạ !
họ vẫn bảo chờ...*

*Tôi không gặng hỏi, nói gì ư ?
Trời mưa, trời mưa*

Ông bị kết án là đồ đệ của Hồ Phong ở Trung Quốc, mất lập trường giai cấp và đi ngược lại đường lối của Đảng. Theo lệnh Tố Hữu, Trần Dần bị bắt từ nơi tham quan Cải Cách Ruộng Đất, đưa về Hà Nội nhốt ở dưới hầm, ông dùng dao cạo râu cứa cổ, giả tự tử để được tướng Nguyễn Chí Thanh can thiệp thả ra.

Ngày 7 tháng 3 năm 1956, báo Văn Nghệ số 110 có đăng bài của Hoài Thanh *Vạch trần tính chất phản động trong bài thơ "Nhất định thắng"* của Trần Dần.

Tháng 9 năm 1956, báo Nhân Văn ra đời, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm thư ký toà soạn, Minh Đức xuất bản, ban biên tập gồm Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần. Trong số 1 có đăng bài *Con người Trần Dần - Tiến đến việc xét lại một vụ án văn học: Trần Dần* của Hoàng Cầm.

Ngày 15 tháng 12 năm 1956, Ủy ban hành chính Hà Nội ra thông báo đóng cửa báo Nhân Văn. Sau khi in được 5 số, đang chuẩn bị in Nhân Văn số 6.

Cuối tháng 2 năm 1957, Đại Hội văn nghệ toàn quốc lần thứ 2 tại Hà Nội với gần 500 đại biểu. Tổng bí thư Trường Chinh nói chuyện, kêu gọi đấu tranh đập nát luận điệu phản động của Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tháng 3 đến tháng 4 năm 1958, ông tham dự lớp học "đấu tranh tư tưởng" tại Thái Hà Ấp với 304 cán bộ văn hoá văn nghệ tham dự.

Đầu tháng 6 năm 1958, Hội nghị ban chấp hành Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam họp tổng kết cuộc đấu tranh chống Nhân Văn-Giai Phẩm. Hơn 800 văn nghệ sĩ hoan nghênh kết quả thắng lợi của cuộc đấu tranh.

Tháng 7 năm 1958, cũng như các nghệ sĩ tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm khác, ông nhận kết quả kỷ luật. Trần Dần bị khai trừ khỏi Hội Nhà Văn và đình chỉ xuất bản trong thời hạn 3 năm.

Từ 22 tháng 8 đến tháng 2 năm 1959, ông đi lao động cải tạo tại nông trường Chí Linh với Lê Đạt, Đặng Đình Hưng và Tử Phác.

Tháng 11 năm 1959, ông được phân công dịch tại ga-ra Hội Nhà Văn cùng với Lê Đạt, Phùng Cung, Nguyễn Khắc Dực.

Năm 1960, ông hai lần đi cải tạo lao động tại khu gang thép Thái Nguyên. Đến tháng 8 thì ốm nặng, nên được về Hà Nội. Từ đó sống âm thầm tại Hà Nội bằng nghề dịch sách và tô ảnh màu, đứng ngoài mọi sinh hoạt văn nghệ chính thống.

Năm 1988, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm,... được mời tham gia sinh hoạt văn học trở lại. Tháng 5 năm 1988, Trần Dần vào Huế gặp gỡ đồng nghiệp và bạn đọc.

Trần Dần qua đời ngày 17 tháng 01 năm 1997 tại Hà Nội, thọ 71 tuổi.

Năm 2007, Trần Dần được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Tác phẩm:

- *Chiều mưa trước cửa* (Thơ - 1943);
- *Hồn xanh dị kỳ* (Thơ - 1944);
- *Người người lớp lớp* (Truyện dài - 1954);
- *Nhất định thắng* (Thơ - 1956);

- *Cách mạng tháng Tám* (1956);
- *Đêm ním sen* (Tiểu thuyết - 1961, chưa xuất bản);
- *Jò Joax* (Thơ - 1963, xuất bản di cảo);
- *Những ngã tư và những cột đèn* (Tiểu thuyết - 1964, xuất bản năm 2011);
- *Một ngày cảm phá* (Tiểu thuyết - 1965, chưa xuất bản);
- *Những ngã tư và những cột đèn* (Tiểu thuyết - 1966, xuất bản năm 2010);
- *Con trắng* (Thơ - hồi ký - 1967);
- *177 cảnh* (Hùng ca lựa - 1968);
- *Động đất tâm thần* (Nhật ký - thơ - 1974);
- *Thơ không lời - Mây không lời* (Thơ - họa - 1978);
- *Bộ tam Thiên Thanh - 77 - Ngày ngày* (1979);
- *Bộ tam 36 - Thở dài - Tư Mã zâng sao* (1980);
- *Thơ mini* (1988);
- *Bài thơ Việt Bắc* (Trường ca - Viết năm 1957, xuất bản năm 1990);
- *Cổng tình* (Thơ - tiểu thuyết - Viết năm 1959 - 1960, xuất bản năm 1994);
- *Mùa sạch* (Thơ - Viết năm 1964, xuất bản năm 1998);
- *Trần Dần - Thơ* (2008 - Giải Thành tựu trọn đời của Hội Nhà văn Hà Nội).

Trích văn:

Chú bé làm văn

Gió bắc thổi như điên, gió ào ào lùa vào trong ngõ, gió vạn xoắn lầy bộ quần áo rộng thùng thình của Lư, tạo ra tiếng phàn phật khi em đang thoăn thoắt chạy thi với gió. Hai tay chú bê lễ mễ mâm cơm. Cái mâm gỗ xin xin thật là to hơn cả người chú bé Lư.

Lư chạc 13 tuổi, cái đầu húi ngắn mà bé như một quả đấm, thò ra trên cái áo bu-dông màu nâu bạc rộng thùng thình. Cái quần kaki cũ mà chú đang mặc cũng rộng. Ống quần dài lại to như chân voi phải vén lên tới 2 gấu, làm thân người săn sắt của chú lọt thỏm đi trong bộ quần áo rộng quá khổ. Chắc hẳn là quần áo của người lớn nào đó cho chú.

Chú Lư tạt ngang vào cầu thang, bê mâm cơm lên gác, chòng bát hơi xô nhau. Chú lấy chân đẩy cửa rồi đặt mâm lên chiếc bàn nhỏ. Một chút gió lùa thốc sau gáy chú vào buồng.

Gian buồng nhòm xuống phố, nhòm lên trời, khung cửa sổ mở rộng thấy mấy nóc nhà trước mặt rét co ro dưới một mảnh trời đông xin xin. Cả gian buồng này có đồ gỗ duy nhất là chiếc bàn nhỏ kia, với hai chiếc ghế mây, một chiếc đã thủng mặt, trên có kê một tấm ván gỗ. Ở một góc nhà nằm thu lu cái hòm gạo, xưa từng là cái hòm đựng sữa hay đựng cái gì đó mãi tận bên nước ngoài. Bây giờ nó nằm ngoan ngoãn xó nhà bên chai nước mắm, với nồi niêu cũng thường nằm thon lỏn ở đó. Ở góc buồng đối diện là một cái chiếu còn mới, hoa đỏ chon chót, cuộn tròn phủ lên trên ba lô, quần áo, chăn màn. Tất cả thành một đồng khá to nằm nép cạnh tường. Chủ nhân nhà này ngủ ở đây. Ban ngày chiếu được cuộn lại cho gọn mắt. Cả gian buồng bày biện sơ sài còn có thêm một chiếc giầy thép vắt khăn mặt, với một cái chổi vàng xin khiêm tốn nép vào tít một xó nhà ít ánh sáng nhất. Thế là hết.

Ánh sáng mùa đông một ngày rét ngọt không đủ sức nóng sưởi ấm cái không khí lạnh lẽo này. Gian buồng trông cứ trơ ra như một người cời trần đứng trong gió bắc. Nhưng được cái là tất cả đều sạch sẽ, gọn gàng, khiến gian phòng nhỏ có thể kéo lại được khá nhiều cảm tình.

Chú Lư khoan khoái nhìn mâm cơm đậm bạc với một đĩa tép kho nhỏ, một đĩa bắp cải luộc và một tô nước đánh gừng còn bốc khói. Rồi chú nhìn quanh quẩn. Không biết nghĩ sao mà sàn gác sạch thề, chú vẫn vớ cái chổi quét một lượt nữa.

Chú Lư mồ côi cha từ lúc còn ẵm ngửa. Đến năm lên bảy ra ngoài kháng chiến, chú lại mồ côi nốt mẹ. Bây giờ ở gian buồng này, chú sống với người anh ruột lớn gấp đôi tuổi chú, tên là Khiên, cán bộ một cơ quan Trung ương. Chú hiện đang theo học lớp 6 một trường tư. Thật là cả một sự gắng gượng hết sức của người anh ruột mới có thể lo cho chú Lư được đi học. Bởi vì một xuất sống phải chia xẻ thành hai xuất sống. Riêng một đồng lương của người anh thôi, dù khéo co kéo đến đâu cũng khó mà đủ đầy được cho cả hai anh em.

Nhưng anh Khiên đã từng biết những ngày ăn toàn măng mà vẫn làm việc trong những lán rừng kháng chiến. Khiên lại thương em lắm. Anh không muốn em mình sớm vào đời, sớm đóng góp với hai bàn tay còn non nớt và bộ óc thất học. Tình yêu em đã làm anh nảy ra phương kế phải thi hành một chính sách tiết kiệm hết mức. Đứng là nghĩa đen của chữ thất lưng buộc bụng. Khiên nhịn quà sáng, cai cả thuốc lá, từ chối mọi giải trí của thành phố, lại còn tiết chế cả lòng thương em nữa. Lâu lắm Khiên mới lại dúm cho em trăm bạc ăn quà hay đi xi-nê ngoài bãi. Người anh ấy thu vén chi ly, thực là một sự hy sinh cực nhọc vì tương lai của em. Hòa bình đối với anh, hẳn lại là một cuộc chiến tranh mới, cũng tự nguyện gian khổ và cũng cao đẹp như những ngày kháng chiến trước kia.

Tính Khiên ít nói, hình như là anh tiết kiệm cả ngôn luận. Đối với em cũng thế, thương thì để bụng chứ hàng ngày anh nghiêm nghị lắm. Khiên đi rồi lại về, chẳng mấy khi

hỏi hàn trò chuyện với em cả. Chú Lu vừa yêu vừa sợ anh. Ban tối có chung nhau ngọn đèn 25w nền vàng nhòe bên bàn làm việc thì cũng im lìm mỗi người mỗi việc. Người anh đi vắng gần như cả ngày, có khi đêm cũng còn đi, chẳng biết là học tập hay chạy vay một món gì đó.

Riêng chú Lu bầu bạn nhiều hơn với bốn bức tường này, bộ bàn ghế nọ, hay cái chiếu kia. Chú đi học một buổi, còn ở nhà làm những việc vặt cùng bếp núc.

Bây giờ bữa cơm sáng đã chuẩn bị xong xuôi, chú Lu khoan khoái đợi người anh về cùng ăn dù bụng đói đã lâu. Chú ra chiếc ban công nhỏ để nhìn xuống phố. Gà vịt ngoài đường có đến chục con đang rờn. Chợt đầu phố, một chú gà sống đồ xù lông mổ nhau với một chị vịt trắng. Thế mà chị vịt lại được chú gà hung hăng. Phố vắng tanh, ngoài lũ gà vịt chỉ có lũ trẻ con. Từ đũa mới lùn chùn biết đi đến đũa lớn bằng chú, hơn chú, phải đến chục đũa. Đặc biệt có một đám chơi bi bẻ, một tốp con gái xoè váy nhảy dây. Phố nhỏ chính là thiên đường của trẻ con. Xe cộ chả vắng, bố mẹ mới thả cho con cái ra nô đùa trong lòng phố. Chú Lu từ trên gác cao cúi cái đầu lờm chờm tóc khô khác, đưa cặp mắt hoanh hoanh mà thềm thường hết nhìn đám bi bẻ lại sang nhìn đám nhảy dây, rồi lại quay xem lũ gà vịt có lắm trò gà vịt. Chán mắt, chú lại vu vơ nhìn nhà này nhà khác. Chú ngắm cái ô cửa tròn của cái nhà màu đỏ trông huếch hoác như con mắt chột. Chú quay nhìn sang bên kia. Nơi có cái sân thượng phơi quần áo lấm lấm màu loạn cả mắt. Còn chỗ này nữa, mấy tia khói nhàn nhạt đang bay lửng trên mái tôn gian bếp căn nhà đầu phố, thường khi có con mèo đen nằm sưởi nắng. Chú Lu thuộc cái phố này lắm. Thuộc đến nỗi chú có thể nhắm mắt mà kể vanh vách từ cái nhà xanh lơ thò ra ngoài, đến cái nhà đỏ 3 tầng chói cả mắt, rồi tiếp đến cái nhà vàng thụt vào. Cứ vậy chú điếm hết phố, chỗ nào cổng sắt tường gạch, chỗ nào tường lờ mấy chỗ lấm trơ ra

những cái mụn loét đỏ. Tất cả chỉ có mười lăm nóc nhà thô mà. Vậy mà cái thì thò ra, cái thì thụt vào, màu vôi đều đã nham nhỡ. Cả phố cứ như một hàm răng khắp khềnh và hà xún. Vậy mà không biết làm sao mà chú yêu cái phố nghèo này đến thế. Cái phố xộc xệch, cũ kĩ, nhỏ xíu đến nỗi ban đêm không có nổi một ngọn đèn đường, nhưng nếu phải chuyển đi nơi khác, hẳn chú Lư nhớ, buồn lắm. Ngày nào chú cũng ngắm cái phố này dăm bảy bận mà không chán mắt, vào cái lúc cấp sách đi về nhà, lúc ngồi học bài hoặc khi nấu cơm xong, được rồi rồi như sáng hôm nay.

Tối hôm ấy, anh Khiên đi vắng.

Trời mưa phùn, gió rét buốt thổi long sòng sọc trong ruột phố. Một mình một ngọn đèn, chú Lư nghiêng cái đầu cúi ngẩn làm luận quốc văn. Chú chăm chú lắm. Nhà chả đông chủ, gian buồng bên, đâu như có khách nói cười âm ỉ, nhưng tiếng động tới buồng Lư cửa đóng kín mít nên đã trầm đục đi. Chú đang tập trung suy nghĩ. Tai chú chẳng còn nghe thấy tiếng động bên ngoài mà chỉ nghe thấy tiếng bút sột soạt. Chú nắn nót từng chữ, mấp mấp môi mà viết. Hình như chữ nghĩa nó biết nói hay sao ấy. Chúng cứ reo réo lên trong đầu chú, trong màng nhĩ chú, đến khi chúng đã lữ lượt nằm tím đặc trên trang giấy mà vẫn như tiếp tục rầm rì. Góc nhà, một con chuột nhắt cậ nổi cơm lục cà lục cục mà vẫn không bị chú Lư xùy xùy như những lúc khác.

Đầu đề bài luận: “Hãy tả cảnh êm ấm gia đình em một buổi tối”

Từ lúc chép đầu đề bài luận, chú Lư cứ lo mãi. Sao mà nó hắc búa thế! Không phải vì chú bé kém về văn mà ngược lại, văn là môn khá của chú. Thầy giáo nhiều khi bình văn chú làm kiêu mẫu cho cả lớp học. Nào tả ngày tiếp quản, nào tả thủ đô ngày quốc khánh...v.v... những chuyện ấy

chú “coi bằng tép”. Giọng văn chú chảy reo như suối, chẳng như một số bạn khác bí quá phải lục báo ra mà “cóp”. Chú thì chú không cần giờ cái trò ấy ra, cứ tự chú viết mà ới bạn phải tấm tắc khen là “Như báo ấy!”. Nhưng đến lần này thì chú ngồi lắc lư lo rối cả ruột gan lên. Chà, khó ới là khó!

Tả cảnh gia đình một buổi tối, lập tức chú thấy hiện ra trước mắt anh Khiền nghiêm nghị ngồi lặng thình bên bàn làm việc, trong một gian buồng lạnh lạnh và vàng nhờ ánh đèn. Thế thì tả làm sao cho hay được? Mà lại còn êm ấm nữa chứ! Đêm ngủ với anh thì cũng ấm thực, nhưng không đúng đầu bài. Vả lại khi ngủ chung vậy, bụng chú còn lo ngay ngáy là nằm phải giữ ý giữ tứ, kéo nhỡ ngủ quá say kéo bừa chăn của anh. Ấy có lần như thế, anh Khiền đập chú dậy, dù không mắng mỏ gì nhưng chú cứ sờ sợ anh thế nào ấy...

Thế thì làm sao mà trôi được bài luận này?

Chú nghĩ tới đôi mắt trô trố ốc nhồi của thầy giáo cứ đảo sòng sọc sau chiếc kính đen to tướng. Nếu mình tả cho đúng cái gia cảnh của mình thì úi trời, sợ thầy lắm, thầy sẽ quở cho là vô chính trị. Chú Lư bậm bụng, buộc phải nghĩ ra hình ảnh một gia đình êm ấm khác thôi. Có vậy mới được điểm tốt.

Bây giờ thì chú Lư đang vùi đầu viết. Thực là may, khi nãy chú mở đầu được một câu khá thú vị:

“Tối nào gia đình em cũng quây quần quanh ngọn đèn sáng ánh điện, trong một căn phòng rộng có bàn ghế đẹp đẽ. Cảnh gia đình em thật đẹp như trong một bài thơ ...”

Câu mở có cảm hứng phá toang cửa cho luồng văn trong đầu chú như thác lũ tuôn ra. Chú viết kín đặc cả trang giấy nháp. Lát sau thì chú như quên cả mọi cảnh bên ngoài. Chú mê man theo ngòi bút chạy. Chú say sưa nghe những cái gì nó cuộn cuộn trong lòng. Khi thì nó rạt rào lên, khi thì nó lẳng lìm xuống, nó im lặng mà nó rì rầm, nó rì rầm mà lại im lặng. Khi thì chữ nghĩa nó chen nhau, nó xô đẩy nhau nhiều quá, đông quá, nhưng nhúc nhúc chữ. Chú luống cuống chọn chữ này bỏ chữ kia. Khi thì chữ nghĩa nó lại đi đâu cả, đầu óc chú bỗng trắng bệch ra, chú lại phải cắn bút khổ công tìm gọi nó đến. Rồi bỗng lại hoa cà hoa cải trong đầu óc. Chú đắm đuối đến lịm đi trong cái công việc thú vị này:

“... Bố tôi ngồi ở góc bàn đọc báo, vẻ mặt dăm chiêu học tập. Mẹ tôi ngồi khâu vá ở giường bên. Bỗng mẹ tôi hỏi bố tôi: – Báo hôm nay có gì vui không? Bố tôi tạm bỏ tờ báo xuống và thân ái giải thích cho mẹ tôi rằng: – Báo không phải là để mua vui giải trí, mà báo là để học tập cho thông suốt đường lối chính sách của Đảng, của chính phủ và của mặt trận tổ quốc.

Mẹ tôi nghe vậy xong hí hửng vì mới được đánh thông về lợi ích của báo chí, và rồi mẹ tôi lại cúi xuống khâu...”

Trang giấy nháp của chú Lư gạch xóa vài chỗ. Có đoạn chú viết sạch và nắn nót, có đoạn viết láu đi. Ngoài phố mưa phùn vẫn rả rích chầm buốt các nhà cửa nép đầu vào nhau. Gió vẫn kéo xác lá xènh xệch trên đường.

“... Còn tôi thì ngồi ở bàn, bên cạnh người cha thân yêu. Tôi đang làm bài toán. Bài hôm nay khó quá. Hai cái vòi nước chảy vào một cái bể nước, một cái lại chảy ra. Tôi vốn kém về môn toán, nhất là về cái môn vòi nước thì tôi càng sợ lắm. Tôi cứ cắn bút loay hoay mãi định hỏi bố tôi,

xong tôi lại sợ là mắc bệnh ỉ lại, không lấy tự lực cánh sinh làm chính. May quá, bố tôi phán đoán ngay được tư tưởng tôi nên bố tôi đến lãnh đạo tôi, giúp đỡ cho tôi vượt qua sự khó khăn gian khổ này.

Bố tôi chỉ giảng giải kêu gọi sự nỗ lực chủ quan của tôi thôi, chứ bố tôi không có tác phong làm thay”.

Chú Lư dùng bút nghĩ ngợi. Lại bí rồi. Một con nhện to bằng lọ mực đang đậu im trên vách tường trước mặt, chú Lư nhìn thấy nó. Mọi khi á, chỉ vài bước chân, một cái vung tay thế là chộp! Chú Lư được một món quà đêm thơm lừng! Xong đêm nay chú làm tỉnh. May cho con nhện, vẫn chương đã cứu mạng cho nó. Chú Lư đang còn đắm đuối ở đoạn này. Con mắt chú thường khi ráo hoảnh, giờ này nó đậm ra diu diu mơ mộng hơn. Và cả nét mặt khô khốc của chú cũng dễ thương đi chút ít.

Chú lại chúí đầu xuống gần sát trang giấy, ngòi bút lại chạy, gạc đi, xoá lại, ngoặc lên. Cứ một chốc một lát là chú đọc lại, khi đọc một đoạn, khi đọc lại từ đầu. Tưởng là bí, hóa ra lại khoái gớm! Có đoạn thật sướng tai ghê! Đến một đoạn chú nói về các em... thì chú xúc cảm rất mạnh, bụng cứ xóc lên, con mắt hơi ươn ướt. Chú nhớ đứa em gái quá! Con bé gày gò da xanh tái, hiện nó ở tận Nam Định. Một người chú họ làm nghề thợ may nhận nuôi cho. Chú viết:

“... Các em tôi thì chúng nghịch quá! Chúng tranh nhau con búp bê dân chủ mà buổi chiều, bố tôi mới mua ở cửa hàng mậu dịch Trảng Tiền. Mẹ tôi thấy chúng mắt đoàn kết với nhau nên mới gọi chúng lại rồi ôn tồn giải thích. Sau đó thì các em tôi cũng thông suốt ngay. Chúng thay nhau ẵm con búp bê trong một bầu không khí thân mật...”

Gió ghé mồm thổi phù vào khe cửa sổ. Hơi lạnh phả lên mặt chú Lư. Chú vẫn mê man tả đứa em gái với con búp bê. Ngọn đèn toả ánh sáng vàng nhờ. Im lặng trùm lên chú bé mồ côi. Chú viết như say, hí hoáy gạc xóa. Chú như mê đi. Rồi chú lặng cả người... Chú thấy hiện lên rõ rệt cái gia đình êm ấm đó như thực tại. Nào cha ở góc bàn, nào mẹ ở phần bên, nào đứa em gái lẳng xẵng ôm con búp bê hồng hào tóc vàng mượt... Chú Lư mê lịm đi, cả người chú run lên. Từ đôi mắt long lanh, một hạt nước mắt lã lã từ từ trên gò má khô của chú. Bỗng chú Lư gọi to lên: “Em Hòa!”. Chú gọi tên em gái ở xa, âm thanh tiếng gọi làm vỡ tan mất giấc mơ đẹp vừa hiện lên trước mặt chú. Gian buồng lạnh lẽo ánh đèn vàng lại ôm lấy chú bé cô đơn.

Ngày hôm sau ở lớp học, thầy giáo cho chú 9 điểm bài luận quốc văn. Lỗi cả con mắt ốc nhồi lên sau cặp kính cận, thầy khen văn chú đứng lập trường trước khi đứng trên bục bình văn của chú làm mẫu cho cả lớp hàng mấy chục thiếu niên nghe. Thầy khuyến khích: nếu cứ đà đó mà đi thi sau này chú có thể trở thành nhà văn lớn.

Lời tác giả: *“Văn chương có khả năng tạo ra mộng thật đẹp. Nó có sức mạnh đánh lừa được ngay chính bản thân tác giả và đánh lừa được cả người đọc nữa!”*

(Trích Tạp chí *Nhà văn* số tháng 5 năm 2011)

Trích thơ:

Cột đèn cầm

*Vào đời
tất cả
chỉ có vé: đồng hạng
mọi thứ đặc quyền đều
sặc sụa bất công.*

*Tôi có vệ tinh
rồi có nhà ga xanh
nhà ga tím
trong một vũ trụ
chẳng hiền lành.*

*Cái lông chim quá chặt
tôi bay đâu
cũng đụng đầu.*

*Tôi có khả năng im lặng
như một cột đèn cảm
đầu phó thơ ngây.*

Yêu

*Em đã quên ư?
lông ngả tư mưa lằng nhằng cột điện.
Tình yêu của anh như câu cổ tích
kể trong một tối mưa dầm.*

Đừng yêu

*Gạch ngói ruối rong
những mơ mộng nhớ thương.
Các vì sao, ai bắt vít trên trời?
những đinh vít long lanh bằng bạc.
Em nhé! đừng yêu!
đừng yêu những đại lộ gió!
Phố này. Hàng cây này. Cột điện.
Căn nhà thi sĩ đổ. Mùa mưa.*

Cổng tỉnh (trích)

Khai từ

Kỷ niệm! Đưa tôi về chốn cũ

*Đừng ngại mây che từng cây số buồn rầu
Đừng ngại mở trong lòng từng cây số nhớ thương
Tôi đã sống đã lỡ lắm chẳng nhỏ
Trong đời tôi đã có thơ ngây
Tôi đã có đôi ngày nhỏ dại
Hãy châm man mác các dạng đèn
từ kí ức vùi sâu
Đây có phải bụi Cửa Trường
Một cuống nhau chôn trạnh lòng phố mẹ ...
Đây có phải đường Hàng Song xanh lấm tẩm sao chiều
Một chút sương lên... lên vừa đủ lạnh
Thôi thế là đành : tôi chẳng có ai yêu
16 tuổi !!!
Đây là đêm
Ngoài cổng đề lao tim ... sao mọc hững hờ ...
Đây là ngày
Thời gian lặ đi lặ lại những chiều vàng vọt như nhau*

17 !

*Tôi nổi máu điên
Tôi chồm về ngã Bấy
Tôi đứng làm làm như một cái chòi đêm*

18 !

*Tôi cắn chết nhiều ngày mưa
Tôi đứng xù xụ bên tàu bùn
Thì hãy lấy mùi soa đêm chùi đôi mắt khổ
Hơn là mõi răng nhai rầu rầu vĩa hè.*

19 !

*Khổ to rồi! Không có công ăn việc làm trên trái đất
Tôi nhảy chồm mỗi lúc gió lên
Mau mau ! Lấy tình yêu xích tên rồ kia lại
Kéo nó nhảy từ gác mười tầng
Vò một phố đèn lên*

*Dĩ vãng ! ối ối ! Sóng !
Cái nghề này ai ai cũng thạo
Chỉ mỗi mình tôi không thạo mà thôi !
Tôi đã bơ vơ
Bơ vơ phải đâu là tội nhỏ
Ai ?
Ai kẻ và may khi đứt chỉ đường tà ?
Những ngày trở trời – ai cháo lã cho tôi ?
Thế là xách va li tìm đi thui thui địa cầu*

*Các bạn ạ !
Tôi đã không thể thoát bơ vơ nếu không
nhờ các bạn...
Nếu không Thi-mệnh bọc đùm...
Ồi ! phó mẹ ! Để tôi về phó mẹ
Tôi về tảo mộ xó quê tôi...
Tôi tảo mộ từ một đứt ruột đã qua
Từ một đại khờ chưa hết đại...*

*Phải !
Tôi kiểm thảo bản thân cùng một thời đại buồn rầu*

*Đêm xuống ướt mũi rồi
Sông khuya tì tũm vổ
Đi thôi ! kỷ niệm !
Có lẽ xa kia là phó tôi sinh
Có sương sớm đọng trên đèn muộn
Từ và thơ ơi !
Dạ khúc khởi đầu*

...

jờ joạx
thơ-tiểu thuyết một bè đẽm

joạx jờ jêrô... vòng tròn

thằng trưởng bị vây trong vòng
tròn.

tôi không hiểu tôi bò 2 chân trên sọc
joạc jờ nào?

sao cứ thun thút những
sọc mưa jọc jài ống ễnh bầu mưa?
chứ tôi đâu phải thằng quíc-ss? mà tôi vẫn
bị ngứa thì jờ ướt mưa jông mùa jọc nịt joạc
vườn jịch ngược joạt đùi jầm mùi jũỉ long.

tôi biết

jành jạch sử kí cả những luồng phùn mọc lọc
người đi.

hôm nọ lơ thơ bình minh tôi bóc lịc mịch ngày
tôi đi

song song cơn mưa to juyñh juych jạng đông
tôi gặp

một con nữ vận động viên

ướt

jurit

toàn thân

chạy joạch vòng mưa

jông jông

1 - 9 - 6 - 3 min mét nữ.

jờ jạchx nở jòn jọtx

chính ja tôi thích cái yếm

nín cái nịt thịt của các kilômét đùi joạcx. tôi
guong trong jập mừng đùi sọc nữ.

tôi là một cái sọc mòng mọc khoái jũỉ các
sọc bàn ghé tử nam nữ đồ đạcx.

tôi lúc nhúc cả ngày từ phía câu-đó-bé-tí. ần số hờ
số những hạt cóc tách song song xe cộ. người. giờ.

tôi tòi.

tôi cốc jâu tươi ướp đường chai bia xuôi vai
seo mát hạt mùa mực.

tôi chiếc ô tô mui sinh vật-4-chân
bon trong khi jàn jạt seo-2-chân nam nữ
joạc bộ hành.

tôi quần không slip nữ seo jọc vườn
hoa kể cả chiếc nữ đồng hồ đeo tay là hạt seo
joạc jờ

nhưng làm jì có thì jờ chỉ có ngày đêm
là seo nghỉ ngoài jờ.

tôi từ chức tiến sĩ. phó bác sĩ. sử kí. chân lí. thâm mĩ.

thi sĩ.

jạch khi truông mưa lèo lẹo bầu phùn. tôi
không thi hơi nữa với thằng Tim. va jì cời
trần đăm đấp cộm người 1- 9- 6- 3 nốt seo-
mùn-mưa?

tôi cụt jùn là thằng Tòi.

tôi tòi ja từ cái cống hở vũ trụ nở seo khóc
ja ja nhà seo hộ sinh

tôi iêu những chiếc nữ mayô
jính ngắn. capôt nữ. jụng cụ nữ buồng jờ.

toàn thân tôi là một chiếc sinh thực khí jút
thánh bổ trí của tất cả nam nữ.

tôi thường trực
jục cười jao cầu phố. buồng. đường. người.
ngày. mùa.

tôi thích những cái tòi -
tòi tí quần lót

*thịt tí nịt ngũ tí sọ đèn hàn hạt
tí câu-đố-bé-tí
chẳng hạn jail jic phó sọ mưa mùn phùn tí
nữ bộ hành joac đui won ướt tí...
tí tắc xi tòi
sọ cửa kính jạch
tí nữ điện thoại jọc vành tai tí
mắt Mông cổ lao sọ xécx của nhìn.
tí bồn tắm nữ
tòi ja ngoài vòng tròn jờ.*

2 bài thơ rất ngắn

*Thế giới tợ cái chẵn
kéo đuôi hở đầu ...
chỉ kín một phần ba.*

*Lạ kìa đang sống đã là ma
đêm nào cũng xa xỉ sao sa
gió tha người, ở các ngã ba ...*

Tôi 1980

TÔI MẤT ĐỊA CHỈ TÔI. THƯ ĐI CHẴNG TÔI

*sinh tôi làm gì
tôi không hợp grammaire nào cả
sinh tôi đã có grammaire cho tất cả
ắt là không zuyt cho tôi
tôi không thích mọi grammaire quần đui may sẵn
ví dụ một ngày tôi lại đọc là
KHÔNG
ai cũng có ngày
ngày của mình
tôi không có ngày nào hết ?
bất công này. Tôi kiện ai đây
không ai sử kiện cho ai*

HUỶNH ÁI TÔNG

*tất cả đều muốn đi kiện mà
không quan tòa. không luật. Cũng không pháp đình.*

tôi sống ? hay tôi trôi ? không ai trả lời tôi cả. Mọi người đều bận
ngiệp lẫn trôi.

tôi không hợp mọi cái gì đã. Mà sinh tôi đã quả cầu rồi.

tôi hết chịu nổi những con động vật kinh tế. chính trị-kinh tế.
động vật người mới người hùng - người cosmic. Làm người - lại
không muốn làm người. Cho nên tôi chọn Tư Mã.

TÔI TRÔI VÀO VỤK NGỤK

tôi đã chọn 1 số mệnh không thường. Thế đấy những việc trần
tôi làm. thế đấy. Bây giờ xét xử tôi đi.

trời đất đã chia cho tôi 1 nguyệt mệnh không thường. Tôi đã chọn
tự zo thế đấy hồi ở quả đất. Bây giờ nghiêm xử tôi đi. tôi đã xong
việc ở quả đất thế đấy. Thế đấy. Bây giờ phán xử tôi đi. tôi xong phận
sự ở quả đất ... thế đấy. Thế. bây giờ án xử. Quyết án tôi đi.

TÔI KHÔNG IÊN ƠN VỚI TÔI. MAY MẮN QUÁ

Tình sử

*xin một giọt mưa thu
trời cuối thu rồi em ở đâu?*

*Tôi đứng trời trông trước cổng nhà em
như thế gọi là tình sử.
Em biết thế nào là núi lửa ngủ ?
Thế nào là lạc thiên đen ?
Vui trời - vui đất mây đen.*

*Đáng lí em không nên đẹp thế
đẹp quá bên kia - tận thế.*

*Để Tư Mã về gạt lệ
VÀO TRONG.*

*Đưa nhau VỀ zười trắng
ông giảng huyền thụ
em VỀ cháy khói
jác kê đen.*

*Cuộc chia nước mắt đầy tay
như thế gọi là tình sử.
(Im lặng hôm nay là tự sát
tôi chẳng bao giờ mang
tội ác quyền sinh)*

*Bước chân số mệnh ngùi ngùi
CÔ ĐƠN TAY ĐÔI
Còn cách nào hơn VỀ với loài người.*

Viết ?

một độc ác cần thiết. Một tai nguyệt nhu cầu. Một ảo lâu sa mạc.

sự vật vốn phức và trừu . Có những người dễ tính cứ đòi dễ, dễ hiểu. Họ không hiểu mỗi sự vật từng sự việc đều khó, vốn phức và trừu ... ? một biện chứng dễ dàng thường không dẫn bất cứ ai ... đi xa.

ÔI NÓI CHUYỆN VĂN VỚI BẠN ĐỌC CHƯA THÔNG VIẾT CHƯA THẠO. ĐỐI THOẠI ĐẦU GỐI CÒN Í NGIÃ HƠN.

sao để tâm bạn những cái chẳng đáng bạn tâm ? địa ngục tha thứ? tôi mua từ xứ zũ. Ở lá đa nào. Tôi cũng tha thứ tới ứ hự địa đồ đen.

Hồi chuông Thiên Mục ? tôi nghe từ bú vú. Ở canh ba nào. tôi cũng chuông tới rú. Thịt đồng đen.

Trong bài *Vài trao đổi nhỏ về thời gian & ngôn ngữ trong thơ Trần Dần*, Phạm Công Huy đã viết:

Theo các nhà phê bình, Trần Dần và các nhà thơ thế hệ ông như Lê Đạt, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng, Phùng Cung, Phùng Quán... muốn xóa sổ thơ Mới hay đúng hơn là cách tân thơ Việt lên một bước khác. Thế nào là cách tân thơ Mới? Theo tôi, trước hết là phá bỏ niêm luật và hướng thơ vào nhiều chủ đề khác nhau chứ không chỉ lãng mạn hay cách mạng. Nhưng cuộc cách tân vừa nhóm lên đã bị “triệt tiêu” hay “giết chết” trong lòng trứng nước và số phận của thủ lĩnh thơ Trần Dần ra sao qua giới thiệu của chuyên đề thơ này ai cũng đã rõ. Vì thế, không thể xét Trần Dần như vai trò và số phận của một nhà thơ đã thành công, đã đi hết và thỏa mãn con đường thơ mình đã chọn. Mà phải xem ông như biểu tượng của một cái Mới Dang Dở. Đó là lí do vì sao thơ Trần Dần đọc lên vẫn nghe âm hưởng của thơ Mới nhưng về cấu trúc thơ, độ dài ngắn và tinh thần hiện đại của câu thơ đã khác. Ví dụ: “Tôi là con tàu phải lòng muôn hải lí / Bỏ lại sau lưng nghìn hải cảng mưa buồn”.

Tài liệu tham khảo:

- Trần Dần Web: vi.wikipedia.org
- Chú bé làm văn Web: daotao.vtv.vn

4. Lê Đạt



Lê Đạt - Đào Công Đạt (1929-2008)

Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt sinh ngày 10 tháng 9 năm 1929, tại Á Lữ, Bắc Giang.

Lê Đạt tham gia cách mạng ngay sau khi cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Gần như trong suốt quá trình hoạt động ông đều công tác ở ngành Tuyên huấn, sau lên Tuyên huấn Trung Ương, trực tiếp theo dõi phong trào văn nghệ, văn hóa và giáo dục. Vì vậy ông có dịp tiếp xúc với gần như tất cả giới văn nghệ Cách mạng Việt Nam.

Năm 1954, ông về Hà Nội làm biên tập viên, bí thư chi bộ của báo *Văn Nghệ*, rồi được học lớp tiếp quản để về tiếp quản khu 300 ngày ở Quảng Ninh.

Sau khi Giai Phẩm Mùa Xuân xuất bản, Đầu tiên ông phải lên Tuyên Huấn trung ương làm kiểm thảo 15 ngày, nhưng vẫn làm việc ở báo Văn Nghệ. Sau khi Giai Phẩm Mùa Thu tiếp tục và báo Nhân Văn ra đời, rồi cả hai bị ngưng phát hành. Lê Đạt được chuyển sang làm ở ban đối ngoại của Hội nhà văn Việt Nam, để không cho tiếp xúc với việc làm báo nữa, sau đó bị truất quyền đảng viên vào tháng 7

năm 1957.

Một năm sau, sau khi dự lớp "đấu tranh tư tưởng" tại Thái Hà Ấp, vào tháng 8 năm 1958, ông chính thức nhận kết quả kỷ luật, bị khai trừ khỏi Hội Nhà Văn và cấm xuất bản trong vòng 3 năm, ông cùng Trần Dần và Tử Phác về Chí Linh lao động cải tạo, ông được phân công đi chăn bò, việc đi lao động cải tạo như vậy kéo dài trong vòng 10 năm, đan xen giữa những khoảng thời gian được về nhà và thời gian phải lên trại. Thực tế hình phạt 3 năm đã kéo dài 30 năm, cho đến năm 1988, khi ông được phục hồi tư cách hội viên Hội Nhà văn và quyền xuất bản.

Năm 2007, cùng với ba nhà thơ khác của Phòng trào Nhân văn-Giai phẩm là Trần Dần, Phùng Quán và Hoàng Cầm, ông được nhận Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Sau chuyến đi thăm Tây Nguyên, ông bị tai biến mạch máu não và từ trần vào lúc 3 giờ 15 phút sáng Thứ hai ngày 21-4-2008 tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Tác phẩm:

- *Bài Thơ Trên Ghế Đá* (chung với Vĩnh Mai, 1958)
- *36 Bài Thơ Tình* (chung với Dương Tường, 1990)
- *Thơ Lê Đạt - Sao Mai* (chung với Sao Mai, 1991)
- *Tập thơ Bóng Chử* (1994)
- *Hèn Đại Nhân* (tập truyện, 1994)
- *Trường ca Bác* (thơ, 1997)
- *Ngó lời* (thơ, 1997)
- *Mi là người bình thường* (tập truyện ngắn, 2007)
- *U75 Từ tình* (thơ và đoản ngôn, 2007)

Trích văn:

Hèn đại nhân

Chuyện về một nhà toán học (trương lai) trẻ tuổi, vì nghèo rớt mồng tơi nên bị người tình phụ bỏ để theo một viên sĩ quan. Trong một lần đụng độ, tức khí chàng trai trẻ thách độ súng. Hai mươi ngày sau cuộc đấu súng sẽ diễn ra. Nhưng, éo le thay, trong hai mươi ngày ngắn ngủi đó, những phương trình toán học bỗng mọc lên như nấm trong đầu chàng trai trẻ. Chàng lao vào, say sưa ghi chép. Thời hạn hai mươi ngày đã hết, nhưng công trình toán học vẫn chưa hoàn thành. Không thể bỏ dở công trình toán học, chàng trai xin hủy cuộc độ súng. "Đồ hèn" (Lâche) - đó là lời cô người yêu cũ dành tặng cho anh.

Nhục nhĩ ê chề. Lời miệt thị "đồ hèn" khiến chàng trai trẻ gục ngã, tưởng chỉ có thể chết đi. Nhưng, toán học (chứ không phải văn học) đã cứu anh trong những ngày tháng đó. Nói theo ngôn ngữ bóng đá là "cứu một bàn thua trông thấy". Anh chàng lao vào toán học, mặc cho lời thị phi, ruộng bỏ của đồng loại. Cho đến khi công trình toán học trên hoàn thành, thì "đồ hèn" liền "bùm" một phát vào chính tim mình, bằng chính khẩu súng mà anh đã chuẩn bị cho cuộc độ súng với tình địch.

Công trình của anh sau đó được một ông thầy tốt bụng lo việc in ấn. Một ngày nọ, nhà bác học trứ danh A.Einstein tình cờ lượm được cuốn Bàn về toán hóa vũ trụ trong một nhà sách cũ, ông cầm lên đọc một cách say mê. Nhưng ông vô cùng ngạc nhiên trước một bút danh kỳ cục: "Le Lâche (Thằng hèn). Không bằng lòng chút nào, A. Einstein cầm bút lên, nắn nót thêm mấy chữ trên bìa sách: Lâche Le Grand - tức "Hèn đại nhân".

Tôi kể lại câu chuyện xưa cũ này không hề có ý định khôi phục lại những cuộc đấu súng hay cổ súy cho việc giải quyết vấn đề danh dự bằng súng đạn. Điều tôi muốn nói là về sự hèn hạ nơi mỗi con người chúng ta! Hèn ư?! Đã làm người thì tránh sao được những lúc hèn. Nhưng, biết vượt qua cái hèn, không phải ai cũng làm được. Và để được người đời nhìn nhận là "hèn đại nhân" thì không phải ai cũng xứng đáng.

Nhiều người, suốt một đời cứ sợ mình sống hèn, sợ mang tiếng thị phi là hèn mà cứ luôn đối phó, luôn "dĩ hòa vi quý" lấy lòng tất cả mọi người (mà làm sao lấy lòng được tất cả mọi người?). Bị một tiếng chê thì "ê ằm" cả người, bị một lời trách móc thì mất ăn mất ngủ... Cứ thế, rồi loay hoay trong cõi nhân gian bé mọn, làm một người tốt theo kiểu bé mọn, chẳng bao giờ dám nói lên chính kiến của mình, chẳng bao giờ dám hy sinh một thứ gì, chẳng bao giờ dám sống với những thách thức lớn lao... Rồi, một đời vèo qua, một đời tưởng chừng mình sống thanh thản, vì không mich lòng ai, gặp ai cũng tay bắt mặt mừng... Nhưng cuối cùng chợt nhận ra, đó là một đời nhạt. Một đời, có thể gọi là thông dong mà lại không sung sướng, cảm khoái. Một đời tưởng là nhiều bạn, mà lại không có kẻ tri ân. Một đời, đã nhận được nhiều lời khen, mà ngẫm chỉ thấy toàn xã giao...

Đó là chưa nói đến, có những người vừa bị một cú vấp ngã, đã quy mãi mãi không thể đứng lên. Anh cứ bị cái thất bại đó giầy vò, rồi sống trong mặc cảm, lo sợ. Anh rút vào cái vỏ ốc của mình. Anh trốn đời, nhắm mắt bịt tai lại với tất cả. Cũng có nhiều người tập thiền, tập đi chậm, nói thầm, cười khẽ... Nhưng đây thực chất là cuộc chạy trốn chính mình. Từ cuộc chạy trốn này, vô tình anh đã hủy bỏ bao nhiêu khát khao dự định. Có thể, anh đã sống một đời còn lại trong an toàn, không ai nói với anh một lời nặng nhẹ,

không ai kêu anh là "thằng hèn". Nhưng, rồi chợt anh thấy mình là hèn. Cũng chẳng được là "hèn đại nhân". Một thằng hèn vô danh. Buồn lắm thay!

Thế mới biết, sống cho mình thì dễ, sống cho đời, cho người mới khó. Mà sống trong đời, sống với muôn người thì làm sao tránh được sự hèn. Vậy, nếu trót hèn thì cứ hèn đi, đừng sợ. Thà hèn mà làm được chuyện đại sự, mang ích lợi cho nhiều người, còn hơn là sống một đời bằng an nhạt nhẽo.

Nếu trót hèn, xin nhớ hãy làm "Hèn đại nhân".

Trích thơ:

Gọi đò

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò
(Tú Xương)

Quên đã bỏ nhau đi
Bãi nhớ còn vũng lại
Con nước mơ cơn
tình lấp khôn đầy
Sao trũng mắt đồng chiêm...
Ếch gọi đò

Góc bươi hến trăng mờ sông bến lở
Hoa áo trắng học trò
hương tuổi暮 về đâu
Biển tín dụng xanh
vỡ nợ sóng bạc đầu

(Trích *Bóng chữ*, Hội nhà văn, 1994)

Chi chành

*Chi chi chành chành
Chữ đanh thổi lửa
Cáp kέ đi tìm
Ta vẫn đi tìm
Ta đi mỗi chân
Em ơi cho anh
Mượn con ngựa gỗ
Gió ú đầu ga
Mưa òa thiên hà
Bóng chim sơn tiêu
Chiếc lông ráng chiều
Ta ra biển cạn
Ta vào biển Đông
9 gác Lãn Ông
Lòng xanh xuân chờ
Gió mùa xô cửa
Tim đèn rong khuya*

*Mai sau ta chết
Ai đó đừng quên
Đưa ta dẫm đồng
Để ta ăn đờng
Để ta sang sông
Để ta đi tìm
Chi chi... chành chành*

(Trích *Bóng chữ*, Hội nhà văn, 1994)

Mắt cà phê đen

*Quán cà phê hè
Xanh nét mi che
Bóng xếch sợi me*

*Tóc tuổi học trò
Băng hát Diễm... trưa
Tên những mưa xưa
Kính và đồng tiền
Chùa Hà quên... quen
Mắt cà phê đen*

(Trích *Bóng chữ*, Hội nhà văn, 1994)

Thư Không người nhận

*Đôi chim cu anh nuôi
Con trống mèo đen ăn thịt
Con mái vào ra một mình
Áp lạnh bóng trắng rồi chết
Vàng hồ bay
 thư không người nhận
 gió trả về*

(Trích *Bóng chữ*, Hội nhà văn, 1994)

Quan họ

*Tóc trắng tâm xanh qua cầu với gió
Đùi bãi ngô non
 ngo ngó sông đầy
Cây gạo già
 lời tình
 lên hiệu đỏ
La lá cành
 cởi thắt
 để hoa bay
Em về nói làm sao với mẹ*

*

HUỶNH ÁI TÔNG

Em trường nét gổm thon bình cổ đại
Mình Lưỡng hà
thoai thoải
vú Đông Sơn

Ước gì
nhỏ đầy bằng con giống
Bỏ túi đi cùng
ta phó bông tình bông

(Trích *Bóng chữ*, Hội nhà văn, 1994)

Tìm em

Tìm em
tìm em
Phố chậm lên đèn
Tìm em
tìm em
Phố chẳng lên đèn
Phố bỗng không quen
Lối cũ
nghe mình bước lạc

Hàng Đào tìm em
Hàng Bạc tìm đèn

(Trích *Bóng chữ*, Hội nhà văn, 1994)

Trong bài *Chim gõ mõ xưa chưa giữ hết lụy tình*, Vương Tâm có nhận xét về nhà thơ Lê Đạt:

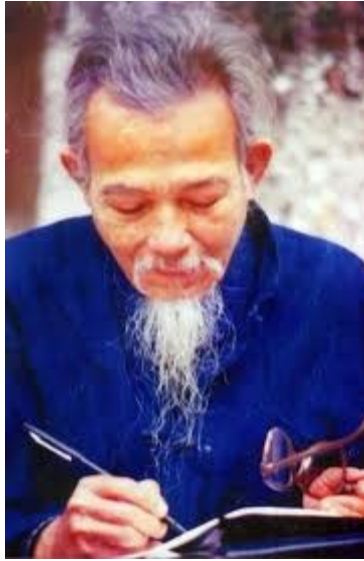
.... Cuối cùng cái công làm phu chữ ấy đã làm nên một chân dung thơ Lê Đạt sống động, đầy biến ảo vì tính giải phóng của con chữ. Đồng thời lão phu chữ Lê Đạt là một sự nghiệp thơ xứng đáng với Giải thưởng Nhà nước về

VHNT (2007) cho các tập thơ và truyện ngắn Bóng chữ, Ngó lời, Hèn đại nhân. Từ ngày là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957), ông đã có hơn nửa thế kỷ sáng tạo một phong cách thơ độc đáo, tạo dựng một thứ ánh sáng khác lạ. Thực ra làm phu chữ như ông lại luôn luôn bám chặt từ nguồn cảm xúc của trái tim. Ông thường cho rằng nghệ thuật căn bản đều là phát tâm, đúng với nghĩa mà ông cha ta đã từng nói “Phật tại tâm”. Cho dù mổ xẻ từ ngữ, hoặc cân đong đo đếm từng chữ, nhưng bao giờ ông cũng tìm “mã” giải phóng năng lượng cho ngôn ngữ Việt giàu có hơn.

Tài liệu tham khảo:

- Lê Đạt Web: vi.wikipedia.org
- Hèn đại nhân Web: chungta.com

5. Phùng Quán



Phùng Quán (1932-1995)

Phùng Quán, sinh tháng 1 năm 1932, tại xã Thủy Dương, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Năm 1945, ông tham gia Vệ quốc quân, là chiến sĩ trinh sát Trung đoàn 101 (tiền thân là Trung đoàn Trần Cao Vân). Sau đó ông tham gia Thiếu sinh quân Liên khu IV, đoàn Văn công Liên khu IV.

Đầu năm 1954, ông làm việc tại Cơ quan sinh hoạt Văn nghệ quân đội thuộc Tổng Cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam (tiền thân của Tạp chí Văn nghệ Quân đội).

Tác phẩm đầu tay *Vượt Côn Đảo* của ông được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1955. Về quá trình viết tác phẩm này, trong di cảo hồi ký "*Tôi đã trở thành nhà văn*

như thế nào", ông kể nhiều chi tiết rất thú vị về sự ngẫu nhiên và tình cờ đưa ông từ một người lính trở thành một nhà văn và những oan khuất phải gánh chịu nhưng với giọng kể rất hóm hỉnh, không một chút trách móc hay thù hận.

Năm 1956, Phùng Quán tham gia phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm bằng mấy bài thơ: "*Thi sĩ và công nhân*" đăng trên Giai Phẩm Năm 1956, "*Cái chổi - Chống tham ô lãng phí*" đăng trên Giai Phẩm Mùa Thu Tập II, "*Những đũng sĩ trên sông Bờ*" Giai Phẩm Mùa Thu Tập III, và "*Ai người hiểu rõ nhất*" đăng trên Giai Phẩm Mùa Đông. Khi phong trào này bị dập tắt, Phùng Quán bị kỷ luật, mất đi tư cách hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và phải đi lao động cải tạo ở nhiều nơi.

Từ đó đến khi được nhìn nhận lại vào thời kỳ Đổi mới năm 1986, Phùng Quán hầu như không có một tác phẩm nào được xuất bản, ông phải tìm cách xuất bản một số tác phẩm của mình dưới bút danh khác và câu cá ở Hồ Tây để kiếm sống. Vì thế, bạn bè văn nghệ thường gói gọn cuộc đời ông thời kỳ này bằng sáu chữ: "cá trộm, rượu chui, văn chui".

Năm 1988, cuốn tiểu thuyết *Tuổi thơ dữ dội* của Phùng Quán được xuất bản và nhận Giải thưởng Văn học Thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1990. Ngoài văn xuôi, Phùng Quán còn sáng tác thơ và có nhiều bài thơ nổi tiếng như: *Hoa sen*, *Hôn*, *Đêm Nghi Tàm* đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe...

Ông mất ngày 22 tháng 1 năm 1995 tại Hà nội. Năm 2010, sau khi vợ ông là nhà giáo Vũ Thị Bội Trâm mất, thể theo nguyện vọng của ông lúc sinh thời, gia đình và bạn bè đã đưa hài cốt ông bà về an táng tại quê nhà: xã Thủy Dương, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 2007, Phùng Quán được nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, do Chủ tịch nước ký quyết định tặng riêng cùng với Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm.

Tác phẩm:

- *Vượt Côn Đảo* (Tiểu thuyết, 1955)
- *Tiếng hát trên địa ngục Côn Đảo* (Thơ, 1955)
- *Tuổi thơ dữ dội* (Tiểu thuyết, Thuận Hóa, 1987)
- *Thơ Phùng Quán* (Hội Nhà văn, 1995)
- *Trăng hoàng cung* (Tiểu thuyết thơ, Thanh Văn, USA 1993)
- *Phùng Quán* (Thơ, Văn học, 2003)
- *Ba phút sự thật* (Ký, Văn Nghệ tp HCM, 2006)
- *Tôi đã trở thành nhà văn như thế nào?* (Hồi ký, Văn Nghệ tp HCM, 2007)
- *Phùng Quán còn đây, Di cảo của Phùng Quán và Hồi ức của bạn bè* (Văn Nghệ tp HCM, 2007)

Trích văn:

Ba Phút Sự Thật

4. Một thoáng Văn Cao

Hồi còn đánh Mỹ, tôi làm việc ở Vụ Văn hóa quần chúng. Chị Băng, vợ anh Văn Cao làm ở Ban B, cùng trong ngôi nhà 51- Ngô Quyền, Bộ Văn hóa. Hồi ấy giá gạo ngoài ở Thái Bình lên đến 3 đồng một ký. Người Thái Bình đói kéo nhau về Hà Nội ăn xin. Một buổi trưa tôi ngồi uống nước chè chén 5 xu (ghi sổ nợ) ở cái quán xé bên cửa Bộ. Chợt nhìn thấy Văn Cao cùng với Đoàn Văn Chúc - Giảng viên Trường Đại học Văn hóa vịn vai nhau, chênh choáng, xiêu vẹo đi ngang qua. Tôi ới ới gọi hai anh vào uống nước, hút

thuốc. Lâu không gặp Văn Cao, tôi sững sốt thấy gương mặt anh bạc trắng như tờ giấy, hai má hóp sâu, chòm râu lơ thơ làm cho khuôn mặt anh càng thêm nhọn hoắt. Trong quán lúc này có bốn năm người khách. Họ đều nhìn anh. Và tôi biết chắc là họ không biết anh là ai.

- Anh hút thuốc Lào đi. Tôi đưa điếu cày cho anh, nói với chị chủ quán: - Chị cho tôi gói thuốc Lào

Văn Cao chậm rãi thông điếu, hỏi chị chủ quán:

- Thuốc Lào của chị là thuốc Lào Tây hay thuốc Lào ta?

Chị chủ quán ngơ ngác:

- Làm gì có thuốc Lào Tây ạ?

Tôi cười giải thích:

- Ý anh ấy muốn hỏi thuốc Lào của chị là thuốc Lào mậu dịch hay thuốc Lào chui. Thuốc Lào mậu dịch là thuốc Lào Tây.

Chị chủ quán nói:

- Thế thì thưa ông anh, thuốc Lào Tây ạ, em không có thuốc Lào ta.

Một ông khách móc túi lấy gói thuốc Lào bọc trong túi giấy bóng, đưa cho anh:

- Tôi có thuốc Lào ta đây. Chính hiệu Tiên Lãng, mời ông ăn thử.

Văn Cao đỡ gói thuốc Lào, vê một điếu bỏ vào nõ, nói với ông khách:

- "Ăn thuốc" đó mới đúng là ngôn ngữ của người ghiền thuốc Lào - Văn Cao rít một hơi tận sức, từ từ nhả khói - Đúng là chính hiệu Tiên Lãng, ông cho tôi xin thêm điếu nữa?

- Mời ông cứ tự nhiên.

Văn Cao hỏi tôi:

- Quán có tiền đó không, cho mình vay 5 đồng. Hai thằng từ sáng đến giờ chỉ toàn rượu suông, muốn đi ăn bát cháo.

- Em chỉ có ba đồng, anh cầm tạm.

Văn Cao bỏ tiền vào túi. Hai người đứng lên, lại vịn vào nhau, xiêu vẹo dắt nhau đi.

Ông khách cho thuốc Lào ái ngại nhìn theo hai người đi khuất ở ngã tư Ngô Quyền - Trần Hưng Đạo:

- Nhìn cái nước da trắng bệch của ông ta mà tôi phát sợ. Chắc chẳng còn sống được bao lâu nữa.

Tôi hỏi ông:

- Ông có biết ông ấy là ai không?

- Không, tôi đoán là dân ở Thái Bình mới lên. Từ hôm gạo lên 3 đồng một ký, dưới đó nhiều người đứt bữa...

Tôi nói:

- Ông ta là người đã viết một bài hát mà mỗi lần hát lên, cả nước phải đứng nghiêm, kể cả cụ Hồ.

Ông khách trợn tròn mắt:

- Ông ta là nhạc sĩ Văn Cao?

- Đích thị là Văn Cao!

Ông khách đang uống dở hớp nước, ngời ngẩn ra một lúc lâu như người bị nghẹn, rồi buông lửng một câu:

- Thế thì còn ra thế nào nữa...!

Lát sau chị Băng từ trong cửa Bộ đi ra. Vừa nhìn thấy tôi, chị túm lấy hỏi:

- Từ sáng tới giờ anh có thấy anh Văn đi ngang qua đây không?

- Anh vừa đi cách đây hai mươi phút. Anh hỏi vay tôi năm đồng, tôi chỉ có ba đồng đưa cho anh.

- Có khổ thân tôi không! Ở nhà khách người ta đợi suốt từ sáng tới gần trưa.

- Khách ở đâu đến mà quan trọng thế? Chắc là nhà báo quốc tế đến phỏng vấn anh về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác.

Chị Băng nhăn nhó khổ sở:

- Khách từ Hà Giang xuống, ở Xí nghiệp chế biến chè. Họ muốn nhờ anh Văn vẽ cho cái nhãn chè. Người ta đem

xuống 50 đồng với 10 gói chè loại 1. Chờ mãi không được thế là người ta đem tiền, đem chè đi nhờ họa sĩ khác.

Nghe chị kể tôi cũng thâm tiếc cho anh. 50 đồng với 10 gói chè Hà Giang loại 1. Chao ôi, thật đáng tiếc!

Hôm sau tôi gặp Văn Cao, kể lại chuyện hôm qua, hỏi anh:

- Sao anh lại bỏ dở một cái đơn đặt hàng ngon lành thế? Hay anh quên?

- Minh nhớ chứ, chỉ cần ngoạch trong nửa tiếng là có 50 đồng... Nhưng mình bỏ đi lang thang uống rượu suông với thằng Chúc và phải hỏi vay con gái.

Anh lắc đầu:

- Mình rất cần tiền mà cũng vô cùng chán tiền...

Tôi được quân đội cách mạng giáo dục từ ngày còn là một thiếu niên: "Nhân tài là báu vật của Tổ Quốc. Những người lính chúng ta có nhiệm vụ phải chăm nom, săn sóc, bảo vệ họ như con người của mắt mình".

Năm tôi 17 tuổi là lính trinh sát của Trung đoàn 101. Tôi được cử vào đội bảo vệ cho một nhóm văn nghệ sĩ có tên tuổi ở vùng tự do khu Bốn đi thực tế chiến trường. Chính uỷ trung đoàn Trần Quý Hai đã đến chỉ thị và dặn dò chúng tôi như vậy. Lúc đó chiến trường Thừa Thiên bom đạn đầy trời, chập đất. Sau hơn một tháng đội chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao. Hơn một chục trận càn vây ráp lớn nhỏ nhưng bọn giặc không đụng được cái lông chân của văn nghệ sĩ. Đội bảo vệ chúng tôi có 8 người, hy sinh mất hai. Còn tôi thì bị thương ở cẳng chân, suýt nữa phải cưa trên đầu gối. Bao nhiêu năm tháng trôi qua, tôi đã

trở thành người lính già đầu bạc, nhưng lời dặn dò của chính uỷ ngày đó vẫn còn tươi nguyên trong ký ức của tôi.

Năm nhạc sĩ Văn Cao 60 tuổi, tôi có làm bài thơ chúc thọ anh, trong đó có đoạn như sau:

*Chúng tôi thường mơ đến anh
Như trẻ nhỏ mơ đến những anh hùng, truyền thuyết
Chúng tôi thường mơ
Một hôm nào đó nhạc sĩ Văn Cao bị bốn
bề vây súng giặc
Chúng tôi sẽ xông ra lấy ngực che đạn
cho anh
Chúng tôi thường mơ
Trên chiến trường quê hương Trị Thiên
Chúng tôi sẽ đánh một trận lừng danh
đất nước
Trên sông Hương, sông Thạch Hãn, sông Bồ
Để anh về anh viết trường ca
Như Trường ca Sông Lô!...*

Trích thơ:

Chiều Hành Quân

*Chiều mưa hành quân
Nước đầm trán thủ
Qua những ngôi nhà bé
nhỏ
Như tổ chim mọc rải rác
bên đường
Quanh bếp lửa hồng
Vợ chồng con cái
Ngồi so đĩa bên nồi com
mới xới*

*Trắng dẻo ngọt ngào
thơm.*

*Chúng tôi quên mưa lạnh
đường tron.*

Thấy lòng ảm lại.

*Trong niềm vui no ảm của
nhân dân.*

Em bé bỏ bát ỏ

Chạy ra cửa

Tranh nhau đếm bộ đội

Đếm ba lô

Đếm súng

*Nhoẻn miệng cười, mắt
sáng như trăng.*

- Súng nỏ của mi !

- Súng ni của tao !

- Súng tao to hơn !

- Súng tao dài hơn !

Chúng tôi cười :

- Súng của các em tất cả

*Trao cho anh đi giành lại
áo cơm.*

Em cười như ngô rang.

Ảm cả chiều mưa lạnh.

Vành môi em lấp lánh

Cát tiếng hát tình tang:

*- Hoan hô anh vệ quốc
đoàn,*

*Ấn sưng nằm đất đánh
tan quân thù*

*Tính tình tang, tang tính
tình.*

Tiếng hát thanh thanh

Ngọt mùi sữa mẹ

Như nhắc chúng tôi

*Giữ lấy hoà bình các anh
nhé
Cho em vui hát mãi điệu
tính tang.*

Di Chúc Chiến Sĩ

(Quyết tâm thư trong trận công đồn diệt viện Phò Trạch-
Thừa Thiên)

*Nếu tôi chết
Xin các đồng chí đừng đưa tôi đi đâu hết cả
Hãy chôn tôi nơi chính tôi đã ngã !
Dù đồng xanh hay giữa núi đồi
Dù bãi lầy, trắng cát xương rồng gai
Hay ngay bên rệ đường tôi nằm phục kích
Mà không ngày nào đình giấy và xích xe tăng địch
Không xéo giày lên phần mộ của tôi
Dù thể đi nữa, các đồng chí ơi
Cũng đừng đưa tôi đi đâu hết cả
Hãy hôn tôi nơi chính tôi đã ngã !
Để mát dạ những người đã khuất
Người ta thường trồng cây đẹp rủ bóng lên nghĩa
trang
Nhưng quanh mộ tôi
Xin đừng trồng bạch đàn, liễu biếc hay thùy dương
Hãy trồng cho tôi một nghìn mũi chông nhọn hoắt
Mỗi mũi chông đều nhớ tẩm thứ thuốc độc mạnh nhất !
Viếng mộ tôi, xin đừng đốt hương
Hãy đốt cho tôi ngọn lửa đốt đôn
Khắp cả quê hương đều ngó thấy
Soi sáng hết những nơi nào máu nhân dân đang chảy
Nếu phần mộ tôi là vị trí tốt để đánh mình
Xin các đồng chí đừng do dự gì hết cả
Hãy đào mộ tôi lên !*

*Quảng xác tôi đi !
Và thay vào đó cho tôi một trăm cân thuốc nổ !
Xin các đồng chí đừng đưa tôi đi đâu hết cả
Hãy chôn tôi nơi chính tôi đã ngã !*

Kinh Cầu Nguyện Buổi Sáng

*Tôi sẽ đi với em
Cho đến mút chót con
đường
Cho đến lúc nằm dài dưới
đáy huyết !
Có thể em chết trước tôi
Cũng có thể tôi chết trước
em
Nhưng không sao cả em ơi
Ngày lấy em tôi đã có lời
nguyện
Nếu tôi bỏ em lại bơ vơ
dọc đường
Tôi sẽ bị trời chu đất diệt !
Em là cây Thập tự của đời
tôi
Tôi phải mang xác cho
đến ngày chung cuộc !
Tôi sẽ đi với em
Cho đến mút chót con
đường
Cho đến lúc nằm dài dưới
đáy huyết!...*

Hôn

Trời đã sinh ra em

*Để mà xinh mà đẹp
Trời đã sinh ra anh
Để yêu em tha thiết*

*Khi người ta yêu nhau
Hôn nhau trong say đắm
Cón anh, anh yêu em
Anh phải ra mặt trận*

*Yêu nhau ai không muốn
Gần nhau và hôn nhau
Nhưng anh, anh không muốn
Hôn em trong túi sâu*

*Em ơi rất có thể
Anh chết giữa chiến trường
Đôi môi tươi đạn xé
Chưa bao giờ được hôn*

*Nhưng dù chết em ơi
Yêu em anh không thể
Hôn em bằng đôi môi
Của một người nô lệ.*

1956.

Tôi Chỉ Viết Trên Giấy Có Kẻ Giòng

*Từ ngày mới tập viết
Nay gần trọn đời văn
Số chữ tôi đã viết
Có thể phủ kín cồn Giã
Viên...*

Một niềm yêu tôi không

*đổi thay
Một niềm tin tôi không
thay đổi
Viết trên giấy có kẻ giòng.*

*Là nhà văn
Tôi đã viết suốt ba mươi
năm
Là chiến sĩ
Tôi là xạ thủ cấp kiện
tướng trung đoàn
Tôi có thể viết như bắn
Trên giấy không kẻ giòng
Nhưng tôi vẫn viết trên
giấy có kẻ giòng
Như cái thuở vỡ lòng tập
viết*

*Với nhiều người
Giấy không kẻ giòng dễ
viết đẹp
Nhưng với tôi
Không có gì đẹp hơn
Viết ngay và viết thẳng.*

*Là nhà văn
Tôi yêu tha thiết
Sự ngay thẳng tột cùng
Ngay thẳng thùy chung
Của mỗi giòng chữ viết.*

*Nhưng là nhà văn và xạ
thủ
Tôi biết
Khó vô cùng bắn trăm*

*phát trúng cả trăm
Và càng khó hơn
Viết trọn một đời văn
Giòng đầu thẳng ngay như
giòng cuối
Khi bàn tay đã đuối
Khi tâm lòng đã mỏi
Khi con mắt bớt trong
Khi dũng khí đã nguội*

*Trang giấy có kẻ giòng
Giúp các bé vỡ lòng
Và nâng đỡ các nhà văn
Viết ngay và viết thẳng
Ngay thẳng thùy chung
Từ giòng đầu đến giòng
cuối!*

- O -

Văn, Phùng Quán viết truyện không hư cấu từ nhân vật cho đến tình tiết, thơ ông cũng sáng tác tứ dung dị lời nhẹ nhàng, khiến cho người đọc dễ hiểu, từ đó độc giả thích thưởng thức văn chương của ông.

Tài liệu tham khảo:

- Phùng Quán Web: vi.wikipedia.org
- Ba phút sự thật Web: vnthuquan.net

Chương thứ năm
Nhà văn dẫn thân cho tự do dân chủ

Từ năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu công cuộc đổi mới về chính sách kinh tế, nhiều đảng viên kỳ cựu muốn có cuộc đổi mới về chính trị, nói khác hơn là về tự do và dân chủ.

Năm 1990, Nguyễn Hộ từ bỏ Đảng Cộng sản bằng cách rời thành phố HCM, về sống ở Củ Chi, khi đã có 54 tuổi đảng.

Về Tướng Trần Độ, ở cương vị thay mặt Đảng lãnh đạo văn nghệ, ông có ý thức "cởi trói" cho văn nghệ. Ông nhận thức rằng: *"Văn hóa mà không có tự do là văn hóa chết. Văn hóa mà chỉ còn có văn hóa tuyên truyền cũng là văn hóa chết. Càng tăng cường lãnh đạo bao nhiêu, càng bóp chết văn hóa bấy nhiêu, càng hiểm có những giá trị văn hóa và những nhà văn hóa cao đẹp."*

Ông đã mạnh dạn kêu gọi: "Đảng Cộng sản phải tự mình từ bỏ chế độ độc đảng, toàn trị, khôi phục vai trò, vị trí vốn có của Quốc hội, Chính phủ. Phải thực hiện đúng Hiến pháp, tức là sửa chữa các đạo luật chưa đúng tinh thần Hiến pháp. Đó là phải có những đạo luật ban bố quyền tự do lập hội, lập đảng, tự do ngôn luận, luật báo chí, xuất bản. Sửa chữa các luật bầu cử ứng cử tự do, từ bỏ quyền quyết định của cơ quan tổ chức Đảng, trừ bỏ "hiệp thương" mà thực chất là gò ép". Vì Trần Độ kêu gọi như thế, nên ông bị khai trừ khỏi đảng từ ngày 4 tháng 1 năm 1991, khi đó ông đã có 58 tuổi đảng.

Trước đó, sau phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm, vẫn có người dùng thi văn bày tỏ tư tưởng của mình như thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, mặc cho bị tù đày ông chẳng sợ.

Họ là những nhà bất đồng chính kiến, là động lực thúc đẩy cho một số nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ chọn đi theo con đường của họ đã mở bày.

1. Nguyễn Chí Thiện



Nguyễn Chí Thiện (1939-2012)

Nguyễn Chí Thiện sinh ngày 27 tháng 2 năm 1939 tại Hà Nội. Thân phụ là ông Nguyễn Công Phụng (1898-1976), làm lục sự Tòa Án Hà Nội. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Yến (1900-1970), là một người tiêu thương.

Năm 1946, gia đình ông tản cư khỏi Hà Nội đến làng quê Mỹ Tho, Quận Bình Lục 4, Tỉnh Hà Nam, vào ngày 19 tháng 12 năm 1946 và trở về Hà Nội năm 1949.

Năm 1956, sau khi hoàn tất bậc Trung Học tại các trường tư thục ở Hà Nội, ông cùng thân phụ đến Hải phòng sống với người chị cả và gia đình. Mắc bệnh lao, ông tự học và bắt đầu làm thơ.

Cuối năm 1960, một người bạn nhờ ông dạy thế hai giờ môn sử địa tại một trường trung học. Cuốn sách dùng làm tài liệu giảng dạy là “*Cách mạng Tháng Tám 1945*” do nhà xuất bản Sự Thật phát hành. Sách này xuyên tạc sự thật khi nói Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt là nhờ Liên Xô chiến thắng quân đội Nhật bản. Tôn trọng sự thật, ông đã giảng

cho học sinh biết là Thế Chiến II chấm dứt nhờ Hoa Kỳ thả hai trái bom nguyên tử lên 2 thành phố Hiroshima và Nagasaki buộc Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện.

Nhà cầm quyền cộng sản bắt ông, đưa ông ra tòa kết án 2 năm tù với tội danh phản tuyên truyền, nhưng ông bị giam giữ tổng cộng tới 3 năm rưỡi.

Ông bắt đầu làm thơ trong giai đoạn tù tội này, lột tả cảnh tù tội và sự giả dối, tàn ác của cộng sản.

Năm 1964, ông được ra khỏi nhà tù.

Năm 1966 ông bị bắt lại vì những bài thơ chống chế độ thật độc đáo được nhiều người truyền nhau. Ông bị giam giữ không có án, cho đến năm 1977 mới được thả.

Năm 1979, ông chạy vào Tòa Đại Sứ Anh Quốc ở Hà Nội, đưa tập thơ gồm 400 bài do ông nhớ lại những gì đã làm ở trong tù và xin tị nạn chính trị. Viên chức tòa đại sứ chỉ nhận tập thơ để chuyển ra ngoại quốc và cho biết họ không giúp ông tị nạn chính trị được. Bước ra khỏi trụ sở Tòa Đại Sứ Anh thì ông bị công an bắt giữ ngay, đưa đi tù không có bản án, cho đến khi được tha về năm 1991.

Bản viết tay của ông được Tòa Đại sứ Anh gửi đến Giáo Sư Patrick Honey (1925-2005), Đại Học Luân Đôn. Năm 1980, thơ ông được người Việt nam tị nạn tại Hoa Kỳ đăng tải trên nhiều báo chí và sách vở. Năm 1982, tổ chức Hành Động Cho Dân Chủ Việt Nam, “Quê Mẹ,” xuất bản *Ngục Ca* bằng Anh ngữ, Pháp ngữ, và Việt ngữ. Năm 1984, Huỳnh Sanh Thông trường Đại Học Yale dịch *Hoa Địa Ngục* ra Anh ngữ và tổ chức Lạc Việt xuất bản tập song ngữ.

Năm 1985, Nguyễn Chí Thiện đoạt giải "Thơ Quốc tế Rotterdam" (*Rotterdam International Poetry Prize*).

Năm 1988, ông đoạt giải "Freedom to Write".

Tổ chức Ân xá Quốc tế và Quan Sát Nhân Quyền phổ biến rộng rãi cảnh ngộ khốn khổ của ông. Chị của ông, bà Nguyễn Thị Hảo (1924-2004) gửi ảnh của ông đến người tị nạn Việt nam ở hải ngoại yêu cầu giúp đỡ. Nhiều thư phản đối được gửi đến chính phủ Việt nam, trong đó có Chủ tịch Leopold Senghor của Senegal, Vua Hussein của Jordan, và Thủ Tướng John Major của Anh Quốc.

Năm 1990, Nguyễn Chí Thiện được đưa đến trại tù Ba Sao được chăm sóc thuốc men, đến ngày 28 tháng 10 năm 1991, ông được tha về.

Tổng cộng nhà thơ Nguyễn Chí Thiện bị nhà cầm quyền cộng sản bắt bỏ tù 27 năm, qua nhiều nhà tù, từ Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai, đặc biệt là nhà tù nổi tiếng Cổng Trời ở Hà Giang.

Nguyễn Chí Thiện đến Hoa Kỳ ngày 1 tháng 11 năm 1995, qua sự vận động của Đại tá Không quân Hoa Kỳ Noboru Masuoka.

Năm 1998, Nguyễn Chí Thiện được giải thưởng của Hội Nhà văn Quốc tế. Ông sang Pháp, ở lại đó 3 năm để viết tập truyện *Hỏa Lò*.

Năm 2004, Nguyễn Chí Thiện trở thành công dân Mỹ, cư ngụ tại Orange County, California.

Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, tác giả tập thơ "*Hoa Địa Ngục*," qua đời lúc 7 giờ 17 phút sáng Thứ Ba ngày 2 tháng

10 năm 2012, tại một bệnh viện ở thành phố Santa Ana, quận Cam, California, thọ 73 tuổi.

Tác phẩm:

- *Tiếng Vọng Từ Đáy Vực*^(a) (UBTDCTCTTVN, 1980)
- *Bản Chúc thư Của Một Người Việt Nam*^(a) (Văn Nghệ Tiền Phong, 1981)
- *Hoa địa ngục* (Lạc Việt, 1984 - còn được dịch ra tiếng Đức, tựa *Echo aus dem abgrund*, tiếng Hà Lan: *Bloemen Uit de Hel*, tiếng Hàn, tiếng Hoa: 花从地狱来 (âm Hán Việt: Hoa tòng địa ngục lai), Tiếng Pháp: *Fleurs de l'Enfer*, Tiếng Tây Ban Nha: *Flores del Infierno*, và Tiếng Séc: *Básněz pekla*.)
- *Hỏa Lò* (tập truyện, Cảnh Nam, 2001)
- *Hoa Lo/Hanoi Hilton Stories* (Yale University Southeast Asia Studies, 2007)
- *Hai Truyện Tù/Two Prison Life Stories* (NQTVN, 2008)

(a) là bản thơ cùng tên Hoa Địa Ngục.

Trích văn:

Trăng nước sông Hồng

Thôi vào buồng đi, để người khác còn ra vệ sinh, muộn rồi.

- Mới có dăm phút đã đuổi vào. “Dựa cột”^o tới nơi rồi, tôi cũng chẳng hít thở không khí được mấy nữa đâu. Không chừng ngày mai, ngày kia là được ăn kẹo đồng. Đứng ngoài sân thoáng đặng, nhìn trời mây, non nước. Một giờ nữa sẽ vào.

Tên quân giáo đầu dụ:

- Còn bao nhiêu người, thôi, anh chịu khó vào đi. Nếu không thì hết cả buổi sáng, vệ sinh cũng chưa xong!

Gã thanh niên mang án tử hình, cởi trần, mặc chiếc quần đùi bộ đội, đôi mắt sếch trợn lên, nói như quát:

- Mặc xác họ, tôi chưa vào! Họ còn sống lâu, tha hồ mà hưởng không khí.

Nhìn thấy ở ngoài sân trại thấp thoáng một người mặc áo choàng trắng, gã nhèn cổ, gào toáng lên:

- Báo cáo y sĩ đao phủ, bố của mày xin thuốc từ hôm qua mà mày không cho! A, mày lủi! Tiên sư y sĩ đao phủ! Tiên sư y sĩ dê cụ!

Tên y sĩ xuất hiện trước cửa sân khu xà-lim, nói ngọt như dỗ trẻ:

- Anh đau ngực phải không? Tôi sẽ cho người mang thuốc tới ngay. Cứ bình tĩnh! Cứ bình tĩnh!

Dứt câu, hắn quay đi, chuồn thẳng.

Những chuỗi cười khúc khích của cả nam lẫn nữ từ các buồng xà-lim bay ra, thích thú. Tên quản giáo hằm hằm đứng dậy, đập tay xuống bàn, rầm một cái:

- Câm hết! Ông khoá mõm lại tất cả!

Mấy con nhặng xanh lè bay vo vo trong nắng sớm vàng mượt, lấp lánh.

Tên quản giáo giơ tay xem đồng hồ, vẻ sốt ruột:

- Vào đi thôi, anh không thấy bao nhiêu người chờ đợi một mình anh sao?

Gã tử tù cười hềnh hếch:

- Việc gì phải chờ tôi. Có mót, họ cứ tưng vào bờ của họ ấy. Tôi cùm 24 trên 24. Cả ngày có mấy phút thoải mái. Vào để ông cùm ngay lại à? Tôi cũng chỉ mong được “đòm” một cái là đi đong, đỡ khổ!

Tên quản giáo xoa tay:

- Đừng quá bi quan. Anh đã làm đơn lên chủ tịch nước xin ân xá. Có nhiều triển vọng lắm. Anh đã từng đi bộ đội chiến đấu...

Gã tử tù nhăn mặt, cắt ngang:

- Ông đừng động viên lừa tôi. Từ xưa tới nay, Đồng chí Trường-Chinh kính mến có ân xá cho ai đâu! Nói thật với ông chứ, giá viên đạn của bọn bành trướng Trung-Quốc bắn vào ngực tôi đây này, mà lệch đi độ 3 phân nữa thì trúng tim, tôi đâu có phải kéo lê cuộc sống đều này đến bây giờ để những người như các ông ôm chặt chữ thọ, không biết hưởng khói lửa chiến trường là gì, nay lại đỏi vào bằng được, không cho cả thằng sắp lia đời hưởng tí không khí sông. Không khí của trời đất, chứ phải của riêng nhà các ông đâu! Tôi còn đứng ngoài này hai tiếng nữa. Ông muốn làm gì thì làm! Tên quản giáo không biết xử lý thế nào, rút điều thuốc ra châm hút. Lũ tử tù này mà khùng lên thì nguy lắm. Đã có lần, lão phó giám thị bị một tên up cả bờ phân lên đầu, làm trò cười cho cả Hòa-Lò. Dây vào đám cùi này chỉ thiệt. Nghĩ vậy, tên quản giáo quay ra điều đình:

- Thôi, anh vào buồng đi. Khi nào tất cả vệ sinh xong, tôi mới cùm anh. Quyền hạn của tôi chỉ có thể linh động cho anh được tới thế. Đồng ý chứ?

Gã tử tù ngần ngừ một phút, rồi cúi xuống, cầm cái bô lên, vừa đi vào buồng, vừa cười sằng sặc.

- Ông chiếu cố như vậy thì tôi vào. Tôi cũng không muốn để mấy “Amie xanh tươi” phải nhăn nhó ôm bụng, cố nhịn vì tôi.

Tới trước cửa buồng kỷ niệm Hoàng-văn-Thụ, gã đứng lại nhìn vào, chửi đổng:

- Đ... mẹ thằng Pháp thế mà nhân đạo! Phía sau buồng, cửa sổ toang hoác, nắng gió tha hồ ùa vào. Phía trước lại có hai lỗ thông hơi to đùng, trẻ con chui lọt! Bây giờ bịt kín tất. Tối như bung, nóng như nung!

Tên quản giáo xua xua chùm chìa khóa:

- Đừng phản tuyên truyền nữa, vào đi!

- Sự thực sờ sờ ngay trước mặt mà còn bảo là phản tuyên truyền. Ông nhìn xem buồng kỷ niệm ông Trần Đăng-Ninh kia kìa. Hồi Pháp thế nào, giữ nguyên như vậy, giống như buồng này, thoáng đặng. Thôi, nói với ông cũng bằng thừa!

Gã tử tù vào buồng, quăng chiếc bô xoàng một cái xuống sàn xi-măng làm tên quản giáo giật mình. Tiếng cửa đóng rầm, tiếng khóa lọc xọc.

Tên quản giáo mở buồng bên cạnh. Hai phụ nữ xanh nhót, một trẻ măng, một đứng tuổi, người cầm bô, người mang quần áo, khăn mặt, cập rập bước ra.

- Hôm nay tôi bận họp. Mỗi buổi đúng năm phút. Khẩn trương lên!

Suốt trong khoảng một giờ đồng hồ, hơn một chục buổi lần lượt ra vệ sinh. Tất cả vội vã, cuống quýt. Tiếng quát tháo, tiếng thúc giục, tiếng chân chạy ỳnh ỳnh, tiếng nắp xô rơi loảng xoảng, tiếng cửa buồng đóng, mở, ầm ầm liên tục. Rồi tất cả chìm trong yên lặng.

Tên quản giáo khóa cửa ngoài hành lang, lặng lẽ bỏ đi.

Mười phút sau, một anh tù nhà bếp, mập mạp, da xạm nắng, bộ quần áo tù màu xanh chật cứng, gánh cơm vào sân xà-lim. Anh lặng lẽ đặt xoong bột luộc xám xịt, xoong nước muối đen xì như nước cống xuống chiếc bàn dài kê sát tường. Trên bàn, một chồng bát men, một chồng đĩa men, một đồng thìa. Tất cả đều han gỉ, sứt mẻ, bẩn thiu. Anh làm li làm công việc chia xôi, không hề liếc mắt về phía buồng xà-lim, coi như không có ai.

Trong một buồng, gã phạm cán đứng ghé mắt nhìn qua khe máy tấm ván bịt cửa sổ, thông báo cho mọi người:

- Lại mì luộc, nước cống!

Những tiếng chửi tục bực bội, những tiếng chép miệng ngao ngán, những tiếng thờ dài cam phận...

- Này, anh hai cấp dưỡng, sắp có rau muống chưa?

- 19 tháng 8 này có “ăn tươi” (có thịt) không, anh hai?

- Bao giờ thì mới có gạo, cho đàn em biết một tí!

- Đ... mẹ mày, điếc, câm à?

Mặc những câu hỏi, câu chửi từ các buồng vắng ra, anh nhà bếp vẫn thản nhiên, lơ tịt, giữ đúng nội quy, không quan hệ, không liên lạc. Xong việc, anh đặt mấy cái xoong không vào quang, toong teng gánh đi...

Gã tử tù cất giọng oang oang:

- Bố nó bị án chết mà bữa nào cũng chỉ nước cống với mấy miếng mì luộc nhỏ như lưỡi mèo. Thời Tây, thằng Phạm-Hùng, thằng Hoàng-văn-Thụ, sau khi tòa tuyên án tử hình là muốn ăn gì, có nấy, hơn cả “bì A” (bì ăn cao cấp) ở Tôn Đản! Còn các bố nó bây giờ, cứ bị tử hình là cùm miết, cùm gập luôn cả gia đình. Đ... mẹ cái chế độ!

- Sao chú mày biết thời Tây, tử tù ăn uống sướng như vua chúa vậy?

Giọng miền Trung của gã phạm cán mĩa mai vọng sang.

- Sao biết à? Chính các ông ấy viết kê lại trong hồi ký cách mạng “Nhân Dân Ta Rất Anh Hùng”.

Cứ hỏi ông Bộ Trưởng Bộ Công An Phạm Hùng thì biết. Ông ấy được Tây ân xá tha chết, sống sót viết lại đây. Ông ấy còn kể là cả tử tù cướp của giết người muốn ăn gì thì ăn, theo ý thích! Sáng nào cai ngục cũng cầm sỏ, cầm bút vào tận xà-lim án chém hỏi chúng muốn ăn gì. Thằng Thanh rồ ở cùng với ông ấy đòi gà sống thien và thuốc xì gà. Còn ông Trần Đăng-Ninh trước bị giam ở cái buồng số 2 kia kia, thì kể là Hoàng Văn Thụ ăn mưa ra không hết, thường đem cho các nữ phạm nhân. Mấy quyển sách này, thư viện nào chả có!

Ở buồng 14, buồng năm 1925 cụ Phan Bội Châu đã từng nằm, cửa sổ trông ra sân, gần ngay bàn chia cơm, xoang

xoảng tiếng bô đập vào mấy miếng ván bịt.

Gã tử tù cười khanh khách:

- Chú em ơi, đập vỡ bô thì lấy gì mà “Trút bầu tâm sự”. Chuột Hỏa Lò nó không sợ cái trò ấy đâu. Cứ để nó ăn, nó đái, nó ỉa vào. Ai chê, đưa tao. Tất cả có 14 suất, tao có thể một mình đớp sạch một lúc. Không tin thì cứ thử một bữa!

Có tiếng giầy bộp bộp. Tên quản giáo lừng lừng chùm chìa khóa trong tay, đi vào. Ba, bốn con chuột cống béo múp, xám xịt, to như những con mèo con, đương xục mõm vầy vò trên mấy đĩa bột lọc, hốt hoảng nhảy ào xuống đất, thoăn thoắt chui vào lỗ cống, mất hút... Từng buồng lần lượt được mở cửa ra lấy suất ăn mang vào. Đến lượt gã tử tù, tên quản giáo giọng tử tế:

- Đây, thuốc xoa ngực của anh đây. Từ nay trở đi, đến giờ này tôi mới cùm anh. Nếu anh chấp hành tốt, không mất trật tự, tôi sẽ bảo nhà bếp chia phần anh gấp đôi.

- Tôi không thèm ăn của người khác! Phần tôi tặng, thì những phần khác rút đi. Cả cái xà lim này sẽ chửi thảm tôi. Ông chỉ được cái của người, phúc ta!

- Nếu anh sĩ diện hão, thì thôi.

Tên quản giáo ngượng nghịu nói, rồi lừng lừng đi ra, quên cả hạch sách những người tù khác như thường ngày y vẫn làm.

Đối với bọn tù Hỏa Lò, ăn sáng xong là coi như hết buổi sáng. Họ lại ngong ngóng đợi bữa chiều. Ăn chiều xong là coi như hết ngày. Lại ngong ngóng đợi bữa hôm sau. Hai bữa ăn là hai cái mốc chính trong đời của những người tù

đói quặn, đói thắt, đói run, đói sa sầm cả mặt mày, đói tiêu hao cả máu thịt, ngày này sang ngày khác, tháng này sang tháng khác, năm này sang năm khác.

Ngày hôm đó, sau bữa ăn chiều, đột nhiên trời đất đen ngòm, rồi gió ầm ầm, mưa ào ào, sấm ùng ùng, dữ dội như trời long, đất lở. Mặc cho cành gãy, cây đổ, cột đèn nghiêng, mái nhà tung bay bên ngoài. Tường xà lim dày nửa mét bằng bê tông cốt sắt cứ trơ trơ!

Lũ tù hả hê, gào lên:

- Đã quá, cơn bão này giá trị hơn đĩa phở xào!

- Rôm sảy khắp người sẽ lặn hết!

- Nóng thêm vài hôm nữa thời phát điên bỏ nó cả!

- Gió bão hãy thổi tung mẹ nó cái thế giới này đi! Trùm lấp tất cả những tiếng la hét khác là tiếng gã tử tù rú lên, liên hồi:

- Hoan hô Bác Hoàng Văn Hoan!

- Hoan hô Đại Quân Trung Quốc!

- Giải phóng Việt Nam!

Nhộn nhạo, ầm ĩ một hồi, tất cả dần dần thiếp đi, mê mết. Hàng chục hôm liền, không khí xà-lim như hơi nước sôi. Những mụn đỏ lặn tẩn nổi đầy người. Ngứa, rát. Mồ hôi lúc nào cũng ròn ròn. Rệp, muỗi đua nhau đốt, cắn. Ai ngủ được! Hôm nay mát mẻ, chỉ một lúc là vạt ra ngủ cả, li bì.

Lúc gã tử tù bừng thức giấc thời bão đã tan, mưa đã tạnh từ lâu. Toàn bộ Hỏa Lò lặng ngắt. Trong xà lim nghe rõ tiếng ngáy hồng hộc, tiếng nghiêng răng ken két từ mấy buồng vọng ra. Không biết mấy giờ. Nhưng chắc đã khuya lắm. Gã ngồi dậy, dùng hai bàn tay xoa mắt, xoa mặt một lúc cho tỉnh táo. Rồi gã lấy túi ni-lông nước, ngửa cổ uống ừng ực, nước chảy cả xuống cổ, xuống ngực. Đặt túi ni-lông vào góc cùm, gã đặng hắng mấy cái, rồi cất tiếng hát. Giọng trầm, âm, buồn. Trong đêm tù âm u, nghe ai oán, não nuột:

Mòn con mắt

Trông về Nam cánh nhạn lẻ loi...

Tình tang tình...

Ờ cô mình...Thấu chẳng tình...

Gã ngừng hát, nghe ngóng. Buồng trước mặt vẫn im lìm. Chắc “Em” ngủ. Gã mới chuyển từ xà-lim 2 sang xà-lim 1 này được hơn một tuần. Từ mấy đêm nay, đoán chừng khi mọi người đã yên giấc, gã vẫn dùng mấy câu hát này làm tín hiệu cho “Em” biết là “câu chuyện tâm tình” có thể bắt đầu. Đợi một lúc không động tĩnh gì, gã nhòai người, lấy tay đập vào cửa buồng thỉnh thỉnh mấy tiếng.

Buồng trước mặt vọng sang giọng một cô gái, nhỏ nhẹ, âu yếm như ve vuốt:

- Sao hôm nay thức sớm thế, có ngủ được không?

- Ngủ được. Em có ngủ được không?

- Em chỉ nằm mơ mơ màng màng thôi. Lâu lắm rồi, không bao giờ ngủ ngon cả. Mà cũng chẳng cần ngủ. Rồi sẽ tha hồ mà ngủ!

- Anh đang ngồi. Còn em đang nằm hay ngồi?

- Em đang nằm.

- Nằm nghiêng hay nằm ngửa ?

- Nằm nghiêng về phía bên ngoài.

- Cùm mà nằm nghiêng được à?

- Em gầy đi nhiều. Cổ chân nhỏ đi, có thể xoay người được.

- Em có thích anh sang với em không?

- Vớ vẩn! Sang làm sao được? Chết đến nơi cả rồi, còn đùa!

- Anh không đùa. Anh hỏi nghiêm chỉnh là em có thích không?

- Ai mà chẳng thích! Giá chúng mình gặp nhau ở ngoài nhỉ!

- Em nói thế là anh thỏa lòng rồi. Cảm ơn ông Trời đã cho anh chuyển sang đây gặp em, lại được nằm đối diện với buồng em.

- Anh cũng tin ở Trời à?

- Nói thế thôi, chứ Trời đất gì! Đời toàn bịp bợm, đều cáng, dối trá. Càng lương thiện, hiền lành, càng bị chúng nó bóp cổ đến phòi cả con người mất ra. Từ lâu rồi, anh chẳng tin

gì cả. Cả Trời, cả đất, cả người! Chỉ riêng có em là anh tin thôi.

- Tại sao anh lại đi tin em?

- Ờ ờ...Cái này khó giải thích lắm. Lần đầu tiên chỉ thấp thoáng nhìn thấy hình dáng em khi em đi làm vệ sinh thôi, anh đã thấy bồi hồi cả lòng. Nghe tiếng guốc em kéo lê ngoài hành lang, mòn mỏi, buồn nản, anh tự nhiên thấy thương cảm vô hạn. Rồi cái hôm trong giờ vệ sinh, lợi dụng lúc thằng quản giáo đang đấu hót với con y tá ngoài bàn, anh mở lỗ cửa gió buồng em. Nhìn thấy em xanh xao đang ngồi trên sàn, chân trong cùm, thân gầy, tóc xõa ngang vai. Dưới ánh đèn vàng, vẻ mặt em rầu rầu, nhưng thanh tú lắm. Em hơi giật mình khi nhìn thấy anh. Em có đôi mắt quuyền rũ lắm, hút được cả hồn người! Nhìn vào mắt em, anh thấy xao động cả một trời mơ ước, một trời hạnh phúc... Rồi tối hôm đó, em tìm cách quăng dây sang buồng anh, cho anh đường, kẹo, bánh quy, kim, chỉ, tăm. Cả một hộp cao Sao Vàng nữa. Từ khi thấy mẹ anh mất, đời anh chẳng được ai thương cảm chăm sóc như thế cả. Đêm ấy anh khóc rất nhiều. Anh yêu em từ buổi đó. Mà đã yêu thì phải tin nhau. Người ta gọi là “tin yêu” mà lại. Hơn nữa, anh còn phục em.

- Em có gì đáng phục mà anh phục?

- Chuyện em “đánh hỏa công”, dùng một can xăng đốt chết cả nhà thằng công an hộ khẩu, chấn động cả Hà Nội. Đáng phục quá đi chứ!

- Em ức quá đấy thôi. Em chỉ mua bán tem phiếu ở cửa mật dịch để kiếm sống, có hại ai đâu. Thằng hộ khẩu đó ở gần nhà em chuyên môn ăn chạc, uống chạc, hút chạc của mấy hàng phở gánh, của mấy bà bán nước, của mấy em bé

bán thuốc lá. Thế mà nó tự tiện khám nhà em nhiều lần. Lợi dụng khám cả người em! Em chửi nó. Nó đưa em ra khu phố đầu tổ. Mẹ em dạy học cũng bị nhà trường lôi ra kiểm điểm. Em cố nhịn mãi. Tới khi vì nó mà em bị chính quyền bắt đi kinh tế mới khai hoang, em không nén được nữa, mới ra tay. Còn anh, chỉ mang tội “đột vòm”^o thôi mà sao cũng bị tử hình nhỉ, lạ thật!

- Em không biết. Anh là đầu vụ. Bình thường ra thì chỉ mười năm tù là tối đa. Nhưng bọn anh vô tình chơi phải kho thuốc tây của trung ương Đảng ở phố Đinh-Liệt gần hồ Hoàn-Kiểm mới bỏ mẹ. Ông luật sư Đỗ Xuân Sáng, trước hôm xử, gặp bọn anh, đã nói trước: “Các cháu đại lắm! Chết rồi. Các cháu dám sờ vào dải ngựa Hết cứu Bác đành chịu!” Đòi anh thực là khốn nạn. Đi bộ đội từ năm 17 tuổi. Đánh nhau cả với Mỹ lẫn Trung Quốc. Quãng quật trên chiến trường hàng chục năm. Rút cuộc chỉ được một vết thương ở ngực, một vết thương ở đùi, và phải giải ngũ. Anh sống bằng nghề thợ điện, có biết trộm cắp là gì đâu. Chỉ vì anh mê một con văn công quân đội. Nó thích trung diện. Nhiều sĩ quan tặng quà cho nó. Anh nghèo lại muốn chơi trội, định tặng nó một món thực sang. Thế là anh tổ chức đánh quả thuốc tây này, và bị tử hình. Từ ngày anh bị bắt, nó lờ tịt, chẳng thăm hỏi gì. Anh hận lắm. Nhiều bạn bè đã khuyên anh là đừng dính với bọn văn công. Loại gái này không xài được. Họ bảo phải nhớ câu “giường bệnh xá, má văn công”. Anh hối hận là đã không nghe họ. Gặp em, anh coi như mối tình đầu của anh đây. Em đúng là người trong mộng tưởng của anh. Nhưng anh tội tệ như vậy, em có thương anh không?

- Hai đứa bị tử hình không thương nhau thì thương ai? Hôm anh nhìn vào buồng em, thấy mặt anh ngậy ra, buồn cười quá! Chắc chúng mình có duyên nợ với nhau từ kiếp trước. Năm nay em 19 tuổi. Ở ngoài, em chưa yêu ai đâu!

- Mười chín tuổi. Mới có trăng tròn lẻ bốn. Chưa một mảnh tình vắt vai. Tuổi mới bước vào đời, mà đã phải bước ra. Tiếc thật. Giá anh có thể chết thay cho em được thì tốt biết bao! Anh hơn em đúng một giáp. Nhưng sao anh thấy em bình tĩnh thế. Không như anh, nhiều lúc muốn điên loạn.

- Em bình tĩnh là vì em tin có linh hồn, có luân hồi. Con người không phải chỉ có một cuộc đời, mà có nhiều cuộc đời. Miễn là sống cho tốt, gieo nhân tốt, thì kiếp sau hái quả tốt. Mẹ em thương em, tiếp tế cho em đủ ăn. Nhưng thấy các bạn tù ở đây nhiều người chỉ sống bằng hai suất ăn của trại, đói khổ quá, em thương, em phân phát cả. Em có gầy đi cũng chẳng sao. Béo, gầy, đàng nào cũng ngủ với giun tới nơi. Bác già ở buồng cạnh em giảng giải cho em về lẽ sống, chết, nên em mới hiểu và an tâm như vậy. Lão già buồng bên vẫn nằm thẳng cẳng, hai tay buông xuôi, mắt nhắm nghiền, hít thở đều đều. Nghe thấy nói tới mình, lão hơi mở mắt, rồi lại nhắm ngay lại.

- Cái lão già phản cách mạng ấy nói thiên thời để an ủi em đấy. Anh xông pha chiến trận, bao nhiêu người chết. Anh chẳng bao giờ thấy linh hồn họ cả.

- Em cũng chưa thấy. Nhưng bác ấy là người từng trải, có tư cách, không nói dối đâu. Bác ấy kể chuyện một số người đã chết, rồi lại sống lại. Tất cả đều nói rằng khi linh hồn thoát khỏi xác thì bay tới một vùng đầy hào quang, tung bừng hương sắc, vui lắm, không ai muốn trở lại. Nhưng vì số chưa hết, nên hồn bị trả về thể xác. Còn chuyện đầu thai nữa, có nhiều bằng chứng được các nhà nghiên cứu khoa học xác nhận. Bác ấy quả quyết là Thượng đế tạo ra vũ trụ, tạo ra muôn loài. Đơn giản như cái bát, cái thìa, cũng phải có người tạo ra mới có. Huống chi con người, không thể tự nhiên mà có được đâu.

- Nghe có lý đấy. Mấy đêm trước, anh nằm mơ thấy thầy mẹ anh. Hai “cụ vía” vui lắm, nói là sắp được đón anh. Kiếp sau hai đứa mình sẽ chung sống nhé! Nhưng nếu đầu thai thì em với anh đầu thai vào hần nước Mỹ cho nó sướng cái thân. Chớ có đầu thai vào cái nước Việt Nam này, mà lại bỏ mẹ cả!

- Đợi kiếp sau lâu lắm, em không đợi được đâu. Sau khi chết, hai linh hồn chúng mình gặp nhau ngay cơ! Chúng mình chọn một nơi thật thơ mộng, như bên Hồ Tây, trên đường Thanh Niên ấy. Vào những đêm trăng sáng, mặt nước Hồ Tây bát ngát, êm ả, lấp lánh, gió thổi mơn man. Chúng mình sẽ ngồi trên ghế đá. Em ngả đầu vào ngực anh. Anh vuốt má em...

- Ý kiến hay quá! Nhưng bên Hồ Tây có nhiều cặp lắm. Bọn “thanh niên cờ đỏ” lại hay đi lung sục, hạch hỏi, mất cả thú!

Cô gái cười khúc khích:

- Chúng mình là ma cơ mà. Chúng nó làm sao nhìn thấy được. Nếu thấy, chúng cũng sợ chết ngất đi, làm sao có thể phá rối nổi tình yêu chúng mình được.

- Theo ý anh, để tránh phiền phức, chúng ta gặp nhau ở trên đê sông Hồng. Chỗ Đồn Thủy đi thẳng ra ấy. Hồi mười bốn, mười lăm tuổi, anh với bọn bạn thường nô đùa trên bãi cát, rồi bơi qua sông, sang bờ bên kia, lủi vào các bãi ngô rậm rạp, bẻ trộm ngô, nướng ăn. Cảnh trăng nước sông Hồng lồng lộng, đẹp lắm em ạ. Hoàn toàn thanh vắng, trên tãi° Hồ Tây nhiều. Lại không bị bọn “thanh niên cờ đỏ” quấy rầy. Em thấy thế nào ?

- Thế mà em không nghĩ ra! Hồi bé, gia đình em ở chỗ đó.

Mẹ em để em ở đó đấy. Vào những đêm trăng sáng, chúng ta cứ gặp nhau ở đó. Có anh bên cạnh thì nơi nào em cũng thấy hạnh phúc. Ngay cả ở trong cái xà lim bẩn thỉu, đang bị cùm kẹp như thế này.

- Anh cũng vậy, sao ý nghĩ chúng mình giống nhau quá nhỉ! Đúng là có duyên số, có Trời dun dủi cho anh trước khi chết được gặp em, được yêu em, được em yêu Anh tin có Trời rồi em ạ. Cứ tưởng tượng tới cảnh hai hồn ma chúng mình được ôm ấp, quay cuồng quấn lấy nhau, trong cảnh trăng nước sông Hồng dạt dào, mệnh mông, anh sung sướng quá, không sợ chết nữa. Niềm tin và tình yêu mạnh hơn cái chết!

- Nay, nếu ở thế giới bên kia mà anh phụ em, em sẽ "hỏa thiêu" luôn cả linh hồn anh đấy. Anh sẽ không được đầu thai nữa đâu!

- Trời đã thương anh, ban em cho anh. Anh mà phụ em nghĩa là phụ cả ân đức của Trời rồi. Chẳng cần phải em hỏa thiêu. Trời sẽ cho sét nổ lên đầu, đánh chết tươi anh ngay. Em ơi, anh muốn sang buồng em quá. Nghĩ tới được ôm ấp em, vuốt ve em, anh run cả người lên đây này.

- Em cũng muốn lắm. Mồ hôi em lấm tẩm ở trán đây này. Hay là chúng mình cứ tưởng tượng nằm bên nhau như vợ chồng đi. Từ nay chúng mình là vợ chồng nhé, đêm nay là đêm tân hôn nhé.

Gã tử tù ngạc nhiên:

- Em cũng nghĩ tới chuyện cưới nhau, coi nhau như vợ chồng à? Anh cũng đã nghĩ tới. Sao trùng hợp lạ thế nhỉ? Em có biết tại sao sáng nay anh quậy thế không?

- Bình thường anh làm lì. Sao sáng nay anh phá dữ thế?

Tên quản giáo sợ, cũng phải nhượng bộ.

- Không nhượng bộ thì anh sẽ cho nó ăn “mỹ kim”!

- Mỹ kim? Đô la mỹ à?

Gã cười hăng hắc:

- Anh làm gì có đô la Mỹ. Bọn anh gọi lê, dao là mỹ kim, nghĩa là kim loại quý để trang sức. Anh đã mài một cái đinh bảy phân nhọn hoắt, sáng quắc. Nếu nó hỗn với anh, anh sẽ “trang sức” vào mặt nó mấy mũi để kỷ niệm suốt đời. Hoặc soi nó một “pha”, cho nó thành độc nhơn! Anh đã từng là đặc công, nhanh như sóc. Nó không đỡ nổi đâu.

- Thế sáng nay anh quậy phá là để được thoải mái vài giờ chứ gì?

- Em đoán đúng. Buổi sáng, cả em cũng được thả cùm như anh phải không?

- Ủ, tới lúc lấy cơm nó mới cùm em.

- Thế là đạt mục tiêu rồi!

Cô gái chép miệng:

- Thả cùm một, hai tiếng đồng hồ thì bỏ bèn gì mà anh phải phí hơi với nó.

- Mục tiêu không phải thế. Anh định thế này. Em tha lỗi cho anh trước, anh mới dám nói.

- Đã là vợ chồng, có thể trao thân gửi phận cho nhau, có gì không nói được mà phải giào đón như người xa lạ ấy.

Gã tử tù hạ thấp giọng, nói nhỏ bớt đi:

- Em đã thông cảm, thời anh mạnh dạn nói. Đêm qua năm, anh nghĩ anh sẽ đề nghị với em là chúng mình trở thành vợ chồng. Nhưng chuyện động phòng là không thể được rồi. Anh chỉ muốn chúng mình ngấm thân thể của nhau. Nhưng cả hai cùng bị cùm cả thì làm thế nào đứng lên nhìn sang buồng nhau được. Vì vậy anh mới lập mưu để hết giờ vệ sinh nó mới cùm chúng mình. Như thế, từ sáng mai, sau khi vệ sinh vào, anh sẽ đứng lên cùm, nhìn sang buồng em. Đến lượt em, lại đứng lên cùm, nhìn sang buồng anh. Nếu như chưa đủ cao để nhìn được, em kê thêm cái chăn, cái bô. May mà giờ vệ sinh đèn lại chưa tắt! Nhớ phải coi hết ra đấy!

- Được, anh cũng phải thế đấy. Nếu có cơ hội, anh mở lỗ cửa gió buồng em như hôm nọ. Em sẽ để môi ra cho anh hôn.

- Sáng kiến lắm! Anh sẽ hôn. Ờ... mà không phải hôn. Anh sẽ uống linh hồn em!

- Em cũng uống linh hồn anh. Cho hai linh hồn chúng mình hòa với nhau làm một!

Đột nhiên, nhiều tiếng giầy thành thịch đi vào sân.

Rồi tiếng mở khóa loảng xoảng.

Gã tử tù tim như ngừng lại, hốt hoảng:

- Có lẽ anh “đi” đấy!

Giọng cô gái hồi hộp:

- Có thể là em!

- Dù là ai, cũng bình tĩnh lại. Phải chết cho đảng hoàng. Anh đã chuẩn bị đón giờ này từ lâu rồi.

- Em cũng thế.

- Tiếng cửa sắt rít lên. Tên quản giáo và bốn tên công an vũ trang rầm rập bước vào hành lang xà lim. Bọn tù ở các buồng dọc theo dãy hành lang đều ngồi nhòm dậy, nín thở, nghe ngóng.

Tên quản giáo mở cửa buồng gã tử tù. Hai tên vũ trang xông vào, quát:

- Ngồi im, không được cử động!

Chúng bẻ hai cánh tay gã tử tù ra sau lưng, dùng còng số 8 khóa lại. Tên quản giáo bước vào mở khóa cùm.

Gã tử tù nói to:

- Anh đi trước, anh sẽ đợi em ở bờ sông Hồng. Nhớ trắng nước sông Hồng, đừng sai hẹn!

Cô gái đập cửa buồng thình thình, gào lên:

- Xin các ông đưa tôi đi bắn cùng với anh ấy! Xin các ông!

Một tên công an vũ trang cười hà hà:

- Chúng nó sợ hóa điên cả rồi. Có gan ăn cướp thì phải có gan chịu đòn chứ.

Một tên khác lấy mảnh vải bịt mắt gã tử tù lại, rồi đẩy gã ra khỏi buồng:

- Đi!

Gã tử tù ra ngoài hành lang, hướng về buồng cô gái:

- Tạm biệt em. Có em, anh rất mãn nguyện. Đừng buồn. Hãy giữ lấy tư cách. Đừng cầu xin chúng nó gì cả. Chắc chắn chúng mình sẽ gặp nhau.

Tiếng cô gái nức nở:

- Anh ơi! Tạm biệt anh! Em thương anh quá! Em muốn đi cùng với anh. Chúng mình phải gặp nhau! Trên bờ sông Hồng, em sẽ tới đó!

Gã tử tù hét to:

- Chào các bạn, vĩnh biệt các bạn! Tạm biệt em!

Tên quản giáo gằn giọng:

- Tiên sư mày, chết đến nơi rồi, còn mất trật tự! Trước khi ăn đạn, ông phải cho mày ăn đòn hăng!

- Ông mà động tới anh ấy, ông sẽ hối không kịp với tôi!

Tiếng cô gái hét lên.

- Giờ phút này mà ông còn định đánh người ta, ông mất hết tính người rồi sao? Tôi sẽ báo việc này lên Trên!

Tiếng lão phản cách mạng sang sảng, nghiêm nghị, đĩnh đạc.

Hai tên vũ trang xốc nách gã tử tù, lôi mạnh:

- Đi! Đi!

Ra tới sân, gã ngoái cổ lại, kêu lớn:

- Em đừng buồn, anh đợi em! Anh đợi em!

- Anh đi trước! Em đi sau! Chúng mình nhất định sẽ gặp nhau, anh ơi!

Trong xà lim, các tù nhân nữ thút thít khóc. Nhưng có một tiếng khóc nức lên từng hồi, thấm thiết, xé ruột, xé gan tất cả những ai còn là người.

Xa xa, tiếng gã tử tù vọng lại, nhỏ dần, loãng dần...

- *Trăng nước sông Hồng... Trăng nước... sông... Hồng...
Trăng nước... Em ơi.....*

(Trích tập truyện *Hỏa Lò*)

Trích thơ:

Hoa Địa Ngục

*Hoa địa ngục tưới bằng xương, máu, thịt
Trộm mồ hôi chó ngựa, lệ ly tan
Hoa trưởng thành trong tù, bệnh, cơ hàn
Hương âm mốc, mầu nhỏ nham, xám xịt!*

Ánh Chiều Loang Lổ

*Ánh chiều loang lỗ vàng trên thảm cỏ
Bóng ngày qua đè nặng cây đa*

Nước rầu rầu kể lại tháng năm xa...
Người khách đứng trầm ngâm nhìn bóng đỏ:
“Dù cuộc sống có muôn vàn đau khổ
Đừng than van hay khao khát làm chi
Tất cả rồi lặng lẽ sẽ qua đi
Màu nắng đã lụi dần trên nấm mộ”

(NCT, 1960)

Nếu Một Ngày Mai

Nếu một ngày mai tôi phải chết
Thời lòng tôi cũng chẳng tiếc đời xuân
Đời đáng yêu, đáng quý vô ngần
Song đau khổ đã cướp phần hương sắc
Trong đêm vắng nhìn sao buồn xa lắc
Hồn chìm buông theo quá vãng thời gian
Trong phút giây quên thực tế bạo tàn
Quên hết cả nỗi cơ hàn cay đắng
Giòng lịch sử đưa tôi về máy chạng
Những lâu đài cung điện thừa vàng son
Cảnh hiển vinh kiêu vống với lọng tròn
Cảnh hàn sĩ canh tàn còn đọc sách
Tôi gặp lại những nhà nho thanh bạch
Sống an bản, xa cách bụi phồn hoa
Những gái quệ trong trắng, hiền hòa
Ngồi giặt lụa bên hồ nước tóe
Tôi mơ thấy những hội hè vui vẻ
Những đêm vàng đập lúa dưới trăng trong
Tôi vuốt ve bao hình ảnh trong lòng
Tim còn vọng tiếng hò ngân bát ngát
Tiếng nhịp nhàng thoi cử lướt trên khung
Tôi mến yêu cảnh rừng núi mịt mù
Đầy hiểm bí và tràn lan sức sống
Tôi thương nhớ cả tiếng công báo động

HUỶNH ÁI TÔNG

Những con đường, những hắc điểm âm u
Cảnh chiến chinh ngựa hí với quân hò
Tôi cũng thấy tâm hồn tôi đuối đuối!
Tại làm sao? Rõ ràng tôi biết lắm
Cuộc đời xưa còn có những vua quan
Bao bát công còn đầy rẫy lan tràn
Sao tôi chỉ mơ toàn hương sắc thắm
Toàn sắc màu lộng lẫy đượm hồn thơ
Mà lãng quên bao bóng dáng nhạt mờ?
Phải chăng vì cuộc sống bây giờ
Đầy ung độc tự buông gan, lá phổi
Còn xưa là mụn lở ở
da thôi!

(NCT, 1960)

Anh Gặp Em

Anh yêu em, anh chỉ nói thế thôi
Nói thế thôi cũng đã thừa rồi
Vì tình ái đâu cần ngôn ngữ
Tình từ tim, mà ngôn ngữ từ môi
Anh yêu em, em đã hiểu lâu rồi
Em đã hiểu từ ban đầu gặp gỡ
Anh hỏi thăm đường, em trở lối, thế thôi!
Em hiểu anh trong dáng đáp bồi hồi
Trong ánh mắt ngập ngừng xao xuyến
Em hiểu anh trong nắng chiều lưu luyến
Em hiểu anh từ tình mới đậm chồi
Từ hạnh phúc còn như bờ ngõ
Trong hồn anh quen nếp đau thương...
Có những đêm trăng óng ánh trên đồng
Trăng tắm sáng lên đầu em tóc rối
Trăng lấp ló qua hàng cây gió thổi
Em là vầng trăng ngọc của đời anh
Anh không em, anh sẽ sống âm thầm

*Như những tối trăng vàng lặn bóng
Đi bên em nghe ái tình đập sóng
Trong lòng anh hạnh phúc chan hòa
Ôi phút giây không thể xóa nhòa
Giây phút ấy, tình em chói tỏa
Ở trong anh, và tất cả xung quanh!
Anh hôn em, em ngọt thở vì anh
Nhưng em biết lòng anh say đắm quá
Gì ngậy ngát bằng hôn lên đôi má
Mịn như hoa và đượm hương da!
Nắm tay em bao đau khổ phai nhòa
Khấp vũ trụ chỉ còn thương mến
Tình của em nhiệm màu vô bờ bến
Hôn anh hầu tàn úa lại ròn xanh
Đời anh như chim hót trên cành
Tươi mát tựa màu xuân thơm ngát
Giọng ai buồn ngân nga câu hát
Bừng cơn mơ, trăng lạnh đã lên cao...
Gió ngoài song hiu hắt thổi vào
Rơi mây cánh hoa đào trên chấu sứ...
(NCT, 1963)*

Đất Này

*Đất này chẳng có niềm vui
Ngày quệt mồ hôi, đêm chùi lệ ướt
Trại lính, trại tù người đi không ngớt
Người về thưa thớt dăm ba...
Trẻ con đói xanh như tàu lá
Cày bừa phụ nữ đảm đang
Chôn thôn trang vắng bóng trai làng
Giấy báo tử rơi đầy mái rạ
Buồn tất cả
Chỉ cái loa là vui !*

(NCT, 1965)

HUỶNH ÁI TÔNG

Từ Buổi Đàng Về

Từ buổi Đàng về họ mạc tới thăm
Do thông cảm chỉ ngồi chơi chốc lát
Miếng thịt miếng thà bỏ rơi đĩa bát
Trẻ già khao khát tháng năm
Con chó, con mèo mất tích mất tăm
Vì đâu nông nổi?
Chiếc kéo Đàng dùng cắt tem phân phối
Gạo ngô từng lạng từng cân
Đã cắt nhỏ tình thân cốt nhục
Manh áo niêu cơm, cuộc đời rữa mục
Vợ chẳng cấy chồng, con chẳng cấy cha
Mẹ hiền đành ôm bụng tổng thai ra
Giỗ tết nói chi chuyện người trong má
Chao ôi, buồn tất cả
Mất cả rồi những bản tình ca
Những điệu ru trầu mển thiết tha
Gắn bó với ta từ hồi ẵm bú
Trẻ con đói chột còi lam lũ
Còn đâu bi, đao, kháng, cù
Tiếng sáo diều vờ vơi chiều thu
Chỉ còn là âm hưởng vi vu của thời xa cũ
Luyến tiếc, than van đi tù lượt lũ
Thiếu chi rìng rú hoang vu
Đề đất vàng sao cùng ánh sáng Mùa Thu
Dựng những trại tù làm trụ!
Ôi từ buổi Đàng về làm chủ
Khổ nhục chất chồng không thể đo cần!
Cụ Mác ơi, mĩa mai và quá đủ!
Con chuột mà có dịp tháo thân
Cũng ba cẳng bốn chân
Chạy khỏi cái thiên đường của cụ!

(NCT, 1967)

Từ Vượn Lên Người

Từ vượn lên người mất mấy triệu năm
Từ người xuống vượn mất bao năm?
Xin mời thế giới tới thăm
Những trại tập trung núi rừng sâu thẳm!
Tù nhân ở trường rừng bầy đứng tằm
Rệp, muỗi, ăn nằm hôi hám, tối tằm
Khoai sắn tranh giành, cùm, bắn, chém, bãm
Đánh đập tha hồ, chết quăng chuột gặm!
Loài vượn này không nhanh mà rất chậm
Khác vượn thời tiền sử xa xăm
Chúng đói, chúng gầy như những cái tằm
Và làm ra của cải quanh năm
Xin mời thế giới tới thăm!

(NCT, 1967)

Chiều Thứ Bảy

Chiều thứ bảy
Anh nằm đây mình mẩy ướt đầm
Trong xà lim chân cùm nghiêng tím bầm
Muối rệp công khai, ngấm ngấm hút máu
Anh nhớ lại một chiều tháng sáu
Cũng oi nồng như thế hôm nay
Anh cùng em đi sát, cầm tay
Đạo bước dong chơi trên bờ cát trắng
Biểu lúc đó vắng và tắt nắng
Gió ngoài khơi lồng lộng dâng triều
Hạnh phúc trong anh xáo động quá nhiều
Anh muốn ôm em nói điều sung sướng!
Nhưng tình cảm còn như e ngượng
Anh nắm bàn tay em chặt hơn thối
Tới rặng phi lao, anh với em ngồi

HUỶNH ÁI TÔNG

*Giữa trời biển em nói lời gấn bó
Nhưng em ạ, lòng anh lúc đó
Không hề nghĩ tới tương lai
Chỉ ước mong sao có thể kéo dài
Những giây phút thần tiên đó mãi!
Vì anh, một nhà thơ từng trải
Hiếu tim người như em hiếu đường kim!
Nên giờ đây cùm kẹp giữa xà lim
Nhận được tin em đi tìm duyên mới
Anh chỉ hơi buồn và hơi nghĩ ngợi
Về đời anh rơi rụng, tả tơi
Chẳng chút trách em về chuyện đổi đời
Chuyện quy luật cuộc đời, em ạ.*

(NCT, 1968)

Thơ Của Tôi

*Thơ của tôi không phải là thơ
Mà là tiếng cuộc đời nức nở
Tiếng cửa nhà giam ngòm đen khép mở
Tiếng khò khè hai lá phổi hang sơ
Tiếng đất vùi đổ xuống lấp niềm mơ
Tiếng khai quật cuộc đào lên nỗi nhớ
Tiếng răng lạnh đập vào nhau khổ sở
Tiếng dạ dày đói lả bóp bâng quơ
Tiếng tim buồn thoi thóp đập bơ vơ
Tiếng bất lực trước muôn ngàn sụp lở
Toàn tiếng của cuộc đời sống dở
Và chết thời cũng dở, phải đâu thơ!*

(NCT, 1970)

Sẽ Có Một Ngày

Sẽ có một ngày con người hôm nay
Vất súng, vất cùm, vất cò, vất Đảng
Đội lại khăn tang, đêm tàn ngày rạng
Quay ngang vòng nạng oan khiên
Về với miếu đường, mồ mả gia tiên
Mấy chục năm trời bức bách lãng quên
Bao hận thù độc địa dấy lên
Theo hương khói êm lan, tan về cao rộng
Tất cả bị lừa qua cơn ác mộng
Kẻ lọc lừa, kẻ bạo lực xô chân
Sóng sót về đây an nhờ phúc phận
Trong buổi đoàn viên huynh đệ tương thân
Đứng bên nhau trên mát mát quây quần.
Kẻ bùi ngùi hối hận
Kẻ bồi hồi kính cẩn
Đặt vòng hoa tái ngộ lên mộ cha ông
Khai sáng kỷ nguyên tả trắng thẳng cờ hồng!
Tiếng sáo mục đồng êm ả
Tình quê tha thiết ngân nga
Thay tiếng " Tiến quân ca"
Và Quốc tế ca
Là tiếng sáo diều trên trời xanh bao la!

(NCT, 1971)

Đảng

Đảng dìu dắt thiếu nhi thành trộm cướp
Giải phóng đàn bà thành đĩ, thành trâu
Giúp người già bằng bắt bớ rế dâu
Và cải tiến dân sinh thành xác mướp
Đảng thực chất chỉ là Đảng cướp
Dựng triều đình mông muội giữa văn minh
Sống tạm thời nhờ thủ đoạn yêu tinh

HUỶNH ÁI TÔNG

*Nhờ súng đạn Tàu, Nga, bắt bớ
Đảng tắt thở cuộc đời mới thở
Đảng còn kia bát phở hóa thành mơ !*

(NCT, 1973)

Thơ Của Tôi

*Thơ của tôi không có gì là đẹp
Như cướp vồ, kìm kẹp, máu ho lao
Thơ của tôi không có gì cao
Như chết chóc, mồ hôi, bóng súng
Thơ của tôi là những gì kinh khủng
Như Đảng, như Đoàn, như lãnh tụ, như trung ương
Thơ của tôi kém phần tưởng tượng
Nó thật như tù, như đói, như đau thương
Thơ của tôi chỉ để đám dân thường
Nhìn thấu suốt tim đen phường quý đở*

(NCT, 1975)

Chủ Nghĩa Mác

*Chủ nghĩa Mác chỉ là không tưởng
Trái với bản chất con người, gieo rắc tai ương
Lũ tông đồ, hay đồ tể vô lương
Đã gây bao là máu lệ bi thương
Đã phạm bao tội ác tày trời!
Hơn nữa nó ra đời
Khi Luân Đôn, Paris còn đi xe ngựa
Nay là thời tên lửa, máy bay!
Nếu cứ ngu si ôm mãi chủ nghĩa này
Nếu cứ thẳng tay bóp thẳng dạ dày
Đất nước nở mặt nở mày làm sao được nữa!
Dân tộc ta phải quăng ngay nó vào bếp lửa*

*Nôi cơm mới có thể mong đây
Tự do, no ấm mới sum vầy!*

(NCT, 1984)

Phạm Trần viết về nhà thơ Nguyễn Chí Thiện:

..... Nhưng tôi không nghĩ những sáng tác của ông sẽ mờ đi khi ông không còn ở cõi nhân gian nữa. Thơ ông tuy chưa được khắc lên đá nhưng đã nằm sâu trong tâm tư của không riêng nhiều người Việt Nam mà còn trong tim của nhiều dân tộc trên Thế giới vì Thơ văn của ông đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nước khác. -/-

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Chí Thiện Web: cothommagazine.com
- Trăng nước sông Hồng Web: vnthuquan.net

2. Nguyễn Hộ



Nguyễn Hộ (1916-2009)

Nguyễn Hộ, sinh ngày 1 tháng 5 năm 1916, tại xã Hạnh Thông, nay phường 10, quận Gò Vấp, thành phố HCM.

Thời Pháp thuộc chỉ học hết cấp Sơ học yếu lược (tương đương lớp 3)

Vì gia đình nghèo, ông không thể tiếp tục đến trường nên phải đi học nghề.

Năm 1933, được làm thợ tại xưởng đóng tàu Ba Son.

Năm 1936, tại xưởng Ba Son, ông tôi bắt đầu tham gia cách mạng, tham gia phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ.

Năm 1937, được kết nạp vào đảng cộng sản Đông Dương (tức đảng cộng sản Việt Nam sau này). Làm Chi ủy chi bộ Ba Son.

Tháng 4 năm 1940, trên đường đi vào nhà máy ông bị bắt và bị kết án tù 5 năm ở Côn Đảo.

Đến cuối năm 1945, ông được cách mạng tháng 8 giải phóng, trở về tiếp tục hoạt động đến sau này.

Từ năm 1948-1950, Phó thư ký kiêm bí thư đảng đoàn liên hiệp công đoàn Nam Bộ, phụ trách công đoàn Sài Gòn – Chợ Lớn. Ủy viên ban kháng chiến hành chính đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn, phụ trách dân quân. Trưởng ban dân quân Sài Gòn – Chợ Lớn. Thành đội trưởng dân quân Sài Gòn – Chợ Lớn. Phụ trách thành đảng bộ Sài Gòn – Chợ Lớn.

Từ 1950-1952, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính Sài Gòn – Chợ Lớn. Ủy viên thường vụ đặc khu ủy Sài Gòn – Chợ Lớn, phụ trách cán sự 2 đặc khu, kiêm Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn.

Từ năm 1952-1954, đau nặng, nằm bệnh viện.

Từ năm 1954-1956, tập kết ra Bắc, tiếp tục nằm bệnh viện.

Từ năm 1957-1960, Ủy viên ban chấp hành, Ban thường vụ Tổng liên đoàn lao động Việt Nam

Từ năm 1961- 1963, Ủy viên Ban thư ký, Ủy viên đoàn chủ tịch tổng công đoàn Việt Nam, Đảng đoàn tổng công nhân Việt Nam.

Từ năm 1964-1975, về miền Nam công tác vận.

- Ủy viên thường vụ khu ủy Sài Gòn - Gia Định (T4) phụ trách dân vận, công vận, hoa vận.

Từ năm 1975-1987, đảm trách cách chức vụ:

- Ủy viên thường vụ thành ủy thành phố Hồ Chí Minh phụ trách dân vận.

- Chủ tịch liên hiệp công đoàn thành phố Hồ Chí Minh kiêm phó chủ tịch tổng công đoàn Việt Nam.
- Chủ tịch mặt trận Tổ Quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh kiêm ủy viên đoàn chủ tịch ủy ban trung ương mặt trận Tổ Quốc Việt Nam.
- Chủ tịch hội Việt – Xô hữu nghị thành phố Hồ Chí Minh kiêm phó chủ tịch ban chấp hành trung ương hội Việt-Xô hữu nghị.
- Chủ tịch ủy ban đoàn kết và hữu nghị với nhân dân thế giới thành phố Hồ Chí Minh.
- Chủ tịch ban thiếu niên nhi đồng thành phố Hồ Chí Minh.
- Trưởng ban vận động đồng bào thành phố Hồ Chí Minh ủng hộ xây dựng công trình thủy điện Trị An, xây dựng con đường Nhà Bè – Duyên Hải và xây dựng kinh Đông – Củ Chi.

Giữa năm 1987, nghỉ hưu lúc 71 tuổi.

Năm 1988, ông giữ chức Chủ nhiệm, Câu lạc bộ kháng chiến, xuất bản tờ *Truyền thống kháng chiến* đến số 3 năm 1989, bị tịch thu và bị đóng cửa vĩnh viễn.

Ngày 21-3-1990, ông rời thành phố HCM về vùng Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Khoảng hơn một tháng sau, một số thành viên Câu lạc bộ kháng chiến gồm: Tạ Bá Tông (Tám Cẩn), Hồ Văn Hiếu (Hồ Hiếu), Đỗ Trung Hiếu (Mười Anh) và Lê Đình Mạnh bị bắt.

Tháng 8-1990, Võ Văn Kiệt Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng có đến Phú Giáo gặp Nguyễn Hộ.

Tháng 9-1990, Nguyễn Hộ bị công an Củ Chi bắt, giải giao về Sài Gòn, quản thúc ở khu Thanh Đa.

Sau đó ông bị quản thúc tại gia vì tội "chống Đảng".

Từ đó ông càng phản đối mãnh liệt hơn qua những văn bản như bài luận "Giải pháp Hòa hợp Hòa giải" và cuốn sách *Quan điểm và cuộc sống*. Sách của ông kêu gọi Đảng Cộng sản Việt Nam hãy từ bỏ Chủ nghĩa Marx-Lenin. Cũng vì quan điểm của ông mà ông bị nhà chức trách bắt lần thứ hai năm 1994. Theo ông Việt Nam ở thời điểm năm 2008 chỉ có độc lập chứ không có tự do.

Do hoạt động của ông, Tổ chức Theo dõi Nhân quyền (Human Rights Watch) đã trao ông giải thưởng Hammett-Hellman (Giải Tự do Phát biểu).

Ông mất ngày 2 tháng 7 năm 2009, thọ 93 tuổi. Ngày 3 tháng 7, từ Đà Lạt, ông Hà Sĩ Phu và nhóm thân hữu đã gửi một câu đối viếng Nguyễn Hộ:

*Quan điểm tựa Sáu Dân, mấy trận sửa sai thành quyết tử
Cuộc sống như Năm Hộ, hai lần kháng chiến để trường sinh*

Tác phẩm:

- *Quan điểm và cuộc sống* (1993)
và một số truyện ngắn

Trích văn:

Chung cư

Vào đầu năm thứ 16, sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, những người khách của chung cư, nếu tinh ý một chút, sẽ cảm thấy được cái gì khang khác trong bầu không khí sinh hoạt vốn nổi tiếng là đầu âm và nề nếp của chung cư Thăng Lợi. Nói khang khác vì có sự bất bình thường tuy chưa biết đó là may hay rủi, là tiến hay lùi. Chỉ có điều, bộ mặt chung cư có vẻ buồn bã, đui hiu hơn, từ người gác dan vốn là một lão ông đã từng làm nô bộc cho nhà chủ từ bốn mươi năm nay, mà cho đến khi đổi chủ, ông Thâm - tên người gác dan - rất tự hào được trở thành người chủ tập thể của cao ốc mười tầng này. Không tự hào sao được, ngay trong những ngày tiếp quản, những người Việt Cộng bước vào chung cư này với cái băng đỏ trên tay áo, tất thấy đều gọi ông là đồng chí, là người của giai cấp. Ông Thâm cảm động đến phát khóc, bởi vì từ thuở nhỏ cho đến già từng này tuổi, chưa ai gọi lão là cụ, là bác là ba, là đồng chí như bây giờ. Thâm chí, lão còn được đi họp với cán bộ, để bàn bạc kế hoạch ăn ở, bảo vệ và về sau này lão còn được lãnh lương do mọi người đóng góp. Thế là từ một người đày tớ, lão đã trở thành ông chủ, lão có thể trừng mắt hoạch hoạch những ông Việt Cộng chính hiệu đã từng vào sanh ra tử - đã đánh thắng Huê Kỳ, nếu ông ta không giữ đúng giờ giấc, nội quy. Đối với những ông chủ giàu trước đây, thì lão chỉ có một nước quỳ mọp và vâng lời. Đấy trừ cái thiếu thốn đôi khi nhếch nhác trong những năm tháng ăn bo bo và cải tạo liên tu bất tận rồi sau đó là những năm tháng mất điện mất nước, còn thì lão cảm thấy mình đủ uy quyền trước mọi người hơn bất cứ lúc nào trước đây. Lão, Thâm chí có quyền không mở cửa khi đã qua mười giờ đêm đối với bất cứ ai về muộn kể cả người trả lương cho lão, tức đồng chí tổng giám đốc một Liên hiệp có tên là Mex ở đằng sau đuôi. Tuy nhiên, lão cũng có điều đáng tiếc thường ẩn hiện

qua tiếng thở dài riêng tư trong những ngày khang khác vừa qua...

Câu chuyện bắt đầu từ cái hôm những người Hồng Kông giống như những chú xì thẩu trong Chợ Lớn được một cán bộ của ủy ban đầu tư dắt đến đi coi nhà. Lý do viết trên tấm bảng đen - tờ báo tường vô cùng hữu ích của chung cư - là tham quan để đầu tư ngoại tệ mạnh, làm cho lão Thâm vừa mừng mừng vừa lo lo. Nhưng trên hết là sự bức tức của lão đối với mấy ông Chết Hồng Kông bắt nhả với lão. Cả một bọn người hơn chục đứa chẳng tay nào coi lão là người chủ quan trọng nhất có quyền uy cho hoặc không cho người vào nhà. Bọn họ lợi ào ào lên cầu thang, thử thang máy, yêu cầu các chủ hộ mở cửa các phòng, chui vào cả toa lét, leo lên cả sân thượng bỏ hóa mười năm, cỏ xanh vàng mọc dày đặc như một cái trảng trống hình vuông giữa trời và cuối cùng họ ra đi như một cơn gió. Họ gục gặt đầu, chỉ trỏ và xì xào với nhau bằng tiếng Tàu và tiếng Anh khi ngược nhìn lên toàn cảnh chung cư lần cuối cùng rồi bắt tay ông tổng giám đốc kiêm trưởng nhà nói lời cảm ơn bằng tiếng Việt lơ lớ: "cam on, cam on"...

- Này chú Ba, có chuyện gì vậy?

Khi Tổng giám đốc Ba Tuấn tiễn đoàn người ra xe và trở lại, lão Thâm liền chặn ngang cửa để hỏi.

- Chưa có gì đâu bác ơi. Mọi sự còn đang bàn bạc chưa đi đến đâu hết.

- Nhưng mọi cái sự bàn bạc là cái gì?

- À, có lẽ bác chưa được phổ biến chớ gì. Đại loại như vậy chung cư này sẽ bị giải tỏa theo quy hoạch, nước ngoài sẽ đầu tư lớn để làm khách sạn năm sao.

- Trời ơi, chết!

- Sao? Sao lại chết?

- Rồi anh em ở đâu? Còn tôi.... mấy chú cho tôi ở đâu?

Ba Tuấn chỉ mỉm cười rồi bỏ đi với lời "xin lỗi bác, cháu bận". Lão Thận chỉ biết đứng như tròng, bụng hoang mang cực độ. Ba Tuấn chính là người mười mấy năm trước đây gọi lão là đồng chí, phân công cho lão công tác bảo vệ, là người đứng ra quyên góp nuôi cơm lão thay vì tống lão vào trại nuôi người già cô đơn. Ông là niềm tin của lão, là chỗ dựa của lão, chỉ có ông mới đưa lão lên địa vị làm chủ. Đúng như vậy, chỉ có mình Ba Tuấn, người có chức lớn nhất, ở căn hộ to nhất trong chung cư hạng sang này mới là người đủ uy quyền để lão tin cậy. Những người khác đều thấp bé hơn, tầm cỡ chẳng bao lăm, thậm chí nhiều người trong họ còn xoàng hơn lão.

Lão nhớ tới cái tay Hơ, người từ bỏ chung cư ra đi sớm nhất. Cái tay tư sản mới tên Hơ ấy đã chạy chọt có nhà riêng bị lão coi là con người đáng ghê tởm hơn cả ông chủ cũ trong một lần thuê lão kích cho bà chủ lớn lên cơn sản hậu mà chết để ông đường hoàng sống với cô vợ bé xinh đẹp. Ông chủ ấy bây giờ đang ở Mỹ cùng vợ sau và các con đâu biết rằng chính cái người đầy tớ ngày xưa ấy đang là công cụ đắc lực, tích cực nhất của chung cư khi nó về tay cách mạng. Thế mà có kẻ là cách mạng lại dễ dàng từ bỏ cái chung cư để tìm cuộc sống riêng. Nhưng đáng ghê tởm nhất có lẽ là một con người khác, sau Hơ, đó là Quýnh. Anh ta thuộc loại mà lão coi là "giải phóng miền Nam chúng ta cùng quyết tiến bước" là người dày dặn kinh nghiệm trong cuộc sống đô thị thời bao cấp, thời đó thế nào lão không biết, nhưng trong cái thời mà những người cách

mạng về tiếp quản chung cư này, ông đã hiểu rõ thế nào là một con người tháo vát như Quýnh. Chung cư có căn phòng sang nhất của chủ cũ, sàn trải thảm Ba Tư, toàn bộ salon, sập gu, tủ chè, búp phê quý giá bóng lộn đắt tiền như ngà như ngọc, trước đây chỉ có giới chủ cỡ tai to mặt lớn với dáng ngồi chễm chệ, tướng đi bệ vệ oai phong như ông tướng, chỉ có những bậc cao sang quyền quý mới vào đó mà ngồi, đàm đạo, mà ném những sơn hào hải vị. Lão thậm chí không dám nhìn vào gian phòng mênh mông ấy dù đã hơn ba mươi năm làm nô bộc cho nhà chủ. Thế mà, ào một cái, cái tay Quýnh tháo vát ấy đưa vợ con tới ở tầng hoàng chỉ cần trưng một tấm giấy nhỏ cho tập thể. Ai cũng nghĩ hẳn ta được giao ở đây để làm nhiệm vụ đặc biệt. Chẳng ngờ, chỉ sau một thời gian ngắn, bằng cách này hay cách khác, cái tên vô lại Quýnh đã qua mặt lão bảo vệ để đưa tất cả các thứ đồ đạc quý giá ấy ra khỏi nhà. Sau đó nữa, cả nhà hẳn cuốn xéo đi đâu mất với lời tuyên bố xanh dờn trước khi bước ra khỏi cửa: "Chỉ có bọn rồ dại mới ở nhà tập thể! Tớ đã trót dại mười mấy năm. Bây giờ tớ đã khôn. Chủ nghĩa xã hội của tớ là nhà riêng, xe riêng, tiền riêng, tất cả là của riêng. Xin vĩnh biệt những người anh hùng tập thể!". Hẳn nói thế và ra đi để rồi không thấy hẳn lối mặt trở lại chung cư này nữa.

Chung cư thử phảo trút khỏi gánh nặng của một thằng đầu trộm đuôi cướp. Song mọi người đã phải trả giá, những hộ còn lại nhao nhao đòi Ba Tuấn phải tạo điều kiện cho họ chạy nhà để ra riêng. Chung cư bị phạt vì xài điện quá định mức rồi bị cúp điện (cúp điện cũng có nghĩa là cúp nước vì máy bơm không chạy được), số người xin nhà tăng lên. Người ta viết khẩu hiệu lên báo tường. Mất nước là mất tất cả. Rồi đến cái nạn phải đun nấu bằng củi, lại một số người già từ cao ốc. Hết lượt người này đi đến lượt kia đến, họ thay như thay quân trực ở nơi chiến hào biên giới. Người đã trải qua chung cư thì đoạn tuyệt với nó, tìm kiếm nhà

mặt tiền, nhà trệt để rộng đường làm ăn xoay sở. Người chưa có nhà thì lục tục kéo đến chung cư như đi tìm định mệnh! Mười mấy năm mọi người quay cái vòng nhà cửa đến chóng mặt, duy chỉ có mình Ba Tuấn và lão Thập là bán trụ không hề suy suyển Ba Tuấn đã làm cho lão nề phục sát đất khi khoảng bốn năm trở lại đây ông đã cầm đầu 20 hộ góp công góp sức duy tu phòng ốc điện nước chung cư, sửa sang quét dọn cầu thang, trần nhà, các ngõ ngách sạch bóng như khách sạn năm sao. Hai chục hộ sinh con đẻ cái, cưới vợ gã chồng, nẩy nở ra thêm làm cho cái chung cư chật cứng và đậm âm. Tất cả mọi người gắn bó lo toan cùng một việc là chăm sóc chung cư như chính cái căn hộ của mình. Một dạo, để tìm giải pháp cho những chung cư Thăng Lợi. Báo chí đến làm tin, viết phóng sự, chụp hình, phỏng vấn Ba Tuấn và lão Thập. Thật là những ngày sôi động đầy tư hào của những người vốn bất hạnh vì bắt đắc dĩ phải ở cao ốc trong cái thành phố đã bị nông thôn hóa đến mức báo động. Chính niềm tự hào như một liều thuốc ngủ, một lời ru mộng mị, làm cho mọi người có ảo tưởng là sẽ giữ vững ngọn cờ chung cư tiên tiến mà không cần có tiền để duy tu, không cần có điện nước thường xuyên, chỉ cần gàu xách nước và củi nhóm bếp là đủ. Nhưng mới nửa đường đi tới chung cư tiên tiến thì những người Hồng Kông đã đến....

- Chú Ba! - Lão Thập lại đón đường Ba Tuấn. - Chú nói thật xem, họ làm gì chúng ta? Họ hạ cờ tiên tiến của chung cư à, cái đám Hồng Kông ấy? Có thật là họ đưa ta đòla không?

- Bình tĩnh, ông Hai! Rồi mọi chuyện sẽ rõ thôi mà!

Sáu tháng trời Ba Tuấn cứ nói cái kiểu y chang như vậy. Lão Thập hỏi ai người ta cũng nói vậy. Càng ngày lão phát hiện ra lời nói và việc làm họ không còn đi đôi nữa. Trên

con đường cầu thang, nơi giữ xe, tiếng sập cửa phòng, tiếng tháo dỡ mỗi ngày một hồi hả, cặp rập hơn. Các cặp vợ chồng, các cô cậu mới lớn có vẻ xăng xái khảnh trương hơn trong chuyện đi về. Ba Tuấn cũng vậy. Ông ít la cà ngoài cổng bảo vệ với lão Thập để bàn với ông về công việc làm chủ tập thể cao ốc. Câu chuyện giữa lão và ông giám đốc ngày càng băng quơ và tẻ nhạt hơn. Hình như ông đang đổi thay, đang hướng tới một cái gì đó, lão không thể nào hiểu được.

Rồi cái gì đến cũng đã đến: lâu I dọn nhà một lúc bốn hộ. Họ ra đi chỉ chào lão Thập một tiếng như mới quen lần đầu, thậm chí coi như là khách lạ. Lão - nhân lúc người ta bận khuôn vác đồ đạc - kéo tay một chú bé bảy tuổi mà lúc nó còn nhỏ lão là người giữ trẻ không công, lão còn hay cho quà.

- Này cu Tí - Lão mở cho nó viên kẹo cao su - bố mẹ cháu đi thật à?

- Sao lại không thật! Bố mẹ cháu được cho nhiều vàng lắm. Người ta bồi thường đấy! Toàn vàng lá! Bố mẹ cháu đã mua nhà rồi. Sang lắm ông ạ.

Lão Thập không tin vào tai mình nữa! Nếu có thật vậy thì cái chung cư tiên tiến này sẽ ra sao. Cái hôm nhận được bằng khen, tất cả mọi người từ già đến trẻ lớn bé đều hứa trong tiệc liên hoan rằng sẽ giữ vững ngọn cờ. Đâu phải một mình lão nhớ, có cả mọi người đây chứ, có cả đại diện chính quyền, công an đường phố, cả người của Mặt Trận Tổ Quốc chứng kiến. Lão không hiểu nổi, lẽ nào chính những người này lại đi xử tử hình một điển hình? Dần dần lão nghiệm ra, những người lớn tiếng nhất trong trách nhiệm bám chung cư lại là những người hưởng ứng việc sang bán nó một cách nhanh nhẩu nhất. Như cái tay văn sĩ

lão thành tiếng tăm lừng lẫy nọ. Hấn tự xưng như vậy để chiếm căn hộ sang nhất và xơi cái gì ngon nhất còn lại, diện tích mặt tiền, dưới trệt để mở tiệm buôn. Hấn ranh ma đến nỗi cái hành vi lỗ chiếm bất hợp pháp của tập thể rồi cũng được nhà chức trách công nhận và hoàn tất thủ tục hợp pháp. Dùng một cái hấn sang bán tất cả cho Hồng Kông bằng con đường "mật giao" làm cho mọi người té ngửa vì bị bất ngờ, hụt hẫng. Rồi sau đó, cuộc thương lượng mới từ từ đến với những người khác. Hóa ra, cái tay tự xưng lão thành ấy lại có cái lão thành đúng nghĩa nhất, đó là sựa lừa dối, sự phản trắc với bạn bè và đồng đội.

Lão Thâm chẳng những ghét mà còn thù cái con người đầy gian xảo ấy. Nhưng dù sao thì ông ta cũng để lại cho lão một gánh nặng thắc mắc: những con người hay dạy dỗ người ta phải sống với lý tưởng, với tập thể, phải vì mọi người thì chính họ lại sống đê hèn nhất, bản tiện nhất cho cái riêng của họ. Vậy thì như cái thân lão đây, cái ước mơ nhỏ nhoi được làm người chủ tập thể chung cư liệu có tồn tại được hay không? Lão Thâm chỉ biết thở dài trước câu hỏi quá lớn so với khả năng ít ỏi của bộ óc teo tóp vì bị nhốt chặt gần nửa thế kỷ trong cái găm cầu thang và trên đầu nó (cái bộ óc ấy) là cả một núi Ngũ Hành đầy những con người tai to mặt bự đa mưu túc trí đề lên, biến lão thành một thứ nô bộc chuyên nghiệp không gì có thể đòi đòi hay cứu rỗi được. Bây giờ đây, lão còn biết dựa vào ai trong cái thành đô đang được tự nhân hóa với cái tuổi gần bảy mươi, cái chân thọt, con mắt chột và cái tổng thể tứ cố vô thân mà ngoài cái nhà này lão sẽ chẳng còn ai và chẳng còn gì. Lão Thâm có chết đi, giới lăm cũng chỉ nhập vào quân đội ma trời sẽ được ân huệ duy nhất trong dịp cúng cô hồn, vào ngày rằm tháng bảy xá tội vong nhân. Trong ngày ấy - có lần Quỳnh đã triết lý với lão rằng - may ra đời lão chỉ có một người thương yêu thật sự, người đó là cụ Nguyễn Du, người viết Chiêu Hồn Thập Loại Chúng Sinh.

Cái tay Quỳnh đều cáng ấy đã làm cụ mất ăn mất ngủ vì mấy câu chiêu hồn mà cụ Nguyễn Du viết ra như là để dành riêng cho loại người như lão: "Cũng có kẻ nằm cầu gối đất - Đôi tháng ngày hành khát ngược xuôi - thương thay cũng một kiếp người - Sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan" và "Hương lửa đã không nơi nương tựa - Hồn mồ côi lần lửa đêm đen. Còn chi ai khá ai hèn - Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu". Và giờ đây - lão nghĩ, không biết giữa cái tay Quỳnh độc mòn độc miệng kia với ông tổng giám đốc Ba Tuần thần tượng của lão, luôn có giọng ngọt ngào và trang trọng chỉ dành riêng cho lão, ai là kẻ đáng tin, ai là kẻ đáng ngờ, cuối cùng lão phải biết theo ai, tựa vào ai...

Trí não chai lì mê ngủ của lão bỗng hồi sinh, đưa lão vào trận mê hồn của tư duy đầy ảo giác và cuối cùng lão lịm đi trên chiếc ghế xích đu què quặt khập khiễng với lớp bố và chằng vá đụp lão dùng để ngã lưng trong khi làm nhiệm vụ trông coi xe cộ, khách khứa ra vào.

Chính vào cái lúc nửa mê nửa tỉnh ấy, Ba Tuần xuất hiện như một La Hán trầm tư với quá nhiều nếp nhăn trên trán. Ông sờ trán lão để yên tâm là lão vẫn khỏe mạnh rồi quan sát căn phòng xép của lão. Ba Tuần lầm bầm:

- Không đến nổi thấp
- Chú Ba nói cái gì không đến nổi thấp?
- Tôi nói cái giá căn phòng người ta trả cho bác đấy, bác Hai ạ. Bây giờ bác ký tên vào đây.

Lão Thậm chưng hửng, nhìn Ba Tuần trân trân. Ba Tuần thần nhiên đưa tờ giấy cho lão, lão ký chữ thập vào đó, xong Ba Tuần mở xác cốp lấy ra một bọc nặng nặng mở ra

đếm từng cây một. Chẵn bảy cây vàng 9999. Ba Tuấn chờ đợi lão Thâm đưa bàn tay run run ra vỗ lấy ôm vào lòng rồi mở lời cảm ơn theo kiểu nhờ ơn Đảng ơn Chính phủ lão mới có được bảy cây, chớ nếu không thì cả đời lão nữa chỉ cũng không sao có được. Nhưng không, lão Thâm tỏ ra hết sức dung dĩnh, lạnh nhạt nữa. Lão nói:

- Như vậy là chấm hết phải không chú Ba? Mười bảy năm xây dựng cái mô hình chung cư tiên tiến như vậy là xong hả chú Ba? Như vậy là mấy chú đã đồng ý bán đứng cái chung cư này cho Hồng Kông rồi phải không chú Ba? Như vậy là tất cả cô chú đều sẽ đi đến một ngôi nhà mới? Còn lão, thì lão biết đi đâu bây giờ?

- Bác Hai vô nhà dưỡng lão là tốt nhất. Còn bảy cây vàng thì gửi ngân hàng lấy lãi mà sống sung sướng tới cuối đời!

Ba Tuấn cố thuyết phục lão Thâm về tương lai sáng mà bảy cây vàng sẽ đem lại cho lão nhưng tuyệt nhiên không một tín hiệu ơn nghĩa nào được phát ra từ con mắt kéo mây đục mờ của lão, từ những nếp nhăn nheo vỏ táo phơi khô của ông già gằn đất xa trời. Ba Tuấn thất vọng, đứng dậy và bước đi.

Kể từ hôm đó lão Thâm trở thành một con người, một ông lão khác. Suốt ngày lão lụm cụm làm cái việc trông nom xe cộ khách khứa ra vào như một cái máy rôbốt già cỗi hết năng lượng hoặc bị vi khuẩn xâm nhập phần mềm. Công việc của lão bỗng chốc trở nên vô nghĩa vì không còn cái đích để tới, như một con thuyền không bến bờ. Lão rạc đi trông thấy. Lão không gượng nổi dù là một nụ cười để tiễn những người ra đi. Cứ mỗi lần có một căn hộ dọn đi là thêm một lần lão cảm thấy chới với như con tàu mất thêm những mảnh ván cuối cùng trong giông bão.

Cho đến cái hôm người cuối cùng là Ba Tuấn dọn đi, người ta không thấy lão nằm bất động trên cái ghế xích đu rách nát đặt tại cửa ra vào nữa. Ba Tuấn linh cảm điều chẳng lành khi phát hiện một đàn kiến đông vô kể từ phía hồ nước hành quân hồi hả về phía nhà khô, nơi có căn phòng xép của ông Hai Thậ. Ba Tuấn lần theo con đường hành quân zíc zắc của đàn kiến và cuối cùng biết được chúng đang tiến thẳng vào phòng xép của ông Hai qua kẽ hở dưới cánh cửa cái. Cánh cửa để ngỏ Ba Tuấn đẩy cửa bước vào. Ba Tuấn sững người lại, miệng ú ớ không ra lời. Mọi người chạy đến tò mò nhìn vào chiếc giường đơn. Lão Thậ nằm nhắm mắt xuôi tay như hàng đêm ông vẫn nằm, tấm chăn đơn mong manh đắp ngang bụng, hai bàn chân thò ra ngoài khô đét, trên gối, đàn kiến đang xép hàng tiến về phía mắt và tai. Mọi người nhận ra, cạnh gối là cái gối vàng mà Ba Tuấn đã giao cho lão. Cái gối còn nguyên, không có dấu vết của một lần sẫm soi nào.

Lão Thậ đã yên giấc ngàn thu.

- O -

Hầu hết truyện ngắn của Nguyễn Hộ đều viết về xã hội đương thời, trong đó có những người cách mạng và những người dân bình thường, tốt xấu lẫn lộn của thời buổi giao thời, con người luôn bị cái danh và lợi cám dỗ do di truyền của ông Adam và bà Eva.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hộ Web: txcc6.wordpress.com

- Chung cư Web: vnthuquan.net

3. Trần Độ



Trần Độ - Tạ Ngọc Phách (1923 - 2002)

Trần Độ tên thật là Tạ Ngọc Phách sinh ngày 23-9-1923 tại làng Thư Điền, tổng An Bồi, huyện Trục Định (nay thuộc xã Tây Giang, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình). Cha ông làm thông phán tại Phủ Thống sứ tại Hà Nội, mẹ ông làm ruộng tại quê nhà.

Năm 1930, ông được đi học tại trường tiểu học Đông Hường (thuộc Trình Phố, nay là xã An Ninh, huyện Tiên Hải, Thái Bình), rồi qua sơ học yếu lược Tiên Hải (xã Ngoại Đê).

Năm 1938 – 1939, ông vào học thành chung ở trường Duvillier (Hàng Đẫy), phố Nguyễn Thái Học, Hà Nội. Thời gian này, ông tiếp xúc với các ông Đào Duy Kỳ, Thành Ngọc Quân, Nguyễn Thượng Khanh (tức Trần Mai Ninh) ở báo “Thế giới mới”.

Đến hè năm 1939, ông tham gia làm báo “Người mới” của ông Trần Mai Ninh. Tháng 7/1939, ông bị mật thám Pháp bắt giam và đe dọa khủng bố. Sau khi được thả, ông bỏ học, về quê. Từ đây ông bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng, được tổ chức Cộng sản giao nhiệm vụ tập hợp thanh

niên vào tổ chức Thanh niên Phản đế ở xã rồi ở phủ Kiến Xương.

Đầu năm 1940, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam ở chi bộ Bát Điều – Thư Điền. Trong cuộc mít tinh ở cánh đồng Đông Lang vào tối 11-10-1940, ông tham gia diễn thuyết vận động nhân dân ủng hộ cách mạng.

Tháng 01-1941, ông được công nhận là Đảng viên chính thức - đặc cách và trong Đại hội Đảng tỉnh Thái Bình, ông được bầu là tỉnh Ủy viên dự khuyết, phụ trách Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên, Bí thư phủ uỷ Kiến Xương. Cuối năm 1941, ông bị thực dân Pháp bắt, giam ở Thái Bình và bị kết án ông 15 năm tù khổ sai, giam ở nhà tù Hoà Lò, Hà Nội.

Đầu năm 1942, ông bị đày đi nhà tù Sơn La. Đến đầu năm 1943, ông được kết nạp lại vào Đảng trong tù, ông tham gia làm báo “*Suối reo*”.

Cuối năm 1943, ông trốn thoát trên đường về Hà Nội để đi Côn Đảo, trở lại hoạt động cách mạng. Lúc đầu, ông được giao làm công tác tuyên truyền của Trung ương Đảng Cộng sản, giúp việc cho Tổng Bí thư Trường Chinh, tham gia làm báo “*Cờ Giải phóng*”, sau chuyển sang làm Bí thư Công tác đội của Trung ương ở An toàn Khu, vùng Đông Anh, Hà Nội.

Tháng 8-1945, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Đông Anh, sau đó về nhận công tác quân sự ở Hà Nội.

Năm 1946, ở mặt trận Hà Nội, ông làm Ủy viên Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Bộ, chính trị viên khu Hà Nội, Bí thư khu uỷ rồi Phó Chính uỷ khu II. Từ đây, ông lấy tên là Trần Độ.

HUỶNH ÁI TÔNG

Tháng 3-1947, ông lên Chiến khu Việt Bắc, ở đây ông làm Phó Phòng Tuyên truyền, Chính trị cục trong Bộ Tổng Tư lệnh, Bí thư chi bộ, Ủy viên BCH liên chi uỷ Đảng bộ Bộ Tổng Tư lệnh, Chủ nhiệm báo “*Vệ Quốc quân*” (nay là báo QĐND).

Đầu năm 1950, ông làm Chính uỷ Trung đoàn Sông Lô (E.209), Bí thư Đảng uỷ Trung đoàn, tham gia chiến dịch Biên Giới.

Ngày 27-12-1950 thành lập Đại đoàn 312, ông được cử làm phó Chính uỷ, quyền Chính uỷ Đại đoàn, Bí thư đảng uỷ. Làm Chính uỷ Đại đoàn, tham gia các chiến dịch : Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Lý Thường Kiệt, Hoà Bình, Tây Bắc, Thượng Lào và Điện Biên Phủ.

Tháng 10-1954, ông làm cán bộ của Tổng cục Chính trị, phụ trách tổng kết công tác chính trị.

Tháng 10-1955, ông là Bí thư Quân khu uỷ Quân khu Hữu Ngạn.

Tháng 6-1957, Chính uỷ Quân khu Hữu Ngạn, Bí thư đảng uỷ Quân khu.

Tháng 3-1958, ông được phong cấp Thiếu tướng.

Tháng 7-1960, Đại biểu Quốc hội khóa II.

Tháng 9-1960, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, được bầu vào BCH trung ương (Ủy viên dự khuyết).

Năm 1960, 1961 ông được cử đi học ở Viện Hàn Lâm quân sự Vô-rô-chi-lốp (Liên Xô), mỗi năm học 6 tháng.

Năm 1962, tham gia chỉ huy chiến dịch giải phóng Nậm Thà ở Bắc Lào.

Tháng 11-1963, ông được cử làm Chính uỷ Quân khu III, Bí thư Đảng uỷ Quân khu.

Tháng 12-1964, ông được cử vào miền Nam Việt Nam chiến đấu.

Tháng 3-1965, ông vào B2, tại đây ông là Ủy viên BCH Trung ương Cục, Phó Bí thư Quân uỷ Miền, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam kiêm Chủ nhiệm Chính trị (đến tháng 12/1966)

Tháng 5-1965, Chính uỷ chiến dịch Đồng Xoài.

Năm 1968, Tham gia chuẩn bị và chỉ huy Xuân Mậu Thân.

Tháng 8 đến tháng 10-1969, ra Hà Nội dự Hội nghị.

Tháng 2-1970, trực tiếp tham gia chỉ đạo chiến dịch ở Campuchia

Tháng 4-1971, tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ.

Tháng 10-1973, được cử làm uỷ viên BCH Trung ương.

Thời gian ở chiến trường miền Nam, ông viết nhiều bài bình luận quân sự, tổng kết kinh nghiệm công tác chính trị với các bút danh Trần Quốc Vinh, Chín Vinh, Cửu Long.

Tháng 3-1974, ông được thăng cấp Trung tướng.

Tháng 6-1974, ông ra Hà Nội họp Hội nghị quân sự cao cấp toàn quốc, rồi được giao làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục

Chính trị phụ trách công tác tổng kết chiến tranh, đồng thời là Phó Ban miền Nam của Trung ương Đảng (đến tháng 9/1975).

Tháng 11-1976, sau Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng, ông rời quân đội và được cử làm Phó trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Văn hoá, Bí thư Ban cán sự Đảng Bộ Văn hoá.

Tháng 3-1981, ông là Trưởng Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương (đến tháng 5-1982),

Tháng 7-1981, ông là Đại biểu Quốc hội khoá VII, Chủ nhiệm uỷ ban Văn hoá và Giáo dục của Quốc hội.

Tháng 6-1982, sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, ông là Ủy viên BCH Đảng, cố vấn Viện Văn hoá của Bộ Văn hoá.

Tháng 12-1986, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, ông là Trưởng Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương Đảng.

Tháng 6-1987, ông là Đại biểu Quốc hội khoá VIII, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Hội đồng Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hoá giáo dục Quốc hội đến tháng 9-1992.

Ông đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công (hạng nhất và hạng ba),...

Ngày 4-1-1999, do bất đồng chính kiến với một số lãnh đạo cao cấp khác của Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông bị khai trừ khỏi Đảng khi đã có 58 tuổi đảng.

Ông mất ngày 9 tháng 8 năm 2002 sau một thời gian dài lâm bệnh nặng, tuổi cao, sức yếu, thọ 79 tuổi.

Trong đôi câu đối tặng Trần Độ, Hà Sĩ Phu viết:

*Văn võ tung hoành, trung tướng phong **trần**, thế sự song kiên song trọng đảm*

*Bắc Nam xuất nhập, đại quân tế **độ**, hùng binh nhất trượng, nhất đan tâm.*

Tác phẩm:

- *Lòng tin* (Quân đội Nhân dân, 1953)
- *Nỗi lòng đồng chí Mão* (Quân đội Nhân dân, 1955)
- *Kể chuyện Điện Biên* (bút ký, Văn Nghệ, 1955)
- *Tìm hiểu khẩu hiệu “Sống, học tập và làm việc như những người cộng sản”* (Quân đội Nhân dân, 1961)
- *Lý tưởng, ước mơ và nghĩa vụ* (Thanh niên, 1964)
- *Bên sông đón súng* (Hồi ký, Thanh niên, 1964)
- *Một số kinh nghiệm giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng của Quân giải phóng miền Nam* (Quân đội Nhân dân, 1970)
- *Anh bộ đội* (tập tùy bút, Quân đội Nhân dân, 1975)
- *Mấy vấn đề về xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa* (Sự thật, 1978)
- *Phấn đấu xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa* (Sự thật, 1982)
- *Văn hoá, văn nghệ trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Mục tiêu và động lực* (Văn hoá, 1986)
- *Nghĩ về cuộc sống* (Tp. HCM, 1987)
- *Đồng đội* (Văn nghệ Tp. HCM, 1987)
- *Những kỷ niệm ... ảnh* (Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam, 1987)
- *Mấy vấn đề văn hoá cần nghiên cứu* (Tp. HCM, 1987)
- *Văn hóa ở cơ sở và văn hoá ở huyện* (Tp. HCM, 1987)

- *Văn hóa văn nghệ dưới ánh sáng Đại hội VI của Đảng* (Sự thật, 1987)

- *Đổi mới và chính sách xã hội, văn hóa* (Tp. HCM, 1988)

.....
Một số sách chủ biên hoặc chỉ đạo biên soạn :

- *Chiến thắng Điện Biên Phủ* (tập 1, tập 2, Quân đội Nhân dân, 1964)

- *Trận đánh 30 năm* (tập 1, tập 2, tập 3, tập 4, Quân đội Nhân dân, 1983)

- *Văn hoá Việt Nam tổng hợp 1989 – 1995* (Memento, Ban VHVNTU, 1989)

Trích văn:

Đêm trăng ngoài mặt trận

(Tặng hương hồn em Trang)

Đi qua bãi tha ma và nhiều cánh đồng chúng tôi mới tới được Bộ chỉ huy của mặt trận TH.NH, chúng tôi vào một con đường ven ao nhỏ bé, gồ ghề, hai bên cỏ rậm bần thiu. Con đường ấy đưa tới một cái sân gạch nhỏ rêu xanh của một căn nhà gỗ mái lá tối sẫm.

Trong sân dưới rặng chuỗi xơ xác vật vờ, hàng chục anh đang cởi trần tắm giặt, làn da chai sạm lại trước những cơn gió lạnh như kim châm.

Chợt có tiếng gọi đến tên tôi, tôi ngó quanh tìm. Một thanh niên thấp béo, tay cầm quyển sách, tay cầm bút ở trong sân nhà lụp sụp chạy ra. Đầu anh đội mũ nồi lại có gài lưới, lưng thắt một bao da đạn và đeo một khẩu súng ngắn. Đó là anh Th. một người cùng phổ với tôi. Tôi nắm lấy anh, tôi hỏi chỗ anh Tr., Đại đội trưởng chỉ huy mặt trận này. Anh

hăm hở nhanh nhẹn chỉ đường cho tôi. Qua rất nhiều ngõ hẻm đen và gò ghề, gặp rất nhiều thanh niên nam nữ, lam lũ có ; thanh lịch có, đi đi lại lại, bận rộn, hối hả ...

Chúng tôi tới căn nhà có sân gạch và tường hoa vây quanh sân, nhưng đây là một cố đô đã lâu năm lắm, nên tường đã đen những rêu và sân gạch lỗ chỗ khắp cả.

Mọi người đang ồn ào trong nhà, thấy chúng tôi vào, ngạc nhiên xô ra, anh Th. đang hỏi: Anh Tr. đâu? Anh Tr. đâu? thì chúng tôi đã trông thấy V.S. một chính trị viên đại đội mới được điều động về đây. Qua một cái chào nhà binh rất vội vàng, chúng tôi ôm chầm lấy nhau cuống quýt. Trong lúc này vài viên đạn súng cối đang rít qua đầu. Thì ra sự gặp gỡ trong giờ phút chiến đấu nó thiêng liêng khác thường quá. Chúng tôi tưởng chừng xa nhau lâu lắm, hay từ phương nào xa thăm về đây tụ họp. Tôi tát vào má V.S. để gửi cả vào đấy những lời khen sôi nổi và lòng thân ái.

Chưa kịp làm gì hơn thì Tr. đã ở ngoài ao nhảy qua bức tường hoa lem nhem, hấn rú lên, nhưng cũng không quên giữ lễ nghi quân đội, hấn đứng giữa sân, cúi thân hình 1 thước 80 gập xuống 45 độ. Cái đầu trọc và nhọn trắng thêm vì đôi mắt mừng rỡ và cái miệng cười không mím lại được. Thế là tính ra đúng mười ba ngày rồi chúng tôi mới lại gặp nhau. Nắm lấy tay nhau, vỗ vai nhau mà chúng tôi chưa thấy trao cho nhau đủ những tình duyên ái. Chưa đầy nửa phút, các đội viên quen thuộc túm lại quanh đã đến 10 người. Chúng tôi bắt tay hết lượt và tự nhiên xoay nhau thành một tùm tròn ngay vĩa hè nói chuyện. Thế là cả Đại đội trưởng, chính trị viên chen cánh cùng đội viên vây quanh tôi. Tôi nói chuyện tình hình các mặt trận khác quanh thành phố cho mọi người nghe, tôi nói không thấy mỏi mà các anh em hỏi không tiếc lời.

Trong khi ấy, đạn súng cối của địch vẫn rít ở không trung và mấy chiếc máy bay đang hực hực chao cánh tìm mồi.

Tr. là một thanh niên học sinh, ham chiến đấu, làm việc nhanh nhẹn, có kế hoạch nên được quân dân khắp mặt trận TH.NH. mến phục.

Khi kể chuyện, giọng nói Tr. pha lẫn chút nũng nịu nhưng kiêu căng. Các đội viên đứng chung quanh đua nhau kể chiến công oanh liệt của mình. Được một lát chúng tôi hiểu qua tình hình mặt trận. Nhờ địa hình tốt, anh em giữ thế trận rất vững. Quân địch tốn bao nhiêu đạn súng cối mà không phá nổi. Thịnh thoảng bộ đội còn mở trận phản công làm chúng hoảng hồn và thua thiệt. Có trận anh em xung phong đuổi theo dữ quá, chúng quay lại chửi bới tục tằn :

- Người chúng mày là người gì ? Súng bắn thế mà chúng mày cũng đuổi ? Chúng mày không sợ chết à ? ...

Một số cán bộ trung đội hăng quá đã bị thương.

Mặt trận đây còn có ông lang trọc, đó là anh Th. tôi quen từ trước. Anh là thầy thuốc thông minh niềm nở, vui tính và chăm chỉ vô cùng. Anh săn sóc sức khỏe các người chiến đấu hết sức tận tụy, ai cũng mến yêu. Lại có một đội viên mang biệt hiệu là hùm xám, người anh thấp, mập, mặt sần sùi đen đũi, mắt háy háy, coi đầy vẻ tinh nhanh, anh cầm cái roi da phe phẩy, người anh luôn run rẩy như nóng lòng chờ đón một cái gì. Anh mê đánh giặc như mê gái, chỉ thích đi suốt ngày đêm không biết mỏi. Anh tiến đánh rất ngang tàng, không mấy khi trúng đạn. Khi kể chiến công, tay trái anh ngoe ngoẩy cái roi, tay phải hoa lên :

- Có bạn, em đang đứng với một đồng chí ở vị trí moóc-chi-ê nọ rớt như mưa, cả súng liên thanh nữa. Em cứ đứng

mà không chết. Đồng chí kia vừa lóp ngóp bò lên, em chưa kịp bảo, thế là nó “phệt” cho một quả, chết ngay. Thế mà em không việc gì ! Hi ! Hi ! Hi ! ...

Anh lại cười, mắt híp lại, cái thân hình nặng nề lại run rẩy đầy ranh mãnh.

Trời đã sẫm tối, chúng tôi rủ nhau đi thăm anh em nằm ngoài vị trí.

Lúc ấy trăng mười hai le lói sau những đám mây sẫm lũ lượt lướt rất mau, soi sáng lờ mờ trận tuyến kéo dài trên bờ đê.

Mới chập tối, trận tuyến tấp nập vui vẻ, cái tấp nập vui vẻ của mặt trận thật kỳ thú. Nó nửa như hội hè, nửa như chợ họp, mà mỗi hội này, phiên chợ này lại có một cái gì đầy gian hiểm, mọi người chung quanh đây đều vẻ mạo hiểm, nhon nhon.

Khi ra tới đê thì vừa gặp lúc một tiểu tổ quấy nhiễu bắt đầu làm việc. Một tràng liên thanh địch bắn trả sang vị trí, chúng tôi vội kéo nhau nằm rạp xuống đến hai phút mới lóp ngóp bò dậy đi. Tôi phải đứng trước một cảnh tượng lạ lùng : hàng chục lỗ chiến đấu đào ven đê, lỗ thì tối om, lỗ thì hơi le lói tí ánh sáng.

Tôi lại gần ngó vào một hố đầu tiên, hố này khoét thành một cái vòm dài chừng hai thước, sâu vào độ tám mươi phân. Chui vào phải cúi, trong hố có rải chiếu và trên tường đất có đôi chỗ khoét vào, một chỗ có mấy cái hoa dại cắm vào một cái cốc con mẻ miệng, một chỗ dán một ảnh Hồ Chủ tịch nhỏ xíu và một chỗ khác một cái tượng ngà đứng cheo leo. Thật là một phòng ngủ xinh xắn. Đồng chí ở hố này đang ngồi xem báo Cứu quốc bằng ngọn nến nhỏ, anh

ngồi nhóm dậy nhìn chúng tôi rồi liếc lại chỗ nằm một vẻ vừa sung sướng vừa thẹn thò.

Một hồ khác có hai đồng chí đánh cờ người vừa cười khúc khích. Hồ này thì hoa cắm vào một vỏ đạn “ca-nông vanh” của máy bay và bên cạnh hình Hồ Chủ tịch vẽ tay có hình một vệ quốc quân chạy trong đám lúa.

Tôi đang sung sướng với cái vui mặt trận thì Tr. liên thoáng nói thêm :

- Ở đây giàu chính trị lắm anh ạ ! Đấy anh xem, mặt trận mà lúc nào cũng vui như tết. Tinh thần tự vệ cao lắm, trận nào cũng có chừng một trung đội đi đánh với anh em bộ đội. Sau mỗi trận đánh đột kích, các trung đội khai hội rút kinh nghiệm. Có ban âm nhạc, có bích báo, có tạp chí, có xưởng chữa súng, chữa giầy, có thợ cạo, có các chị phụ nữ nấu cơm vá quần, vá áo vui lắm. Tớ nữa anh sẽ đi xem một lớp huấn luyện.

Chúng tôi còn sắp có một câu lạc bộ nữa kia.

Chúng tôi đến một vọng gác. Đồng chí gác trang nghiêm bỗng súng chào. Đáp lại câu hỏi “đồng chí được bao nhiêu Tây rồi”. Đồng chí lạnh lùng trả lời : “Thưa anh, mới được có ba thằng ạ, súng em giật mạnh quá, em hãy còn 28 viên nữa”.

Thấy đồng chí có vẻ lơ đãng với câu chuyện, tôi đang bối rối, thì đồng chí ấy hàm hạp nói tiếp, mắt nhìn về phía lò lợn, lửa đang phùng phụt lên : “Thưa đồng chí Đội trưởng, nhà em đang bị cháy, gác xong, xin đồng chí cho phép em đi vào tiểu tổ tập kích thứ hai ạ”.

Trang mỉm cười : “Không sợ mệt à ? Lại tức vì nó đốt nhà chứ gì ? Đồng chí có buồn không ?”

- “Không ạ ! Sao đồng chí lại hỏi em thế ? Thân còn chẳng tiếc, buồn gì chuyện mất nhà ! Nhưng em ức lắm ...”. Rồi lại nghiêm trang ...

Chúng tôi lại đi.

Vừa được mười bước thì từ phía trong làng vọng ra tiếng rao lanh lảnh : “Ai mua nước ra mua ?”

– “Ai nước vôi nóng đây ! ...” Chen lên tiếng cười khúc khích, tôi chưa kịp ngạc nhiên, Tr. đã giải thích : “Tiếp tế nước đây ạ !”.

... Một đoàn ngót chục chị phụ nữ lom khom đi ra, dưới ánh trăng sông, các chị hiện thành những bóng đen linh động.

Các chị đi tay xách nước, tay cầm bát y như những cô bán nước thật, vừa đi vừa cười rữ rượi vừa nói đùa ... Bỗng tiếng gọi ran :

- Hàng nước đâu ? Lại đây !

- Chỗ này mau hai bát đây !

Rồi lại cười, thì ra người ta đùa thế ! Bỗng “bộp” ở xa xa. Tr. kéo tôi nằm xẹp xuống nhanh như cắt, rồi “vú ... vú ! đoàng !” ... lại “đoàng ... vú vú đoàng !”. Ba quả móc-chi-ê liên tiếp từ phía sau làng Th. L.

Hai phút im lặng, Tr. kéo tôi dậy, thân nhiên nói : “Thế luôn đấy. Thỉnh thoảng nó lại cho vài ba quả vui vui”.

Các đội viên : “Méc-li-e đây ! Móc-luôn đây – Mỏ chìa đây ! Các chị tiếp tế lại bắt đầu riu rít : - “Khiếp ! bác này tham thế, uống những hai bát !”.

- Thôi, bình tôi cạn rồi !

- “Sao lại cho tôi uống bát mẻ thế này ?” và ha ha tiếng cười lan đi xa xa tấp, tôi dùng dằng không muốn trở lại nữa, thì Tr. kéo tôi đi thăm lớp huấn luyện.

Len lỏi qua con đường gạch nằm giữa những tường cao đầy khẩu hiệu, chúng tôi đi dưới ánh trăng mờ trắng đục, có cảm tưởng vui vui, như rủ nhau đi ăn phở đêm khuya ở một phố vắng thủ đô ...

Phụ trách lớp huấn luyện là anh chàng Ng. G. H bé nhỏ, láu táu, đeo kính trắng và guom Nhật. Anh chàng này đã cận thị lại hay xách kiếm lê thê đi tập kích đêm. Một hôm tiến vào một ổ thổ phi mà không trông thấy, bị nó bắn suýt chết chỉ vì kiếm dài hơn người, chạm vào gạch đánh “cách” ...

... Đang phiên chế một trung đội tự vệ, thấy chúng tôi, anh lạch bạch chạy ra rồi lại lạch bạch chạy vào hô to “Nghị ... ê ... m” rồi lại chạy ra tay trái giữ kiếm, tay phải giơ chào cứng cáp.

Sau khi thăm qua lớp huấn luyện dân quân, chúng tôi lại trở về đại đội bộ.

Lúc này đã khuya lắm ... Tr. rút bao thuốc lá trong người mời mọi người ; đứng giữa sân đầy trăng, chúng tôi châm thuốc lá hút, V.S. bảo :

- Ở đây đánh giặc như đùa áy, một hôm dân đuổi thổ phi, nó chạy ùm xuống sông. Anh em lấy gạch ném, chúng nó vừa bì bõm vừa chửi : “Tiên sư nó, lính gì mà lính đánh dai thế ?”.

Tr. tiếp : “Đêm nào V. S. và tôi cũng mò lên Lò Đúc đấy. Nhưng hôm nay nghỉ ở nhà nói chuyện với anh ...”.

(1947)

Trong bài *Bản lĩnh Trần Độ*, Tiến sĩ Tô Văn Trường viết:

“.... Ở cương vị thay mặt Đảng, lãnh đạo văn hóa, văn nghệ, ông có ý thức “cởi trói”. Ông nhận thức rằng văn hóa mà không có tự do là văn hóa chết. Văn hóa mà chỉ còn có văn hóa tuyên truyền cũng là văn hóa chết. Càng tăng cường quản lý bao nhiêu, càng bóp chết văn hóa bấy nhiêu, càng hiếm có những giá trị văn hóa và những nhà văn hóa cao đẹp. Cần phải biết trọng dụng các tài năng, thuyết phục các tài năng có cá tính độc lập, và tài năng sáng tạo, họ không phải là những kẻ dễ chịu ngoan ngoãn, phục tùng.

.... Thế hệ chúng tôi, những người nay đã trong độ tuổi 60-70, những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ trước luôn hào hứng, say sưa và xúc động đọc trên báo, nghe trên đài phát thanh rất nhiều những bài viết, bài nói của ông Trần Độ. Những bài báo, những câu chuyện phần lớn ông dành cho thanh niên, giàu cảm xúc, hấp dẫn, hóm hỉnh và rất lôi cuốn. Cuộc đời binh nghiệp hiển hách của ông càng làm tăng thêm sức thuyết phục của những bài viết và bài nói của ông...”

Tài liệu tham khảo:

- Trần Độ Web: vi.wikipedia.org
- Đêm trăng ngoài mặt trận Blog: trandotacpham.blogspot.com

4. Dương Thu Hương



Dương Thu Hương (1947-20)

Dương Thu Hương sinh năm 1947 tại Thái Bình, sống nhiều năm ở Hà Nội.

Năm 1967, lúc mới là sinh viên 20 tuổi tại Hà Nội, bà tình nguyện tham gia Thanh niên xung phong, phong trào Tiếng hát át tiếng bom, phục vụ trong một đoàn văn công tại một trong những khu vực chiến tranh ác liệt nhất lúc đó: Bình Trị Thiên. Bà là một trong bốn người trong đoàn sống sót trở về.

Bà lập gia đình trong thời gian này, có hai con một trai, một gái, năm 1980 hai người li dị.

Năm 1975, khi miền Bắc xua quân chiếm miền Nam, Dương Thu Hương từ Quảng Bình theo đoàn quân vào Sài Gòn, bà đã sáng tác truyện ngắn *Loài hoa biến sắc*. Sau một thời gian, bà trở ra Bắc.

Năm 1980, Dương Thu Hương tham dự khóa đầu tiên Trường viết văn Nguyễn Du. Ngoài viết văn bà còn công tác trong ngành điện ảnh.

Năm 1980, Dương Thu Hương đã có tác phẩm *Những Bông Bần Ly*, *Một bờ cây đổ thắm*, tiếp theo các tác phẩm khác ra

đời, bà nhanh chóng nổi tiếng.

Năm 1984, Dương Thu Hương có theo chân đoàn phim ảnh sang Liên Xô.

Bà là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, nhưng đã bị khai trừ khỏi Đảng vào năm 1989, do "đấu tranh cho tự do dân chủ" và phê phán thể chế hiện hành. Bà viết nhiều tác phẩm nổi tiếng như *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù...* nói lên sự vỡ mộng của mình đối với chế độ cộng sản.

Năm 1991, Dương Thu Hương bị bắt vào tù từ 14-4-1991, cho đến 20-11-1991, với lý do là bán tài liệu ra nước ngoài, nhờ được Đệ nhất phu nhân Pháp bà Danielle Mitterrand vận động can thiệp, nên bà được trả tự do.

Năm 1994, bà sang Pháp được Bộ trưởng Văn hóa Pháp, ông Jacques Toubon, trao tặng Huân chương Văn hóa Nghệ thuật *Chevalier des Arts et des Lettres* năm 1994, được chánh phủ Pháp mời ở lại tị nạn, nhưng bà trở về Việt Nam.

Dương Thu Hương có 6 tác phẩm được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức. Đặc biệt, với cuốn *Chốn vắng*, bà đã lên truyền hình Pháp TF1. Đây được xem là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của bà, nằm trong danh sách đề cử giải Femina và nhận Giải thưởng lớn Đọc giả của tạp chí Elle (*Grand prix des lectrices de Elle*) 2007.

Tháng 4 năm 2006, bà được mời sang Paris, Pháp và sau đó sang New York, Mỹ dự một hội nghị Văn bút Quốc tế, chuẩn bị viết thêm tác phẩm mới, và cũng để ra mắt bạn đọc khắp nơi. Kết thúc chuyến đi này, bà trở lại Pháp xin lưu trú, nói là để tiếp tục sáng tác và không can dự vào chính trị nữa.

Giữa năm 2008, bốn tác phẩm của bà đã được đưa vào bộ sách Bouquins ở Pháp: *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù*, *Tiểu thuyết vô đề* và *Chón vắng*.

Năm 2009, Dương Thu Hương được GS.TS. Joseph Pivato, dạy môn văn chương Anh ngữ tại đại học Athabasca ở Alberta, Canada đề cử vào danh sách cửu xét cho giải Nobel văn chương của năm.

Tác phẩm:

- *Loài hoa biến sắc* (Truyện ngắn, 1975)
- *Miền cổ tư* (Truyện ngắn, 1976)
- *Những bông bản ly* (Tập truyện, Tác Phẩm Mới, 1980)
- *Một bờ cây đờ thắm* (Tập truyện, 1980)
- *Quảng trắng lơ* (Kim Đồng, 1981)
- *Chàng trai trên sân thượng* (Tập truyện, TCCT, 1985)
- *Hành trình ngày thơ ấu* (bản tiếng Pháp: *Itinéraire d'enfance*, Kim Đồng, 1985)
- *Ban mai yên ả* (Tập truyện, Thanh Niên, 1985)
- *Đổi thoại sau bức tường* (Tập truyện, Tác Phẩm Mới, 1985)
- *Chân dung người hàng xóm* (Tập truyện, Văn Học, 1985)
- *Hoa tâm xuân của mùa thu* (Truyện dài, 1985)
- *Chuyện tình kể trước lúc rạng đông* (Tập truyện, Hà Nội, 1986)
- *Bên kia bờ ảo vọng* (bản tiếng Pháp: *Au-delà des illusions*, Phụ Nữ, 1987)
- *Những thiên đường mù* (bản tiếng Pháp: *Paradis aveugles*, Phụ Nữ, 1988)
- *Các vĩ nhân tình lẻ* (Tập truyện, Thanh Niên, 1988)
- *Quãng đời đánh mất* (Hải Phòng, 1989)

- *Tiểu thuyết vô đề* (còn có tên là *Khải hoàn môn*; bản tiếng Anh: *Novel Without a Name*)
- *Lưu ly* (bản tiếng Anh: *Memories of a Pure Spring*, 1996; bản tiếng Pháp: *Myosotis*, 1998)
- *Chốn vắng* (bản tiếng Anh: *No Man's Land*; bản tiếng Pháp: *Terre des oublis*, 2002)
- *Đỉnh cao chói lọi* (được dịch sang tiếng Pháp với tựa *Au Zénith*, 2009)
- *Sanctuaire du cœur* (2011)

Trích văn:

Loài hoa biển sắc

Tôi khoá cửa, cẩn thận móc thêm mấy chiếc móc sắt và thả những tấm rèm xuống. Xong xuôi, tôi mở sắc lấy ra thỏi son Nữ hoàng Ê-li-da-bét. Ông son mạ vàng in hình đầu một người đàn bà đẹp mê hồn.

Tôi đặt thỏi son lên môi, hồi hộp và náo nức. Trong tấm gương, một khuôn mặt xa lạ nhìn tôi: Đôi mắt, đường cong lông mày, món tóc lưa thưa sau cơn sốt phủ xuống trán, làn da tái xanh với những chấm tàn nhang mờ mờ hai bên má... Những thứ đó chẳng ăn nhập gì với cặp môi tô son nhem nhuốc. Đôi mắt trong gương nhìn tôi với vẻ lạ lùng. Và một đôi mắt khác, một đôi mắt vô hình nhìn tôi với cái nhìn nóng bỏng. Tôi đặt thỏi son xuống. Con gió đi qua thổi lật những trang sách trên bàn. Đó là cuốn "làm đẹp", một cuốn sách dày ngót sáu trăm trang mà tôi mới tìm mua được ngày chủ nhật trước. Những dòng chữ in nghiêng nổi lên: Trang điểm xong, bạn hãy ngồi trước quạt dăm phút cho khô kem rồi hãy sang phòng chọn áo. Mùa hè nên chọn hàng mỏng. Thứ bóng hay mờ tùy theo người gầy hay béo. Màu thanh thiên, hoàng yến, lòng tằm lọt hay màu hoa cà là những màu thường được ưa chuộng... Những người đàn

bà ở đây mới sung sướng làm sao?...Một sự thèm muốn xâm chiếm lòng tôi, từ từ và đau rát như một dòng chì lỏng tưới vào. Sau những năm tháng ở rừng, cuộc sống ở nơi đây làm tôi choáng váng. Phố phường, nhà cửa, lầu gác, hàng hoá, ánh đèn chất ngất, tiếng ồn ào vô tận như dòng suối chảy trên bờ phố, nhịp điệu của tiếng đàn ghi ta trong những tiệm cà phê thấp đèn hồng... Nhưng điều lôi cuốn hơn cả vẫn là những người đàn bà ở đây. Họ mở ra trước mắt tôi một thế giới của cuộc sống phồn hoa, một thế giới chúng tôi chưa từng thấy, chưa từng nghĩ đến, một thế giới choáng lộn màu sắc và ngào ngạt hương thơm của các mỹ phẩm. Mỗi người đàn bà ở đây có hàng tá áo dài áo len đủ màu và đủ kiểu. Những hộp nữ trang đồ sộ, các loại phấn son, các thứ chì kẻ mắt... Chỉ những đồ dùng vật vãnh của họ cũng đủ làm cho tôi mê mẩn.

Tuổi thanh xuân đi qua trên những cánh rừng ngút ngàn của giải Trường Sơn. Những năm ấy làn da đã trôi mất màu hồng tươi thắm vì sốt rét. Mái tóc ông ả đã trút dần trên những con suối độc ngâm đầy lá lim. Bàn tay quen với chèo cuốc dân chài cứng. Và chúng tôi trở về thành phố với chiếc ba lô sau lưng, tấm khăn dù quấn quanh cổ và với vẻ vụng về ngơ ngác của những người quen ở miệt núi non. Đoàn quân chiến thắng đổ về các thành phố. Chúng ta đã sống những ngày đầy tự hào, những ngày vui sướng đến gâp ngất. Nhưng rồi sau đó chỉ những người con trai vô tư là giữ được trọn vẹn niềm hân hoan đó. Tôi thì có khác, bên hạnh phúc của người chiến thắng, tôi còn những nỗi xao xuyến khác, một thứ tâm sự rất đàn bà. Tôi thường nhìn những người con gái đi qua mặt mình, những người con gái được trang điểm lộng lẫy, áo quần sang trọng, dáng điệu đài các. Họ đi đến đâu, không gian sực nức mùi nước hoa quyến rũ. Rồi tôi cũng lại tự ngắm mình trong gương, trong các tấm kính cửa, và tôi thấy ở đó một cô gái đen đui, ăn vận xoàng xĩnh. Có một cảm giác gần như ghen tị, và bên

dưới sự ghen tị đó là một nỗi tủi buồn mờ nhạt, không rõ nét nhưng dai dẳng xâm chiếm tâm hồn. Mỗi khi có người đàn bà nào đó đi qua không thèm ngoái lại, ném sang một cái nhìn chế diễu hoặc khinh mạn, lòng tôi cộm lên và nổi uất ức làm nóng ran đầu óc...

Tôi nhìn vào tấm gương. Một khuôn mặt khác vẫn còn trong đó, với đôi môi đỏ chót.

Gian phòng thênh thang vắng lặng. Trên bàn chếc máy ghi âm đang phát ra một đoạn nhạc không lời, một giai điệu nhọt nhạt buồn bã nhưng tiếng đệm của bộ gõ lại quá chất chúa và rậm rịch. Đoạn nhạc kéo dài, rồi nó chợt tắt đi và tiếng đọc thơ vang lên, một giọng nam trầm ấm áp:

*Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn
Hai đứa ở hai đầu xa thăm ...*

Bài thơ than thiết, như một cơn gió đột ngột ủa đến, nó tràn đầy trong tôi, xoá sạch những nỗi buồn bực, day dứt.

Tôi nhắm mắt lại. Không còn nhìn thấy khuôn mặt ngo ngác có cặp môi tô son, không còn nhìn thấy bóng dáng những người đàn bà thành phố, không còn cái đầu mê hồn của nữ hoàng Ê-li-da-bét mạ vàng. Không còn những ao ước những khát khao mới lạ...

Những cánh rừng rung lá trên đầu tôi. Những cánh rừng xanh rì, dây leo nở đầy hoa, những tán cây xum xuê như chiếc dù thân bí. Trắng cỏ non bốc lên làn khói màu lam... Rồi đường 20, con đường lầy như cháo đồ, những con ngà nước réo. Đèo Phu-la-nhích trong sương. Làn khói vòng vèo trên mái nứa binh trạm. Tôi cùng đồng đội đứng làm cọc tiêu trong mưa. Trận bom bên kia đèo. Trong cái hang Cóc Chúa sặc sụa khói, chúng tôi ngồi gác chân bên

đồng than hồng, vắt mái tóc ướt sũng nước mưa và gào lên những câu hát tinh nghịch:

Hết xuân rồi, anh có lấy em không?...

Những ngày gian truân và vui sướng.

Tôi chìm sâu trong những hồi ức chiến tranh, lòng mát mẻ em dịu và thấm đẫm những giọt sương mai, những giọt sương của một cánh rừng tiên duyên, chúng nối nhau rơi xuống từ những chiếc lá hình thoi, màu xanh sáng. Trên chót những vòm lá một chùm hoa tím đung đưa.

Những giọt sương rơi lộp độp, tiếng vang động như tiếng nứt của những quả thông khô...

Ai gõ cửa rất lâu và dồn dập. Tôi sực tỉnh. Việc đầu tiên là lấy khăn ướt lau cho sạch son trên môi rồi chạy ra mở khoá. Chiếc chìa khoá vừa xoay một vòng thì hai cánh cửa đã bật tung ra và Khánh đứng trước mặt tôi với nụ cười hết cỡ:

- Nhóc con, ngủ hay sao mà lâu thế?

Tôi chưa kịp trả lời thì anh đã mắng té tát luôn:

- Coi chừng đó, về thành phố là đâm lười ra, chưa tới đã lên giường ngủ. Tôi cười chống đỡ và vội vàng đứng tựa lưng vào chiếc bàn trang điểm để che đi hộp son còn nằm lẫn lóc. Nhưng Khánh không để ý đến điều đó, anh giục tôi:

- Chải đầu rồi đi ăn cơm với anh.

- Em ăn cơm chiều rồi.

- Đi chơi, ăn bánh trái là chủ yếu chứ ai bắt ăn cơm. Con

gái ở rừng về có khác, gốc thật.

Tôi ngại ngừng:

- Thôi, để khi khác.

Khánh nhìn quanh phòng, anh cười triu mến:

- Này, đây có phải cái đèn đầu mà em làm ông từ coi bàn thờ Phật.

Khánh cùng cơ quan với tôi nhưng ở khác bộ phận. Tôi được vào làm phóng viên báo là do anh. Hồi trước tôi ở C bẫy. Trong một đợt đi công tác dọc đường 20 Khánh đã đến đơn vị tôi. Anh đọc báo liếp chi đoàn rồi cứ nằng nặc đòi tôi cho xem nhật ký. Anh đi được nửa tháng thì có lệnh gọi tôi lên ban chỉ huy. ở đó người ta làm thủ tục chuyển tôi sang toà báo và chỉ nói một câu cụt lủn:

- Đồng chí sang bên đó hợp với khả năng hơn.

Đeo ba lô đến cơ quan mới, tôi vẫn cứ tấm tức không hiểu vì có sao người ta lại cho tôi ra đi một cách vội vàng đến thế. Tụi bạn gái khóc sụt sướt, chúng dúm vào ba lô tôi từ chiếc mùi xoa, cây kim móc đến mấy sợi chỉ thêu và chiếc hộp đựng xà phòng gò bằng ống pháo sáng. Đến nơi mới thấy Khánh đứng cười ha hả, tay cầm phong lương khô đem làm quà cho nữ phóng viên mới. Khánh đã có vợ con và hơn tôi bảy tuổi. Anh đối với tôi và những bạn đồng nghiệp khác có cái săn sóc của người gia trưởng. Trong con mắt anh, tôi là một con bé tinh lẻ, lớn xác và ngốc nghếch vì thế anh hay để ý chăm chút hơn.

Tôi chải tóc và lấy chiếc túi nhựa bỏ vài thứ lặt vặt vào.

Khánh đã khởi động chiếc hon đa ngoài sân. Tiếng máy nổ lục đục, tắt nghẹn rồi lại ròn rã.

- Nào, ngồi lên, ôm cho chắc kéo ngã vỡ đầu đấy.

Khánh ra lệnh, anh chờ tôi ngồi yên rồi mới dặn ga. Chiếc xe lao đi.

Đường phố buổi tối rất đông. Tuy bớt đi vẻ ồn áo nóng bức ban ngày nhưng lại thêm cái chói chang, lấp loé hoa, mùi rác rưởi, vỏ cây lá bánh ngoài cửa chợ và mùi xào nấu trong các tiệm ăn bốc lên.

Khánh đưa tôi đến một tiệm ăn Hoa Kiều. Một thanh niên chờ sẵn ở đó, chạy ra nắm lấy tay Khánh tươi cười:

- Sao lâu vậy, làm mình chờ hoài.

Anh ta quay sang tôi:

- Chào chị.

Tôi gật đầu chào lại. Khánh giới thiệu:

- Đây là cô Sửu, em út trong cơ quan tôi. Còn đây là anh Hoàn vừa là anh con bác vừa là bạn của anh.

Tôi cười. Hoàn nhã nhận chìa tay ra dáng điệu lịch thiệp và duyên dáng. Anh bận áo ni lông cát trắng và chiếc quần vải mềm mầu xám nhẹ. Hoàn có nụ cười tươi, môi mỏng và hồng, nó làm người ta quên đi nước da nhợt rất khó ngó với khuôn mặt quá dài, nhất là chiếc cằm giống hệt một chiếc bánh mì chưa nướng.

Hoàn là anh em con chú bác ruột với Khánh, nhưng hai

người ngoài mối quan hệ ruột thịt còn gắn bó với nhau bằng tình bạn hữu. Cả hai cùng ở phố Trần Xuân Soạn Hà nội. Năm 54 họ còn là những chú bé tám tuổi sáng sáng xin mẹ hai trăm rưỡi ra ngõ I Hàm Long ăn phở Tàu, đến trường chia nhau từng quả táo dầm muối ớt. Sau đó gia đình Hoàn di cư. Hai người đứng trong xó tối buồng tám khóc thút thít. Khánh đã dốc vào túi anh tất cả số tiền lấy trộm được của mẹ với một gói ô mai. Ngày ấy cách đây đã hai mươi năm rồi... Cả hai người đã lớn và khác xưa.

Nhưng Hoàn vẫn nhớ Khánh rất thích ăn phở Tàu và tối nay anh đã đặt com tại đây, một tiệm ăn Hoa kiều nổi tiếng. Trên chiếc bàn gỗ mun cổ lỗ trái khăn trắng, món ăn, đồ nhắm, bia rượu và nước ngọt bày la liệt. Chúng tôi ngồi vào bàn. Những bữa ăn vẫn chưa bắt đầu vì còn phải chờ một vị khách nữa, theo như Hoàn giới thiệu thì đó là bồ của anh. Tôi dựa lưng vào tường, lơ đãng nhìn những cánh quạt đang xoay tít trên trần nhà. Những người bồi mặc áo trắng đi lại, mấy tấm gương đục ó nước thủy tinh bầu dục phản chiếu bóng người và xe cộ ngoài đường phố. Các bàn ăn chật ních, có những người hình như đã ngồi đó từ sáng đến giờ và còn có thể ngồi đó cho đến nửa đêm. Một cặp trai gái cầm chiếc nĩa lên lưng một con gà quay và cứ ngồi chuyện rì rầm mãi. ở đây người ta sẵn thì giờ thật. Thì giờ ở những tiệm ăn, tiệm giải khát, những phòng uốn tóc và những mỹ viện, những chiếc ghế xích đu và những đi văng. Không hiểu vì sao tôi lại theo đuổi những ý nghĩ tản mạn và thấy buồn. Cái âm hưởng của những câu thơ quen thuộc vẫn còn ngân nga trong tôi. Nó ngân lên những âm thanh trong suốt, âm thanh của những nguồn suối trên non cao.

Hoàn bỗng đứng dậy và phác một cử chỉ như vẫy gọi. Ngoài cửa, một cô gái đang lách giữa đám khách ăn chật ních tìm lối đi vào. Hoàn ra hiệu cho cô ta lần thứ hai. Cô gái nhận ra anh và cười. Phải chăng cô chính là người

chúng tôi chờ đợi?...Cô gái chừng mười chín, hai mươi tuổi. Nhưng mặc dù cô còn rất trẻ, tôi không thấy cô có dáng dấp của một cô gái mà lại có vẻ từng trải của một người đàn bà sớm biết lo toan. Người cô gầy, dáng mảnh dẻ, cô bận chiếc áo dài hở cổ màu Ca-ra-men in hoa chuối, quần bằng thứ sa tanh mỏng, nổi lấm tấm những hạt đậu bóng, Cô xách chiếc xách giả da cá sấu, khoá mạ vàng hình tròn, kiểu rất lạ. Hoàn đứng dậy giới thiệu. Chúng tôi chào nhau rồi cô gái kéo ghế ngồi xuống, ngay cạnh tôi. Vạt áo dài cô rơi xuống chạm vào chân tôi mát lạnh, êm ái đến nỗi ta hình dung ra ngay sự mịn màng của chất lụa. Cái cảm giác ấy lại gọi cho tôi sự thèm muốn đã bị dập tắt. Từ áo quần cô gái toả ra mùi nước hoa mát mẻ, mùi nước hoa kêu gọi người ta đến gần.

Hoàn đứng dậy nói vài lời trước bữa ăn. Tôi nhân dịp đó mà ngắm nghía cô gái. Cô không đẹp nhưng cũng dễ coi. Nét mặt đều đặn, cặp môi tròn và chiếc mũi thanh. Còn đôi mắt đờ đẫn và cặp lông mày tia nhỏ trông có phần tẻ nhạt. Cô dùng phấn son khá hợp màu da, mắt kẻ chì nâu và chài lông mi bằng thứ gôm tốt. Sự trang điểm đã tôn nhan sắc của cô lên khá nhiều nếu không cô cũng chỉ có một khuôn mặt như bất cứ khuôn mặt một cô gái nào mà ta có thể gặp ngoài đường. Bàn tay cô nhỏ, mềm mại, đeo nhẫn bạch kim có gắn những mảnh đá li ti. Mỗi khi giơ tay kéo áo hoặc vén mớ tóc loà xoà trước trán, những mảnh đá phản chiếu ánh đèn sáng óng ánh khiến cô giống một nàng công chúa trong màn cải lương. Bằng sự tò mò đặc biệt của đàn bà với đàn bà, tôi nhận ra là sau mấy phút dè dặt ban đầu cô ăn uống rất ngon lành, thậm chí còn hơn thế nữa. Rượu uống cạn từng chén đầy, mặt không hề biết sắc. Tôi đã gặp những bà nạ dòng có thể uống hết hàng lít rượu, nhưng chưa hề gặp người con gái nào ung dung uống hết cốc rượu này đến cốc khác tựa hồ ta uống nước lạnh trong mùa hè. Kinh ngạc, tôi ngồi im thắm lén theo dõi. Bên kia bàn,

Khánh và Hoàn đang sôi nổi chuyện trò. Câu chuyện đã chuyển qua vấn đề màu sắc trang phục. Tôi thấy Hoàn đặt tay lên bàn ngắm nghía, hai bàn tay anh ta trắng như tờ giấy, và nhướn cao đôi mày lên:

- Không hiểu vì sao mà mấy anh chị ngoài Bắc vô ung màu lơ marin và màu boóc đô thế. Đi đâu cứ gặp người mua len, mua áo hai màu đó là biết liền. Cô gái gốp chuyện:

- Hai màu đó quê quá hà! Rồi lại cúi xuống đĩa thịt vằm bọc tôm chiên. Khánh cười, anh ngẩng cao mái đầu chồm bạc

- Vì chúng tôi ở rừng lâu quá mà. ở rừng lâu quá hoá mê rừng. Màu lơ marin gợi nhớ núi non.

Hàm răng Khánh ngời lên dưới ánh điện đều đặn và trẻ trung.

Biết mình lỡ lời. Hoàn khéo léo lái câu chuyện sang hướng khác:

- Anh có biết ngày xưa ai hay mặc màu đó không?

- Vân tóc đuôi mèo. Cả hai cùng cười và cùng lắng lại. Đôi mắt Hoàn trở nên xa xăm.

- Vân đẹp thật.- Anh nói - Hồi đó chúng mình còn nhỏ xíu mà tôi vẫn nhớ như ngày hôm qua. Vân có đôi mắt nhưng, miệng cười rất tươi có một chiếc răng khểnh. Vân hay mặc áo len màu Bơ Marin cài hoa trắng và tóc thắt một chiếc nơ đỏ rất to... Anh có nhớ chúng mình đã chặn đường cướp của cô ấy quả nhót không?... Ngày trước ngõ Hàm Long ấy mà.

- Tôi vẫn nhớ. Khánh trả lời thông thả.- Ngày ấy đúng là tôi

yêu Vân. Mê thì đúng hơn. Buổi học nào vắng cô ấy là mình không ngồi yên được. Đúng là tình yêu thời còn trẻ nó không bao giờ thành công và cũng không bao giờ chấm dứt.

- Anh vẫn còn yêu Vân chứ?

Khánh hỏi và cười, đuôi mắt anh nheo lại riều cợt. Hoàn cũng cười, anh gỡ kính xuống lau và trầm ngâm:

- Không. Cũng không phải là không mà cũng không hẳn là có. Anh biết đấy, chúng ta đã trưởng thành. Tôi có nhiều người đàn bà, nhiều cô gái, tôi kiếm họ chẳng khó khăn gì. Nhưng chưa ai làm tôi phải hồi hộp như Vân ngày ấy. Anh ta mơ màng một giây rồi hỏi Khánh, giọng thấp xuống:

- Vân còn không anh?- Còn, chị ấy bây giờ là phó tiến sĩ hoá học, Vẫn ở ngõ Huyện thôi.

- Cô ấy có chồng chưa? Hoàn hỏi tiếp, háp tấp nâng cặp kính, chăm chú vào miệng Khánh!

- Chị ấy hai cháu rồi.

- Thế à...Hoàn bật ra một tiếng thở dài, anh co cẳng chân dưới gầm bàn lại, nhún vai: - Ai cũng yên bề gia thất rồi, chỉ còn mình là chưa nên tằm nên đũa gì cả.

- Sao cơ? Khánh giả bộ hỏi lại, anh cười rất to và lúc sau, anh tiếc nhìn cô gái một cách trêu cợt, vui vẻ nói:- Thì anh cũng sắp nên tằm nên đũa rồi, có gì mà phải than thở.

Tôi cũng cười hưởng ứng và nhìn cả hai người. Nhưng trước thái độ của chúng tôi Hoàng không nói gì cả. Đang bàn thàn nghĩ ngợi anh ta bỗng "hả?..." một tiếng. Rồi lại

im lặng suy nghĩ điều gì đó, nét mặt dửng dưng hoàn toàn không chú ý gì đến chuyện của chúng tôi. Tôi và Khánh sững sờ. Chúng tôi nhìn nhau, và nhìn cô gái. ở địa vị của cô có lẽ tôi đã phải thặng thiên hay độn thổ vì gương ngùng. Nhưng trái lại với mọi sự lo ngại, cô vẫn điềm nhiên lấy nữa chọc vào một miếng bánh bơ. Bây giờ thì chính thái độ của cô lại làm chúng tôi kinh ngạc.

Tôi nhìn Khánh dò hỏi. Nhưng anh lắc đầu. Anh cũng không hiểu biết gì hơn tôi. Sự im lặng kéo dài một lúc lâu, Hoàn mới sực nhớ ra bữa tiệc đã xong, đến phần ăn đồ ngọt và uống trà. Ngồi xuống, Hoàn đưa tay lên túi lấy thuốc theo thói quen. Thuốc đã hết. Anh rút từ giấy bạc một ngàn và bảo cô gái:

- Mỹ Dung mua hộ anh bao thuốc, chịu khó nghe cung.

Cô gái đứng dậy đi ra. Chờ cho cô đi khuất Khánh mới trách Hoàn:

- Tại sao anh lại có thái độ như vậy?

- Tôi làm sao cơ chứ? Hoàn hỏi lại, cặp lông mày nhướng lên theo thói quen. Khánh nhắc lại câu nói đùa ban nãy và thái độ hờ hững của Hoàn, nhất là khi cô gái ngồi ngay đó.

- À, xin lỗi, xin lỗi... Hoàn cười ngất và gật đầu lia lịa: - Tôi hiểu rồi, hiểu rồi, nhưng các bạn phải để tôi nói cho hết đã. Mỹ Dung là bồ của tôi, nhưng tôi không có ý định cưới cô làm vợ. Trước tôi, cô ấy cặp bồ với người khác. Tôi cũng vậy. Mỗi tháng tôi chỉ cho Mỹ Dung hai mươi ngàn, cô ấy chỉ đòi hỏi ở tôi có vậy thôi. Ngoài ra không cần gì hơn nữa. Tôi không muốn Dung ràng buộc gì với đời tôi. Cả hai chúng tôi đều tự do... Ngừng lại một chút Hoàn nói tiếp: - Mỹ Dung làm bồ cho tôi là trúng số. Dẫu sao tôi cũng biết

điều và rộng rãi. Còn nếu đi dạy học thì cùng lắm cỡ giáo viên tiểu học như cô ấy một tháng chỉ được tám chín ngàn là hết sức. Ông bà già cô ấy nghèo, không buôn bán chi hết. Tôi bao Mỹ Dung mới được gần một năm nay, so với những người trước cặp bồ với Dung tôi bận bịu nhiều công việc, nên mỗi tháng cô ấy chỉ mất với tôi trên dưới một tuần thôi. Các bạn cứ hỏi mà xem, cô ấy nói cặp bồ với tôi là dễ chịu nhất...

Hoàn ngừng lại. Và để minh họa cho cái quan hệ sòng phẳng giữa hai người, anh ta rút ra một xấp giấy bạc đã đếm sẵn, được chằng lại bằng một sợi giây nịt. Chiếc ví của cô gái vẫn để trên bàn, Hoàn kéo lại, mở khoá để xếp tiền vào trong. Nhưng đúng lúc anh xách ngược chiếc ví đã mở nắp thì cô gái bước vào cùng lúc đó mấy đồng xu lăn ra cùng với một vật gì đó. Cô gái kêu một tiếng rồi đứng sững. Mặt cô như tái đi dưới làn phấn mỏng. Tôi cúi xuống nhặt mấy đồng xu. Cô gái hấp tấp xô mấy chiếc ghế sang một bên để lượm gói đồ đã nằm giữa lối đi sáng trưng ánh điện. Trong lúc luông cuống, cô đã làm tuột lần giấy bọc ngoài, một vật rơi ra. Đó là một mẩu bánh mì nhỏ vẫn bán trong những quầy bánh ven đường. Cô gái cuộn tờ giấy bọc một cách vội vã dấu diếm. Tôi biết cô đang run vì mặt đá chiếc nhẫn bạch kim cứ lóng lánh rất bất thường. Mái tóc cô rũ xuống bên vai, hở ra một khoảng gáy rất sâu, màu xanh tái. Tôi kéo cô ngồi xuống. Khánh im lặng. Hoàn cũng lặng thinh, nhưng anh ta có vẻ ý tứ hơn khi xếp tiền vào trong ví cho Mỹ Dung. Xung quanh người qua lại, ăn uống vẫn nhộn nhịp, không ai hay biết tấn kịch vừa xảy ra. Chỉ riêng chúng tôi là chứng kiến nổi ê chề của cô gái. Cô ngồi bên tôi, thỉnh thoảng lại giơ tay vén tóc. Nhưng cử chỉ của cô không còn vẻ duyên dáng, đàng hoàng nữa, nó có gì tội nghiệp. Tôi xóc một miếng bánh bơ đưa cho cô. Cô khẽ cúi đầu:

- Cảm ơn chị. Từ lúc đó về sau tôi không nhìn ai nữa. Tôi không nữa nhìn thẳng vào mặt cô gái. Tôi cũng không muốn nhìn Hoàn, điều đó lúc này thật khó chịu. Tôi cứ ngửa cổ nhìn lên bức tường quét vôi vàng qua những làn khói thuốc dày đặc, tôi thấy bóng những chiếc cánh quạt in lên những vệt đen dài, gầy khúc. Một cảm giác nóng ran lan trên mặt tôi. Tôi nhận ra mình đang ngưng ngưng. Không phải riêng biệt nỗi ngưng ngưng của cô gái bị mất thể diện, mà là nỗi ngưng chung, thay vì cho cả hai người đó, hai kẻ gọi là bồ của nhau.

Bên kia bàn Khánh và Hoàn vẫn đang chuyện trò. Hình như họ nói đến những kiểu áo dài cách tân ở miền Nam, về thời trang của thế giới. Hai người đàn ông trao đổi những nhận xét về một thiếu phụ đẹp lộng lẫy đi qua. Rồi họ tiếp tục uống trà và hẹn gặp nhau vào một ngày trong tuần tới.

Khi chia tay, cô gái vôi vàng chào tôi rồi đứng nép vào một bên cửa chờ Hoàn, đôi mi tô chì sụp xuống. Hoàn ôm lấy Khánh cao giọng

- Tuần sau nhé. Họ nói với nhau một tràng tiếng Pháp. Rồi Hoàn nhã nhặn chia tay cho tôi, miệng nở nụ cười tươi tắn. Nhưng với tôi lúc đó, nụ cười của anh đã nhạt nhẽo và cái cằm dài thượt ra trông thật vô duyên. Tôi lặng lẽ đáp lễ và quay đi.

Khánh đưa tôi về nhà. Chiếc xe Hon đa lách giữa dòng người hai chiều đông nghịt. Thành phố càng về đêm càng đông hơn, tiếng động làm nhức óc và mệt mỏi. Tôi bảo Khánh rẽ sang đường bờ sông cho mát mẻ. Anh đồng tình ngay. Chúng tôi đi dọc sông Hàn và trở về đường Lê Thánh Tôn vào lúc chín giờ tối. Khánh đưa tôi vào cửa rồi về ngay, anh còn có bài phải sửa cho số báo sắp tới.

Còn mình tôi ngồi với cái bóng của mình. Căn phòng vắng. Không làm sao mà ngủ được. Chiếc quạt vẫn xoay, gió vẫn thổi những trang sách bay loạt soạt và hộp son vẫn nằm lăn lóc trên bàn. Chiếc đầu nữ hoàng Ê-li-da-bét trông như một hạt ngô bóng loáng. Tôi nhìn ra ngoài: thành phố chất ngất ánh đèn, có một cái gì tự tan vỡ ra nơi đó. Một lớp giấy trên chiếc rọ làm hình nhân bị xé rách. Một lớp váng dầu ngũ sắc bị khuấy tan trên mặt nước tù. Và trong tôi, một tình yêu, một niềm tự kiêu hãnh lớn lên, vững vàng, cứng cáp, với một sức mạnh khôn cùng. Ngoài sân, những cây trứng cá đang lắc lư chùm lá. Những bóng lá chợt sáng chợt tối giao nhau in lên ô cửa kính giống như những bộ mặt đổi hình. Hiện tại, quá khứ. Quá khứ, hiện tại... Cuộc sống ủa đến tôi trong cùng một lúc. Xa kia là một con đường thăm thẳm, một con đường đầy bóng xanh che phủ. Có người con gái nào đang đi đến với tôi và hát. Người con gái ấy là tôi.

(8-1975)

Trích thơ:

Có Một Ngày

*Biển xanh rờn
Cát trắng dịu êm
Đã có một ngày em yêu anh như thế
Ngọt mía lau và nồng hương quế
Em yêu anh như những tín đồ thẩm giọng Thánh Kinh
Với Maria và nhịp dương cầm
Như kẻ tìm vàng ngất ngây bên suối cát
Như đứa trẻ say mê chùm pháo tét
Và nhấp nhô trong làn áo biếc
Biển làm mê những trái tim non
Những ai lần đầu tiên đến với đại dương.*

Nhưng em làm sao giữ được

*Cái ngày xưa đã quá xa xôi
Em như kẻ chài
Sống mòn tay với biển
Biển ám nồng âu yếm
Biển dạt dào cơn sóng yêu đương
Và biển hung tàn ngạo nghệ cuồng điên
Biển bọt bèo và cát bờ dơ dáy
Những lưỡi đá ngầm giương dao dưới đáy
Những con sứa lầy trong đám rêu rong
Xác cá trôi nát rữa với cát ròng*

*Có một ngày
Và phải có một ngày như thế
Chẳng ai hỏi tiếc vì một thời thơ trẻ
Chẳng nên đau buồn vì khoảnh khắc ngây ngô
Dẫu sao thì ta cũng đã sống qua
Dẫu sao, ta cũng từng ném trái*

*Và ngày ấy sẽ còn điên đảo mãi
Những lứa tuổi dại khờ đang bước sau ta.*

- 0 -

Dương Thu Hương nhà văn bất đồng chính kiến, tác giả của những tựa sách như “Thiên đường mù”, “Bên kia bờ ảo vọng”, “Đỉnh cao chói lọi” ... là những tác phẩm phê phán đường lối chủ trương của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam. Trong Đỉnh cao chói lọi, bà vẫn còn thần tượng lãnh tụ Hồ Chí Minh, là người đem lại độc lập cho Việt Nam, có lòng nhân từ yêu vợ, thương con.

Tài liệu tham khảo:

- Dương Thu Hương Web: vi.wikipedia.org
- Loài hoa biến sắc Web: vnthuquan.net

5. Bùi Tín



Thành Tín - Bùi Tín (1927-20)

Bùi Tín có bút danh Thành Tín sinh năm 1927 tại Huế, là con của Bùi Bằng Đoàn, nguyên Thượng thư Bộ Hình của triều đình Huế và nguyên Chủ tịch Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thuở thiếu thời ông học ở Huế.

Năm 1945, cách mạng tháng Tám xảy ra, ông trở thành người hoạt động chính trị về mặt báo chí. Sau đó ông nhập ngũ. Ông đã chiến đấu trên hai mặt trận: một người lính cầm súng và viết lách là một nhà báo của Quân đội Nhân dân Việt Nam với bút danh *Thành Tín*.

Theo các tài liệu công bố tại Hoa Kỳ, Bùi Tín có tham gia trong việc phỏng vấn các tù nhân Hoa Kỳ và có tham dự việc lấy lời khai của tù binh John McCain, sau này là Thượng nghị sĩ, ứng viên Tổng Thống Mỹ

Bùi Tín đã có mặt ở dinh Độc Lập ngày 30 tháng 4 năm 1975 với tư cách phóng viên chiến trường.

Sau năm 1975, ông giải ngũ, tiếp tục viết báo, là Phó tổng biên tập báo *Nhân Dân*, kiêm Tổng biên tập tuần báo *Nhân Dân Chủ Nhật*.

Tháng 9 năm 1990, Bùi Tín sang Pháp dự hội hàng năm của báo *L'Humanité* (Nhân Đạo, báo của Đảng Cộng sản Pháp), rồi quyết định xin tỵ nạn tại Pháp, với lý do là để đấu tranh cho tự do, dân chủ và nhân quyền theo cách của ông.

Ban đầu ông phê phán đường lối hiện hành của ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, ông cho rằng đã xa rời lý tưởng cộng sản. Dần dần, quan điểm của ông ngả sang phê phán cả chế độ cộng sản và lý thuyết xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi một sự đổi mới tự do dân chủ một cách thật sự và nhanh chóng ở Việt Nam.

Hai tác phẩm nổi tiếng của ông viết sau khi ra nước ngoài là *Hoa xuyên tuyết* và *Mặt thật*. Cuốn *Hoa xuyên tuyết* được có mặt trong nhiều danh sách tài liệu tham khảo của các dự án nghiên cứu về Chiến tranh Việt Nam.

Hiện nay ông định cư tại Paris, thủ đô Pháp Quốc, thỉnh thoảng có sang Hoa Kỳ.

Tác phẩm:

- *Hoa xuyên tuyết* (1991)
- *Mặt thật* (Turpin Press, 1994)
- *Về Ba Ông Thánh (Việt Luận, Sydney, 1995)*
- *Mây Mù Thế Kỷ*
- *Following Ho Chi Minh* (1995)
- *From Enemy To Friend* (2002)

Trích văn:

Niềm cay đắng nuốt vào lòng



Tướng Giáp và Bùi Tín tại Hội trường Ba Đình, ngay sau Đại hội VI, tháng 12 năm 1986.

Trong dịp đưa Đại tướng Võ Nguyên Giáp về nơi yên nghỉ cuối cùng, tôi kể lại câu chuyện dưới đây xảy ra vào một thời điểm gay go, ngỡ ngàng nhất trong cuộc đời của ông, khi Đại hội đảng lần thứ VI vừa bế mạc, với một kết thúc hết sức bất ngờ, do bàn tay thao túng của ông Sáu Thọ, một nhân vật cực kỳ thâm hiểm trên chính trường Việt Nam. Đại hội VI do đó cũng được gọi là “Đại hội của Anh Sáu”. Thêm một bằng chứng về một chế độ toàn trị cá nhân.

Tại Đại hội VI họp cuối năm 1986, tình hình đất nước cực kỳ căng thẳng. Sau sự kiện đánh chiếm Campuchia cuối năm 1978 và chiến tranh với Trung Quốc đầu năm 1979, đất nước bị cô lập, cấm vận ngặt nghèo. Liên Xô trải qua sóng gió Perestroika (Đổi mới) và Glasnost (Minh bạch), phong trào Cộng sản quốc tế phân hóa trầm trọng, Ba Lan, Tiệp Khắc, Đông Đức có phong trào đổi lập. Ở Việt Nam nền kinh tế lụn bại, cuộc sống nghiệt ngã. Tình hình xã hội nặng nề dội vào trong đảng.

Đại Hội VI họp từ ngày 14-12-1986. Tổng Bí thư Lê Duẩn mới mất tháng 6-1986. Tổng Bí thư cũ Trường Chinh được giao chức quyền Tổng Bí thư đọc Báo cáo chính trị. Ông được nhìn nhận có tư duy khá mới mẻ, chịu đổi mới thật sự. Cương lĩnh đổi mới được ghi đậm trong các văn kiện dự thảo và trong Báo cáo chính trị. Đại hội đảng các tỉnh thành, các ngành cũng như các đoàn đại biểu trong đại hội đều tán thành, nhất là nội dung khuyến khích kinh doanh tư nhân, quyền tự do sáng tạo, chuyển mạnh sang kinh tế thị trường, mở rộng lưu thông hàng hóa, từ bỏ tư duy cổ hủ bao cấp, quan liêu.

Sang ngày 17-12 bàn về bầu cử nhân sự mới, thăm dò, lấy ý kiến ở các tổ về những chức vụ cao nhất sắp tới: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội, các tổ bàn với nhau từ sáng, đến chiều, đa số 28 tổ đều đi đến phương án: chức Tổng Bí thư giao cho ông Trường Chinh làm một thời gian rồi chuyển cho Nguyễn Văn Linh qua một Đại hội giữa nhiệm kỳ; Chủ tịch nước: Phạm Văn Đồng (đang là Thủ tướng); Thủ tướng: Võ Nguyên Giáp (đang là Phó thủ tướng). Đa số tin rằng phương án này là thích hợp, là tối ưu lúc đó; ông Trường Chinh tỏ ra cởi mở, đổi mới, bộ ba này có vẻ hợp nhau, trong sạch, có kiến thức, sẽ có thể mở ra một thời kỳ mới.

Đêm hôm ấy, một cuộc thay đổi đột ngột xảy ra, như một cơn động đất. Khi ông Nguyễn Khánh, phó thủ tướng, theo chỉ thị ông Trường Chinh đến báo cáo tình hình trên đây với ông Lê Đức Thọ, ủy viên Bộ Chính trị, trưởng ban Tổ chức trung ương đảng, tại nhà riêng ở đường Nguyễn Cảnh Chân – là biệt thự tư dinh của Hiệu trưởng trường Albert Sarraut cũ – ông Thọ liền có ngay sáng kiến xoay chuyển tình thế. Lúc này ông Thọ đã xuống sức, chóng ho khan, bắt đầu bị bệnh ung thư vòm họng. Theo ông Nguyễn Khánh kể lại, ông Thọ không trao đổi với ai, giao cho ông Nguyễn

Khánh đến gặp ngay ông Trường Chinh và ông Phạm Văn Đồng truyền đạt ý kiến như sau:

...Anh Trường Chinh tuổi đã cao gần 80 tuổi rồi, không nên nhận trách nhiệm này quá nặng. Anh Đồng đã trên 80, càng không nên làm tiếp. Tôi cũng xin rút khỏi Bộ Chính trị ngay sáng mai. Anh sang báo cáo với anh Thận (Trường Chinh) với anh Tô (Phạm Văn Đồng) là nếu các anh đồng ý, sáng mai anh Thận, anh Đồng và tôi, cả 3 người sẽ xin nhận trách nhiệm là Cố vấn của Ban chấp hành trung ương. Nếu không vậy sẽ bị người ta cho là tham quyền cố vị.

Còn nhân sự mới tôi đề nghị anh Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư, anh Võ Chí Công làm Chủ tịch nước, anh Phạm Hùng làm Thủ tướng. Đây là phương án thích hợp nhất. Cứ thế mà làm...

Sáng hôm sau 18-12 trong ngày cuối cùng bầu nhân sự của Đại hội, quả nhiên ông Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư, 3 ông Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, và Lê Đức Thọ được bầu làm Cố vấn trung ương. Và sau đó nữa, ông Võ Chí Công làm Chủ tịch nước, ông Phạm Hùng làm Thủ tướng.

Câu chuyện trên đây ông Nguyễn Khánh chính thức kể tỷ mỉ vào năm 1988 cho cả ban có trách nhiệm viết hồi ký cho ông Trường Chinh, gồm có các ông Nguyễn Vịnh (Viện trưởng Marx – Lenin), Đặng Xuân Kỳ, các nhà báo Lê Bá Thuyên, Lê Điền và tôi. Ban này mới kịp phác qua dàn bài thì ông Trường Chinh mất vào tháng 9-1988, thọ 81 tuổi. Việc viết tiểu sử không đặt ra nữa.

Khi sang Pháp, tôi lại có dịp gặp lại anh bạn nhà báo và nhà làm phim Pháp Jérôme Canapa, từng nhiều lần gặp tướng

Giáp ở Hà Nội. Jérôme là con ông Jean Kanapa, từng là ủy viên Bộ chính trị đảng CS Pháp. Vốn rất thân thiết với cả gia đình tướng Giáp, Jérôme đã được phép sớm đi qua đường mòn Hồ Chí Minh từ đầu đến cuối để quay phim, chụp ảnh. Jérôme kể rằng khi Đại hội VI diễn ra, vào ngày giáp cuối 17-12, anh ta nhận được điện thoại từ Hà Nội cho biết tin mừng “Bác Giáp sắp là 1 trong 3 nhà lãnh đạo cao nhất, cụ thể sẽ là Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng”, “C’est acquis!” (Xong xuôi rồi!). Không ngờ ngày hôm sau 18-12 tin từ Hà Nội truyền đi khác hẳn.

Đây là sự kiện mang kịch tính lớn nhất, làm sững sờ, ngao ngán không ít đại biểu dự Đại hội VI. Vài hôm sau đó rất nhiều đại biểu phản ứng, mỉa mai gọi Đại hội VI là “Đại hội của ông Sáu”, vì Sáu Búa hay Sáu Thọ, anh Sáu, là tên thường gọi của nhà mưu sỹ Lê Đức Thọ.

Thật xứng danh là Nhà tổ chức đầy quyền uy và phép lạ, là Trưởng ban Tổ chức trung ương lâu năm nhất, ban phát mọi chức tước cao nhất của triều đình CS Việt Nam gần nửa thế kỷ, còn sắp xếp cho ngôi thứ của các triều đình CS ở Lào và Campuchia. Việc đưa các ông Pen Sôvan, Heng Samrin, Hun Xen ... lên hay xuống từ tay ông Sáu thể hiện rõ điều ấy.

Ngay sau khi Đại hội VI kết thúc, tại hội trường Ba Đình, Tướng Giáp gặp tôi; tôi hiểu ông vừa trải qua một cơn sốc lớn, có lẽ một cơn sốc lớn nhất trong đời ông, vì tôi qua nhiều khách ghé nhà ông rất khuya để chúc mừng, hôm nay nhiều người cũng bị hẫng. Ông cố gượng cười cho tôi biết sáng nay ông rút tên khỏi danh sách đề cử Ban Chấp hành trung ương. Tôi ái ngại cho ông, ông tâm sự một câu: “Minh nghĩ hưu thôi, để cho anh em trẻ lên, cậu Tín ạ”. Bức ảnh chụp đúng vào lúc ấy, tôi giữ làm kỷ niệm, lúc ấy ông 75 tuổi. 25 năm đã qua. Niềm cay đắng đạo ấy chắc đã

ngươi ngoại với thời gian, ông nuốt vào lòng, không muốn ai nhắc đến nữa. Nhưng đây là lịch sử.

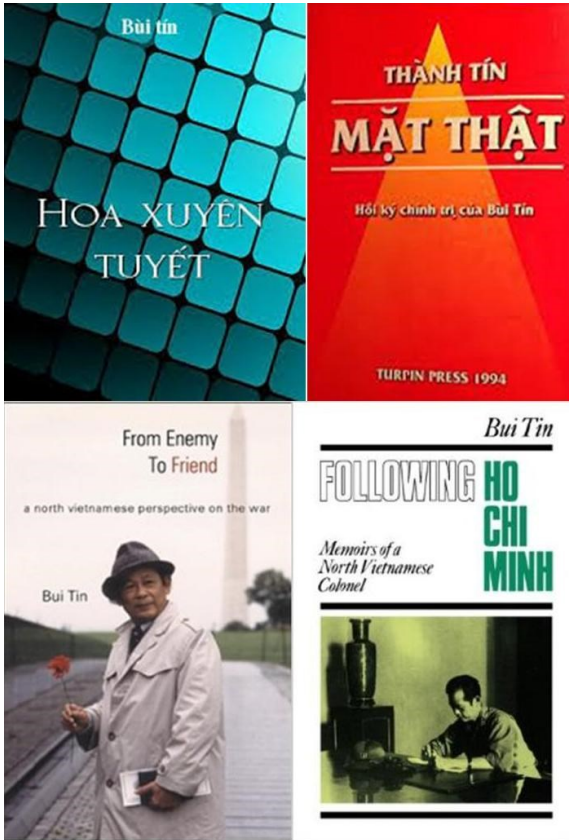
Tất nhiên nếu như bộ ba Trường Chinh – Phạm Văn Đồng – Võ Nguyên Giáp không bị ông Sáu Búa phá vỡ thì không chắc những Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, và sau đó là những Nông Đức Mạnh, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Phú Trọng... có dịp tung hoành, vùng vẫy. Nhất là bước ngoặt tệ hại chui vào “cái bẫy Bắc Thuộc” từ sự kiện Thành Đô cuối năm 1991 do 2 nhân vật Đỗ Mười và Lê Đức Anh dẫn dắt một cách nhẹ dạ, biết đâu đã có thể tránh được. Lịch sử thăng trầm qua những mối quan hệ ngẫu nhiên mà tất yếu.

- 0 -

Nguyễn Đăng An trong bài viết: “*Bùi Tín, tuổi xế chiều ở Paris*” đăng trên cand.com nên đọc để thấy con đường Bùi Tín đã chọn, và người viết chắc còn rất non trẻ:

Tôi hỏi: “Thế ông Bùi Tín có muốn về nước không?”. Bùi Tín nhìn tôi: “An nói đùa đấy chứ”. Tôi khẳng định: “Tôi nói thật 100%”. Bùi Tín thở dài: “Tôi không tin. Tôi nghĩ là họ sẽ không cho tôi về”. Tôi quả quyết: “Với tư cách là một công dân của nước Việt Nam, tôi xin bảo lãnh cho ông về nước”. Bùi Tín hoang mang: “An nói cụ thể hơn xem nào”. “Tất nhiên là phải có điều kiện”, tôi tiếp tục: “Bùi Tín ra đi như thế nào thì hãy trở về như thế”. “Nghĩa là làm sao?”. Bùi Tín hỏi. Tôi trả lời: “Nghĩa là khi đi Bùi Tín lên đài báo chữ bới dân tộc, thì bây giờ Bùi Tín lại lên đài báo tạ lỗi xin đồng bào tha cho những lỗi lầm nghiêm trọng mà Bùi Tín đã mắc phải trong nhiều năm qua. Với bản chất nhân ái cao cả, tôi tin nhân dân Việt Nam sẽ cho Bùi Tín cơ hội được trở về”. Nghe tôi nói, Bùi Tín ngồi

lặng im một lát rồi mới tự thú: “Mình không làm được nữa”.



Tài liệu tham khảo:

- Bui Tin Web: vi.wikipedia.org
- Niềm cay đắng nuốt vào lòng Web: voatiengviet.com

6. Vũ Thư Hiên



Kim Ân - Vũ Thư Hiên (1933-20)

Vũ Thư Hiên sinh ngày 18 tháng 10 năm 1933 tại Hà Nội, ông còn có bút danh là Kim Ân, cha là Vũ Đình Huỳnh và mẹ là Phạm Thị Tề đều là thành viên của Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông Vũ Đình Huỳnh là cận vệ, giúp việc, lễ tân trang phục, thư ký riêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Năm 1946, gia nhập đội Tuyên truyền xung phong tỉnh Nam Định

Năm 1949, đi bộ đội.

Năm 1953, công tác trong lĩnh vực điện ảnh trong rừng Việt Bắc.

Từ 1955 đến 1959, du học tại Đại học Điện ảnh Liên Xô.

Năm 1959, về nước làm việc cho Xưởng phim Việt Nam tại Hà Nội.

Năm 1960-1967, làm biên tập viên và phóng viên *Báo Ảnh Việt Nam*.

Năm 1967, ông bị chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bí mật bắt sau ông Vũ Đình Huỳnh 2 tháng, trong Vụ án Xét lại Chống Đảng. Ông bị giam 9 năm, trong đó bị giam trong xà lim cá nhân bốn năm rưỡi, qua các nhà tù Hòa Lò, Bất Bạt (Sơn Tây), Tân Lập (Phú Thọ).

Năm 1976, được tha về không xét xử, không kết án.

Năm 1977, làm công nhân cao su.

Năm 1979, làm kỹ thuật hóa.

Năm 1990, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1991, ông làm cho một công ty thương mại ở đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo, ông được cử đi Liên Xô với tư cách phiên dịch viên, ông đã vận động được làm đại diện cho công ty này tại Liên Xô. Trong khi làm việc ông bắt đầu viết cuốn hồi ký *Đêm giữa ban ngày* về chín năm bị giam cầm.

Năm 1993, hết thời hạn thay vì về nước, ông ở lại để tiếp tục viết quyển hồi ký của mình.

Năm 1994, ông bị mật vụ Việt Nam giả dạng cướp đột nhập vào nhà riêng để cướp bản thảo *Đêm giữa ban ngày* ông đang viết dở dang, vì thế Vũ Thu Hiền tìm cách rời Moskva, chạy sang Ba Lan vào cuối năm 1995.

Cuối năm 1996, sau một chuyến đi Paris, trở về Ba Lan ông được biết về tình hình nguy hiểm có thể xảy ra, nếu ông nấn ná ở lại nước này để hoàn thành cuốn hồi ký. Do đó ông quyết định qua Pháp tị nạn. Tại đây, ông đã hoàn thành tập hồi ký *Đêm giữa ban ngày*.

Năm 1997, tác phẩm *Đêm giữa ban ngày* được nhà xuất bản Văn Nghệ tại California, ấn hành lần đầu tiên vào tháng 4 năm 1997.

Năm 2000-2001, theo lời mời của International Parliament of Writers và Ủy ban Nhân quyền thành phố Nuremberg (Nurnberg), ông ở Đức 2 năm.

Từ 2001, ông định cư hẳn ở Pháp.

Vũ Thư Hiên đã được nhận giải A văn học thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1988 với tác phẩm *Miền thơ ấu*.

Tác phẩm:

- *Lối thoát* (kịch, 1954)
 - *Bông hồng vàng* (dịch của tác giả Paustovsky, 1960)
 - *Truyện ngắn Paustovsky* (dịch, 1962)
 - *Luật rừng* (truyện, in chung, 1985)
 - *Khúc quân hành lặng lẽ* (truyện nhiều tập, 1985-1989)
 - *Luật rừng* (kịch bản, 1988)
 - *Miền thơ ấu* (tiểu thuyết, Văn Nghệ tp HCM, 1988)
 - *Đêm giữa ban ngày* (1997)
- và một số kịch bản điện ảnh.

Trích văn:

Đêm giữa ban ngày

..... Tại trại Bất Bạt, chúng tôi còn được hưởng chế độ phơi nắng. Đó là một chế độ đặc biệt, được dành riêng cho tù nhân xét lại. Nó không phải giờ đi dạo của tù nhân các nước khác mà ta thường thấy trên màn ảnh. Một tuần một lần, quản giáo mở cửa cho tôi bước ra ngoài đi phơi nắng một giờ. Còn thì suốt ngày ở trong nhà.

Khi nào lính gác bỗng dưng chạy tới đóng cửa sổ là tôi biết chúng sắp giải tù đi ngang. Tôi nhìn thấy Vũ Huy Cương, Hồng Sĩ, Phạm Viết, Trần Minh Việt, Trần Thu, Huy Văn và những người khác tôi không quen. Thấy họ không đi cùng quản giáo bộ đội mà đi với quản giáo công an thì biết là người đồng vụ, thế thôi. Khốn nạn, thế mà chúng nó gọi là nhóm chống Đảng, là chống đối có tổ chức, không biết dơ.

Bây giờ tôi mới hiểu cái sự vụ không chính trị được tiến hành như thế nào. Thời kỳ Nhân văn - Giai phẩm nghe vậy biết vậy chứ tôi không hiểu.

Văn Cao, tên đầu sỏ của đám trí thức mưu toan đoạt quyền lãnh đạo của Đảng, gọi theo cách của những nhà lãnh đạo văn nghệ, nói với tôi rằng toàn bộ vụ Nhân văn - Giai phẩm chỉ là trò đánh lận con đen.

- Hồi ấy, văn nghệ sĩ còn tin Đảng lắm, - Văn Cao kể - còn yêu Đảng lắm. Gì thì gì Đảng vẫn là Đảng của mình. Là ruột thịt của mình. Nhưng là trí thức, bọn mình không quen, không thích tin mù quáng. Bọn mình thấy xã hội có những khuyết tật, những cái cần sửa chữa. Mới lên tiếng đề xuất. Đảng cầm quyền thì phải đề xuất với Đảng, chứ còn đề xuất với ai? Chuyện đề xuất bằng hình thức nào là cái không nên bắt bẻ. Không phải lúc nào cũng phải kính đơn.

Phát biểu cũng được chú sao. Viết báo cũng được chú sao. Chẳng ai hô hào lật đổ các ông ấy cả. Chỉ có các ông ấy chu chéo lên : ôi giờ ơi, có địch, có địch ngay trong hàng ngũ chúng ta, rồi dựng thành vụ để trấn áp. Nguyễn Mạnh Tường (1) chỉ ra cái sai rành rành trong sự thi hành luật pháp cũng bị đánh. Họ đánh tuốt trí thức, chứ không phải chỉ văn nghệ sĩ không thôi đâu. Đánh để trị, để đe.

- Nhưng trong lãnh đạo Đảng ai khởi xướng vụ đánh này ?

- Cậu muốn hỏi ai là tác giả ? Không phải Hồ Chí Minh đâu, Ông Cự không nghĩ ra cái đó, Ông Cự không tề đến thế. Cũng không phải Nguyễn Chí Thanh. Đùng vì vụ Trần Dần bị giam vào cái hồi thất mà đổ cho Lúy (2). Thăng cha lúc ấy còn bận củng cố địa vị vừa chiếm được của général (3) Giáp. Tác giả chính là Longue Marche (4), cậu nghe rõ chưa, là-Trường-Chinh.

- Thế còn Tố Hữu ?

- Tố Hữu ấy à ? Không, không phải đâu. Cần phải công bằng. Tố Hữu có không ưa mình, có làm khổ mình thật, do lòng đố kỵ mà ra. Mình cũng ghét cái thằng băng nhắng ấy lắm. Nhưng có thể nào nói thế ấy. Tố Hữu chỉ là kẻ thừa hành thôi. Nói gì thì nói, trong lòng Tố Hữu vẫn còn một chút gì của nhà thơ chứ. Bề ngoài thì thế đấy - Tố Hữu lãnh đạo cuộc đánh từ đầu chí cuối. Người ta tưởng vụ Nhân văn - Giai phẩm nổ ra là bởi báo Nhân văn đăng mấy bài phê bình thơ Tố Hữu, Tố Hữu tức, Tố Hữu đánh. Nhảm hết. Longue Marche mới là kẻ sáng tác ra Nhân văn - Giai phẩm. Để chạy tội Cải cách ruộng đất. Để tạo ra cái hố rác mà trút mọi tội lỗi của Lúy vào đấy. Chính Longue Marche chứ không ai khác. Đùng tước bản quyền của Lúy, tội nghiệp ! Longue Marche còn cho mời mình và Nguyễn Tuân đến gặp. Lúy nói cả tiếng đồng hồ về đảng tính, về

trách nhiệm đảng viên. Chiêu hồi mà. Nguyễn Tuân nghe, mặt hắt lên, ngáp không cần che miệng. Nguyễn Tuân vẫn thế - bất cần đời. Đôi lúc cũng có hèn một tí, hèn có mức độ thôi, trong đại đa số trường hợp là kẻ bất chấp. Minh nói với Longue Marche : "Nếu trong vườn hồng có sâu thì ta phải chịu khó mà bắt bằng tay, từng con một. Đồ ụp cả đồng thuốc trừ sâu vào đấy thì chết cả vườn hồng. Rồi anh sẽ thấy : qua đợt đánh phá này không biết bao giờ nền văn nghệ Việt Nam mới ngóc đầu dậy được !" Lúy nghe, mặt căng căng. Cái cách của Trường Chinh là thế. Lúy gọi mình đến còn có ý này nữa : lúy muốn mình phải hiểu - tôi đã chịu khó nghe các anh rồi đấy nhá, tôi dân chủ lắm rồi đấy nhá ! Chứ còn cái nền văn nghệ của các anh, nó đáng giá mấy xu ?".

Tôi ghi lại lời nói của Văn Cao ở đây để sau này có ai nghiên cứu thời kỳ Nhân văn - Giai phẩm có thể tìm thấy trong đó một chứng cứ của người trong cuộc.

Một hôm, tôi thấy Trần Minh Việt đi cung, khoảng vài giờ sau anh trở về, lưng còng những gói cùng bọc, vẻ mặt buồn rười. Sau đó đến lượt Huy Vân, Trần Thu, Lưu Động, rồi mấy người nữa.

Họ được gặp gia đình, tôi kết luận.

Vụ án, theo tôi phán đoán, đã sang một chương mới không có lợi cho chúng tôi. Sau gần ba năm giam cầm không cần tuyên bố lý do, không cho chúng tôi gặp gia đình, mà không bị phản ứng cả trong Đảng lẫn ngoài xã hội, giờ đây nhà cầm quyền nhơn nhơn coi sự bỏ tù chúng tôi, những phần tử chống Đảng, là việc đương nhiên họ có quyền làm.

Lường trước khả năng gặp gia đình, tôi viết sẵn một bức thư gửi ông Nguyễn Lương Bằng. Bọn công an chủ quan

không ngờ tôi quan sát được động thái bên ngoài sẽ không khám xét. Không có mực, tôi dùng nicôtin đọng trong cái điếu Thành cho (phòng xa không có thuốc lá mà hút) viết trên mẫu giấy gói kẹo :

"Thưa bác. Cháu đề nghị bác, với tư cách người cầm thanh kiếm bảo vệ sự trong sáng của Đảng, tự mình xem xét vụ án này. Cháu là đứa cháu được bác và bố mẹ giáo dục tinh thần trung thành với sự nghiệp cách mạng. Nếu sau khi kiểm tra bác thấy cháu phản cách mạng thật thì cứ mang ra bắn, nhưng nếu không phải là như thế thì bác phải đưa bọn lạm dụng chức quyền đàn áp những người cách mạng trung thực ra xử."

Tôi đoán đúng. Chẳng bao lâu sau đến lượt tôi được gọi ra.

Mẹ tôi, vợ tôi và các em tôi đã chờ sẵn trong một túp tranh được dựng cấp tốc cho khách thăm tù xét lại.

Đây là lần gặp đầu tiên sau hai mươi bảy tháng tôi bị giam. Cả nhà ùa tới ôm lấy tôi. Tôi sợ mọi người sẽ òa khóc, nhưng mẹ tôi điềm tĩnh như thể không có chuyện gì xảy ra trong thời gian gần ba năm ấy (5). Tôi hiểu mẹ - bà bao giờ cũng tỏ ra cứng rắn trước kẻ thù. Chỉ giọng nói hơi nghẹn ngào ở một đoạn nào đó tố cáo nỗi xúc động trong lòng bà.

Mẹ tôi già đi nhiều quá. Mái tóc bạc thưa thớt, nhiều chỗ trơ sọ. Tôi nhìn mẹ, nước mắt ứa ra. Đời mẹ khổ quá nhiều.

Tôi nhớ tới một buổi sáng se lạnh bên sông Đà. Mẹ tôi lịch thiệp và bình thản trả lời viên sĩ quan Pháp áp giải đoàn tù đi Sơn La khi y hỏi tại sao mẹ tôi biết tin sự di chuyển mà đi tiễn chồng: "Người vợ yêu chồng bao giờ cũng biết chồng mình ở đâu". Y lại hỏi tại sao bà không khuyên can chồng để đến nỗi gia đình bị ly tán, bà đáp: "Chồng tôi làm

công việc mà bất cứ người Việt Nam tự trọng nào cũng phải làm". Tôi nhìn thấy ánh mắt tự hào của các đồng chí nhìn mẹ tôi trên con phà chờ tù sang thị xã Hòa Bình (6).

Mẹ luôn dặn tôi không được tỏ ra mềm yếu trước kẻ thù. Nhưng đó là kẻ thù nào khác chứ không phải thứ kẻ thù quái đản này. Trong thời kỳ hoạt động bí mật, bà không tin sẽ được thấy ngày đất nước độc lập và bà âm thầm chuẩn bị đến lượt chúng tôi phải đối mặt với chúng. Mẹ đã dạy dỗ tôi không vô ích. Chính những lời dạy dỗ của mẹ đã giúp tôi rất nhiều trong những ngày phải sống trong xà lim, bị cắt đứt với thế giới bên ngoài.

Vợ tôi hoàn toàn không biết ứng xử với bọn công an như thế nào cho phải, cho nên lúng túng. Cứ như thể một khi tôi là tù thì vợ tôi cũng là tù một nửa. Trông mà thương quá. Tôi ôm lấy vợ, không biết nói gì. Tội nghiệp, vợ tôi không hề được chuẩn bị để chịu đựng cảnh sống này. Nhưng nhìn vào mắt vợ tôi, tôi hiểu vợ tôi sẵn sàng chịu đựng cùng tôi những khốn khó mà chế độ phát-xít mang lại.

Tôi bế đứa con giờ đây mới biết mặt. Khi bị bắt tôi chưa biết vợ tôi có mang. Hoài Thu giãy giụa trong tay tôi, không chịu theo. Chị nó, Mi Lan, cũng bắt đầu lạ tôi. Tôi ôm hôn con gái, rồi nhân một phút tên quản giáo lơ đãng, nhét vào túi áo con bức thư : "Con giấu đưa cho bà". Mi Lan nhìn tôi chăm chú. Rồi gật đầu. Đưa cho con rồi tôi đâm lo - nhờ con tôi không hiểu lại đưa ngay cho bà nội mẫu thư cuộn trong mẫu vỏ tuýp kem răng trước mặt bọn Công an thì sao ? May mà Mi Lan có trí thông minh trước tuổi. Trong suốt cuộc gặp mặt, con tôi ngồi trên đùi tôi, vui vẻ cười đùa, không gây ra một sự nghi ngờ nào.

Bức thư được mẹ tôi trao tận tay Nguyễn Lương Bằng.

Ông tiếp mẹ tôi trên gác ngò nhà có công an canh gác, nói những lời an ủi vô thường vô phạt. Tiễn mẹ tôi xuống nhà, khi đã ra đến vườn rồi, tin chắc không còn bị nghe trộm nữa rồi, ông mới hứa sẽ đặt vấn đề ra trước Trung ương để Trung ương xem xét.

- Tôi nghiệp, chưa bao giờ mẹ trông thấy bác ấy thâm hại như thế ! - mẹ tôi kể về cuộc gặp gỡ đáng buồn.

Lời hứa của ông chẳng bao giờ được thực hiện. Địa vị cao sang và nỗi sợ hãi trước Lê Đức Thọ đã làm tâm hồn người chiến sĩ cách mạng nổi tiếng năm xưa tê liệt. Mẹ tôi kể rằng trong những lần bà tới gặp Nguyễn Lương Bằng, bà thấy ông biết nhà ông bị gài rệp (7).

Nói cho công bằng, trong ông cũng có xảy ra một cuộc đánh nhau giữa tình bạn và cái ghế. Đáng tiếc, trong cuộc đo sức tình bạn bị đo ván. Tôi biết về cuộc đánh nhau ấy do cha tôi kể lại. Khi hấp hối, Nguyễn Lương Bằng cho người mời cha tôi đến. Ông ân hận. Ông xin cha tôi tha thứ. Cha tôi nói : "Việc đã qua rồi. Anh không phải là người gây ra. Giữa anh và tôi không còn tình đồng chí, nhưng tình bạn thì còn. Anh hãy yên tâm nhắm mắt".

Có một số tác gia nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản cho rằng trong cái gọi là xã hội xã hội chủ nghĩa con người quan chức, không trừ cả lãnh tụ, bị buộc chặt vào cơ chế đến mức không thoát ra được dù họ có muốn, cho nên đánh giá họ bằng chuẩn mực hành xử thông thường của loài người là sai. Cách suy nghĩ độ lượng của các vị không có tác dụng nào khác hơn sự biện hộ cho những tên hoạt đầu, những tên cơ hội, những tên độc tài đứng trên bọn chúng, xóa nhòa ranh giới giữa đao phủ và nạn nhân. Chẳng qua bằng sự xuống cấp từ từ, không nhận thấy được, của những chuẩn mực đạo đức trong một xã hội bị bần cùng hóa, con người

quan chức trong cơ chế đó đã hành động một cách vô thức, theo bản năng tự vệ, để không bị cơ chế tống ra ngoài. Hơn thế nữa, những bản năng thấp hèn được khơi dậy dưới những vỏ bọc hào nhoáng, như những chuẩn mực đạo đức mới làm cho lớp quan chức vững tin ở những hành động vô đạo đức trong lối sống, và cứ thế họ trượt dần xuống dốc phi nhân bản lúc nào không biết.

Căn cứ việc công an hỏi tôi, bắt tôi làm bản khai về Nguyễn Lương Bằng thì tháng 12 năm 1967 Nguyễn Lương Bằng còn nằm trong diện những người bị tình nghi chống Đảng. Thế mà chưa tới một năm sau, tháng 11 năm 1968 ông đã nhảy phóc một cái qua địa vị kẻ trấn áp. Trường hợp Nguyễn Lương Bằng là trường hợp điển hình cho sự trượt dốc đó.

Tôi có thể thông cảm với Nguyễn Lương Bằng. Ông tham gia ban chỉ đạo chuyên án của Lê Đức Thọ do sợ hãi. Nhờ biết sợ ông chẳng những thoát nạn mà còn lên chức phó chủ tịch nước vào năm 1969. Ông có mất mát chút ít, nhưng là những thứ không quan trọng : tình bạn, tình đồng chí, tình yêu của những đứa cháu không ruột thịt, lòng kính trọng của những người cách mạng chân chính.

Đó chính là sự tha hóa của con người. Nó hiện diện trong mọi tầng xã hội. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã chính là do sự tha hóa trong lòng nó, sự mục rữa chất người, hay nói theo cách của Lênin, do sự mất nhân tính đi đến chỗ cùng cực. Hệ thống này tan rã không phải trong thời điểm kinh tế suy thoái nhất (của Liên Xô cũng như của các nước Đông Âu), mà tan rã vào thời điểm dân chúng ở những quốc gia này không còn chịu đựng nổi sự mất nhân tính đi đến chỗ cùng cực (8) ấy, do ý thức được sự mất nhân tính ấy họ không còn có thể điều hòa được với nó.

Mẹ tôi cho biết cả nhà đã được gặp cha tôi. Bố cũng ở đây, sức khoẻ bình thường, mẹ tôi nói, khẽ nháy mắt với tôi và mỉm cười buồn bã. Tôi hiểu cha tôi yếu, nhưng bọn công an không muốn mẹ tôi nói thế. Lại một đặc tính ngớ ngẩn của bọn đạo đức giả : chúng chỉ cho phép tồn tại một sự thật làm đẹp cho chúng. Ngay trong việc nhỏ nhất. Nhìn thấy trên bàn có cái giỏ tích đáng ngờ, tôi ra điều dẹp chỗ cho vợ tôi sắp thức ăn để bỏ nó qua chỗ khác. Tên công an trông thấy. Y nhào tới, hấp tấp đặt nó vào chỗ cũ. Tôi đoán đúng : trong cái giỏ tích có rệp.

Cuộc chiến gây ra từ một phía chưa kết thúc. Lê Đức Thọ vẫn sợ một cái gì đấy, cho nên mới phải bí mật theo dõi cả những cuộc nói chuyện trong gia đình chúng tôi. Hay Thọ còn muốn giăng bẫy để bẫy một cái gì khác ?

Mẹ tôi im lặng theo dõi việc diễn ra trước mắt, mỉm cười khinh mạn. Bà hài lòng thấy tôi không ngại cảnh giặc. Bằng lời lẽ khéo léo mẹ khuyên tôi phải chờ đợi, không nên ảo tưởng, hãy cố gắng chịu đựng. Tôi nghe mẹ nói, lòng buồn rười. Ngoài kia vẫn là đêm tối, chưa có gì hứa hẹn bình minh. Mà bây giờ đã là mùa hè năm 1969.

Lợi dụng tên y sĩ công an nhìn đi nơi khác vợ tôi rụt rè đưa cho tôi cây bút bi hai màu. Vợ tôi muốn cho tôi một cái gì đó, và đã chọn cây bút - món quà này chắc chắn làm tôi vui thích. Tôi liếc nhanh tên công an. Y vẫn lắng nghe, nhưng quay mặt nhìn ra sân. Tôi giật phắt cây bút nhét vào túi. Vợ tôi ngạc nhiên, thần thờ nhìn tôi.

Ngày hôm đó, tôi đã làm một hành động phản văn hóa là hủy hoại một cây bút tuyệt đẹp. Tôi vờ xin phép tên công an cho tôi ra ngoài. Ngồi rất lâu trong cái chuồng xí dựng tạm ở sau nhà, bốn bề trống hoác với mấy tấm tranh quây quanh, tôi quan sát rất kỹ chung quanh rồi bẻ nát cây bút,

dùng que đào lỗ chôn những mảnh nhựa vụn. Bằng con dao giấu trong giày, tôi xẻ quãng giữa đường khâu kép nơi mặt trong áo bông, luồn hai ruột bút bi vào đó.

Từ hai ruột bút bi này bắt đầu cuốn *Miền Thor Áu*, cuốn sách mười chín năm sau rớt cuộc rồi cũng được thấy ánh sáng mặt trời.

(1) Giáo sư trường Đại học tổng hợp Hà Nội, đỗ hai bằng tiến sĩ ở Pháp. Sau vụ này ông không được phép giảng dạy cho suốt đời.

(2) Hấn, nó, y (lui, tiếng Pháp)

(3) Tướng (tiếng Pháp).

(4) Trường Chinh, tiếng Pháp.

(5) Theo Thọ Mai Gia Lễ thì thời gian này vừa đúng bằng thời gian vợ để tang chồng. "Ba năm hai mươi bảy tháng chàng ơi...".

(6) Năm 1939 tôi được đi theo mẹ lên thị xã Phương Lâm, tỉnh Hòa Bình, để tiễn đoàn tù cộng sản bị đi đày Sơn La. Trong đoàn tù này còn có các ông Trần Huy Liệu, Trịnh Tam Tinh, Nguyễn Văn Phúc, Đặng Kim Giang ... Trung ương Đảng được mật báo đã cử mẹ tôi đón đường tiếp tế cho các đồng chí. Tôi còn nhớ cha tôi lột cái mũ nồi tôi đang đội cho ông Phi Vân, bị còng tay chung với cha tôi trong chuyến đi đó. Ông Phi Vân về sau bị Đảng thủ tiêu. Ông Nguyễn Lương Bằng kể : Phi Vân bị Đảng thủ tiêu vì tội bán các đồng chí nữ cho nhà chứa bên Tàu. Không rõ thực hư ra sao.

(7) Máy ghi âm bí mật.

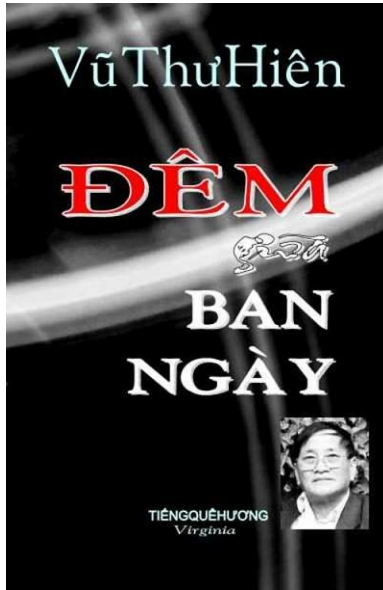
(8) Có thể tìm thấy cách suy nghĩ rất thú vị của Lênin về tha hóa trong Bút Ký Triết Học của ông.

Trong *Phản tỉnh, Phản kháng: Thực hay Hư Chương 5 Đêm giữa ban ngày của Vũ Thư Hiên*, tác giả Minh Võ đã viết:

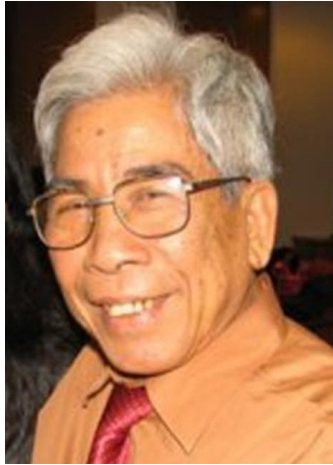
VTH cũng như hầu hết các nhà văn và trí thức cộng sản phản tỉnh, đều cho rằng họ theo kháng chiến chống Pháp là đúng và đảng cộng sản có công thực chứ không cướp công kháng chiến. Ông Hồ tuy có khuyết điểm, nhưng vẫn là lãnh tụ tốt, hay ít ra là con người khó hiểu, chứ không độc ác. Nhận định đó, lập trường đó, dĩ nhiên người quốc gia chống cộng không chấp nhận. Nhưng cũng phải công nhận tác giả thành thực, và có can đảm nói lên điều mình nghĩ là phải, ở giữa những người không đồng ý với mình.

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Thư Hiên, Web: vi.wikipedia.org
- *Đêm giữa ban ngày*, Web: vnthuquan.net



7. Bùi Ngọc Tấn



Bùi Ngọc Tấn (1934-20)

Bùi Ngọc Tấn sinh năm 1934. Quê ông ở làng Câu Từ Ngoại, xã Hợp Thành, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông bắt đầu viết văn, viết báo từ năm 1954. Bùi Ngọc Tấn có sáng tác in ở các nhà xuất bản: Văn học, Lao động, Thanh niên, Phổ thông... khi mới ngoài hai mươi tuổi.

Trước khi viết văn, ông là phóng viên báo Tiền Phong ở Hà Nội, viết với bút danh Tân Sắc.

Sau đó, năm 1959, ông trở về quê và thành biên tập viên báo Hải Phòng Kiến thiết. Để có thể nuôi gia đình 6 người, ông tập trung vào viết báo. Ông thân thiết với nhà văn Nguyễn Hồng và ông Hoàng Hữu Nhân Bí thư Thành ủy người quan tâm đến giới văn nghệ sĩ và đã giúp đỡ ông lúc khó khăn sau này.

Từ năm 1968-1973, ông bị tập trung cải tạo 5 năm, trong "Vụ án Xét lại Chống Đảng" có tên chính thức là "Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài" do Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Lê Đức Thọ và Bộ trưởng Công an Trần Quốc Hoàn trực tiếp chỉ đạo, là vụ bắt giam lâu năm không xét xử nhiều nhân vật quan trọng trong nội bộ Đảng và bộ máy chính quyền tại miền bắc Việt Nam từ năm 1967 và lần lượt thả từ năm 1973, với cáo buộc là đi theo Chủ nghĩa Xét lại. Người đứng đầu vụ án này là Hoàng Minh Chính, Viện trưởng Viện Triết học Mác Lê-Nin bị bắt ngày 27-7-1967.

Từ năm 1974 đến năm 1994, Bùi Ngọc Tấn trở thành một nhân viên theo dõi thi đua khen thưởng ở Liên hiệp Xí nghiệp Đánh cá Hạ Long và trở thành "người ẩn dật" với văn chương trong gần 20 năm.

Năm 1993, ông trở lại với bạn đọc qua bài "*Nguyên Hồng, thời đã mất*" đăng trên tạp chí *Cửa biển* ở Hải Phòng.

Bùi Ngọc Tấn được các giải thưởng văn chương:

- Giải thưởng của các báo *Văn nghệ*, tạp chí *Văn nghệ quân đội*, Bộ Văn hoá, NXB Hội Nhà văn, và giải thưởng văn học Nguyễn Bình Khiêm (Hải Phòng).
- Giải Henri Queffelec (Pháp,2012) cho tác phẩm *Biển và chim bói cá*
- Giải B văn xuôi (không có giải A) giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2004 cho tập ký chân dung *Rừng xưa xanh lá*.

Tác phẩm:

- *Mùa cưới*
- *Ngày và đêm trên Vịnh Bái Tử Long*
- *Đêm tháng 10*
- *Người gác đèn cửa Nam Triệu*
- *Nhật ký xi măng*
- *Nhằm thắng quân thù mà bắn*
- *Nguyễn Hồng, thời đã mất (1993)*
- *Một thời để mất (1995)*
- *Một ngày dài đặng đặng (truyện ngắn)*
- *Những người rách việc (tập truyện, Hà Nội, 1996)*
- *Chuyện kể năm 2000 (Thanh Niên, 2000)*
- *Rừng xưa xanh lá (ký chân dung, 2004)*
- *Kiếp chó (Tập truyện ngắn, 2007)*
- *Biển và chim bói cá (2009)*

Trích văn:

Người chặn kiến

Cái tay B trưởng* ấy hoặc đã chán mọi chuyện đánh đấm, hoặc có máu hài hước. Ông M vừa bị vài cú khai vị tung rụng quai hàm thì hấn hết bọn đàn em vây quanh ông đang nổi cơn say đâm đá:

- Thôi.

Hấn bước tới gần ông. Nhìn. Ngắm:

- Trắng.

- ...

- Làm nghề gì?

Ông nuốt một bụm máu, nửa cái răng gãy vào bụng và biết nên nói thật:

- Giám đốc.

B trưởng reo lên:

- Thảo nào. Trắng như con gái.

Rồi thật bất ngờ:

- Cho làm nữ thần Tự Do.

- ...

- Tượng nữ thần Tự Do ở bờ biển Nữ Ước. Làm giám đốc mà không biết à?

Ông thoát khỏi trận đòn nhập B mà chưa ai lường hết được sự ghê gớm và hậu quả của nó. Thay vào đó ông phải khoan thân leo lên bậc thang cao nhất, giáp cửa song sắt ngăn với sân xê rom **, cái sân thượng chỉ về đêm mới có lính gác. Tay ông gơ lên cao khi gói kẹo, khi quả dưa chuột ố những đồ tiếp tế của anh em tù -- để làm nữ thần Tự Do. Trần truồng trước hàng trăm con mắt, thật nhục nhã, quá sức chịu đựng đối với một người từng làm giám đốc lại đã đứng tuổi như ông. Ở trên ấy ông thềm được như ông già chủ nhiệm hợp tác xã dưới kia, chỉ phải bế bọc nội vụ đi quanh, hát ru em bài Bé bé bằng bông.

Đúng là tay B trưởng này có máu đại hài hước. Trời nóng, hấn ngòì phè phẹt giữa sân, hét:

- Hitachi!

Gần hai chục người lập tức vây quanh hắn.

- Quạt.

Tất cả quạt. Bằng tay. Nhưng mát, bay cả tóc. Hắn lại hét:

- Panasonic.

Những người trong đội Panasonic sẵn sàng.

- Quạt.

Lại còn thêm:

- Tuốc nãng.

Cái vòng người Panasonic vừa quạt vừa chạy quanh hắn giống đèn kéo quân bỗng đồng loạt đổi chiều như cùng một bánh xe truyền lực.

Cô đơn khoả thân trên cao, cái nóng từ mái chạm vào người như nướng, ông M ao ước được ở trong đội quạt, nhưng ông không dám nói với ai. Ngoài những lúc đi cung hoặc học tập chính sách cải tạo, giờ chính quyền còn lại ông ngoan ngoãn đứng làm nữ thân Tự Do. Cho đến một ngày... Hôm ấy đi làm vệ sinh về, tay B trưởng bắt ra 4 con kiến đỏ bé xíu đựng trong cái vỏ bao thuốc lá. Hắn cầm mẫu gạch non khoan 4 vòng tròn xuống nền xi măng. 12 anh tù được hắn chỉ định chia thành 3 ca chẵn 4 con kiến nhỏ. Ông M không ngờ mình lại mê chẵn kiến đến như thế. Công việc kì dị ngày càng hấp dẫn ông. Nó làm ông khao khát đến bồn chồn. Cho dù đó là khổ ải. Phải giữ kiến luôn ở trong vòng tròn. Trong ấy có bánh bích qui, có đường, có thịt, kiến ăn nhưng không chịu ngủ, kiến vẫn bò tìm tổ. Phải luôn tay chặn kiến lại và không được làm sút một cái

chân của kiến. Chính những điều ấy khiến ông thèm khát. Nó sẽ giúp ông quên thời gian, quên những thiên thu tại ngoại. Hơn nữa ông quá chán trò cỏi truồng đứng trước mặt mọi người.

Thế là một hôm ông gặp B trưởng, chia ra một con kiến ông vừa bắt được trong khi đi làm vệ sinh và rứt rề, ấp úng xin được chần... B trưởng cố kìm cơn giận. Hắn miết chết con kiến và quắc mắt, hắt hàm về phía sân xê rom.

Ông hiểu. Ông lại khoả thân bước lên. Nhưng ông không được làm thần Tự Do nữa. Ông biến thành con chim. Con chim nhỏ trên cành cây cao. B trưởng đứng dưới, giả cầm súng lom khom, chui lủi, rình ngắm:

- Đoàn.

Ông phải rơi từ sát mái nhà xuống. B trưởng không bằng lòng với cách rơi giả vờ, rơi có chuẩn bị, rơi chân xuống trước ấy. Phải rơi như thật. Như bị bắn rụng thật. Hiểu chưa. Làm lại.

"Thật quá rùng rợn. Cầu mong đừng gãy cổ, vỡ mặt, mù mắt, gãy tay là được. Cố vượt qua. Để còn ra".

Ông M đã được ra. Ông được ra sau bốn tháng giam cứu. Ông được ra bởi ông không có tội. Những người gây ra vụ án oan ức của ông đã bị kỉ luật.

Người ta đã khôi phục lại cho ông tất cả. Ông lại làm giám đốc nhưng ở một xí nghiệp tận trong Nam, để ông có thể quên được những gì vừa trải qua. Ông cảm ơn cấp trên về điều tế nhị ấy.

Cũng như mọi xí nghiệp, giờ nghỉ trưa ở đây nhiều về...
Uống bia. Đánh cờ tướng. Tiến lên. Làm vài séc bóng bàn.
Chuyện gẫu...

Giám đốc mới không tham dự. Ăn trưa xong ông về phòng.
Các vị chức sắc cũng muốn kéo ông vào cuộc vui nhưng trả
lời tiếng gõ cửa là sự im lặng.

Họ bảo nhau:

- Thôi. Để sắp ngủ.

Chẳng một ai biết sau khi gài trái cửa, giám đốc rút ngăn
kéo lấy ra một lọ nhỏ, trong đựng 4 con kiến. Ông thả lũ
kiến vào một vòng tròn bằng phấn vẽ trên bàn. Ông bẻ
bánh cho chúng ăn và lấy những các-vi-dít (Có rất nhiều
trong ngăn kéo ổ của khách và của ông) chặn chúng lại.
Thỉnh thoảng ông còn đặt cả ghế lên bàn làm việc. Và khoa
thân trên ghế. Đứng thẳng. Mắt hướng về phía xa. Tay giơ
cao. Như kiêu thần Tự Do.

(23.6.1993)

* B: buồng xà lim. B trưởng: trưởng buồng, do ban giám đốc
nhà tù chỉ định trong số tù nhân, thường là một tay anh chị.

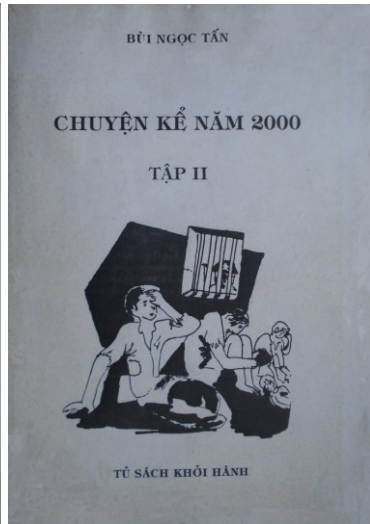
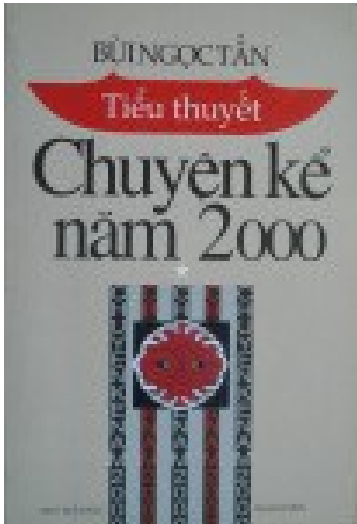
Nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên viết về Bùi
Ngọc Tấn:

*Bùi Ngọc Tấn viết văn trầm tĩnh và đôn hậu. Hình như đây
là kết quả của sự kết hợp bản tính người và trải nghiệm đời
nơi ông. Sau những gì đã xảy đến với ông, nếu văn ông có
giọng cay độc, chua chát cũng là điều dễ hiểu. Nhưng*

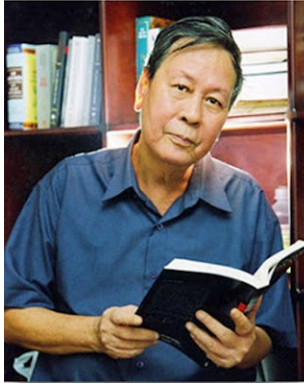
không! Ngay cả sự trầm tĩnh đôn hậu ở đây cũng không hề là phải cố ý, gồng mình, tỏ vẻ. Ông đưa lại cho người đọc những dòng văn tự nhiên dung dị, khi những oan trái khổ đau lặn vào sau câu chữ làm nên sức nặng, chiều sâu của những điều được viết ra. Một giọng điệu văn chương làm người đọc hiểu ông, tin ông, đồng cảm với ông và cùng ông đồng cảm với những phận người, những kiếp bụi nhân sinh. Cao hơn chuyện văn chương là chuyện cuộc đời. Bùi Ngọc Tấn là nhân vật của văn ông và đồng thời ông cũng là tác giả của những điều ông viết ra. Đó là văn chương của sự thật.

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Ngọc Tấn Web: vi.wikipedia.org
- Người chặn kiến Web: chuyenluan.net



8. Nguyễn Khải



Nguyễn Khải - Nguyễn Mạnh Khải (1930-2008)

Nguyễn Khải tên thật là Nguyễn Mạnh Khải, sinh ngày 3 tháng 12 năm 1930 tại Hà Nội. Quê nội ở thành phố Nam Định nhưng tuổi nhỏ sống ở nhiều nơi. Đang học trung học thì gặp Cách mạng tháng Tám. Trong Kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Khải gia nhập tự vệ chiến đấu ở thị xã Hưng Yên, sau đó vào bộ đội, làm y tá rồi làm báo. Bắt đầu viết văn từ những năm 1950, được chú ý từ tiểu thuyết *Xung đột* (phần I năm 1959, phần II năm 1962).

Sau năm 1975 Nguyễn Khải chuyển vào sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Ông rời quân đội năm 1988 với cấp bậc đại tá, để về làm việc tại Hội Nhà văn Việt Nam. Nguyễn Khải từng là Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa 2, 3 và là Phó tổng thư ký khóa 3. Ông là Đại biểu Quốc hội khóa VII.

Nguyễn Khải đã nhận được những giải thưởng:

- Giải thưởng Văn học Lê Thanh Nghị (Liên khu III, 1951)
- Giải thưởng Văn nghệ VN (1951-1952)

HUỶNH ÁI TÔNG

- Giải thưởng Hội Nhà văn VN (1982)
- Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật (đợt II - 2000)
- Giải thưởng Văn học Đông Nam Á – Southeast Asian Writers Awards- (2000)

Nguyễn Khải mất ngày 15 tháng 1 năm 2008 tại thành phố Hồ Chí Minh do bệnh tim, thọ 78 tuổi.

Tác phẩm:

- *Mùa xuân ở Chơong - Mỹ* (1954)
- *Người con gái quang vinh* (1956)
- *Xung đột* (truyện, 1959)
- *Mùa lạc* (tập truyện ngắn, 1960)
- *Hãy đi xa hơn nữa* (truyện vừa, 1963)
- *Người trở về* (tập truyện vừa, 1964)
- *Họ sống và chiến đấu* (ký sự, 1966)
- *Hoà - Vang* (bút ký, 1967)
- *Đường trong mây* (tiểu thuyết, 1970)
- *Ra đảo* (1970)
- *Chủ tịch huyện* (truyện, 1972)
- *Chiến sĩ* (tiểu thuyết, 1973)
- *Tháng ba Tây nguyên* (ký, 1976)
- *Cách mạng* (kịch, 1978)
- *Gặp gỡ cuối năm* (tiểu thuyết, 1982)
- *Thời gian của người* (1985)
- *Điều tra về một cái chết* (tiểu thuyết, 1986)
- *Vòng sống đến vô cùng* (truyện, 1987)
- *Một cõi nhân gian bé tí* (tiểu thuyết, 1989)
- *Một người Hà Nội* (tập truyện ngắn, 1990)
- *Sự già chừa Thắm và ông đại tá về hưu* (tập truyện vừa, 1993)
- *Một thời gió bụi* (truyện ngắn, 1993)
- *Hà Nội trong mắt tôi* (tập truyện ngắn, 1995)

- *Chút phần của đời* (truyện ngắn và kịch, 1999)
- *Chuyện nghề* (1999)
- *Nắng chiều* (tập truyện ngắn, 2001)
- *Hãy đi xa hơn nữa* (tập truyện ngắn thiếu nhi, 2002)
- *Mẹ và các con* (tập truyện ngắn thiếu nhi, 2002)
- *Sống ở đời* (tập truyện, 2003)
- *Ký sự & Kịch* (2003)
- *Thượng đế thì cười* (tiểu thuyết, 2003)
- *Nghề văn cũng lắm công phu* (truyện - tạp văn, 2003)
- *Vòng tròn trống rỗng* (kịch, 2003)
- *Một chặng đường* (tiểu thuyết, 2005)
- *Đi tìm cái tôi đã mất* (tùy bút, 2006)

Trích văn:

Đi tìm cái tôi đã mất

1.

Năm 70 tuổi tôi bắt đầu chán viết, người rã ra, đọc sách cũng nằm, đọc được mười lăm phút chữ nghĩa đã loè nhoè, chả rõ mình đang đọc cái gì. Rồi ngủ. Ngủ như chim, một chớp mắt đã tỉnh, tiếp tục đọc nốt cái nửa trang đọc dở vẫn cứ lơ mơ vì chả còn nhớ họ viết cái gì trong cái nửa trang vừa đọc. Cũng năm ấy tôi được trao giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt 2. Mừng thì rất mừng nhưng tôi đã nhận ra ngay đây là tấm bia mộ sang trọng cắm lên một đời văn đã tới hồi phải kết thúc. Thế là lại buồn, ra vào ngẩn ngơ cả tháng. Rồi quyết định ra chơi ngoài Bắc, trở lại quê ngoại là nơi tôi đăng ký tòng quân năm 1946, cũng là nơi tôi tập tọng viết những bài báo kháng chiến đầu tiên in litô vào năm 1949. Nó mở đầu cho nhiều chục năm tiếp theo, vừa là anh bộ đội vừa là nhà báo nhà văn. Cái thị xã quanh quẽ, toi tốp, tối tăm, toàn một màu xanh và đen những năm nào, giờ đã biến hoá thành một quận của Hà Nội hay Sài Gòn hôm nay. Lại nhớ tới

những dây phố ngắn ngủi, nhà thấp, hè hẹp, rợp bóng nhãn, mặt người hiền lành, dáng đi thông thả, thị xã như cái làng lớn, đi một đoạn đường phải chào hỏi không biết bao nhiêu là người vì toàn người quen cả. Năm chục năm sau, trở lại cái thị xã của tuổi mới trưởng thành, mà là trở về lần thứ ba (hai lần trước cách đây đã hơn hai chục năm), cái mảnh đất thân thuộc đã hoá ra xa lạ. Đạp xe cả ngày chả gặp người quen nào, hoặc có gặp nhưng đã là hai ông già ở tuổi bảy mươi làm sao nhớ lại gương mặt của nhau cái thời mới mười tám đôi mươi. Lần về thứ hai vẫn còn ba người quen cũ, một người là Thuận, đại tá về hưu, một người là Tùng, trung đội phó, một người là Mễ, tiểu đội trưởng là những cấp chỉ huy đầu tiên của tôi trong cuộc sống quân ngũ. Lần này về gặp anh Thuận, cũng là ông chủ báo đầu tiên của tôi, anh hơn tôi vài tuổi. Còn hai người kia đều mới mất ở tuổi ngoài bảy mươi cả. Đường phố không quen, mặt người không quen, còn lại một ông bạn thân tôi ngày đi họp, đủ các thứ hội hè để ông đến họp, vẫn là cái khát khao của người đã già, đã nghỉ hưu có dịp gặp lại bạn cũ, trò chuyện là chính, nhắc lại chuyện ngày xưa là chính, rồi than thở, đủ thứ than thở, chuyện nhà chuyện nước. Cũng buồn nhỉ? Chuyện người già có vui bao giờ, người đã xong một việc có làm gì cũng không thể vui. Vì tôi là người có gốc địa phương nên tỉnh uỷ có gặp và mời ăn một lần cho phải phép. Nhưng nhìn những gương mặt quan chức của tỉnh hôm nay mà kinh ngạc. Mặt người nào cũng đầy những múi thịt, sần sùi, nói nhiều, cười to, lời lẽ nhạt nhẽo, dung tục, và không bao giờ nhìn thẳng vào mặt mình để nói, cứ như là đang nói với một ai khác ngồi cạnh mình hoặc ngồi sau mình. Bữa sắp về Hà Nội, bí thư tỉnh uỷ lại mời gặp, không phải là gặp chính thức mà là cùng ngồi ăn sáng với ông vì ông cũng đang bận. Buổi gặp vừa hình thức vừa khó chịu vì chỉ có người lãnh đạo của tỉnh nói, nói như người rao hàng, mắt nhìn đâu đâu, bụng nghĩ đâu đâu. Tôi chỉ còn nhớ một chuyện, có một ông tướng, là danh tướng, người địa

phương, có đem một giồng hoa lạ từ Hà Nội về, tự tay ông trồng ở vườn hoa của tỉnh uỷ vì phải chọn đúng ngày, đúng giờ, cả đúng hướng nữa mới đem lại thịnh vượng, hạnh phúc cho dân trong tỉnh. Thật vậy sao?

Trong mấy ngày xuống xã vừa vui vừa buồn. Ai cũng giàu có hơn trước, nấu cơm bằng nồi cơm điện, tối xem tivi màu, giờ rảnh thì xem phim bộ. Mỗi xóm đều có cửa hàng cho thuê băng video, có gái điếm cho ngủ chịu đến mùa trả bằng thóc, có cờ bạc, có hút thuốc phiện và chích heroin, thành phố có gì ở làng quê đều có, cả hay lẫn dở, dở nhiều hơn hay. Tôi về một xã, xã cho tôi ở nhà một anh bưu tá, lúc rảnh rồi hỏi chuyện gì anh cũng bảo không biết. Ở xã ba ngày, đảng uỷ, uỷ ban không ai tiếp cả. Có một buổi tối có một anh chàng to béo đến chơi với gia đình, cả vợ lẫn chồng nhà chủ ăn nói thưa gửi, bộ điệu khúm núm. Anh ta ngồi uốn người trên ghế tựa, hai chân xoạc rộng, hai bàn tay đặt lên bụng, nói hỏi trống không, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn tôi nhưng không hỏi gì, chào cũng không, mắt nhìn cứ lờ lờ, mà hấn chỉ đáng tuổi con tuổi cháu. Tôi cứ nghĩ tay này hẳn là dân buôn bán ở tỉnh có họ hàng gì với anh chủ nhà, tạt qua chốc lát rồi đi. Nhưng anh bưu tá lại bảo đó là ông chủ tịch xã. Lại một ngạc nhiên nữa! Mấy ngày sau lại về một xã thuộc phía Bắc tỉnh. Cách đây đã ba chục năm tôi đã đi đi về về xã đó khoảng một năm để viết về một anh chủ tịch xã chưa tới ba mươi tuổi trong cái thời có cao trào lập hợp tác xã nông nghiệp. Ngôi chơi ở phố huyện kề liền xã bất ngờ lại gặp người quen cũ của mấy chục năm trước. Hiện giờ ông ấy đã ngoài sáu chục tuổi, có cửa hiệu chụp ảnh ở ngay phố, to béo, rành rành, chuyện gì cũng biết, lại biết cách thuật lại về mọi cái biết của mình một cách sống động, tươi rói, nghe chuyện mà tưởng như chính mình cũng được chứng kiến. Nhà văn mà gặp được một người như thế là có thể nghĩ ngay một cuốn sách sẽ viết, viết cũng nhanh thôi, vì mọi vật liệu đã sẵn sàng. Bao nhiêu chuyện sui sẻo, buồn bã của chuyến đi bắt thân được đền bù quá hậu hĩ

nhân một lần gặp lại người quen cũ. Đang mừng khắp khởi liền bị mấy ông xã nhảy vô phá đám, đi một bước có trường công an xã theo một bước, vừa là người hướng dẫn vừa là người bảo vệ. Chỉ được trò chuyện với người đã được xã giới thiệu và ăn ngủ tại nhà ông bí thư xã. Nhưng tôi đâu có chịu thua hoàn toàn. Xuống cái xã bị ghê lạnh thì tôi chơi với dân, viết về một ông nông dân bị giới hành, được bạn bè khen là rất khá. Về cái xã được chiều chuộng quá mức tôi viết được cái bút ký "*Mắt toi một cuốn sách*". Sang tuổi 70, mọi hoạt động của con người đều chậm, đều kém, riêng cái chuyện viết lách của tôi vẫn giữ được phong độ gần như xưa, vẫn viết rất nhanh, riêng cái nhìn thì trào lộng nhiều hơn, ngậm ngùi nhiều hơn. Nó là thứ hương vị thơm ngát chắt ra từ hơn bảy mươi năm được làm người.

2.

Tôi là một đứa trẻ khi bước vào đời có nhiều điều thua thiệt nhưng tôi đã biết níu chặt lấy thời thế mà leo dần lên. Tôi nói thế chả phải vì cái thói cơ hội, thời này có mấy ai thích nói mình thành tài là nhờ cách mạng. Nhưng có nhiều người được cách mạng ôm hẳn vào lòng nâng niu, vỗ về mà vẫn không nên người thì sao? Là vì họ còn thiếu một yếu tố nữa, thiếu cái đó dầu họ có được bước trên thảm đỏ, kẻ nâng người dắt một đời vẫn không ra con người tử tế. Mà tôi thì có, có dư thừa. Ấy là cái tính hài hước bẩm sinh, trước hết là biết giễu mình, theo dõi từng bước đi, từng câu nói của chính mình bằng cái nhìn của người khác vừa nghiêm khắc vừa bỡn cợt. Sau mình đến người, tôi cũng hay nhìn ra cái khía cạnh buồn cười ở người khác dầu họ xuất hiện dưới cái vỏ trang trọng đến thế nào. Cái buồn cười là cái trái nghịch trong cùng một người, kẻ vô luân nói chuyện đạo đức, tên ăn cắp dạy dỗ phải bảo vệ của công, người hồng hách lại là tên nịnh bợ bậc nhất. Nếu tán rộng ra thì còn vô vàn chuyện buồn cười mà ta bắt gặp ở mọi nơi, trong mọi thời gian của cuộc sống. Anh dốt thường

làm ra vẻ thông thái, thẳng thắn rất thích xuất hiện như người anh hùng, một chính khách đầu óc rộng tuếch luôn tỏ ra uyên bác bằng những lời nói vô nghĩa. Nếu những người đó có được một chút hài hước, có khả năng tự ngắm mình trong khi diễn trò thì họ sẽ biết cách tự kiềm chế trong một giới hạn nào đó.

Muốn có cái mình không thể có không chỉ là chuyện buồn cười mà còn là căn bệnh không thể cứu chữa của nhân loại. Các triết gia, giáo chủ cũng không thoát khỏi cái trò cười ấy. Họ muốn cho nhân loại cái họ không thể có, muốn cứu nhân loại bằng những phương tiện nhiều lắm chỉ đem lại mê say tự huỷ hoại hoặc mà thôi. Học thuyết xã hội hay tôn giáo khôn ngoan phải là học thuyết mở, có thể là thể này mà cũng có thể là thể khác, luôn luôn biến hoá, lấy sự biến hoá của thời thế và con người làm mục tiêu tối thượng để tự điều chỉnh. Học thuyết là do con người làm ra, một trí tuệ sáng láng nhất vẫn cứ bị ràng buộc bởi nhiều vòng tự giác và không tự giác của thời thế, của cuộc đời. Bởi vì họ không thể là Thượng Đế để biết hết vô vàn nguyên nhân những tác động qua lại, uốn éo, bất ngờ của nó đưa đẩy mọi sự vật tới những thay đổi rất nhỏ, không mấy ai chú ý, cuối cùng là những biến thiên cực lớn. Chẳng có học thuyết nào dự đoán đúng những gì sẽ xảy ra trong tương lai và cũng chẳng thể dự đoán được cái kết cuộc của nhiều sự việc đang xảy ra trong hiện tại. Mọi lời tiên tri đều có tính mê sảng, đồng cốt. Dành cả một thời thanh xuân để tin vào những lời tiên tri ấy, về già nhìn lại cái tài sản tinh thần thâu góp một đời chỉ là một cái kho chứa đủ tạp nham chẳng có một chút giá trị gì.

3.

Tính hài hước là cái thứ mà người cộng sản ghét nhất vì nó có thể biến mọi chuyện thiêng liêng thành trò cười. Một học thuyết không thể chứng minh sự đúng đắn của nó trong thực tiễn thì trước sau sẽ biến thành tôn giáo. Vì tôn giáo là

niềm tin, là thói quen, là tập quán, là vâng phục, là ở thế giới này chỉ có một chân lý, ngờ vực nó, đặt quá nhiều câu hỏi về nó chỉ là kẻ phản đò, phải bị trục xuất khỏi cộng đò, phải bị cách ly, bị ngồi tù để tránh mọi sự truyền nhiễm có thể. Học thuyết xã hội đã phải đò lột tôn giáo để tồn tại thì mọi thứ thuộc về nó đều là thiêng liêng. Lãnh tụ thành thần thánh, lời nói bài viết của họ thành kinh bôn, cuộc sống cá nhân và xã hội của họ đầy ắp những chuyện phi thường. Hình ảnh của Lenin và Stalin, của Mao Trạch Đò và Kim Nhật Thành và lời nói của các vị ấy bao trùm lên toàn bộ cuộc sống tinh thần của các quốc gia họ cầm quyền, làm gì, nói gì, nghĩ gì đều không thoát ra khỏi cái bóng che ấy. Bài hát về lãnh tụ trang nghiêm như thánh ca, người hát có dáng điệu sùng bái như tín đò. Cái thế giới cá nhân của các công dân đã bị đốt cháy, đã thành tro bụi và tan biến trong hương khói của đền đài. Trong không khí ngùn ngụt lửa cháy cùng với tiếng sóng hoan hô khi gần khi xa không lúc nào dứt, vậy những người làm việc bằng trí tuệ sẽ tìm đò ra một khoảng trời yên tĩnh và tự do để suy nghĩ về những công trình một đời của riêng mình. Người cộng sản sẽ không bao giờ hiểu đò cách làm việc cá nhân, đò độc, xa rời quần chúng, xa rời các phong trào cách mạng có tính địa phương của các nhà trí thức thâm đẫm “tư tưởng tư sản” ấy. Phải cải tạo họ bằng các chuyến đi thực tế, bằng các lớp học chính trị ngắn hoặc dài ngày, và bằng cả những lần đò gặp gỡ thân mật với lãnh tụ để có thêm lòng tin vào những lý do phải tự phủ đò, để khẳng đò sự nghiệp vĩ đại của quần chúng. Phải bỏ hẳn những tư tưởng triết học và thế giới quan phù hợp với cách nghĩ, cách nhìn, cách đò giá của riêng mình, đã đò chứng minh qua những trải nghiệm của bản thân để nhập vào dòng tư tưởng chính thống, cái triết học chính thống, cách nhìn nhận và đò giá chính thống, xét cho cùng chả liên quan bao nhiêu tới cái tâm sự đò ắp ù, tới những điều cần phải viết, và trên hết, máu thịt hơn hết là những

phát hiện độc đáo của riêng mình trong lịch sử, trong văn hoá, trong nhân sinh. Mất những cái đó thì còn sống tiếp làm gì, còn viết tiếp làm gì nên một số đã phải đổi nghề, bỏ nghề sáng tạo sang nghề cạo giấy, làm một anh công chức hiền lành, mẫu mực, vừa có quyền vừa có lợi. Cái danh cái lợi cũng có sức quyến rũ người ta lắm, qua nhiều năm tháng nó đã trở thành ý nghĩa quan trọng nhất để sống, sống với vợ con, với bạn bè, với xóm làng, với xã hội. Còn một số nhỏ vì không làm nghề gì khác ngoài cái nghề văn chương nên đã đầu quân về các nhà xuất bản, tuần báo, tạp chí tiếp tục làm nghề nhưng phải viết trong khuôn phép đã quy định, cũng có đôi lúc đã tự buông thả theo những cảm xúc tự nhiên hoặc bất chợt bị mê hoặc bởi những hình tượng nghệ thuật quá đẹp đã trở thành những nạn nhân oan uổng của nhiều vụ án văn tự, nghỉ lại mà tiếc cho nhiều người, mộng mơ nhiều thì tài năng cũng nhiều đều bị thui chột ngay từ những năm còn trẻ.

4.

Trong suốt ba chục năm chiến tranh, mỗi người Việt Nam đã quên hẳn những nhu cầu vật chất và tinh thần của riêng mình để được cùng sống như mọi người, cùng cảm nghĩ như mọi người, sống cùng sống chết cùng chết. Học thuyết Mác và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản được tôn vinh đến tuyệt đối. Vì số phận cá nhân gắn liền với tập thể với dân tộc, trùng hợp khít khao với các mục tiêu chính trị của đảng cầm quyền và những tham vọng của người lãnh đạo. Nhưng cả mấy thế hệ cùng tham gia chiến tranh, sống trong một môi trường xã hội, chính trị của một đất nước đang có chiến tranh cũng là một tai hoạ khôn lường. Trong chiến tranh tập thể gạt phắt cá thể sang một bên, có thể giẫm đạp lên nó cũng chả mất mát gì, vì chiến tranh đòi hỏi sự nhất trí, cần sự ra lệnh đúng lúc của nhiều cái đầu chứ không có thời gian bàn luận, sai đúng có sự tham gia của nhiều cái đầu. Và lại nếu người lãnh đạo tính toán sai lập tức sẽ bị

đôi phương trừng phạt ngay, không sớm tỉnh ngộ thì cả sự nghiệp có thể bị đổ vỡ. Đến thời hoà bình thì chỉ còn dân chúng đôi mắt với chính quyền, quyền lợi khác nhau, nguyện vọng khác nhau, có trăm ngàn thứ khác nhau trong một cộng đồng: dân tộc, tôn giáo, văn hoá, điều kiện sống... trong một thời gian dài tạm quên đi, tạm gác lại để lo việc lớn, lúc này nhất loạt trở dậy, đòi hỏi và mỗi cá nhân đều thấy cái mình đòi là quan trọng nhất, bức thiết nhất. Độc lập có rồi, tự do có rồi, vậy cái hạnh phúc của mỗi chúng tôi nhà nước định quên sao? Nhưng người dân phải tìm ra cơ hội nào để nói, đến chỗ nào để nói, dùng phương tiện gì để nói. Nói với tổ chức, với các đoàn thể mình là một hội viên, không ai nghe cả. Nói trên báo chí không báo nào dám đăng. Viết kể sách, thỉnh nguyện gửi lên các cấp có thẩm quyền thì chẳng bao giờ nhận được trả lời. Vậy phải làm gì nhỉ? Làm loạn không dám, biểu tình đúng pháp luật cũng chưa có tiền lệ. Người đứng dẫn bộ lộ sự không bằng lòng của mình tại các cuộc họp lập tức bị những kẻ cơ hội trấn áp tức thì, bị cơ quan an ninh ghi vào sổ đen, thăng chức nên lương từ nay không thể, chỉ còn đợi ngày về hưu thôi. Nhưng dân chúng vẫn có cách xả nổi bất bình của họ bằng cách sáng tạo ra nhiều chuyện tiếu lâm chính trị. Trong cả nước không đâu có nhiều chuyện tiếu lâm bằng Hà Nội vì nó là thủ đô hành chính, mọi chuyện cung đình vừa thật vừa giả tràn ngập các quán cà phê mỗi ngày. Không ra được báo viết thì làm báo mồm vậy, lời nói bay đi lấy đâu làm bằng, tưởng như vô hại mà hại vô kể. Vì nó sẽ thành dư luận, không ai bắt giam được dư luận, giết được dư luận, cái dư luận hỗn tạp, vô sở cứ mở rộng mãi ra, bao trùm mọi việc mọi người trở thành mặt bằng mới để đặt ra các tiêu chuẩn sống cho một thời. Cái tiêu chuẩn mới có tên gọi là “*mặt kệ nó*”. Nó là người khác, là nhà nước, là bất cứ ai, bất cứ việc gì không có quan hệ trực tiếp tới các lợi ích cá nhân mình. Cái cá thể sau một thời gian dài nhập vào cái tập thể đã tự tách ra khỏi nó để tìm lại mình. Nhưng

cách tìm lại ấy thường thuộc về phía tiêu cực của con người, lấy lợi ích bản thân làm mục tiêu nên không tạo ra được sự thăng hoa, sự tự do chân chính, là môi trường cho mọi sáng tạo độc đáo, vừa thấm đẫm tính cá nhân vừa thấm đẫm tính thời đại ở yếu tố tiên phong của nó. Ở đây tôi muốn nói thêm, tự do được nuôi dưỡng tự nhiên trong môi trường dân chủ là tự do của công hiến, còn tự do vừa thoát ách chuyên chế thường có tính phá hoại, trả thù, để bù lại những năm tháng bị tước đoạt. Cứ so sánh về tự do của một xã hội dân chủ nhiều trăm năm như Hoa Kỳ và tự do vừa giành được của nước Nga Xô Viết là đủ rõ. Vì nó không được chuẩn bị, không được giáo dục, mọi bản năng của con người được xõng ra nhất loạt sẽ gây hỗn loạn cho cộng đồng, nhiều hơn là xây dựng. Dân chủ và tự do phải có thời gian để làm quen, để học cách sử dụng và bảo vệ, phân được ranh giới giữa cá nhân và cộng đồng. Thành pháp luật, thành tập quán mới có thể đơm hoa kết trái được.

5.

Một đất nước bị xâm lược, rồi bị nô dịch, dân chúng thành nô lệ không được pháp luật che chở, làm người cũng khó nói gì tới ý thức cá nhân trong mỗi con người. Ý thức cá nhân là ý thức về cái riêng biệt của mình, về cái có thể công hiến của mình cho cộng đồng không giống với một ai do có một cách cảm nhận riêng, một cách suy nghĩ riêng, từ đó... Những cái giá trị cá nhân chỉ được nhìn nhận, được tôn vinh ở những xã hội tương đối tự do, các mối quan hệ giữa người với người tương đối tốt đẹp. Ở xã hội tư bản mà chúng ta vốn có thành kiến là rất xấu xa lại thường hay cho những tiếng kêu cứu, bảo vệ những giá trị truyền thống của cá nhân, vì đồng tiền đang làm mất phẩm giá của con người, phá vỡ nền tảng đạo đức, làm rối loạn các mối quan hệ xã hội. Con người được sống no đủ, trong tiện nghi mà vẫn đối địch với nó, muốn thoát ly khỏi nó vì không được thoả mãn những nhu cầu về tinh thần. Ta hay lấy những

chuyện đó để làm chứng một cách hả hê cho sự tha hoá của con người sống dưới chế độ tư bản. Vậy các công dân của chế độ xã hội chủ nghĩa thì sao? Chẳng có ai kêu ca gì. Nhà văn là người có trách nhiệm chăm lo cuộc sống tinh thần của đồng loại cũng không kêu. Có một nhà văn Nga [*Vladimir Dudinzev / Владимир Дудинцев - chủ thích của Diễn Đàn*] viết cuốn sách ***Người ta không chỉ sống bằng bánh mì*** [*Не хлебом единым - chủ thích của Diễn Đàn*] bị cả giới văn nghệ Liên Xô phê phán. Ông đã viết sai vì các nước xã hội chủ nghĩa rất coi trọng cuộc sống tinh thần của các công dân. Họ đọc sách rất nhiều, trên xe điện, xe buýt, trong công viên, đứng xếp hàng từng dãy dài mua thực phẩm, mua vé xem vũ kịch, nghe âm nhạc họ đều mở sách đọc rất chăm chú, tưởng đâu như cuộc sống đích thực của họ là ở các trang sách. Chỉ có những giây phút chìm đắm trong sự đọc họ mới có cơ hội ngẫm nghĩ về thân phận của mình, của đồng loại, tìm lại cái bản gốc cá nhân đang lưu lạc ở một góc khuất nào đó của riêng mình. Rồi khỏi trang sách là rơi ngay vào vòng quay của trăm ngàn công việc chẳng có nghĩa lý gì ngoài sự mưu sinh để tồn tại. Những ngày nghỉ, những giờ tạm gọi là rảnh rỗi họ cũng không được ngồi một mình, ngẫm nghĩ một mình, có bao nhiêu buổi lễ kỷ niệm lớn nhỏ, những phong trao cam kết thi đua và vô vàn cuộc họp của ngành của giới đã choán hết phần thời gian còn sót lại... Cuộc sống tập thể đã nhấn chìm cuộc sống cá nhân, cuộc sống trong chiến tranh đã xoá nhoà mọi thói quen của cuộc sống thời bình. Lúc nào cũng có kẻ thù rình rập đâu đó để tìm cơ lật đổ chế độ bằng vũ trang, hay bằng diễn biến hoà bình. Lúc nào cũng được đồng chí trong chi bộ, bàn bè cơ quan giám sát mọi tư tưởng và hành vi để ngăn chặn mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân của mỗi thành viên. Lúc nào cũng phải đề phòng, phải đề cao cảnh giác cách mạng, không tin cậy bất cứ ai, kể cả bạn bè. Chỉ có một điều lạ, là trong hoàn cảnh sống

không có một tí tự do nào cho cá nhân mà chúng tôi vẫn sống được, lại còn viết văn làm thơ được!

6.

Suốt 80 năm sống dưới ách đô hộ của Pháp, chúng ta vẫn đặt được những viên gạch đầu tiên cho nền văn xuôi Việt Nam. Những truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, tùy bút của thời ấy được in trên các tuần báo hoặc xuất bản thành sách nay đọc lại vẫn thích thú, vẫn làm ta cảm động. Nhiều truyện được đọc từ tuổi niên thiếu vẫn ám ảnh ta tới tận lúc tuổi già, và một loạt các nhà thơ, nhà phê bình văn học của cái thời gọi là thuộc địa đã trở thành những tên tuổi lớn tồn tại mãi mãi trong lòng nhiều thế hệ bạn đọc. Làm thân nô lệ mà vẫn trỗi lên thành những tài năng lớn là sao? Không chỉ trong văn chương mà còn cả trong mỹ thuật, trong kịch nghệ. Không chỉ trong văn nghệ mà trong cả khoa học, giáo dục, trong kinh doanh theo kiểu tư bản và trong nhiều nghề truyền thống. Tất cả đều được bắt đầu từ những năm đầu thế kỷ, được phát sáng, được bộc lộ mạnh mẽ các tài năng cá nhân và họ đã trở thành người khai sáng, người mở đường, thành tổ nghề, không chỉ có tài lớn mà còn có đức lớn, là những nhân cách kiêu mẫu cho con cháu, cho giống nòi, đều là chuyện có thật cả, không thể bóp méo hoặc bác bỏ. Mà giải thích về nó cũng rất đơn giản. Chế độ tư bản của Pháp và Châu Âu tiến bộ hơn, văn minh hơn chế độ phong kiến tập quyền của Châu Á tới vài thế kỷ, là khoảng cách giữa hai thời đại, nói như cụ Phan Chu Trinh. Thời Pháp thuộc bọn thực dân chỉ cấm, bỏ tù, xử bắn những người dám chống đối nó, trước hết là những người cộng sản. Cuộc sống của dân chúng vẫn lầm than như thời xưa, như thời phong kiến, khổ nhất vẫn là nông dân, nhưng xã hội có thêm nhiều nghề mới do công cuộc khai thác tài nguyên ở thuộc địa, hình thành dần nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, có đô thị và các trung tâm buôn bán, có các đường lớn xuyên quốc gia và liên tỉnh, có cầu cống và đường sắt,

có báo hàng ngày, có tuần báo và tạp chí. Tiếng nói của công chúng sau nhiều thế kỷ câm bặt đã được cất lên bày tỏ thân phận và nguyện vọng của mình, dẫu còn yếu ớt nhưng đã gây được tiếng vang trong cả nước. Dầu xã hội phát triển một cách nhem nhuốc, đau đớn nhưng vẫn hơn cái thời tù mù, tối tăm của thời phong kiến. Thời thế là vị tu lệnh tối cao, không có học thuyết nào, một thiên tài chính trị nào dám chống lại những mệnh lệnh của nó. Dám chống lại nó học thuyết sẽ tiêu tan, các chính khách thì thân bại danh liệt. Chế độ thực dân tuy tàn bạo nhưng nó là sản phẩm của thời đại này nên nó vẫn có khả năng ươm cấy nhiều nhân tố tích cực, có giá trị bền vững cho những xứ sở nó đô hộ. Còn những vương triều phong kiến dẫu được cai trị bởi các bậc minh quân thánh trí vẫn là những xã hội hủ lậu và thuộc về quá khứ. Tài giỏi như Khang Hy, Càn Long nếu còn trị vì Trung Quốc tới cuối thế kỷ 19 mà không chịu thay đổi thể chế đã quá cũ kỹ thì vẫn cứ thua, có khi còn thảm bại hơn vì lòng kiêu hãnh bệnh tật của họ. Cách tổ chức xã hội của giai cấp tư sản dẫu có xấu xa tới tận đâu cũng vẫn tạo được những môi trường tự do và dân chủ hơn, mở ra những cơ hội mới cho sự phát triển tài năng của mọi cá nhân và của cả cộng đồng. Lại lấy thêm một ví dụ về nước Nga trong non một thế kỷ qua. Dưới chế độ Xô Viết, người dân Nga được nhà nước chăm lo hoàn toàn từ khi sinh đến khi chết, nhưng họ vẫn không thích, vẫn thấy ngột ngạt vì đó là cuộc sống không phải lo nghĩ của một trại tập trung, con người bị đánh số, bị xếp theo khuôn, theo hàng, chỉ nhìn thấy đám đông chứ không thể nhìn ra từng con người riêng biệt, kể cả trong triết học và văn chương. Còn thời bây giờ là một xã hội mạnh ai nấy lo, người người lán chen nhau, tranh cướp nhau vì những tham vọng không được kìm nén, kỷ cương cũ bị xoá bỏ, kỷ cương mới chưa kịp hình thành, mọi sự đều phải làm lại từ đầu từ quốc kỳ, quốc ca, quân kỳ... Nhưng xem ra chả có mấy ai than thở về hiện trạng hỗn loạn, họ cảm thấy thoải mái, bằng lòng

với cuộc sống đầy bất trắc của hiện tại vì lần đầu tiên họ được lựa chọn cách sống của mình, thắng thua tự mình gánh chịu, cũng là lần đầu họ biết nhận ra cái “bán lai diện mục” của chính họ.

7.

Bất cứ nhà nước nào lấy học thuyết xã hội hoặc tôn giáo thay cho hiến pháp thì trước sau sẽ chuyển đổi thành nhà nước chuyên chế. Vì trong hàng triệu công dân sẽ có nhiều nhóm người không cùng lòng tin, không cùng tín ngưỡng với nhà cầm quyền. Họ trở thành những cộng đồng đáng ngờ, sẽ bị phân biệt đối xử, trước hết là mất quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do xuất bản. Đó là nói về tầng lớp trí thức. Còn những người làm các nghề khác, chẳng đáng gì đến sách vở cũng sẽ cảm thấy bị tước đoạt nhiều quyền tự do, như quyền tự do lựa chọn cách sống của riêng mình chẳng hạn. Đã độc quyền về tư tưởng tất nhiên sẽ độc quyền cả về cách sống, vì mỗi học thuyết đều có phần đạo lý của nó, nó cần tiêu chuẩn làm người đã được lý tưởng hoá của nó để làm khuôn mẫu cho tu sĩ và tín đồ. Tôi có một bà cô sống ở Hà Nội suốt thời Pháp tạm chiếm, là dân cũ của Hà Nội, sau này giải phóng được một năm, bà than thở với tôi, nghĩ rằng sống với cách mạng thì dễ mà hoá ra rất khó. Bà bảo chính phủ gì việc lớn không lo toàn lo việc vặt, từ cách ăn mặc, cách yêu đương, cách nuôi dạy con cái là những việc người dân tự biết cách lo, tự biết cách học, lo không nổi thì đã có dư luận xã hội lo giùm, từ cổ tới nay vẫn thế mà. Lại nói về những tín đồ trung thành của chủ nghĩa Mác, những chiến sỹ theo cách mạng từ thuở mới lập nước là đám văn nghệ sỹ chúng tôi cũng “sống không dễ” trong sự viết lách. Viết đúng luật lệ thì chỉ có hai chủ đề: căm thù và hy sinh. Cũng chỉ có ba loại người được tôn vinh: công, nông, binh. Cái thế giới mênh mông, nhiều màu sắc ngày một thu hẹp và chỉ có hai màu: đỏ là quân ta, đen là quân địch. Văn chương cách mạng thoát đầu cũng lạ so

với văn chương thời trước nên được bạn đọc trẻ hoan nghênh. Nhưng cứ phải đọc mãi một vài đề tài quen thuộc, một vài loại người quen thuộc và những tâm trạng rất quen thuộc ngay những bạn đọc trung thành cũng phải chán. Chính chúng tôi cũng tự chán mình. Tài đã kém lại bị bó chặt từ đầu tới chân, xoay tới xoay lui cũng chỉ có một vòng quay, ú ó một cách nói, càng viết càng nhằm cũng là phải. Một nền văn nghệ phải phục vụ chính trị (mà chính trị thì sớm nắng chiều mưa) là đã mất một nửa tự do rồi, lại phải phục chính trị theo nghĩa các chủ trương, chính sách của từng thời kỳ thì còn gì là tự do nữa. Ấy là chưa nói mỗi cấp cầm quyền lại có những yêu cầu riêng, những cách đối xử riêng, lúc nhu lúc cương, cái thẳng nghệ sĩ chả còn biết lối nào mà lần. Văn chương đã đến nông nổi ấy mà vẫn có giải thưởng quốc gia, nhưng những tác phẩm được giải thưởng Lenin, Stalin liệu có còn cuốn nào được người Nga hôm nay muốn đọc lại. Tôi cũng được giải thưởng văn chương cao nhất cấp quốc gia, nhưng tôi biết chỉ mười năm nữa, thời thế đổi thay chắc chả còn ai nhớ tới mình nữa. Tôi là nhà văn của một thời, thời hết thì văn phải chết, tuyên tập, toàn tập thành giấy lộn cho con cháu bán cần. Buồn nhĩ? Nghĩ lại cũng chả có gì phải buồn, con người vốn sống trong những chiều kích hữu hạn lại mơ tưởng những gì do con người làm ra sẽ thuộc về vĩnh viễn, có hoạ rồi! Tất nhiên vẫn có nhiều công trình của trí tuệ thuộc về cõi bất tử nhưng là của các thiên tài. Với bộ não con sâu cái kiến, ngược nhìn những cái đầu khổng lồ ấy làm gì cho thêm buồn ra. Hãy viết những gì trong cái tầm nhìn tầm nghĩ của con sâu cái kiến vậy. Một cách nghĩ thiếu “tự hào dân tộc” nhưng chắc chắn là một cách nghĩ đúng. Đã từng có những quốc gia từng nghĩ từng viết rất tự hào, rất kiêu hãnh rằng dân tộc họ đã sải bước trước nhân loại cả trăm năm, sắp chạm tay vào cánh cửa thiên đàng rồi! Mà rồi sao nhĩ? Là như mỗi chúng ta đều đã được chứng kiến trong suốt mấy chục năm nay đây!

8.

Nhà văn Du Hoa [Yu Hua, 余华, chú thích của DĐ], một cây bút đang nổi của văn đàn Trung Quốc, trong lời cuối sách của tiểu thuyết *Huynh đệ* (Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2006), ông có viết đại ý, trong lịch sử thế giới từ thời Trung Cổ đến thời hiện đại phải trải qua 400 năm. Còn ở Trung Quốc từ thời cách mạng văn hoá, cả đất nước chìm sâu trong bóng đêm trung cổ với thời bấy giờ với bao nhiêu thay đổi đến chóng mặt để đất nước Trung Hoa nhanh chóng bước vào đội ngũ các đại gia của G8. Cái khoảng cách vời vợi giữa hai thời đại ấy đã được rút gọn trong có 40 năm. Rằng hay thì thật là hay nếu chỉ nhìn vào toàn cục, vào cả dân tộc. Nhưng nếu nhìn vào từng cá nhân, những cá nhân không được chuẩn bị từ căn cơ trong lịch sử, trong văn hoá, trong truyền thống và nhất là trong nhân cách làm người thì cái rút gọn trong mỗi cá nhân sẽ dẫn tới đâu? Theo ý tôi (N. K.) là các cá nhân ấy sẽ rất dễ bị GẤY khi gặp phải sóng to gió lớn. Vì cái lõi của nó chưa đủ cứng, chưa đủ bền, chưa đủ những tố chất về di truyền, về giáo dục (rất cần có thời gian) để ứng phó hữu hiệu với những thay đổi quá nhanh của môi trường sống. Các nhà cách mạng thường chỉ nghĩ tới mục tiêu và những con đường ngắn nhất nhanh nhất để đạt được mục tiêu, bất chấp các công dân của họ bằng lòng hay không bằng lòng. Và họ lại tin một cách ngây thơ, một cách tệ hại rằng cứ ép là được, cứ đẩy tới bằng các phong trào cách mạng của quần chúng là được, trước lạ sau sẽ quen dần. Nhưng các cá nhân cũng là lòng người không thuận thì mọi chủ trương dẫu hay đến mấy sớm muộn cũng bị đào thải, chả để lại một dấu vết tích cực nào. Và càng lạ hơn là những tổ chức kinh tế được xem là lạc hậu, là phản động của một thời vẫn có muôn vạn cơ hội để tái sinh và xem ra còn tồn tại rất lâu dài.

Trong những năm 90 của thế kỷ 20 nhiều vị lão thành cách mạng Việt Nam lấy làm kinh ngạc và đau đớn trước sự tiêu

vong quá nhanh của một siêu cường mà chân móng của nó đã ăn sâu trong mảnh đất Nga non một thế kỷ. Thật ra toà lâu đài kiểu mẫu của tương lai ấy không hề có chân móng. Nó được xây trên cát. Mọi thay đổi lớn đều dựa vào phong trào quần chúng được hình thành, được vận động chỉ bằng có tuyên truyền chứ không từ nguồn lực tự thân. Tất cả đều phải ép buộc, đều phải dàn dựng, và phải có các diễn viên chuyên nghiệp trình diễn theo một kịch bản độc nhất. Có hai nhà văn lớn của Châu Âu đều được mời xem màn diễn về một xã hội lý tưởng do người cộng sản lãnh đạo. Ông Romain Rolland thì khen không hết lời, còn ông André Gide thì chê từ đầu đến cuối. Vì một ông chỉ nhìn có cái mặt tiền, cái tổng thể, đến đâu cũng thấy dân chúng ca hát, nhảy múa và vẫy cờ, vẫy hoa. Còn một ông lại chỉ quan sát cái sân sau của chế độ và thân phận của nhiều cá nhân ông có dịp tiếp xúc. Đám đông thường cho ta cái cảm giác sai vì họ không thể giữ được tính độc lập trong tình cảm và phán xét. Còn cá nhân thì cái thân phận riêng tư của họ bao giờ cũng thuộc về nhân loại hôm nay và mai sau.

Một xã hội mà công dân không được quyền sống thật, nói thật, nhà văn cũng không được quyền bộc bạch tâm sự riêng tư của mình trên trang giấy là một xã hội không có chân móng. Các quốc gia cùng sống với nhau trong một liên bang, gọi nhau là anh em là đồng chí, nhìn ngoài thấy họ sống cũng yên ấm vui vẻ. Vậy mà khi họ chia tay nhau cũng dừng dừng. Và ngay lập tức họ nhận ra nhiều mối lợi trên đất nước mình đã bị người anh em ruột thịt chia sẻ trong một cuộc đổi chác không công bằng. Thế là bắt đầu những cuộc tranh chấp các đường biên giới, đã có lúc phải dùng đến xe tăng, đại bác để nói chuyện. Rồi tranh chấp đường ống dẫn dầu và các mỏ dầu, các căn cứ quân sự và các vùng biển có hạn đội. Khi Mỹ và NATO muốn đặt căn cứ quân sự trên đất nước họ, nhân danh chống khủng bố họ gật đầu liền đâu biết Mỹ là đối thủ của nước Nga anh em. Yêu Mỹ là tất nhiên vì Mỹ sẽ rót tiền vào những cái két

rong của họ. Ghét Nga cũng là lẽ đương nhiên vì xưa kia anh bắt nạt tôi, lấn át tôi, xem tôi như chư hầu, như thuộc địa, bây giờ chính là lúc tôi có quyền trả thù. Lúc giận nhau thì nghĩ nông cạn thế, còn bình tĩnh lại thì giữa các nước cộng hoà trong liên bang Xô Viết (cũ) vẫn có sự ràng buộc tự nhiên và máu thịt trong lịch sử vì họ đã là người một nhà non một thể kỷ, đã cùng nhau sống chết chống hiểm hoạ phát xít để bảo vệ sự tồn tại của Liên bang cũng như của các nước cộng hoà. Lại đã cùng nhau sinh con đẻ cái, đã pha trộn ngôn ngữ, văn hoá và kỷ niệm. Bây giờ mỗi quốc gia vừa được trở lại là chính mình, vừa có phần đóng góp thêm của các nền văn hoá lân cận, bạn bè, giàu có hơn trước, văn minh hơn trước. Rồi họ cũng sẽ sống với nhau như một cộng đồng của khu vực, nhưng lần này là tự nguyện, là do họ tự chọn một hình thức liên minh bình đẳng, dân chủ và hoàn toàn tự do. Bất cứ một thiết chế xã hội nào nhắm tới dân chủ và tự do, xây một xã hội mở, một liên minh mở sẽ có may mắn tồn tại được lâu dài với sự đồng thuận của mọi người và sự hài lòng của mỗi cá nhân.

9.

Gần đây tôi có được đọc hai cuốn sách hay. Một cuốn là *Bàn về tự do* của **Stuart Mill**, một triết gia người Anh viết từ năm 1859, cách ta một thế kỷ rưỡi. Một cuốn là *Tư duy tự do* của **Phan Huy Đường**, một nhà nghiên cứu học thuyết Mác có tên tuổi ở Pháp viết vừa mới đây. Khoảng mười năm nay tôi đọc tiểu thuyết không vào, cả của ta, của Tàu lẫn Tây, cả sách mới dịch, mới xuất bản, cả sách của các đại gia của những thế kỷ trước. Năm còn trẻ đọc thấy hay, bây giờ già rồi nhìn trang sách cứ dửng dưng vì nó không chịu ăn nhập vào những trải nghiệm cá nhân của tôi, không mở ra trong tôi một cách tiếp cận mới với hiện thực, không làm bùng cháy một điều gì đang còn ảm sâu trong đáy tiềm thức khiến tôi phải choàng thức chợt nhận ra một via sáng tạo mới vừa thoáng xuất hiện. Hai cuốn sách trên,

một cuốn do bạn cho mượn, một cuốn tình cờ mua được ở nhà sách vì cái tên của một tác giả tôi vốn quan tâm. Tôi đọc say mê cả hai cuốn như thời trẻ được đọc một cuốn tiểu thuyết hay, tất nhiên là khó đọc hơn tiểu thuyết nhưng đã thích lại có trải nghiệm bản thân hướng dẫn, không hiểu được đầy đủ thì cũng hiểu được cái đại thể. Nhiều ý của bài viết này là được cảm hứng từ hai tác giả đó.

Năm tôi 60 tuổi, khi viết về một bà cô đã ngoài tám chục mà còn rất minh mẫn trong cách đối nhân xử thế, bà vẫn giữ được tính cách riêng mà không làm mất lòng một ai, từ con cháu trong nhà đến các mối quan hệ ngoài xã hội. Tôi đã viết nếu bà cụ được trời cho chúng sống đến trăm tuổi mà vẫn còn sáng suốt ắt hẳn bà sẽ biết mọi bí mật của then máy tạo hoá. Thật ra là tôi nói về tôi đấy, có hơi bốc đồng nhưng tôi tin là tôi sẽ biết được con người nhiều hơn nếu tôi được sống lâu hơn, không cần trăm tuổi, chỉ cần 90 là đủ, miễn là vẫn giữ được một cái đầu bén nhạy như bây giờ, sẵn sàng tiếp nhận mọi sự khác lạ như bây giờ, kể cả sự phủ định chính mình. Năm ấy tôi đã hiểu ra mọi sự rút gọn ở đời đều trái tự nhiên, đều dẫn đến thất bại. Các cuộc cách mạng xã hội ở nước ta trong suốt ba chục năm đều hỏng cả, đều phải làm lại từ đầu, tất nhiên là theo hướng khác, mà kết quả vẫn vừa chậm vừa dầy dưa. Nguyên do là các nhà lãnh đạo muốn rút gọn những công việc của trăm năm thành chuyện chỉ làm trong mấy năm. Vì họ chưa hiểu đầy đủ con người Việt Nam trong cuộc sống đời thường, cái cuộc sống không có chiến tranh, không có cách mạng xen vô, cái cuộc sống trôi đi lặng lẽ của muôn đời. Nghĩ rằng người Việt Nam của hôm nay đã khác nhiều với người Việt Nam trước năm 1945 là một cách nghĩ rất thiên cận, tự gây cho mình nhiều ảo tưởng trong việc trừ liệu những việc phải làm để kiến tạo một xã hội dân chủ và văn minh. Mọi phong trào thi đua chả có ích lợi gì trong những việc cần nhiều chăm sóc nhẫn nại, bền bỉ, bắt đầu từ các cá nhân chứ không phải từ các đám đông với những khẩu hiệu, cờ quạt,

kèn trống, diễu văn và đáp từ, vỗ tay và tặng hoa. Đám đông không thể đứng mãi dưới nắng để nghe lãnh tụ diễu thuyết. Họ luôn mong đợi được giải tán để về nhà. Con người ở nhà vẫn cũ kỹ nhưng là người thật chứ không phải là sự nhập đồng chốc lát khi đứng trong đám đông. Tôi thật lòng yêu mến, ngưỡng mộ Fidel, một nhà yêu nước kiên cường, một nhân vật đã thuộc về lịch sử của Cuba. Ông là một trí thức lớn, bạn tâm giao của Marquez, nghe nói trong túi lúc nào cũng có một cuốn tiểu thuyết đang đọc dở. Bởi vậy tôi mới lấy làm lạ khi ông buộc dân chúng phải đứng hàng nửa ngày dưới nắng để nghe ông cao đàm khoát luận về đủ mọi vấn đề. Lúc cách mạng mới thành công nói dài thế vì người dân còn đang háo hức với cuộc sống mới và các ngôn từ cách mạng cũng rất mới. Như một cặp tình nhân đang yêu nhau, đang cần nhau, nói với nhau đủ thứ chuyện vớ vẩn nhưng chả ai thấy thời gian là dài. Còn đã thành vợ thành chồng thì chỉ cần nói ít thôi, chỉ nói những việc cần làm thôi, chứ cần gì những thuyết lý dông dài. Mao Trạch Đông cũng thế, ông là một nhà chính trị thông kim bác cổ, quanh nơi ông làm việc và cả nơi ông nghỉ ngơi sách đang đọc xếp từng chồng, nhưng xem ra cũng chả hiểu đồng bào ông bao nhiêu. Người dân ở đâu cũng thế, đều muốn có một cuộc sống bình yên, được tính việc cá nhân và gia đình trong một khoảng thời gian dài, một trăm năm chẳng hạn, không có những thay đổi lớn trong lối sống, trong công ăn việc làm, trong các giá trị, đặt biệt là giá trị của đồng tiền. Chứ cứ phải sống mãi từ năm này qua năm khác trong các phong trào cách mạng, lúc chống tả lúc chống hữu, những hội nghị toàn quốc và địa phương nối nhau không dứt, những hô hào la hét từ trong nhà ra ngoài đường như một lũ hoá rồ, các quan hệ xã hội và các giá trị thay đổi soàn soạch thì còn biết đảng nào mà sống. Và lại các cuộc cách mạng ấy chả đem lại bất cứ lợi lộc nào, cho bất cứ giai cấp nào. Chỉ có những mất mát thôi, người giàu thì mất cơ nghiệp được kiến tạo từ nhiều đời, người nghèo

thì mất những chỗ dựa cạy, có thể mất cả công việc kiếm sống mỗi ngày để được làm chủ một cái rỗng không. Có thực mới vực được đạo, đã đói ăn thì ngay đến cái tư cách làm người cũng không thể có nói gì đến đạo. Thành thử cái chủ trương rất quyến rũ, rất “văn nghệ”, nhất là với giới trí thức, của chủ nghĩa Mác “cải tạo thế giới, cải tạo con người” hoá ra chuyện không đâu, nói cho vui, bây giờ người ta cũng hay nhắc đến để chế giễu một học thuyết xã hội chứa đầy những hoang tưởng.

10.

Do không hiểu con người cá nhân, hoặc chỉ hiểu theo những phân tích máy móc, nông cạn của chủ nghĩa duy vật cơ giới của thế kỷ 19, nên các nước xã hội chủ nghĩa mới dám đặt ra những mục tiêu huênh hoang nhằm cải tạo con người trong vài thập kỷ nếu môi trường xã hội thay đổi. Nên mới gọi nhà văn là “kỹ sư tâm hồn”! Văn chương do con người làm ra để trao tặng cho con người một cách tự do nhất, ít bị ép buộc nhất. Chỉ có văn chương mới tôn trọng mọi giá trị của cá nhân, tôn trọng mọi lựa chọn của cá nhân kể cả những thành kiến phi lý của họ. Họ có quyền yêu mình hoặc ghét mình, tôn vinh mình hoặc nguyên rủa mình, chẳng sao cả. Người viết cứ viết người ghét cứ ghét kẻ cả cái quyền ném sách vào lửa. Cái mục đích “tải đạo”, “giáo dục” của văn chương không bao giờ lộ liễu, lộ liễu là văn chương tồi. Vả lại chính người viết cũng không có ý định ấy, họ viết bằng tâm sự thành thật của mình, những trải nghiệm đau đớn của mình, họ viết cho họ trước rồi cho độc giả sau, có khi họ cũng chẳng nghĩ đến những người sẽ đọc họ, viết mà chơi thôi, viết để giải sầu rồi tự mình ngậm ngùi với mình, ứa lệ với riêng mình. Chẳng trách ai cả, chẳng giận ai cả, cũng chẳng lên án một ai. Vì không có vật cản nào nảy sinh trong ta khi đọc nên chữ nghĩa của tác phẩm cứ mặc nhiên trôi vào tận những kẽ ngách trong cái tâm sự u uẩn, những khát vọng thầm kín của riêng ta, đọng lại trong

ấy, rồi cứ thấm thấu dần dần vào cái thế giới tinh thần của ta một cách vô thức, giúp ta nhận ra một vùng sáng mới lạ nào đó, gột rửa một vài thành kiến, thay đổi một vài quan niệm, và ta vẫn nghĩ một cách khoan khoái là chính tự ta đã chủ động thay đổi, tuyệt nhiên không theo lời chỉ bảo của một ai cả, của một học thuyết nào cả, hoặc nhập vào một cách bất chợt một phong trào thời thượng nào cả. Bất cứ cái gì xa lạ với bản tính của mình, với thói quen của mình, nói một câu, với những gì làm nên lai lịch của mình, chả sớm thì muộn đều bị đào thải để mình lại được trở về với cái nguyên gốc. Tôi được biết có một cụ linh mục yêu nước và cấp tiến được cách mạng tín nhiệm mời lên khu làm việc cho kháng chiến thời đánh Pháp. Những khi ngồi một mình cụ vẫn rất buồn vì ở trong rừng không có nhà thờ để cụ đi lễ và làm lễ. Cụ nhớ Chúa, nhớ bầy chiên và nhớ cả những lời nói của đảng chăn chiên với bầy chiên trong công việc của mỗi ngày. Khi cụ sắp mất cụ thiết tha yêu cầu được một linh mục đang coi sóc một xứ đạo nào đó tới rửa tội và xức dầu Thánh cho cụ. Lại một chuyện khác, khi tôi được tiếp xúc với một vị lãnh đạo cấp cao của Đảng khi ông đang còn làm việc, quả thật tôi đã từng nghĩ ông là con người kiêu mẫu của một xã hội tương lai, chả nói gì, nghĩ gì về mình, tất cả cho tổ quốc, cho sự nghiệp, cho nhân dân. Nhưng rồi ông bị mất chức vì không được bầu lại vào uỷ ban trung ương của Đảng, một chuyện rất bất ngờ với nhiều người. Khi đại hội công bố kết quả bầu cử, nghe nói ông đã òa khóc, rồi khóc thầm lén tới mấy năm, không đi đâu cả, không gặp ai cả vì tự cho mình đã bị sỉ nhục, đã mất hết danh dự. Lại là một con người khác, tầm thường hơn cái lúc còn đeo tám bài ngà rất nhiều. Con người mặc nhiều lớp áo là con người giả, con người đã bị lột truồng mới là con người thật. Con người đã bong một lớp sơn phủ kín chỉ còn trần lại cái lõi của nó mới là thật. Cái vỏ có thể luôn luôn thay đổi nhưng cái lõi muốn thay đổi phải mất có khi gần một đời người. Ấy là chỉ dám nói là có thể thay đổi

chứ không dám nói chắc là sẽ thay đổi. Chỉ vì con người ta không chịu thay đổi theo những tiêu chuẩn đã được quy định hoặc theo mức tăng trưởng thu nhập tính theo đầu người. Sự phát triển của con người theo chiều hướng tích cực phụ thuộc rất nhiều vào môi trường sống tự do và dân chủ để tự nó khẳng định chính nó, tự nó đánh thức mọi tiềm năng sáng tạo đang nhen nhóm ở trong nó. Về cái thể giới tinh thần của mỗi cá nhân hãy để cho mỗi cá nhân tự lo liệu lấy, nó không thích người khác can thiệp bằng bất cứ cách nào. Nó sẽ biết cách tự điều chỉnh để thích ứng dần với mỗi quan hệ mới một cách có lợi nhất.

11.

Trong nửa thế kỷ sống dưới sự lãnh đạo của một Đảng theo học thuyết Mác Lê, tôi luôn luôn được nhắc nhở phải tôn trọng quần chúng, sức mạnh của quần chúng có thể thay đổi dòng chảy của lịch sử và số phận của nhiều cá nhân. Nhưng cũng thật trớ trêu, không có một chế độ cộng hoà nào ở thế kỷ 20 lại dám coi thường quần chúng như tại các nước xã hội chủ nghĩa. Sống trong thể chế này suốt mấy mươi năm không có một cuộc biểu tình nào được tổ chức để phản đối một chính sách nào đó của nhà nước. Như thời làm cải cách ruộng đất hay thời huy động nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp. Giám đốc xí nghiệp nhà nước tham ô, mức sống của công nhân giảm sút cũng không có đình công. Nông dân bị kẻ cường quyền đàn áp, làm nhiều việc trái pháp luật, vừa mới nhen nhóm bày tỏ sự bất bình liền bị dập tắt ngay. Vì người lãnh đạo đã nhận định rất đúng rằng, nhân dân ta rất tốt, rất dễ bảo, bỗng dung họ dám nói xược, dám đòi hỏi này nọ là do có mấy thằng cán bộ về hưu bất mãn cầm đầu. Cứ nhảm mấy thằng đó mà đe, nếu cần thì bắt là đầu vào đấy ngay. Quả nhiên thế thật. Tức là người cầm quyền chả coi dân chúng vào đâu. Họ chỉ sợ các cá nhân hiểu nhiều biết rộng, rất khó bắt nạt, là hay bày trò xúi giục thôi. Giống hệt cái thời còn vua còn Tây, kẻ cai trị

rất sợ người cộng sản vì họ là kẻ hay gây rối. Đã là người cầm quyền với nước ta thì xưa là thế nay vẫn là thế, người dân vẫn sống dưới chế độ chuyên chế chứ chưa bao giờ được biết chế độ dân chủ là gì, đâu là dân chủ tư sản. Đã chuyên chế là chuyên chế làm gì có sự phân biệt chuyên chế tư bản với chuyên chế vô sản.

Người cộng sản rất kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, nhưng lại chính từ các nước xã hội chủ nghĩa mà cái tệ sùng bái cá nhân đã nảy sinh. Vì lãnh tụ của học thuyết cũng là lãnh tụ của quốc gia. Họ lên cầm quyền không do phiếu bầu mà do tín nhiệm sẵn có của các tín đồ với giáo chủ. Giáo chủ là nhân vật tối linh, thuộc về thiêng liêng nên những gì của thế gian không thể ràng buộc ông ta được. Ông ta cầm quyền không có niên hạn vì ông phải phục vụ nhân dân cho tới lúc chết. Ông không phải tự phê bình và cũng không ai dám phê bình ông vì ông là biểu tượng của quốc gia, của Đảng cầm quyền, đứng trên hiến pháp và mọi luật pháp. Ông là người tự do hoàn toàn so với nguyên thủ các quốc gia dân chủ khác. Các cấp dưới từ trung ương tới địa phương cũng là những người có nhiều tự do nhất ở các ngành, các bộ và các địa phương họ cầm quyền. Là các lãnh chúa trong các lãnh địa của họ. Chả ai dám xâm phạm nếu còn muốn giữ cho mình một chút tự do còn con. Một xã hội có hàng triệu cá nhân không được đếm xỉa, không được tôn trọng nhưng một nhóm cá nhân lại được tôn vinh hết mức và được hoàn toàn thoả mãn trong mọi nhu cầu là cái xã hội gì đây, là xã hội kiểu mẫu cho nhân loài tương lai ư?! Nói miệng mấy chuyện kỳ cục này đã khó nghe, lại còn viết thành văn mà các nhà văn không thấy ngượng sao? Ngượng thì vẫn ngượng nhưng chả lẽ lại gác bút, gác bút thì nuôi vợ con bằng gì? Nghĩ tới miếng ăn lại phải quên hết để sự bán mình cho quyền lực được hoàn toàn. Năm đất nước mới thống nhất vào Sài Gòn được gỡ gỡ các nhà văn nhà báo, các nghệ sỹ của chế độ cũ mà thêm. Họ sống thoải mái quá, nói năng hoạt bát, cử chỉ

khóang đạt, như chưa từng biết sợ ai. Còn mình thì đủ thứ sợ, sợ gặp người thân vì chưa rõ họ có liên quan gì với Mỹ nguy? Nói cũng sợ vì nói thế là đúng hay sai? Đền về mặt của mình cũng phải canh chừng, vui quá sợ mất cảnh giác, khen quá có thể đã ăn phải bả của nền kinh tế tư bản. Người lúc nào cũng căng cứng, nói năng giống một nên bị bà con trong này chê là quê, nhà văn nhà báo gì mà “quê một cục”. Giải thích chuyện này cũng chẳng khó, họ là sản phẩm của nền kinh tế công nghiệp tư bản, đâu là thuộc địa cũng vẫn thuộc hệ thống tư bản, vẫn là những người đã được giải phóng khỏi nhiều ràng buộc từ quá khứ trong cách nghĩ, trong cách làm. Còn mình là sản phẩm của nền kinh tế nông nghiệp phong kiến, đâu đã được làm chủ nhân ông nhưng cũng chưa từng được hưởng cái mùi vị tự do và dân chủ là thế nào! Cái khoảng cách ấy có tính thời đại không thể bỏ qua mà cũng không thể rẽ tắt. Mình cũng đã đi tắt suốt mấy chục năm, rất tiếc là lịch sử không công nhận cái lối đi ấy. Tôi còn sợ rồi sẽ có ngày lịch sử sẽ trừng phạt mình vì cái tội muốn khôn hơn lịch sử, muốn đánh lừa lịch sử!

12.

Các đảng cộng sản đều coi phê bình và tự phê bình là cách giải quyết mâu thuẫn nội bộ hữu hiệu nhất. Sự vật vận động sẽ sinh mâu thuẫn, giải quyết được mâu thuẫn sự vật mới có cơ hội phát triển, tiến lên. Phủ định và phủ định của phủ định, nghe vừa khoa học vừa huyền bí, như câu thần chú: “Vùng ơi, mở cửa ra!”, cứ đọc to lên là cánh cửa vào tương lai sẽ mở toang. Các nước xã hội chủ nghĩa vẫn đọc to câu thần chú ấy trong nửa thế kỷ mà cánh cửa vào tương lai vẫn đóng chặt. Mất thiêng rồi chẳng? Quà là đã mất thiêng vì người hô không hề tin một chút nào vào cái khả năng kỳ diệu của nó. Nếu tin vào phê bình và tự phê bình thì Stalin đã không chế ra các vụ án chính trị man rợ để tiêu diệt các đối thủ vốn là tay trái tay phải của mình trong những năm

đó. Nếu tin vào câu thần chú ấy thì Mao Trạch Đông đã không bày ra tấn tuồng “cách mạng văn hoá” để tiêu diệt mọi kẻ dám can ngăn những chủ trương đầy tính phiêu lưu của ông. Ấy là nói về những người nắm quyền lực cao nhất, còn những người nắm những cơ quan quyền lực thấp hơn cũng chả bao giờ họ tin vào cái phương pháp lãng mạn đó cả. Trong các cấp uỷ họ vẫn tự phê bình và phê bình nhau một cách sốt sắng giả dối. Và ai nấy đều tự bằng lòng hơn sau những lễ xưng tội giải tội hết sức vui vẻ này. Và mọi thói xấu, kể cả tội ác nữa, vẫn nghiêm nhiên tồn tại như trước đây, vẫn là những vùng cấm chỉ những kẻ quá chán đời mới dám đơn độc xông vào. Bởi vậy khi ông tổng bí thư của Đảng mới được bầu, trong cơn phẫn khích đối mới sinh hoạt đảng, đã phát động một phong trào tự phê bình và phê bình rộng khắp toàn đảng, các đảng bộ trong cả nước đều nhiệt liệt hưởng ứng, đều nhắc lại với lòng nhiệt thành hiếm có trong các bài diễn văn có đảng tính cao của họ. Đó là một màn diễn khổng lồ, rất tốn kém, chả đem lại bất cứ kết quả nào. Vì chỉ là diễn thôi, người cũ kẻ mới đều vào vai rất thành thạo. Rút cuộc kẻ có tội vẫn ngày càng hung hãn, càng tự tin, còn người tố tội càng lúc càng dè dặt, hãi sợ. Kỳ quái nhỉ?

Các tín đồ của học thuyết Mác đều rất tin môi trường xã hội và hoàn cảnh cá nhân có ý nghĩa quyết định tới sự hình thành tính cách con người. Một địa phương có nhiều phong trào cách mạng tích cực ắt phải sản sinh ra nhiều tập thể tốt, một tập thể tốt sẽ sinh ra nhiều cá nhân tốt. Con người là một thực thể vật chất nên không thể thoát ly những điều kiện vật chất đã cho phép nó tồn tại. Nhưng nó còn là một thực thể sinh học, một thực thể tinh thần, tâm linh, văn hoá bao gồm lịch sử cá nhân và dòng họ ở trong nó. Nó cũng không thể biết hết nó, không thể biết hết những phản ứng bất thần trong chính nó khi vấp phải những đối nghịch trong cuộc sống. Nên cái thế giới tinh thần, tâm lý của con người là rất đa dạng, phức tạp, có muôn vàn lối đi ngoắt

ngoéo. Từ thời con người có ngôn ngữ để giao tiếp, có chữ viết để lưu lại, có văn chương để bày tỏ những bí mật của riêng mình, nó vẫn không ngớt than thở là chả biết được bao nhiêu về mình và đồng loại. Con người vẫn nguyên vẹn là một bí mật mênh mông, sâu thẳm như từ thừa nguyên sơ vậy. Người cộng sản phải kiêu ngạo lắm mới dám bày cái trò chính huấn phê bình để lãnh đạo một cách chuẩn xác cái phần khó nắm bắt nhất trong con người. Vì nó biến hoá, nó phù du như mây như gió vậy.

13.

Con người có 2 mắt đều hướng ra cái thế giới vật chất bên ngoài, không có con mắt nào hướng vào trong để ngắm nghía, kiểm soát cái thế giới tinh thần của nó nên nó bị mù một nửa, cũng như nó không có cái tai bên trong nên không thể nghe được những tiếng thì thầm rất nhỏ mỗi đêm trong chính mình. Hai cái khuyết tật bẩm sinh ấy đã làm con người thiếu hoàn chỉnh, là nguyên do mọi đổ vỡ của nhiều danh nhân dũng tướng vào những năm cuối đời. Nhưng cũng có một số ít người có khả năng nhìn được sự vận động cả trong lẫn ngoài, nghe được những tiếng động rất nhỏ cả ngoài lẫn trong. Họ không có cấu tạo vật chất đặc biệt nào mà chỉ bằng cái năng lực tinh thần rất mạnh đã bù đắp được những khiếm khuyết bẩm sinh. Nhiều tập hồi ký của các danh nhân cả chính trị lẫn văn hoá đều thiếu cái phần còn nhày nhụa của họ, cái phần thú vật của con người nơi sản sinh ra những tội ác chưa hình thành, cái què quặt, cái buồn cười đã được kiềm chế đúng lúc, đã được giấu nhẹm, cái phần họ muốn quên đi và rất dễ trở thành lang sói với đồng loại nếu trong đồng chí, đồng nghiệp còn có người biết đến và nhớ tới. Cuộc chiến đấu lớn, có tính bi kịch giữa mình với mình bao giờ cũng hoành tráng, cũng đẹp, rực rỡ những màu sắc đối nghịch vì nó đã bộc lộ đầy đủ nhất cái phẩm chất LÀM NGƯỜI trong mỗi CON NGƯỜI. Không phải bất cứ ai cũng tạo ra được trận chiến thần thánh ấy, vì chiến

trường ở ngay trong lòng mình, mình vừa là kẻ thách đấu vừa là kẻ dám nhận đấu, đấu thua cũng là cái thua của thần thánh. Một công việc trang trọng đến thế, hùng tráng đến thế mà lại dám nghĩ là công việc của số đông, của những người chưa hề chuẩn bị một cái nhìn bên trong, một cái nghe bên trong cho riêng mình, cả đời họ sống trong tự mãn, trong u mê, bất thần mời gọi hãy nhìn lại mình, hãy nhìn lại người để có được những phán xét và điều chỉnh chuẩn xác! Ông tổng bí thư đã mở một cuộc chiến ảo nên ông cũng chỉ nhận được những kết quả ảo.

Một Đảng, một thể chế chính trị lấy phê bình và tự phê bình làm vũ khí sắc bén để giải quyết mọi mâu thuẫn nội bộ, giả thử nó lại không còn dùng được nữa thì các mâu thuẫn sẽ được hoá giải bằng cách nào? Đảng đối lập không có, dư luận đối lập qua báo chí và các cuộc biểu tình quần chúng cũng không có, vậy làm cách nào để biết và điều chỉnh mọi sự rắc rối, thậm chí cả bạo loạn nữa nếu nó xảy ra? Vẫn có cách, là phải tạo ra một tình hình chính trị luôn căng thẳng (một cuộc chiến tranh có thể xảy ra, một cuộc bạo loạn có thể xảy ra) để buộc các công dân phải sống trong những quy chế nghiêm ngặt của thời chiến, ở các chế độ toàn trị chỉ có hai cơ quan mà quyền uy bao trùm cả xã hội. Đó là cơ quan tư tưởng, tuyên truyền và cơ quan công an. Một để chặn, một để chống. Còn khi đã có chuyện bất thường xảy ra thì chỉ có một biện pháp: đàn áp, bắt giữ, lập toà án xét xử những kẻ cầm đầu. Cách giải quyết vừa nhanh gọn lại mau ổn định, không dây dưa, phiền toái vì có quá nhiều luật lệ, qua nhiều lý lẽ như ở các nước tư bản. Những rối loạn vật vãnh thật ra là nước là không khí của các nhà cầm quyền độc tài. Họ đâu có sợ loạn. Họ còn bày ra những cuộc chiến cung đình như ở Liên Xô và các nước Đông Âu, hay một cuộc chiến giữa nhân dân với nhau như đã làm ở Trung Quốc. Không có mùi vị của thuốc súng, của máu người và những tiếng la hét cuồng nộ của đám đông thì người cầm quyền biết thờ bằng gì!

14.

Tập thể không làm ra văn chương vì nó không có cảm nghĩ riêng, tâm sự riêng, tính cách riêng. Nó là vô danh. Một tâm sự mãi nguyện, những tiếng cười hoan lạc, một kiếp người quá đầy đủ cũng không thể có chỗ đứng trong văn chương. Vì văn chương bao giờ cũng thuộc về những tiếng kêu của con người để đòi lại những gì còn thiếu: thiếu tự do, thiếu công bằng, thiếu hạnh phúc... Đòi người là bẽ khô, những khao khát về tinh thần của con người là vô cùng nên mới cần có văn chương và nghệ thuật để bù lại. Còn mọi thứ đều được biết, đều đầy đủ, đều mãi nguyện thì tôn giáo không còn, triết học không còn, và tất nhiên văn chương cũng không thể còn. Nó sẽ chết vì bị ngạt, vì không còn những khoảng trống huyền bí để suy nghĩ, để mơ mộng và để thờ. Những gì mà chủ nghĩa cộng sản hứa sẽ thành hiện thực trong tương lai thì cái hiện thực ấy sẽ giết chết cả loài người. Vì thượng đế đâu cần những con đòi béo quay lúc nhúc dưới chân Ngài. Cũng may đó chỉ là những lời nói dối, tự dối mình và dối người của những con người đã phải sống nhiều trăm năm trong cùng khô, trong tuyệt vọng. Còn hướng tới thiên đàng ư? Là thiên đàng trần gian hay thiên đàng thượng giới cũng không một ai có thể sống nổi. Sống không lo nghĩ, không mong muốn, không đấu tranh là kiếp sống con đòi rồi. Chẳng lẽ những con đòi cũng có thể cất cao những cái đầu múp míp của chúng để làm ra triết học và thơ ca!

Những điều viết trên đây không do tôi tưởng tượng ra mà do những trải nghiệm bản thân mà có. Những năm còn trẻ cả vợ lẫn chồng đều ăn lương quân đội, lại phải nuôi dưỡng những bốn đứa con, nhà ở ven bãi sông năm nào cũng phải chạy lụt, lại quá chật có 15 mét vuông. Ăn thì mì hai phần gạo một phần, gạo phải nhặt sạn cả buổi mới dám nấu thành cơm. Còn thức ăn ư? Chẳng nói nữa ai cũng ăn như thế, ăn dưa ăn mắm suốt mấy chục năm đã hoá quen. Cả nhà chỉ

có hai cái giường, một cái bàn, hai cái ghế, tiếp khách ở đấy, mời cơm khách ở đấy, con học bài cũng ở đấy, và ông bố viết văn cũng chỉ có cái bàn ấy. Đêm đêm nằm cạnh hai thằng con trai lớn đập ngang, quấy dọc, rầm đánh thối um, vừa quạt cho hai thằng con ngủ tôi vừa mơ mộng đến một ngày nào đó, các con đã trưởng thành, tôi có được một phòng riêng để viết và tiếp bạn, mỗi bữa cơm đều có cá hoặc thịt, có cả chút rượu nữa càng hay. Tôi không phải lo nuôi con, không phải lo cả trăm thứ vật vãnh để tồn tại, chỉ có đọc sách, ngâm nghĩ, đi chơi đây đó với bạn bè và viết, ắt hẳn tôi sẽ viết được một hai cuốn sách để đời. Bây giờ tôi đã ngoài bảy chục tuổi, đã có đầy đủ những gì tôi khao khát, có thể nói còn hơn cả khao khát. Tôi đã sống đầy đủ, sang trọng nữa, hơn nhiều nhà văn tôi được biết ở các nước Đông Âu. Và tôi đã nghĩ nếu chủ nghĩa cộng sản thành công ở Việt Nam thì cũng chỉ cho được tôi đến thế. Khôn nổi, lúc này tôi đâu còn năng lực làm việc bằng trí tuệ nữa mà cũng chả có nhu cầu nào phải đòi hỏi. Cuộc sống được vỗ béo của một kẻ ăn không ngời rồi đã giết chết mọi tư tưởng ở trong tôi, rồi giết luôn đến đội quân chữ nghĩa, chúng đã hoá ra rỗng tuếch, vô hồn. Nhà văn mà hết chữ thì chỉ là cái xác chết. Xác chết con người với xác chết con dòi có gì là khác mà phải phân biệt!

15.

Tôi có một tuổi thơ rất buồn, lại sống với những người có số phận buồn nên mới 14, 15 tuổi đã nhìn đời như một ông già. Tức là một cái nhìn không mấy lạc quan. Cái xã hội tôi đang sống không mấy hoàn hảo, những người tôi gặp cũng không được hoàn hảo. Tôi quen thuộc với những gì không hoàn hảo tới mức gặp những gì quá đẹp, quá chu toàn tôi đều ngờ, đều sợ. Người truyền cho tôi cái nỗi sợ bẩm sinh ấy là mẹ tôi. Bà đã qua một đời chồng rồi mới gặp được bố tôi. Đời chồng trước mọi sự đều tốt đẹp, ông ấy còn trẻ, có địa vị trong xã hội, nhà giàu, lấy nhau được một năm lại

sinh con trai. Mà rồi chỉ ở với nhau được ba năm phải bỏ. Đời chồng sau thì dở, dở cả mọi đàng. Bố tôi cũng còn trẻ, làm tham biện ở phủ thống sứ, nhưng ông đã có vợ và hai con nên phải làm lẽ và lấy giấu. Mẹ tôi bảo thế là đúng số, là đã an phận, nhưng lại lo bố tôi sẽ bỏ khi cuộc ăn chơi này gây thêm phiền phức cho cái gia đình chính thức của ông. Hai anh em tôi là bản sao nguyên mẫu của bà. Những gì nhận được từ tuổi thơ mãi mãi hằn dấu lên cho đến hết cuộc đời chúng tôi. Nhìn bên ngoài tôi có tướng con nhà phong lưu nhưng cái ruột của tôi lại thuộc về con cái của những gia đình nghèo, lại chả có thể thân gì nên rất biết phận, cho thì nhận, không cho cũng không đòi, chỉ cầu không có ai quấy nhiễu là mừng. Em trai kém tôi năm tuổi, lấy vợ muộn, về hưu sớm, lúc trẻ thì thay anh hầu hạ mẹ, về già thì đi chợ nấu cơm, giặt quần áo thay vợ chăm sóc các con. Cả đời chỉ biết cười, cái cười nhẵn nhụi, bằng lòng với những gì mình có. Tôi thì khác, một cuộc sống bên ngoài ai cũng biết là khiêm tốn, nhẫn nại, ít làm phiền người khác và chả dám gây sự với một ai. Nhưng cuộc sống bên trong cũng có nhiều tham vọng, làm quan hay làm anh nhà giàu thì không dám vì tôi không có bản lĩnh tiến thân bằng hoạn lộ hay kinh doanh. Tôi chỉ có một ao ước duy nhất là được viết văn cho đến già. Với cái tài tôi tự biết, tôi phải sống rất lâu và viết rất nhiều may ra mới được một hai cuốn sách hay, mà cũng chỉ hay trong cái thời của nó chứ không thể hay ở mọi thời. Tôi tự nhận tôi là người có một con mắt bên trong và một cái tai bên trong từ nhỏ. Để quan sát, nghe ngóng những người khác họ yêu mình hay ghét mình. Càng lớn tuổi cái khả năng tự xét mình của tôi càng sắc nhọn. Và tôi đã nhận ra cái lợi của phép giấu mình. Trang Tử đã nói: Con chim bay cao thì tránh được tên, được bầy, con chuột đào hang sâu thì tránh được cái hoạ bị khói hun.

Khi tôi nói, tôi sống và viết cũng thoải mái, vui vẻ trong một chế độ chuyên chế về tư tưởng cứ như là người nói dối, lại nói dối một cách trơ tráo, sống sượng. Nhưng đó là lời nói thật, không thật với nhiều người nhưng với tôi là thật. Tôi được thay đổi số phận từ cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945. Chín năm đánh Pháp với nhiều người là rất dài, với tôi lại rất ngắn vì tôi được sống trong niềm vui, trong những cái khác thường và cả trong nhiều hi vọng. Nhiều anh trong cơ quan tuyên huấn của quân khu điều xuất thân từ các gia đình viên chức nhỏ, địa chủ nhỏ, được ăn học đàng hoàng đến hết bậc cao đẳng tiểu học đã có những thói quen, những nền nếp của cuộc sống thị dân từ nhỏ. Họ rất thích quan sát những phản ứng của tôi khi phải đối mặt với mọi thiếu thốn của cuộc sống kháng chiến. Vì nhìn ngoài tôi như một thư sinh con nhà quý tộc chưa từng biết cái thiếu cái khổ là gì. Những việc làm rất tự nhiên của tôi đều được đánh giá phải có nhiều nghị lực, nhiều quyết tâm mới làm được thế. Tôi vẫn sống như xưa kia, ngày xưa thì bị chê bị chửi, bây giờ lại được khen, được tuyên dương, người cứ lảng lảng như nhập đồng, còn biết cái thiếu là gì cái khổ là gì. Nếu so sánh thì trước kia tôi chỉ là con số không, còn bây giờ tôi đã có một cái tên ký dưới các bài báo, đã được nhiều ông anh trong cơ quan nhờ vả, đòi hỏi, bực tức hoặc khen ngợi. Tôi đã được tách ra khỏi đám đông để tự bằng lòng mình và có cả chút ít “kế hoạch riêng” cho mình nữa. Còn các anh hơn tôi dăm bảy tuổi thì đã có nhiều thứ để so sánh những cái “đã có” trước kia và cái “đang có” bây giờ. Cái “đang có” của dân tộc thì nhiều, còn cái “đang có” của cá nhân như chả còn được bao nhiêu. Những kiến thức lịch sử và xã hội, triết học và văn chương xem ra phải bỏ đi quá nửa. Các quan hệ giao tiếp xã hội được dạy bảo từ thuở còn thơ nếu dùng lại cứ vênh vác, buồn cười thế nào trong hoàn cảnh kháng chiến. Sống tinh tế, tôn trọng người khác là cách sống của anh tiểu tư sản. Lòng thương người không đúng chỗ cũng được xem như biểu hiện của

một tnh cách nhu nhuợc, không đảg tin cậy. Còn nhữg câu đũa thông minh, kín đảo ảnh lên như một vệt sảg vui trong cuộc sỏg đơn điệu, tẻ nhạt của mỗi ngày lại dễ bị đờng đụi hiệu lằm là một cách chế điệu của người có học với nhữg ảnh em ít học. Qua mỗi cuộc chỉnh huấn tầm vóc của mấy ảnh càng như nhỏ lại, mờ nhạt hơn, mất dần nhữg vẻ riệng, cái phần độc đảo riệng để nhậ vào cái đờng chảy chung, vào cách nghĩ cách sỏg của một tập thể bao bọc quanh mình. Đại để cái riệng của mỗi chúng tôi đã bị cái chung nuốt dần như thế. Tôi thì sao? Tôi đã có một may mắn lớn vì tôi thuộc về số đờng, một quần thể vô danh tồn tại ảm thẳm trong nhiều thế kỷ dưới chế độ phong kiế. Cách mạng Thảg Tám đã nhất loạt giải phỏng họ ra khỏi thân phận nô lệ, tạo cơ hội cho họ phát triển nhữg tài năng riệng của mình, chủ yếu trong lĩnh vực quân sự để kịp thời phục vụ nhữg nhu cầu của khảg chiến. Số đờng trong họ chỉ mới biết đợc biết viết từ ngày vào quân đụi nhưng học rất nhanh cách xây dựng một quân đụi hiệ đại với nhữg cơ quan phục vụ cho công việc tham mưu, tác chiến, hậu cần vì họ đã có đợc một ông thầy lý tưởng là quân đụi hiệ đại của đối phương với ông tướng lừng danh trong thế chiến 2 của nó. Trong chín năm đảnh Pháp quân đụi đã trở thành cái nôi đảo tạo, nuôi dưỡng nhiều nhân tài quân sự của thời hiệ đại, cả nhữg tài năng văn nghệ phục vụ trong quân đụi, nó là tổ chức tiên tiến nhất của xã hội Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ 20. Trong chiến tranh người chỉ huy quân sự là hình tượng đẹ nhất, lảng mạn nhất vì họ là con người của hành đờng, của đả bảo chiến thắg, luôn ở vị trí thứ nhất, còn con người của học thuyết chỉ ở vị trí đứg sau, trong nhiều trường hợp chỉ là cái ảnh bàn thêm, nói góp. Còn nhữg năm xây dựng chủ nghĩa xã hội thì con người lý luận có nhiệm vụ bảo vệ sự trong sảg của học thuyết chính thống ở hàng đầu đợc tôn trọng và có quyền quyết định sự sỏg chết của nhiều người. Chính là trong nhữg năm này mới sinh ra nhiều vụ ản chính trị và văn

chương, nay nghĩ lại vừa vô nghĩa vừa buồn cười nhưng thời ấy nó đã chôn sống nhiều tài năng thực sự ở mọi lĩnh vực vì họ đã tỏ ra ngờ vực sự đúng đắn của tư tưởng chính thống.

Một nửa nước đã được độc lập nhưng lòng người tan nát vì tài sản một đời chắt chiu của họ đã bị nhà nước tịch thu hoặc trưng thu khiến họ trở thành những người vô sản bất đắc dĩ. Tầng lớp trí thức chả có tài sản gì ngoài cái đầu được tự do tự do, thì cái đầu cũng bị nhà nước trưng thu luôn, vì từ nay họ chỉ được nghĩ được viết theo sự chỉ dẫn của một học thuyết, của một đường lối nếu họ không muốn giẫm vào vết chân của nhóm “Nhân Văn Giai Phẩm”. Một dân tộc đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ mà mặt người dân nám đen, mắt nhìn ngơ ngác, đi đứng long rom như một kẻ bại trận. Quả thật dân tộc Việt Nam đã thắng lớn trong phong trào chiến tranh giải phóng nhưng lại thua đậm trong công cuộc xây dựng một xã hội tự do và dân chủ. Thoát ách nô lệ của thực dân lại tự nguyện tròng vào cổ cái ách của một học thuyết đã mất hết sức sống. Dân mình sao lại phải chịu một số phận nghiệt ngã đến vậy!

Một xã hội tan nát, lòng người trĩu nặng những phiền muộn ưu tư, mà là những người đã hết lòng hết sức với kháng chiến bằng cách này hay cách khác. Vậy nhà văn phải viết như thế nào, phải viết cái gì để tạo được một hiện thực tràn đầy hy vọng như các nhà lãnh đạo cách mạng yêu cầu.

17.

Những năm 50, 60 của thế kỷ 20, với tôi là những năm tràn đầy niềm vui. Nhìn vào đâu tôi cũng thấy tôi được, dân tộc tôi được. Nhưng cũng những năm ấy với hàng triệu người dân thường lại là những năm đầy lo lắng, hãi sợ và tuyệt vọng. Tôi vui là chuyện có thật, những trang viết của tôi vào những năm ấy là rất thành thật. Nhưng nước mắt của

người khác cũng là chuyện có thật, tôi có biết, có được chứng kiến. Tôi nên nghiêng ngòi bút của tôi về phía nào. Về già tôi mới nhận ra nhà văn phải nghe theo tiếng gọi của tình cảm, của trái tim, của cái phần thiện lương trong con người mình. Nó đã bảo sai là sai, không có thứ lý luận nào chống đỡ nổi. Và lại văn chương bao giờ cũng đồng cảm với nỗi đau của con người, những bất hạnh của con người. Chưa bao giờ vì sự mãn nguyện, sự thành công của con người mà cất lên tiếng hát ca ngợi cả. Ở các thể loại nghệ thuật ngôn từ con người phải chống chọi với mọi cảnh ngộ trái ngược chiếm gần hết các trang viết, các màn diễn, còn khi người nghèo đã thành giàu, người hèn được bước vào thế giới phú quý, trai gái phải chịu nhiều năm chia lìa tới lúc tái hợp là cuốn sách, vở diễn phải chấm hết ngay. Nó đã kết thúc cái phần nghệ thuật để bắt đầu sang phần tụng ca là cái thế giới của mãn nguyện của buồn chán, là cái phần phi nghệ thuật. Nhưng người lãnh đạo lại chỉ thích cái phần không phải là nghệ thuật, tặng giải thưởng, trao huân chương cho các tác giả chỉ để tưởng thưởng cái phần nhạt nhẽo vô vị ấy mà thôi. Cái cách cảm nhận hiện thực đầy tính lãng mạn ấy đã làm lệch lạc cách xem xét, cách ứng xử của nhiều thế hệ bạn đọc, nhất là bạn đọc ở tuổi mới trưởng thành, trước những biến hoá muôn mặt của cuộc sống. Họ chỉ có mỗi khả năng làm người phê bình văn học theo đường lối chính trị chính thống, tại sao cuộc sống đẹp như thế mà nhà văn lại miêu tả nó xấu đến thế. Làm sao dám cãi, hãy để cho những trải nghiệm của chính họ qua năm tháng sẽ âm thầm biện hộ giúp mình thôi.

18.

Một xã hội không tự hiểu mình, mỗi cá nhân cũng không tự hiểu mình, vàng thau, phải trái, cao quý ti tiện lẫn lộn, các giá trị lẫn lộn bắt đầu từ sự không chuẩn xác của ngôn từ. Câu mở đầu kinh thánh Cựu ước “*Thoạt Tiên Là Ngôn Ngữ...*” (*Au commencement était le Verbe*). Ngôn ngữ làm

nên văn minh này, vì nó có thể lưu giữ và truyền lại toàn bộ kinh nghiệm của nhiều đời trước cho nhiều đời sau, càng ngày cái khả năng nhận thức càng gần đúng như nó có, khiến sự lựa chọn của con người khách quan hơn, có hiệu quả tích cực trong quá trình chủ động thích ứng với mọi đổi thay của môi trường sống và môi trường xã hội. Vậy mà ngôn từ lại là cái mặt yếu nhất trong các lãnh vực thuộc thượng tầng kiến trúc ở các nước xã hội chủ nghĩa. Công dân của các nước ấy dùng ngôn từ để che đậy chứ không nhằm giao tiếp, hoặc giao tiếp bằng cách che đậy, “*nói vậy mà không phải vậy*”! Nó là cái vỏ cứng để bảo vệ mọi sự bất trắc, chống lại thói quen hay xét nét lời ăn tiếng nói của công dân của mọi chính quyền chuyên chế. Cái cách tự bảo vệ ấy lại càng rõ rệt ở cấp lãnh đạo và các viên chức nhà nước làm việc ở các cơ quan quyền lực. Họ nói bằng thứ ngôn ngữ khô cứng đã mất hết sinh khí, một thứ ngôn ngữ chết, ngôn ngữ “gỗ”, nói cả buổi mà người nghe vẫn không thể nhận ra một chút thông tin mới nào. Các buổi trả lời phỏng vấn báo chí, diễn văn tại các buổi lễ kỷ niệm, báo cáo của Đảng, của chính phủ, của quốc hội, tất cả đều dùng các từ rất mơ hồ, ít cá tính và ít trách nhiệm nhất. Người cầm quyền cấp cao nhất và cấp thấp nhất đều biết cách nói mơ hồ, càng nói mơ hồ càng được đánh giá là chín chắn. Và nói dối, nói dối hiển nhiên, không cần che đậy. Vẫn biết rằng nói dối như thế sẽ không thay đổi được gì vì không một ai tin nhưng vẫn cứ nói. Nói đủ thứ chuyện, nói về dân chủ và tự do, về tập trung và dân chủ, về nhân dân là người chủ của đất nước còn người cầm quyền chỉ là nô bộc của nhân dân. Rồi nói về cần kiệm liêm chính, về chí công vô tư, về lý tưởng và cả quyết tâm đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa cộng sản. Nói dối lem lém, nói dối li lợm, nói không biết xấu hổ, không biết run sợ vì người nghe không có thói quen hỏi lại, không có thói quen lưu giữ các lời giải thích và lời hứa để kiểm tra. Hoặc giả hỏi lại và kiểm tra là không được phép, là tối kỵ, dễ gặp tai họa nên không hỏi gì

cũng là một phép giữ mình. Người nói nói trong cái trống không, người nghe tuy có mặt đầy nhưng cũng chỉ nghe có những tiếng vang của cái trống không. Nói để giao tiếp đã trở thành nói để không giao tiếp gì hết, nói để mà nói, chả lẽ làm người lại không nói. Thật ra nói thế mà vẫn hiểu nhau cả. Người cầm quyền thì biết là nhân dân đang rất bất bình về nhiều chuyện, nhân dân thì biết người cầm quyền đang nói dối, nhìn vào thực tiễn là biết ngay họ đang nói dối. Nhưng hãy mặc họ với những lời lẽ dối trá của họ, còn mình là dân chả nên hỏi lại nói thế là thật hay không thật. Mình cứ làm theo ý mình và mình cũng sẽ nói dối, nói che đậy nếu như có dịp được người cầm quyền hỏi.

Trong hàng trăm cuốn hồi ký của các nhà văn hoá, của những người hoạt động chính trị, của nhiều tướng lĩnh, ta chả biết được bao nhiêu cái thế giới riêng của họ, cái thế giới cá nhân của họ. Cái phần đóng góp của họ càng nhỏ thì cái ý nghĩa quyết định của tập thể càng lớn, cái có tên thì bé tí xiu, vô nghĩa, cái không tên thì bao trùm rộng khắp nhưng cũng không có hình thù rõ rệt, cứ mờ mờ mịt mịt, có đấy mà cũng không có đấy, cái chung ấy chả phải chịu trách nhiệm với một ai, có biết nó là ai mà truy cứu.

19.

Trong cái bối cảnh xã hội, chính trị như thế, mỗi người đều ít nhiều đánh mất cái cá nhân của mình cũng là lẽ đương nhiên. Nhà văn là chuyên viên nghiên cứu mọi chuyện của cá nhân, những sắc thái tâm lý cùng với những biến hoá vô tận của nó trong những hoàn cảnh khác nhau, những thời thế khác nhau. Nhưng đọc hồi ký của các nhà văn cũng nhạt nhẽo lắm, họ chỉ phô diễn cái tôi trong các cuộc gặp những bậc đàn anh và bạn bè trong nghề, nói toàn chuyện tào lao, vụn vặt, chuyện sinh hoạt và chả đả động chút nào tới thời thế, tới những bức xúc về thời thế và cái nghề của mình trong thời thế. Tính hiện thực và tính lịch sử của một thời rất mờ nhạt, đơn giản, thành thử cái ý nghĩa truyền đạt

những giá trị đích thực của một thời tới các thế hệ đến sau hầu như không có. Đó là điều rất đáng tiếc, vì nếu các chúng nhân không nói gì cả thì lịch sử cũng không thể cất lên tiếng nói chân thực của nó, thời gian qua đi, bóng tối phủ lên, quên lãng phủ lên, cái thời mở nước, giữ nước chỉ còn lưu lại những cột mốc của các chiến công, còn cuộc chiến thâm lặng đã làm tan nát nhiều con người để con người được là chính mình, được là một thực thể thiêng liêng, đền đài lưu giữ muôn thuở cái tài sản tinh thần của một dân tộc, một dòng họ mãi mãi được vun xới, được phát triển tương ứng với sự phát triển của dân tộc, của thời đại thì chưa được văn thơ nói đến, triết học nói đến, các ngành khoa học nhân văn nói đến.

Dầu không nói đến, không được phép nói đến thì cái dòng chảy vĩnh cửu ấy vẫn được nhiều triệu người âm thầm khai thông, bồi đắp để các nhân tài Việt Nam không ngừng xuất hiện lúc ở lãnh vực này, lúc ở lãnh vực khác. Một đất nước không có những cá nhân kiệt xuất, tài ba làm chân dung đại diện trong cộng đồng nhân loại thì đó là một bất hạnh cho dân tộc, tạo ra một khoảng trống tiếp nối trong lịch sử sinh tồn của mỗi cá nhân. Rồi các thế hệ đến sau phải nối lại bằng cách nào vì vẫn phải bắt đầu từ môi trường chính trị, xã hội, từ một xã hội vừa truyền thống vừa văn minh, những mục tiêu nhắm tới vừa là phát triển cái riêng biệt, vừa là sự hòa nhập vào nền văn minh của khu vực và thế giới. Một nền văn minh riêng lẻ, với những mục tiêu hoang tưởng, một môi trường xã hội ngột ngạt vì cái bóng quyền lực phủ lên tất cả, quyết định tất cả thì số phận những cá nhân sẽ ra sao?

Hãy nhìn vào nước Nga những năm 90 của thế kỷ 20 là sẽ rõ. Họ vừa thoát khỏi cái bóng che của chủ nghĩa chuyên chế để được nhìn cái ánh sáng thật của dân chủ và tự do. Ai chả nghĩ họ đã có cơ hội sải những bước chân dài khi đã bung phá mọi sự trói buộc. Nước Nga mãi mãi là một siêu

cường v  những thử th ch lớn nhất của một d n tộc l  chiến tranh v  c ch mạng nước Nga đều đ  trải qua m  vẫn tồn tại v  đất đai m nh m ng của mình v  những tiềm lực v  hạn  n gi u trong đ  cả v t chất lẫn tinh thần. Phải v i chục năm n i nước Nga sẽ l  như thế nhưng trước mắt thì không thể. L  do rất đ n giản, kinh tế c  thể phục hồi nhanh nhưng con người phải c  thời gian dài hơn nhiều n  mới c  thể lấy lại những g  đ  mất. Tâm v c c  nh n của người Nga trong non một thế kỷ dưới chế độ X  Viết đ  bị co hẹp lại rất nhiều d u họ vẫn đ c sống, đ c học tập v  lao đ ng trong những điều kiện của một x  hội v n minh. Chỉ đ ng tiếc c i v n minh của họ l  một nền v n minh tự tạo t ch khỏi nền v n minh nh n loại, dựa trên những tiêu chuẩn m  tâm hồn Nga không thể chấp nhận, không thể tiến ho . Lại thêm trong non một thế kỷ người Nga đ  mất dần th i quen suy nghĩ đ c lập, quyết định đ c lập, mất dần cả t nh c ch ph n kh ng v  bảo vệ ch n l y, con người quen sống trong đ m đ ng, trong tập thể, trong b y đ n, không c  cơ hội v  sự kh ch lệ của x  hội để tạo ra những ch n dung ri ng v i những tư tưởng kh c nhau, những triết l y kh c nhau những c ch sống kh c nhau. Mọi c i kh c v i ch nh thống đều bị l n  n, mọi c i giống nhau đều đ c tuyên dương. V  những c i kh c nhau rất kh  tạo ra sự nhất tr , c n những c i giống nhau sẽ dễ nghe theo, làm theo mọi mệnh lệnh. Người cai trị sẽ rất dễ chịu, rất nh n nh  nếu quốc gia mình cầm quyền đ c tổ chức giống như trại l nh,  ng ta sẽ c  dư thời gian để làm thơ hoặc viết tiểu thuyết, vừa c  c i b y giờ lại c  cả c i sau n y. C n phải l nh đạo một x  hội d n sự của c c công d n tự do thì c  hàng trăm công việc đòi hỏi phải đ c giải quyết mỗi ngày, m  c ch thức giải quyết cũng rất phức tạp, n  yêu cầu phải đ i tho i, phải đ c tranh luận b nh đ ng, phải thương lượng, phải lu n lu n thay đ i những chủ trương m  d n chúng không bằng lòng. V  mọi việc làm đều phải tuân theo hiến ph p v  đ c x  hội kiểm tra thông qua hệ thống thông t n

báo chí. Chẳng những người lãnh đạo phải bị kiểm tra những công việc thuộc về chức năng của họ mà còn bị theo dõi rất nghiêm ngặt mọi sinh hoạt thuộc về đời tư của họ để ngăn chặn kịp thời những vi phạm thuộc về đạo đức. Ở những xã hội văn minh thì người cầm quyền bị rất nhiều luật lệ câu thúc, trói buộc, là người mất tự do nhiều nhất, còn dân chúng thì được pháp luật bảo vệ đủ mọi đàng, càng ít bị trói buộc càng tốt, càng có nhiều tự do càng tốt. Chỉ một xã hội được tổ chức như thế thì vị trí cá nhân mới được tôn trọng, người có giá trị là người có cái TÔI mạnh mẽ, đầy sức sống, đầy sáng tạo. Nên mỗi người đều có ý thức vun trồng những nét đặc sắc của riêng mình, cái vẻ đẹp của riêng mình và con của cháu thành những gia đình nổi tiếng, những dòng họ nổi tiếng làm cột chống cho một quốc gia. Một chế độ độc tài khi phải đối mặt với những biến động lớn thường dễ bị nứt rạn, từ nứt rạn đến tiêu vong, thời gian diễn ra rất nhanh vì nó chỉ có trụ đỡ là quyền lực của một phe đảng, không có trụ đỡ về tinh thần của cả dân tộc. Một chế độ chính trị tồn tại tới non một thế kỷ hay một nửa thế kỷ cũng là lâu lắm, đã tạo ra mấy thế hệ ăn chung ở chung với nó, sinh con đẻ cái với nó mà khi nó chết không ai nhỏ được một giọt nước mắt, có người còn nhẫn tâm đạp lên cái vừa chết đó rồi mới tiếp tục bước đi, dù biết người ta đã xem nó như vật bất thường, là quái thai, là tai họa, thời thế đã bất thần xoá bỏ nó một cách êm dịu, không phải tốn đến máu cũng là một may mắn phi thường. Có thể kết luận, một chế độ chính trị được xem là văn minh hay lạc hậu, là sẽ tồn tại lâu dài hay chỉ có mặt trong khoảng khắc của lịch sử là tùy thuộc vào cương lĩnh chính trị của Đảng cầm quyền có thật sự tôn trọng những quyền của con người hay không, các cá nhân với những khác biệt, những phản ứng, những bất tuân của nó có được đặt ở vị trí trang trọng trong hiến pháp hay không? Vì tiềm lực tinh thần của mọi cá nhân được vun xới, được phát triển trong tự do là nền tảng vững chắc nhất của mọi thiết chế chính trị. Vì còn nó ta có thể

vững tin sẽ vượt qua mọi sóng gió bất thần của thời thế để
mãi mãi tiến về phía trước.

(Viết xong tại quận Bồn Thành phố Hồ Chí Minh ngày
27/5/2006)

- 0 -

*Nói đến Nguyễn Khải là người ta nhắc đến “Mùa Lạc”,
“Một người Hà Nội”, nhiều người công nhận Nguyễn Khải
là một văn tài, ngòi viết của ông thành công hơn nhiều
người khác, nhưng phải nói “Đi tìm cái tôi đã mất” là một
tù bút giá trị của ông dành cho mai sau, để đánh giá đúng
vào thời kỳ đó và những suy tư của ông.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Khải Web: vi.wikipedia.com
- *Đi tìm cái tôi đã mất*: daohieuvn.wordpress.com

9. Đào Hiếu



Đào Hiếu - Đào Chí Hiếu (1946-20)

Nhà văn Đào Hiếu tên thật là Đào Chí Hiếu, sinh ngày 10 tháng 2 năm 1946 tại Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Ông còn có các bút danh khác là Biển Hồ, Đào Duy.

Ông sớm gia nhập phong trào sinh viên cách mạng tại Quy Nhơn.

Năm 1968 ông gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1970 ông bị bắt quân dịch và trở thành binh nhì sư đoàn 22 Quân lực Việt Nam Cộng Hoà.

Sau sáu tháng, ông trốn vào Sài Gòn bắt liên lạc với Tổng hội sinh viên học sinh để tiếp tục hoạt động chống Mỹ cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Trước năm 1975, ông tốt nghiệp Cử nhân văn chương tại Sài Gòn. Sau năm 1975, ông sống tại thành phố HCM, từng làm phóng viên báo Tuổi Trẻ và Nhà xuất bản Trẻ. Hội viên Hội nhà văn Việt Nam.

Đào Hiếu được Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1976, với tác phẩm *Giữa con lóc*.

Tác phẩm:

- *Giữa con lóc* (Tp. HCM, 1978)
- *Bầy chim sẻ* (Văn Nghệ, 1982)
- *Một chuyến đi xa* (Măng Non, 1984)
- *Qua sông* (Văn Nghệ, 1986)
- *Vùng biển mất tích* (Đồng Nai 1987)
- *Vượt biển* (Trẻ, 1988)
- *Vua Mèo* (Trẻ, 1989)
- *Người tình cũ* (Văn Nghệ, 1989)
- *Kẻ tử đạo cuối cùng* (Trẻ, 1989)
- *Thung lũng ảo vọng* (Trẻ, 1989)
- *Hoa đại lang thang* (Văn Học, 1990)
- *Trong vòng tay người khác* (Tác Phẩm Mới, 1990)
- *Kỷ niệm đàn bà* (Văn Nghệ, 1990)
- *Nổi loạn* (Hội Nhà Văn, 1993)
- *Những bông hồng muộn* (Trẻ, 1999)
- *Lạc Đường* (tự truyện, Giấy Vụn, 2008)
- *Tuyển tập Đào Hiếu* (Kim Thu Production USA, 2009)
- *Mạt lộ* (Lê Bên Trái, 2009)
- *Tình địch* (Trẻ, 2003)
- *Đường phố và thêm nhà* (tập thơ, Trẻ 2004)
- *Bù khú tiên sinh* (Kim Thu Production USA, 2010)
- *Nữ quái* (Lê Trái, 2012)
- *A lady from "R"* (bản dịch *Mạt lộ*, Lê Trái, 2012)
- *Tuyển tập truyện ngắn* (Lê Trái, 2012)
- *Tuyển tập thơ* (Lê Trái, 2012)
- *Tạp văn* (Lê Trái, 2012)
- *Tiểu luận* (Lê Trái, 2012)

Trích văn:

Những “Lã Bất Vi” thời đại mới

Khi cuốn tự truyện *Lạc đường* của tôi được công bố, dư luận khá xôn xao. Khen chê lẫn lộn. Có người còn mắng mỏ: “Anh cũng chỉ là một tên Việt cộng ngu xuẩn như 35 năm trước mà thôi...”

Ai cũng có lý của mình. Nên tôi im lặng. Cho đến khi tình cờ đọc bài viết của Tiêu Dao Bảo Cự đăng trên talawas, thấy anh lại nhắc đến cuốn *Lạc đường*. Anh khen tôi không tiếc lời nhưng anh cũng trách tôi: “*Đào Hiếu không hề có ý phản tỉnh về chuyện đúng sai của việc mình đã ‘tham gia cách mạng’ trong quá khứ.*”

Lời trách ấy không bất ngờ đối với tôi nhưng nó vẫn làm tôi suy nghĩ, không phải suy nghĩ về việc “không hề có ý thức phản tỉnh” mà suy nghĩ xem tại sao một người cũng đã từng sống một tuổi trẻ “dấn thân” như tôi lại đòi hỏi ở tôi một thái độ rạch ròi như thế?

Trong thời đại ngày nay, thật khó mà nhìn ra bộ mặt thật của bất cứ một vấn đề nào vì nó bị giấu kỹ trong nhiều lớp vỏ bọc nguy trang tinh xảo. Nhưng thời đó, chuyện đúng hay sai của *sự dấn thân* rõ ràng quá. Vì kẻ thù đã chường mặt ra cùng với bom đạn, máy bay, xe tăng, đại bác...

Những người có tâm lòng không thể không tìm kiếm một chọn lựa.

Nhưng chọn lựa ai?

Ngô Đình Diệm? Ông vốn là quan Thượng thư Bộ Lại dưới triều Bảo Đại, sau đó sang Mỹ núp bóng Hồng y Spellman rồi được Mỹ đưa về thay Bảo Đại. Ông ta có công lao gì với đất nước?

Những vị anh hùng như Nguyễn Trung Trực, Hoàng Hoa Thám bị giặc Pháp bêu đầu giữa chợ, Hoàng Diệu tuân tiết theo thành Hà Nội... còn Ngô Đình Diệm, ông ta đã đổ giọt mồ hôi nào cho cái đất nước này?

Thế còn Big Minh, ông Khánh, ông Thiệu, ông Kỳ? Họ là sĩ quan của Pháp, nói tiếng Pháp, cầm cây súng Pháp và... ăn lương của Pháp.

Làm sao những chàng trai đầy nhiệt huyết của thế hệ anh và tôi có thể chọn lựa họ, đi theo ngọn cờ của họ?

*

Ngày nay chính quyền cộng sản Việt Nam đã tự hủy hoại “thanh danh” của mình bằng sự độc tài và lòng tham vô độ, đã phô bày lộ liễu cả một guồng máy tham nhũng xù xì, lông lá...

Nhưng cái thời ấy, những trí thức trẻ như Trần Quang Long, Trần Triệu Luật, Trần Bội Cơ, Hồ Hảo Hớn, Dương Thị Xuân Quý... và cả những người như anh như tôi đã đi theo cụ Hồ, cụ Giáp, những người hùng đã làm nên một chiến thắng Điện Biên rực rỡ mà không ai, kể cả kẻ thù, có thể phủ nhận được.

Những thân tượng đó về sau này có thể có nhiều sai lầm thậm chí rất nghiêm trọng, nhưng ở thời điểm lịch sử đó họ vẫn là những gương mặt sáng giá bên cạnh một Ngô Đình Diệm, một Khánh, một Thiệu, một Kỳ... kém cỏi, cũ kỹ, xám xịt, lu mờ.

Thế thì sự chọn lựa của anh và tôi lúc ấy có gì đáng tiếc? Vậy tại sao anh lại đòi hỏi tôi phải “phản tỉnh” về việc mình đã tham gia cách mạng trong quá khứ?

Những người cầm quyền cộng sản ở Việt Nam hiện nay đã phản bội quá khứ, phản bội xương máu của đồng bào đồng chí mình. Họ là những người phải hổ thẹn (nếu họ còn biết hổ thẹn) chứ không phải tôi, cũng không phải anh, không phải những người lính đã ngã xuống ngoài mặt trận.

Tôi hiểu không phải chỉ có anh hay Bùi Minh Quốc, mà phần lớn trí thức miền Bắc, nhà văn miền Bắc cũng phủ nhận quá khứ. Thắng lợi ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã làm họ bừng tỉnh khi nhận ra rằng cái xã hội mà trước đây họ vẫn sống là quá lạc hậu, quá tội tệ, quá khốn cùng. Chính vì thế mà sự “quay lưng 180 độ” của họ là rất dễ hiểu.

Một nhà văn nổi tiếng miền Bắc trong lúc ngà ngà say đã nói với tôi: “Ông viết cuốn *Lạc đường* hay lắm, nhưng đọc xong tôi ghét ông quá. Tại sao ông lại chửi Mỹ thậm tệ đến như vậy? Nếu không có thằng Mỹ thì bây giờ anh em mình đang ngồi trong Hòa Lò hết rồi.”

Anh ấy là một nhà văn lớn. Chắc anh không sùng bái Mỹ một cách ngây ngô như vậy đâu, nhưng tôi biết câu nói ấy biểu lộ sự ê chề về cái xã hội mà anh đã từng sống suốt quãng đời ấu thơ và thời trai trẻ.

Tôi sống ở miền Nam. Tôi không ném trái sự ê chề ấy. Và tôi cũng không lóa mắt trước những phù hoa của người Mỹ.

Tôi tin rằng mình có sự tỉnh táo hơn để nhìn ngắm cuộc sống. Sự tỉnh táo ấy cho phép tôi nói: "Tôi không có gì phải phản tỉnh về việc mình đã làm trong quá khứ. Đó là một quá khứ đẹp, một chọn lựa đẹp."

Có thể anh không đồng ý với tôi nhưng ít nhất cũng có một người đồng ý với tôi khi ông nói: "*Hai mươi tuổi mà không theo cộng sản là người không có trái tim.*" Người đó là nhà

văn Milovan Djilas, ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Nam Tư.

Nhưng cái câu nói nổi tiếng đó còn một nửa sau, cái nửa đó là: "*Bốn mươi tuổi mà không bỏ cộng sản là người không có cái đầu.*"

Câu nói đó của ông không hề mang ý nghĩa chối bỏ quá khứ.

Vậy cái cần phải chối bỏ là gì?

*

Đó chính là "cái hiện tại". Nhưng Milovan Djilas đã chậm một bước. Vì hiện tại ở Việt Nam những người cầm quyền đã từ bỏ chủ nghĩa cộng sản "từ khuya" rồi!

Nhưng sự từ bỏ ấy không như mong đợi của Djilas.

Đúng ra ở Việt Nam đang có một sự thay thế. Thay thế chủ nghĩa cộng sản bằng *một thị trường chính trị mang tính toàn cầu.*

Được điều khiển bởi các tập đoàn tài phiệt khổng lồ trên thế giới, cái thị trường ấy coi các chính khách, các nhà lãnh đạo quốc gia là những món hàng. Họ tung các "nhân viên tiếp thị" của họ đi khắp nơi để mua bán, ký gởi, trao đổi... các chế độ chính trị, các tổng thống, thủ tướng, các chủ tịch, các nhà lãnh đạo tôn giáo... để kiếm lời.

Thực ra cái kiểu kinh doanh chính trị ấy cách đây hơn hai ngàn năm ở Trung Quốc đã có người làm rồi. Người đó là Lã Bất Vi, một gã lái buôn. Hắn bán tơ lụa, nhu yếu phẩm từ nước này sang nước khác và trở nên giàu có.

Khi đến nước Triệu, hấn gặp thái tử nước Tần là Tử Sở đang bị bắt làm con tin. Lúc ấy nước Tần đang mạnh dần lên và có triển vọng biến thành một "con rồng châu Á". Một ngày nào đó vị thái tử này hoàn toàn có khả năng trở thành vua Tần. Họ Lã nói : "Món hàng này lạ, có thể buôn được đấy."

Hấn bỏ tiền ra vỗ béo thái tử nọ. Rồi đem cô bồ nhí yêu quý của mình là Triệu Cơ ra làm quà. Trước khi dâng tặng, Lã Bất Vi không quên "ký gởi" trong bụng cô nàng một bào thai mang ADN của dòng họ Lã.

Đúng như dự đoán, Tử Sở về làm vua nước Tần, phong cho Lã Bất Vi làm thừa tướng. Ba năm sau, vua mất. Con tinh trùng của Lã Bất Vi đã được mười ba tuổi, có tên là Doanh Chính lên ngôi, lấy hiệu là Tần Thủy Hoàng, phong cho Lã Bất Vi làm trọng phụ.

Trên thực tế Lã Bất Vi đang cai trị nước Tần.

Doanh Chính bị Lã Bất Vi chèn ép trong 9 năm, mãi đến năm 22 tuổi mới lật ngược thế cờ, ghép Lã Bất Vi vào tội phản loạn, cách chức và sau đó ép uống thuốc độc chết.

Ngày nay, sách lược của Lã Bất Vi đã được các tập đoàn kinh tế khổng lồ trên thế giới hiện đại hóa một cách sáng tạo, khôn ngoan và hiệu quả hơn nhiều.

Họ Lã đã dùng tiền túi của mình để "buôn vua", còn các trùm tư bản ngày nay lại dùng tài sản của các nước đang phát triển để MUA các nhà nước, các vị lãnh đạo, các bộ trưởng... Đổi lại, các chính phủ bán xứ cho họ ký hợp đồng khai thác tài nguyên, xây dựng các khu đô thị, các hệ thống đường sá, các khu công nghiệp, các nhà máy, các công trình công cộng... với giá thường là gấp 5 lần giá trị thực tế của chúng.

Số tiền dôi ra cực kỳ lớn. Và hai bên chia chác nhau. Nhờ thế chẳng những các quý ông Lã Bất Vi mang quốc tịch Hoa Kỳ, Nhật Bản, Anh, Pháp, Hàn Quốc vợ vét hàng nghìn tỉ đô la từ tài nguyên trên khắp thế giới mà giới cầm quyền bản xứ cũng trở thành những ông chủ tư sản cực kỳ giàu có.

Hiện nay ở Việt Nam những tập đoàn tài phiệt nội địa đã lác đác xuất hiện.

Thế giới đã thay đổi.

Mà thay đổi ngoạn mục nhất là ***cái cách mà các nước giàu thôn tính các nước nghèo.***

Trước đây kẻ xâm lược đến Việt Nam bằng các binh đoàn, bằng tàu chiến, xe tăng, đại bác... Ngày nay cũng những kẻ đó, nhưng họ đến với chiếc cặp Samsonite xinh xắn, trong đó có các dự án xây dựng hoành tráng, các kế hoạch đầu tư hấp dẫn.

Trước đây kẻ thù đến để mở các cuộc hành quân tàn sát, để rải thảm bom B52, để đốt các làng mạc, để san bằng các thành phố. Ngày nay kẻ thù đến để xây dựng cầu đường, các khu đô thị mới, các nhà máy lọc dầu, các dây chuyền lắp ráp ô-tô, ti-vi, tủ lạnh, máy vi tính...

Trước đây khi kẻ thù đến thì chính phủ cùng toàn dân tay nắm tay, có gươm dùng gươm, có súng dùng súng, nắm gai nếm mật, hy sinh xương máu đánh đuổi chúng, Ngày nay khi kẻ thù đến thì chính phủ và kẻ thù ôm hôn nhau, tặng bốc nhau, nâng ly chúc tụng nhau rồi rít. Lại còn quay phim chụp ảnh, đăng báo ca ngợi rùm beng...

Trời ơi, sao lại có loại kẻ thù nhân hậu và đáng yêu đến như vậy!

Ngày nay nhân dân nhìn thấy gì ở kẻ thù? Những ông chủ sang trọng, đẹp đẽ. Những vị ân nhân, đến để mang lại công ăn việc làm, đến để xây dựng đất nước "với tốc độ chóng mặt".

Ngày nay nhân dân nhìn thấy gì ở nhà cầm quyền? Những lãnh đạo tài giỏi, có công xây dựng các công trình, làm cho đất nước phát triển "sánh vai cùng thế giới".

Đây! Tình cảnh của chúng ta là như vậy đây! Sự thật bị bao vây, bị bọc nhiều lớp lụa là gấm vóc. Giống như cô gái bị bệnh giang mai nhưng ra đường vẫn cực kỳ quyến rũ. Vẫn có thể làm những trái tim thốn thứa.

*

Không có gì quý hơn độc lập tự do. Câu đó đúng tuyệt đối ở các nước nghèo, các nước chậm tiến và các nước đang phát triển. Vì ở những nơi đó KHÔNG BAO GIỜ CÓ ĐỘC LẬP TỰ DO. Cái gì không có thì vô cùng quý báu.

Không cần phải lý luận dài dòng mất thì giờ. Vì ai cũng biết rằng bạn không thể vừa ngửa tay nhận tiền của người ta vừa buộc người ta phải tôn trọng ý kiến của mình được. Quy luật muôn đời vẫn là: kẻ nào nắm đồng tiền, kẻ đó ra lệnh. Thậm chí ca dao Việt Nam còn cay độc hơn:

Vai mang túi bạc kè kè

Nói bậy nói bạ, người nghe rần rần

Thế thì chúng ta nghèo, chúng ta dốt, chúng ta cần vay hàng trăm tỉ đô la để xây dựng đất nước, chúng ta cần sự giúp đỡ kỹ thuật để vực dậy nền kinh tế... thì chẳng những chúng ta không thể độc lập tự do được, mà còn phải làm tay sai, làm tôi tớ cho ngoại bang mà thôi.

Thế nhưng bề ngoài, các chế độ chính trị ở vùng Đông Nam Á vẫn thường tỏ ra rất quyền lực, rất tự chủ. Thực chất ***họ chỉ giỏi ăn hiếp dân nghèo của họ mà thôi.***

Trong số các độc giả góp ý với tôi về cuốn tự truyện *Lạc đường* có **TS Minh**, hình như đang sống ở Mỹ hay Canada gì đó. Tôi tìm thấy những dòng này của ông trên trang web của đài BBC:

Lâu lắm tôi mới tìm được người chia sẻ quan điểm rằng World Bank, Asian Development Bank, IMF, và nhiều tổ chức tài chính quốc tế khác "viện trợ" cho VN chỉ nhằm (1) không chế tài chính, (2) ảnh hưởng chính trị, (3) làm VN nghèo đi và nếu có thể làm VN vĩnh viễn xếp hàng ngay ngắn theo trật tự mà các quốc gia giàu mạnh muốn xếp đặt.

Cho đến nay, đã thấy rõ họ rất thành công, nhất là về chính trị, vì họ đã ép buộc - mà không cần nói ra - để phe cải cách cho phép VN gia nhập WTO, thành lập thị trường chứng khoán, và theo lịch trình WTO trong một vài năm tới sẽ có nhiều ngân hàng, công ty thành lập vốn 100% nước ngoài.

Chính quyền VN thật ra bị bó tay trong tình hình thế giới hiện nay, không thể tự chủ. Không cho các tổ chức tài chính này thao túng thì sẽ bị cô lập chính trị, kinh tế ngay. Nói khác đi, con nợ VN bị "ép buộc" mượn nợ, thế chân bằng các thế hệ mai sau, sẽ mang công mắc nợ không bao giờ trả nổi, trả hết. Mượn thì "kéo dài sự đau khổ", trong khi không mượn thì sự đau khổ sẽ xảy ra lập tức, vậy thôi.

Rõ ràng là các tập đoàn kinh tế nước ngoài, ngoài miệng thì họ tâng bốc "các thành quả kinh tế to lớn" của Việt Nam, nhưng thực tế họ coi chúng ta như lũ con nít.

Lập luận này một lần nữa lại được tác giả **Trần Đông Chân** củng cố thêm trong bài viết "*Việt Nam Đứng đang ở đâu và sẽ đi về đâu?*" như sau:

Những tháng cuối 2006 đến 2007 các quỹ này đã rót khoảng 160 ngàn tỷ đồng (tương đương với 10 tỷ đô-la Mỹ) vào thị trường chứng khoán, bơm giá cổ phiếu tăng đến chóng mặt, tạo ra một ma lực cuốn hút người dân đổ tiền vào cổ phiếu. Ước tính đã có hơn 350 ngàn tỷ đồng bị hút vào chứng khoán từ nguồn tự có, vay mượn và thế chấp của người dân. Giá cổ phiếu ít thì tăng vài ba lần, nhiều thì đến vài chục lần, vượt xa hoàn toàn khả năng tạo ra giá trị thực tế của nó.

*Khi mọi người đã đạt đến cơn say ghim giữ cổ phiếu bởi giấc mộng làm giàu nhanh thì tai họa ập xuống. Nhưng tai họa không chỉ đến một lần. Mỗi khi các cổ phiếu được đầu cơ bị bán ra ồ ạt để thu lợi, chỉ số chứng khoán sụt giảm thì ngay sau đó sẽ xuất hiện những thông tin hỗ trợ từ chính phủ, từ nước ngoài và được tuyên truyền quá nhiệt tình bởi các phương tiện truyền thông đại chúng chính thống. Người dân lại được hâm nóng bằng những hy vọng mới, bầy thú tiếp tục nhồi tiền làm môi nhử, cổ phiếu lại lên giá, dân lại hồ hởi mua vào. Cái vòng xoáy **hút – nhồi** ấy được lặp đi lặp lại nhiều lần trong suốt năm ngoài đến nay. Tiền trong dân tuôn ra ngày càng nhiều, guồng máy hút – nhồi này lại càng tăng công suất, các ngân hàng trong nước càng nhiều nguy cơ.*

*

Viết đến đây tôi chợt nhớ đến tình cảnh của tướng Dương Văn Minh trong những giờ phút cuối cùng ở dinh Độc Lập trên cương vị Tổng thống Việt Nam Cộng hòa:

Vào sáng sớm có một đơn vị thiết giáp đến vây quanh dinh, viên chỉ huy đề nghị tướng Minh từ thủ. Ông từ chối và thuyết phục họ rút đi. Ông cũng làm như vậy với nhóm biệt kích Lô Hổ đang đang sát khí. Cuối cùng, một số sĩ quan cao cấp hải quân đến mời tướng Minh xuống tàu chạy đi, ông cũng từ chối. Lát sau viên tướng Pháp đội lốt kỹ giả Vanuxem hồi hả vào xin gặp tướng Minh và nói với ông: “Hãy rút về Cần Thơ, cố thủ Vùng 4 chiến thuật, chỉ vài ngày nữa thôi thì Trung Quốc sẽ áp đặt giải pháp trung lập hóa miền Nam”. Tướng Minh than: “Hết Tây đến Mỹ, chẳng lẽ bây giờ còn đi làm tay sai cho Tàu nữa sao!” (trích bài "30/4/75, Dương Văn Minh và tôi" của Nguyễn Hữu Thái)

Cảm ơn tướng Minh đã nói được một câu cảm động như vậy. Giá như bây giờ chúng ta có thể nói: "Hết thắng Tàu, thắng Tây, rồi thắng Mỹ, chẳng lẽ bây giờ lại đi làm tay sai cho những thằng Lã Bất Vi thời đại mới hay sao?"

Trích thơ:

Bến Bờ

*Trời đất bắt đầu bằng những vì sao
Dòng sông bắt đầu bằng ghềnh thác
Anh với em bắt đầu từ sợi tóc
Ngày xưa tình cờ rơi trên vai
Sợi tóc mong manh chạm vào ngón tay
Như là gió chạm vào hoa lá
Như cánh phượng bay lạc vào nắng hạ
Lạc trong anh thành vết thương thâm
Dòng sông trôi đi con nước êm đềm
Anh yêu em một đời sóng gió*

*Dòng sông lớn đi về biển cả
Còn anh theo em không cần biết bến bờ.*

Những chiếc lá rơi vào bụi hồng ^(a)

*Những chiếc lá đâm chồi không ai hay
Già cỗi giữa thình không
Và chết trong những ngọn gió*

*

*Tác phẩm của tôi là những chiếc lá rụng
Rơi vào bụi hồng
Những chiếc lá rụng không ai nhặt
Tụ gom lại giữa vòng xoáy
Có người bật lên que diêm
Nhóm thành ngọn lửa*

*

*Ngọn lửa nhỏ không dùng để làm gì
Vẫn có thể đốt lên điều thuốc
Giữa cuộc đời mệnh mông*

Đợi ^(a)

*Ăn sáng một mình
Một mình ăn buổi sáng.
Gặm nhấm muống nữa và tách cà phê
Gặm nhấm vỉa hè
Gặm nhấm sự chờ đợi.*

*

*Ăn sáng với cái mũ vải
Đẻ ngira trên bàn
Chờ em đến và ném vào một đồng xu.*

*

*Nếu ngày nào
Cũng ăn sáng một mình
Thì anh sẽ gặm nhấm đồng xu.
Và đợi.*

*

*Em mắt hút như giọt cà-phê
Như chiếc lá rơi sau bức tường cũ
Khung cửa trống không.
Anh ngồi đợi mũ.
Nhìn vật nắng vàng xưa.*

*

*Con phố hẹp, những người đi qua.
Anh cần gì giữa đời phai nắng?
Chỉ cần đến, ăn với em bữa sáng
Rời đi.*

(a) Trích trong tập thơ *Tín hiệu bị thất lạc*

Tình thâm lặng ^(b)

*Tình thâm lặng là tình của núi
Một ngàn năm ngưng giữa mây trời
Tình thâm lặng là tình của đá
Với thời gian rêu phủ kín đời tôi*

*

*Anh thâm lặng như muôn trùng rừng cây
Nên gặp em mỗi ngày, không nói
Em thâm lặng nên không bao giờ hỏi
Tôi có chồng sao anh yêu tôi?
Mắt thâm lặng là câu anh trả lời
Như mắt núi đăm đăm nhìn biển
Em xinh đẹp và hôn nhiên như sóng
Nên anh thâm nuối tiếc cả đời anh.*

Bản tình ca của người hành khát ^(b)

*Bản tình ca của đôi lứa yêu nhau
Người ăn xin mù hát nghêu ngao giữa chợ
Người ăn xin cầm đàn đi theo đũa nhỏ
Đũa nhỏ cầm giữa chiếc mũ mềm*

*

*Người ăn xin tỏ tình với ai bên đường
Mà gân cổ nổi, mà đôi mắt mở?
Đôi mắt mở mù loà giữa phố*

*

*Tôi ngồi uống ly rau má
Người ăn xin đến và tỏ tình với tôi
Những lời văn hoa trong bản tình ca
Đó là lời tỏ tình của ai với ai?
Nào phải của người ăn xin với tôi
Nào phải của người ăn xin với những người qua đường.*

Sương mù ^(b)

*Con đường mọc lên đầy lá khô
Con đường mọc lên đầy nhớ tiếc
Sự ngại ngần đã một lần đi qua
Bây giờ xa xôi biển biệt
Bây giờ củi khô và giấy bay*

*

*Buổi sáng buồn trời nhiều mây
Con đường ngủ quên trong gió
Con đường mang trên mình dấu chân em
Và hoa trong lá cỏ
Con đường mang trên mình rừng cao
Trận bão đi ngang qua đó
Con đường mọc đầy lá vàng*

*

*Anh hút điếu thuốc thứ ba vào buổi sáng
Nỗi buồn mang mang như trời âm u
Sương mù trắng lùa vào cảnh khô
Sương mù trắng ôm từng tảng đá*

*

*Anh nhìn hút xa hai hàng cây đen
Con tàu huyết còi chạy vào dãy núi
Con tàu huyết còi chạy vào sương mù
Anh bắt đầu dẫm trên lá chết
Nỗi buồn mang mang như trời âm u.*

(b) *Trích trong tập thơ Đường phố và thềm nhà*

Trong tùy bút *Đào Hiếu, Ông là ai ?* Lê Vũ đã viết:

“ Đêm về sâu nhưng quán vẫn âm ào. Người vẫn lữ lượt tìm say để lẫn quay, quên đi cái thế giới đang bốc mùi trứng rận, chối bỏ mớ lý tưởng bù nhùi giẻ rách, và làm biến đi những cái mặt đầu trộm đuôi cướp nhan nhản giữa cuộc ngày ...Đào Hiếu có khác hơn. Ngay trong tự truyện " Lạc Đường", sau khi nôn thốc nôn tháo bao nhiêu bí ẩn tưởng như là vĩ đại dị kỳ của nhân sinh, anh chàng mê lạc đã vội vàng tắm gội và đùa giỡn với cái *của quý* của mình, bằng lòng làm một con cá voi hoành tráng. *Tôi nằm giữa, duỗi dài, buông thả, nhìn ngắm thân thể trần trụi của mình lấp lóa nắng. Cái dương vật dài, suôn, rập rình theo mảng lông đen ngời như rong rêu. Tôi không còn là một ông già sáu mươi tuổi mà là một con cá voi nhỏ đang thưởng thức sự cường tráng của mình. Tôi đang sống. Đang hòa nhập. Đang hóa thân, Đang vô danh (Lạc đường) .*

Có lẽ tôi thích Đào Hiếu vì bao giờ anh cũng sẵn sàng trường và thật như thế ...”

Tài liệu tham khảo:

- Đào Hiếu Web: vi.wikipedia.org

- Những “*Lã Bất Vi*” thời đại mới Web: talawas.org



10. Tô Hải



Tô Hải - Tô Đình Hải (1927-20)

Nhạc sĩ Tô Hải tên thật của ông là Tô Đình Hải, sinh ngày 24 tháng 9 năm 1927 tại Hà Nội, quê ở Tiền Hải - Thái Bình, hiện sống tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Tô Hải học ở các trường tư thục, học nhạc lý và tham gia Ban đồng ca Saint-Joseph từ nhỏ, từng đoạt giải thưởng âm nhạc "Chim sơn ca" tại Rallye Kiến An của Hướng đạo sinh toàn Đông dương.

Sau khi có Tú Tài I chương trình Pháp, Cách mạng tháng Tám xảy ra, ông tham gia vệ quốc đoàn.

Năm 1949 ông được kết nạp thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1951 ông về Đoàn văn công khu IV, năm 1954, ông làm trưởng đoàn.

Năm 1960, Tô Hải bỏ đảng Cộng Sản, ra khỏi quân đội.

Năm 1961, ông về công tác tại Nhà xuất bản âm nhạc và mỹ thuật.

Sau năm 1975, ông vào Sài Gòn và năm 1986 về hưu non, chọn Nha Trang là nơi ở ẩn để tránh “phải nhận chỉ thị buộc viết cái gì, viết thế nào, viết cho ai.”

Tô Hải là nhạc sỹ đa phong cách, sáng tác nhiều thể loại như ca khúc, hành khúc, hợp xướng, nhạc kịch, nhạc phim, khí nhạc. Ngoài ra ông còn viết nhiều tiểu luận, và viết báo về âm nhạc.

Tô Hải có một cuốn hồi ký nổi tiếng, viết xong từ năm 2000, trước đăng trên Blog của ông, về sau được nhà xuất bản Tiếng Quê Hương ở Virginia, Hoa Kỳ in ra năm 2009 có tên *Hồi ký của một thằng hèn*. Cuốn sách này gây ra nhiều tranh cãi và ngay sau đó đã trở thành một cuốn sách được tìm kiếm đọc nhiều trên Mạng.

Tô Hải đã được các giải thưởng và huân chương:

- Giải thưởng Khí nhạc Ngẫu hứng cho cello và giao hưởng, Hội Nhạc sỹ Việt Nam, 1996.
- Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật, đợt 1, 2001.
- Huân chương Chiến công hạng Nhì, Ba; Huân chương Chiến thắng hạng Ba, Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

Tác phẩm:

- *Hồi ký của một thằng hèn* (Tiếng Quê Hương, 2009)

Ca khúc:

- *Nụ cười sơn cước*
- *Đứt dây đàn*
- *Tình giây lát*
- *Tiếng kèn báo động*
- *Chúng ta không muốn đời*
- *Toàn dân kháng chiến trường kỳ*
- *Chiến sĩ khu III*
- *Tiếng kèn cứu nước*
- *Từ mặt đất thân yêu*
- *Trường Lục quân đang cần lính đánh Tây*
- *Thầy tu giết giặc*
- *Chiến sĩ khu Ba*
- *Trở lại đô thành*

Hợp xướng:

- *Hải Phòng rực sáng biển đông*
- *Sẵn sàng bắn*
- *Lời Tổ quốc*
- *Hẹn mùa mười tấn năm sau*
- *Buồn vui và khát vọng*
- *Tiếng hát biên thùy*

Trích văn:

Hồi ký của một thằng hèn

TUỔI ẤU THƠ

Người ta thường nói: “Mở mắt chào đời” hoặc “Cát ba tiếng khóc chào đời”. Trường hợp tôi ra đời thì ngược lại! Tôi đã... “nhắm mắt chào đời” và...cười sằng sặc khi ra khỏi bụng mẹ!

Chuyện bịa?

Không! Thật trăm phần trăm.

Mẹ tôi kể lại tôi ra đời không bình thường. Con “đường ra” đúng là “ra...khỏi bụng”! Tôi vì to con quá (gần 4 kí-lô), mà lại là con đầu lòng, nên người ta phải mổ để “búng” ra sau con trở dạ của mẹ tôi kéo dài hơn mười tiếng đồng hồ! Tôi ra đời “mắt nhắm nghiền, miệng phát ra tiếng sằng sặc như tiếng cười”, có lẽ do bị nghẹt thở, chứ không phải tiếng khóc!

Hơn thế nữa, miệng tôi lại có sẵn hai cái răng cửa!

Tiếng cười ở cái miệng có sẵn răng cửa của một thai nhi trở thành công dân Anamít ngày 24 Septembre 1927 sau này được họ nhà Tô bảo rằng tôi đã cất tiếng “cười ngạo nghễ chào đời!” Hai cái răng này mãi 4 năm sau mới chịu rụng để tôi bị mang hai tiếng “Hải sún”! Khi răng mọc hai cái mới, vừa to vừa dài khác thường thì tôi lại bị đổi tên thành “Hải hô”, “Hải mõ” vì tôi to béo cũng quá khổ. Những năm sau này, người nào yêu tôi thì gọi là “răng duyên”, người ghét tôi thì gọi là “răng nhai”, “răng đớp”.

Tôi được cứu sống nhờ những cú phát thật mạnh vào mông mới chịu cất tiếng khóc. Phải chăng đó là điềm gở vì kể từ lúc trở thành “công dân của xứ bảo hộ Bắc Kỳ” cho tới sau này, tôi luôn bị “ăn đòn” mới sáng mắt, mới chịu khóc! Thăng quỷ sứ là tôi ra đời đúng 5 giờ 10 phút tại nhà thương hàng Đồng, Hà Nội và ra đời như vậy đó!

Tờ khai sinh bằng tiếng Tây gọi là Acte de naissance với các mục ngày sinh, tháng đẻ, tên cha, tên mẹ, tuốt tuột đều bằng tiếng Pháp, tôi còn giữ một bản trong ba lô mãi những

năm đã thành anh Vệ Quốc Quân. Chính cái tờ khai sinh nửa Tây, nửa ta này một lần đã làm tôi suýt mất mạng vì mang nó trong ba lô và bị những người có tinh thần cảnh giác cách mạng cao phát hiện, tưởng là truyền đơn tiếng Pháp. Cũng may là trong đám kiểm tra hành trang của tôi trước lúc vượt đường số 5 lại có một ông chỉ huy nguyên là đội khổ xanh biết nó là loại giấy gì. Nếu không, tôi đã bị mấy ông nông dân răng đen cho đi “tàu suốt” như những cô gái, những ông già bị chết oan uổng vì chạy tản cư ngày đầu kháng chiến lại mang theo cả “livret scolaire”- học bạ, mặc áo, đi tất có ba màu xanh-trắng-đỏ: cờ Pháp!

Tôi nhớ rõ tham mưu trưởng chiến khu III Vũ Hiến lúc ấy đã nói “Thà giết lầm 10 người còn hơn để lọt một tên Việt gian”! Tất nhiên, ông tham mưu trưởng của tôi không phải là người sáng tạo ra cái khẩu hiệu ghê rợn đó. Ông chỉ nhắc lại lời các lãnh tụ của ông mà thôi. Đó là cái rừng mình đầu tiên trong ngàn vạn cái rừng mình sau này suốt quá trình tôi đi theo cách mạng!

Trở lại chuyện tôi ra đời, to như Tây, khai sinh nửa Tây nửa ta, và nghe kể lại, khi đón tôi về nhà có cả kèn bú-dích ([1]), vì nhà tôi ở phố Bảo Khánh đang inh ỏi tiếng kèn đón ông vua con Bảo Đại ([2]) ra Bắc Kỳ du hành quanh hồ Hoàn Kiếm!

Bản nhạc đầu đời tôi được nghe, như thế, là một bản kèn Tây do lính ta thổi, có mặt cụ Đình Ngọc Liên ([3]) nổi tiếng sau này và ông Tây Camille Parmentier chỉ huy! Chẳng hiểu bố tôi có quá đề cao thằng quý tử không khi đã hơn một lần khoe với bạn bè: “Thằng Hải nhà tôi nó có “bông-gu” ([4]) âm nhạc từ lúc mới đẻ! Cứ nghe nhạc bên nhà kèn nổi lên là nó khóc ré đòi bế đi nghe!”

Môi trường âm nhạc đầu đời này còn ảnh hưởng mãi trong tôi từ lúc nằm nôi cho tới khi biết ê a tiếng hát. Đó là nhờ bên phải nhà tôi có Nhà Thờ Lớn, bên trái có ki-ốt hoà nhạc hàng tuần của dàn nhạc harmonique quân đội, đằng sau là phố hàng Trống với tiếng bung, bung, cắc, cắc ... của những bác thợ sản xuất trống, cứ gõ đều đều không nghỉ từ sớm tinh mơ đến tận chiều tối.

Sự ra đời của tôi không được bà nội tôi (ông nội đã mất trước khi có cháu) và họ hàng hoan nghênh. Ít người thăm hỏi. Tất cả chỉ do lời dèm pha: “Thằng Hoàn, con Nhung (tên bố mẹ tôi) sinh ra quái thai”

Chả là bố tôi đã có vợ và một con trai ở quê, kết quả của một vụ tảo hôn nghe đầu kéo dài hơn 10 năm, từ khi bố tôi mới lên 8. Rồi bố tôi trốn khỏi thôn Thượng Phúc, xã Đại Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình để làm con nuôi một ông cậu ruột, bố đẻ của ông Nguyễn Hữu Trí, tổng trấn Bắc phần Việt Nam trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất 1945-1954. Gia đình ông cậu “thôi không chịu được”, theo cách nhìn của bố tôi. Chính vì vậy, bố tôi đã mang trong đầu tư tưởng ghét Pháp từ rất sớm, nhất là ghét những người vào làng Tây!

Mãi sau này, lúc bà nội tôi qua đời, tôi mới được chứng kiến cái “thối” ấy nó ra sao. Đưa ma bà có đủ Tây trắng, Tây đen, Tây lai và rất đông con cháu...Tàu nữa. Thì ra ông cậu ruột của bố tôi, khi làm tham tá đầu toà đã lấy một bà vợ Tây. Bà này có con với một ông thống sứ chết trận cát-tô đít-duýt! (1914-1918) nên ông nuôi luôn con ông thống sứ (tôi phải gọi là chú Albert), thêm cả đứa con của ông thống sứ “nhặt” được ở Maroc mà tôi chỉ gặp một lần nhưng vẫn nhớ tên là Mahomed. Ông tham và bà vợ cũng như mấy người con đều giữ tên ta nhưng vào làng Tây, hàng ngày nói chuyện với nhau toàn bằng tiếng Tây. Còn

họ hàng người Tàu là do bà nội tôi có bà em ruột lấy một ông xi thẩu chính gốc Quảng Đông. Bố tôi hay chửi cái thói nô lệ Tây nhưng ông cũng tự thấy sỡ dĩ ông nói được tiếng Tây như Tây chính là nhờ những năm tháng nửa làm cháu, nửa làm gia sư, nửa làm đầy tớ ở nhà ông cậu ruột “đờ-mi Tây” này. Tuy nhiên, về tình cảm họ hàng rõ ràng ông yêu cái phía họ hàng Tàu hơn họ hàng Tây rất nhiều.

Với cái nhìn hôm nay, bố tôi đúng là sản phẩm của một nền văn hoá tả pí lù. Đổ đíp-lôm xong, được bổ nhiệm tại nhà Dây Thép ([5]) Hà Nội là ông làm ngay cuộc cách mạng đầu tiên: Không báo cáo gì với bà nội tôi, ông lẳng lặng làm lễ thành hôn với mẹ tôi, một cô đỡ Đông Dương (sage femme Indochinoise) khoá đầu tiên. Hậu quả của hành động vượt ra ngoài khuôn phép là ông phải chịu sự ruồng bỏ của họ hàng, của mẹ đẻ.

Khi tôi lên mười, bà nội tôi mới chịu ra thăm con, thăm cháu và đúng dịp hoà thuận với con cháu ấy, cụ đã từ trần ngay tại nhà đứa con trai độc nhất là bố tôi.

Tôi rất ít được sự săn sóc của cha mẹ vì cả hai đều là công chức, đi làm suốt ngày. Tôi, mẹ tôi còn phải “gác”, chưa kể những ca để khó, “bà đốc” bị gọi bất kể giờ nào. Bố tôi thì là một tín đồ của chủ nghĩa yêu nước, yêu dân tộc... không định hướng! Ông rất coi trọng các giá trị văn hoá dân tộc, coi trọng mọi lễ nghi truyền thống. Do được học và đọc khá nhiều, ông rất hiểu cái nhục mất nước. Tuy nhiên, ông không tin bất cứ tổ chức chính trị nào. Tôi còn nhớ khi biết ông bác ruột, Tô Đình Hoè, “làm cộng sản”, viết báo Le Travail ([6]), ông đã tiên đoán: “Cộng sản là cái mà thằng Tây ghét nhất! Rồi đi Côn Lôn cho mà coi!” Quả như thế! Bác Hoè tôi bị bắt và bị đưa đi đâu không biết! Tới ngày Cách Mạng Tháng Tám, bác trở về thành người mất trí sau nhiều năm nằm cát-xô ([7]) ở các nhà lao Sơn La, Côn Đảo.

Và bố tôi, cho tới mãi sau này vẫn phàn nàn: “Chẳng có đảng nào xứng đáng để đi theo cả!” Ông là cả một khối mâu thuẫn lớn. Buổi trưa, ông mặc áo the thâm, đầu đội khăn xếp, xỉ xụp một bước tiến hai bước lùi trước bàn thờ tổ, dạy tôi cách khăn vải, thấp nhang. Buổi tối, ông mặc bộ đồ Tây do Charles Mau’s - Chu Mậu cắt, đeo cà vạt Nicky, xúc nước hoa Lanthéric đi nhảy đầm!

Ông cũng là một “nhạc công toàn diện” về nhạc cụ dân tộc. Trên tường phòng khách nhà tôi là cả một bộ sưu tập về đàn tranh, đàn nguyệt, đàn tứ, sáo, tiêu, nhị, hồ... cái nào cũng khảm sà cừ, lủng lẳng cái tua đỏ. Ông có thể ngồi rung đùi chơi tất cả mọi nhạc cụ đó. Có lẽ tôi mê nhất là cây đàn một dây mà ông chỉ gảy một tiếng rồi nấn ra không biết bao nhiêu nốt. Những lúc ấy, ngồi bên ông, tôi trở mặt ngạc nhiên rồi cười thích thú, thỉnh thoảng lại đưa tay bịt ngay dây đàn để ông nổi cáu mắng yêu: “Yên nào, để bố đánh cho mà nghe”!

Khiêu âm nhạc của tôi thực sự phát triển khi một hôm, bố tôi thuê xe kéo, chở về một máy hát quay tay cùng một đồng đĩa nhựa, to, nhỏ. Tôi chỉ mong chóng đến tối vì cơm nước xong là bố tôi thường vặn máy hát.

Ôi, cái tiếng hát qua diaphragme nheo nhéo tiếng kim sắt lúc bấy giờ, hấp dẫn tôi làm sao! Có điều bố tôi mua quá nhiều đĩa cải lương, một món hoàn toàn không hợp khẩu vị tôi tí nào. Đã thế, vở nào cũng dài năm sáu đĩa! Nào là Tội Của Ai, Xử Án Bàng Quý Phi, Huyền Châu Nữ ... với các giọng ca Năm Phi, Tư Chơi, Tư Út, Tư Anh, Năm Sang, Bảy Nhiêu... mà tôi rất ngán. Tôi chỉ mong nó chóng hết cho rồi, để bố tôi cho “ăn xen” mấy món “Đè-đơ-dà-múa” (J’ai deux amours), “Actuya” (Arthur), “Càng-tông” (Quand on est matelot)([8])... Những lúc ấy, có ai rủ đi

chơi, tôi cũng không thể rời cái máy Bê Ka (Béka) tuyệt vời đó.

Cho đến một hôm, trong một buổi tiệc từ Pháp gửi đến — bố tôi thường đặt mua theo các cuốn mẫu hàng — có một chồng đĩa hát thật to, loại 78 vòng/phút. Một thế giới âm nhạc hoàn toàn mới lạ đã mở ra trước mắt tôi. Đó là các bài hát tiếng Pháp của Rina Ketty, của Joséphine Barker, Tino Rossi ([9]), các bản độc tấu, hòa tấu của các nhạc sĩ lừng danh Schubert, Beethoven, Chopin, Liszt, Strauss ([10])... Khả năng của cái máy quay tay lúc ấy chỉ có thể đọc những đĩa 78 và tôi được làm quen ngay từ tuổi lên 5, lên 7 các tiểu phẩm ngắn hoặc trích đoạn ouverture, rhapsodie của các tác giả cổ điển mà tôi sớm thuộc lòng. Một tác phẩm lớn duy nhất thu trong hai đĩa 78 có đến gần 50cm đường kính cũng về với chuyến hàng này. Đó là bản “giao hưởng chưa hoàn thành” của Franz Schubert. Tôi chỉ thấy bố tôi đặt lên máy một lần duy nhất. Tôi giương tròn mắt lắng tai nghe, nhưng sao thấy nó dài quá, khó nghe quá và... chán quá! Thời ấy, bố tôi có lẽ cũng “nghe nói” người ta đã thu thanh Symphonie Inachevée ([11]) vào đĩa nên ông đặt luôn để tỏ ra mình trí thức hay để cố tìm hiểu một tác phẩm mà ông đã nghe nói, đã đọc đâu đó mà chưa có dịp tìm hiểu, tôi không rõ.

Tuy nhiên, điều rõ ràng là dù trân trọng nó như thế, sau khi lau chùi bằng tấm vải flanelle màu vàng, ông đã xếp nó vào tủ sách, cạnh những Horace, Les Misérables, Comédie Humaine, Polyeucte, Le Cid ([12])... để chẳng nghe thêm lần nào nữa.

Tôi cũng chẳng thích thú gì những thứ khó hiểu đó. Đỉnh cao âm nhạc của tôi lúc ấy là Rêve d'Amour của Litz, Sérénata của Toselli, Menuet của Boccherini, Sérénade của Schubert, Tristesse của Chopin ...

Tôi thuộc lòng những giai điệu tuyệt vời này ngay từ khi chưa biết chữ. Tôi bắt đầu thấy ón những “bài ta theo điệu Tây” cũng như những đĩa hát của Năm Châu, Phùng Há ([13])... Những rung động do âm nhạc tạo ra cho tôi chính là những vốn cổ nước ngoài! Còn lại, tôi chỉ mong sao bố tôi sớm chán mà xếp nó vào tủ cho đỡ khổ tai. Nhưng ông thì không. Ông vẫn say mê vốn cổ dân tộc cũng như tỏ ra thời thượng bằng những tác phẩm ngắn của các tác giả cổ điển, những bài hát đang thịnh hành ở Châu Âu.

Ông còn làm tôi ngỡ ngàng chín người với những lần mời các danh ca vọng cổ Phùng Há, Tư Chơi, Bảy Nhiêu về nhà tổ chức các buổi ca hát thính phòng, trong đó ông cũng là một cây đàn hoà tấu. Với hình ảnh nhếch nhác của các đoàn cải lương mà tôi chứng kiến từ trên gác nhà tôi (lúc ấy dọn về Khâm Thiên nhìn ngay sang rạp hát Phúc Thăng), tôi không chịu nổi chuyện bố tôi giao du với loại “xương ca vô loài”, ăn chung ở đưng, thuốc xái, cờ bạc, văng tục ngay dưới chân tôi. Mẹ tôi không bao giờ có mặt ở các buổi liên hoan văn nghệ kiểu ấy. Bà có ấn tượng về “bọn con hát” còn nặng nề hơn tôi. Bà thường nói xa nói gần: “Cần thận kéo rồi bán nhà, bán cửa, bỏ vợ, bỏ con đi theo chúng nó cho mà xem!”. Mâu thuẫn về cái “Hay” cái “Đẹp” nảy sinh ngay trong tập thể nhỏ bé là gia đình tôi để sau này ở các cuộc tranh luận về nghệ thuật tôi luôn khẳng định: “Áp đặt một cái Hay chung cho mọi người là điều không tưởng!”, “Bất cả nước chỉ được sáng tác và thưởng thức một kiểu, ăn một món, là ngu xuẩn!”

Tôi sẽ kể về những bi hài kịch “văn nghệ phục vụ công nông binh” sau này mà trong đó, tôi là một “tội phạm, đồng phạm kiêm nạn nhân” ở các chương sau...

Trở lại với gia đình tôi.

Bố tôi, dù gì đi nữa đã là người khai tâm cho tôi về thẩm mỹ. Nhưng tôi đã không tiếp thu tất cả vốn hiểu biết của ông. Ông là người mê âm nhạc, nhưng âm nhạc cổ truyền với ông là chủ yếu. Âm nhạc thế giới với ông chỉ là thời thượng (snobisme). Sau này, tôi còn tiếc mãi giá mà biết say mê tiếng đàn bầu, tìm được cái hay cái đẹp trong những điệu hò Huế, điệu lý..., học ở ông cách “kim cổ giao duyên” từ sớm thì tốt biết mấy. Tôi chỉ mê nhạc cổ điển phương Tây, những bài hát bằng tiếng Tây, dù chẳng hiểu nội dung. Những giai điệu đẹp vô cùng của nó đã rung động tâm hồn nhỏ bé của tôi tới mức tôi như mê mẩn.

Tôi vui, tôi buồn và không ít lần, tôi khóc. Khóc khi tự tay mình vẽ những câu nhạc “si, đô, rê, đô, rê, đô, rê, đô, rê”...trong bản Menuet của Beethoven trên cây mandoline. Ôi! Chỉ có hai nốt “đô, rê” nhắc đi nhắc lại rồi đổ xuống cái kết nửa “la son son fa fa la son mi rê”...đã gọi trong tôi biết bao nỗi buồn, cho tôi biết bao tưởng tượng. Một chiều mưa rả rích?...Những bước chân lê trên đường?...Một nỗi cô đơn, lạnh lùng đến vô tận?...

Sao mà âm nhạc có sức truyền cảm mãnh liệt, thần kỳ đến thế! Chẳng cần có lời! Chẳng biết nó ra đời ở đâu! Chẳng biết do ai sáng tác! Lúc ấy làm sao tôi đọc nổi tên các nhạc sĩ Đức, Pháp, Ý. Và sau này, tôi càng khẳng định: Âm nhạc chỉ có Hay và Dở. Chẳng có âm nhạc địch, âm nhạc ta, âm nhạc có lập trường, âm nhạc mất lập trường nào hết. Tất cả nhận thức đầu đời này té ra vẫn là chân lý!

Những gì tôi tiếp thu được từ tấm bé trong gia đình về âm nhạc còn phải kể đến cái tập thể nho nhỏ ở “nhà dưới”. Nó gồm anh bếp Tý, anh xe ([14]) Lạc, vú Hải, vú Hiền, vú Bích và sau này đến vú Nga thì... nông dân không còn ở

“nhà dưới” của gia đình tôi nữa! Lý do: Cách mạng đã nổ ra và kiếp đi ở chấm dứt.

Do bố mẹ tôi quanh năm ngày đi làm, tối tiệc tùng, và sau này bố tôi còn rơi vào con đường “xoa” thím cầu ([15]), mẹ tôi rời nhà thương lại vui hội tổ tôm nên mọi việc trong nhà đều do một nửa tiểu đội người ở đảm nhiệm. Chính các bà vú già, anh bếp, anh xe, vú Hiền, vú Bích (mẹ tôi cứ dè xòn xòn vì dè xong đã có người nuôi) là những người gần gũi nhất đối với anh em tôi. Nhiều người trong số họ đã để lại cho tôi những ấn tượng khó quên, tạo cho tôi những rung động đầu đời trong lãnh vực “văn nghệ bình dân”. Người tôi nhớ nhất là anh bếp Tý, chủ nhiệm “câu lạc bộ âm nhạc bình dân” mà trụ sở là cái bếp nhà tôi, rộng độ 20 mét vuông, có tường và nền lát gạch men trắng toát. Ở đây, cứ tối đến, khi bố mẹ tôi vắng nhà, cả đám người ở từ quê ra lại họp nhau trao đổi tâm tình. Tôi không thể quên những chuyện tiểu lâm “tục mà thanh” của anh bếp Tý. Nó gây cười cho cử tọa đến sặc sụa và người kể đôi khi bị mấy bà vú thương cho một cái phát nhẹ kèm theo câu: “Khi gió cái anh này!”

Anh chỉ cười, nhe đôi hàm răng vẩu và dặn tôi lúc ấy đã 6, 7 tuổi: “Đừng có kể cho ông bà nghe nhé!” Tôi phục nhất cái tài bắt chước mèo đực, mèo cái đánh tiếng gọi nhau, gặp nhau rồi gào lên như sắp phát điên. Từ cô họng anh, phát ra các tần số âm thanh, âm lượng, sắc thái, tình cảm lúc ngập ngừng, do dự, lúc mãnh liệt, sần sỏ, lúc nhẹ nhàng, êm dịu, lúc bốc lửa, dồn dập để đi tới cao trào!

Sau này, khi học nhạc chính quy, để hình dung được p, mp, sf, con agitato, con fuoco, crescendo, decrescen-do, smorzando, rit, rall, poco a poco.. tôi thường nghĩ đến bài học của anh bếp Tý! Ôi, giá mà anh biết tôi vật vả thế nào khi đánh vật với bài học âm nhạc của ông thầy dòng, thầy

Bích: “Moderato là chậm vừa? Allegreto là nhanh vừa? Allegro là nhanh? Vivace là hết sức nhanh?” Nhanh thế nào? Vừa thế nào? Có lẽ chỉ anh bếp Tý là người thực hiện mà chẳng cần học hành ba cái tiếng Ý càng dịch, càng giải thích, càng tối mù và xám xịt lý thuyết!

Trở lại với cái “câu lạc bộ bình dân” ở nhà tôi.

Chính từ đó mà tôi sớm làm quen với đủ thứ “bình dân” hay có, dở có. Từ những câu đố tục mà thanh, thanh mà tục, những truyện tiểu lâm hoàn toàn có mục đích gây cười, từ tiểu lâm đã kích đến những bài hát ví, hát chèo “người thật việc thật” (vừa hát vừa diễn), những điệu “sẩm soạn”, “hề gậy” mà anh bếp Tý vừa hát vừa dùng đũa cả gõ lách cách, leng keng vào chiếc nồi rang. Sau này, khi được chính ông Năm Ngũ, bà cả Tam ([16]) truyền dạy, các bài Sẩm soạn, Hề gậy đã “vào” tôi không mấy khó khăn vì tôi từng bắt chước anh bếp Tý hát thử, gõ thử: “Gió cát trắng lặn cái đêm đông trường...” từ thuở còn thơ rồi.

Chính những con người cụ thể, hát những điệu dân ca cụ thể đã làm tôi nhớ hơn, tác động vào tâm hồn tôi gấp nhiều lần những đĩa hát phát ra từ cái diaphragme (thời ấy máy chưa có loa) lạnh lùng. Nhưng khắc đậm nhất trong tôi mãi tới bây giờ chính là không khí giao hoà, không khí tâm đầu ý hợp, thương yêu nhau giữa những người cùng cảnh ngộ. Chính từ nơi ấy, tôi đã chứng kiến rất sớm một cuộc tình mà tôi cho là đẹp nhất, chân thật và trong sáng nhất, hợp lý nhất. Đó là cuộc tình giữa anh bếp Tý và vú Bích! Cả hai “cây văn nghệ” bình dân này đã “phải lòng nhau” ở cái câu lạc bộ nhà bếp nói trên.

Nó bắt đầu ra sao? Thế nào? Từ bao giờ?

Tôi không biết, vì chỉ biết họ “phải lòng” nhau qua một cuộc trao đổi giữa bố mẹ tôi mà tôi nghe được!

Mẹ tôi: “Phải tổng cổ cả hai đứa. Để chúng nó ở lại, có ngày ẽnh ruột ra thì mang tiếng nhà mình”.

Bố tôi: “Nhưng đã bắt được chúng nó “tra trên gái dưới” gì đâu mà đuổi chúng nó cơ chứ? Con bé (em Bích tôi) đang quần vú nó, thằng Tý thì thật khó kiếm ai thay. Nó tháo vát, khéo xoay sở, đôi món ăn, lo cho cả trên mười miệng chỉ loáng một cái là xong. Đừng làm thế, tội hử!”

Mẹ tôi: “Ai ở nhà mà biết chúng nó làm gì nhau? Làm sao tránh khỏi chứ? Mấy hôm nay con bé (em Bích tôi) bắt đầu diarrhée (ỉa chảy) rồi đó! Không thể để nó bú sữa con này được nữa đâu”.

Ngày ngày hôm sau, khi đi học trường sơ về, vừa tới cổng, tôi thấy vú Bích, tay ôm mấy bộ quần áo gói bằng một tờ nhật trình, nước mắt lưng tròng, đi ngược lại phía tôi. Vú cúi ôm lấy tôi, hôn vào hai má tôi, nói trong tiếng nức: “Cậu Hải ở lại nhé! Tôi về quê đây, bà đuổi tôi rồi!”

Tôi thấy thương vú quá nhưng chẳng biết nói gì, vội chạy vào nhà cầm một trong số 4, 5 con búp bê để trên kệ đi-văng, đuổi theo vú: “Này, của em Hải cho vú đây, vú mang về cho bé vú ở nhà quê”. Vú vội vàng gạt tay, giẫy nảy: “Ấy chết! Chớ làm thế! Bà biết được, cậu chết đòn đây”! Rồi vú lùi thúi, gạt nước mắt bước đi.

Cái bóng dáng người đàn bà nhỏ bé, chậm chạp lê bước trên hè phố, đầu cúi gằm bồng làm tôi trào nước mắt. Tôi chẳng hiểu đây là thứ xúc cảm gì? Tôi đâu biết nước mắt của vú là nước mắt của một cuộc tình tan vỡ? Hay là sự oan uổng? Là nỗi đau khổ, sợ hãi trước một tương lai mờ mịt.

Tôi thương người đàn bà nghèo, chồng bỏ đi Tân Thế Giới, gửi con mình, đi nuôi con người khác, nay bỗng chốc mất việc, nhất là, tuy vú nuôi em Bích nhưng vú yêu quý tôi, chăm sóc tôi còn hơn mẹ tôi nhiều. Hơn thế nữa, tuy còn nhỏ tuổi, nhưng tôi cũng thấy sự ra đi của vú Bích sẽ kéo theo sự giải tán cái “câu lạc bộ bình dân” mà tôi rất yêu, rất thích. Và... quả là như thế!

Anh bếp Tý nhờ bố tôi che chở, được ở lại nhưng từ ngày vú Bích ra đi, anh ít nói, ít cười hẳn. Cơm nước dọn dẹp xong là anh tắt đèn, lên chiếc chõng tre nằm nghe từng đôi thạch sùng đuối nhau trên trần mà thờ dài và thỉnh thoảng lại chồm dậy hút thuốc lào vặt. Không bao giờ cái câu lạc bộ âm cúng và vui vẻ ấy họp lại nữa. Đôi lần, tôi mon men xuống bếp đều bị anh Tý xua tay đuối lên nhà: “Ông cấm! Không được xuống đây nghe chuyện bậy nữa đâu!” Chuyện bậy? Thế mà cũng là bậy sao?

Cái “thắc mắc văn nghệ” đầu đời của tôi đã lần đầu nảy sinh. Còn chuyện anh bếp Tý và vú Bích cũng luôn làm tôi buồn và buồn mãi. Thương hại hai người, hai “vai chính” trong những đêm văn nghệ bình dân, đã mãi xa nhau, xa tôi. Thương anh bếp Tý trước vui vẻ, tiểu lâm suốt ngày, nay cứ thờ thẩn như bị mất con, mất vợ.

Một hôm, anh gọi tôi xuống bếp, kéo tôi vào lòng nói nhỏ: “Ngày mai tôi đi rồi. Tôi đã xin ông bà nghỉ việc. Phải về quê làm ruộng thôi. Cậu ở lại học hành tiến tới nhé!”

Tôi đủ thông minh để biết anh nói dối. Anh không hề biết quê anh ở đâu. Chính bố tôi đã nhiều lần nói: “Thằng Tý mồ côi cha mẹ, đi ở từ thuở lên 5, nó chẳng có quê quán, họ hàng hang hốc gì nên nuôi nó trong nhà ít lo nó bỏ trốn!”

Có nghĩa là anh không có quê, cũng chẳng bao giờ làm ruộng. Vậy anh về quê nào?

Mãi sau này, trong dịp hành quân qua một làng ở huyện Phù Dực, tỉnh Thái Bình, trời xui đất khiến thế nào tôi đã gặp lại anh, cái anh bếp Tý của 12 năm về trước! Dáng người thấp nhỏ, bộ răng vâu kê chuyện có duyên, tuy già đi, nhưng tôi vẫn nhận ra anh: Một ông chủ quán thịt cày ở ngay đầu làng. Anh cũng nhận ngay ra tôi: “Cậu Hải mờ!”. Ngạc nhiên đến cùng cực là khi anh gọi to: “Bu mày ơi! Ra mà xem này, cậu Hải đã thành bộ đội này!” Khi “bu mày” bước ra, tay bồng một em bé độ 5, 6 tháng tuổi thì tôi không khỏi ngạc nhiên đến bàng hoàng: vú Bích!

Thì ra anh bếp Tý đã theo “tiếng gọi của trái tim”, bỏ nghề nấu bếp thuê đi theo Tình Yêu. Tình yêu viết hoa hẳn hoi! Anh đã về quê vú Bích, mở cửa hàng thịt cày, vượt mọi lời đàm tiếu, lấy hẳn vú Bích làm vợ, nuôi cả đứa con riêng của vú Bích với người chồng đã bỏ xác ở Tân Thế Giới và còn sinh hạ thêm 4 đứa con, đủ cả trai lẫn gái. Tôi thực sự mừng cho anh chị — lúc này tôi gọi họ bằng anh, chị. Sau này tôi còn chứng kiến nhiều cuộc tình nhưng tôi chẳng thấy cuộc tình nào đẹp như cuộc tình của anh bếp Tý và vú Bích. Phải chăng cái câu lạc bộ bình dân và cuộc tình đẹp, chân thật, chất phác, chung thủy tuyệt vời đó đã gieo vào tâm hồn tôi những cảm xúc nghệ thuật đầu đời.

Cũng từ những nhận thức tự nhiên đó tôi đã tập tọe làm thơ rồi viết nhạc thuở 15, 16 tuổi. Bài thơ “Thôi thế là tan giấc mộng vàng, Nàng đi giữa lúc gió xuân sang...” đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy năm 1943, với bút danh Thái Bình Dương năm tôi 17 tuổi, chính là tôi cảm xúc từ mối tình của bếp Tý và vú Bích. Bài hát Có Một Nàng Thôn Nữ, 1944, là tôi nói lên tình cảm đối với những người nông dân mà tôi yêu, tôi quý. Tôi cảm ơn cái “câu lạc bộ bình dân”

ấy. Tôi cảm ơn mỗi tình ngang trái và kết thúc đẹp đẽ ấy, vì chính nó đã cho tôi những nhận thức, những tình cảm quý giá sâu sắc, không phai mờ mà chẳng một cuốn sách, một lớp học nào có thể mang lại. Những khám phá đầu tiên của Tình Yêu cũng từ đó bắt đầu. Tình yêu thật sự chân chính là không kể tuổi tác, hình thức, là phải vượt mọi trắc trở, phải chịu đựng đủ mọi điều tiêng, phải mất để có, phải vượt để chiếm, phải giữ để còn.

Anh bếp Tý của tôi có đẹp trai gì cho cam — người nhỏ thó, răng hô, mắt toét nhèm và yêu một người đàn bà đã có chồng, có con, hơn anh 3, 4 tuổi. Còn vú Bích? Cái gì đã làm cho vú sớm quên anh chồng mất tích? Cái gì đã làm vú “phải lòng” anh bếp Tý nếu không phải mê anh về cái tài, cái duyên của một cây văn nghệ bình dân?

Và họ đã thành vợ thành chồng, sinh con đẻ cái, thương yêu nhau đến lúc bạc đầu. Tôi nhận thức khá sâu sắc về tình yêu từ mỗi tình chất phác dễ thương đó và đã thể nghiệm trong cuộc đời yêu đương của bản thân. Nhưng đạt đến cái kết “có hậu” như cuộc tình bếp Tý - vú Bích quả là khó khăn, đôi khi vấp ngã đến tróc vẩy, trầy da mà chẳng tìm được tình yêu lý tưởng.

Trở lại tuổi ấu thơ, tôi cũng không thể quên cái trường “So” Saint Joseph, nơi đã tạo cho tôi một tính cách nổi loạn, phản ứng và châm biếm. Chính từ nơi này tôi đã được bố tôi công nhận là có “khiêu văn nghệ” và có khiêu “cứng đầu cứng cổ” nên ông nhét tôi vào cái trường mà ông tưởng tôi sẽ hết đường cục cựa! Nào học chữ, học nhạc, học hát, học kinh thánh giữa những con người gần như không biết cười, biết khóc...người nào cũng giống người nào ở cách ăn mặc, ở bộ mặt vô cảm, lơ đãng, đi đứng khoan thai, nói năng nhỏ nhẹ, khác hẳn với tôi, một đứa bé ăn to, nói lớn, luôn thích chơi trội, khác người.

Tôi còn nhớ như in cái cổng trường to tướng, xây kiểu gô-tích, được xích lại bằng một ống khoá to bằng nắm tay, suốt ngày đóng im ỉm. Học trò vào trường bằng một cổng hẹp bên hông, chỉ mở vào những giờ vào học và tan lớp. Đường dẫn vào các lớp vừa đủ đi không quá hai người, xây bằng xi-măng uốn cong một cách có ý đồ.

Đã qua đây thì phải đi chậm, đầu phải cúi và phải đi chính giữa đường! Bước sang bên phải hay bên trái là mất thăng bằng, ngã bở nghiêng vào hai bụi dâm bụt cao quá đầu lũ con nít chúng tôi ngay! Đằng sau hai bức tường lá dày đặc đó là cái gì thì bọn trẻ chúng tôi đều biết và sợ phát run mỗi khi có người ở cái thế giới bị cách ly đó được đưa lên lớp học để dọa học trò nào mắc lỗi! Đó là những người mù, người câm, người dị dạng, quái thai mà nhà thờ nuôi “làm phúc”. Họ chỉ có một nhiệm vụ là làm vườn, kể cả người què cụt, để đổi lấy hai bữa ăn.

Con đường vào lớp đó là con “đường một chiều” đầu tiên tôi bắt buộc phải đi, khi bước vào tuổi tiền học đường (préscolaire) lúc đó chưa gọi là mẫu giáo. Chỉ có “trở lên” chứ không có “trở xuống” vì sẽ vướng cẳng người khác. Tan lớp thì về bằng một con đường y hệt nhưng ở bên kia dãy nhà bố trí thành hàng loạt lớp học giống những căn hộ có số để khỏi vào nhầm mà tôi thấy lại sau này khi có những căn hộ xây dựng theo kiểu Bắc Triều Tiên! Nghĩa là giống nhau và tiết kiệm đến mức như thách thức mọi kiến trúc sư phải thất nghiệp! Ở đây, lũ con nít chúng tôi ngày nào cũng phải quì trên ghé băng cầu kính bằng tiếng Latinh và học những bài thánh ca mà chẳng hiểu “Bo-nê vô-lun-ta-tít Pác-xi-om-ni-bút” là cái quái gì.

Do to con nhất nên được xếp ngồi băng ghé sau cùng, tôi thường lẳng lặng đưa một chân xuống đất, đọc kinh trong

tư thế chân đứng chân quỳ nên đầu gối không bị chai như các bạn. Còn việc học chữ của đức cha A-lếch-xăng đờ Rốt ([17]) thì cả năm chỉ ngồi ngoẹo cổ, vẹo sườn, tô mực lên các chữ a, b, c mà các sơ đã viết sẵn bằng bút chì. Điều này giải thích tại sao học trò bắt đầu đi học từ trường sơ, chữ viết đều như gà bới! Tuy nhiên phải ghi nhận một điều: chính từ cái trường này, qua những buổi hát hợp ca dưới bàn tay chỉ huy của sơ Thanh và cây đàn harmonium do sơ Trúc ấn lên những hợp âm tuyệt vời, khái niệm đầu tiên về hoà thanh đã hình thành trong tôi. Nghe âm nhạc mà không có bè đệm, hát mà chỉ có một bè đối với tôi, ngay từ thuở ấy, chẳng khác mặc quần không dải rút! Riêng tôi, dù các sơ chẳng ưa gì thằng “con nhà Judas ([18]) ngỗ nghịch” nhưng vẫn phải xử dụng tôi vào chân đơn ca, lĩnh xướng...rồi bè trưởng trong mọi hoạt động ca hát trong cũng như ngoài nhà trường.

Tôi trở thành kẻ tự mãn, tự kiêu ngay từ tuổi lên 6! Tôi được gọi là “con sơn ca” của trường, được thầy (frère) Quảng và cha (père) Rangel đặc biệt chú ý và cho vào nhà thờ bồi dưỡng thêm về âm nhạc. Nhưng lạ thay, tôi học không vào. Âm nhạc quái gì mà cứ: “Một tròn thì bằng hai trắng, một trắng thì bằng hai đen, một đen thì bằng hai móc”. “Bằng” là thế nào cơ chứ? Học hết cả quyển Marmontel mà tôi chẳng thấy tôi hát hay thêm, hiểu thêm cái hay, cái đẹp của các đĩa hát của Brahms, của Beethoven mà bố tôi ngày càng có thêm nhưng chỉ để “kính nhi viễn trí”! Thế đó! Sự coi thường mọi quy tắc, bản chất luôn muốn “bung ra”, luôn muốn khác người, đã sớm hình thành trong tôi, làm cho cuộc đời luôn luôn bị vấp ngã, bị nhồi lên dập xuống mãi đến hôm nay, và có lẽ, còn bị đánh giá chẳng mấy hay ho gì cho đến khi đã trở thành tro bụi.

Những năm sau này, khi đã...“dở ông dở thằng”, có dịp về thăm những nơi tôi bắt đầu thành người, nhớ tới các kỷ

niệm tuổi ấu thơ, tôi không thể cầm được nước mắt. Cảnh xưa, cái còn cái mất. Người cũ thì chẳng còn ai. Bố tôi đã mất. Mẹ tôi và 6 đứa em đã đi theo ông Thiệu ra nước ngoài. Các người thân thuở nhỏ như vú già, anh bếp, anh xe, vú Hiền, vú Bích, vú Nga... chắc cũng ra người thiên cổ, vì “cậu Hải” đã thất thập cổ lai hy rồi.

Sở dĩ tôi hay buồn và có thể khóc khi nghĩ tới những ngày xa xưa đầy kỷ niệm đó vì tôi đã sống đơn độc, bơ vơ giữa đường đời suốt bao năm tháng, không họ hàng thân thuộc, không một lần có ý định “trở về mái nhà xưa”. Tôi cam chịu nhận một vai “kịch” phụ, rất phụ trong suốt vở bi kịch dài của đất nước.

Viết về những kỷ niệm tuổi ấu thơ, tôi còn có thể kể nhiều, rất nhiều, vì tất cả đều được ghi trong trí nhớ, khi tái hiện chúng còn đậm nét, còn gây xúc động cho tôi hơn bất kỳ kỷ niệm nào suốt gần nửa thế kỷ “phiêu lưu trên đường cách mạng”. Có người cho rằng do nó là những hình ảnh in ban đầu lên vỏ đại não một con người. Tôi thì cho là vì nó không bao giờ lặp lại, thậm chí giống giống nhau như khi con người đã trưởng thành, đã quá chai lì với kỷ niệm, nhất là với con người Việt Nam, trải 35 năm khói lửa, huynh đệ tương tàn, quá nhiều chia ly, mất mát, quá nhiều trận chiến, quá nhiều tên núi, tên làng, tên sông để mà nhớ chính xác. Tôi chỉ kể lại những gì chủ yếu đã tác động đến bản năng và trí tuệ của tôi, một kẻ “cái gì cũng biết mà chẳng biết cái gì”, một kẻ cứ tưởng mình thông minh hơn người nhưng nay bị người đời cho là “ngu xuẩn nhất nước”. Chẳng ngu sao mà đến hôm nay, có đủ thứ văn bằng, kể cả hai bằng quân sự, một bằng tú tài Tây, một bằng tốt nghiệp Anh Văn ngoài giờ, một giấy chứng nhận tốt nghiệp sáng tác âm nhạc trình độ “trương đương đại học” loại ưu và một lô huân chương, huy chương, bằng khen chẳng giúp cho tôi

kiếm nổi một mái nhà, vẫn đi ở thuê dài dài, vẫn đi cái xe
lọc cọc.

Thời gian trôi nhanh hơn sức viết của tôi quá nhiều.

Cái chết! Tao phải chạy đua với mày để hoàn thành bản “tự
thứ” này, để con cháu tao, bạn bè tao biết được tao đã sống
đẹp hay sống... hèn ra sao?

Chú thích:

- ([1]) Đàn kèn tây (mú-sích do tiếng Pháp musique = nhạc.)
- ([2]) Bảo Đại (1913-1997), vua thứ 13 và cuối cùng của triều
Nguyễn,
- ([3]) Đinh Ngọc Liên (1912-1991) nhạc trưởng dàn quân nhạc
QĐNDVN sau này. Trước 1945, ông thuộc đội kèn lính khổ
xanh tại Toà Thống Sứ Bắc Kỳ (thành lập năm 1924, do Camille
Parmentier chỉ huy), còn được gọi với tên Quân Liên.
- ([4]) Khiếu thẩm mỹ tốt (bon goût, tiếng Pháp).
- ([5]) Sở Bưu chính.
- ([6]) Lao Động (tiếng Pháp).
- ([7]) Cachot, xà lim biệt giam (tiếng Pháp).
- ([8]) Tôi có hai mối tình, Khi tụi ta là thủy thủ (tiếng Pháp)
- ([9]) Các danh ca Pháp đầu thế kỷ XX.
- ([10]) Các nhạc sĩ tài danh trên thế giới.
- ([11]) Bản giao hưởng dở dang (tiếng Pháp).
- ([12]) Những tác phẩm kinh điển của văn học Pháp với các tác
giả nổi tiếng Hugo, Balzac, Corneille...
- ([13]) Hai nghệ sĩ cải lương danh tiếng thời ấy.
- ([14]) Cách gọi người làm việc kéo xe tay trong gia đình.
- ([15]) Một lối chơi mặt chược.
- ([16]) Hai nghệ nhân nổi tiếng còn sót lại của âm nhạc dân gian
cổ truyền ở miền Bắc vào những năm 60-70 của thế kỷ 20.
- ([17]) Alexandre de Rhodes (A-Lịch-Son Đắc-Lộ) 1591-1660, tu
sĩ dòng Tên người Pháp, trong phái bộ truyền giáo đến Việt Nam
thế kỷ 16, người được coi là có công đầu trong việc tạo ra chữ
Việt hiện nay.

([18]) Judas, tên của tông đồ phản bội Chúa Giê-su, theo Kinh Thánh.

Đôi điều phi lộ viết ... sau cùng

Tập “Hồi ký” này tôi đã viết xong từ năm 2000, nhưng do... hèn, tôi đã không dám cho nó ra mắt bạn đọc. Vâng, do... hèn, chứ chẳng phải do cái gì khác, tôi đã giấu nó đi, lại còn cẩn thận ghi thêm một dòng ở ngoài bìa **“Để xuất bản vào năm 2010”**.

Như một lời di chúc dặn vợ con, khi tôi đã... chết!

Tới năm 2003, mang bản thảo ra đọc lại, thấy ngòi bút của mình sao vẫn còn rụt rè, vẫn còn lấp lửng. Mới biết mình vẫn còn chưa hết sợ sức mạnh tàn bạo của nền “chuyên chính vô sản” mà mình từng ném trái. Nhất là sợ rồi đây vợ con mình sẽ phải chịu đựng những đòn thù bản thiêu của bầy dã thú đội lột người, nếu chẳng may những gì mình viết ra rơi vào tay chúng.

Tôi thấy mình cần phải sửa lại cuốn sách - từ cách viết, từ cái nhìn chưa đủ tinh tường về những sự kiện lịch sử - và viết thêm về những con người cần được nhắc tới, mỗi người là một mảnh gương nhỏ, nhưng gộp lại người đọc có thể thấy hình ảnh một thời đại.

Và viết thêm một chương “TÔI ĐÃ HẾT HÈN”!

Nhưng đã đến chưa, cái thời cơ có thể đưa cuốn sách mà tôi ấp ủ bấy lâu ra trình diện người đọc? Vẫn còn chưa phải lúc chẳng? Ngẫm ra, tuy viết là “Tôi đã hết hèn”, nhưng trong thực tế cái hèn vẫn còn đó, nó vẫn bám chằng chằng, như một bộ phận của cơ thể, cái sự mình khẳng định với mình rằng đã hết hèn mới chỉ là sự mạnh dạn với bản thân khi cầm bút mà thôi!

Còn đấu tranh trực diện với cái sức mạnh tăm tối đang cai trị đất nước, kìm hãm sự phát triển của cả một dân tộc là chuyện khác, không phải là điều ai cũng dám làm!

Đặc biệt, ba bốn năm gần đây tôi may mắn có điều kiện làm quen với Internet, nhờ đó mà được tiếp cận với rất nhiều người mà tôi vô cùng cảm phục. Dù đang sống ở trong nước, họ không hề sợ hãi trước đàn áp, ngục tù.

Đó là những Hoàng Minh Chính (1), Trần Độ (2), Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, những Hoàng Tiến, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Thanh Giang, Vũ Cao Quận (3)... Đó là những nhà sư, những linh mục thà chết không chịu đứng chung hàng với lũ tu sĩ “quốc doanh”, và nhiều, rất nhiều người khác nữa!

Cũng không thể không nói đến ảnh hưởng của hàng chục website cổ võ dân chủ trên khắp thế giới, cũng như những gì bạn bè tôi, đồng đội, “đồng chí” cũ của tôi như Bùi Tín, Vũ Thư Hiên đã phải bỏ nước, bỏ cả vợ con ra đi để được viết lên Sự Thật, mở mắt cho bao người còn đang sống hèn như tôi. Không có những cái đó thì nhân dân còn tiếp tục bị lừa dối bởi lũ bồi bút cho đến nay vẫn ra rả ca tụng một chủ nghĩa đã lỗi thời với cả nhân loại.

Tôi cũng mong sao mỗi người trong các văn nghệ sĩ sắp già từ cõi đời nhầy nhụa này hãy để lại một “bản di chúc” nói lên Sự Thật, dù chỉ là 1/1000 Sự Thật, để tạ tội với đồng bào, về những gì mình đã vì miếng cơm manh áo, vì yếu hèn mà phải cúi đầu làm thân trâu ngựa. Được như *Ba Người Khác* của Tô Hoài (4) cũng đã là tốt, làm được thế thì người viết cũng có thể được nhân dân “xả tội” cho phần nào.

Người đọc đang chờ xem “di cáo” của một Chế Lan Viên (5), một Nguyễn Đình Thi (6) — hai nhân vật đứng đầu

bây nô lệ cầm bút. Đáng ngạc nhiên là theo Nguyễn Đình Chính (con trai Nguyễn Đình Thi) thì cuốn hồi ký của Nguyễn Đình Thi sẽ chỉ được phép công bố vào năm... 2014?!

Sao lại lâu đến thế? Nguyễn Đình Chính vẫn còn sợ, còn tính toán thiệt hơn, còn bắt linh hồn người cha ở thế giới bên kia tiếp tục đóng kịch mãi sao? Hay là chính tác giả cuốn hồi ký doạ sẽ in năm 2014 vẫn còn chưa tin là chủ nghĩa cộng sản đã đến ngày tuyệt diệt?

Tôi sẽ phải đưa vào chương sẽ viết những nhận thức mới, tình cảm mới, những sự kiện bổ sung dưới ánh sáng mới, một chương gần như tóm tắt tất cả những gì tôi đã viết vào lúc chưa có được sự tiếp xúc và tiếp sức của phong trào đòi tự do, dân chủ, đòi quyền con người đang ào ào dâng lên mỗi giờ, mỗi ngày trong cái xã hội độc tài đảng trị đáng nguyên rủa.

Viết xong chương bổ sung cần thiết, tôi sẽ công bố cuốn hồi ký của đời mình trên mạng Internet toàn cầu để mọi người nếu đã biết rồi sẽ biết thêm về mặt trái với những góc khuất của một xã hội tôi tệ được sơn son thếp vàng bởi một lũ bồi bút hèn hạ, trong đó, than ôi, có cả bàn tay của kẻ viết những dòng này.

Tại sao lại phải công bố trên Internet?

Bởi vì không thể trông chờ sự xuất hiện của một nhà xuất bản tư nhân nhờ “on trên” nào đó sẽ ra đời trong một cuộc đổi mới giả hiệu, và tập hồi ký này sẽ được in. Trong cái quái thai “kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, nhưng vẫn độc tài với tự do tư tưởng, với nhân quyền tối thiểu, chuyện đó quyết không thể xảy ra.

Thật tình, tôi những ước mong lời nhắn gửi của tôi sẽ đến tay đồng bào, bè bạn, đồng đội, “đồng chí” cũ của tôi, những thế hệ sau tôi, kể cả “kẻ thù” của tôi nữa, trong dạng một cuốn sách bằng giấy trắng mực đen hơn là một cuốn sách trên màn hình máy tính. Mạng thông tin toàn cầu cho tới nay vẫn còn là một cái gì xa lạ với tuyệt đại đa số dân chúng Việt Nam, kể cả nhiều người gọi là có học nhưng đã về già, không còn sức để đọc mấy trăm trang trên computer!

Cuối cùng, xin người đọc, nhất là các bậc thức giả, hãy lượng thứ cho những thiếu sót, những nhầm lẫn ở chỗ này chỗ khác về tên tuổi, địa danh, ngày, tháng... mà một cây bút “trẻ” ở tuổi 80, tài vốn hèn, sức đã kiệt, có thể mắc phải.

Sài Gòn ngày 1 tháng 5 năm 2007

[1] Hoàng Minh Chính, tên thật Trần Ngọc Nghiêm (1920-2008), từng giữ các chức vụ Phó chủ nhiệm Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, Viện trưởng Viện Triết học Mác-Lênin. Bị khai trừ khỏi ĐCS năm 1968 trong vụ “Nhóm "xét lại chống đảng". Những chú thích cần thiết để bạn đọc hiểu thêm về nhân vật được nhắc đến là của nhà xuất bản.

[2] Trần Độ (1923-2002), nhà văn, trung tướng, từng giữ các chức vụ phó chủ tịch Quốc Hội VNDCCH, trưởng ban Văn hoá Văn nghệ ĐCSVN kiêm thứ trưởng Bộ Văn Hóa. Về cuối đời, bị khai trừ khỏi ĐCS vì đấu tranh cho dân chủ hoá đất nước.

[3] Những người trong nước đấu tranh cho dân chủ được biết đến nhiều.

[4] Tô Hoài (1920), nhà văn nổi tiếng với những tác phẩm *Đế Mèn Phiêu Lưu Ký, O Chuột, Truyện Tây Bắc...*

[5] Chế Lan Viên (1920-1989), tên thật Phạm Ngọc Hoan, nhà thơ nổi tiếng với những tập thơ *Điều Tàn, Ánh Sáng và Phù Sa...*

[6] Nguyễn Đình Thi (1924-2003), một nghệ sĩ đa tài, nhà văn nhà thơ, nhà nghiên cứu, nhạc sĩ sáng tác, có nhiều tác phẩm trong mọi lĩnh vực.

Trích nhạc:

Nụ Cười Sơn-Cước

Nhạc và lời: TÔ-HẢI

Tôi nhớ mãi một chiều xuân chia phôi, mây mờ buông xuống núi đồi và trong lòng mờ hơn ở ngoài trời. Có cây hoa lá, thương nhớ mãi người đi và dâng sầu lên mi mắt người về. Tôi thấy đóa chim khua màu trắng trắng, một chiếc trong rừng xanh hình sợi tơ rơi xuống quả anh. Nắng ơi! là đi rồi ta lòng đợi nắng vàng giờ đang giờ lòng trong tiếng của mây hồng loan rừng đời đời không tàn với khói sương lòng mãi.

Copyright by • Nhạc Án...
Nhạc Hồng - Sài • 1952

TÁC GIẢ
GỢI KỊCH: NGUYỄN

Nụ cười sơn cước

*Tôi nhớ mãi một chiều xuân chia phôi,
mây mờ buông xuống núi đồi
và trong lòng mờ hơn ở ngoài trời.
Có cây hoa lá, thương nhớ mãi người đi
và dâng sầu lên mi mắt người về.*

*Thơ thần đàn chim ngừng tiếng hót,
mưa Xuân đây tươi luống u sầu,
buồn cho dòng nước mờ xóa bóng chim uyên
mà gió chiều còn khóc thương mãi
mối tình còn vấn vương.*

*Ai về sau dãy núi Kim Bôi,
nhấn rằng tim tôi chưa phai mờ,
hình dung một chiếc thắt lưng xanh,
một chiếc khăn màu trắng trắng,
một chiếc vòng sáng lóng lánh,
vời nụ cười nàng quá xinh.*

*Nàng ơi, tôi đã rút tơ lòng,
dệt mấy cung yêu thương
gởi lòng trong trắng,
của mây bông hoa rừng
đời đời không tàn với khúc nhạc lòng tôi*

-0-

Trong bài *Đâu chỉ có một người hèn*, Hoàng Long Hải đã viết:

Ông là người có tâm hồn nghệ sĩ, ông cũng là một nghệ sĩ chân chính khi ông viết bài “Nụ Cười Sơn Cước”, còn lại, dù ông hay bất cứ ai, dù có tài cao hay thấp, tất cả đều tàn lụi trong những năm tháng còn lại sống dưới chế độ Cộng Sản. Văn Cao, người cùng đi kháng chiến với Phạm Duy, hai người cùng tranh soạn mỗi người một bài ca trên con đường đi công tác ở Lạng Sơn. Phạm Duy thì soạn “Rừng Lạng Sơn”, Văn Cao thì soạn “Bắc Sơn”. Thế rồi cuộc đời Văn Cao tàn lụi trong chế độ. Phạm Duy may mắn thoát được nên thiên tài của ông được thăng hoa.

Trong chế độ Cộng Sản, ai muốn sống còn đều phải chịu

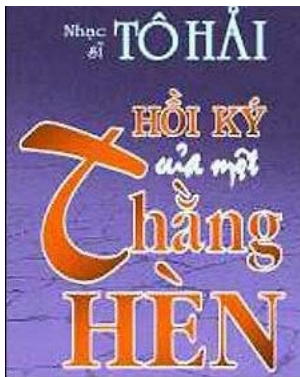
cúi đầu khuất phục, không những khuất phục chế độ mà còn phải khuất phục cúi đầu trước lãnh đạo, ngọt ngào gọi bằng “Anh” và hèn hạ xưng bằng “em” như Tô Hải ghi lại nhan nhãn trong hồi ký của ông. Ông đã làm như thế và ông tự thấy mình là một thằng hèn.

Tuy nhiên, trong chế độ đó, đâu chỉ có một mình Tô Hải hèn. Còn có bao nhiêu “thằng hèn” khác nữa mà họ tự che dấu mặt mình, nói ra sợ xấu hổ, không đủ can đảm để tự thấy cái hèn của mình, nói ra cái hèn của mình. Cái hèn ấy không phải chỉ của một người (tôi) mà nhiều người (chúng tôi, chúng ta). Ở Saigon, sau 1975, Nguyễn Tuân nói một câu mà người Saigon truyền miệng nhau không ít: “Sở dĩ chúng ta sống được tới bây giờ là vì chúng ta biết hèn.”

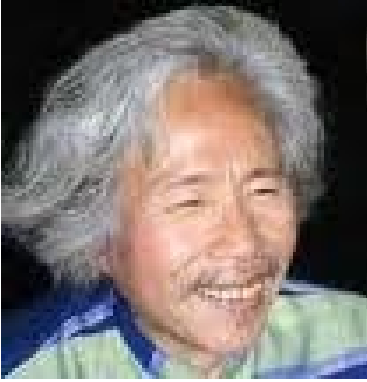
Biết hèn để mà sống. Biến mọi người chân chính, trung thực, cao thượng thành những thằng hèn là chính sách của đảng và nhà nước Cộng Sản. Tô Hải không thể quay ngược guồng máy kèm kẹp của đảng, sẽ bị nó nghiền nát tức thì.

Tài liệu tham khảo:

- Tô Hải Web: vi.wikipedia.org
- Hồi ký của một thằng hèn Web: tusach.mobi



11. Bùi Minh Quốc



Bùi Minh Quốc (1940-20--)

Bùi Minh Quốc sinh ngày 3 tháng 10 năm 1940, ở Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây.

Bùi Minh Quốc học cấp ba Chu Văn An, rồi vào Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Ngay từ khi còn là học sinh trung học, ông đã sớm nổi tiếng ở miền Bắc với bài thơ *Lên miền Tây*. Bài thơ này đã được phổ biến rộng rãi và đưa vào chương trình giáo khoa phổ thông thời bấy giờ. Ông còn có bút danh là Dương Hương Ly.

Năm 1961, nhà thơ Bùi Minh Quốc và nhà văn - nhà báo Dương Thị Xuân Quý quen nhau rồi yêu nhau. Năm 1966, hai người cưới nhau.

Năm 1967, nhà thơ Bùi Minh Quốc xung phong vào chiến trường miền Nam, công tác tại Ban Văn nghệ Khu V, nổi tiếng với tập thơ *Mảnh đất nuôi ta thành dũng sĩ* với bút

đanh Dương Hương Ly. Khi đó con của ông và bà Xuân Quý mới 6 tháng tuổi.

Một năm sau, 1968, nhà văn Dương Thị Xuân Quý cũng lên đường vào chiến trường miền Nam. Bà gửi lại con gái đầu lòng và cũng là duy nhất là Bùi Dương Hương Ly cho thân mẫu là bà Hoàng Thị Tín trông nom. Hai vợ chồng Bùi Minh Quốc công tác cùng cơ quan (một tờ báo tuyên truyền được đặt ở trên núi), họ gom góp lại một số bài thơ và truyện ngắn của mình đã được đăng rải rác trên các báo hay các tuyển tập, đem in thành một tuyển tập riêng của hai người, và đặt tên là *Chỗ Đứng*.

Chỗ Đứng được Nhà xuất bản Hội Nhà Văn in năm 1968, nhưng khi sách in xong, gửi vào trong chiến trường miền Nam thì Xuân Quý đã hy sinh.

Sau năm 1975, Bùi Minh Quốc ở Đà Nẵng, làm Phó Chủ tịch hội Văn Nghệ tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng, Tổng biên tập Tạp chí *Đất Quảng*. Mùa thu năm 1985 ông vào thăm Đà Lạt, được đưa lên gặp Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng, và được ông này đề nghị về giúp lập Hội Văn Nghệ Lâm Đồng - Đà Lạt. Trong kỳ đại hội thành lập hội Văn Nghệ, ông được bầu vào chức vụ Chủ tịch.

Tại Đà Lạt, ông cùng đồng nghiệp thành lập tờ báo *Lang Biang*, lấy tên theo một câu chuyện thần thoại của vùng này.

Bùi Minh Quốc đã nhiều lần đi tìm mộ liệt sĩ Dương Thị Xuân Quý vào các năm 1983, 1995, 2000, nhưng mãi đến chiều ngày 3 tháng 8 năm 2006, 37 năm sau ngày bà hy sinh, ông mới tìm được mộ vợ mình. Nơi đó chỉ cách bia tưởng niệm Dương Thị Xuân Quý do chính ông dựng vào năm 1996 có 30m.

Năm 2007, sau khi Trung Quốc phê chuẩn việc thành lập thành phố Tam Sa nhằm trực tiếp quản lý các quần đảo trên biển Đông, trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, Bùi Minh Quốc và một số trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam đã lên tiếng phản đối. Ông nói Trung Quốc đã "chà đạp lẽ phải" trong vụ tranh chấp Hoàng Sa, Trường Sa.

Tác phẩm:

- *Chỗ đứng* (tập thơ chung với Dương Thị Xuân Quý, Hội nhà văn, 1968)
- *Mảnh đất nuôi ta thành dũng sĩ* (1971)
- *Đôi mắt nhìn tôi* (1984)
- *Hồi đó ở Sa Kỳ* (1984)
- *Thơ tình Bùi Minh Quốc* (1993)

Trích văn:

Thơ rất thiêng

Không biết đã có nhà nghiên cứu nào mò mẫm vào cái phạm trù đặc biệt này : tính thiêng của thơ ?

Phần tôi, bằng sự trải nghiệm của hơn năm mươi năm cầm bút, với tất cả sự dè dặt, chỉ xin giải bày đôi chút cảm và nghĩ.

Cảm và nghĩ này bắt đầu vụt loé trong tôi vào năm 1992, khi đọc *Chân dung nhà văn* của Xuân Sách. Trước kia chỉ nghe truyền miệng, các “Chân dung” cứ trượt đi trong cái bầu khí bỗ bã cười đùa tếu táo, có bài nghe xong tôi còn thâm trách ông Sách ác khẩu. Giờ thì đọc đến đâu giật mình đến đấy. Và ngộ ra : thơ thiêng lắm ! Năm ấy tôi ghi lại, bằng thơ, cảm nghĩ của mình :

*Thơ thiêng lẫm người ơi
Phản thơ thì phải chết
Chẳng ai giết mình mà mình tự giết*

Cuộc *tự giết* ấy đã được nhà thơ Chế Lan Viên tự thổ lộ vào lúc gần cuối đời (1988) trong bài *Trừ đi* :

Cái cần đưa vào thơ, tôi đã giết rồi

Quái lạ, sao vậy nhỉ ?

Tôi (tức Chế Lan Viên) là người làm thơ, một thần đồng thơ từ 16 tuổi, một (trong không nhiều) thi sĩ hàng đầu của đất nước, mà sao *tôi* lại giết thơ ?

Vì tôi không còn là tôi nữa.

Cần phải hỏi tiếp : Vậy chớ vì sao tôi không còn là tôi nữa?

Tại vì...

Tại vì...

Có cả lăm mấy thì cũng phải tự nhận 2 cái ‘tại vì’ này :

Tại vì có một sức mạnh ở bên ngoài tôi đã tàn bạo đang tay vo tròn bóp méo tôi.

Tại vì ở ngay trong tôi có một sức mạnh ma quỷ nào đó chỉ riêng tôi biết xui khiến tôi phải tự vo tròn bóp méo mình.

Các nhà triết học gọi đó là trạng thái tha hóa của con người, là đánh mất bản ngã, đánh mất cái tôi. Cũng có người gọi là bán linh hồn cho quỷ dữ.

Năm 1960, sau một thời gian dài không xuất hiện, Chế Lan Viên bỗng tái xuất với tập thơ *Ánh sáng và phù sa* được giới phê bình nêu bật như ngôi sao trên văn đàn miền Bắc trong tư thế một nhà thơ tiên chiến nhờ đi theo Đảng đã vươn tới góp phần quan trọng làm nên thành tựu thơ cho nền văn học cách mạng. Giữa bản hợp xướng tôn vinh ồn ã, nghe truyền miệng lạc dòng một giọng thơ thì thầm khép nép nhưng rất lạ và... “láo” - *thơ chân dung*, của một anh lính nào đó có tên là Xuân Sách vừa từ dưới đơn vị chuyển về tạp chí Văn nghệ Quân đội. Một câu thơ tâm ngậm tâm ngậm truyền lan như điện giật : *Lựa ánh sáng trên đầu mà thay đổi sắc phù sa*. Thế thôi, chỉ vậy bút chằm phá sơ sơ thế thôi, đã thấy hiện ra mồn một cái bản lai diện mục ẩn kín của nhân vật đang rất “hoành tráng” bề ngoài. Ghê thật. Cái thủ pháp vẽ chân dung kiểu này quả là độc chiêu có lẽ ông trời phú riêng cho Xuân Sách. Bài thơ chân dung không nói là vẽ ai, nhưng mọi người nghe qua đã biết liền đây là Chế Lan Viên, nhờ ngón lẩy chữ tài tình: *ánh sáng, phù sa*.

Lựa ánh sáng trên đầu mà thay đổi sắc phù sa.

Thế đấy, khi đã lựa ánh sáng trên đầu mà thay đổi sắc phù sa thì cũng là bắt đầu tự giết rồi. Đây là dùng thơ để đổi lấy cái gì đó ngoài thơ, phản thơ chứ gì nữa. Quá trình tự giết từ đây tự vận hành bên trong con người mình, không cưỡng nổi bởi lực đẩy của những tham vọng ngoài thơ, phản thơ. Cứ thế, âm thầm, một mình mình biết. Và định ninh rằng chỉ một mình mình biết. Nhưng mà không, nhằm to. Có người khác biết. Người đó là Xuân Sách. Thế cho nên đến lúc có người đọc cho Chế Lan Viên nghe bài thơ chân dung Xuân Sách về mình, Chế Lan Viên chỉ cười cười lặng lẽ, lảng lảng, không cãi, và những lần hội họp này khác có gặp Xuân Sách thì vẫn bắt tay bình thường, sự thể ấy cũng chính Xuân Sách đã kể với tôi.

Chế Lan Viên không cãi.

Nhưng Tố Hữu thì cãi.

Ông bảo, Xuân Sách viết *máu ở chiến trường hoa ở đây* là Xuân Sách phịa (Lời cãi này đã in trong một bài tường thuật đăng trên báo *Văn Nghệ*).

Nhưng dù cô cãi thế nào thì Tố Hữu cũng không thể gạt ra khỏi đời thơ của mình mấy câu thơ này :

*Yêu biết mấy nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Xta-lin*

Theo nhận xét của riêng tôi, đây là những câu thơ vong bản nhất, cổ kim chưa từng có, trong thơ Việt.

Hãy cứ tạm tin rằng khi đặt bút viết những câu thơ vừa dẫn trên, Tố Hữu chưa có thông tin gì về tội ác trời không dung đất không tha của Xta-lin đối với nhân dân Liên Xô, trí thức Liên Xô, và trước hết là đối với những đồng chí cộng sản thân thiết từng kề vai sát cánh cùng ông ta từ thuở nằm gai nếm mật, mặc dù các thông tin đó đã công bố không ít trên sách báo phương Tây. Và cũng tạm tin rằng tấm lòng kính yêu sùng bái của Tố Hữu đối với Xta-lin là thành thực. Nhưng dám vẽ ra cái cảnh con mình, một đứa bé Việt Nam cất tiếng đầu lòng không gọi “Mẹ” mà gọi “Xta-lin” thì thật là một sự bịa đặt gượng ép lộ bịch quá quắt, đến nỗi tôi phải nghĩ rằng đó là của ai khác viết ra chứ không phải của tác giả *Nhớ đồng* (tên một bài thơ của Tố Hữu mà tôi rất mê trong tập *Từ ấy* với những câu như *Gì sâu bằng những trưa thương nhớ/Xao động bên trong một tiếng hò*). Đầu rồi chàng trai yêu nước yêu dân yêu tự do trong *Từ ấy* ? Theo đà chín chắn hơn của tuổi tác, chất vong bản không nhạt đi mà vẫn y nguyên thế, nếu không nói là đậm

hơn trong lời lẽ bóng bẩy hơn : *Mao Trạch Đông/Bóng Người cao lồng lộng/Ám hơn một ngọn cờ hồng* (Tố Hữu – Đường sang nước bạn). Lời tụng ca cất lên vào lúc tuy chưa có cách mạng văn hóa vô sản nhưng đã có cái cách ruộng đất và đại nhảy vọt mà Tố Hữu quá biết đã gây tai họa như thế nào. Ở đây, rung động thơ không còn thuần khiết cái trình bạch của tâm hồn cá thể trữ tình nữa mà đã có sự chi phối của ý thức hệ giai cấp (Thảm trạng ý thức hệ giai cấp lẩn lút và thôn tính ý thức hệ dân tộc diễn ra trong tâm thức đại đa số đảng viên, nhất là đảng viên trung cao cấp, đã đưa Đảng và toàn dân tộc sa vào một bi kịch khủng khiếp dai dẳng như thế nào và hiện vẫn còn là một vấn nạn lớn đã được một số nhà nghiên cứu có tư duy độc lập phân tích phê phán khá kỹ, xin tìm đọc Đào Phan, Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Lê Hồng Hà...).

Những câu thơ nêu trên là cái dấu mốc cho thấy Tố Hữu đã tự vo tròn bóp méo mình, đánh mất mình, đã phản thơ.

Lô-gích tất yếu của sự phản bội : Tố Hữu, một thi sĩ cách mạng hàng đầu, trở thành đao phủ thủ hàng đầu hạ độc thủ các đồng nghiệp *Nhân văn*.

Người yêu người sống để yêu nhau – Tố Hữu viết thế, có thật lòng không ? Trong cái “yêu” ấy, có chỗ nào của cái “yêu” mà Tố Hữu đã ban cho anh em Nhân văn ? Phùng Quán cũng “yêu” - *Yêu ai cứ bảo là yêu/ghét ai cứ bảo là ghét*. Cũng một chữ yêu, ở hai nhà thơ cách mạng, một người nằm dưới lưỡi dao hành quyết của người kia, thì ai nói thật lòng ? Chắc chắn chỉ là Phùng Quán - *dù ai cầm giao đọat giết/cũng không nói ghét thành yêu* - điều đó đã được định luận bằng cả cuộc đời *nhất quán tận can trường* của ông.

Cái ghế quan trường giết chết thơ – Xuân Sách viết thế, trong bài vẽ chân dung Chính Hữu. Nhưng đâu phải chỉ Chính Hữu. Nhìn kỹ lại, từ Tố Hữu đến các văn nghệ sĩ dưới quyền ông trong hệ thống phẩm trật quan trường hầu hết đều thế cả, nói cho chính xác thì không phải cái ghế nó giết mà cái lòng hám ghế nó thôi thúc đương sự tự giết mình, giết thơ.

Tự giết mình đồng thời cũng không ngần ngại giết cả đồng nghiệp, tiêu biểu là Tố Hữu như nêu trên, và một người kẻ tục cũng khá tiêu biểu : Nguyễn Khoa Điềm, tác giả câu thơ nổi tiếng thời chiến tranh qua giai điệu Trần Hoàn *mai sau con lớn làm người tự do*, sang thời hậu chiến trở thành người “tự do” ném vào máy nghiền cuốn *Chuyện kể năm 2000* của Bùi Ngọc Tấn mà nguyên trưởng Ban Văn hóa Văn nghệ trung ương, cố nhà văn Trần Độ coi là *một tiểu thuyết hiện thực lớn*. Bằng các cuộc giết ấy, Nguyễn Khoa Điềm leo nhanh lên những nấc ghế ngày càng cao, đến tận hàng ghế tối cao, ủy viên Bộ chính trị, trưởng Ban Tư tưởng Văn hóa trung ương, nắm giữ guồng máy điều khiển gò siết trí buộc tư duy của toàn Đảng toàn dân

Nếu là người thuộc loại chuyên chú dốc lòng theo nghiệp vua quan thì chắc chỉ có việc rung đùi trên ghế, nhưng ở những người đã trót tự nguyện mang lấy nghiệp thơ văn, thì cái sức mạnh thiêng liêng của thơ, của văn chương chữ nghĩa nó buộc phải đối mặt với vấn đề này : cái mà ta tự giết và giết đồng chí, đồng nghiệp để đổi lấy cái mà ta nghĩ rằng giá trị hơn (*cái ghế quan trường*), rốt cuộc có giá trị hơn thật không ?

Qua bao đêm ngày một mình đối mặt với chính mình để trả lời câu hỏi ấy, Tố Hữu đã phải nói lại về anh em *Nhân văn* những lời ngược hẳn trước kia (Nhật Hoa Khanh ghi). Chế

Lan Viên viết *Bánh vẽ, Trừ đi*, Nguyễn Đình Thi viết *Gió bay*, Nguyễn Khải viết *Đi tìm cái tôi đã mất*.

Bài của Nguyễn Khải hiện đang gây chú ý cao độ đối với văn giới Việt Nam. Và không chỉ văn giới. Giáo sư Chu Hảo giám đốc nhà xuất bản Tri thức cho tôi biết, trong cuộc gặp ngày 19-5-2008 tại Hà Nội vừa qua giữa Ban bí thư với một số trí thức tên tuổi, ông đã trao cho văn phòng Ban bí thư bài *Đi tìm cái tôi đã mất* và đề nghị các ủy viên Bộ chính trị, Ban bí thư cần phải đọc trước khi ra nghị quyết về *Xây dựng đội ngũ trí thức*....

Nhà thơ Dương Tường nhận xét, trong một bài trả lời phỏng vấn :

Trong Khải, luôn có hai con người. Một Nguyễn Khải khôn khéo giả dối và một Nguyễn Khải thành thật trắng trợn. Một Nguyễn Khải hèn nhát và một Nguyễn Khải khinh ghét tay Nguyễn Khải hèn nhát kia. Và sự tranh chấp giữa hai con người ấy không bao giờ ngừng.

Nhà phê bình Vương Trí Nhàn :

Gọi là Đi tìm cái Tôi đã mất cho sang. Ở đây tác giả không định đi tìm cái gì cả...

Thế tại sao Nguyễn Khải lại viết Đi tìm cái Tôi đã mất? Theo tôi, trường hợp này cũng giống như Chế Lan Viên viết Di cao thơ, và Tố Hữu tâm sự với Nhật Hoa Khanh. Thực chất cái việc các ông “cố ý làm nhòe khuôn mặt của mình” như thế này là cốt để xếp hàng cả hai cửa. Cửa cũ, các ông chẳng bao giờ từ. Còn nếu tình hình hình khác đi, có sự đánh giá khác đi, các ông đã có sẵn cục gạch của mình ở bên cửa mới (bạn đọc có sống ở Hà Nội thời bao cấp hẳn

nhớ tâm trạng mỗi lần đi xếp hàng và không sao quên được những cục gạch mà có lần nào đó mình đã sử dụng).

Giáo sư Nguyễn Huệ Chi :

Bài viết của anh Vương Trí Nhàn sắc sảo quá, nhưng như một số bạn bè trao đổi với nhau, cũng khi cay nghiệt quá.

Wương Trí Nhàn có cay nghiệt quá không ?

Xin trình ra đây một tư liệu để chúng ta cùng tham chiếu :

Bỗng nhiên có một nhà làm chính trị, cũng là dân làm văn làm báo của Đảng từ trước cách mạng, nhưng đã mất ngôi, mất quyền, bèn đứng ra tổ chức một tờ báo cho những nghệ sĩ ham chuộng tự do được tự do bày tỏ nỗi niềm. Mình thì nói tự do về nghệ thuật, họ thì nói tự do về chính trị, họ muốn giành quyền, muốn đòi quyền, nhưng tự họ không thể làm được những chuyện đó, thân phận họ tầm thường, tài nghệ thì vớ vẩn, tập hợp thế nào được dư luận và công chúng, nhất là công chúng của chúng ta, mượn cả tiếng kêu thống thiết và cảm động đòi tự do để sáng tạo của chúng ta nữa. Nhà chính trị ấy là ông Nguyễn Hữu Đang, ông đó mới thật là linh hồn, kẻ xúi giục và tổ chức ra mọi sự của cái thời ấy, mưu mô bị vỡ lở, kẻ chủ mưu phải ngồi tù, mấy anh em mình không đi tù nhưng bị treo bút mất mấy chục năm còn đau đớn khổ cực hơn cả đi tù. Mấy ông chính trị thất thế, lắm tham vọng, lắm mưu mô, có đi tù tôi cũng không thương. Đã theo cái nghề ấy phải chịu cái nghiệp ấy, chỉ thương anh em mình lòng trong dạ thẳng, nông nổi thơ ngây, cứ nghĩ bụng dạ họ cũng như mình, nào ngờ họ lại nghĩ ngợi sâu xa đến thế.

Đây là tôi trích thư của nhà văn Nguyễn Khải phó tổng thư ký Hội Nhà văn VN viết ngày 01/9/1988 từ TP HCM gửi

hội nghị lần thứ 7 BCH Hội. Thư này được bộ phận thường trực Hội chính thức sao gửi đến từng hội viên. Thời gian này đang chuẩn bị tiến tới đại hội lần thứ tư của Hội. Những lời miệt thị tàn nhẫn mà Nguyễn Khải chĩa vào ông Nguyễn Hữu Đang, thoát tiên khiến tôi ngạc nhiên, nhưng bình tĩnh mà nghĩ mới thấy thực chất là nhằm ông Trần Độ, trưởng Ban Văn hóa Văn Nghệ. Chẳng lẽ, sâu xa trong lòng mình, Nguyễn Khải có thể nhắm tâm đến thế với Trần Độ, một cán bộ lãnh đạo hiếm hoi mà Nguyễn Khải biết rất rõ là người luôn thật lòng yêu quý kính trọng văn nghệ sĩ và có công lớn qua việc chuẩn bị rất công phu để Bộ chính trị cho ra được nghị quyết 05 về văn hóa văn nghệ làm nức lòng toàn thể anh chị em văn nghệ? Nguyễn Khải cũng biết rất rõ Trần Độ là người đã khéo léo vận động để tổng thư ký Nguyễn Đình Thi đề xuất đưa Nguyên Ngọc (bí thư Đảng đoàn Hội, bị thất sủng sau vụ **đề dẫn**) trở lại làm tổng biên tập báo Văn Nghệ, và Nguyên Ngọc đã mau chóng đưa tờ báo tiến lên đứng ở tuyến đầu của cuộc chiến đấu cho đổi mới, đổi mới thật chứ không phải **“giả vờ đổi mới”** (chữ của Nguyễn Duy trong một bài thơ viết cũng trong thời gian ấy). Không, có lẽ đây chẳng qua là Nguyễn Khải dứt khoát vứt bẻng cái tôi của mình đi để tỏ rõ với cấp trên rằng trước kia dù mình có trót hăng hái đồng tình với Nguyên Ngọc và Trần Độ nhưng nay thì đã dứt khoát lập trường với hai người ấy. Với sự thính nhạy đặc biệt, Nguyễn Khải đã sớm thấy bên trên Trần Độ có người ngoài miệng hô “cởi trói” nhưng thâm tâm chỉ muốn đổi với văn hóa văn nghệ thì mọi sự cứ phải trói chặt lại y như cũ. Và chính tại hội nghị ngày 11/9/1988, Ban chấp hành Hội Nhà văn đã ra nghị quyết giáng cho báo Văn Nghệ một chùy rất nặng, cũng tức là giáng cho Nguyên Ngọc và Trần Độ, dẫn đến việc Nguyên Ngọc, rồi Trần Độ phải rời khỏi chức vụ. (Nguyễn Khải khôn khéo tránh mặt không dự hội nghị, chỉ gửi bức thư mà tôi trích dẫn bên

trên, nội dung thật là hiểm, tạo thêm nhân cốt cho quả chùy đang chuẩn bị vung lên).

Tố Hữu, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khải đã ra người thiên cổ. Những gì ngòi bút các ông viết ra – nói như Gorki - rìu cũng không bỏ được, còn nguyên đó. Các ông sống thế nào, mọi người dần dần rồi sẽ biết cả, kể cả những gì còn ẩn khuất. Những chữ nghĩa của các ông mà Xuân Sách lấy thành *thơ chân dung*, cũng còn nguyên đó. Hậu thế sẽ tiếp tục đọc và suy ngẫm, và chiêm nghiệm.

Nguyễn Khoa Điềm thì hiện đang sống và viết ở Huế, sau khi thôi chức ủy viên Bộ chính trị, trưởng Ban tư tưởng văn hóa trung ương.

Sau cái đận Nguyễn Khoa Điềm nghiên sách của Bùi Ngọc Tấn, để đến mấy lần tôi nói với nhà thơ Xuân Sách : “Ông Sách ơi, thế này thì chân dung Nguyễn Khoa Điềm phải có phần 2 chứ ?”. Ông Sách chỉ tùm tùm cười : “Ờ...Ờ...”. Chờ mãi không thấy ông viết phần 2.

Hóa ra tôi ngu quá. Đọc kỹ lại cái chân dung Nguyễn Khoa Điềm, tôi mới thấy tôi ngu quá. Mà ông Sách thâm thật.

Xin dẫn ra đây cái chân dung ấy:

*Một mặt đường khát vọng
Cuộc chiến tranh đi qua
Rời trở lại ngôi nhà
Đốt lên ngọn lửa ấm
Ngủ ngon a cay ơi
Ngủ ngon a cay à*

Và càng thấy ông Sách thâm khi đọc mấy câu nhại của Hà Sĩ Phu :

*“Ngủ cho ngoan Mẹ ơi
Ngủ cho ngoan Mẹ hồi !”
Ngự trên lưng Mẹ
Con vô Thiên Đường
Mẹ mà thức dậy
Con cho “lên...Phường !”*

....

*“Ai mà thức dậy
Vung chày là xong”*

Ông Sách thâm.Và thơ rất thiêng..Văn chương chữ nghĩa rất thiêng.Cái thiêng bắt nguồn từ một đòi hỏi hết sức nghiêm ngặt của cái nghiệp này : lúc nào cũng phải xuất phát từ tâm lòng thành tuyệt đối – một sự *chân thành không biết sợ* (chữ của Stefan Zweig nói về Lev Tolstoy). Sống và viết, viết và sống phải trung thực, đơn giản có vậy thôi. *Chảy từ mạch máu ra là máu, từ cái vòi nước ra thì chỉ là nước lã*, tưởng không thể không nhắc lại luôn cả lời ấy của Lỗ Tấn.

Đã có nhiều bài bình luận phân tích về *Thơ chân dung* của Xuân Sách.Nhưng tôi thích nhất mấy lời bình ngắn gọn sau đây của Hà Sĩ Phu :

*“Vị nghệ thuật nửa cuộc đời
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên”**
*Nét này vẽ bác Lan Viên ?
Bác Hữu ?
Bác Cận ?
Hay riêng bác Hoài ?
Chân dung các bác ngồi ngồi
Chém cha riêng cái nửa đời phía sau
Một đời, hai nửa, vì đâu ?
Nửa say quý kẻ, nửa đau nhân tình.*

Quả thật

*Thơ thiêng lắm, người ơi
Phản thơ thì phải chết
Chẳng ai giết mình mà mình tự giết
Treo nổi nhục muôn đời.*

(Đà Lạt 28-06-2008)

* Hai câu trong bài thơ của Xuân Sách vẽ chân dung Hoài Thanh

Trích thơ:

Lên miền Tây

*... Xe chạy nghiêng nghiêng trèo dốc núi
Lên miền Tây vời vời nghìn trùng
Ôi miền Tây, ở dưới xuôi sao nghe nói ngại ngừng
Mà lúc ra đi lửa trong lòng vẫn cháy
Tuổi hai mươi khi hướng đời đã thấy
Thì xa xôi biết mấy cũng lên đường
Sống ở thủ đô mà dạ để mười phương
Nghìn khát vọng chất chồng mơ ước lớn...*

Về một tên đào ngũ

*Đói,
lại đói,
cũng thường
Cũng thường bom pháo quét*

*Chỉ thằng chuyên dẻo mép
Len lén đánh bài chuồn
Bao người trụ tới chết*

Nó mút mùa mạch lươn

*Rồi một ngày trời đẹp
Giữa nhộn nhạo phố phường
Bỗng chạm cái mặt nhòn*

- Mà y chuẩn đâu kỹ thiệt ?

*Nó nhếch cười lịch thiệp:
- Tao chuẩn vào Trung Ương!*

(Đà Lạt, 3 tháng 6 năm 2002)

Lương tri

Kính tặng anh Trần Độ

*Ai khóc bẽ dâu buồn, ai nhám nháp cô đơn
Ai xuôi tay nuốt nghẹn uất hờn
Ai tìm động hoa vàng núi biếc
Ai rong chơi hát điệu vô thường ?*

*Đêm nặng trùm đêm, đời lịm ngủ
Chỉ cuồng vọng hồn mang gào rú*

*Nhưng thế gian này không hẳn thế đâu
Luôn vẫn có ai đâu đó ngẩng đầu*

*Kìa ai như anh trầm tĩnh ngẩng đầu
Xuyên lốc gió
Nghe âm âm đâu đó...*

*Nghe âm âm đâu đó nầu nung gì ?
Vấn âm âm đâu đó nấu nung gì ?
Anh nhận ra rồi :
Nung nấu của lương tri !*

Máu muôn đời vẫn cuộn mạch lương tri
Cái nguồn mạch không phép gì chẹn nổi
Ngay cả giữa cõi lòng mê muội tôi
Vẫn chấp chờn le lói tiếng lương tri
Dẫu ai kia ngao ngán chẳng tin gì
Nghe tiếng gọi biết niềm tin không chết
Đêm lạnh dầu bốn bề tê lãng hết
Vẫn còn người lên tiếng – tiếng lương tri

Chọc đêm dày, tiếng gọi rọi đường đi
Cái tiếng gọi ánh bùng như lửa thức
Người gọi người, đêm thăm thắp muôn sao
Cái tiếng gọi vỡ hồn tôi rạo rức
Tóc bạc bông xanh ngời, chân mỏi lại nôn nao

(Đêm Đà Lạt, 10-01-1999)

Thời gian máu

Việt Nam tôi
Thời gian trôi trong máu chảy

Máu dân tuôn
Bọn bắt lương cướp lòe dẫu đỏ
Cướp cướp
Thì nhau cướp
Cướp
Cướp đất
Cướp trời
Cướp tất
Phập phập
Thì nhau đâm
Đâm
Tóc máu hồn liệt sĩ

*Việt Nam ơi
Thời gian trôi máu chảy.*

*Việt Nam ơi
Máu sôi
Lũ bắt lương liệu đây !*

Thăng Long 3 giờ sáng 26.1.2005
(chớm xuân Ất Dậu)

Trong bài *Từ Dương Ly Hương đến Bùi Minh Quốc*, Lê Huy Mậu đã viết:

Trong quán vắng buổi chiều ở thành phố Đà Lạt mộng mơ có độ cao trên một nghìn năm trăm mét, anh Quốc với chiếc áo chàm thổ cẩm cũ kỹ, với mái tóc bạc phơ và bù rôi, không ai nghĩ trong lòng anh vẫn hừng hực ngọn lửa nhiệt tình vì một Việt nam dân chủ, tự do. Tôi thầm mong các nhà chức trách hãy hiểu anh, thông cảm với lòng nhiệt tình có lúc thái quá của anh. Anh đã có quá nhiều mất mát, thiệt thòi rồi. Hãy để anh Quốc làm nhiệm vụ chiến sỹ, thi sỹ như cái thuở anh viết “Lên Miền Tây”. Hãy luôn nghĩ Bùi Minh Quốc là Dương Hương Ly của mảnh đất khu V máu lửa. Thơ của anh đã đi vào đời sống của chiến sỹ, đã theo các chiến sỹ liệt sỹ vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất khu V nói riêng và miền Nam nói chung.

(VT. 8-2-2013)

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Minh Quốc Web: vi.wikipedia.org
- *Thơ rất thiêng* Blog: buiminhquoc.vnweblogs.com

12. Tiêu Dao Bảo Cự



Tiêu Dao Bảo Cự - Nguyễn Phúc Bảo Cự (1945-20)

Tiêu Dao Bảo Cự, thuộc dòng dõi hoàng tộc, tên thật là Nguyễn Phúc Bảo Cự, sinh năm 1945 lớn lên và đi học tại Huế.

Năm 1963-1967, ông theo học Đại học Sư Phạm và Văn khoa Huế, thời gian này ông đã tích cực tham gia phong trào sinh viên chống chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, nên bị tù nửa năm. Sau tù ông trở về học hết bậc đại học và đi làm giáo viên ở Ban Mê Thuột. Trong thời gian dạy học, ông tiếp tục làm việc với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và sau đó vào bung hoạt động với cộng sản.

Ông gia nhập đảng cộng sản năm 1974 nhưng đến sau 1975, mới được kiểm tra hồ sơ và xác nhận đảng tịch; ông là cán bộ các đoàn thể và Mặt trận đến 1987-88 là ủy viên thường trực Hội văn nghệ tỉnh Lâm Đồng và phó tổng biên tập báo Langbian.

Cuối năm 1988, được Nguyễn Văn Linh cho “đổi mới” và “cởi trói văn nghệ”, Tiêu Dao Bảo Cự cùng Bùi Minh Quốc, Chủ tịch Hội văn nghệ Lâm Đồng, và nhà thơ Hữu

Loan, cùng vài người khác tổ chức một chuyến đi suốt đất nước vận động cho tự do dân chủ, đi ngược lại đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đoàn vận động dân chủ đã đi từ Nam chí Bắc, hơn 6.000 km trong một tháng rưỡi, đòi hỏi đôi mắt thật sự, gây tiếng vang trong giới trí thức, văn nghệ và chấn động cả Ban Bí Thư Trung Ương Đảng, sau này được đánh giá như một “cuộc biểu tình chạy của văn nghệ sĩ, trí thức tập dượt chống chế độ”.

Đoàn đến Huế, theo chỉ đạo của Ban Bí Thư, Tỉnh Ủy Lâm Đồng điện gọi Bùi Minh Quốc và Tiêu Dao Bảo Cự quay về để kiểm điểm nhưng cả hai không chấp hành, tiếp tục đi ra Hà Nội, vào tận Ban Bí Thư và một số Ban, Bộ ở Trung Ương để đấu tranh và giao các kiến nghị, tuyên bố của các văn nghệ sĩ, trí thức và công chúng.

Sau chuyến đi này, cả hai bị kiểm điểm trong Hội và trong Đảng kéo dài cả năm trời, cuối cùng cả hai đều bị cách chức và khai trừ ra khỏi Đảng. Riêng Tiêu Dao Bảo Cự đến năm 1992 tự ý nghỉ việc, ra khỏi cơ quan nhà nước.

Từ 1993, Tiêu Dao Bảo Cự bắt đầu viết các bài phân tích tình hình đất nước và phê phán nhà cầm quyền, bài đăng trên các báo, tạp chí ở hải ngoại. Ngoài các bài chính luận Tiêu Dao Bảo Cự có hai tác phẩm xuất bản *Nửa Đồi Nhìn Lại* và *Hành Trình Cuối Đông*.

Sau mấy năm bị theo dõi, bao vây, cô lập và công an gọi tới thăm vấn triền miên, nhưng ông không thay đổi quan điểm và thái độ, nên bị 2 năm quản chế hành chính (1997-1999) theo nghị định 31/CP. Sau một thời gian im lặng, Tiêu Dao Bảo Cự cho xuất hiện tập truyện *Trên cả hận thù* (tạp chí

Văn Học Mỹ, 2004) và từ tháng 8-2005 với hàng loạt bài trên DCVOnline và Talawas.

Tác phẩm:

- *Nửa đời nhìn lại* (Thế Kỷ, 1994)
- *Mảnh trời xanh trên thung lũng* (Văn Mới - California)
- *Hành trình cuối Đông* (Văn Nghệ, 1998)
- *Tôi Bày Tổ, Nhật ký Tiêu Dao Bảo Cự 1996-1998* (2006)
- *Mảnh Trời Xanh Trên Thung Lũng* (in tại Hoa Kỳ, 2007)
- *Tiếng chim báo bão* (Tiếng Quê Hương Virginia, 2009)

Trích văn:

Hữu Loan: Cây gỗ vuông chành chạnh

Đó là mấy từ trong trích đoạn bài thơ Hữu Loan chép tặng tôi vào sổ tay 17 năm trước, với nét chữ cứng cỏi và cách xuống giòng bậc thang đặc trưng trong thơ ông. Năm đó ông đã 73 tuổi.

“.....Tôi là cây
gỗ
vuông
chành
chạnh
suốt đời
đã làm thất bại
mọi âm mưu
đẽo tròn
để muốn tùy tiện
lăn long lóc thế nào

thì long lóc
Chân
tính
đáy
hỡi Rìu, Bào
Phó -Mộc”

(chuyện Di Tề)

Đó là năm ông “tái xuất giang hồ” rời bỏ làng quê giông ruồi về phương nam sau 30 năm tự chôn và bị chôn mình ở chôn quê nhà, một nơi đèo heo hút gió ở thôn Vân Hoàn, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Trong chuyến đi xuyên Việt năm 1988 của đoàn Hội văn nghệ Lâm Đồng và tạp chí Langbian để đòi tự do sáng tác, tự do báo chí - xuất bản và đổi mới thực sự, chúng tôi đã đưa Hữu Loan về lại quê nhà sau gần một năm lang bạt. Lần ấy, chép xong mấy câu thơ, ông chỉ tay vào trang giấy nói với tôi: “Anh thấy đó. Chữ Rìu, Bào và Phó - Mộc viết hoa. Anh biết tôi muốn ám chỉ ai rồi.”

Đọc đường đất nước trên chuyến đi, ông cũng đọc cho công chúng nghe trong những lần gặp gỡ, bài thơ dài mới nhất của ông, bài “Chuyện tôi về”, một loại bút ký thơ kể về thời gian “*Ba mươi năm không phải chuyện / Một sớm một chiều / Một ngày tù đã dài như thế kỷ / Ấy là tù giữa chợ...*”. Nhưng 30 năm đó, kể từ ngày có vụ án văn nghệ gọi là “Nhân văn - Giai phẩm”, và 17 năm sau đó nữa, chẳng có ai dám viết, nói gì về chuyện của ông dù không ít người biết. Ngay cả sau khi gần đây, có hiện tượng xô xao dư luận là một công ty đã bỏ ra 100 triệu đồng để mua bản quyền bài thơ nổi tiếng *Màu tím hoa sim* của ông. Nhân sự việc này trên báo chí có một vài bài viết về ông nhưng tuyệt nhiên không ai nhắc đến 30 năm đó, như

thời gian này không hề có trong cuộc đời ông.

Một sự im lặng khủng khiếp không chỉ đè nặng lên riêng đời ông mà còn trói tay những người cầm bút và choàng phủ lên cả đời sống dân tộc. Đó là sức mạnh, sức nặng ghê gớm của bạo lực và cường quyền, của nỗi sợ hãi và lòng hèn nhát, là bi kịch của một đất nước tự cho và cũng được phong tặng là đất nước anh hùng, Trong hoàn cảnh đó, Hữu Loan đã chọn riêng cho mình một lối sống, dù nghiệt ngã nhưng đầy bi tráng. Như ông viết trong *Chuyện tôi về: Tôi không làm nhà vì mắc làm người, Đi ăn cắp và làm cán bộ là tôi không đi...* Ông tha đi cuộc đất, đập đá và đẩy xe thò suốt 30 năm để làm “Cây gỗ vuông chành chạnh” không cho ai lấn long lóc, trong khi bao nhiêu văn nghệ sĩ đồng thời với ông đã tha hồ để cho “tùy tiện bị lấn long lóc thế nào thì long lóc” ngoài đời cũng như trong văn học nghệ thuật.

Kể từ lần gặp gỡ đầu tiên, tôi thực lòng ngưỡng mộ “cây gỗ vuông chành chạnh” Hữu Loan nên trong 17 năm qua, dù trải bao nhiêu khó khăn vây khốn, trong tôi vẫn thôi thúc ý muốn gặp ông lần nữa. Tôi vẫn sợ rằng nếu không còn dịp nào gặp lại ông, đối với tôi đó sẽ là niềm ân hận lớn trong đời. Trong chuyến đi xuyên Việt lần thứ hai bằng xe gắn máy năm 2003, tôi đã định đến thăm ông, nhưng rủi thay, khi đến địa đầu tỉnh Thanh Hóa, chỉ còn cách nơi ông ở vài mươi cây số, tôi bị tai nạn phải lên xe đò đi thẳng ra Hà nội, tôi đành để lỡ dịp trong hồi tiếc. Đầu năm 2005 này, trong chuyến đi xuyên Việt từ Nam ra Bắc lần thứ 3 bằng nhiều loại phương tiện, tôi nhất quyết đến thăm ông và tôi đã thực hiện được.

Trên đường trở về bằng chuyến xe du lịch open tour Hà Nội - Sài Gòn, tôi xuống xe ở Ninh Bình, một điểm dừng của open tour này, để tìm gặp lại Hữu Loan. Ninh Bình là

tỉnh giáp giới phía Bắc của Thanh Hóa. Tôi hỏi thăm biết huyện Kim Sơn của Ninh Bình, nơi có nhà thờ đá Phát Diệm nổi tiếng, cách thị xã Ninh Bình 30 cây số nằm tiếp giáp với huyện Nga Sơn, Thanh Hóa, nơi Hữu Loan đang ở. Tôi thuê một xe gắn máy và tự mình tìm đường đi sau khi nghiên cứu bản đồ. 17 năm trước tôi đến nhà ông theo đường quốc lộ 1 từ thị xã Thanh Hóa ra, lần này đi ngược lại từ phía bắc vào, theo một con đường khác.

Sau khi đến nhà thờ Phát Diệm, nhà thờ đá xưa nhất và lớn nhất Việt Nam, nơi hết địa phận huyện Kim Sơn, người ta bảo phải đi khoảng 20 cây số nữa mới đến trung tâm huyện Nga Sơn. Tôi chạy theo con đường liên tỉnh lộ nhỏ hẹp, phía Nga Sơn xem ra không trù phú bằng bên Kim Sơn, nơi có những cánh đồng lúa cò bay thẳng cánh, với những đàn vịt trắng xóa bờ kênh và rất nhiều nhà thờ hai bên đường. Tôi vừa đi vừa hỏi thăm đến thôn Vân Hoàn, xã Nga Lĩnh. Giờ này đã gần trưa, con đường trải nhựa liên xã vắng vẻ. Đến nơi, tôi hỏi thăm mấy em nhỏ học sinh đang chơi la cà trên đường. Các em chỉ cho tôi con đường chạy thẳng đến chân núi, gần đó có chỗ rẽ vào một lối nhỏ đục bê tông. Tôi thầm nghĩ không lẽ người ta đã thay đổi tư duy, trọng thị nhà thờ nên đã cho làm con đường bê tông ở xóm nhỏ heo hút này. Vào đó hỏi tiếp, mấy người lại nói cho tôi biết nhà ông Hữu Loan ở chỗ nhà lầu hai tầng đang xây bên phải. Hai người nói như thế, làm tôi càng ngạc nhiên vì cách họ nói mấy từ “nhà lầu hai tầng” nghe có vẻ khác lạ, bao hàm sự thần phục như nói về một cái gì phi thường ở thôn xóm không có mấy nhà khang trang này. Tôi lại nghĩ không lẽ Hữu Loan đã được “đổi đời” rồi vì lần trước đến, căn nhà do chính tay ông dựng nên từ xưa vừa bị sập và mấy năm sau đó tôi nghe tin loáng thoáng ông được xây “nhà tình nghĩa” và tài trợ xuất bản tập thơ. Dù sao nếu được như thế tôi cũng mừng cho ông. Tôi đã mừng hụt. Nhà Hữu

Loan chỉ là căn nhà cũ kỹ phía sau “nhà lầu hai tầng đang xây” mà thôi. Đằng sau cánh cổng sắt hơi tối dưới bóng cây âm u, một phụ nữ đang nằm trên chiếc võng treo ngang qua cổng và hai con chó đen dưới chân nhâu nhâu lên sủa. Chị đứng dậy suýt chó im và khi tôi hỏi Hữu Loan, chị bảo “ông cháu có nhà”. Chị tự giới thiệu là con dâu của ông. Chị mở cổng đưa chúng tôi vào nhà mời ngồi ở chiếc ghế gỗ vừa vội vàng dọn dẹp căn phòng ngồn ngồn bề bộn mọi thứ linh tinh. Chị loay hoay pha trà mời chúng tôi với bộ ấm chén xin màu và cho biết Hữu Loan đang ốm. Chị nói thêm bình thường chỉ có hai ông bà ở nhà, mấy hôm nay ông ốm nên chị đến chăm sóc.

Trong khi nói chuyện với chị, chúng tôi quan sát căn phòng và nghe tiếng ho sù sụ ở phòng kế bên, sau khung cửa không có cánh tối om, được che bằng tấm màn vải cũ kỹ.

Căn phòng không có trần, đồ đạc không có gì giá trị. Trên tường có treo mấy tấm hình. Một tấm chụp Hữu Loan đứng bên cạnh bức tượng của mình, tác phẩm điêu khắc của Phạm Văn Hạng năm 1990 theo như ghi chú bên dưới. Một tấm chụp lại phác thảo chân dung bà Phạm thị Nhu (tức bà Hữu Loan) do một họa sĩ nào đó ký tên không rõ vẽ tặng ông. Đặc biệt chiếc bàn thờ đơn sơ, chỉ là một mảnh ván đóng lên tường với mấy bình nhang cắm hoa giấy và vỏ một hộp bánh bằng các tông, phía trên chỉ treo một bức thư pháp viết chữ Tâm bằng Hán tự, nét chữ sắc sảo và cứng cỏi, bên ngoài có nhện giăng và bụi bám. Nói chuyện một lúc, tôi ngỏ ý với chị con dâu muốn vào tận giường thăm Hữu Loan nếu ông ốm nặng thì nghe tiếng dèp lệt sệt bước ra. Trước mắt tôi, Hữu Loan không còn phong độ như năm nào. Ông đội chiếc mũ len, quần khăn quàng, mặc áo khoác bên ngoài áo len trong khi vào

nhà nóng, tôi phải cởi áo khoác. Khuôn mặt ông có sắc hồng nhưng không phải nét hồng hào khỏe mạnh. Đôi mắt nhỏ sáng quắc năm xưa đã phần nào mờ mịt. Tôi đứng lên chào và hỏi ông còn nhớ tôi không, ông nhìn tôi ngẫm nghĩ rất lâu không nói gì. Khi tôi nói tên và nhắc lại chuyến đi xuyên Việt năm xưa, ông ôm lấy tôi và nói “Còn sống để gặp lại nhau là mừng lắm rồi.”

Ông mời tôi ngồi xuống ghé. Tôi nói tìm đường vào nhà ông cũng khá vất vả. Ông bảo ai muốn tìm đừng hỏi ngay đến nhà ông vì hỏi như thế chúng nó không chỉ đâu. Chúng nó được lệnh rồi. Tôi ôn lại chuyện xưa nhưng kinh ngạc thấy ông còn nhớ rất ít. Ngay cả bài thơ “Chuyện tôi về” ông tâm đắc ngày ấy và đã đọc hàng chục lần trước công chúng ông cũng quên. Ông bảo tôi đọc cho ông nghe nhưng tôi chỉ thuộc vài câu. Tôi hỏi bản thảo có còn không, ông bảo đã mất hay để đâu ông không nhớ. Bây giờ mắt ông không đọc được chữ nữa, khi cần phải nhờ con cháu đọc.

Tuy nhiên những chuyện và những bài thơ xưa hơn ông lại nhớ rất rõ. Ông kể đi kể lại việc một người được giao nhiệm vụ giết ông nhưng mỗi lần sắp ra tay lại không nỡ vì nhớ đến bài thơ ông viết về quê hương anh ta. Chính anh ta đã nói lại với ông chuyện đó và ông đọc bài thơ cho tôi nghe.

Ngồi nói chuyện khá lâu, và vì lúc chạy xe trên đường hơi bị lạnh, cảm thấy thèm thuốc lá, tôi rút bao thuốc xin phép ông hút nhưng ông nghiêm mặt chỉ tay vào tôi nói: “Tôi cấm anh!”. Tôi gượng cười cất bao thuốc và nói hiện nay tôi còn nghiện một thứ chưa bỏ được là thuốc lá. Ông nói ngay: “Cái gì có hại phải bỏ. Có gì mà không bỏ được. Ngay cộng sản là thứ ghê gớm mà tôi còn bỏ được

huống gì thuốc lá.”

Lát sau, ông bắt đầu ho nhiều hơn và khạc nhổ đờm xuống đất, tôi tỏ ra quan ngại về sức khỏe của ông nhưng ông bảo ông chỉ bị cảm mấy ngày nay thôi. Ngày thường ông vẫn ra ngoài được và thường xuyên tập khí công. Tôi hỏi ông tập theo phương pháp nào và vào lúc nào. Ông bảo ông tập bất cứ lúc nào, kể cả khi ngồi, nằm, đi lại.

Hỏi thăm về gia đình, ông cho biết ông có 10 người con, 30 cháu và tỏ ra không vui vì hoàn cảnh con cháu. Người con đầu thông minh, thuộc loại học giỏi nhất tỉnh nhưng thời đó vì chuyện của ông, anh không được vào đại học. Đến nay chỉ có người con trai út tốt nghiệp kiến trúc sư đang làm việc ở Hà Nội, còn những người khác đều lập gia đình, làm ruộng, làm nghề và ở quanh quần gần đó. Về nguồn sống của ông bà, ông bảo thu nhập chính của ông là tiền bán củi. Củi ở đây là cọng và lá dừa khô của hơn chục cây dừa rất cao do chính ông trồng từ xưa. Vùng này người ta chuộng thứ củi dừa vì có sẵn trong vườn và cháy tốt.

Bà Hữu Loan đi đâu về, nghe cô con dâu báo, vội lên chào khách. Gặp tôi bà nhớ ra ngay. Có lẽ tôi gây ấn tượng cho bà vì lần trước chúng tôi đã giúp đưa ông về sau khi ông “bỏ nhà ra đi” cả năm trời. Lần đó tôi đã khen bà mặc áo tím đẹp khi Hữu Loan giới thiệu bà với chúng tôi lúc gặp bà ngồi bán hàng trên đầu cầu. Tôi cũng đã hỏi bà có phải vì Hữu Loan thích màu tím nên bà mặc áo tím không. (Dĩ nhiên bà là vợ sau của Hữu Loan vì người vợ đầu của ông, mới “cưới nhau xong là đi”, *“nhưng không chết người trai khỏi lửa / Mà chết người em gái nhỏ hậu phương”* đã gây xúc động cho Hữu Loan viết nên bài thơ “Màu tím hoa sim” bất hủ).

Bà Hữu Loan bây giờ đã hơn 70 tuổi nhưng bề ngoài trông có vẻ còn khỏe mạnh dù bà bảo cũng đang bị nhiều bệnh mãn tính. Bà mời tôi ở lại dùng cơm. Lúc đó đã quá trưa, gần xế chiều, tôi hơi ái ngại và cũng sợ về muộn vì còn phải đi đường xa nên xin cáo từ. Bà bảo không lẽ khách từ trong nam ra thăm mà không mời được bữa cơm, hơn nữa nhà cũng chưa ăn trưa, thức ăn có sẵn, chỉ nấu quàng nồi cơm là xong. Tôi đành nán lại.

Bữa ăn bà đãi chúng tôi quả có nhiều món có sẵn mà bà dự trữ để ăn dần. Cá kho, canh rau nấu với thịt heo, tép kho ăn ghém với khế chua hái trong vườn, lại thêm món trứng tráng. Hình như tất cả các thứ dự trữ bà đều mang ra mời khách. Chúng tôi vừa ăn vừa phải luôn tay xua đàn ruồi bay vù vù chung quanh. Hữu Loan chỉ ăn được lưng hai bát cơm.

Trong khi ăn bà nói chuyện vui. Bà kể dạo ông đi nam, ông viết thư về bảo có mấy cô còn trẻ mê ông muốn lấy ông, làm vợ bé, ông còn dám bảo “có lẽ cũng phải lấy thôi.” Nghe nhắc đến chuyện đó mắt Hữu Loan ánh lên nét tinh quái và ông mỉm cười nói: “Vì thế tôi mới gọi bà là Thiên Thư. Thiên Thư chứ không phải Hoạn Thư.”. Chúng tôi đều cười xòa.

Dạo đó hình như bà cũng có ghen thật. Tôi nghe nói bà đã xé mấy bức ảnh ông chụp chung với mấy cô gái trẻ. Bây giờ ông đã 90 tuổi, bà hơn 70, nhưng nhắc đến chuyện tình yêu, ghen tuông, hai ông bà vẫn còn xúc cảm, tuy trong một trạng thái khác. Đúng là chuyện không tuổi và của muôn đời.

Câu chuyện vui không làm tôi bớt cảm giác phiền muộn trong lòng khi nghĩ về hoàn cảnh Hữu Loan hiện nay. Dĩ nhiên sinh - lão bệnh - tử là chuyện tất yếu của đời người.

Nhưng hình ảnh một ông già ốm yếu ho hen, lảo đảo trong căn nhà cũ kỹ với người vợ tuổi đã cao, cũng nhiều bệnh tật, có cái gì làm tôi cảm cảnh. Hơn nữa, người đó lại là Hữu Loan.

Lẽ ra ông đã có một cuộc sống khác. Một nhà thơ tài hoa, một trí thức, một chiến sĩ cách mạng dày dạn, từ thời khởi nghĩa chống Pháp giành chính quyền mới hơn 20 tuổi đã phụ trách 4 ty của tỉnh, một cán bộ tuyên huấn sư đoàn xuất sắc... đúng ra phải có vị trí xứng đáng và cuộc sống tốt hơn so với bao nhiêu người bắt tài đang nắm giữ chức quyền và sống xa hoa phung phí hiện nay.

Tôi nghĩ thực ra chính ông đã chọn cuộc sống này từ khi làm bài thơ *Màu tím hoa sim* và tham gia *Nhân văn - Giai phẩm*, sau đó tự ý bỏ về quê nhà. Trong khi người ta lên án tư tưởng tiểu tư sản ủy mị thì ông làm bài thơ khóc người vợ trẻ lúc từ chiến trường trở về phải ngồi bên “ngôi mộ đầy bóng tối với chiếc bình hoa ngày cưới thành bình hương tàn lạnh vây quanh” của người con gái vẫn số không kịp chờ ông. Ông không thể “giữ lập trường”, nên đau thương, xúc cảm của mình theo chỉ thị của lãnh đạo. Con người không phải là gỗ đá, không phải là súc vật phản xạ có điều kiện. Nhà thơ chân chính càng không thể chỉ nặn ra những tác phẩm theo đơn đặt hàng hay những bài tuyên truyền sáo rỗng dối trá dù là theo “yêu cầu của cách mạng” đi chăng nữa. Chính vì thế sau khi viết *Màu tím hoa sim*, ông bị kiểm điểm, bài thơ bị cấm phổ biến công khai nhưng lại được chính các chiến sĩ chép tay lén lút, đọc thầm cho nhau nghe, và sau đó vượt không gian, thời gian đi vào lòng người để trở thành một trong những bài thơ tình bất hủ của thi ca Việt Nam.

Cùng với các văn nghệ sĩ trong nhóm *Nhân văn - Giai phẩm*, Hữu Loan đã dùng ngòi bút để lột trần, lên án cái

ác núp dưới bất cứ thứ nhân danh, chiêu bài nào. *Nhân văn- Giai phẩm* là sự lựa chọn quyết liệt của những người làm văn học nghệ thuật chân chính với tinh thần *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán *Yêu ai cứ bảo là yêu / Ghét ai cứ bảo là ghét*. Đó là đỉnh cao của văn học nghệ thuật, cũng là đỉnh cao của trí tuệ và nhân cách. Đỉnh cao đó tất yếu bị phá đổ, vùi dập khi quyền bính được xây dựng bằng bạo lực và dối trá. Sự lựa chọn đó là một lựa chọn sinh tử và đã phải trả giá đắt, đắt bằng sự khôn cùng của đời người, bằng một vết nhơ lớn trong lịch sử dân tộc. Khi tôi hỏi về chữ Tâm treo trên bàn thờ, Hữu Loan bảo chính tay ông viết và suốt đời ông chỉ thờ một chữ Tâm.

Tôi chợt nhớ đến những điều ông nói trong chuyến đi xuyên Việt năm xưa mà tôi đã ghi lại trong bút ký *Hành trình cuối đông*. “Cái tâm mới là điều quan trọng trong văn học. ‘Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.’ Sai lầm của chế độ là đã đề cao giai cấp tính, đến chỉ còn đẳng cấp thống trị. Giai cấp tính không bằng nhân đạo tính.”. Với cái tâm trong sáng của mình, Hữu Loan đã thấu suốt tình hình đất nước và có những nhận định sắc bén:

“Đất nước ta là nơi nói giỏi nhất nhưng làm sai nhiều nhất, người sai lầm ít thì bị tội nặng, không được sửa sai, như bác sĩ làm chết người, lái xe gây tai nạn bị lấy bằng, đi tù, còn những người làm sai nhiều, giết nhiều người, làm hại làm khổ hàng triệu người thì lại được sửa sai, nói dễ dàng “sai thì sửa”.

“Người nói thật cũng bị trừng trị. Tôi cũng bị trừng trị vì tôi viết văn là nói thật. Có người hỏi động cơ viết văn của tôi là gì, tôi trả lời động cơ viết văn của tôi là thích chửi vua. Ít ai dám chửi vua nhưng vua sai thì nhà văn có quyền chửi.”

Vào thời điểm đó, Hữu Loan nhấn mạnh về sứ mạng của nhà văn: “Bây giờ nhà văn chỉ cần làm thư ký của thời đại là đã lớn lắm rồi. Hiện thực nổi đau của nhân dân rất vĩ đại. Vấn đề không phải có lớn không mà là có dám lớn không.”

Dám nói thật và động cơ viết văn “thích chửi vua” chính là sứ mạng, nhân cách và bản lĩnh của người cầm bút trong những thế chế hay giai đoạn lịch sử mà sự sai lầm và độc đoán lên ngôi thống trị. Đó cũng là “định mệnh” của nhà văn chân chính. Định mệnh của những người đã lựa chọn cuộc chiến đấu không cân sức:

*“Chuyện Hữu Loan là chuyện
Một vạn chín trăm năm mươi ngày gấp hơn
mười lần chuyện Ba Tư
vô cùng căng thẳng
Giữa hai bên
một bên là chính quyền có
đủ thứ nhân dân
quân đội nhân dân
tòa án nhân dân
nhà tù nhân dân
và nhất là
cuồng tín nhân dân
thứ bản năng ăn sống
nuốt tươi
ăn lông ở lỗ nguyên thủy
được huy động đến
tột cùng
sẵn sàng hủy
cũng như tự hủy
một bên nữa là
một người tay không
với nguyện vọng*

*vô cùng thiết tha
được làm người lương thiện
nói thẳng
nói thật
bọn ác
bọn bịp
thì chỉ tên vạch mặt
người nhân thì
xin thờ
như Thuấn Nghiêu”*

(Chuyện tôi về)

Cuộc sống của Hữu Loan thời kỳ đêm dài 30 năm đúng là “vô cùng căng thẳng”, đặc biệt khi “cuồng tín nhân dân” còn bị nhồi sọ và kích động bởi bộ máy tuyên truyền hùng hậu.

Thời kỳ đó đã qua và hiện nay những nhà văn chân chính như Hữu Loan không cô độc nữa, dù cũng còn phải chịu đựng không ít khó khăn trù dập. Trung thực và dũng cảm vẫn là điều không thể thiếu khi nhà văn muốn nói lên sự thật.

Riêng Hữu Loan, ông đã giữ vững sự lựa chọn đó đến cuối đời. Theo tôi biết, nếu không lầm, sau thời kỳ đổi mới, Hữu Loan là người duy nhất không làm đơn xin khôi phục hội tịch Hội Nhà văn Việt Nam. Cuộc sống của ông cho đến tận hôm nay, dù trải qua bao nhiêu gian nan khốn cùng, đó vẫn là một cuộc sống làm người tử tế đúng nghĩa. Hơn nữa đó còn là một cuộc đời bi tráng rực rỡ, lấp lánh niềm đau và khí phách như những bài thơ của chính ông. Hôm trước ở Hà Nội, tôi nghe nói con trai út của ông định sắp tới sẽ tổ chức thượng thọ 90 tuổi cho ông với mục đích để bạn bè trong nam ngoài bắc có dịp

gặp ông một lần trước khi ông quá già yếu. Tôi may mắn đã được gặp lại ông trước dịp này.

Cuộc đời Hữu Loan chính là một tượng đài của nhân cách, lòng trung thực và khí phách anh hùng. Tượng đài đó có thể biểu trưng bằng “cây gỗ vuông chành chạnh” và một chữ Tâm. Người xưa nói “Dụng nhân như dụng mộc”. Cây gỗ vuông này thời đại của ông không dùng nhưng lịch sử sẽ dựng lên thành một tượng đài, cũng là một loại bút “tả thanh thiên” lồng lộng giữa đất trời.

(Tháng 6 năm 2005)

Trong bài *Tiêu Dao Bảo Cự: Người đi tìm bão*, Phạm Văn đã viết trên hoangquang.wordpress.com như sau:

Với cái nhìn thực dụng hiện nay, người lãng mạn sống hết mình với lý tưởng thường gây thơ. Thấy hại đến thân mà vẫn lao vào, ông là kẻ dại dột. Cả đời ông và những người lãng mạn như ông là một chuỗi thất bại phi lý. Nhưng cũng chẳng thể than van một mình. Không riêng gì họ, toàn bộ dân tộc đã thất bại trong việc ngăn ngừa bọn bất hảo nắm quyền cai quản và tàn phá đất nước suốt mấy chục năm.

Tài liệu tham khảo:

- Tiêu Dao Bảo Cự Web: hosodanchu.wordpress.com
- Hữu Loan: *Cây gỗ vuông chành chạnh* Web: danchimviet.info

13. Trần Khải Thanh Thủy



Trần Khải Thanh Thủy (1960-20)

Trần Khải Thanh Thủy sinh ngày 26 tháng 11 năm 1960 tại Hà Nội.

Năm 1982, tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Từ năm 1986 đến 1993 bà là giáo viên tại tỉnh Hà Tây.

Năm 1993 bà bỏ nghề dạy học về Hà Nội viết báo Cựu chiến binh và các báo khác như Người cao tuổi, Văn hóa văn nghệ công an, Lao động thủ đô.... Bà dùng nhiều bút danh như: Nguyễn Thái Bình, Nguyễn Quý Dân, Nguyễn Hải, Võ Quê Dương, Nguyễn thị Hiền, Trần Thị Thanh Hằng, Phạm Xuân Mai, Mai Xuân Thương, Đồ nghệ Việt Nam.

Năm 1999 bà bị buộc thôi việc, bắt đầu viết tự do.

Trần Khải Thanh Thủy là hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nội, hội viên danh dự Hội Văn bút Quốc tế Anh (Honorary Member of PEN UK 2007). Bà là một người bất đồng chính kiến với nhà cầm quyền Việt Nam.

Ngày 2 tháng 9 năm 2006 công an đã bắt bà khi đang chuyển tài liệu ra nước ngoài và khám xét nhà bà sau đó.

Tháng 2 năm 2007 tổ chức Human Rights Watch tặng Giải Hellmann/Hammett cho bà (và nhiều người Việt khác: Đỗ Nam Hải, Lê Chí Quang, Nguyễn Chính Kết, Nguyễn Khắc Toàn, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Quế Dương).

Ngày 21 tháng 4 năm 2007 Trần Khải Thanh Thủy bị Cơ quan An ninh điều tra Công an TP. Hà Nội bắt khẩn cấp vì tội "tuyên truyền chống Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Ngày 5 tháng 2 năm 2010, bà bị xử 3 năm rưỡi tù vì tội có ý gây thương tích. Có ý kiến cho rằng đây là một vụ việc được cơ quan an ninh Việt Nam dàn dựng. Những hình ảnh và chứng cứ đưa ra để bắt bà được cho là giả mạo.

Trần Khải Thanh Thủy sau 21 tháng tù, bà được trả tự do nhờ dân biểu Loretta Sanchez vận động, nên Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ gây sức ép với nhà cầm quyền Việt Nam, nên bà được đưa sang Mỹ định cư với con gái út 14 tuổi. Bà đặt chân đến đất Mỹ vào sáng sớm ngày Thứ Năm 23-6-2011 tại phi trường San Francisco, Mỹ.

Tác phẩm:

- *Thơ đố* (Văn hóa Dân Tộc, 1989)
- *1001 chuyện lừa đời* (Phóng sự, Thanh Niên, 1998)
- *Ngôi nhà của Gấu* (Kim Đồng, 1998)
- *Vợ chồng như thốt với dao* (truyện vui, Thanh Niên, 2000)
- *Sông không đến, bến không vào* (Kim Đồng, 2000)
- *Làm chị* (Kim Đồng, 2001)

- *Bấm sáu cái nồn nường...* (Văn hóa Dân Tộc, 2002)
- *Từ trong cỏ tích* (truyện ký, Kim đồng, 2003)
- *Lưu Hương Ký* (bình chú, Thanh Niên, 2004)
- *Khát sống* (truyện ký, Kim Đồng, 2004)
- *Âm thầm*, (th), Hội Liên Hiệp Nghệ Thuật Hà Nội, 2004)
- *Biết yêu từ thơ còn thơ*, (phóng sự, Hội Nhà Văn, 2005)
- *Song hỉ lâm môn*, (truyện vui, Hà Nội, 2005)
- *Khúc khích xuân Hương* (Văn hóa Dân Tộc, 2005)
- *Tôn Thất Bách- Y Đức một đời* (Kim Đồng, 2006)
- *Viết từ hang đá, nhỏ lệ cùng dân* (2007)
- *Chết ngoài kế hoạch, Chuyện cười XHCN* (Cội Nguồn, 2013)

Trích văn:

Chết ngoài kế hoạch

Lời giới thiệu truyện ngắn "Chết Ngoài Kế Hoạch" là một trong những truyện ngắn tiêu biểu cho ngòi bút trào lộng của nhà văn Trần Khải Thanh Thủy - nụ cười và nước mắt đồng hành. Mặc dầu cảnh trong truyện là cảnh trước đây hơn chục năm trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nhưng nhờ biết nó ta mới giải thích được vì sao trong các cơ quan công quyền hôm nay ở nước ta vẫn còn những hiện tượng không hiểu nổi nếu nhìn bằng con mắt của người đã từng sống ở những nước dân chủ. Chúng tôi nhận được truyện ngắn này trong dạng bản thảo. Một tập truyện chưa xuất bản của Thanh Thủy nay mai sẽ ra mắt bạn đọc.

*Paris 25-9-2006
Nhà văn Vũ Thu Hiền*

"Chết sông chết suối, ngờ đâu chết đuối đội đèn..."

Thằng cháu tôi đi bộ đội bốn năm, bảy tháng, lù lù dẫn xác về. Chưa kịp nhập hộ khẩu, đã sinh cờ bạc, số đề, rượu chè, rồi thất tình, đau khổ... Một buổi trưa nó nốc rượu say mèm và gục mặt chết ở vũng nước tiểu của mình.

Gom góp họ hàng được gần ba trăm ngàn, tôi tức tốc đạp xe lên cửa hàng huyện, nơi chuyên bán áo quan, xô màn:

- Chị... chị làm ơn...

Chị bán hàng mặt lạnh như tiền:

- Hết rồi bác ạ!

- Kia thầy... - tôi lặng người, rón rén chỉ vào đồng áo quan trước mặt.

Chị ta bảo:

- Cửa quý bốn đây, bác ạ, quý ba bán hết từ ba hôm nay rồi. Tuần sau bác lại.

Tôi kêu lên:

- Trời ơi... có mà đau đẽ chờ sáng giăng...

Thông cảm với bộ dạng nhớn nhác, chán chường của tôi, chị bán hàng nói với giọng thông cảm:

- Thôi, thế này vậy, bác chịu khó đạp xe lên huyện xin chữ ký chứng thực, đề nghị linh động giải quyết, rồi về đây cháu bán cho...

Nhưng rồi thấy tôi cứ đứng lặng, tưởng như đang phải nói chuyện với thầy ma, chị bán hàng gắt:

- Kia, đi đi chứ bác. Quãng chục cây số nữa thôi... Nhưng bác nhớ phải quay về xã viết đơn và xin dấu má thật đầy đủ đây.

Gần sáu mươi tuổi đầu, bao lần đối mặt với cái chết, chưa bao giờ tôi trải qua tâm trạng bực bội và căng thẳng đến mức này... Xếp cả chồng tiền gần ba trăm ngàn, tháo luôn cả chiếc đồng hồ Citizen màu vàng chanh đặt lên quầy, tôi bảo:

- Đây, để làm tin, đề nghị chị linh động giải quyết, chứ sức vóc tôi không đạp nổi ba chục cây số nữa đâu.

- Ấy chết, không được. - chị ta nguây nguây - có chỉ thị của trên rồi. Quý ba này chúng cháu chỉ được phép bán 2000 cái, mà đã vượt mức trên hai chục cái rồi... Khổ sao bác không chịu khó đến từ tuần trước? Sang quý tư cháu hụt chỉ tiêu trên giao thì khốn.

- Thế... - tôi ngỡ ngác -... chị nói... nói thế... có nghĩa là... cháu tôi chết ngoài kế hoạch?

- Vâng, có thể cháu mới yêu cầu bác phải có chứng thực của địa phương và giấy xác nhận của huyện chứ.

Lại còn thế nữa... Như cái xác không hồn, tôi lừ đừ dắt xe ra, đầu như buốt.

Tôi quay điện thoại.

- A lô...

- Gì đây - đầu dây bên kia có tiếng đáp khẽ kèm theo một tiếng găt... Thủ trưởng đi họp rồi.

- Đề nghị... - tôi lớn tiếng

Mặc thái độ nôn nóng của tôi, người bên kia, giọng còn trẻ lắm, lên giọng:

- Đại sự quốc gia bố già ơi... Tuần sau bố quay lại nhá!

- Trời ơi...! - tôi rên lên, tưởng đất dưới chân sụp lở hàng mông.

- Khổ lắm... đã bảo đại sự quốc gia mà lị - giọng anh ta càng lúc càng thêm chót nhả - Bố không chờ được đâu. Mà chờ cũng chẳng để làm gì. Thủ trưởng không giải quyết đâu. Trừ có cái chết.

- Dạ... - tôi đổi sợ thành mừng, líu lười - Chết ạ?... Vâng, thế thì trường hợp này của tôi đúng là chết, chết thật đấy ạ... Cháu tôi...

- Mẹ bố khi - hấn cười khàn khạch - Cháu bố thì liên quan gì đến đây?

- Nhưng... - tôi chưng hửng

- Định hỏi lộ hả?... Bắt cóc thủ trưởng về tận quê ăn cỗ cơ đấy... Dịp khác nhé. Hấn tuyên bố.

Tôi đột ngột nổi cơn lôi đình.

- Không còn dịp nào hết!

- Bố cưới hay thằng cháu bố chẳng hạn?

Nghe tiếng máy xập, tôi thất vọng đạp xe ra về, cảm giác rõ hai đầu gối củ lặc sắp long ra đến nơi.

Đúng giờ ngộ hôm sau mọi ước muốn của tôi rồi cũng được thực hiện (cũng may, cuộc họp chỉ kéo dài... có một ngày). Nhờ sự "ngoài kế hoạch" của thằng cháu, tôi được dịp tham quan một lô phòng ban và nhận diện không biết bao nhiêu "ngài đáng kính". Hoá ra từ cái váy quan liêu để ra lấm ban bệ, chức tước thật. Chả trách thằng cháu tôi chưa kịp nhập hộ tịch đã nóng lòng chui đầu ra khỏi váy để rồi rơi tọt xuống đất đen theo kiểu "ngoài kế hoạch" thế này.

Hộc tốc đưa giấy về nhà tôi mới ngã ngựa... Dưới hàng loạt chữ ký và con dấu đo đờ ở phía dưới là dòng chữ "Đề nghị xem xét lại". Hoặc "Chờ xác minh"... Thì ra vì cuống, vì cái bệnh quên không đeo kính, vì cái đầu u mê, nên khi ở trụ sở công an xã bước ra tôi đã không chịu xem lại, xem thật kỹ cho chắc ăn. Tưởng đơn thuần là giấy chứng thực báo tử, ai ngờ họ còn ghi thêm mấy dòng nghi vấn:

"Chết không rõ lý do. Công an địa phương đang tiến hành điều tra".

Tôi vò đầu, bứt tai, muốn dựng xác cháu lên mà đánh cho hả giận. Cái ngữ nó sống báo hại bố mẹ, chết báo hại chú... Hai ngày trời đạp xe giữa trời nắng chang chang như đổ lửa với sáu bận đi về hơn trăm cây số có ít đâu... trời ơi! Trời có mắt không hả trời? Hay trời cũng mắc bệnh quan liêu nốt?

Nhìn nét mặt chung hững của tôi, thẳng cả kịp hiểu ra tất cả, nó cúi tút thuốc lá và cả bọc chè vài cân vào tay tôi, rồi giục:

- Bố chịu khó quay lại chỗ công an xã, nói khó với các anh ấy, nhờ các anh ấy chứng thực cho.

Bảo họ ghi thật rõ vào. "Đã chết hẳn vì lý do thất tình do uống rượu"...

Chưa đủ, nó còn dặn thêm:

- Dù hoàn cảnh thế nào bố cũng phải giữ bộ mặt cho thật tươi tỉnh cho con nhờ... Chứ như người sắp đưa ma thế kia, bố ai dám nhận chè thuốc của bố?

Lại một ngày đạp xe, châu chực, rút kinh nghiệm, lần này tôi thủ sẵn một bao thuốc trong túi và nụ cười thường trực... trên khoé miệng. Đến phòng ban nào cần chứng thực đóng dấu, tôi lập tức bấm bật lửa tanh tách và... vén môi cười xoè... Cuối cùng một dòng chữ loằng ngoằng nửa giun, nửa đế kiểu... bỏ túc văn hoá lớp 3 của ông chủ tịch huyện cũng phải bỏ ra:

"Chết ngoài kế hoạch. Linh động giải quyết."

Cô bán hàng hôm xưa đã nghỉ. Thay cho cô là một thị trẻ hơn, cong cớn khi nhận xấp giấy từ tay tôi:

- Dấu má gì mà mờ thế này?

- Thì dấu của huyện mà chị!

- Huyện nào. Cháu bảo cái dấu ở giấy báo tử kia.

- Ô hay, cháu tôi chết thật mà chị.

- Biết thật hay giả??... Lần sau bác lưu ý rút kinh nghiệm. Dấu mờ thế này mà còn cầm lên đây là cháu bắt về xã xác minh lại đây.

- Ô...

Vẫn biết tất cả sự lo lắng quan tâm cho sự ra đi của người đã chết chỉ có tác dụng an ủi với người sống. Còn "cát bụi lại trở về với cát bụi". Song "nghĩa tử là nghĩa tận". Tôi cố gắng chọn lấy một cái áo quan đẽo đẹp, không nứt, không vênh, không hụt quá hoặc to quá. Khổ một nỗi đồng gỗ hòm này quá dở. Không chứng nọ cũng tật kia.

Chị bán hàng thấy tôi có vẻ phân vân, phát bực:

- Thôi, bác ôm nhanh hộ cháu một cái đi. Còn nhiều thủ tục phải giải quyết lắm đây!

- ? vâng, - tôi vội vàng cầu cứu - Chị duyệt cho tôi ít xô màn tiêu chuẩn.

- Bác ra đầu phố mà mua. Hay chữa, đã "chết ngoài kế hoạch" còn đòi duyệt xô màn trong tiêu chuẩn.

Há miệng mắc quai, tôi đành chữa thẹn:

- Thôi được, chị cho tôi nộp tiền thuê xe.

- Chỉ xe tang thôi đấy bác nhớ. Công tác phục vụ tang lễ đã hoàn thành kế hoạch quý ba rồi, tất cả xe khách bây giờ được trên huy động vào đám cưới để làm kế hoạch ba hết. Mùa này là mùa cưới mà.

Run run cầm tấm hoá đơn thuê xe trên tay, tôi khật khưỡng đạp về nhà. Thằng cả bàn:

- Bố cứ ra công ty xe khách mà thuê. Những năm, sáu trăm người cơ mà. Phần lý do thuê bố cứ ghi đại là "đám cưới".

- Đồ...

Tôi trợn mắt, chưa kịp quát nó đã cười ngoác miệng chữa thẹn:

- Thì đang mùa cưới mà bố. Lên tận đây mà nói lý do: thuê xe tang cho đám ma. Bố ai người ta dám...

Nhìn dòng chữ nguệch ngoạc "10 giờ sáng 25/8" trên hợp đồng, tôi giật thót mình:

- Ấy chết, bác linh động cho. Gia đình tôi nhớ đã ba bốn hôm nay rồi, nóng nực thế này....

- Thì "ngoài kế hoạch" mà bác, Hợp đồng chúng em kín cả rồi, nể bác lắm đây, nhưng mà chịu...

Thôi chịu khó chờ mấy hôm vậy, bác ạ. Có tốn kém thêm một chút, nhưng vui vẻ. Cả đời mới có một lần ấy mà. Nóng nực sợ thiu bác cứ quăng hết vào tủ lạnh là khỏi lo... Có ê ẩm nữa, bác cứ quay lại đây, anh em cánh xé chúng em xài giúp... Nhồi vào "tủ nóng" còn tốt hơn tủ lạnh đây bác ạ.

Dở cười dở mếu tôi quay trở lại nhà.

Công việc liệm thi hài bắt đầu. Thay vì những tiếng thút thút, nỉ non, ai oán và lén giờ tay áo lên quệt nước mắt, người ta lẩm bẩm chửi lũ ruồi nặng chết tiệt và lén giờ tay... bịt mũi, xua ruồi. Chiếc quan tài đem đẹp tôi đã mất công chọn cả buổi sáng hoá ra quá chật so với thi thể người quá cố. Một phần vì thi hài "nóng nở ra", phần khác vì sản phẩm của công ty là "ngoài kế hoạch", nên những người gia công đóng hòm đã cố gắng tận dụng cả chiều rộng lẫn chiều dài tấm ván. May mà đặt được cháu nằm nghiêng.

Chết đâu phải đã hết. 10 giờ sáng, quang cảnh nhà anh chị tôi hệt như một đám "hát bội". Nửa bụng mặt khóc, nửa bụng miệng cười. Hai chàng tài xế văng tục chửi um. Thực hiện đúng hợp đồng, chàng Công ty xe khách vòng vo tìm nhà. Quay ra quay vào mấy lần thấy vẫn đúng số nhà ghi trên hợp đồng, nhưng không phải đám cưới mà là đám tang. Biết bị "ăn quả lừa" chàng ta làm toáng lên, một hai đòi huỷ hợp đồng. Chàng xe tang (dù đã được lót tay trước bao thuốc, chai rượu), nhân cơ hội cũng khăng khăng đòi huỷ hợp đồng luôn vì đã quá quy định những... bốn ngày. Chỉ khổ cho anh chị tôi, khóc con năm sáu ngày đã cạn kiệt cả nước mắt rồi, trước tình cảnh "không khóc không xong với chúng nó" này, đành phải chạy ra nỉ non, khóc lóc, hứa hẹn "bồi thường đâu ra đó", nghe chừng tang thương hơn cả lúc khóc con.

Hai xe bon bon trên đường tới khu vực cổng nghĩa trang, cả mấy trăm con người đã quên dần "cõi thế", hướng cả vào cõi âm. Trạm dừng cuối cùng của mọi số kiếp sang hèn, đói khổ. Bỗng có tiếng quát giạt giọng:

- Dừng lại!... dừng lại!

Anh lái xe khách khựng người trên vô lăng, cặp mắt đảo tứ phía, miệng lẩm bẩm:

- Lại chuyện gì nữa thế này?

Tôi giật mình, trước khi nhảy xuống phòng bảo vệ nghĩa trang còn kịp đổi đổi mắt về phía trước, nơi chiếc xe tang đã mất hút trong lòng nghĩa trang...

Trên xe đám đông hốt hoảng, nhón nháo. Sẵn kinh nghiệm trong một tuần phục dịch, tôi... vén môi nở nụ cười thường trực và đánh bật lửa tanh tách... Hoá ra trăm sự tại cái chữ... hỉ này. Thật khỉ gió cái nhà anh tài. Xe đưa tang mà dám dán kín cả các hình thù nhảy nhót điên loạn, lại còn trưng cả cái chữ hỉ to bằng... mà bố thằng ăn mày ngay đầu xe nữa. Có chết cha con người ta không?

Tài hùng biện, bao thuốc loại sang và chiếc bật lửa "bỏ quên" đã phát huy tác dụng. Chiếc thanh chắn từ từ được nâng lên, anh tài tăng hết ga đâm đánh xầm vào đít xe tang trước mặt.

Tôi cúi đầu, theo mọi người chui ra khỏi xe, cố nén một tiếng thở phào nhẹ nhõm. Bỗng từ đâu anh tôi chạy lại, như hiện về từ thế giới bên kia. Mặt xanh mét, líu cả lưỡi. Khổ thân tôi không. - anh nói - Cháu nó chưa có hộ khẩu, người ta bảo không được phép chôn ở đây.

Sau lưng tôi đám đông biến thành cuộc biểu tình, cãi cọ, giằng co, la ó. Mấy bà cô hờ:

- "Ôi cháu ơi... biết chết khổ, chết nhục thế này thì tội gì cháu chết cháu ơi!"

Chàng lái xe tang tức khí mở toang cửa, đuổi hết mọi người xuống, rú ga, lùì sát đít xe đưng áo quan vào tận cửa văn phòng, rồi nhảy xuống, vắng tục:

- Mẹ chúng mày. Không để yên cho ông đi, ông khênh quan tài vào giữa văn phòng cho mà ngủi. Lúc nào ngán thì tự chôn. Xem chúng mày có dám ăn thịt nó không?

Nhìn theo dáng điệu tự tin của thằng cả nhà tôi đi vào phía trong, tôi thở ra một hơi nhẹ nhàng.

Đúng nửa tiếng sau, nó quay ra bám tôi: "Xong rồi... Bó tưởng nhập khẩu cho người chết dễ hơn người sống chắc?..."

Nó dúì vào tận mặt tôi tám thẻ mộ: Lô 38, khu II, số mộ 1078... Rồi lên giọng giảng giải: Bớ ơi, đồng tiền đi trước bao giờ cũng khôn, bố ạ. Tháng trước con đưa ông bạn con ra đây, gia đình lóng ngóng không biết đường lo lót chu đáo, cho nên phải vào nằm trong khu nghĩa trang làm phúc. Ở đây toàn tứ cố vô thân, chết đường, chết chợ cả thôi bố ạ. Người ta lại vừa bốc mộ xong, nước ngập trắng xoá, dệp nhựa, giẻ rách, mảnh áo quan không tan rửa được nổi lên phềnh kín mặt hồ. Thật đúng là thế giới của người chết nghèo... Vừa nãy con phải nhờ "Bác" ba lần đưa đường chỉ lối(!) chúng nó mới chịu cho anh ấy được ra ở lô II này đây, ngay gần khu các vị lãnh đạo.

Hoá ra, trong thế giới vĩnh hằng của người đã chết đẳng cấp vẫn còn phân biệt, quy luật giá trị vẫn còn tác oai tác quái.

... Đúng nghi lễ của người Việt Nam, chiều hôm ấy anh chị tôi làm com cúng ba ngày, mời bạn bè, họ hàng và người đưa tiễn ở lại thấp nén nhang để cùng tưởng nhớ tới

người đã khuất. Trong vòng khói nhang nghi ngút, tôi rợn người khi nghe thấy tiếng khóc thút thít của cháu.

- Làm sao? - tôi thì thầm hỏi cháu tôi - Cháu làm sao?

- Cháu khổ quá chú ơi!

- Biết rồi! Khổ, chết ngoài kế hoạch thì sướng làm sao được!

- Biết thế này thà cháu sống mang tiếng là thằng ăn tàn, phá hoại cho xong.

- Thôi, dẫu sao mọi việc cũng qua rồi. Cháu bây giờ yên ấm dưới suối vàng.

- Chưa qua đâu chú ơi... Hu...hu... hu, cháu không nằm ngừa được... hòm chật quá! Mà sao khi đắp mộ cháu chú không "chi đẹp" cho mấy thằng phu mộ để chúng nó trùng phạt cháu, đắp điểm qua loa, ầu không chịu được, để đến nỗi bây giờ suốt dọc sông lung và phía dưới chân cháu đất sụt từng mảng, hờ toác hoác. Gió nghĩa trang lồng lộng, lạnh buốt sống lưng, chú ơi... hu... hu...

Tôi đâm bỏ đến chỗ thằng cả đang ngồi "chén chú chén anh", lúi xềnh xệch nó đi trước con mắt ngơ ngác của cả nhà:

- Đi! Ra ngay nghĩa trang với tao. Chỉ có mày đi tao mới yên tâm. Sau này bố có làm sao, nhớ là bố chỉ trông cậy vào một mình mày thôi đây, con ạ... Trời ơi! Chết mà còn khôn nạn khôn khổ thế này sao?!!

Sấp người chạy ra chỗ dựng chiếc xe đạp cà tàng, thằng cả bảo:

HUỶNH ÁI TÔNG

- Bố ơi, đến lượt bố, bố nhớ phải chết trong kế hoạch đây nhớ, cho chúng con nhờ, chứ ngoài kế hoạch thế này, khổ lắm...

(Hà Nội cuối 1986)

Nhà văn Chu Tất Tiến trong bài *Viết về sách của Trần Khải Thanh Thủy*, ông đã viết:

Văn của Trần Khải Thanh Thủy đầy tiếng cười, nhưng lại ngập tràn nước mắt. Tuy thế, những bông hoa yếu ớt kia vẫn kiên cường chiến đấu bằng mấy cái gai nhọn lưạ thưa, những cánh bướm kia cố gắng các động tác đập, vẫy cuối cùng trước khi chịu nằm im. Thà tan nát xác mình nhưng không cho kẻ ác thỏa mãn nhìn ngắm mình nguyên vẹn. Đọc văn của Thanh Thủy, tôi tưởng như nhìn thấy một bé gái đang bị côn đồ nắm tóc giật tai, nhưng vẫn cố gắng chiến đấu, bằng hàm răng nhỏ bé, bằng nắm đấm không hơi

Tài liệu tham khảo:

- Trần Khải Thanh Thủy Web: vi.wikipedia.org
- *Chết ngoài kế hoạch* Web: music.vietfun.com

Cùng soạn giả:

- Văn học Miền Nam (1623-1954)
- Văn học Miền Nam 1954-1975
- Hai mươi năm Văn học Miền Bắc 1954-1975

Hiên PHẬT HỌC
2014